



Cuốn Đồ Lệnh Dừng với bìa sau là tấm ảnh bà mẹ chờ tin con, đã biểu tình tại Hoa Kỳ. Đó là thân mẫu Trung Úy Dững

(Sách gồm 14 Chương) (Lê Thy đánh máy)



Westminster (VB – 12.2006) .– Nhà xuất bản Tiếng Quê Hương (do ký giả kỳ cựu Uyên Thao điều hành) vừa in xong cuốn truyện ký của tay viết ký sự tiếng tăm Lê Thiệp, cuốn ĐỒ LỆNH DỪNG, sắp ra mắt độc giả Little Saigon nay mai.

Tựa sách lấy tên nhân vật chính của truyện, là một nhân chứng thời đại có thật, kể chuyện thực. Cựu trung úy Dững từng là tùy viên Tỉnh Trưởng Phước Long, tình nguyện ra tác chiến, cùng đồng đội quyết chiến đến phút cuối cùng của quận Đôn Luân thất thủ, bị bắt làm tù binh. Thời

điểm đó đã khởi đầu của chuỗi ngày lặn đạn dài ngót ba mươi năm sau mới sum họp với cha mẹ tại Hoa Kỳ.

“Sách được xây dựng trên cuộc đời có thật, dữ kiện thật, nhưng đây không phải là cuốn tự truyện”, theo như lời tác giả, tức nhà báo Lê Thiệp nói trong cuốn **ĐỒ LỆNH DỮNG** dày 416 trang, in thật đẹp với bìa cứng có thêm “cover” do họa sĩ Từ Phong trình bày.

“Đồ Lệnh Dững không chỉ là câu chuyện chiến tranh... Đây là câu chuyện về những oan khiên khắc nghiệt mà người dân VN phải trải gần trọn thế kỷ qua cho đến ngày nay. Nhân vật chính già từ cha mẹ khi tròn 18 tuổi và lúc được gặp lại thì đã gần tới tuổi... ngũ tuần. Thời gian xa cách là lửa đạn, là những ngày lê gót trên con đường mòn Trường Sơn từ nam ra Bắc, là những năm tháng đọa đầy tại các trại tù...” theo nhà xuất bản cho biết trong sách truyện ký sự nhân vật này.

Nhà xuất bản Tiếng Quê Hương từng xuất bản nhiều sách giá trị như *Thân Phận Ma Trơi*, *Giữa Đêm Trường* của Nguyễn Thụy Long, *Sống Chết Ở Saigon* của Hoàng Hải Thủy, *Nhận Định Tổng Hợp Hồ Chí Minh* của Minh Võ, *Trắng Trên Đen* của Vũ Thư Hiên, thơ Mai Trung Tĩnh, *Vương Đức Lệ*, .v.v.

Còn tác giả Lê Thiệp dạo thanh niên, là phóng viên nhật báo Chính Luận, và có tiếng về các bài viết ký sự nhân vật cho các nhật báo khác. Một phần đời của ông có thuật trong cuốn *Chân Ướt Chân Ráo* cũng của nhà xuất bản này. Trong số báo Xuân Việt Báo năm rồi, ông có bài ký sự *Ăn Phở Hà Nội*, với văn phong dí dỏm và trào lộng nhẹ nhàng, hồn nhiên.



ĐỒ LỆNH DỮNG: NGƯỜI KHÔNG MUỐN LÀM ANH HÙNG

- Vũ Ánh -

“Tối hôm đó, khi đã khép cánh cửa phòng lại, tôi nhìn vào tấm bảng tuyên dương với chữ ký của nhiều vị chức sắc trong quân đội Mỹ lòng băng khuâng.

Tôi nhìn Thu buột miệng:

– Anh đâu có muốn làm anh hùng.

Vợ tôi cười:

– Thế anh muốn làm anh gì?

– Anh chỉ muốn làm anh hiền. Anh chỉ muốn một đời sống giản dị, bình thường, không bắn giết, không súng đạn. Ước ao đó từ hồi nhỏ, nhưng rồi cả đời anh là chiến trận, là tù đầy, là khổ nhục. Làm anh hùng để làm gì?

Vợ tôi ôm tôi, ghé tai nói rất khẽ:

– Anh là anh hùng của riêng em”.

(Trích trang 387 – “Đỗ Lệnh Dũng” của Lê Thiệp)

Tôi trích đoạn kết thúc truyện ký “Đỗ Lệnh Dũng” của Lê Thiệp, do nhà xuất bản Tiếng Quê Hương mới ấn hành ở miền Đông Hoa Kỳ. Nói cho ngay đây chẳng phải là một câu chuyện viết về chiến tranh Việt Nam với những hư cấu được đặt vào trong những năm cuối của cuộc chiến này. Không, đây là câu chuyện thật, hoàn toàn thật cả người lẫn cảnh, một hồi ký của cựu Trung Úy Đỗ Lệnh Dũng, người lính đã từng trải qua trận đánh khốc liệt nhất ở Đồng Xoài, trận mở màn dẫn tới thảm kịch ngày 30 Tháng Tư, 1975.

Dĩ nhiên, trận Đồng Xoài cũng phải là một khúc quanh đẩy người lính này vào một đoạn đời dài hun hút những tù đầy và khổ nhục. Đỗ Lệnh Dũng chấp nhận đoạn đời đó không một chút than van. Có lẽ sự thanh thản giữa khổ đau giúp anh không bị nhận chìm bởi cơn lốc chiến tranh, đổi thay và lưu đầy. Những ai hy vọng đọc tác phẩm “Đỗ Lệnh Dũng” của Lê Thiệp để tìm thấy nhân dáng của một cầm súng gào thét bắn giết, một người cầm súng với ý thức hệ Quốc-Cộng rõ rệt, một người cầm súng biểu hiện được ý thức hệ phe mình chắc chắn sẽ thất vọng. Ở trong truyện ký “Đỗ Lệnh Dũng” của Lê Thiệp, người đọc chỉ tìm thấy nhân vật chính là một quân nhân hồn nhiên với ước mơ giản dị, nhưng lại đầy bản lĩnh giữa sóng gió của chiến tranh, ngay cả lúc thất bại và trong đời tù khắc nghiệt từ trước khi chiến tranh kết thúc. Trung Úy Đỗ Lệnh Dũng đã chiến đấu dũng mãnh vào những ngày cuối cùng của Đồng Xoài, đã sống hết lòng với những đồng đội trên đường rút lui và bị cộng quân chặn đánh, rĩa ròi. Trong hoàn cảnh khốn cùng nhất trước khi ngã ngựa, ông vẫn là một người chỉ huy bao dung, đầy tình người và tình đồng đội.

Đối với cá nhân Trung Úy Đỗ Lệnh Dũng và một số đồng đội của ông, chiến tranh không kết thúc vào ngày 30 Tháng Tư 1975 mà đã kết thúc ngay vào lúc ông bị bắt làm tù binh khi cố gắng chỉ huy nhóm tàn quân theo ông tìm đường về Phú Giáo, nơi ông hy vọng còn có những đơn vị Việt Nam Cộng Hòa. Rồi ông trở thành tù binh chiến tranh, bị đưa ra Bắc, gặp lại những đồng đội cũ trong nghịch cảnh: các trại tù cải tạo mọc lên như nấm ở miền Bắc lúc bấy giờ để đầy nhốt hầu như toàn bộ những cấp chỉ huy của quân đội, chính quyền miền Nam. Sống trong các trại tù ở miền Bắc, có lúc Đỗ Lệnh Dũng bị trả thù, bị đối xử tàn tệ, nhưng ông đã chấp nhận với sự bình thản. Chiến tranh đã chấm dứt, chúng tôi ở phe thua, người thắng muốn đối xử với chúng tôi ra sao thì tùy. Cách nhìn kết quả của một cuộc chiến như vậy giúp tù binh Đỗ Lệnh Dũng vượt lên trên được những khắc nghiệt và giữ được cho trái tim mình luôn luôn còn biết rung động. Khi trái tim còn biết rung động, Dũng nhìn những gì xảy ra trong các trại tù một cách công bằng hơn, bao dung hơn. Trên hết, sự công bằng và bao dung của người tù binh này đã làm cho những kẻ dùng đòn thù để đối xử với ông và những người khác trở thành những người thật yếu hèn vì rõ ràng,

họ không còn niềm tin vào con người nữa...

Vì sao mà Đỗ Lệnh Dũng có được cái bản lĩnh đó? Khi đọc hết 387 trang hồi ký được Lê Thiệp dùng ngòi bút thuật sự để vẽ lại cho đúng nhân dáng của nhân vật chính và bối cảnh lúc đương thời, người ta có thể tìm ra câu giải đáp: “Anh không muốn làm anh hùng. Làm anh hùng để làm gì?” Nhưng chính trong cách sống khi chàng thanh niên này phải ở lính, cách sống khi chàng thanh niên này ở tù, cách sống khi anh được thả ra từ trại tù về một xã hội đang tan nát và nhầy nhụa của Sài Gòn... đã giúp Đỗ Lệnh Dũng tìm lại cho mình một ốc đảo của hạnh phúc riêng tư, vẫn nhìn đời bằng trái tim mở rộng, vẫn thấy tình cảm quyến luyến Việt Nam ngày càng sống dậy mãnh liệt trong ông, dù rằng những người đang cầm quyền vẫn còn những hành động vùi dập Việt Nam một cách không thương tiếc.

Trong truyện ký, Đỗ Lệnh Dũng không phủ nhận gốc gác của ông là từ một gia đình có thế lực, bố mẹ đều làm việc với người Mỹ trên đất Mỹ từ năm 1964. Ông có rất nhiều điều kiện và hậu thuẫn để hưởng những ân huệ là thoát khỏi cuộc chiến. Học trường tây và đúng vào lúc chiến tranh đang lan rộng sau cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân của Việt Cộng là lúc ông đang học luật thì bị gọi vào quân ngũ theo tổng động viên. Dù chưa bao giờ Dũng nghĩ đến chuyện chọn con đường binh nghiệp, nhưng một khi đã là “tài nguyên quốc gia” ông không chống lệnh gọi đi phục vụ dưới cờ. Tốt nghiệp khóa 3/68 trường Bộ Binh Thủ Đức, ông cũng chẳng chạy chọt vào các đơn vị chuyên môn hay vào những vị trí phi tác chiến ở hậu phương. Ai sao mình vậy, Dũng không đòi bất cứ ưu quyền nào. Thế rồi cũng như hàng trăm ngàn thanh niên khác trên khắp nẻo đường đất nước, Đỗ Lệnh Dũng lao vào chiến trận, bị thương hai lần. Khi ở lính cũng vậy, với ảnh hưởng của gia đình, Dũng có thể xin ngồi vào một nơi nào đó mà súng đạn không đụng tới được. Nhưng ông đã không làm thế. Ngay cả khi ông được gọi về làm tùy viên cho tỉnh trưởng Phước Long, Dũng chỉ huy một thời gian ngắn ở chức vụ này rồi lại xin ra tác chiến, trở lại súng đạn cùng các đồng đội của mình.

Đúng vào lúc Dũng đang yên ổn mọi bề với súng đạn và chiến trận thì ông bị gọi về Sài Gòn để chuẩn bị lên đường viếng thăm gia đình ở Hoa Kỳ do cuộc vận động của Sam Graves, một cố vấn Mỹ của Đại Đội Quyết Tử tỉnh Phước Long. Người sĩ quan Mỹ này đã được Dũng cứu mạng một lần trong cuộc đụng độ với Việt Cộng tại Phước Lộc, tỉnh Phước Long và sau đó hai người trở thành bạn thân. Hết nhiệm kỳ Sam Graves trở về Mỹ. Đầu 1975, Sam Graves đã vận động ở một cấp rất cao trong quân đội Hoa Kỳ để Dũng được sang Mỹ thăm gia đình coi như hành động biểu lộ tình bạn. Do nỗi nhớ gia đình dày vò, lần này Dũng chấp nhận sang Hoa Kỳ gặp bố mẹ. Ông có linh cảm lần ra đi này, sẽ không trở lại Việt Nam nữa. Nhưng tình đồng đội khiến ông trở lại Đồng Xoài để từ giã cấp chỉ huy và những bạn lính trong đơn vị. Dũng ở lại Đồng Xoài mấy ngày trong lúc tình hình quân sự đã bắt đầu có dấu hiệu nguy khốn. Một người bạn về phép nhờ Dũng chỉ huy đơn vị vài ngày. Trung Úy Đỗ Lệnh Dũng, người sắp rời khỏi Việt Nam lại nhận lời và đây chính là một khúc quanh đầy giông bão của ông. Cộng Sản Bắc Việt đánh Đồng Xoài, mở

màn cho cuộc tổng công kích và cũng mở màn cho tấn bi kịch cho dân tộc Việt Nam, trong đó có Đỗ Lệnh Dũng.

Tôi có may mắn là được Lê Thiệp đưa cho đọc bản thảo cuốn truyện ký Đỗ Lệnh Dũng và biết được rằng Lê Thiệp đã rất thận trọng khi viết truyện ký này. Khi viết truyện ký bằng lối văn thuật sự có nghĩa là khi viết phải hết sức bình tĩnh, cân nhắc để gạt bỏ mọi loại cảm tính có thể làm ảnh hưởng không tốt hay làm méo mó những gì mà nhân vật chính mô tả lại. Bức tranh của ngòi bút thuật sự phải giữ được nguyên bản những gì đã từng xảy ra, không bóp méo, không cường điệu, không vẽ rắn thêm chân. Là một nhà báo tiếng tăm từ thời còn rất trẻ ở Việt Nam giữa thập niên 1960, Lê Thiệp cũng trải qua nhiều biến cố chính trị trong đời viết báo của mình. Vượt biên sang Hoa Kỳ, cầm bút một thời gian ngắn rồi nhảy vào kinh doanh và thành công. Nay Lê Thiệp đã về hưu và trở lại với viết lách. Ông viết lại những gì do Dũng kể lại như một bản phạn và nhu cầu phải ghi lại cuộc đời của người lính này một cách chân thực và không vướng một chút thù hận nào. Dũng cũng muốn như thế bởi vì trái tim ông cho đến nay vẫn là trái tim chân thực và hào phóng tình người.

Quân đội Hoa Kỳ đã tuyên dương ông như là anh hùng của họ. Dũng cảm động nhưng ông đón nhận bằng tuyên dương chỉ như một cử chỉ đẹp đối với Sam Graves và những người bạn Mỹ khác nay đã lên tới hàng ngũ tướng tá quan trọng trong quân lực Hoa Kỳ. Đỗ Lệnh Dũng chỉ muốn là người lính bình thường, hết chiến tranh trở về, lập gia đình sống hạnh phúc với Thu, kết quả của một mối tình thật đẹp ngay trong thời gian Dũng còn trong tù đầy. Chiến tranh đã chấm dứt, bây giờ người cựu binh này, cựu Trung Úy Đỗ Lệnh Dũng đang được sống riêng với cái thế giới yên bình và hạnh phúc mà ông từng mơ ước.

Truyện ký Đỗ Lệnh Dũng của Lê Thiệp là một câu chuyện có hậu, phần thưởng cho tất cả những ai vượt qua và vượt lên trên được cơn lốc của thời đại chúng ta. Liệu có thể gọi đây là một thông điệp cho thế hệ đồng trang lứa với Đỗ Lệnh Dũng khi chiến tranh chấm dứt?

Vũ Ánh

06 tháng 12, 2006



VÀI CẢM NGHĨ KHI ĐỌC “ĐỖ LỆNH DŨNG”: LIỆU “CUỘC CHIẾN CŨ” CÓ LÀ TIỀN KIẾP?

- Đào Trường Phúc -

Giữa năm 2004, một truyện dài ký sự của Lê Thiệp, với tựa đề **“Chuyện Người Đỗ Lệnh Dũng”**, được khởi đăng hàng tuần trên Hoa Thịnh Đốn Việt Báo. Mãi đến cuối năm 2006, truyện ký này mới được xuất bản thành một cuốn sách hơn 400 trang, và tựa đề được cắt gọn lại, chỉ còn cái

tên “**Đỗ Lệnh Dũng**”, tên của nhân vật chính, một người có thật và đang còn sống.

Nhưng **Đỗ Lệnh Dũng** không phải là nhân vật nổi tiếng ở ngoài đời vì có một quá khứ lừng lẫy trên chính trường hoặc vì từng giữ một vai trò đặc biệt nào đó trên chiến trường, như những vị chính khách hoặc tướng lãnh đã xuất bản hồi ký hoặc viết lại các dữ liệu về cuộc chiến tranh Việt Nam. Ông chỉ là một sĩ quan cấp trung úy của quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Đầu thập niên 90, ông cùng gia đình qua Mỹ theo chương trình H.O. dành cho các cựu tù nhân Cộng sản, và định cư tại tiểu bang Virginia.

Lần đầu tiên kể viết bài này nghe biết tên **Đỗ Lệnh Dũng** là lúc ông cùng một nhóm thân hữu thành lập Hội Nhiếp Ảnh Việt Nam vùng Hoa Thịnh Đốn, mở lớp dạy miễn phí cho những người yêu nghệ thuật nhiếp ảnh. Và tôi còn nhớ lần đầu tiên gặp ông, nhân một buổi ông đến lớp nhiếp ảnh, tại Trung tâm Sinh hoạt Đa văn hóa Willston ở Falls Church. Hôm ấy chúng tôi đứng tán gẫu một lúc ở cổng ngoài. Dĩ nhiên ông già hơn nhiều so với tấm ảnh mang lon trung úy in trong tựa đề “Chuyện Người **Đỗ Lệnh Dũng**” đang đăng trên báo, nhưng những nét chính trên khuôn mặt thì không khác. Ông nói chuyện hiền lành, nhỏ nhẹ, đôi lúc chỉ góp chuyện bằng một nụ cười hóm hỉnh nhẹ nhàng. Tuy không phải là một học viên của ông, tôi có thể hiểu tại sao các học viên lớp nhiếp ảnh quý mến ông và thích nói chuyện với ông. Tôi vẫn còn giữ nguyên những ấn tượng và thiện cảm ấy, về con người **Đỗ Lệnh Dũng**, khi đọc chương dẫn nhập cuốn truyện ký của Lê Thiệp và lời giới thiệu nơi bìa sách (của nhà xuất bản Tiếng Quê Hương):

“Đúng nửa đêm 24/11/1974, trái đạn 82 ly đầu tiên rót vào trong vòng đai chi khu Đôn Luân (tên chữ của quận lỵ Đồng Xoài).

“Hai trung đoàn của Sư Đoàn 7 CSBV với đại pháo và chiến xa T-54 yểm trợ áp dụng chiến thuật tiền pháo tập trung, hậu xung tứ diện, quyết nuốt chửng căn cứ nhỏ bé này càng nhanh càng tốt. Đồng Xoài chống trả suốt 10 ngày không hề được tiếp viện và đã bị tràn ngập vào rạng sáng 7/12/1974.

“Trận Đồng Xoài đã mở đầu cho một chuỗi biến cố quân sự khiến Việt Nam Cộng Hòa bị xóa tên. Trận đánh này cũng đẩy trung úy **Đỗ Lệnh Dũng** vào một quãng đời khác hẳn với những gì anh đang ước mơ...”

“...**Đỗ Lệnh Dũng** không chỉ là câu chuyện về chiến tranh, dù nhân vật chính là một chiến binh mất tích giữa chiến khu D sau một trận đánh dữ dội.

“Đây là câu chuyện về những oan khiên khắc nghiệt mà người dân Việt Nam phải trải gần trọn thế kỷ qua cho đến ngày nay. Nhân vật chính già từ cha mẹ khi tròn 18 tuổi và lúc được gặp lại cha mẹ thì đã gần tới tuổi ngũ tuần. Thời gian xa cách là lửa đạn, là những ngày lê gót trên con đường mòn vượt rừng núi Trường Sơn từ Nam ra Bắc, là những năm tháng đọa đầy tại các trại

tù...”.

Cần mở một dấu ngoặc để ghi chú: Vì chi khu Đồng Xoài thất thủ ngày 7 tháng 12 năm 1974 và Đỗ Lệnh Dũng bị bắt làm tù binh khoảng một tuần sau đó, nên đoạn đời tù của ông bắt đầu trước ngày định mệnh 30/4/1975 của toàn miền Nam mấy tháng trời. Sau khi bị giam cầm, bị đấu tố trước “tòa án nhân dân”, ông bị đưa ra Bắc bằng đường bộ, và vào trại “tù cải tạo” Yên Bái cho đến năm 1984 mới được phóng thích.

Hơn 400 trang sách – trong đó từ chương 1 đến chương 6 là ký ức về đời lính, từ chương 7 đến chương 12 là ký ức về đời tù – tuy dùng hình thức tự truyện nhưng lại được tác giả Lê Thiệp khẳng định không phải là cuốn “tiểu sử” của nhân vật chính, được viết ra chỉ để diễn tả “thảm trạng một con người bị tước đoạt trọn vẹn tuổi trẻ, tình yêu, gia đình và mọi điều kiện an bình của cuộc sống”. Cuộc chiến tranh kéo dài một phần tư thế kỷ đã tạo ra biết bao nhiêu con người cùng trải qua thảm trạng như thế. Vậy thì tại sao lại là “Chuyện Người Đỗ Lệnh Dũng”? Đọc xong cuốn sách, người đọc có thể cảm thấy rằng, với lối viết bình tĩnh, chừng mực, sáng sủa của một nhà báo từng dấn thân đến vùng lửa đạn để viết phóng sự chiến trường, Lê Thiệp đã “chọn” Đỗ Lệnh Dũng như một nhân vật đặc biệt – nhưng không phải là nhân vật điển hình – để ghi lại một số hình ảnh sống thực của những ngày tháng đầy máu và nước mắt trên quê hương Việt Nam, những ngày tháng mà cả nhân vật chính lẫn tác giả cuốn truyện đều có mặt, dù trong hoàn cảnh và khung cảnh khác nhau, và đều giữ lại những ký ức khó xóa nhòa.

Ghi lại những ngày tháng ấy để làm gì nhỉ? Để trút ra hết trên mặt giấy những ký ức mà nhân vật chính cũng như tác giả cuốn truyện dù có muốn “cố quên để còn nhìn được về phía trước” vẫn không thể nào quên cho nổi? Hay để gửi đi một thông điệp như trên bìa trong của cuốn sách đã viết: “Nhân vật chính nhắc lại quá vãng bi đát của bản thân như một thoáng đời bình thường để chia sẻ các dữ liệu thực tế với mọi người — mà theo người viết, đã cho thấy trong mọi nghịch cảnh luôn tồn tại một nét đẹp truyền thống từng giúp người dân Việt Nam vượt qua mọi thử thách gian nan”?

Nét đẹp truyền thống ấy phải chăng là chất nhân bản của dân tộc Việt Nam, thể hiện trong những con người như Đỗ Lệnh Dũng, hiền lành, bình thản trong mọi hoàn cảnh, và khi hồi tưởng về quãng đời đã sống, dù có những giai đoạn cay đắng nghiệt ngã đến mấy đi nữa, cũng vẫn là “cách hồi tưởng hồn nhiên, chân thực không vương chút oán hờn”. Nếu hơn 400 trang sách được viết ra để nói lên bản chất của những con người Việt Nam như thế, thì có thể kể là tác giả đã thành công. Từ chiến trường lửa đạn mịt mù cho đến những năm tháng tù đầy khổ nhọc đều chỉ được nhắc lại như từng trang ký ức ngậm ngùi, chứ không phải như một nỗi ám ảnh day dứt. Và ngay cả đến một thành tích đầy vinh dự mà nhân vật chính có được sau bao nhiêu bão táp của cuộc đời, cũng chỉ được diễn tả như một chuyện tình cờ. (Đầu thập niên 70, sau khi cứu mạng đại úy cố vấn Sam Graves trong một trận chiến, trung úy Đỗ Lệnh Dũng đã nói với nhân viên tòa đại sứ

Mỹ rằng chuyện ấy “không có gì ghê gớm, vì đó là bổn phận của tôi, và hơn nữa vì chính mạng sống của tôi và binh sĩ dưới quyền”. Nhưng người sĩ quan Mỹ vẫn nhớ mãi đến ân nhân, và hơn hai mươi năm sau, trong buổi lễ giải ngũ của đại tá Sam Graves tại Liên Đoàn Yểm Trợ 88 ở Indiana, trung úy Đỗ Lệnh Dũng được mời lên nhận bằng tuyên dương “Anh Hùng Mỹ Quốc” (American Hero Award) vì “hành vi vô vị lợi, sẵn sàng đem mạng sống của mình ra bảo vệ đất nước Việt Nam, nêu cao truyền thống bất khuất của quân lực Việt Nam Cộng Hòa và cũng là của quân đội Hoa Kỳ”. Sau buổi lễ, người được tuyên dương nhỏ nhẹ tâm sự với vợ: “Anh đâu có muốn làm anh hùng... Anh chỉ muốn một đời sống giản dị, bình thường, không bắn giết, không súng đạn. Ước ao đó từ hồi nhỏ nhưng rồi cả đời anh là chiến trận, là tù đầy, là khổ nhục. Làm anh hùng để làm gì?”)

Niềm ước ao của nhân vật Đỗ Lệnh Dũng xem chừng cũng chẳng mấy khác biệt với niềm ước mong của tác giả Lê Thiệp, khi viết trong lời bạt cuốn truyện ký: “Tác phẩm này trước hết nhằm ghi lại một số hình tượng sống trong một giai đoạn tràn ngập thảm cảnh của người dân Việt Nam, và kế tiếp để dành tặng Mai và các con với ước mong một ngày nào đó cả nhà sẽ có thể về lại quê hương sống như một gia đình Việt Nam bình thường”.

Những mơ ước như thế không khỏi khiến người đọc nhớ đến một bài thơ của Cao Tần.

Giữa thập niên 80, trong lúc làn sóng vượt biên vẫn tiếp tục đổ ra biển Đông và những đoàn “tù cải tạo” vẫn tiếp tục bị chuyển từ trại giam này qua trại giam khác trên ba miền đất nước, thì ở Hoa Kỳ, nhà thơ Cao Tần đã viết những bài thơ diễn tả tâm trạng người tỵ nạn tha hương, mỗi câu thơ như vừa thấp thoáng một nụ cười vừa ẩn chứa một giọt lệ, nhưng bài nào cũng chứa chan tinh thần nhân bản:

...Ngày ngày phóng xe như thuyền phải gió
Đêm về nằm vùi nước mắt chứa chan...
...Nếu mai mốt bỗng đổi đời phen nữa
Ông anh hùng ông cứu được quê hương
Ông sẽ mở ra nghìn lò cải tạo
Lùa cả nước vào học tập yêu thương.
Cuộc chiến cũ sẽ coi là tiền kiếp
Phản động gì cũng chỉ sống trăm năm
Bỏ bịch hết không đũa nào là Ngụy
Thắng vinh quang mà bại cũng anh hùng”.

Khi Đỗ Lệnh Dũng kể lại với Lê Thiệp về cuộc đời thăng trầm của ông và nhắc đến những chi tiết riêng tư thầm kín mà ông nói là “cố quên để còn nhìn được về phía trước”, có thể tâm sự của cả người kể chuyện lẫn người viết truyện đã gặp nhau ở điểm là chỉ muốn coi “cuộc chiến cũ” như “tiền

kiếp”, cho nhẹ lòng. Thế nhưng khi cuốn truyện viết xong, in ra và đến tay người đọc, chắc chắn sẽ có nhiều người vẫn cảm thấy nặng lòng mỗi lúc bắt gặp trên chương sách này hay chương sách nọ hình ảnh của chính mình ở một đoạn đời xa cũ, hay hình ảnh của một người bạn đồng ngũ đã ngã xuống, một người bạn tù đã vĩnh viễn ra đi... Và sẽ có rất nhiều người chạnh lòng nhớ đến những hình ảnh của quê hương – trong đó có biết bao nhiêu hình ảnh mà dù cho có cơ hội trở về thăm đất nước cũng chẳng bao giờ còn thấy lại được nữa. Từ những hình ảnh cũ ấy, có thể người ta sẽ liên tưởng đến hình ảnh ngày hôm nay trên quê hương. Ở đó bây giờ – năm 2007 – tuy không còn những người “tù cải tạo” nhưng vẫn đầy dẫy trại tù để giam giữ những người không chịu nói cùng cách nói của chế độ cầm quyền, những tín đồ thờ chấp nhận tù tội chứ không chịu từ bỏ đức tin, những đám dân nghèo oan ức bị đẩy đến đường cùng phải vùng lên đòi công lý, những người trẻ tuổi bị bắt giam và buộc tội “cấu kết với bọn phản động nước ngoài” chỉ vì trao đổi ý kiến trên một diễn đàn Internet... Ở đó bây giờ cũng đang có những người trong tay không vũ khí nhưng kiên trì và dũng cảm đối đầu với cả một guồng máy bạo lực, không phải để giành dân chiếm đất mà là để đòi lại những quyền tối thiểu của con người. Và điều ấy có nghĩa là ở đó, một cuộc chiến mới đang diễn ra, từng ngày, từng phút.

Còn những hồi tưởng như thế và còn những liên tưởng như thế, thì “cuộc chiến cũ” chưa thể coi là tiền kiếp được. Và chúng ta vẫn nên đọc, vẫn cần đọc những truyện ký như **“Đỗ Lệnh Dũng”**.

Đào Trường Phúc

Tháng 1/2007



CHƯƠNG 1



ĐỖ LỆNH DŨNG không chỉ là câu chuyện về chiến tranh, dù nhân vật chính là một chiến binh mất tích giữa chiến khu D sau một trận đánh dữ dội.

Đây là câu chuyện về những oan khiên khắc nghiệt mà người dân Việt Nam phải trải qua gần trọn thế kỷ qua cho đến ngày nay.

Nhân vật chính già từ cha mẹ khi tròn 18 tuổi và lúc được gặp lại cha mẹ thì đã gần tới tuổi ngũ tuần. Thời gian xa cách là lửa đạn, là những ngày lê gót trên đường mòn vượt rừng núi Trường Sơn từ Nam ra Bắc, là những năm tháng đọa đầy tại các trại tù...

Dù chỉ là một góc cạnh giữa muôn ngàn góc cạnh của một thời bão táp, câu chuyện vẫn là bằng cứ vô giá về thảm trạng người bị tước đoạt trọn vẹn tuổi trẻ, tình yêu, gia đình và mọi điều kiện

an bình của cuộc sống.

Nhưng nhà văn Lê Thiệp thấy cần ghi lại câu chuyện không do riêng tính chứa đựng những cảnh ngộ tàn khốc mà chủ yếu khởi từ cách hồi tưởng hồn nhiên, chân thực không vương chút oán hờn.

Nhân vật chính đã nhắc lại quá vãng bi đát của bản thân như một thoáng đời bình thường để chia sẻ các dữ liệu thực tế với mọi người – mà theo người viết, đã cho thấy trong mọi nghịch cảnh luôn tồn tại một nét đẹp truyền thống từng giúp người dân Việt Nam vượt qua mọi thử thách gian nan.

Người viết Lê Thiệp đã lăn lộn trong làng báo Việt Nam cho đến tháng Tư 1975.

Từ 1975 đến 1978, như đại đa số người dân miền Nam, ông phải lao vào mọi ngõ ngách xã hội để tìm cách mưu sinh – từ buôn len, bán bún mọc, chạy xách tới buôn thuốc tây, môi giới đồ cổ...

Từ năm 1979, sau khi vượt biên đến Hoa Kỳ, ông tiếp tục làm đủ thứ nghề – Cán sự xã hội, thợ nhà in, công nhân siêu thị, bán thịt gà chiên, chùi rửa trường học và sau cùng là nghề bán phở.

Hiện ông sống cùng vợ và 3 con tại Virginia.



Hà Nội, Mùa Thu 1974

Tướng Trần Văn Trà ngồi trên chiếc ghế đá trong khu vườn nhỏ bên chôn. Những cuộc họp với Quân Ủy Trung Ương và Bộ Chính Trị đã khiến ông thấy rõ điều đã nghi ngờ. Thất bại chua cay của cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân và sau đó chiến dịch Nguyễn Huệ năm 1972 vẫn còn hằn sâu trong đầu óc của Võ Nguyên Giáp và Văn Tiến Dũng. Nhưng ai là kẻ chủ động trong quyết định tung ra hai trận đánh này?

Ông như quặn lên khi nghĩ đến cái quyết định sai lầm của bác Hồ trong vụ Mậu Thân. Bác Hồ kính yêu của ông, người ông vẫn tôn thờ, người đã từng ôm ông ở Ba Đình khi ông tập kết ra Bắc hồi sau đình chiến, người gần như được cả thế giới biết đến tên, thần tượng của ông từ khi gia nhập Đảng đã sai lầm trầm trọng trong vụ Tết Mậu Thân. Ông lắc lắc đầu như muốn xua đi những hình ảnh cũ, những đơn vị tan rã, những cơ sở nằm vùng bị bật rễ, mất gốc. Những chao đảo tiếp theo vì chiến dịch Phước Hòa của địch khiến cuộc chiến đã phải tiến hành trật qui luật. Không còn là chiến tranh nổi dậy, cho dù chỉ đứng về mặt tuyên truyền. Không còn là chiến tranh tiêu hao mà trở thành chiến tranh qui ước.

Còn chiến dịch Nguyễn Huệ? Mười bốn Sư Đoàn Pháo và Thiết Giáp đã không tạo nổi một chiến thắng nào về quân sự. Tổn thất bao nhiêu không đáng kể, nhưng còn tinh thần binh sĩ? Trận Mậu

Thân thất bại căn bản do tô hồng sai lệch về lực lượng của ta, về mức ủng hộ của quần chúng và nhất là sự ngoan cường của địch. Sau nhiều năm chiêm nghiệm ông vẫn có cảm tưởng đã rơi vào cái bẫy giương sẵn của Mỹ và Sài Gòn. Chính địch thủ đã muốn ta lộ diện, đối đầu trong những trận địa chiến qui ước vốn lúc đó chưa là ưu thế của ta.

Mùa hè 1972 lại ước tính chủ quan sai lầm về hỏa lực Mỹ và khả năng chiến đấu của binh sĩ Ngụy. Dù chỉ còn có yểm trợ chiến thuật từ trên không và ngoài biển, hỏa lực Mỹ vẫn ngoài tầm ước tính của ta. Tồn thất đã lên đến bao nhiêu? Ông không muốn biết rõ con số. Bạo lực cách mạng không bao giờ đếm xỉa đến những thiệt hại loại đó. Nhưng ông tin lần này khác hẳn. Thế đã chín mùi về cả quân sự lẫn chính trị, khác hẳn hai lần trước.

Nhưng làm sao thuyết phục những con chim từng bị đạn? Cách đây hai tháng ông và Phạm Hùng đã cố gắng nhưng không được Trung Ương chấp thuận. Lần này đã hơn mười ngày qua, nhưng rõ ràng Bộ Chính Trị và Quân Ủy vẫn còn bị ám ảnh vì Tết Mậu Thân và mùa hè 1972, chỉ vì ảnh hưởng của Giáp và Dũng. Ông ngồi đó ngó ra phía ngoài. Tường không cao lắm, phía trên có rào kẽm gai dọc con đường Hoàng Diệu ngăn hẳn khu này với thế giới bên ngoài. Hà Nội cuối năm Tây hơi se lạnh. Suốt mười ngày trời, ông chỉ họp và họp, đi đi lại lại từ khu Hoàng Diệu như một ốc đảo riêng biệt giữa Hà Nội đến Nhà Con Rồng, trụ sở của Quân Ủy và Bộ Quốc Phòng. Thật ra trong thâm tâm ông vẫn không thích họp với vẻ gò bó của Hà Nội. Nó quá nhỏ, thiếu chiều rộng so với cảnh bát ngát ở miền Nam. Dù ở giữa rừng núi B2 bom đạn ngập trời, ông vẫn thấy dễ thở hơn cái không khí u buồn và ngọt ngào ở đây. Ông không chịu nổi cách suy nghĩ và đặt vấn đề của hai tên đó. Một thì đã già nua, lỗi thời bị hào quang Điện Biên Phủ, một thì cố lấp liếm sai lầm trong chiến dịch Nguyễn Huệ 1972. Nguyễn Huệ tốc chiến tốc thắng do giữ bí mật hoàn toàn cuộc chuyển quân và làm chủ tình hình với yếu tố bất ngờ. Văn Tiến Dũng đã toan làm một Nguyễn Huệ, nhưng quên đi khả năng của ta và nhất là của địch. Ông đã bắt đầu xuống tinh thần, chắc sẽ phải về lại B2 để chờ. Như chính Giáp và Dũng luôn nêu ra trong các cuộc họp. Chờ gì? Ông thấy thời điểm để hành động đã đến. Nhưng ông cũng đang chờ vì chỉ còn cách đó. Dẫu sao thì anh Ba cũng dễ thuyết phục hơn do thái độ dứt khoát biểu lộ trong từ trước đến nay.

Đang chờ người thì người xuất hiện.

Phạm Hùng từ cổng bước vào, ngồi xuống sát cạnh và nói nhỏ đủ nghe. Cả hai đã quen với cung cách này. Tuyệt đối bí mật. Không tin ai dù đang ở giữa cái nôi của chế độ mà họ đã góp xương máu gây dựng bao nhiêu năm trời. Chỉ lệch một chút là có thể bị kỷ luật, bị khai trừ, và thậm chí mất mạng. Vụ án xét lại vẫn còn âm ỉ khói chưa tan.

– Tôi đã yêu cầu và được chấp thuận. Tối nay anh Ba mời mình ăn cơm tối.

– Có ai nữa không?

– Tôi nói rõ, chỉ có anh Ba và hai đứa mình.

– Thằng Giáp, thằng Dũng biết không?

– Mong rằng không. Tôi chỉ nói với anh Ba rằng hai đứa mình muốn ăn cơm tối hàn huyên trước khi về lại B2.

– Liệu anh Ba có đủ sức quyết định không? Còn bên Tổng Tham Mưu và Quân Ủy?

– Tôi nghĩ đủ. Phe nó chỉ có hai thằng, dù hai thằng vốn ghét nhau như chó. mấy thằng kia toàn là lũ a dua, ngậm miệng ăn tiền, mấy hôm họp có đứa nào dám nói gì đâu. Ngay cả thằng Lê Đức Thọ cũng chỉ ậm ừ.

Trà lơ đãng nhìn đọt cây soan phía cuối vườn. Miền Nam không có soan và ông chợt thấy buồn cười về cái so sánh thoảng hiện. Thằng cha Giáp, thằng cha Dũng đúng là như cây soan. Trái thì ăn không được, rụng xuống chỉ làm dơ đất. Gỗ thì mềm, không đủ lớn, đủ dài để làm cột đình, cột chùa. Vậy mà nhan nhản đất Bắc, đâu cũng có, y như hai thằng chết dịch đó vậy.

– Hẹn mấy giờ?

– Anh Ba cho người đón mình lúc bảy giờ.

Bữa cơm rất ngon, với những món đặc Bắc Kỳ, nhất là có chả rươi và gạo tám, nhưng cả hai người khách ăn để mà ăn. Họ cố chờ qua phần hỏi han đầy những từ ngữ sáo rỗng, giả tạo, ai cũng biết, nhưng ai cũng phải làm, như kiểu gặp nhau thì luôn phải ôm hôn thăm thiết. Khi Lê Duẩn bảo “Các chú dọn trà ra chiêu đãi anh Tư, anh Bảy đi chứ” thì cả hai hiểu đã có thể bắt đầu và đám cần vụ cũng tinh, khép cánh cửa lại. Phạm Hùng lên tiếng trước:

– Thưa anh Ba, phái đoàn năm người tụi tôi đã ở Hà nội gần mười ngày...

– Thế cuộc họp với bên Tổng Tham Mưu và Quân Ủy đến đâu rồi. Tôi cũng được báo cáo B2 muốn đánh lớn ngay phải không?

– Không đánh lớn ngay mà chỉ bắt đầu đánh lớn.

Lê Duẩn cười khặc trước cách nói lấp lửng của Trà và dờ giọng:

– Đồng chí nói không rõ. Tôi đã thảo luận riêng với đồng chí Võ Nguyên Giáp, đồng chí Văn Tiến Dũng. Tôi cũng đã bàn kỹ với đồng chí Lê Đức Anh và đồng chí Lê Đức Thọ. Đồng chí Lê Ngọc Hiến cho tôi hay vũ khí đạn dược của ta hiện trải mỏng lắm, mở cuộc tấn công toàn diện vào lúc này chưa phải là kế hoạch tốt.

Trần Văn Trà nhích người khỏi ghế. Ông biết đã đến lúc vào chuyện. Không còn anh Ba, anh Tư gì nữa, không có chuyện bí danh, thân mật mà bây giờ chỉ là đồng chí.

– Đồng chí bí thư không dự các cuộc họp của phái đoàn miền Nam với Tổng Tham Mưu và Quân Ủy Trung Ương, nhưng đã có các cuộc hội ý riêng với từng đồng chí, như vậy đồng chí bí thư đã nắm rõ tình hình.

Trà ngưng lại một chút để câu phát biểu mào đầu thấm vào người đối thoại. Đàn anh lại dở vổ để nét cũ mềm ra. Phạm Hùng nhỏ nhẹ:

– Tôi xin tóm lược để đồng chí bí thư nắm vững nội dung các cuộc thảo luận suốt mười ngày qua ở Nhà Con Rồng. Phái đoàn miền Nam lặn lội ra đây lần thứ hai chỉ để trình bày với Trung Ương rằng tình hình chín mùi. Sài Gòn bây giờ hỗn quan, hỗn quân. Bọn Thiệu Kỳ không còn làm chủ tình hình, chỉ lo bị hất lúc nào không biết. Bọn đối lập la ó tối ngày, không ngày nào không có biểu tình. Những cán bộ ta gài lại, những anh em nằm vùng đang đẩy mạnh công tác chính trị. Tinh thần Ngụy quân xuống dốc ghê gớm. Bọn Mỹ thì đang khốn khổ vì vụ Oa-Tơ-Ghết và cũng chỉ muốn phui tay tháo chạy.

Lê Duẩn đưa tay chặn ngang.

– Tôi được báo cáo đầy đủ, nhưng các đồng chí không được chủ quan. Năm 1972 chúng ta đã ước tính sai ý định bỏ rơi miền Nam của Mỹ. Các đồng chí đừng quên trên thế chiến lược, Mỹ nó còn Hạm Đội 7 và các căn cứ ở Phi, ở Thái. Chúng nó có thể huy động phản công trong hai mươi bốn giờ.

– Đồng chí nói đúng về chiến dịch Nguyễn Huệ và nếu đồng chí nhớ lại, ngay hồi đó Bộ Tư Lệnh Miền cũng cảnh giác đồng chí Tổng Tham Mưu trưởng Văn Tiến Dũng về hỏa lực của Mỹ và nhất là tinh thần bọn Ngụy quân. Nhưng lần này khác và Bộ Tư Lệnh Miền chúng tôi cũng đã trình bày cặn kẽ trong các cuộc họp ở Nhà Con Rồng.

Lê Duẩn với tay rót trà vào ly trầm ngâm:

– Chúng ta đều hiểu hậu quả của vụ Mậu Thân và chiến dịch Nguyễn Huệ. Không phải chỉ với chiến trường miền Nam mà còn liên quan đến hậu phương miền Bắc và cả Liên Xô lẫn Trung Quốc. Bên ngoại giao đoàn cho tôi hay hai nước anh em thật, nhưng họ cho biết sức chịu đựng của họ có giới hạn, không thể chi viện mãi được. Báo cáo từ bên Tổng Tham Mưu như tôi đã nói cho thấy đạn dược ta dần mỏng lắm. Hai đồng chí Võ Nguyên Giáp và Văn Tiến Dũng đều nghĩ phải chờ ít nhất một hai năm nữa.

Trà lấy ngón tay trở nhúng vào ly nước và vạch lên bàn thành một vạch dài:

– Đồng chí Văn Tiến Dũng muốn điều Sư Đoàn 7 lên Tây Nguyên làm áp lực ở đây và để tránh đụng độ lớn e tổn thất. Bộ Tổng Tham Mưu chủ trương vào thời điểm này chỉ đánh nhỏ, phá bình định, mở hành lang và ép Saigon, chuẩn bị cho các trận đánh lớn một hai năm tới. Kế hoạch này

không sai, nhưng áp dụng là để lỡ cơ hội lớn.

– Bộ Tư Lệnh Miền các đồng chí chủ trương như thế nào?

“Đây là lúc cần phải khéo léo” Trà nghĩ thầm và liếc nhìn Phạm Hùng. Phạm Hùng gật đầu bảo:

– Đồng chí chịu trách nhiệm B2, cứ trình bày rõ ràng để để đồng chí bí thư nhận xét.

– Kế hoạch đã được nghiên cứu kỹ dựa trên các mặt chính trị và quân sự. Bộ Tư Lệnh Miền dự trù sẽ tập trung một số quân lớn bao vây tấn công Phước Long, mở đầu chiếm Đồng Xoài. Đây là chốt quan trọng nhất của Phước Long và tỉnh lộ 14. Mất Đồng Xoài, địch sẽ bị cô lập ở Phước Long, và cắt đứt đường 14, Phước Long sẽ bị khốn đốn và chắc chắn sẽ bị ta thanh toán. Ta có thể lấy Phước Long làm thủ đô hành chính của chính phủ lâm thời, tạo cái thế chính trị lớn đối với quốc tế. Bộ Tư Lệnh Miền cũng dự trù bọn Mỹ có thể quay trở lại, tung các lực lượng rút từ Phi và Thái cùng với hỏa lực của Hạm Đội Bảy để can thiệp nhưng Bộ Chính Trị cũng như đồng chí bí thư đều đồng ý dựa vào thái độ của bọn Mỹ ở hòa đàm Ba Lê và nội tình Hoa Thịnh Đốn, cơ nguy này chắc chắn sẽ không xảy ra như hồi 1972.

Lê Duẩn đưa tay chặn lại.

– Các đồng chí muốn thử phản ứng của Mỹ?

– Ước tính của Miền là bọn Mỹ sẽ khoanh tay, còn nếu Mỹ trở mặt thì thế chiến thuật cho thấy vẫn chỉ hạn chế trong địa hạt Phước Long, và như vậy quốc tế sẽ lên án Mỹ nhiều hơn nữa. Tôi tin Mỹ không vì bọn Thiệu Kỳ để lại bị lún sâu trở lại ở Việt Nam.

Lê Duẩn nhìn vệt nước trên bàn đã đứt đoạn, hỏi:

– Các đồng chí tin tưởng có thể đảm bảo chiếm và giữ được Phước Long để làm thủ đô Miền Nam?

– Đây là cơ hội bằng vàng, là thời điểm đúng nhất. Nếu theo chủ trương của đồng chí Võ Nguyên Giáp và Văn Tiến Dũng, chúng ta sẽ phí phạm ít nhất là ba năm nữa. Trong ba năm tình hình có thể biến chuyển. Bộ Tư Lệnh Miền dự trù là nếu thắng lớn ở Phước Long thì kế hoạch vẫn được dự trù có thể thi hành ngay. Ta có thể từ Bắc và Tây đánh thẳng xuống Quảng Trị, Huế và Đà Nẵng. Phía Tây Nguyên thì áp đảo chiếm giữ Kom Tum, Pleiku, Ban Mê Thuột...

Phạm Hùng quan sát vẻ mặt của người cầm cân nảy mực ở đất Bắc. Hồng hào, nụ cười, khác hẳn với khuôn mặt gân guốc của Trà. Ông thấy lợm giọng. Họ đều thế cả, hồng hào, nụ cười và rình mò lẫn nhau. Nhưng chỉ thoáng qua và vì là đảng viên, ông chấp nhận hết, bởi chính ông cũng nhiều lần cư xử như họ.

Giọng Lê Duẩn kéo ông trở lại thực tế:

– Các đồng chí nghĩ tôi sẽ giúp được gì?

Phạm Hùng trở lại với căn tính cố hữu của một đảng viên lão thành. Đã đến lúc phải dõ giọng anh anh, em em.

– Anh Ba. Tụi này chỉ chờ anh gặt đầu. Anh gặt đầu thì không còn ai lắc được. Kế hoạch của Miền có khả thi hay chẳng chỉ tùy có mình anh.

– Anh Bảy đừng có nói thế, người ngoài nghe được thì không nên.

– Anh Ba gặt đầu là xong. Chỉ cần hai Trung đoàn của Sư đoàn 7 là đủ chiếm Đồng Xoài. Cái khó là phải có pháo lớn và tăng. Không có thì không thể tốc chiến, tốc thắng vì nếu kéo dài bọn Ngụy có thì giờ để tiếp viện. Phải đánh nhanh, đánh mạnh để mở đường cho các mũi khác ở Tây Nguyên và phía khu Phi Quân Sự.

– Được. Tôi sẽ nói với mấy anh bên Quân Ủy cũng như Tổng Tham Mưu. Anh Hiến có cho tôi biết nhiều lắm thì cũng chỉ phái được một đội pháo 130 ly và một đội tăng T-54 thôi. Nhưng tôi nói trước nhá, đây là quyết định của hai đồng chí và Bộ Tư Lệnh Miền.

Tướng Trà thấy như một cái gì nhói lên trong ruột gan. Ba Duẩn đúng là con cáo. Thắng thì do sự sáng suốt của đồng chí bí thư. Thất bại là lỗi của Trần Văn Trà. Ông dăm dăm nhìn Lê Duẩn, nói nhỏ rất rõ:

– Anh Ba yên tâm. Tụi tôi nhận mọi trách nhiệm nếu có gì trục trặc.

Lê Duẩn cũng hiểu câu nói lập tức, cười nói:

– Anh Bảy, anh Tư cũng yên tâm, sẽ có pháo, có tăng nhưng phải cẩn thận.

Đúng nửa đêm 24/11/1974, trái đạn 82 ly đầu tiên rót vào trong vòng đai Chi Khu Đôn Luân.

Hai Trung Đoàn của Sư Đoàn 7 CSBV với đại pháo và chiến xa T-54 yểm trợ áp dụng chiến thuật tiền pháo tập trung, hậu xung tứ diện quyết nuốt chửng căn cứ nhỏ bé này càng nhanh càng tốt. Đồng Xoài chống trả suốt 10 ngày không hề được tiếp viện và đã bị tràn ngập vào rạng sáng 7/11/1974.

Trận Đồng Xoài đã mở đầu cho một chuỗi biến cố quân sự khiến Việt Nam Cộng Hòa bị xóa tên. Trận đánh này cũng đẩy Trung Úy Đỗ Lệnh Dũng vào một quãng đời khác hẳn với những gì anh đang ước mơ.



Tên chữ nó là Đôn Luân, nhưng đối với lính tráng tụi tôi gọi nó là Đồng Xoài, là nơi chẳng ăn chắc cú. Không hiểu cái tên Đôn Luân đầy vẻ nho học, hành chính này có từ đời nào, có thể là do cụ

Diện đặt cho chẳng? Cũng như tên chính thức của đồn điền cao su ở đây là Thuận Lợi nhưng mọi người gọi nó là Terre Rouge – Đồn Điền Đất Đỏ – gọi lên âm hưởng của cả một quá khứ thời Pháp khai thác thuộc địa và những câu chuyện đầy thương tâm về phu cạo mủ cao su xa xưa.

Tôi chui ra khỏi chiếc phi cơ sơn màu vàng ệch trong cơn nắng nóng của buổi chiều mùa hè. Tôi nhớ lần đầu tiên thấy chiếc phi cơ chong chóng này đã ngạc nhiên vì màu sơn kỳ quặc nhưng ông thiếu tá quận trưởng vỗ vai tôi giải thích:

– Cậu còn phải học nhiều thứ ở đây. Sở dĩ phi cơ phải sơn màu vàng là để cho tụi Việt Cộng nó biết là phi cơ của đồn điền, không phải phi cơ quan sát của phe mình.

Thấy tôi giương mắt nhìn, ông cười:

– Đụng tới cao su là bỏ mẹ cả nút. Tây nó đi cả với Quốc Gia lẫn Cộng Sản. Việt Cộng nhan nhản ở trong rừng cao su nhưng phe mình có lệnh trên là không được bén mảng vào. Cậu nên nhớ đây là cao su quý hơn mạng người. Một cây cao su có thể cạo tới 60 năm vẫn còn mủ.

Dần dần rồi tôi cũng hiểu ra những cái ngoắc ngoéo bên lề. Cả cái quận này có chừng năm ngàn dân, gồm vợ con lính tráng và hơn nửa còn lại là dân cạo mủ cao su. Đang lợi bùn lợi suối tôi được thiếu tá Khoái gọi về đây.

– Cậu về đây giúp tôi. Mẹ kiếp cái chức quận trưởng coi vậy mà nhiều việc quá, toàn là ba cái vụ hành chính giấy tờ, điền cái đầu luôn.

Đã gần hai năm qua tôi vất vưởng ở đây lo Ban Ba cho Quận. Ban Ba chuyên phối hợp hành quân mà cũng chẳng nhàn nhã gì, tối ngày sáng đêm tôi chui rúc sống trong căn hầm của chi khu.

Bộ chỉ huy của chi khu trước kia là một trại lực lượng Đặc Biệt của Mỹ, Trại B14. Khi người Mỹ lậm sâu vào Việt Nam với cả nửa triệu quân, cuộc chiến được đánh theo lối Mỹ, cổ vấn Mỹ đôi khi xuống tới cả cấp đại đội. Một số lực lượng được gọi là Lực Lượng Đặc Biệt được thành lập với nhiều tên gọi khác nhau như Mike Force, Biệt Kích Biên Phòng, Dân Sự Chiến Đấu... Đó là những toán độc lập do Mỹ vũ trang, chỉ huy đóng ở những vị trí xung yếu và thường nằm ở gần biên giới hoặc sát các mật khu. Các căn LLDB này luôn luôn có chữ B ở đầu, có thể là chữ viết tắt của chữ Base, nghe thì có vẻ đơn sơ nhưng lại được xây cất kiên cố vô cùng với hơn mười lớp mìn đủ loại cùng với hàng rào kẽm gai chằng chịt và mìn Claymore chống biển người. Khi tiếp nhận căn cứ B14 này, Thiếu Tá Khoái lại cho đào thêm nhiều địa đạo, giao thông hào và dùng thêm vòng concertina để chặn những đường hầm khi cần. Tôi vẫn có cảm tưởng mình như một con chuột cống chui rúc ở dưới lòng đất dù rằng tôi đã từng sống ở các B tương tự với người Mỹ nhiều năm trước, khi còn phục vụ trong toán Mầu – một tên khác của biệt kích Mỹ. Nhưng thời đó khác, đánh nhau kiểu Mỹ cái gì cũng thừa mứa. Gọi một tiếng là phi pháo yểm trợ tới đa, đạn

bắn thả dàn. Bây giờ chiến tranh đã được Việt Nam Hóa, cái gì cũng thiếu, cũng hạn chế. Ngày xưa, muốn pháo quấy rối là pháo, bây giờ phải tính từng quả đạn một.

Tôi đang còn lừng khừng không biết có nên quá giang chiếc xe chở công nhân thì thấy phía xa bụi đỏ tung mù trời. Xe jeep Thiếu Tá Quận trưởng.

Thật là ngạc nhiên vô cùng khi thấy thiếu tá Khoái ra tận đây đón tôi. Ông không xuống, chỉ chiếc ghế đằng sau:

– Tưởng cậu lính rồi chứ? Vụ đi Mỹ xong rồi mà.

Qua điện đàm hôm trước, tôi đã nói rõ về vụ này với ông. Thiếu tá Khoái coi tôi như một người em, cùng chia sẻ ngọt bùi của đời lính ngay từ lúc mới ra Thủ Đức lớ ngớ với lon chuẩn úy. Có lẽ chính thời gian cùng ở với nhau ở Phước Long đã khiến tình thân nảy nở và khi ông được cử giữ chức vụ Quận Trưởng, ông lôi tôi về làm việc với ông.

Tôi quăng cái ba lô nặng chình chịch và nhảy lên băng sau chiếc xe jeep mui trần chưa kịp trả lời thì ông cười hỏi:

– Thế fiancée có đi Mỹ với cậu không? Con nhỏ tên Dung phải không?

– Dung gởi lời hỏi thăm ông thầy. Dung mua tùm lum đồ ăn bắt tôi xách xuống nặng chết mồ.

– Ok. Tối nay nhậu chơi. Gọi hết tụi nó lại.

– Đồ khô không ông thầy ơi. Thịt, chà bông, Lạp xưởng, có café Martin nữa. Dung còn gởi thêm beurre Breton mới kinh chứ!

Ông cười ha hả bảo người tài xế:

– Chú mày thả tao ở quận đường rồi lái xe đưa Trung Úy Dũng về chi khu. Ê, Dũng, cậu định ở lại bao lâu? Sao nói nửa tháng là đi mà?

– Nửa tháng nữa lặn nên xuống đây từ giã Thiếu tá và anh em trước khi đi cho phải đạo. Dung cũng đòi đi nhưng đường xá lằng nhằng quá.

– Ok. Tối gặp. Nhớ gom hết tụi nó lại nhậu nha.

Con đường từ quận về chi khu chắc chỉ hơn độ nửa cây số. Đường khá rộng nhưng không tráng nhựa nên bụi đất đỏ cuộn lên mặt tôi dù chiếc xe chạy không nhanh lắm. Những liếp nhà đã sộ lợp tôn bên vệ đường trông buồn và câm lặng. Thình thoảng một người dân thấy xe chạy thì quay mặt kéo sụp cái nón lá tránh bụi xe. Tới chỗ ngã ba có quán hủ tiếu của ông Tàu Mẫn Thẩn, tôi bảo người tài xế:

– Anh cho tôi xuống đây. Còn cái ba lô anh cứ đem lên phòng tôi bỏ đó tính sau.

Ông Tàu Mẩn Thẩn giống y chang những ông Tàu hủ tít khác, lúc nào cũng cái áo thun cháo lòng và quần xà lỏn dài quá gối. Tôi không rõ ai đặt cho ông ta cái tên Mẩn Thẩn. Ông ta lại là chào:

– Trung Úy “dề” Sài Gòn vui không?

Quận lỵ bé tí này không thể giấu ai cái gì được. Đồng Xoài nằm trên liên tỉnh lộ 1A giữa tỉnh Phước Long và Quận Phú Giáo. Nó trấn ngay phía Bắc của chiến khu D – còn có cái tên văn vẻ “chiến khu Dương Minh Châu”. Có lẽ trại LLBĐ B14 được lập ở ngay đây vì vị trí chiến thuật, cốt để theo dõi những vụ chuyển quân lớn của địch.

Tôi gọi một chai 33. Quán vắng, có hai ba người Thượng Stieng ngồi một góc đã có vẻ hơi say. Dân Đồng Xoài sống bằng nghề cạo mủ cao su nhưng có một số khác phần lớn là người Stieng làm nghề “ăn cây”. Đây là những dân giang hồ hảo hán chuyên đi sâu vào rừng tìm gỗ quý như gụ, cẩm lai và đôi khi cả trầm hương nữa. Tìm được họ sẽ về quận dắt đường cho các hãng cưa vào. Họ là người cả Quốc Gia lẫn Cộng Sản. Họ là tình báo, mật báo viên của quận, báo cáo về tình hình trong rừng. Họ cũng có thể là nằm vùng, cung cấp quân tình của quận cho địch. Họ làm việc cho cả hai phía. Cái thực tế phức tạp đó cũng giống như tình trạng Việt Cộng sử dụng đồn điền Đất Đỏ làm nơi dưỡng quân.

Hỏi tôi mới về quận được tin chắc chắn là hơn một đại đội địch có mặt ở tọa độ XYZ. Lúc lật bản đồ thì nó nằm ở trong phạm vi đồn điền. Sắp ngửa tôi chơi đại, bắn mấy trái 105. Sáng hôm sau, thiếu tá Khoái mặt hầm hầm gọi tôi sang trình diện. Sau đó, chính Đại tá Tỉnh Trưởng Phước Long bay trực thăng xuống. Cái câu cao su quý hơn người lúc đó mới rõ nghĩa với tôi.

Dấu sao thì Đồng Xoài cũng có tình với tôi. Tôi yêu những buổi chiều xẩm tối ở đây. Nếu không lâu lâu nghe đạn pháo binh, nếu không thấy đạn hỏa châu lơ lửng đâu đó trên nền trời, thì mọi sự thật êm đềm, thật thanh bình. Tôi hay trèo lên nóc công sự chiến đấu chỗ cao nhất, ngồi nhìn trăng nhìn sao để nhớ Dung, nhớ về Sài Gòn.

Tôi yêu những cô học trò ham học, nghe thấy, nhìn thấy cái gì lạ trong mắt cũng tròn xoe. Đồng Xoài có một trường Trung Học, trên nguyên tắc là tới lớp 9, nhưng không lúc nào là có đầy đủ thầy cô. Ra trường Sư Phạm được bổ đến đây, thầy cô biến mất sau độ hai ba tháng. Họ đào nhiệm vì không chịu nổi cảnh sống Đồng Xoài. Trường có một vị nhà giáo duy nhất là ông Hiệu Trưởng. Ông Hiệu Trưởng nhờ tôi dạy môn Pháp Văn cho các em. Ba bốn lớp dồn lại một, đủ loại tuổi từ 12 cho đến 16, 17 nhưng trình độ đều rất kém. Sau hai buổi dạy tôi đổi phương pháp, thay vì dạy Pháp văn, tôi kể cho các em nghe về đời sống ở ngoài Đồng Xoài. Kỳ về Sài Gòn hoặc khi Dung gửi đồ cho tôi, khi nào cũng có vài cuốn Sélection hặc Paris Match cũ, hoặc sách

có nhiều tranh ảnh về nước Pháp. Tôi cho các em coi hình ảnh về nước Pháp và viết dăm ba chữ Pháp dễ, bắt các em học nhưng cái chính là gọi lên cái khát vọng hiểu biết nơi các em, nhồi nhét vào cái đầu non nớt đó những hình ảnh khác với bom đạn, xác chết các em thấy hàng ngày. Cái phương pháp sư phạm của tôi vậy mà ăn khách ra phết. Giờ Pháp vẫn gần như tất cả các học sinh trong trường đều tụ lại trong lớp nghe tôi kể về nước Pháp với sông Seine, tháp Eiffel, hay ông Nã Phá Luân, ông Pasteur hoặc ông bà Marie Curie.

Tôi nhớ có một lần một em bé đến khóc nhờ tôi đến nhà xin bố mẹ cho đi học giờ Pháp Văn. Khi đến nơi, phụ huynh cô bé cho hay lúc này cần người là vì mùa gặt nên phải ở nhà phụ giúp gia đình. Rồi tôi đành giải quyết, cử một người lính nghĩa quân đến giúp gia đình để em được đi học.

Đồng Xoài dù nằm ngay ngã ba liên tỉnh lộ 1A và quốc lộ 14 cách Phú Giáo cỡ độ 30 cây số và tỉnh lỵ Phước Long cỡ 30 cây nhưng đã bị cô lập từ lâu rồi. Phương tiện liên lạc duy nhất là trực thăng hay đôi khi là thả dù. Xăng nhớt cũng phải thả bằng trực thăng. Cũng có bến xe đò chạy đường Đồng Xoài Phú Giáo, nhưng khách toàn là đàn bà con nít. Xe có thể bị Việt Cộng chặn lại bất cứ lúc nào nên lính tráng và cả những thanh niên còn trẻ có thể cảm sung không ai dám đi xe đò. Trong cái cảnh đó, phi công của đồn điền cũng hiểu và luôn luôn dành một chỗ cho quận khi cần. Viên phi công người Pháp vẫn hay đấu láo với tôi, mỗi lần thấy “Monsieur Dũng” là toe toét cười.

Tôi sắp xa Đồng Xoài. Tôi sắp giã từ bom đạn. Tôi về đây là để từ biệt Đồng Xoài, nói những ân tình cuối với anh em đồng đội.

Tôi đứng dậy, nhét tiền dần dưới chai 33, lững thững đi về phía chi khu. Buổi chiều nóng nhưng êm ả.

Bữa nhậu diễn ra ồn ào náo nhiệt với khô nai, cà ri gà. Mọi người chúc mừng tôi. Tôi thấy rõ sự mừng rỡ trên khuôn mặt của đồng đội vì tôi sắp “Giã từ vũ khí”. Đang ăn nhậu thì Trung Úy Lễ trưởng ban Hai tình báo hỏi:

– Ông còn ở đây bao lâu?

– Chắc vài hôm là cùng.

– Ông coi dùm ban Hai hộ tôi hai ba ngày được không? Tôi có việc gấp phải về Sài Gòn.

– Ba ngày thì được, ông cứ dọt đi, để tôi coi hộ cho.

Tôi coi ban Ba, trung úy Lễ coi ban Hai, chúng tôi đã cùng nhau sáng sủa hợp thuyết trình hành quân. Công việc của tụi tôi luôn luôn phải phối hợp từng giờ một nên tôi biết rõ phận sự của ông Lễ. Coi hộ bằng hữu ba ngày thì nhằm nhò mẹ gì. Không bao giờ tôi tưởng tượng được cái khúc quanh của cuộc đời tôi trong ba ngày kiêm chức Trưởng ban Hai hộ Trung Úy Lễ. Không phải là

ba ngày mà là gần ba chục năm sau tôi mới được nghe tiếng người vợ sắp cưới, tiếng Dung.

Hôm sau, khoảng xế trưa, tin tức tình báo tới tấp về. Tôi nhớ Trung Úy Lễ dặn có hai nguồn tin rất chính xác là Z 20 và A 17, nên ngay khi bắt tay vào lo ban Hai, tôi đã hỏi ông Chuẩn Úy Thắng về hai nguồn tin. Tuy làm việc phối hợp và nghe tin hàng ngày của ban Hai, tôi không chú ý lắm đến cách thu lượm tin của họ. Hôm đó cả hai nguồn tin Z 20 và A 17 đều cho hay đã phát hiện nhiều đường dây điện thoại rừng và đây là dấu hiệu đáng ngại. Chỉ những đơn vị chủ lực và quân số cao khi di chuyển mới có dây điện thoại. Nguồn tin Z 20 còn cho hay có những dấu tích có xe tăng địch nữa.

Tôi đọc nhưng thật cũng chưa ước lượng đúng tầm vóc nguồn tin. Đúng lúc đó người Trung Sĩ cho hay có một mật báo viên muốn được gặp tôi. Vì nghĩ chỉ tạm bợ có ba ngày nên tôi không muốn dính quá sâu vào trong công việc, bèn bảo viên Trung Sĩ dẫn mật báo viên đó đến gặp chuẩn úy Thắng.

Nhưng rồi viên Trung Sĩ lại trở vào cho hay người này chỉ xin gặp đích thân Trung Úy trưởng Ban Hai. Tò mò tôi đồng ý tiếp. Trông người mật báo viên này giống như bất cứ người dân cạo mủ nào, và ông ta cho hay cơ sở bị lộ xin được bảo vệ. Tôi nói:

– Tôi chỉ tạm giữ ban Hai nội trong vài ngày, nên không rõ lắm về cơ sở và nếu ông là mật báo viên của quận thì chắc chắn phải có đường giây liên lạc khác, không thể chạy xồng xộc vào chi khu xin bảo vệ.

– Thưa Trung Úy, tôi không thuộc tình báo quận. Tôi thuộc Phòng Bảy Tổng Tham Mưu. Tôi nằm vùng trong Thuận Lợi. Đây là mã số của tôi, xin Trung Úy liên lạc ngay với Tổng Tham Mưu vì tình hình rất nguy cấp. Tôi xin được bốc đi gấp.

Tôi khựng lại, bán tính bán nghi khi nhớ đến hai nguồn tin Z 20 và A 17.

– Ông có thể cho tôi biết tin tức chính xác.

– Thưa Trung Úy, tôi đã đưa mã số là tôi đưa cả mạng sống của tôi cho Trung Úy. Tôi chỉ có thể báo cáo với thẩm quyền trực tiếp tại Tổng Tham Mưu. Trên đó sẽ có những quyết định hợp với tình hình.

Tôi quan sát người mật báo viên và tưởng tượng đến những điệp viên OSS hay CIA hoặc hơn nữa là Tổng Văn Bình Z 28. Trông ông ta chắc trên dưới bốn mươi, dáng vẻ cử chỉ và cách ăn nói chừng chạc minh bạch. Một người cạo mủ không thể có phong thái như vậy. Tuy ở lính gần chục năm, tôi cũng chỉ nghe loáng thoáng về Phòng Bảy kỹ thuật của Bộ Tổng Tham Mưu và biết lơ mơ rằng đây là bộ phận chuyên về tình báo và phản tình báo có những hoạt động vô cùng bí mật. Suy nghĩ thấy vấn đề ngoài thẩm quyền, tôi nói với người mật báo viên:

– Được để tôi đưa ông lên gặp Thiếu Tá Quận Trưởng.

Bốc điện thoại, tôi nghe tiếng Thiếu Tá cùng với nhiều tiếng ồ ồ khác chen vào, chắc là đang ở hầm truyền tin.

– Trình thẩm quyền, xin được gặp vì có chuyện tối quan trọng không tiện trình bày qua điện thoại.

– OK, sang ngay đi.

Bỗng tôi mỉm cười khi nhận ra ông quận của tôi hay xài chữ OK. Tôi thấy người mật báo viên gật đầu ra điều đồng ý với cách ứng xử của tôi.

Thiếu Tá Khoái đứng chờ ở sân cò. Hình như ông muốn nhân dịp này ngoi lên mặt đất hít thở chút không khí trong lành. Thấy tôi đi với một người cạo mủ cao su, Ông ngạc nhiên hất hàm tỏ ý hỏi han. Tôi lắc đầu nói:

– Vào trong nói chuyện tiện hơn Thiếu Tá.

– Ok, vào trong.

Ông tiếp chúng tôi ở phòng làm việc, tôi vẫn tắt trình bày vấn đề. Người mật báo viên chỉ xin thông báo mã số của ông ta về bộ Tổng Tham Mưu mà không đòi hỏi gì thêm nữa.

Thiếu Tá Khoái đồng ý, chính ông đi xuống hầm truyền tin để liên lạc qua một hệ thống đặc biệt với Tổng Tham Mưu. Tôi ngồi đó cố gạ chuyện để moi thêm tin tức nhưng người mật báo viên khôn khéo lảng tránh. Chừng nửa tiếng sau, TT Khoái trở lại, gương mặt khác hẳn. Ông trở lại ngồi sau bàn giấy:

– Cà phê Martin hôm qua cậu cho còn nguyên. Hộp beurre Bretel chưa khai. À quên, tôi vẫn chưa biết tên ông là gì?

– Thưa Thiếu Tá tôi tên Bảy, Nguyễn Văn Bảy.

Chúng tôi đều biết đó là tên giả, nhưng TT Khoái rất lịch sự:

– Tôi đã liên lạc và trên đó cho hay trong vòng một hai giờ sẽ có người đến gặp ông Bảy. Bây giờ anh em mình uống chút cà phê beurre cho đỡ nhớ Sài gòn.

Rất nhanh tôi hiểu ý ông thầy tôi muốn nói chuyện để moi tin tức và nghĩ rằng mình không nên có mặt, tôi nói:

– Để Thiếu Tá nói chuyện riêng với ông Bảy, tôi về bên kia.

– Cậu không đi đâu cả. Cà phê đào cậu mua cậu phải uống chứ.

Chắc đã chuẩn bị từ trước khi bước vào phòng, nên tôi thấy viên Hạ Sĩ bùng ra ba tách cà phê thơm ngào ngạt. Đợi mọi người chiêu cỡ nửa ly, thiếu tá Khoái lên tiếng:

– Ông Bảy, ông phải cho tụi tôi biết tình hình để đối phó. Đồng ý là ông không có bổn phận gì đối với tụi tôi, nhưng chúng ta đang đứng trên cùng một chiến tuyến, chiến đấu cùng một mục đích. Tôi đã đích thân lo cho an nguy của ông, ông phải giúp tụi tôi.

Người mật báo viên từ tốn bùng ly cà phê lên. Cái cung cách cầm, nâng tách, nhấm nháp cà phê cho thấy ông ta đã từng uống cà phê Martin có một chút beurre nhiều lần trước đây. Ông chậm rãi nhìn tôi, nhìn TT Khoái:

– Địch sắp tấn công Đồng Xoài. Cấp sư đoàn. Có sự xuất hiện của công trường 7 với pháo và thiết giáp đang khép vòng vây. Thiếu tá và anh em ở đây chuẩn bị. Tôi không biết rõ ngày giờ nhưng chính vì vụ này mà tôi bị lộ, phải hủy máy truyền tin, trốn ra được đến đây. Xin cảm ơn Thiếu Tá đã giúp đỡ, liên lạc với thẩm quyền của tôi. Tôi chỉ có thể nói bao nhiêu đó với Thiếu Tá và tôi nghĩ thế cũng đủ để giúp anh em ở đây. Còn tin hay không là tùy ở Thiếu Tá và anh em.

Không thể không tin được vì chỉ hơn một tiếng sau, một trực thăng cailloux nhỏ xíu xà xuống bốc người mật báo viên đi. Ông quận nói với tôi:

– Cậu thông báo với tất cả các sĩ quan tới phòng hành quân họp khẩn. Báo động 100% cho tôi.

Thật ra thì lúc nào chúng tôi chẳng sống trong tình trạng báo động. Suốt những ngày tháng phụ trách hành quân, tôi hiểu rõ Đồng Xoài luôn luôn là cái đỉnh cần phải nhỏ. Địch chiếm Đồng Xoài là cô lập Phước Long và nhất là có thể điều động một lực lượng lớn trong chiến khu D để làm áp lực cả khu vực Phước Long Bình Long. Đời sống ở đây tự nó đã là một đời sống bị động, lúc nào cũng như cá nằm trên thớt. Chỉ trừ khi đi ngủ, có lúc nào tôi rời được đôi giày nặng chình chịch đâu?

Cái chi khu nhỏ tí này mỗi chiều chưa quá một cây số nên chỉ độ nửa tiếng mọi sĩ quan đã tề tựu đông đủ.

Đến lúc này tôi mới thấy rõ cái tài chỉ huy, phối hợp của Thiếu Tá Đặng Vũ Khoái. Ông nói rất gọn về tin tức vừa thu lượm được, ra lệnh cho các sĩ quan điều động binh sĩ tu sửa lập tức các giao thông hào, công sự chiến đấu. Truyền tin được lệnh liên lạc ngay với các chốt và tiền đồn thông báo tin tức và chỉ thị họ cảnh giác tối đa. Ông bảo bác sĩ Nam kiểm lại thương bệnh binh, người nào còn đủ sức khỏe phải sẵn sàng cầm súng.

Bảo vệ Đồng Xoài ngoài hai tiểu đoàn tăng phái của sư đoàn 5, lực lượng cơ hữu gồm một tiểu đoàn địa phương quân và khoảng hơn 10 trung đội nghĩa quân. Đó là quân số trên giấy tờ nhưng thực tế có phần hơi khác. Quân số không bao giờ đủ. Một trung đội nghĩa quân có khi chỉ độ mười

lăm, hai mươi người. Ngay cả đơn vị chính qui, tức hai tiểu đoàn thuộc sư đoàn 5 cũng không bao giờ đủ quân số. Hơn nữa, rất nhiều đơn vị đã được chẻ nhỏ đóng các đồn chốt phía ngoài.

Thiếu Tá Khoái bắt đầu chia chi khu ra làm ba tuyến.

Tuyến lớn nhất ở phía Bắc đối diện với rừng do chính Thiếu Tá Quận Trưởng chỉ huy.

Tuyến phía Tây do Đại Úy Tổ lo. Quân số ở tuyến này cỡ gần một tiểu đoàn ĐPQ và một đại đội thám báo và là đơn vị tinh nhuệ nhất của Đồng Xoài.

Tuyến phía Đông do tôi phụ trách với hai trung đội nghĩa quân và một trung đội thám sát do Chuẩn úy Tài chỉ huy.

TT Khoái nghĩ rằng địch sẽ không tấn công từ phía Đông vì địa hình quá trống trải. Nơi đây đã được công binh Mỹ phát quang, ủi hết cây rừng để lập một sân bay nhỏ dành cho trực thăng và L 19 đáp. Ông nói riêng với tôi.

– Cậu lo phía sân bay chắc sẽ OK vì nó mà đánh đặc công hoặc biển người đi nữa cũng không ngu gì mà đánh mặt đó.

Trước lúc mọi người đứng dậy, ông đùa:

– Bác sĩ Nam thủ kỹ cái bệnh xá cho tôi. Hể nó vào đến chỗ ông bác sĩ là tụi mình chỉ còn ăn cám.

Không ai cười và không ai nghĩ đến lời đùa cợt như một lời tiên tri, một lời nói gở. Hơn nữa mọi sự diễn ra quá nhanh đến độ không ai còn thì giờ để suy nghĩ.

Tôi trở về tuyến kiểm điểm tình hình. Tôi có trong tay một khẩu đại liên, khoảng 40 người lính nghĩa quân và một thiếu úy phụ tá, Thiếu Úy Thái và gần 20 lính thám sát tinh của Chuẩn Úy Tài. Ông Thiếu Úy có lẽ chưa đựng lớn bao giờ, khuôn mặt lo âu thấy rõ. Ông ta hỏi tôi:

– Bộ tụi nó đem cả sư đoàn để nuốt tụi mình à?

– Trước hết đó mới là tin tình báo. Thứ nhì Đồng Xoài bằng cái lỗ mũi, đâu có quan trọng gì để nó đem chủ lực cỡ sư đoàn ra để làm môi cho máy bay à? Yên tâm, nó muốn xơi tái mình cũng không dễ đâu.

Trần an thiên hạ thì dễ nhưng trần an mình mới khó. Hẳn là địch sẽ đánh nhưng tôi cầu nguyện với trời đất là hãy gượng đã, để đợi Trung Úy Lễ về rồi hãy đánh. Nhưng lời cầu nguyện của tôi đã không thấu trời xanh vì địch tấn công ngay đêm đó.



Khoảng gần nửa đêm, địch khai hỏa bằng pháo 82 ly. Không phải từ một hướng mà từ phía. Không phải bắn lai rai quấy rối mà là pháo áp đảo, 82 ly nổ rền trời từng chập. Tôi biết rất rõ là 82 ly không đủ sức xuyên phá hoặc gây tổn thất nặng nề vì hệ thống địa đạo giao thông hào và công sự chiến đấu được hết lớp tu bổ này đến kỳ tu bổ khác đủ sức che chở tụi tôi. Nhưng tôi còn biết rõ hơn 82 ly không bắn xa như 105, 155 hay hỏa tiễn 122 ly. Có nghĩa là tụi nó gần lắm rồi. Nhưng tôi không thể chia sẻ suy nghĩ này cho ai được.

Đồng Xoài có hai pháo đội, 105 và 155 ly. Tôi liên lạc máy với pháo binh. Lúc này tôi đang ở dưới trung tâm HQ của chi khu với TTKhoái. Tôi đề nghị phản pháo nhưng TT Khoái nói:

– Tụi nó đặt súng ba bề bốn bên, không biết hướng nào chính hướng nào phụ, và lại phải tiết kiệm đạn.

Tuy vậy tôi cũng thấy ông ta cho bắn một hai trái 105 để trả lời. Khoảng quá nửa đêm, máy PRC 25 ỉnh ỏi gọi. Gần như tất cả các tiền đồn đều bị đánh. Các chốt chặn địch dữ dội. Tiếng máy PRC 25 rè rè, tôi ngồi cạnh nghe các đơn vị bạn liên tu bất tận thông báo địch tình. TT Khoái nhận xét:

– Tụi nó chỉ mới chơi 82 ly để quấy rối và cầm chân tụi mình. Nhớ cảnh giác anh em đề phòng nó đánh đặc công. Cậu nhớ cho anh em luân phiên nghỉ ngơi. Tôi e mình sẽ chết cứng ở đây cho đến khi tỉnh và quân đoàn giải tỏa.

Tôi đi dọc giao thông hào dạo dò từng người một. Hể cái gì nhúc nhích là bắn. Những chiếc hỏa châu lững lờ cũng đủ để quan sát tới tận hàng rào ngoài cùng. Đến gần sáng thì địch thôi không pháo tiếp. Từ trong lỗ châu mai, nơi để ổ đại liên, tôi nhìn ra ngoài hàng rào phòng thủ, qua một quãng đất trống khá rộng, cỏ lác – hoặc cỏ gì tôi cũng chẳng rõ tên, có thể là cỏ tranh – tạo một vệt sẫm trên nền đất đỏ. Mọi sự im lìm, một sự im lìm đến rợn người. Tôi vỗ vai người trung sĩ giữ khẩu súng:

– Mong rằng mình không phải xài tới thằng em này.

Viên Trung sĩ vỗ vào còng súng:

– Xài tới thằng em này là chúng nó chơi biến người, chơi a-la-xô rồi ông thầy ơi.

Chúng tôi cùng cười.

– Như vậy là chỉ mới pháo, kiểu pháo giữ chân. Địch âm mưu gì đây?

Một chiếc phi cơ bà già L19 bay tít trên cao. Sự xuất hiện của chiếc phi cơ này vào quãng gần trưa đã là một niềm khích lệ lớn cho binh sĩ. Họ thấy họ sẽ được phi pháo yểm trợ. Nhưng tôi thì lại lo vô cùng.

Trước hết L19 bay rất cao, kinh nghiệm hành quân cùng không kỵ Hoa Kỳ cho thấy cao như vậy, quan sát của L19 sẽ không chính xác. Điều đáng sợ thứ nhì L19 không dám xuống thấp vì sợ làm mồi cho phòng không địch. Điều lo sợ của tôi đã thành sự thực, khoảng nửa giờ sau hai khu trục bay đến đánh bom. Tôi chỉ là một Trung Úy quèn, lo thủ một cái tuyến với vài chục mạng và một cây đại liên nên không biết rõ toàn diện của tình hình, không đủ yếu tố để nhìn bao quát thế trận, nhưng tôi biết rõ lực lượng tiến công phải là đại đơn vị vì phòng không địch bắn kinh hồn. Hai phi tuần đánh bom trật lất vì phi công không thể xuống thấp. Mỗi lần phi cơ đảo qua, phòng không bắn không hề tiếc đạn. Chúng tôi thấy giữa trưa nắng, những vết đạn lửa từ phía rừng xẹt lên không. Dẫu sao thì cũng có phi pháo và có vẻ như địch đang ước lượng xem phe ta quyết giữ Đồng Xoài đến tầm mức nào.

Sự việc diễn ra y như cũ.

Vào khoảng gần nửa đêm địch lại rót 82 ly từng chap vào chi khu. Chúng tôi nghe 155 ly nổ khá xa. Có lẽ đó là pháo yểm trợ của ta bắn từ cầu Rạch Rạc. Cầu này nằm ở phía Bắc cách Đồng Xoài cỡ 10 cây số. Nơi đây có một tiền đồn với một pháo đội hai khẩu 155 ly. Suốt đêm tin tức từ các chốt và tiền đồn nhỏ cho hay họ chạm địch hoặc bị pháo, nhưng tất cả các vị trí đều giữ được, chưa bị nổ, chưa bị tràn ngập. Xem ra tình hình còn còn vững. Và cũng như hôm trước, gần sáng địch ngưng.

Khi trời sáng hẳn tôi nói với thiếu úy Thái:

– Tôi về bên bộ chỉ huy chi khu cỡ một giờ sau trở lại. Ông lo cho anh em.

Lần theo địa đạo, giao thông hào, gỡ những vòng concertina tôi về được tới bản doanh chi khu. Người tôi hôi, ngứa ngáy. Tôi mò về phòng. Một quả 82 ly nổ ở sát cửa sổ phòng tôi, vì tôi thấy những bao cát lỗ chỗ rách bươm và tôi thấy một chiếc lỗ ở phía sân. Nhìn quanh tôi không thấy cái đuôi của viên đạn, không rõ nó vắng đi đâu. Điều ngạc nhiên là không thấy miếng vắng vào cửa sổ vì cái khung kính nhỏ vẫn còn nguyên.

Tôi tụt đôi giày saut ra, tôi quăng đôi tất nhà binh mầu cút ngựa vào một xó. Tôi nhìn bàn chân đỏ hồng bật cười. Mới hơn hai ngày bị bó chặt, nay được tiếp xúc với không khí, một cảm giác nhẹ, thoải mái khiến những ngón chân tôi như tự động duỗi ra ngo ngoáy.

Tôi ngoáy ngoáy hai cái chân dăm phút và sau đó đi vào phòng tắm. Khu tôi ngủ là một dãy nhà tôn dành cho sĩ quan chi khu với một phòng tắm chung ở cuối dãy. Tôi múc nước dội xối xả từ đầu xuống.

Tự nhiên hình ảnh tắm ở quân trường dội về trong trí nhớ. Hồi đó mỗi lần được trực ở lại đại đội, không phải ra bãi tập, tôi luôn thu xếp để hể chiếc xe chở nước đến bơm đầy vào bể chứa nước trong phòng tắm của sinh viên sĩ quan là tôi lĩnh vào liền. Một mình tha hồ vực từng nón sắt nước

đội thỏa thích không như cảnh phải tranh nhau vào đồng đội vào mỗi buổi chiều. Cái bể nước cao trong vắt sao mà hấp dẫn thế. Nhưng nơi đây lại là mặt trận, là sống là chết, là bom là đạn.

Tôi trở về phòng thoải mái. Căn phòng nhỏ nhưng ấm cúng, nơi tôi sống từ ngày về Đồng Xoài, tạo một cảm giác bình yên dễ chịu. Tôi ngồi trên chiếc giường nhỏ nhìn quanh. Tấm hình Dung vẫn ở đó, tấm hình chụp nàng bó gối ngồi trên tam cấp trước cửa nhà. Hình chụp ngược sáng, Khuôn mặt Dung khuất lấp nghịch ngợm. Bây giờ Dung đang làm gì?

Tôi nhận ra trong suốt hai ngày qua, tôi không bao giờ nghĩ đến Sài Gòn, nghĩ đến Dung. Tiếng bom đạn, không khí căng thẳng, cái chập chờn ma quái của hỏa châu và hơn cả nỗi ám ảnh rằng cả một Sư Đoàn Việt Cộng đang siết gọng kìm quanh Đồng Xoài khiến tôi không còn suy nghĩ nhớ nhung gì nữa.



Thay quần áo xong, tôi khoác chiếc áo giáp, tròng cái mũ sắt, xốc lại giày TAB và khẩu colt 45, từ từ đi về phía bản doanh của Thiếu Tá Đặng Vũ Khoái. Người Thượng sĩ cận vệ của ông ra dấu rằng ông vừa vào phòng ngủ chưa đầy năm phút. Tôi gật đầu, theo giao thông hào về lại tuyến. Sau hai ngày, tiểu khu chưa bị thiệt hại gì, các chốt phía ngoài chưa bị tràn ngập.

Khoảng xế chiều, hai phi tuần tới đánh bom nhưng theo quan sát của tôi, bom khó trúng mục tiêu dự trù vì được thả từ độ quá cao, không thể nào chính xác được. Nhưng sự có mặt của phi cơ là một động lực lớn trấn an mọi người. Địch lập lại trò cũ, gần nửa đêm là bắt đầu rót 82 ly. Có lẽ sau hai đêm, địch đã chỉnh cự ly chính xác hơn nên đạn rơi vào vòng trong chi khu khá nhiều. Qua máy PRC tôi biết hai nghĩa quân ở phía Đại Úy Tổ thiệt mạng. Nhưng đến gần sáng thì nhiều chốt bị tấn công đồng loạt ở vòng đai phía ngoài. Tôi dựa lưng vào tường bao cát nghe ngóng. Tiếng của các điện thoại viên, của lính truyền tin nghe như lạc giọng. Chốt này cho hay hỏa lực địch quá hùng hậu. Chốt kia cho hay e sẽ bị nhỏ. Đêm đó hình như bốn chốt và tiền đồn nhỏ bị tràn ngập. Tăng sáng một số binh sĩ từ phía ngoài được rút vào phía chi khu.

Đêm thứ tư tình hình trở nên dồn dập hơn.

Đồn ở cầu Rạch Rạc bị tứ phía giáp công. Tôi hiểu địch muốn diệt hai khẩu pháo 155 ly. Cuộc công đồn xảy ra rất sớm, ngay từ lúc mặt trời chưa lặn hẳn. Người chỉ huy đồn là Trung Úy Hùng cầm cự đến phút chót. Ông đã yêu cầu pháo binh của Đồng Xoài và của căn cứ Bunnard bắn thẳng vào đồn vì đã bị tràn ngập. Qua PRC tôi nghe được ông báo cáo đã hủy hai khẩu 155 không để lọt vào tay địch. TT Khoái quyết định cử nguyên đại đội Thám Báo và hai đội ĐPQ phối hợp mở đường đón tàn binh của đồn Rạch Rạc. Trung Úy Hùng quả là một sĩ quan đầy kinh nghiệm. Ông đã đem được gần như toàn bộ sĩ quan và quân sĩ về đến chi khu.

Khá nhiều thương binh. Đặc biệt có một Chuẩn úy mới ra trường vừa khóc vừa cười, đôi khi lại

rú lên những tiếng hoảng loạn. Trung Úy Hùng mặt phờ phạc bắt tay tôi, hất hàm về phía Chuẩn Úy:

– Vừa ra trường thì về với tôi, chắc lần đầu lại đụng quá lớn nên phát hoảng. Dám dứt mẹ nó dây thần kinh rồi. Chúng nó pháo như mưa, nhất là 122 ly. Anh chàng nghe chịu không thấu.

Tôi nhìn khuôn mặt trẻ măng của người Chuẩn Úy, một khuôn mặt ngờ ngác, thất thần. Ông ta được đưa sang cho Bác sĩ Nam. Không ai nói năng gì về ông Chuẩn Úy ngoài những ánh mắt thông cảm. Mười mấy tuổi đầu bị vút vào chốn binh đao lửa đạn ai không sợ?

Thiếu Tá Khoái bố trí cho đám tàn quân của Rạch Rạch “duỡng quân” ở ngay trung tâm chi khu gần bệnh xá và căn cứ pháo binh. Ông cũng giữ Trung Úy Hùng ở lại bản doanh. Thấy tôi đứng lớ ngớ quan sát đám binh sĩ từ đồn Rạch Rạch lo lui cui thu xếp, ông gọi:

– Trung Úy Dũng.

Tôi quay lại và tiến về phía ông. Ông trở lại giọng hòa nhã.

– Cậu đừng lo. Chuyển tải thương hay tiếp tế đầu tiên tôi sẽ cho cậu về Sài Gòn liền lập tức. Trung Úy Lễ đã liên lạc. Ông ta đã có mặt ở Phước Long, đang sốt ruột, cổ mò xuống đây.

– Tôi biết, ông thầy. Tôi nghe tin Trung Úy Lễ nằm lì ở sân bay để chờ xuống đây từ đêm qua.

– Ok. Hễ có trực thăng hay tải thương tiếp tế là cậu có quyền dọt. Có Trung Úy Lễ hay không Trung Úy Lễ tôi cũng để cậu đi. Bây giờ cậu đi một vòng hỏi thăm anh em với tôi.

Đầu tiên ông tạt vào bệnh xá. Các giường đều kín người. Khoảng bảy, tám binh sĩ của Chi Khu bị miểng đạn 82 ly. Khoảng mười mấy người khác từ các chốt và hơn một chục mạng từ đồn Rạch Rạch. Ông Đại Úy bác sĩ Tâm đang lui cui băng cho một binh sĩ. Thiếu Tá Quận Trưởng hỏi:

– Cái ông chuẩn Úy mới ra trường êm chưa Bác sĩ?

– Bị chấn động thần kinh. Tôi đã chích thuốc an thần, hiện ngủ rồi. Có tỉnh lại như xưa hay không lại là vấn đề khác, từ từ mới biết.

Mọi người im lặng. Những thực tế phũ phàng của chiến tranh được nói đến bằng giọng nói bình thản, đôi khi diều cọt, nhưng tận đáy lòng, chúng tôi đều thông cảm và hiểu những điều không cần nói ra.

Chúng tôi vòng qua nơi Đại Úy Tổ. Ông ta tỉnh táo, quần áo vẫn thẳng nếp, mũ sắt chùm chụp trên đầu. Đại Úy Tổ dáng người to lớn, nhưng lại gọn gàng và nhanh nhẹn. Ông nói với ông quận:

– Thiếu Tá yên tâm, mặt này có tôi, nó muốn thì cũng trả giá đắt lắm.

Ông ta ngẫm nghĩ rồi lập lại:

– Đắt lắm!

Điều mà chúng tôi không hiểu là giá có thể đắt so với thang biểu của tôi, của Đại Úy Tổ hay rộng lớn hơn cả quân đội Miền Nam. Nhưng với địch, với Hà Nội thì giá đó có khi quá rẻ. Suốt trong những năm tháng còn lại trong đời, lúc nào tôi cũng nhớ hai tiếng “đắt lắm” của Đại Úy Tổ.

Tôi lẻo đẻo đi theo Thiếu tá Khoái hỏi thăm các sĩ quan, binh sĩ. Ông lấy cả hai bao Lucky của tôi đem mời tứ tung, gặp nghĩa quân nào cũng “làm một điều cho thơm râu bồ phôi”. Ông bắt tôi dẫn về phòng tuyến và ân cần nói chuyện với các sĩ quan, binh sĩ. Ông vỗ vai Chuẩn Úy Tài:

– Chuẩn Úy như ông này mới đúng là tương lai của quân đội.

Tôi chạnh nghĩ đến người Chuẩn Úy đang thêm thiếp ở bệnh xá. Trước khi rời tuyến của tôi, Thiếu Tá Khoái lập lại:

– Hễ có tiếp tế tải thương là cậu dọt.

Tôi im lặng tiễn ông. Cho đến phút này quả tôi không nghĩ đến chuyện ở hay đi. Nó nằm ngoài quyết định của tôi và lơ mơ trong tâm khảm tôi thấy khó mà xảy ra cho đến khi chi khu được giải tỏa. Phòng không địch dày đặc, làm sao trực thăng xuống được. Chỉ có đường duy nhất là tỉnh và quân đoàn phối hợp hành quân lớn, có Dù, Biệt Động, TQLC thì mới hy vọng. Nhưng cái tiểu khu bé tí teo này có là ưu tiên số một chẳng? Mấy hôm trước còn ở Sài Gòn, tôi đọc thấy áp lực còn đè nặng trên nhiều vùng, từ phía Quảng Trị xuống phía Ban Mê Thuộc của quân đoàn 2, và phía Bình Long cũng đang đụng lớn, chưa kể dưới đồng bằng.

Tôi không có thì giờ suy nghĩ lâu là liệu có giải tỏa chẳng. Địch khai hỏa rất sớm, pháo dày hơn thường lệ. Tôi cũng nghe được tiếng pháo đáp lễ của ta từ căn cứ Bunnard. Nơi đây có một pháo đội 155 ly bắn xa đủ để yểm trợ cho Đồng Xoài. Nhưng hai khẩu thì ăn thua gì? Pháo cơ hữu cũng bắn nhưng cầm chừng, có thể vì không có mục tiêu rõ ràng hoặc có thể hà tiện đạn. Đến nửa đêm thì địch đánh đặc công vào phòng tuyến của tôi. Đây là một ngạc nhiên lớn vì địa hình không có lợi nếu địch chọn lối đánh này. Địa thế trống trơn khiến tầm quan sát của chúng tôi khá xa. Tổ chức quân đội của chúng ta được rập khuôn theo Hoa Kỳ và có rất nhiều đơn vị với phù hiệu trang bị và quân phục rất khác nhau như Dù, Biệt kích, TQLC Biệt Động Quân... Việt Cộng chỉ có chính qui và du kích. Du kích tương đương với địa phương quân hoặc nghĩa quân, là những đơn vị bản địa. Họ biết rõ địa hình địa vật, dân tình và cả quân tình của vùng hoạt động và thường là những nguồn tin cần thiết cho bộ đội chính qui và các đại đơn vị. Trong thành phần du kích có một đoàn được đặt tên là đặc công – hiểu như cảm tử quân hay ở một khía cạnh khác giống như biệt kích dù, hoặc thám báo của ta. Đặc công Việt Cộng trang bị súng ngắn và rất nhiều lựu đạn và thường là có thêm một con dao găm để đánh xáp lá cà. Bọn họ ở trần, chỉ mặc xà lỏn, cả

người bơi dầu và lọ nghe đen thui, và thường là mũi công phá để đánh các chốt, các đồn lẻ. Theo sự hiểu biết, tôi tin rằng địch dùng đặc công để phá bãi mìn và hàng rào kẽm gai phòng thủ tuyến.

Chúng tôi chỉ thấy lơ mờ những vật di động ở phía ngoài nơi gần bãi cỏ lác. Khẩu đại liên khạc đạn liên hồi. M16 góp tiếng. Tôi đứng sau tường bao cát quan sát. Thành thạo có một tiếng nổ vọng vào và một đám lửa toé lên từ các lùm cây lùm cỏ. Hoặc là các đặc công ném lựu đạn để phá kẽm gai và mìn. Hoặc họ trúng đạn và lựu đạn nổ theo. Đợt đầu độ 15 phút. Khoảng một giờ sau địch tung đợt hai nhưng không kết quả. Hai giờ sau lại có những bóng đen động đậy, những lùm cây di động. Tôi cho bắn hỏa châu sáng một khoảng trời. Đạn nhả như mưa mùi thuốc súng nồng nặc trong tuyến. Tôi sai hai binh sĩ lo quét vỏ đạn dồn về một góc. Đúng lúc đó, đạn phòng không của địch nổ đổ trời. Suốt đời lính tráng tôi chưa hề thấy phòng không cỡ này. Như lưới đan, đạn kẻ những vệt sáng đỏ. Chúng tôi nghe thấy tiếng phi cơ khu trục ầm ì trên cao và sau đó là chục tiếng bom. Đêm đó phi cơ đánh hai lần như e không kiến hiệu vì bom bỏ từ khá cao và lại trời tối thui. Nhưng binh sĩ thì yên tâm thấy rõ. Họ tin họ không bị bỏ rơi. Như vậy là đủ với chúng tôi. Số tiền đồn và chốt ở sát chi khu không còn lại bao nhiêu. Tối gần sáng qua máy truyền tin tôi nghe tiếng Chuẩn Úy Tư la inh ỏi. Tôi biết rõ ông Chuẩn Úy dễ thương người đầu ở miệt Vĩnh Long. Đang học Dược thì bị đi lính vào Thủ Đức. Tư vui tính hay điệu và nhậu khá giỏi, thích uống đế pha xá xí con cộp. Tôi thì chịu, không chơi nổi cái món cocktail kinh hoàng này, uống vào là nhức đầu như búa bổ. Có lần tôi hỏi Tư sao lại uống đế pha xá xí, Tư cười bảo:

– Lương Chuẩn Úy nhiều Trung Úy biết hông? pha xá xí còn chưa đủ tiền trả, làm gì dám chơi 33 đều đều?

Nhưng qua máy truyền tin, giọng Tư lạc hẳn đi. Chín giờ hơn, chốt bị nhỏ, bị đặc công đánh bật khỏi vị trí. Chuẩn Úy Tư vừa đánh vừa rút đem về chi khu được gần một trung đội nhưng hơn nửa là thương binh. Cái tin Tư đem về làm chúng tôi rúng động. Tư cho hay chính anh thấy và đếm được 13 chiếc T54 càn lên nên rằng mìn và kẽm gai không thể chặn nổi.

Hôm đó hai chiếc C123 quần trên cao thả dù tiếp tế.

Tôi không rõ những kiện hàng thả xuống là gì – đạn dược, thuốc men hay cả lương thực nhưng dù bị gió đẩy đi rơi lạc mất hút vào cánh rừng bên ngoài. Tiếp tế cho ta trở thành tiếp tế cho địch. Phòng không bắn ran trời, phi công không thể nào xuống thấp hơn được nữa. Nhìn những chiếc dù bọc gió căng phồng với kiện hàng lơ lửng trên cao từ từ dạt ra khỏi vòng đai, chúng tôi tiếc hùi hụi.

Đêm đến, ngoài ánh hỏa châu lập lòe, mọi sự yên tĩnh lạ thường. Địch không chơi 82 ly vào chi khu nữa. Chúng chơi trò gì đây? Pháo hay không, chúng tôi vẫn phải thức. Khoảng hai giờ sáng, một nghĩa quân bụng đến cho tôi một ca nhôm.

– Trung Úy, làm tô mì cho đỡ xót ruột.

Đời sống lính tráng có nhiều điều nếu rời khỏi sẽ gây nhớ nhung đến lạ lùng. Phải chăng chính vì những ca nhôm nóng bỏng và mì gói Đại Hàn này đã khiến tôi trở lại Đồng Xoài thay vì lặn luôn để đi Mỹ ? Tôi vốn khảnh ăn và lại dễ ăn. Ăn gì cũng được, chỉ tôi ăn không được nhiều. Dung vẫn nhăn nhò vì mỗi lần hai đứa đi ăn bíp téch, tôi chỉ ăn hết non nửa, dù miếng bíp téch của Tài Nam cũng chẳng to lớn gì, mà lại mỏng tanh. Bỗng ông Thái đến cạnh tôi bảo:

– Trung Úy ăn xong, đi ngủ đi, để tôi lo. Nó chơi lớn ông thức cũng vừa.

Ông Thái ngồi bệt xuống cạnh tôi, hai người dựa vào vách tường bao cát hơi ẩm lạnh. Vừa húp mì, vừa gật gù, tôi hỏi:

– Vợ con ông ra sao?

– Hà, đứa nhỏ mới sáu tháng, ở Nha Trang với ông bà nội. Ba tháng rồi chưa thấy mặt.

– Bà ấy có than thở gì không?

– Trung Úy độc thân vui tính, lương bao nhiêu cứ xài cho hết, và lại gia đình Trung Úy còn tiếp tế thêm nữa. Sĩ quan vợ một con cả tháng lương chỉ đủ mua gạo với cá khô. vợ tôi phải buôn bán thêm mới đủ sống.

Câu chuyện đến đây tắc nghẽn. Tôi không biết nói gì với người sĩ quan sắp sỉ tuổi tôi. Chúng tôi sinh ra vào thời loạn, đâu có quyền lựa chọn? Tôi đánh trống lảng:

– Vậy ông trông coi anh em, tôi nhắm mắt một lát.

Tôi chui vào căn hầm ở giữa tuyến nơi bố trí khẩu đại liên. Căn hầm vuông vức có sẵn mấy chiếc ghế bố. Lột chiếc mũ sắt, tụt bỏ chiếc áo giáp và giày ATB, tôi ngả người trên ghế bố và chìm vào giấc ngủ lúc nào không rõ.

Khoảng nửa trưa, Thiếu tá Đặng Vũ Khoái triệu tập tất cả sĩ quan của chi khu Đôn Luân để nghe ông thuyết trình. Chữ thuyết trình có lẽ quá to, đúng hơn là những lời trấn an:

– Tôi đã nói chuyện trực tiếp với Đại tá Tỉnh Trưởng và trên Quân Đoàn. Một kế hoạch hành quân lớn đang được ráo riết chuẩn bị và sẽ có nhiều chuyển thả dù tiếp tế hơn. Nhân danh chi khu trưởng, tôi đã đoan chắc tinh thần của sĩ quan và binh sĩ Đồng Xoài là quyết giữ chi khu này bằng mọi giá. Tôi và Đại Úy Tổ hiện đang dự trù để nếu có hành quân giải tỏa, chúng ta có thể mở đường tiếp tay với lực lượng bạn từ phía ngoài.

Các sĩ quan chi khu không ai lên tiếng. Nói gì bây giờ. chúng tôi đều biết rõ các tiền đồn đã bị đánh tan. Chót cuối cùng của Chuẩn Úy Tư cũng đã vỡ. Phòng không địch dày đặc quanh chi

khu chúng tôi đang bố trí cho một trận đánh lớn. Hoặc là nuốt gọn chúng tôi. Hoặc là dùng Đồng Xoài cho như như mỗi giảng một cái bấy chờ sẵn để nghênh chiến với các đơn vị giải tỏa do tỉnh và quân đoàn gửi xuống. Cách nào thì chúng tôi cũng là kẻ bị động, không thể nhúc nhích gì được. Hai ngày sau đó, địch chỉ pháo cầm chừng. Nhưng thỉnh thoảng có cả hỏa tiễn 122 ly. Lại thêm một dấu hiệu đáng ngại.

Có cái gì căng thẳng lơ lửng trong suy nghĩ của tất cả anh em sĩ quan. Chúng chơi trò gì đây? Giống như khí hậu oi nồng báo trước trận bão, tôi linh cảm thấy địch sẽ tấn công bất cứ lúc nào.

Đến đêm thứ chín thì tình hình khác hẳn. Địch pháo liên tu bất tận. 82 ly rồi 122 ly. Có lẽ đề lộ địch đã chỉ điểm rõ và cự ly pháo cũng đã được điều chỉnh, đạn địch rơi ì ầm vào chi khu và đôi khi sát bên các giao thông hào. Pháo không ngơi nghỉ. Những tiếng rít của 122 ly nghe lạnh xương sống. 122 ly nghe nổ giòn hơn 82 ly. suốt bao năm cầm súng đến nay, tôi mới nhận biết điều này. Chỉ nghe tiếng đạn rít lên là tôi có thể phân biệt có đúng 122 ly không. Bốn khẩu cơ hữu của chi khu lúc này cũng hoạt động liên tục hơn nhưng nếu so về cường độ thì chẳng thấm vào đâu. Chúng tôi chịu trận đến sáng thì có tin mừng vào ngày thứ 10 của cuộc tử thủ.

Chúng tôi được tiếp viện. Trên truyền tin của mã số 25, chúng tôi nhận được một câu ngắn ngủi “Chúng tôi yêu thương các anh”. Yêu thương là yểm trợ theo ngôn ngữ truyền tin Y-T. Mã số 25 có lẽ là của cấp chỉ huy quan trọng vì rất nhiều đài liên lạc làm việc với 25. 25 yêu cầu chúng tôi cho hay pháo và phòng không địch nặng nhất là về hướng nào. Tinh thần mọi người lên như điều. Tôi dán tai vào máy vừa nghe vừa lượng định.

Chắc chắn 25 phải là thẩm quyền quan trọng và chắc chắn lực lượng tiếp viện phải là Dù hoặc Lực Lượng Đặc Biệt. Có thể là hành quân trực thăng vận vì với địa thế này khó mà nhảy dù. Vả lại theo trí nhớ lơ mơ của một anh trung úy, tôi nghĩ đã lâu lắm quân đội không còn hành quân nhảy dù nữa. Tại sao thì không rõ. Hoặc giả vì địa hình địa vật không thuận lợi. Hoặc là chúng ta quen đánh kiểu Mỹ, trực thăng vận chẳng?

Tôi và các sĩ quan xúm lại chăm chú. Tiếng PRC nghe rõ rõ.

– 25 đây. 25 đây. Nghe rõ trả lời. Roger.

– Năm trên năm. Roger.

– Cho biết tọa độ nặng. Tọa độ nặng

– Mười bảy hai tám ba hai. Lập lại mười bảy hai tám ba hai. Roger.

– Đà điều. Đà điều. Nghe rõ trả lời. Roger.

– 25 nghe năm trên năm. An toàn bãi đáp.

Chúng tôi đều hiểu thẩm quyền 25 muốn phi pháo đánh vào mục tiêu chỉ điểm để có thể mở một khoảng trống làm bãi đáp cho trực thăng. Không khí trong tuyến như bưng lên chờ đợi. Khoảng mười lăm phút sau hai phi cơ xuất hiện. Binh sĩ hơn hờ ra mặt, mọi người đều nhô lên khỏi các bao cát quan sát. Hai chiếc F5 đảo trên cao hai vòng và chúi xuống hướng phía tuyến của Đại Úy Tố. Phòng không địch dày như lưới đan. tiếng bom nổ ì ầm. Hai chiếc F5 nữa xuất hiện lao xuống. Tôi chăm chú ước lượng. cao quá. Kinh nghiệm hành quân với toán Mầu của lực lượng không kỵ Hoa Kỳ cho tôi thấy đánh bom kiểu này không kiến hiệu. Ngày xưa còn đánh giặc theo kiểu Hoa Kỳ, mỗi lần sửa soạn bãi đáp trực thăng, bom đạn xài thả cửa. Pháo xong là cả chục phi tuần của Đệ Thất Hạm Đội lao tới. Sau đó trực thăng UH1 võ trang đại liên và hỏa tiễn rà. Tôi đã ngồi nhiều năm trên những chiếc phi cơ quan sát để “clear” bãi đáp. Hồi đó tôi vẫn còn có cái ý nghĩ không còn cái gì nhúc nhích được sau những đợt phi pháo kinh hồn như vậy. Đó là những cuộc hành quân của ngày xưa chưa Việt Nam hóa chiến tranh. Phòng không địch thưa và thường rất yếu. Lúc đó Hà Nội chưa thể chuyển vào Nam các vũ khí cơ giới và phòng không cỡ này vì đường mòn Hồ Chí Minh bị đánh bom liên tu bất tận.

Từ cái tuyến lép nhép và ẩm ướt nhìn ra, tôi thấy khó mà đổ bộ trực thăng nổi trong tình huống hiện nay. Một anh Trung Úy quen như tôi mà còn nhìn ra thì thẩm quyền 25 phải thấy. Quả nhiên sau bốn phi tuần, có tiếng 25:

– Rất yêu thương các anh. Trời lại sáng. Lập lại yêu thương các anh. Trời lại sáng. Lập lại trời lại sáng.

Lúc đó trời đã về chiều. chúng tôi hiểu rõ. 25 hẹn ngày mai trở lại. Tôi cười băng quơ. Ngày mai có thật sáng sửa chăng?

Chưa biết ngày mai như thế nào nhưng tối hôm đó êm ả lạ kỳ. Sau 10 ngày căng thẳng tôi thấy cơ thể rã rời. Binh sĩ trông nhếch nhác, dựa lưng vào tường ngủ gà ngủ gật. Tôi và các sĩ quan vẫn phải chia phiên đồn đốc cắt gác, thượng phiên trực. Địch có thể mở cuộc tấn công bất cứ lúc nào. Cả hôm đó địch chỉ pháo lai rai. Tôi được một nghĩa quân đưa cho hai cục kẹo màu xanh gói trong giấy bóng. Rõ ràng là kẹo nội địa, kẹo Chợ Lớn và là loại rẻ tiền. Tôi nhớ rõ vì quả không bao giờ tôi lại nghĩ được ăn kẹo vào lúc đó. Kẹo đã hơi nhão ra, dính vào giấy bóng kính rất khó bóc, nên tôi bỏ cả hai cục vào miệng rồi nhần dần.

Chính lúc đang cố dùng lưỡi đẩy cái giấy lép nhép ra khỏi miệng, tôi chợt thấy sự hiện diện của tôi nơi đây có những cái lý do của nó. Tôi là sĩ quan – Trung Úy Dũng – nhưng trong suốt bao nhiêu năm có mặt trong quân ngũ, chưa bao giờ tôi để tâm tới khía cạnh như kiểu vẫn được chính phủ nói tới như lý tưởng, bảo vệ tự do, như chiến tranh ý thức hệ, như tiền đồn của thế giới... Tôi bị đông viên thì đi. Được huấn luyện thành sĩ quan. Giáo dục của gia đình và học đường đã khiến tôi thấy những bổn phận đó là đương nhiên. Chưa bao giờ tôi đặt câu hỏi với tôi về ý nghĩa của

cuộc chiến tranh cả.

Nhưng tôi yêu quân đội vì có lẽ được sống và đã được chia sẻ với những người như anh nghĩa quân chia cho tôi cục kẹo. Trong cái ý nghĩ lẩn quẩn đó, tôi im lặng quan sát người lính dưới quyền. Anh ta khoảng 20 tuổi. Quá trẻ. Dáng dấp cho thấy giống bất cứ người thanh niên quê mùa nào, anh đang nghĩa quân để được gần gia đình.

Tôi vốn học trường Tây, mặc dù cố gắng tự học lịch sử Việt Nam nhưng vẫn rất mù mờ. Tuy nhiên tôi nhớ đến tổ tiên ta đã có thời sử dụng đến lực lượng bán quân sự gọi là Nông Binh. Không có giặc thì làm ruộng thì là Nông. Có giặc thì đánh, thành Binh. Người nghĩa quân ngày nay, có lẽ được xây dựng trên ý niệm đó. Tôi hỏi:

– Sao, Tú vợ con gì chưa?

– Chưa Trung Úy ời. Nghèo chết mẹ có đứa nào thương đâu?

– Đẹp trai thế thiếu gì đào.

– Ồi con gái thời nay chỉ có tiền thôi Trung Úy ời.

Và anh ta nhìn tôi:

– Nghe nói Trung Úy sắp lấy vợ và đi Mỹ?

A ha, chuyện của tôi đồn đại khá xa, đến người nghĩa quân này cũng biết. Tôi đánh trống lảng:

– Ờ, chưa biết ra sao vì bây giờ mình đang bị pháo lia chia ở đây.

– Lạy trời cho có giải tỏa.

Tôi rùng mình. Hóa ra tất cả binh sĩ ở đây đều thấy ngõ cụt của chúng tôi. Niềm hy vọng duy nhất là một cuộc hành quân lớn từ ngoài đánh vào và chúng tôi sẽ từ trong đánh ra. Đánh ra thì chúng tôi sẵn sàng, nhưng phải có lực lượng bạn từ ngoài đánh vào. Tôi trấn an người thuộc hạ:

– Đương nhiên là sắp có hành quân giải tỏa.

Suốt ngày hôm đó không có biến cố gì. Chúng tôi ngắm 25 nhưng biệt tăm. Tin tức từ máy cho hay có đụng lớn nhiều nơi khác. Quận Phước Bình cũng bị pháo kích và tấn công. Tình thế xem ra không có gì lạc quan.

Tôi thiếp đi được một hồi. Tỉnh dậy trời đã sập xuống. Đêm tối êm ả, không có 82 ly, không có 122 ly, chỉ có tiếng pháo cầm chừng của ta, có lẽ từ Bunnard bắn tới. Khoảng quá nửa đêm, qua PRC, thiếu tá Khoái gọi tôi sang bên ông. Gỡ hàng rào kẽm gai vòng, tôi đi len lỏi giữa các giao thông hào. Sau 10 ngày chịu trận, nơi đâu cũng phảng phất mùi lửa đạn, mùi thuốc súng.

Tôi gặp Thiếu Tá Quận Trưởng đang ngồi ở bàn giấy, nơi tôi và ông cùng uống cà phê với ông Bảy 10 ngày trước.

– Tụi nó nấu xôi lạp xưởng, tôi nhớ đến cậu, nên gọi sang ăn. Lạp xưởng đào cậu mua ngon lắm.

– Dung nói lạp xưởng Mai Quế Lộ của Tàu. Tình hình tổng quát ra sao Thiếu Tá?

Ông nhìn tôi im lặng một chút rồi chậm rãi trả lời:

– Đáng lẽ cậu không cần từ giã tôi và anh em. Nhưng tôi vẫn chủ tâm hể thoát ra thì cậu là người đầu tiên về Sài gòn. Cho tới giờ phút này, tụi nó chưa lộ hẳn sẽ chơi mình thôi hay dùng mình để cầm chân rồi đánh tình. Tôi đã nói rõ với Đại Tá Thành rằng anh em mình sẵn sàng ăn thua đủ nhưng phải có tiếp tế và tải thương, và nhất là phải đánh bom nhiều hơn nữa. Đồ ăn thức uống thì còn có thể kéo dài nhưng thuốc men thì chẳng còn gì. Ông Bác sĩ Nam cho hay bệnh xá không còn thuốc cầm máu, hết trụ sinh, và ông cũng kêu trời như bọng. Đạn thì cũng tàm tạm nhưng cứ kiểu này không khéo mình thành Tống Lê Chân cũng nên.

Tôi gõ xuống bàn suy nghĩ cố nhớ. Tống Lê Chân ở trên núi, địa thế hiểm nghèo và hồi đó phi pháo ê hề, Cộng Sản đâu đã có ưu thế về vũ khí. Đồng Xoài tứ phía là rừng và tụi tôi như nắm xôi nằm trên đĩa.

– Liệu quân đoàn chơi có mạnh, hành quân phối hợp giải tỏa không?

– Chưa biết. Cậu hiểu và tôi cũng hiểu. Mong rằng phía trên không kẹt ở đâu, để có thể lo cho mình.

– Đại Tá Thành có hứa gì không?

– Tất nhiên là hứa nhưng không có gì là khẳng định hết. Máy đột thả dù, lạp hết ra ngoài rồi.

– Bốn đợt. Mất bọn à Thiếu Tá.

– Mẹ kiếp, tiếp tế cho mình hóa ra tiếp tế cho địch.

Nồi xôi chín và người hạ sĩ dọn cho chúng tôi hai đĩa xôi thơm phức cùng với một đĩa lạp xưởng xắt mỏng.

Thiếu tá Khoái nói với người Hạ Sĩ:

– Nấu hết xôi đem chia cho anh em, đừng để họ nghĩ tôi và Trung Úy Dũng ăn mảnh một mình không nghĩ đến họ.

Lạp xưởng xắt mỏng màu đỏ tươi, dai nhưng vị ngọt và có thoang thoang mùi rượu nếp – hay như máy ông Tàu hay dọa anh em, mùi Mai Quế Lộ. Chúng tôi ăn chậm rãi, và tôi thấy Thiếu tá

vẫn áo giáp mũ sắt dù đang ngồi trên ghế bành đằng sau chiếc bàn lớn.

Khoảng ba giờ tôi tính đi trở lại phòng tuyến thì Thiếu tá bảo:

– Đợi sáng hãy về. Ngồi đây làm ly cà phê đã.

Không bao giờ tôi được về phòng tuyến nữa. Chắc cỡ bốn hay năm giờ sáng gì đó địch khai hỏa, bắt đầu pháo. Không phải là lai rai mà pháo tập trung. Bốn phương tám hướng. đạn 82, 122 rơi tứ tung ngũ hành. Thiếu Tá Quận Trưởng nhanh nhẹn rời khỏi chiếc ghế, vội vàng đi về phía hầm truyền tin, nơi đặt bộ chỉ huy chi khu. Tôi vồ lấy cây M16 vừa lui cui chạy vừa cố định hướng. Mới đầu nghe tiếng rít tôi còn hụp xuống, nhưng sau đó pháo rất quá tôi đâm liều, chạy phăng phăng và nhảy xuống giao thông hào nơi có đám thám sát tình đóng trụ gần nơi để bốn khẩu pháo cơ hữu. Nơi đây là trung tâm chi khu, có lẽ bị bắn phá nhiều hơn cả. Chúng tôi ở bẹp dí dưới các công sự chiến đấu. Tôi mò lại chỗ người lính truyền tin đang ôm máy PRC, tìm cách liên lạc với Thiếu Úy Thái.

– Tango. Đây Zulu. Nghe rõ trả lời.

Zulu là mã số của tôi. Độ dăm phút sau có tiếng trả lời:

– Chạm nặng

Và sau đó là tiếng rồ rồ không nghe gì được nữa. Tôi sốt ruột cố giữ tần số. Đạn nổ tứ bề đình tai nhức óc. Địch tứ diện tấn công. Khoảng nửa tiếng sau tôi mới lại được lên máy nói chuyện với tuyến. Tôi nói rất nhanh:

– Tango. Tango. Đây Zulu

– Nhận rõ.

– Đang kẹt bên 33. Tango ráng lo bên đó.

– Nhận rõ. Tụi nó chơi dữ quá, T54 đang tràn lên.

– Nghe rõ. Tango... ráng giữ ráng giữ...

– Zulu.Zulu. Tụi nó tràn lên, tràn lên. Xáp lá cà. Xin yêu thương. Xin yêu thương...

Đó là những lời cuối cùng của Thái. Tuyến bị tràn ngập vào khoảng bảy giờ sáng. Tôi không rõ số phận của mọi người ra sao, chỉ nghe viên trung sĩ hét qua PRC

– Thiếu Úy tử trận. Địch tràn vào.

Nơi tôi đứng, viên Thượng sĩ thủ khẩu 81 ly đã dựng súng gần như thẳng đứng. Thế có nghĩa là đạn nổ chỉ cách đó vài trăm thước. Tôi chạy ra tiếp đạn. Khói mù mịt tạo thành một màn hơi mỏng.

Mùi thuốc súng làm mọi người hăng lên, khoẻ ra. Tôi không còn phân biệt được tiếng M16 hay AK47 nữa. Đúng lúc đó, có tiếng thét lạc giọng:

– T54.

Từ trong công sự chiến đấu, chúng tôi có thể nghe tiếng động cơ ầm ì nhưng đến lúc đó mới nhìn thấy rõ xe tăng địch. Tôi nghe tiếng chửi thề ngay bên tai:

– Đù mẹ chúng mày.

Và người lính thám báo nhảy hẳn lên khỏi hàng bao cát, quay khẩu M72 bắn. Chiếc T54 trúng đạn chao sang một bên nhưng vẫn chậm chậm lặn về phía hàng rào, pháo tháp trên với nòng đại bác 100 ly hướng về phía chúng tôi. Tôi nhìn thấy họng đại bác khạc lửa và sau đó là tiếng nổ. Người lính M72 lãnh nguyên trái đạn, chiếc áo giáp bay ra như bướm bướm, trắng cả một khoảng giao thông hào.

Tôi không thấy thịt xương của anh ta, có lẽ cả người bị đạn 100 ly đẩy tuốt đi tận đâu. M72 không đủ sức hạ T54 vì chiến xa của địch đã được cải tiến thành xe hạ thấp và có độ nghiêng khiến đạn M72 bị trượt đi.

Mấy khẩu đại bác được hạ nòng bắn trực xạ. Chúng tôi bắn liên hồi, có gì bắn nấy. Đột nhiên tiếng kèn nổi lên. Suốt hơn sáu bảy năm lính tôi chưa bao giờ nghe tiếng kèn xung phong. Tôi cũng chưa được đồng đội nào cho hay Việt Cộng có kèn xung phong. Nghe như xi nê nhưng thật tiếng kèn xung phong có một tác động ghê hồn. Nó không chỉ khích động bên kia mà nó còn khích động cả phía tụi tôi. Những người lính vừa bắn vừa chửi thề. Mới chỉ là kèn, địch chưa tung bộ binh đánh biển người nhưng thoáng phía xa là những di động thấy rõ là địch đang dàn trận để xung phong. Đúng lúc đó có tin Đại Úy Tổ bị trúng pháo chết và tuyến của ông bị tràn ngập.

Đạn bắn tứ phía đủ loại súng lớn, súng nhỏ. Đầu tôi lùng bùng. Tôi loay hoay suy nghĩ và nhảy khỏi giao thông hào mò về bộ chỉ huy chi khu. Tôi muốn biết TT Khoái quyết định ra sao. Vô đạn rơi vãi khắp nơi, những bao cát tung toé vì pháo. Sục mãi không tìm được ông Quận Trưởng, tôi thoáng thấy hai người lính núp sau mấy chiếc lu lớn phía sau tư dinh. Bò lại thì ra hai ông lính kiểng người Tàu Chợ Lớn làm bếp cho ông Quận. Tôi hỏi:

– Thiếu Tá đâu?

Hai ông lính to béo cầm M16 chắc chưa bắn phát nào, mặt mày tái mét:

– Tụi em vừa thấy ông Quận và mấy người Stieng. Ông Quận bảo tụi em ở đây bắn chặn.

Tôi biết chắc hai ông lính này không biết bắn chặn là gì. Nhìn điệu bộ họ, tôi nghĩ suốt đời lính họ chưa bao giờ phải bóp cò. Tôi chạy vào văn phòng. Đồ đạc vẫn y nguyên, ngó thấy dây ba chạc

trên có gắn từ lum, thứ dây chạc của phi công Mỹ với thuốc men, máy Beacon, tôi khoác vào vai. Tôi biết rõ cái dây chạc này nhờ hồi hành quân với người Mỹ. Cái máy Beacon lớn cỡ bao thuốc lá sẽ phát ra tín hiệu khiến phi cơ biết người phi công đang ở tọa độ nào để đến cứu. Tiện tay thấy một tấm bản đồ hành quân, tôi thủ luôn vào túi quần trộm.

Vừa lui cui chạy dọc theo phía bao cát tôi thấy hai nghĩa quân đang đứng ôm M16 hướng ra ngoài. Một trái 122 ly nổ giữa sân, đất cát bắn tung toé. Chiếc cột cờ gãy ngang, lá cờ vẫn vương vào dây rách lỗ chỗ. Người nghĩa quân quay sang nói với tôi:

– Tội lá cờ, để em ra lấy.

Tôi chưa kịp cản thì anh ta đã lao ra giữa sân. Một trái 122 ly nữa nổ tung. Người nghĩa quân ngã gục trên lá cờ và chỉ một giây sau đó, xác anh bật tung lên vì trái lựu đạn của anh có lẽ đã tuột kíp nổ. Người nghĩa quân nằm đó bất động, cờ tẩm máu đỏ rách bươm quán lấy đầu anh.

Mò trở lại khu trung tâm, tôi gặp Trung Úy Hùng. Đúng lúc đó viên Trung Úy Pháo binh thủ pháo cơ hữu nhảy qua vòng concertina, quần áo rách tả tơi, có lẽ vì vương dây thép gai. Giọng ông ta như lạc hẳn đi:

– Tụi nó đông quá, có cả chục T54, không giữ nổi.

Rất nhanh, tôi hiểu và hỏi lại, khá gay gắt:

– Ông có hủy pháo không?

– Không kịp. Tụi nó bắn rất lắm.

– Ông trở lại nói anh em hủy ngay. Đâu có thể để mấy khẩu pháo lọt vào tay địch.

Tôi không nhớ tên người Trung Úy Pháo Binh nữa, nhưng suốt đời khó mà quên được nét mặt ông ta. Giữa bốn phận của một người lính, hơn nữa, của một cấp chỉ huy, và sinh mạng của chính mình, ông thần người ra. Tiêu lệnh hành quân bất cứ sĩ quan nào cũng rõ là phải hủy vũ khí, không để lọt vào tay địch, nhất là loại vũ khí nặng và máy móc truyền tin. Nhưng rồi ông ta cũng lảng lảng quay trở lại vị trí của các khẩu pháo 105 và 155 ly. Tôi cũng không biết ông ta có hủy nổi mấy khẩu đại bác không, nhưng ít ra thì ông cũng xứng đáng là một sĩ quan.

Tôi cúi người lao về phía trước. Vừa nhảy xuống hào thì nghe chuẩn úy Kiệt nói rít qua kẽ răng:

– Bệnh xá bị rồi. Bác sĩ Nam tử trận.

Đúng lúc đó, người trung sĩ truyền tin la:

– Có tỉnh liên lạc. Có tỉnh liên lạc.

Tôi áp tai vào ống nghe.

– 72 đây. Cho gặp giới chức thẩm quyền cao nhất. Nghe rõ trả lời.

Không còn ngôn ngữ truyền tin, ám số, mã số gì ráo, y như đang nói điện thoại. Tôi nói như thét vào ống nghe:

– Đây hai mai Dũng. Trưởng Bắc Bình 3. Nghe rõ 72.

– Tôi đặc cách thăng Trung Úy lên Đại Úy. Yêu cầu giữ Đồng Xoài bằng mọi giá. Sẽ có yểm trợ ngay.

– Định đông, đại đơn vị, công trường 7 có T54. Hai phòng tuyến đã vỡ. E không kịp.

– Tôi đặt hết tin tưởng nơi Đại Úy, hãy cố tử thủ, giữ Đồng Xoài bằng mọi giá.

“Bằng mọi giá”. Giá đó là giá nào? Và trong suốt đời lính, đó lần lần duy nhất tôi được gọi là Đại Úy.

Dù đứng sát và nghe cuộc điện đàm, Ông Trung Úy Hùng vẫn hỏi:

– Ông Quận đâu?

– Không thấy.

Hai đứa tôi nhìn nhau. Đời lính của tôi cũng đã đủ gian truân, nhưng đến cái mức này thì quá sức chịu đựng. Trung Úy Hùng nhìn tôi:

– Bây giờ ông là sĩ quan cao cấp nhất ở đây, ông tính sao?

Tôi chột hiểu. Trước hết hai đứa đều là Trung Úy, nhưng tôi thâm niên hơn và hơn nữa giữ trường ban 3 kiêm ban 2, tức chức vụ cao hơn ông ta. Tôi là người phải quyết định. Ông Hùng chắc biết rõ cái lúng túng của tôi.

– Chơi hay không là tùy ông. Ông chơi thì tôi theo. Ông dọt thì tôi cùng dọt.

Tôi quan sát xung quanh. Khói nghi ngút ở các nơi bốc lên, không khí sặc mùi thuốc súng. Nhìn cảnh nhếch nhác của binh sĩ tôi quận đau. Ba tuyến thì bị tràn ngập hai, nhiều chỗ gần như đánh xấp lá cà. Đúng lúc đó hai người lính khiêng Trung Úy Vận tới. Ông nằm trên băng ca, máu me đầy người. Trung Úy vận lo truyền tin cho chi khu. Tôi cúi xuống thăm ông như một cử chỉ tự nhiên, và nói không suy nghĩ.

– Ông bị như vậy lên đây làm gì. Tôi nói tụi nó đưa ông xuống hầm truyền tin nghỉ ngơi.

– Dũng, Moa đã hủy hết máy rồi. Moa chắc sẽ chết. Ở đây hay dưới hầm cũng thế. Moa có việc

nhờ Toa.

Giọng ông bình tĩnh, rõ ràng khiến tôi khựng lại. Con người ta nghe nói trước khi chết rất tỉnh. Tôi lạnh người nhìn ông Vận:- Được. Toa nhờ gì Moa cũng nhận.

– Toa lo cho thằng em Moa. Nó còn nhỏ, bà già Moa bảo Moa đưa nó về truyền tin ở với Moa, tưởng êm ai ngờ...

Và ông ngược mắt nhìn lên. Tôi nhìn theo. Đó là một thanh niên trẻ, dù mũ sắt, đồ trận, nhưng vẫn không dấu nổi khuôn mặt thư sinh. Tôi nhìn bằng tên và nói rất nhanh.

– Yên trí, Moa sẽ lo cho thằng Hoàng, coi nó như em Moa. Bây giờ Toa để tụi nó khênh Toa xuống cho chắc.

Hắn là Trung Úy Vận không bao giờ ngờ và tôi cũng không bao giờ tưởng được người sống sót là ông và người chết lại là Hoàng, người em thư sinh của ông, nay là em tôi. Nhưng đó là chuyện về sau.

Trung Úy Hùng lôi tôi về thực tế.

– Ông tính sao? Ông Vận hủy máy rồi.

Chi Khu có một hệ thống truyền tin gồm nhiều máy PRC di động và một hệ thống TRC 46 đặt cố định đặt ngấm dưới đất.

Ngay lúc đó địch mở một trận tiến công vào tuyến phòng thủ cuối cùng. Nhưng Trung Úy Hùng và các binh sĩ dưới quyền đã có kinh nghiệm trong trận bị càn mấy hôm trước, đã phản ứng rất hiệu quả. Thêm đó, Chính Trung Úy Hùng đã nhảy lên đứng trên miệng hầm vừa la hét, vừa bắn M79 khiến tinh thần binh sĩ lên cao tột độ, cùng sát cánh bắn xối xả. Địch bị khựng lại, chưa kịp ổn định thì toàn thể trung đội thám báo của Chuẩn Úy Kiệt đã tràn lên xung phong đánh bật hẳn đơn vị địch ra khỏi tuyến.

– Ông lo gom hết anh em lại, nhớ dặn trang bị đầy đủ, mình mở đường ra.

Hình như Trung Úy Hùng chỉ chờ có thế. Ông miệng hét tay chỉ. Tôi bảo viên Hạ sĩ truyền tin:

– Liên lạc với Bà Rá.

Bà Rá là căn cứ tiếp vận truyền tin. Khi đã lên được máy tôi nói:

-Yên Bái. Yên Bái. Đây là zulu 2. Địch tràn vào. Địch tràn vào.

– Yêu cầu cho OK vào Charlie, yêu cầu pháo lên đầu tôi. Cho pháo tối đa vào Charlie.

Họ hiểu ngay tôi muốn gì. Tôi xin đánh bom và pháo vào ngay chi khu. Đài tiếp vận có vẻ rất

quen với những trường hợp này, hỏi ngay:

– Yêu cầu xác nhận giới chức thẩm quyền.

Tôi xưng tên, cấp bậc và vắn tắt cho hay chi khu đã bị tràn ngập, và tôi đã quyết định mở đường máu rút. Ngay sau đó, 4 chiếc F5 xuất hiện trên vùng trời. Trung Sĩ Châu thuộc đội thám báo của Chuẩn Úy Kiệt vội nhảy lên miệng hầm, ném những trái khói màu đỏ ra tứ phía. Hình như nhìn thấy pháo hiệu, mấy chiếc F5 thay phiên lao xuống, chiếc này nối đuôi chiếc kia để bảo vệ lẫn nhau theo đúng chiến thuật.

Tuy nhiên, không rõ vì lo cho số phận các chiến hữu còn kẹt trong căn cứ hay vì phòng không địch quá mạnh mà đa số bom đều rơi bên ngoài căn cứ. Dù vậy một vài trái gần nhất đã phá tung hệ thống rào làm rung động toàn căn cứ. Địch quân hoảng hốt nhào xuống các hố cá nhân và giao thông hào.

Thời điểm đã đến. Không chần chừ, tôi cho rút quân. Tôi không đếm quân số, nhưng có lẽ trên dưới 30 người cả thầy và tôi có hai máy PRC cùng với hơn mười khẩu M72, M79. Lợi dụng bom phá bãi mìn, chúng tôi quyết định rút theo hướng bồn nước. Tôi phân công:

– Ông Hùng đi trước, đến tôi. Chuẩn Úy Kiệt lo phía sau.

Lặng lẽ, và rất nhanh, chúng tôi sắp thành đội hình lẩn về phía bồn nước.

Khi nhìn lại chi khu, tôi thấy thiết giáp đã tràn vào rất gần nơi để khẩu pháo. Tôi thấy rõ bốn khẩu pháo ở tư thế nằm hạ sát xuống đất. Như vậy trung đội pháo đã có ý định tử thủ vì với tư thế hạ càng như vậy họ sẽ sử dụng một loại đạn mà tất cả các pháo đội không bao giờ muốn phải sử dụng đến. Đó là loại đạn bắn trực xạ, mỗi viên đạn chứa hàng nghìn mũi tên nhỏ để chống biển người. Tôi hiểu những người lính pháo binh đã quyết định đem chính mạng sống mình buộc chặt vào những khẩu pháo.

Trung Úy Hùng cho bắn M79 và M72 phá hàng rào kẽm gai và mìn mở một lỗ hổng lớn. Vừa bắn, vừa lom khom chạy, từng toán chúng tôi ra khỏi chi khu.

Tiếng kèn xung trận vẫn theo gió rít lên như tiếng hú của tử thần. Bò ra được độ vài trăm thước tôi ngoảnh lại. Cờ mặt Trận Giải Phóng đã được cắm trên nóc cao nhất của B14 hoặc chi khu Đôn Luân, từ nay có lẽ được gọi là Huyện Đôn Luân.



Khoảng hai giờ trưa, mặt trời vẫn gay gắt trên cao. Men theo những căn nhà tôn dọc con lộ đất chúng tôi tiến về phía chợ. Ý tôi muốn tìm ông Chuẩn Úy Vân người giữ hơn ba trung đội phòng thủ quận đường. Chỉ mới đi được một quãng ngắn thì có thêm vài người người lính lạc lõng nhập

vào đám tàn quân. Tôi hỏi:

– Chuẩn Úy Vân đâu ?

Không ai biết. Đi chừng một quãng nữa tôi thấy ông Phó Quận Hành Chánh mặc đồ dân sự nhưng trên người khoác áo giáp. Ông Phó nằm chết, mặt úp sấp, máu loang thành vũng. Tiếng súng lớn đã im, nhưng AK và M16 lẫn lộn vẫn nổ từ phía sau chi khu vọng tới. Thêm nhiều binh sĩ nấp sau những cánh cửa, sau những ụ bao cát ló ra nhập bọn. Tôi biết rõ địa thế Đồng Xoài nên quyết định kéo lên ngọn đồi phía sau chợ. Ít ra thì từ trên cao, chúng tôi có thể quan sát và khá nhiều cây phần nào che khuất.

Bỗng tôi không hiểu từ lúc nào dân chúng đã theo sát tụi tôi. Họ chờ gì ở đám tàn quân? Những người dân Đồng Xoài dù sống trong bom đạn đã lâu nhưng chắc chắn họ không lường nổi tình thế và hoàn cảnh của chúng tôi vào lúc này. Súng ống chỉ có thể trả lời bằng súng ống. Cho tới giờ phút này dù tụi tôi sau hơn mười ngày chống trả, trông tụi tôi vẫn như là một đội quân được trang bị hùng hậu với PRC, với M79, M72 súng đạn đầy mình, áo giáp mũ sắt giầy trận và ba lô.

Lên tới đồi, bố trí tản binh sĩ vào đám cây lớn nhưng thừa thớt, tôi bàn với Trung Úy Hùng tìm cách đối phó. Ông Hùng trầm ngâm:

– Cách duy nhất là tan hàng, tụi tôi, ông đi với vài đứa thì may ra thoát. Lẽ mà thế này thì chỉ giờ đến sáng mai tụi nó tóm cả lũ.

Cái chữ lẽ mà mô tả linh động cảnh đang diễn ra quanh tôi. Giải pháp thoát một mình không bao giờ là giải pháp tôi nghĩ tới. Không phải vì lý tưởng quốc gia. Không phải vì những danh từ đao to búa lớn của Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị. Tôi nghĩ chỉ giản dị đã là sĩ quan chỉ huy thì không thể rời bỏ binh sĩ dưới quyền. Thế thôi. Vả lại dù ô hợp, dù đám chúng tôi là một đơn vị bất nhất với lính nghĩa quân, địa phương quân, lính sư đoàn 5, lính thám báo, nhưng chúng tôi là quân nhân. Cho đến giờ phút này họ vẫn tôn trọng chúng tôi vì tôi là sĩ quan cao cấp nhất của họ. Tôi là người chỉ huy. Họ tin ở tôi. Họ chờ ở tôi. Còn đang suy nghĩ thì người lính truyền tin gọi to:

– Trung Úy. Có ông Quận

Tôi đổ nhào về chiếc PRC.

– Em bắt được Ba Ba.

Ba Ba là mã số truyền tin của Thiếu Tá Đặng Vũ Khoái. Tôi nói vào ống nghe:

– Đây Zulu. Zulu. Nghe rõ trả lời.

Tiếng máy rè rè. Tôi quyết định dương ăng ten bản đoạn lên.

– Zulu. Zulu đây. Nghe rõ trả lời.

– Ba ba. Ba ba. Đang ở Victor Charlie.

Tôi chỉ nghe được thế, tiếng được tiếng mất. Victor Charlie có lẽ là Vườn Chuối lớn của người Thượng phía ven rừng. Tôi thở phào. Ít ra thì TT Khoái còn sống. Từ chỗ tôi tới Vườn Chuối cỡ hơn một cây số, nhưng tôi không thể đem theo những người dân đang tụ năm tụm ba với những tai nải, hòm xiểng nhếch nhác, đàn bà con nít. Tôi độ chừng hơn một trăm người dân. Họ họ lại tôi nói:

– Thừa đồng bào, tôi yêu cầu mọi người trở về nhà. Việt Cộng dù tàn ác cũng không thể xả súng bắn dân vô tội.

Mọi người nhao lên đòi đi theo, lính đầu dân đó, xin cùng sống chết. Tôi cương quyết:

– Chúng tôi đang hành quân, Việt Cộng ở tứ phía. chắc chắn sẽ có đụng trận, đồng bào sẽ bị chết oan. Đồng bào theo chỉ vương chân chúng tôi. Tôi xin hứa quân đội sẽ trở lại với đồng bào. Tôi nhân danh sĩ quan quân lực VNCH xin hứa sẽ trở lại với đồng bào.

Trong lúc hăng say thuyết phục, tôi hứa nhưng chính tôi cũng không ngờ tôi sẽ trở lại Đồng Xoài thật. Dẫu sao lúc đó tôi nhất quyết không để họ theo. Cuối cùng thì tôi gom binh sĩ lại từ từ rút khỏi ngọn đồi tiến về phía Vườn Chuối. Gặp TT Khoái có nghĩa là tôi sẽ trút trách nhiệm lại cho Ông. Nhưng chỉ vừa đến chân đồi chúng tôi khựng lại. Sáu, bảy chiếc T54 loáng thoáng ở phía trước máy vẫn đang nổ ầm ỉ. Tôi bò lại chỗ ông Hùng. Ông Hùng lắc đầu, xua tay chỉ về phía ngọn đồi tỏ ý phải trở lại. Tôi gạt đầu và im lặng từ từ chúng tôi rút trở lại. Ông Hùng lại lúi riêng tôi ra:

– Việt Cộng tứ phía. Chỉ còn cách phân tán mỏng. Ông đi với tôi thì mới thoát.

Tôi lắc đầu. Trời đã ngã về chiều, mặt trời đỏ rực phía Tây. Tiếng súng gần như ngưng hẳn. Tôi cố liên lạc nhiều lần với ông Quận nhưng vô hiệu. Tôi nói với Trung Úy Hùng và Chuẩn Úy Kiệt:

– Hãy còn sáng. Mình kéo sang ngọn đồi phía Tây. Bên đó cây nhiều và phía sau là đồng cỏ tranh lợi thế hơn.

Cả hai đồng ý. Đúng lúc đó đài Bà Rá gọi yêu cầu chúng tôi ” Nhảy Qua Con Gà Trống “. Đây là ngôn ngữ truyền tin. Tần số của chúng tôi vẫn dùng đa bị lộ. Có thể là địch đã thu được một máy PRC. Con Gà Trống có tần số giải tỏa, một tần số được dự trù trước để phòng xa. PRC có hai loại ăng ten, một ăng ten lá lúa, một ăng ten bẫy đoạn. Trong hoàn cảnh này đem PRC ra chỗ trống vắng bẫy đoạn lên cao là một hành động liều lĩnh. Nhưng tôi vẫn phải thử. Tần số giải tỏa chỉ là tiếng U, rè rè. Chúng tôi coi như mất liên lạc hoàn toàn với căn cứ truyền tin Bà Rá. Chúng tôi bơ vơ.

Khi lên được tới ngọn đồi thứ nhì, mọi người như là đi vì mệt mỏi và căng thẳng. Tôi cho bố trí và leo lên chỗ cao nhất quan sát. Phía sau khoảng rừng thưa là một bãi cỏ tranh rất lớn, nếu đêm nay địch phát hiện thì ít nhất cũng có đường rút. Ngồi dựa gốc cây, mồm tôi đắng, chân tay rã rời và chợt nhớ ra chưa ăn gì từ hôm qua sau khi cùng ông Quận nhâm nhi đĩa xôi lạp xường. Ôi lạp xường Mai Quế Lộ. Ôi Dung. Ôi Sài Gòn. Xa hơn nữa là bố mẹ anh em và nước Mỹ. Nhưng chỉ có một thoáng tôi trở về ngay với thực tế. Làm sao bây giờ. Ông Hùng và ông Kiệt ngồi vây lại tính toán. Chuẩn Úy Kiệt ít nói, có lẽ quen được chỉ huy và tuân lệnh. Từ sau khi tôi lắc đầu không tán thành việc phân tán mỏng mạnh ai nấy thoát, Trung Úy Hùng cũng trầm ngâm hẳn đi. Cuối cùng chúng tôi đồng ý vừa đi vừa đánh, tiến về phía Phú Giáo. Một hy vọng luôn luôn lớn vồn trong đầu tôi. Từ đây đến Phú Giáo chúng tôi thế nào cũng gặp lại đơn vị bạn.

Đêm đầu tiên từ khi bị đánh bật ra khỏi B14 trôi qua trong cái lạnh tê tái của Đồng Xoài. Không còn hỏa châu lơ lửng trên cao. Đêm đen tối. Tôi quyết định để mọi người nghỉ ngơi dựa vào các gốc cây lớn, không cần đào hố cá nhân. Chập chờn có lúc thiếp đi, nhưng chỉ mới hưng sáng, tôi quyết định di quân. Tôi tìm nhưng không thấy Trung Úy Hùng đâu nữa. Quyết định của ông chưa hẳn là sai. Trong hoàn cảnh tuyệt vọng này, nếu không muốn chết chum xủ như ông là đúng. Tôi nói với Chuẩn Úy Kiệt :

– Trung Úy Hùng đã tách ra. Đây là quyết định cá nhân. Trung Úy Hùng có quyền tìm cái sống. Hiện chỉ còn tôi với Chuẩn Úy. Tôi cho chuẩn Úy lựa chọn ngay từ lúc này. Ông có thám báo thông thuộc địa hình địa vật. Ông muốn thì có thể tách ra.

– Chuẩn Úy Kiệt nhìn tôi dăm dăm

– Trung Úy tính sao?

– Hiện mình có gần 40 tay súng. Đạn dược còn đủ chơi. Theo tôi suy luận, Việt cộng sẽ tìm cách đánh Phước Long. Công Trường 7 không thể dàn mỏng, tôi chắc nếu mình đi về Phú Giáo có nhiều hy vọng gặp đơn vị bạn.

– Vậy là mình băng rừng. Trung Úy liệu là mình sẽ đi bao lâu?

– Nếu không chạm địch, tôi nghĩ chỉ vài ngày.

Ông Chuẩn Úy không trả lời ngay. Ông quay sang họp với khoảng bảy, tám người lính dưới quyền. Đây là những người nhiều trận mạc nhất, tinh nhuệ nhất của chi khu. Một lúc sau, Chuẩn Úy Kiệt quay lại:

– Tôi họp anh em của tôi và nói rõ ý của Trung Úy. Họ bảo nếu Trung Úy ngon như vậy, họ sẽ sống chết với Trung Úy.

Ông chìa tay ra. Đây là một cử chỉ bất thường. Chúng tôi lính tráng chỉ chào nhau, nhất là khi hai

người cấp bậc chênh lệch. Hơn nữa tôi đang là người chỉ huy. Nhưng rất nhanh tôi hiểu. Đây là lúc sống chết có nhau. Đây là cử chỉ của hảo hán. Tôi chìa tay xiết chặt.

Tôi gom tất cả lại nói rất chậm và rõ ràng :

– Chúng ta đang ở thế kẹt. Tôi và Chuẩn Úy Kiệt đã quyết định đi về phía Phú Giáo. Tôi biết rõ tinh thần anh em đều rất cao, không sợ gì ăn thua đủ với Việt Cộng. Nhưng cũng có một số anh em gia đình vợ con hiện còn kẹt tại Đồng Xoài. Nhân danh sĩ quan chỉ huy, tôi đồng ý cho anh em có quyền lựa chọn. Hoặc trút bỏ quần áo quân phục đi về phía chợ. Hoặc là tiếp tục cầm súng. Chúng ta đã phục vụ tổ quốc. Chúng ta đã xứng đáng với trách nhiệm và danh dự của một người quân nhân. Mọi lựa chọn đều đúng và không ai có quyền phê phán.

Mọi người xì xào bàn tán.

Một anh nghĩa quân trẻ măng vừa tiến vừa meo meo khóc :

– Bố mẹ, vợ con em...

– Tôi hiểu. Anh giao vũ khí cho đồng đội và cởi áo để tránh nguy hiểm.

Vài người nữa đứng lên. Chắc khoảng bảy, tám nghĩa quân chọn đường về chợ, về với gia đình. Tôi thấy lòng thanh thản hẳn đi. Nhân danh ai, nhân danh gì bây giờ để buộc họ bỏ bố mẹ vợ con lao vào chỗ chết.

Đội đám nghĩa quân chọn đường đi về khuất hẳn, Tôi nói với Kiệt:

– Nói năng gì cũng là thừa. Vậy Chuẩn Úy mở đường, tôi lo phía sau.

Như những bóng ma trong cái chập choạng của hừng đông, chúng tôi tiến theo khu rừng thưa, băng vào khu đồng cỏ tranh.

Cỏ tranh cao ngập đầu, từ phía đồi cao nhìn xuống trông thật đẹp nhưng khi tiến vào mới thấy cái đẹp chỉ nên nhìn từ xa. Vạch được để đi rất vất vả vì tranh mọc ken lại, dày đặc, ngọn cỏ sắc đâm cả vào đầu vào cổ, đôi khi cả vào mắt. Nhưng rồi chúng tôi cũng qua, sau đó là một quãng lầy. Ngày đầu đám tàn quân di hành êm ả khiến mọi người đều lên tinh thần. Sau một đêm trú quân chúng tôi tiếp tục lên đường. Đến trưa toán đi đầu ra hiệu phát hiện địch. Tôi bò lên quan sát. Phía trước mặt cỡ vài trăm thước hai lính bộ đội màu cứt ngựa đang lui cui nấu cơm. Tôi thì thầm với Chuẩn Úy Kiệt. Đây có lẽ là một toán liên lạc của địch. Tôi chơi liêu, đề nghị để thám báo bò lên tìm cách bắt sống hai tên liên lạc viên này, khai thác tin tức. Nếu biết rõ địch tình, chúng tôi sẽ có thể né tránh, không chạm. Ông Kiệt cũng đồng ý và chính ông cùng bốn người khác chia hai ngả bò lên. Tôi nằm bẹp quan sát. Hai tên liên lạc viên vẫn lui cui nấu nướng nhưng rồi súng nổ. Chỉ một lát sau tụi tôi tiến lên. Ông Kiệt cho hai tên thấy động chụp AK nên ông

phải hạ, lục soát chúng tôi không tìm được gì, không giấy tờ, không gì cả ngoài vài bao lương khô Trung Cộng. Tôi nói với ông Kiệt:

– Mình dọt cho lẹ. Chắc chắn còn một tên thứ ba thoát. Nó mới là cán bộ giao liên giữ thư từ liên lạc, hai đứa này chỉ là bảo vệ viên.

Mọi người đi nhanh hơn vì sợ bị phát giác. Không rõ những suy nghĩ đó có đúng không nhưng suốt ngày êm. Chúng tôi tiếp tục đi về hướng Phú Giáo. Rừng mỗi lúc một dày hơn. Chúng tôi vừa đi vừa phát quang len lỏi. Đêm thứ nhì tôi cho đóng quân nghỉ ngơi. Đúng lúc đó tôi nhớ và ngoảnh sang nhìn. Hoàng cậu em thư sinh của Trung Úy truyền tin nằm dài trên đất, đầu gối trên ba lô, khẩu M16 gác ngang bụng, khẩu M79 để bên cạnh. Tôi bò lại gần :

– Chú nghĩ gì vậy?

– Em nhìn trời, nhìn sao. Ngày xưa nghe mấy bài hát tả lính lấy ba lô làm gối, ôm súng như ôm người tình sao mà đã thế. Còn bây giờ....

Hoàng bỏ dở câu nói. Tôi cười bảo :

– Thế chú mày chẳng đang nằm giữa rừng già đầu gối ba lô, lại ôm tới hai đào M16 và M79 lặn.

Câu đùa của tôi chắc là vô duyên nên không có tiếng trả lời. Tôi cũng xoãi ra nằm ngửa nhìn trời. Tôi đã mất hết ý niệm về thời gian. Từ lúc giã từ Dung leo lên chiếc phi cơ của đồn điền tới giờ mọi sự xảy ra nhanh quá, nhanh đến độ tôi không còn đầu óc đâu để suy nghĩ. Bây giờ là đầu tháng hay cuối tháng? Không thấy trăng đâu, nhưng lại thấy sao lung linh trên cao. Quá mệt mỏi tôi thiếp đi không biết trời đất gì nữa.

Đoàn lính di chuyển nhưng đến trưa chúng tôi dừng địch. Có lẽ đây là một cái chốt của địch. Tôi không rõ quân số địch, chỉ thấy đang di chuyển thì súng nổ. Chúng tôi dạt ra nằm xuống. Hỏa lực của chúng tôi còn nguyên. M79 khá lợi hại, chỉ độ mười phút chúng tôi tràn lên và địch bỏ chạy. Kiểm điểm tôi thấy hai, ba xác địch. Phía ta một chết và ba bị thương. Tôi cho rút lẹ sang hướng khác. Nơi đây rừng cây chập chùng, dù địch có muốn truy kích cũng không dễ. Tôi lượng định. Có thể chỉ có một chốt. Nhưng nếu có đơn vị lớn thì sao? Tôi thảo luận với Chuẩn Úy Kiệt và quyết định sẽ đi suốt đêm cho đến khi trời sáng hẳn mới dừng quân. Tôi cho mọi người dẫn ra trong rừng nghỉ ngơi.

Khó khăn bắt đầu lộ dần ra. Chúng tôi còn một ít đồ ăn nhưng không còn một giọt nước. Thương bệnh binh lết không nổi sau ba ngày di hành liên tục trong rừng. Lạ kỳ là không ai than thở, không ai tỏ ra sợ hãi. Tôi an ủi những người thương binh. Một người lính sốt, tôi nhìn và sưng sờ. Mặt anh ta vàng khè, vàng hơn cả nghệ. Tôi sờ trán thì chỉ thấy hơi nóng, hỏi thì anh ta bảo chỉ thấy khó chịu ngầy ngật vậy thôi. Tôi nhìn kỹ anh ta và tự đầu tự đầu, nhớ đến các nhân vật kiểu Tiêu

Dương Dạ Vũ Mạc Đại Tiên Sinh. Tôi ngạc nhiên với chính tôi sao lại có sự so sánh như vậy? Tôi nghĩ nếu có thoát thế nào tôi cũng kể cho Dung về căn bệnh kỳ lạ này.

Chúng tôi như những con thú bị săn đuổi. Chúng tôi như những con chuột chù ban ngày chui rúc trong những bụi cây. Có hôm đang nằm co ro thì nghe tiếng ào xào nói chuyện. Tiếng Bắc rõ, nghe lạnh cao. Chúng tôi sợ đường mòn, chúng tôi sợ chỗ quang đãng.

Dần dần cái khát khiến chúng tôi dật dờ. Đêm đêm chờ sương xuống, mọi người kiếm những lá cây to bản liếm sương. Hoặc nhặt những búp non nhai, vặt những ngọn cỏ không biết là cỏ gì miễn mềm là nhai. Mới đầu là nhai lấy nước, nhưng dần dần, có lúc tôi thấy mình nuốt luôn xuống cái dạ dày lép kẹp.

Tôi mất phương hướng, thỉnh thoảng dờ tấm bản đồ vợ được ở văn phòng Ông Quận ra nhìn, xoay ngang xoay dọc. Binh sĩ dưới quyền không hề biết ông Trung Úy chỉ huy họ mù tịt, không xác định nổi vị trí của đoàn quân. Họ nhìn và tin tưởng chờ đợi. Tôi phải đóng vai chỉ huy rất tự tin biết rõ địa hình và phương hướng để trấn an họ. Mất niềm tin lúc này là mất tất cả.

Tôi không rõ là chúng tôi đã mò mẫm đêm đi ngày chui rúc trong bụi rậm được bao nhiêu ngày. Tôi đã cho hủy và chôn một máy PRC chỉ giữ một. Thứ nhất hai hay một chẳng khác gì. Thứ nữa nó nặng quá. Binh sĩ đã quăng bỏ bất cứ thứ gì cảm thấy thừa thãi, chỉ còn thủ khẩu súng và đạn. Không ai còn khoác áo giáp. Mũ sắt thì đã bỏ từ lâu vì không tiện khi chui rúc trong rừng rậm. Cái đói cái khát hành hạ chúng tôi. Một lần chúng tôi gặp một rừng cây đầy trái. Cây rất cao và to. Trông giống trái sung. Mọi người bàn tán. Liệu có ăn được không? Một anh bàn phải coi chim có ăn thì người mới ăn được. Những buổi học mưu sinh thoát hiểm ở Thủ Đức là những buổi phê, buổi ngủ gật, trốn ra ngoài hút thuốc lá. Nghe lời bàn, mọi người nhìn nhau. Trời đất, giờ này làm sao tìm ra được dấu hiệu chim có ăn không? Một người lính không nói không rằng vặt một trái nhai. Xong nhai trái thứ hai. Không ai nói gì, như chờ xem anh ta có lăn quay ra chết vì ngộ độc không? Anh ta tỉnh queo bảo : “Chát quá” – Tôi cười nói :” Theo kinh nghiệm mưu sinh trong rừng, trái cây phải thơm mới là trái cây độc. Nếu chát thì ăn được ” – Tất cả ủa lên hái. Nhiều người đã quăng bỏ ba lô đành nhét đầy hai túi quần.

Không rõ đến ngày thứ mấy thì kế hoạch ngày trốn đêm mò mẫm đi không còn thực hiện được nữa. Đã có nhiều người bệnh quá, lết không được, phải đi. Thương binh không có thuốc, mất máu vết thương làm độc. Tôi lấy hộp aspirin gắn trên trên giày ba chạc Phi Công lấy được ở phòng Ông Quận chia cho mọi người. Một anh lính cầm viên thuốc nghiền ra thành bột rắc lên vết thương. Đây có lẽ lần đầu tiên tôi thấy aspirin được sử dụng như vậy. Chuyện gì cũng có cao độ và sức con người có hạn. Một buổi sáng sửa soạn di chuyển, một người lính lên nói với tôi :

– Trung Úy xuống coi, nó không chịu đi nữa.

Nó đây là người lính sư đoàn 5 bị thương ở đù. Tôi biết vết thương của anh ta làm độc vì chỉ đứng gần đã ngửi thấy mùi hôi tanh của máu mủ. anh ngồi dựa vào gốc cây hai chân duỗi ra. Chân phải được băng bó nhưng máu thấm đỏ, khô cứng nhiều chỗ. Vừa thấy tôi, anh nói :

– Tui không đi nữa.

Tôi nhỏ nhẹ

– Anh cố lên. Nếu anh chậm lại thì cả đoàn phải chậm lại.

– Tui nói tui không đi.

– Tôi ra lệnh cho anh đứng dậy.

– Đù mẹ mày Trung Úy. Đù mẹ không đi là không đi.

Tôi sững người và có lẽ do phản ứng của người chỉ huy, tôi rút khẩu colt, cầm tay.

– Tôi có thể bắn anh vì bất tuân thượng lệnh.

Anh lính nhồm người lên, dứt tung cúc áo vạch ngực :

– Đù mẹ mày, ngon thì bắn đi. Ngon thì bắn đi.

Mắt anh trắng dã, khuôn mặt hốc hác, lưỡi gần như thè ra. Mọi người vây quanh chờ đợi phản ứng của tôi. Tôi nhìn anh, lòng dịu xuống, quay sang nói với người lính đứng cạnh :

– Anh kiểm một anh nữa đù anh ta đi.

– Trung úy, vết thương có dòm tùm lum phải có cáng mới khiêng được.

– Coi xem có làm cáng được không?

Và tôi dịu dàng ngồi xuống cạnh anh.

– Cho đến giờ tôi chưa bỏ một anh em nào. Đến lúc này sống cùng sống, chết cùng chết, anh cố lên.

Người thương binh không hiểu từ lúc nào tay đã cầm quả lựu đạn giờ lên.

– Mày loạng quạng tao nổ chết cha mày bây giờ.

Tôi lặng lẽ đứng dậy.

– Trung Úy làm sao làm cáng được?

Tôi nhìn người đối thoại lòng ngao ngán. Giữa cảnh này, dao đâu chặt cây, vải đâu mà căng làm

cánh?

Tôi ra lệnh mọi người tiến về phía trước. Độ chừng mười lăm phút sau tôi quay trở lại chỗ người lính sư đoàn 5. Trông anh ta có vẻ đã dịu cơn thịnh nộ. Tôi nói :

– Anh cố được không? tôi không đành bỏ anh ở lại chỗ này.

– Trung Úy cố đưa anh em về, tôi chịu không nổi, trước sau gì cũng chết. Cố đi chỉ làm vương bận anh em thôi.

– Anh cố tôi dẫu.

Anh ta lắc đầu cời chiếc đồng hồ đưa tôi cùng với chiếc bóp giấy tờ :

– Mai mốt về được đưa cho vợ tôi mấy thứ này.

Nói xong anh ta nhắm mắt, lắc đầu ra hiệu không còn gì để nói. Tôi đứng lên lòng tê tái ra đi, không dám ngoảnh lại nhìn. Chúng tôi di chuyển độ nửa giờ thì nghe tiếng lựu đạn nổ phía sau.

Chiều hôm đó chúng tôi bắt gặp một rừng cây bứa. Thú thật cả đời tôi không biết cây bứa là cây gì nhưng một người lính giảng giải cho hay là rất dễ nhận ra vì cuống lá bứa hình vuông, không giống lá cây thường hình tròn. Tôi vặt một lá non bỏ vào mồm nhai thử. Ôi sao mà nó ngon thế. Nó hơi chua dòn dốt, lại rất nhiều nước. Nghe anh em nói lá bứa để nấu canh chua. Tôi chỉ ăn canh chua gà lá vang, thú thật là tôi cũng chưa biết lá vang ra làm sao nhưng lá bứa thì tuyệt. Nó chua chua nên đã cơn khát vô cùng. Cái tri thức nửa mùa của một anh Trung Úy khiến tôi bảo anh em “lá bứa chua nhiều vitamin C, mau lại sức”. Mạnh ai nấy vặt lá vitamin C nhét được chỗ nào là nhét. Tôi nhớ là khi đã khô héo, lá vẫn còn nước chua mới thật lạ.

Hai ngày hôm sau khi đang dọn dẫm, chúng tôi phát hiện ra một toán tàn binh bốn người. Đứng ra chỉ có ba, hai người lính sư đoàn và anh cảnh sát viên. Người thứ tư là người Thượng Stieng. Họ cũng mừng khi gặp chúng tôi.

Ba người đã chung lại thuê người Thượng Stieng làm hướng đạo dẫn đường về Phú Giáo. Vừa nghe như vậy tôi mừng rỡ

– Nhưng không được, Trung Úy. Tụi nó đóng lên khên không cách gì bằng được đường xe be.

Sau nhiều lần giả bộ nhìn chăm chú tấm bản đồ hành quân, quả tôi nhớ có vẽ đường xe be dọc theo bờ sông.

– Như vậy mấy anh định đi đâu?

– Người dẫn đường tính đưa chúng tôi trở lại Đồng Xoài. Trung Úy tính sao?

– Tôi không thể trở lại Đồng Xoài mà đi về Phú Giáo. Tùy các anh, nếu muốn thì nhập toán của chúng tôi, nếu không thì theo người Thượng đó đi về Đồng Xoài.

Ba người đó tụm lại, bàn tán nhỏ to một hồi, viên Trung sĩ sư Đoàn nói với tôi:

– Chúng tôi xin theo Trung Úy.

Đội họ thanh toán tiền bạc gì đó cho người dẫn đường xong, tôi hỏi rõ về tình hình địch:

– Tụi nó đông lắm dàn dọc đường xe be và mé sông không có cách gì qua được.

– Đường xe be xa không?

– Tụi tôi tính băng qua hồi sáng qua. Chắc cũng không xa lắm.

Tôi thấy người canh sát chỉ có khẩu roulette bèn bảo:

– Anh đưa khẩu súng gà què cho tôi và giữ khẩu M16 ngon hơn. Roulette mà bắn mẹ gì. Các anh có gì ăn không? Tụi tôi đói quá.

Họ lôi được hơn chục củ sắn chắc là đào trộm ở vườn người Thượng. Tôi bày ra tất cả, lựa ba củ trả lại cho mỗi người một. Phần còn lại tôi lấy lưỡi lê chặt ra từng khúc nhỏ độ hai ba phân, phá đều cho mọi người.

Mỗi người đối phó với một cái đói khác. Có anh bỏ nguyên cả miếng sắn phòng mang trọn má nhai chưa đầy một phút, sau đó liên tiếp nuốt nước bọt. Tôi bóc bỏ vỏ. Miếng sắn trắng ngần, nhựa ứa ra hơn ươn ướt. Tôi ngồi dựa vào một gốc cây nhằn từng chút một. Hồi xưa tôi nhớ có đọc một cuốn chuyện về tù Do Thái trong thế chiến. Tác giả kể anh ta được phát một cục thịt to cỡ ngón chân cái và đã ngậm trong miệng cả buổi mà không dám nhai. Tôi vẫn nghĩ tác giả cường điệu.

Nhưng bây giờ nhớ lại, tôi nghĩ có thể thế thật. Sắn và cục thịt có thể so sánh được chăng? Tôi chỉ biết tôi đã gặm từng chút một cái chất bột, cái ngọt lịm. Tất cả như nguồn sống thấm dần qua vị giác, len lõi đến từng chân tơ kẽ tóc.

Khoảng hơn mười giờ đêm, chúng tôi choàng lên vì tiếng nổ rầm trời chung quanh. Mọi người bò lê bò quàng, quỳnh quáng. Đạn nổ khá gần, tôi nghe thấy cây lớn ngã rào rào. Chuẩn Úy Kiệt bò lại chỗ tôi.

– 105 ly. Chắc pháo quấy rối từ phía Phú Giáo.

Mọi người co rúm tìm chỗ trú. Tôi vừa mừng vừa lo. Đại bác 105 ly bắn không quá mười cây số như vậy là chúng tôi không còn xa Phú Giáo. Tuy mù mịt về địa hình, chỉ nhắm hướng Nam nhưng chúng tôi đã đi đúng như dự trù, nay đã gần Phú Giáo.

Nhưng giờ này mà bị 105 ly bỏ mạng vì súng của anh em thì oan quá. Điều nữa là phải có địch luẩn quẩn ở quanh đây. Kinh nghiệm giữ ban ba hành quân cho tôi thấy phải có tin chính xác pháo binh mới khai hỏa, nhất là từ khi người Mỹ rút đi, đạn không còn thừa mứa như xưa. Đêm đó bốn đợt pháo dội lên khu rừng nhưng may không rơi trúng chỗ chúng tôi.

Tôi nói với Chuẩn Úy Kiệt :

– Chắc chắn có đơn vị lớn của chúng nó quanh đây đây.

Ông Kiệt hỏi lại tôi :

– Trung Úy tính sao?

Nếu tôi có thể trút cái gánh nặng này cho một vị sĩ quan cao cấp thì hay biết mấy. Tôi lượng định.

– Chúng mình chia ra làm ba toán đi chân rết. Ông giữ anh em thám báo.

Ông trung sĩ Tám của sư đoàn lo toán của sư đoàn 5. Tôi và nghĩa quân một một toán. Ông Kiệt gạt đầu đồng ý. Ông và những người lính thuộc quyền hiện còn nguyên, khoẻ mạnh hơn cả. Phía toán giao cho trung sĩ Tám cũng tạm tạm@. Tôi lãnh đám đui què sút mẻ, người thì bị thương, kẻ thì bệnh tật, người này diu người kia nhếch nhác. Nếu đụng lớn thì có lẽ đám của tôi đi sớm nhất. Chúng tôi đi hàng ngang. ông Kiệt đi xong ra hiệu. Trung sĩ tám tiến lên. Sau đó đến đám của tôi. Cứ mỗi lần như vậy chỉ bước lên được vài trăm thước. Đến chiều chúng tôi đụng lớn.

Cái chân rết do Trung Sĩ Tám chạm địch trước tiên. Tôi không rõ quân số địch chỉ nghe súng nổ dàn trời. Khoảng sáu, bảy người lính của sư đoàn bị hạ tại chỗ và địch dồn lên xung kích. Chuẩn Úy Kiệt đã kịp thời dàn ngang. Có lẽ địch cũng không ngờ phía sau còn có tuyến của ông Kiệt nên vừa chạy vừa xông lên. Từ sau gốc cây, tôi quan sát thấy địch ngã rạp, tổn thất khá lớn.

Chúng tôi lùi dần và địch không dám truy theo. Còn đang lùi thì một người lính trẻ lấp bắp nói :

– Trung Úy, tụi nó chết bộn, để em lên lấy AK.

Tôi nghe và biết anh lính trẻ nói lấp bắp này. Anh ta hay nói và hơi lẩn thẩn, thường lại lịu nhịu khi nói nhanh. Tôi đã nắm áo anh ta đẩy vào sau một gốc cây lớn và nói rít qua kẽ răng:

– Đừng có điên. Lo chạy theo anh em mau.

Nhiều năm sau, tôi vẫn không hiểu tại sao người lính lại nghĩ đến chuyện lên lấy AK của địch vào hoàn cảnh đó?

Khi đã rút được đến chỗ an toàn, tôi kiểm điểm. Không có thương binh nhưng mất bảy người. Đám tàn quân tản ra, không ai nói năng gì nhưng chỉ nhìn tôi thấy rõ tinh thần ai nấy đều xuống đến tận cùng.

Tôi hỏi, người lính sư đoàn 5 cho hay khi toán của anh ta bò lên thì chạm với cỡ một trung đội địch đang đi trên đường xe be.

Kể từ hôm gặp người canh sát, đầu óc tôi bị ám ảnh dữ dội về đường xe be. Tôi đã nhìn đi nhìn lại tám bản đồ. Quả là có vẽ đường xe be nhưng con đường dọc theo mé sông này có nhiều những ngã ba. Hơn nữa tôi đang ở khúc nào trên con đường trên bản đồ loằng ngoằng này? Tôi bảo Chuẩn Úy Kiệt, vừa nói vừa chỉ tám bản đồ:

– Mình không thể đi hướng Nam để băng qua sông chỗ này. Tôi tính anh em đi về hướng Đông song song với đường xe be độ vài cây số, rồi mới tìm cách băng qua.

– Chuẩn Úy nghĩ sao?

Ông Kiệt gạt đầu đồng ý. Ông Kiệt trẻ có lẽ kém tôi gần chục tuổi. Sau bao nhiêu gian truân ông vẫn tỉnh táo dù râu cằm nay đậm lửa tủa. Râu ria tôi cũng vậy, nếu Dung nhìn thấy tôi giờ này dám không nhận ra. Kiệt luôn luôn gọi tôi là Ông hay Trung Úy, không bao giờ là anh, nhưng chúng tôi hiểu chúng tôi là anh em thực sự. Tính Kiệt vẫn vậy ít nói. Nhưng đêm hôm sau chúng tôi lạc nhau. Không bao giờ tôi nghĩ Chuẩn Úy Kiệt và anh em thám báo bỏ chúng tôi, nhất là sau cái bắt tay đầy hảo hán trên ngọn đồi ở Đồng Xoài và hơn nữa là những sống chết cay đắng đã từng chia sẻ. Khi được báo cáo là không liên lạc được với toán của Kiệt, tôi kiểm điểm. Tôi còn mười tám người lính, mỗi người một cây M16 và chừng hai ba băng đạn. Gàn non nửa đã bị thương hoặc đương bệnh tật, và nhất là đói khát. Chúng tôi gặp được một vũng lầy. Mọi người vốc bùn lầy nhẩy bỏ vào áo vắt ra lấy nước. Tôi khát đến độ khi người lính đưa tôi cái ca nước đục ngầu lợn cợn bùn tôi uống một hơi koan khoái.

Khoảng hai hôm sau đang đi chúng tôi nghe nước chảy rì rào. Sông. Phía bên phải chúng tôi là sông. Tôi nói với Hoàng, cậu em thư sinh vẫn theo tôi sát tôi từ khi chia tay ông anh ở chi khu :

– Cho anh em nằm lại, tôi với chú bò lên.

Men theo những bụi cây lờm chờm, chúng tôi tiến dần về phía rì rào. Con đường xe be hiện ra trước mặt song song với mé sông. Đúng lúc đó hai lính bộ đội miền Bắc mặc xà lỏn, vai vẫn khoác AK lui cui khiêng một cái thùng vừa đi vừa nói. Tôi và Hoàng nằm dí xuống nín thở. Một lúc sau tôi leo lên cây để cố quan sát. Phía trái khá xa tôi thấy ló nhố lều.

Tôi bò xuống, cùng Hoàng trở lại. Tôi suy nghĩ tìm cách đối phó. Trước là mặt sông không rộng và vào mùa này nước không lớn. Chỗ tôi vừa thấy lại khá hẹp. Nếu đúng theo sách vở, không bao giờ địch lại đóng hai bên bờ sông. Vượt được qua bên kia có hy vọng thoát. Tôi cho mọi người hay sẽ vượt sông vào lúc xế chiều khi địch lo cơm nước. Ít nhất quãng giữa cách chúng tôi định vượt sông và chỗ địch đóng lều cũng cỡ hơn trăm thước. Từng người một chúng tôi bò lên. Tôi bảo người lính tuyến tin hủy các máy PRC. Tôi không muốn để máy truyền tin lọt vào tay địch.

Khi đã thấy khói nầu cơm bốc lên lảng vảng ở khu lều vải, tôi ra hiệu. Đã bàn kỹ trước, hai người khoẻ mạnh nhất đi đột đầu. Chúng tôi nín thở nhìn theo họ, tay súng lăm lăm. Họ thoát qua dễ dàng, mực nước sông cạn chỉ cỡ ngang bụng. Tôi cho thương bệnh binh đi tiếp. Khi mọi người đã qua hết, tôi và Hoàng mới cúi người lao theo. Qua được bên kia tôi thở phào. Tất cả vẫn nằm bẹp theo những lùm cây chờ tôi. Nhưng vừa nhô lên khỏi mặt đất tôi chết trân. Trước mặt tôi bạt ngàn lều và địch đông như kiến cỏ. Đây mới là đơn vị chính, phía bên kia có lẽ chỉ là một toán nhỏ. Chúng tôi đâm vào rọ. Tôi thụp trở lại bờ sông vừa sợ vừa không biết xử trí ra sao. Hoàng giơ tay chỉ. Ba bốn lính Bắc Việt đang đi về phía bờ sông. Chúng tôi nín thở, nhưng có lẽ họ chỉ ra lấy nước, không phát giác tại tôi.

Cách đó trăm thước dọc mé sông là bìa rừng. Tôi chỉ trở thẳm thì rí tai từng người. Chúng tôi sẽ chạy vào khu rừng đó từng toán nhỏ một, như khi vượt sông.

Tôi ra hiệu Hai người đều thoát. Toán thứ hai, thứ ba đều thoát. Còn lại sáu người. Tôi gạt đầu và bốn người lao tới. Đúng lúc đó súng nổ. Người lính đi sau cùng chắc vấp té. Tay anh ta đã để sẵn lên cò khẩu M16 được gài ở tư thế tự động nổ dòn. Lập tức tôi nghe nhiều tiếng la hét và súng nổ tứ tung. Tôi lao tới vừa đi vừa bắn. Hoàng đi sát sau lưng. Tôi nghe một tiếng nổ lớn và Hoàng bị hát ngã xấp trên lưng tôi, đẩy tôi ngã theo. Hoàng bị một quả M79 chết không kịp la một tiếng. Tôi lặn qua một bên rút khẩu colt bắn loạn xạ ngẫu, không biết bắn lên trời hay bắn xuống đất. Hết đạn, tôi chụp tay ôm khẩu rouleaux của cảnh sát bắn tiếp. Tôi máu me đầy người nằm co dưới đất, hai tay vẫn vòng qua đầu cầm khẩu rouleaux hết đạn.

– Hàng sống kháng chết. Hàng sống kháng chết.

Tôi vừa ngẩng đầu lên thì một báng súng AK giáng thẳng vào mặt. Tôi chói sang, miệng nhô ra mấy cái răng máu me. Một cái báng súng nữa vào lưng làm tôi quay đi mấy vòng trên đất.

– Không được giết tù binh. Không được giết tù binh.

Tôi nửa tỉnh nửa mê ngược nhìn. Cả chục cây súng chĩa về tôi, cùng với tiếng la :

– Biệt kích Mỹ. Biệt Kích Mỹ.

Một anh lính bộ đội cúi xuống nắm dây chạc ba kéo tôi đứng dậy. Tôi lúng búng cãi:

– Không phải biệt kích

– Mày đeo dây biệt kích

Đúng lúc đó một giọng nói có vẻ như một chỉ huy:

– Không được giết tù binh.

Tôi bị kéo xềnh xệch lên chỗ quang đãng. Lính Bắc Việt vẫn chĩa súng nhắm vào tôi. Một lúc sau tôi được dẫn vào căn lều. Cũng ngay đó, tôi thấy một người lính truyền tin và hai nghĩa quân bị dẫn vào, quần áo tả tơi, chân đi khắp khiễng.

Một người ra về cán bộ, đeo khẩu súng lục 9 ly xuất hiện :

– Các anh ở đơn vị nào?

– Chúng tôi thuộc chi khu Đồng Xoài.

Bỗng anh ta cười nhếch mép, hỏi:

– Các anh có đói không?

– Đói không? Nếu không bị bắt làm tù binh có khi tôi chết vì đói.

Người cán bộ quay sang bảo:

– Nói anh nuôi dọn cơm cho họ. Cho họ ăn cơm nóng.

Ngoài trời đã ngả hẳn về chiều. Bốn đứa chúng tôi còn đang ở trạng thái bàng hoàng thì lại nghe lựu đạn nổ và nghe có tiếng gọi nhau í ới. Có lẽ có người chết hay bị thương. Người lính truyền tin nói khẽ với tôi:

– Lựu đạn em gài chỗ chôn máy.

Tôi giật bắn mình nhìn quanh. Trong lều may quá chỉ có bốn đứa. Tôi nói khẽ:

– Im ngay. Nó có hỏi bảo không biết.

Quả nhiên, người cán bộ đi vào mặt hầm hầm :

– Đứa nào gài bẫy lựu đạn?

Chúng tôi giả vờ nhìn nhau ngờ ngác. Tôi nói:

– Tụi tôi đâu còn lựu đạn nữa. Chỉ có M16 thôi.

Anh chàng nhìn tôi đăm đăm và có lẽ tin nên bỏ ra ngoài. Tôi thở phào nhẹ nhõm.

Chúng tôi được ăn cơm! Cơm nóng có canh và một tí gì mặn mặn. Hình như hôm tôi bắt đầu sung vì tôi thấy tấy một bên mặt. Máu ở chỗ máy chiếc răng hàm vẫn còn rỉ ra. Hôm tôi rót rượu đầy. Nhưng đói quá, chúng tôi ăn lấy ăn để, không ai nói câu gì. Cơm nóng, canh nóng khiến tôi tỉnh hẳn. Trời bắt đầu tối, từ trong căn lều nhìn ra tôi thấy lính Bắc Việt đông hàng ngàn hàng lũ. Nếu có phi cơ. Tôi lắc đầu cố xua đuổi những ý nghĩ viển vông. Định dám căng lều ở chỗ này chắc phải có lý do. Hoặc họ đã kiểm soát một vùng rộng lớn và phòng không vững mạnh. Hoặc

là ta không đủ phi cơ nữa.

Khi chén đĩa được mang đi, một cán bộ khác chững chạc đi vào:

– Tôi vào làm việc với các anh.

Đây là lần đầu tiên tôi nghe hai chữ “làm việc” nên ngỡ người không hiểu họ định làm việc gì? Người cán bộ hỏi lý lịch chúng tôi. Chúng tôi cứ khai từ quân số đến cấp bậc đơn vị...Anh ta hỏi tôi khá kỹ về những sĩ quan chỉ huy ở Đồng Xoài, có lẽ để kiểm chứng.

Sau gần hai tiếng ghi chép, anh ta nhìn tụi tôi và bảo:

– Các anh cởi hết giày ra cho tôi.

Đây lại là một bất ngờ. Tại sao lại cởi giày ra?

Bộ tụi nó muốn đôi botte de saut của tụi tôi à? Tôi chưa thấy một cán binh Bắc Việt nào đi giày saut như lính miền Nam. Thấy vẻ mặt ngỡ ngàng anh ta cười ôn tồn:

– Các anh cứ cởi giày ra rồi biết. Ngỡ các anh quen bả đế quốc, thách mà trốn chân không.

Đôi giày da tôi xỏ vào từ hơn nửa tháng trước không có dịp nào cởi ra. Một mùi hôi nồng nặc bốc lên từ đôi tất nhà binh nay đầy cộm vì bùn vì mồ hôi. Người cán bộ vẫy tay và một cán binh vào lôi mấy đôi giày đi. Họ bỏ chúng tôi ngồi trơ ra đó.

Một cảm giác tê tái từ từ dâng lên, bắt đầu ở ngón chân và lan dần lên khiến tôi rùng mình nhìn xuống. Những ngón chân ngọc ngậy, móng chân đen xỉ. Bàn chân thì trắng xanh những sợi gân máu chạy thành những vệt đen thẫm. Bàn chân bị bó quá lâu trong đôi giày trần hình như đang nở ra. Tôi vừa đặt chân toan đứng lên thì phải ngồi bật trở lại chiếc ghế tre. Đau quá, đau thốn lên tận óc. Da bàn chân mỏng tanh của tôi không chịu nổi đất đá rừng núi. Đúng là ăn phải bả của Mỹ.

Khoảng một hồi sau, họ tách riêng tôi ra, bắt đi theo một người lính Bắc Việt. Anh chàng trông còn trẻ, sừng dài ngang người, nhìn tôi tò mò nhưng không nói gì. Tôi lẻo đẻo theo sau, vừa đi vừa tập tễnh vì mỗi khi đạp lên sỏi là lại buốt thót vì đau.

Anh ta dẫn tôi đến một miệng hố đào sâu sẵn chỉ:

– Xuống đi.

Tôi quay nhìn tứ phía. Không lẽ nó chôn sống mình? Nếu nó bắn tôi thì đã bắn rồi, không cần bảo tôi xuống mới bắn. Tôi lẳng lặng cắn răng nhảy xuống.

Hố khá sâu, có lẽ ngang ngực, vuông vức chỉ đủ cho tôi xoay sở. Tôi ngồi dựa vào vách hố, đầu

óc trống rỗng. Đòi binh nghiệp của Trung Úy Đỗ Lệnh Dũng trưởng ban ba hành quân chi khu Đôn Luân đã kết thúc trong cái hố đất giữa chiến khu Dương Minh Châu, trong túi áo vẫn còn cái thư của Tòa Đại Sứ Mỹ báo tin sẽ được bốc đi Mỹ sum họp với gia đình. Tôi ngheo đầu và thiếp đi trong đau đớn.



CHƯƠNG 2



Hà Nội 11/1959 – Sài Gòn Mậu Thân 1968

Ngày 12-9-1959 bản tin của Việt Tấn Xã loan tải được đài phát thanh BBC trích thuật cho hay một cuộc đụng độ giữa quân đội Việt Nam và quân phiến loạn đã diễn ra tại ven rừng Đồng Tháp. Trận giao tranh giữa một tiểu đội quân chính phủ và một lực lượng tương đương của quân phiến loạn kéo dài khoảng một tiếng đồng hồ và không có thiệt hại nào được ghi nhận.

Không mấy ai để ý đến mẩu tin ngắn đó giữa những biến động lớn khác của thế giới. Nếu có để ý chẳng nữa, khó ai hình dung nổi những tiếng nổ lẹt đẹt ở xó rừng hẻo lánh miền Nam lại báo hiệu cho một cuộc chiến tương tàn kéo dài suốt mấy chục năm sau đó kéo theo những hậu quả khốc hại không những chỉ đối với dân tộc Việt Nam mà cả Hoa Kỳ.

Hiệp định Genève 1954 được triệu tập vội vã kết thúc mau chóng giữa các cường quốc trên thế giới – một bên là Cộng Sản, một bên là Thế Giới Tự Do – đã chặt Việt Nam thành hai, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới. Hậu quả tức thời của Hiệp Định là người Pháp hoàn toàn rút khỏi Việt Nam. Trong khi chờ đợi một cuộc tổng tuyển cử để thống nhất hai năm sau đó, tạm thời người dân Việt Nam được quyền chọn nơi cư trú. Hơn một triệu người đã di cư vào Nam và khoảng hơn một trăm ngàn cán binh bộ đội tập kết ra Bắc.

Dù thế nào đi nữa thì người dân Việt Nam cũng vui mừng vì “hòa bình lập lại” cho dẫu không ai nghĩ sẽ có tổng tuyển cử. Điều khoản này dự trù trong hiệp định Genève được viết ra để mà viết. Chính phủ Ngô Đình Diệm bác bỏ giải pháp tổng tuyển cử lấy cớ phe quốc gia không hề ký vào bản hiệp định này. Chính quyền của ông Hồ Chí Minh cũng không tha thiết gì vì chưa thật ổn định được miền Bắc do hậu quả của cuộc cải cách ruộng đất và vụ trấn áp trí thức đối với nhóm Nhân Văn Giai Phẩm khiến nếu thực sự có tổng tuyển cử với quốc tế giám sát, họ chưa chắc đã thắng.

Trên các phương diện xã hội, kinh tế và chính trị miền Bắc thuần nhất, không đa dạng như miền Nam. Đảng Cộng Sản của ông Hồ Chí Minh đã áp dụng một cách công thức và giáo điều, rập khuôn Trung Cộng và Nga Xô áp đặt một guồng máy công an trị sắt máu trên toàn miền Bắc. Sau

hơn 4 năm kể từ ngày ngưng tiếng súng, đảng Cộng Sản tuy đã xây dựng xong chính thể chuyên chính, nhưng lại phải đối phó với những khó khăn nội bộ không có cách gì tháo gỡ được. Kinh tế suy sụp tới mức tối đa, thực phẩm thiếu hụt đến nỗi nếu không có viện trợ của khối Đông Âu, nạn đói chết người có thể xảy ra vì hậu quả của chính sách cải cách ruộng đất và hợp tác xã nông nghiệp. Thành phần tập kết từ miền Nam bất mãn vì không được trọng dụng, vì không thích nghi nổi với xã hội miền Bắc là một mối đe dọa lớn. Mặt khác, những người Cộng Sản Việt Nam vẫn nghĩ họ đã bị chèn ép quá đáng khi chỉ được chia non một nửa Việt Nam sau khi đã thắng Pháp. Mặc cảm chiến thắng và tâm lý kiêu hãnh tự coi là mũi xung kích của xã hội chủ nghĩa khiến họ không có chọn lựa nào khác ngoài giải pháp phát động chiến tranh. Ông Hồ Chí Minh coi nhiệm vụ của ông như một người Cộng Sản, kêu gọi, thúc đẩy và ép buộc toàn thể dân chúng miền Bắc hy sinh để hoàn thành cái ước mơ mà ông ghi lại trong di chúc rằng nếu chưa chiếm được miền Nam thì khi chết ông sẽ không thể nào nhìn mặt Karl Max được. Do đó, ông Hồ Chí Minh đã đẩy mạnh cuộc chiến để hy vọng ngay trong đời mình, ông có thể thống nhất Việt Nam bằng súng đạn.

Tháng 1/1959, hội nghị Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam công bố nghị quyết 15 đề ra hai mục tiêu chiến lược: xây dựng xã hội chủ nghĩa tại miền Bắc và tiến hành chiến tranh cưỡng chiếm miền Nam bằng bạo lực. Sau này các nhà quân sự Hà Nội khi ca ngợi nghị quyết 15 đã viết rõ: “Dùng bạo lực, lấy sức mạnh của quần chúng kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc, phong kiến”.

Ngay khi nghị quyết được công bố, Hà Nội đã bắt tay lập tức vào những hành động thực tiễn.

Không hề mơ tưởng dân chúng miền Nam sẽ nổi dậy để ủng hộ và cũng không tin rằng lực lượng vũ trang được gài lại nằm vùng sau năm 1954 có thể đơn phương đương đầu với quân đội miền Nam, Hà Nội đã lập tức tiến hành công tác xây dựng lộ trình xâm nhập người và vũ khí vào miền Nam. Bốn tháng trước cuộc chạm súng tại ven rừng Đồng Tháp, Thượng Tá Võ Bẩm, một đảng viên gốc người Liên Khu 5 được thành lập Đoàn Công Tác Quân Sự Đặc Biệt. Đoàn đặt trụ sở tại 61-63 Lý Nam Đế Hà Nội với nhiệm vụ nghiên cứu để mở đường mòn Hồ Chí Minh. Ngày 12/5/1959, tổng cộng 445 bộ đội đảng viên thuộc sư đoàn 324 đã bắt tay vào công tác mở lại con đường mòn xâm nhập miền Nam. Ba tháng sau đó, ngày 13/8/1959, chuyến vũ khí đầu tiên lên đường vào Nam.

Ban quân sự của Hà Nội ghi nhận chuyến đầu tiên tổng cộng có 60 trung liên, 549 tiểu liên, 400 súng trường, 100,000 viên đạn, 21 tiểu liên thanh, 107 carbin và 108 ký lô thuốc nổ TNT. Chuyến xâm nhập vũ khí này đã được nhận tỉ mỉ, nhưng đến những năm sau, khi chiến tranh leo thang thì chỉ được tình bằng tấn. Năm 1966, con số được ghi nhận là 9,800 tấn và 1974 là 217 tấn, đến cuối năm 1975, con số đó là 413,000 tấn.

Song song với những chuẩn bị quy mô về quân sự, vào ngày 12/10/1959, Hà Nội thành lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, và cuộc chiến Việt Nam từng bước một leo thang.

Từ cuộc đụng độ giữa hai tiểu đội vào năm 1959, ba năm sau mức độ đã thay đổi hẳn. Tại Ấp Bắc thuộc quận Cai Lậy chỉ cách Saigon 56 cây số, trận đánh cấp tiểu đoàn diễn ra ngày 31/12/1962 với số thương vong của cả hai bên lên tới hàng trăm. Hà Nội đã dần dần chuyển cuộc chiến từ du kích sang qui ước.

Hai năm sau, vào ngày 28/12/1964, trận đánh cấp trung đoàn diễn ra tại Bình Giả. Binh sĩ Cộng Sản cho tới thời điểm này được trang bị bằng vũ khí hiện đại nhất của khối Cộng Sản như AK, B40.

Cường độ cuộc chiến tăng dần đẩy tới sự kiện Hoa Kỳ trực tiếp tham chiến và ồ ạt viện trợ cho Việt nam Cộng Hòa. Không còn những trận đánh lẻ tẻ với Garant, Carbine, lựu đạn chày nữa. Trận Khe Sanh khởi sự vào ngày 24/4/1967 cho thấy cuộc chiến đã thay đổi như thế nào. Vũ khí được hai bên sử dụng có B52, có bom 200 cân Anh, có đại bác 175 ly và cả loại 400 ly bắn từ ngoài khơi Nam Hải, có xe tăng PT76 có hỏa tiễn 122 ly, đại pháo 130 ly. Hãy đọc vào con số thống kê chỉ trong trận Khe Sanh. Trung bình mỗi ngày Mỹ thực hiện 45 phi vụ B52, 3000 phi vụ yểm trợ chiến thuật sử dụng 1800 tấn bom các loại. Trong suốt trận đánh, Mỹ đã thả tổng cộng 96, 000 tấn bom xuống Khe Sanh, gấp đôi số bom Mỹ sử dụng trong hai năm 1942-1943 của Đệ Nhị Thế Chiến tại khu vực Thái Bình Dương. Tổn thất nhân mạng được ghi nhận: Mỹ chết 650, bị thương 2500, 7 mất tích. Phía Cộng Sản, có lẽ vì không chịu nổi hỏa lực của Mỹ, đã hốt hoảng tháo chạy để lại 182 hỏa tiễn, 260,000 đạn nhỏ các loại, 13,000 đạn súng cộng đồng, 8700 mìn cũng như hàng ngàn súng AK. Số thương vong của Bắc Việt được ước lượng khoảng 15,000 tức là gần 90% quân số tham chiến.

Khe Sanh là một vùng rừng núi hẻo lánh nằm trên quốc lộ 9 sát với biên giới Lào và vĩ tuyến 17. Cường độ dữ dội của trận đánh, tuy được chú ý như một so sánh với Điện Biên Phủ, nhưng chiến tranh Việt Nam chỉ thực sự bước sang một khúc quanh lớn vào ngày 30/1/1968 khi người dân miền Nam vốn sống êm ả tại các đô thị lớn và thủ đô Saigon phải trực diện với chết chóc của chiến tranh.

Với ám danh TCK-TKN, trận Mậu Thân đã được Hà Nội soạn thảo dự trù từ giữa mùa hè 1967 có hai giai đoạn. TCK là Tổng Công Kích và giai đoạn hai là Tổng Khởi Nghĩa với hàm ý rằng dân miền Nam sẽ nổi dậy.

Trận Mậu Thân đã thay đổi toàn diện cuộc chiến.

Về phương diện quân sự, Hà Nội không đạt được thành quả nào. Trong cuộc phỏng vấn của ký giả Fallaci, tướng Võ Nguyên Giáp đã xác nhận tổn thất của Cộng Sản Bắc Việt lên tới nửa triệu

lính.

Nhưng Hà Nội đã đạt được mục đích tuyên truyền, đặc biệt đối với dư luận Hoa Kỳ. Thế giới, nhất là người dân Mỹ đã liên tục hàng ngày phải chạm mặt với những hình ảnh khốc hại của chiến tranh. Phong trào phản chiến càng ngày càng lên cao khắp nơi.

Miền Nam cũng chịu những hậu quả tác động đến tận cùng của đời sống người dân về đủ phương diện. Đây là lần đầu tiên người dân thành phố và thị xã, từ trước đến nay vốn vẫn sống khá bình yên, đã chứng kiến tận mắt súng đạn và chết chóc. Một triệu người đã tan cửa nát nhà, phải bỏ gia cư mà di tản đến những nơi an ninh hơn. Xã hội miền Nam bị đảo lộn từ gốc rễ. Miền Nam cho đến giai đoạn này của cuộc chiến vẫn không hề vận động toàn bộ nhân lực, vật lực để sống còn. Chế độ quân dịch hai năm vẫn được duy trì như dưới thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Trong khi Cộng Sản Bắc Việt dồn tất cả nhân lực, đẩy toàn bộ xã hội miền Bắc xuống vực thẳm của đời sống để đạt chiến thắng quân sự thì cho đến sau trận Mậu Thân, miền Nam mới áp dụng lệnh Tổng Động Viên.

Trong số thanh niên sinh viên bị buộc phải cầm súng theo lệnh Tổng Động Viên này có Đỗ Lệnh Dũng đang theo Đại Học Luật Khoa.



Mặt tiền Tòa Đại Sứ Mỹ màu trắng sáng rực trong nắng ban mai. Từ phía bên này đường Thống Nhất nhìn qua, tôi thấy trên nóc một chiếc trục thăng đang từ từ đáp xuống. Thấp thoáng phía đằng sau bức tường, những người TQLC ôm súng đứng. Kể từ tết Mậu Thân sau khi Việt Cộng toan đánh chiếm, Tòa Đại Sứ đã được bố trí lại như một pháo đài.

Khoảng ít lâu trước, tôi đã đến đây một lần. Đang là sĩ quan tùy viên cho Đại Tá Lưu Yểm tỉnh trưởng Phước Long, tôi đã nhận được thư Tòa Đại Sứ yêu cầu tôi tới để gặp chuyện riêng. Tôi đưa thư cho Tham Mưu Trưởng Tiểu Khu để xin phép, ông nhìn tôi rồi bảo chờ coi. Sau đó đơn được chuyển lên cho Đại Tá Yểm. Đại Tá Yểm coi tôi như người thân tín, ông lôi tôi về làm tùy viên vì cái giao tình với ông chú tôi, vả lại ông cũng khoái cái bộ dạng của tôi mỗi khi tới chơi với ông chú.

Đại Tá Yểm đưa tôi tờ giấy phép, dặn dò:

– Tao không biết tụi nó gặp mày để làm gì. Dây dưa với tụi nó chẳng hay ho gì đâu. Nếu nó đề nghị mày làm việc cho Xịa thì khôn hồn đừng có dính vào.

Người Mỹ không bao giờ có ý định tuyển tôi vào CIA. Họ mời tôi lên là bàn chuyện riêng tư, chuyện cá nhân thật.

Tôi còn nhớ người tiếp chuyện tôi là một phụ nữ trung niên nói tiếng Pháp giọng đầm rất hay. Bà

hỏi tôi có quen ông Nghị Sĩ Mỹ gì đó tôi cũng không nhớ. Trời đất ! Một tên lính cà tàng như tôi làm sao quen lớn với Nghị Sĩ Mỹ. Bà lật đi lật lại mấy tờ giấy, hỏi tôi có biết ai tên Sam Graves không? Tôi trả lời bà:

– A, Ông Sam Graves là bạn tôi. Ông ấy là cố vấn cho đơn vị tôi. Chúng tôi đã cùng hành quân với nhau nhiều lần và là bạn rất thân.

– Ông cứu Đại Úy Graves thoát chết?

Tôi ngăn người ra, rồi cười:

– Không cứu ông thì tụi tôi chết trước.

Bà người Mỹ cũng cười:

– Vậy thì tôi hiểu chuyện rồi.

Bà chăm chú lật một xấp thư từ, loáng thoáng tôi thấy toàn là thư có tiêu đề màu xanh và cả hình quốc huy con ó của nước Mỹ. Bà gập hồ sơ chậm rãi nói:

– Do sự can thiệp của nhiều giới chức, chúng tôi đồng ý để ông đi Mỹ thăm gia đình, tất cả phương tiện đều do quân đội Hoa Kỳ đài thọ. Ông chỉ cần xin phép với phía chính phủ Việt Nam.

Tôi nhìn bà ta dăm dăm:

– Đáng lẽ tôi đã đi Mỹ cùng với gia đình từ mấy năm trước nhưng phải ở lại Việt Nam để đi lính. Bây giờ tôi đang cảm sung. Chính phủ Việt Nam chắc chắn sẽ không cho phép tôi đi.

– Vấn đề của Việt Nam không thuộc thẩm quyền của chúng tôi. Bất cứ khi nào ông có sự chuẩn nhận của chính phủ Việt Nam, chúng tôi sẵn sàng mời ông sang thăm Hoa Kỳ.

Khi trở lại Phước Long, kể cho Đại Tá Lưu Yểm, ông cười ngất.

– Mẹ cha tụi nó. Đang đánh đấm mò người, ai cho mày đi. Bộ mày là con Tổng Thống chắc?

Khi nhận được thư của Tòa Đại Sứ Mỹ lần thứ nhì, tôi đang lo Ban Ba cho chi khu Đồng Xoài. Tôi biết rõ cái “chuyện riêng” là chuyện gì, và cũng thẳng thắn nói hết đầu đuôi cho Thiếu tá Khoái. Ông có vẻ mừng.

– OK, tôi cho cậu đi phép liền. Nhớ điện thoại cho tôi biết nha.

Băng qua đường Thống Nhất tôi vào cổng Tòa Đại Sứ đưa bức thư. Người lính TQLC liếc qua, gạt đầu dẫn tôi vào phòng chờ. Đúng thật là làm việc theo lối Mỹ. Chưa đầy năm phút sau, một cô gái trẻ đẹp người Việt Nam ra chào:

– Trung Úy Đỗ Lệnh Dũng phải không ạ?

– Thưa tôi.

– Mời Trung Úy vào gặp ông Phó Lãnh Sự.

Phó Lãnh sự là một người Mỹ cao to, nhất là bàn tay, y như bàn tay hộ pháp. Ông thân mật đón tôi tận cửa, và sau khi đã đầu đầu ông ta hỏi tôi rất lâu. Hình như ông ta đã đọc kỹ gia phả ba đời nhà tôi, kể cả cuộc đời lính tráng nữa. Chuyện ông muốn biết nhất là liên hệ của tôi với ông Đại Úy Cố Vấn Graves lúc tôi giữ chức vụ Đại Đội Phó Đại Đội Quyết Tử của Tiểu Khu Phước Long. Tôi thành thật kể mọi chuyện.

Cuối cùng ông ta bảo:

– Chính Phủ Hoa Kỳ quyết định để ông đi thăm Hoa Kỳ dưới hình thức R&R. Mọi chi phí đều do Hoa Kỳ đài thọ. Đây là cơ hội để Hoa Kỳ tỏ lòng cảm ơn Trung Úy đã không nể nguy hiểm cứu một sĩ quan của chúng tôi.

– Thưa ông Lãnh Sự, tôi cũng đã được chính phủ Hoa Kỳ mời một lần. Đây là một hãnh diện lớn cho tôi và tôi mong ước được đến thăm Hoa Kỳ và nhân thể gặp lại gia đình, bố mẹ và anh em tôi. Nhưng thưa ông Lãnh Sự, hiện tôi là một quân nhân tại ngũ, tôi nghĩ tôi không thể rời Việt Nam khơi khơi để đi Mỹ chơi.

– Tôi hiểu. Trung Úy đừng lo, chúng tôi sẽ liên lạc với Bộ Quốc Phòng. Trung Úy cứ lo yên tâm trở về sắp xếp, hai tuần nữa trở lại đây để ra phi cơ.

Bước ra khỏi cái cửa pháo đài màu trắng nguy nga đấy, tôi băng qua đường hướng về phía nhà thờ Đức Bà. Lòng tôi như mở hội. Đầu óc tôi sáng suốt, trí óc tôi minh mẫn nhưng tôi bước đi hệt hẫng. Thình thoảng bố tôi viết thư có nhắc là ông Sam Graves đang ráo riết vận động để tôi sang Hoa Kỳ. Bố tôi vẫn thế, ít nói và nói rất vắn tắt. Thư ông không bao giờ dài dòng nên tôi cũng chỉ biết có thế. Ông Đại Úy Mỹ cố vấn ngày xưa liệu có đủ thế lực để khiêng tôi ra khỏi Việt Nam, ra khỏi súng đạn chăng? Bản thân tôi, tôi không tin và coi đó giống như cái vụ tôi đã từng hựt đi Mỹ vì thuộc thành phần Tài Nguyên Quốc Gia.

Nhưng nay nay tôi sắp đi Mỹ thật. Tôi sắp gặp lại bố mẹ anh em thật. Lờn vờn trên toàn câu chuyện, hình như không ai nói ra nhưng ai cũng hiểu hể đi là không về.

Đi qua nhà thờ Đức Bà, tôi ngẩng nhìn. Nhà thờ xây gạch đỏ, mái lợp màu xanh tái im lìm trang nghiêm. Tôi thấy mình đọc nhỏ câu thơ vẫn hay nghe lính tráng ngâm nga:

Lạy Chúa con là người ngoại đạo

Nhưng con tin có Chúa ngự trên cao

Trong cuộc chiến tranh cái chết và cái sống chỉ cách nhau chưa đầy một phút, hi vọng nào dù mỏng manh vẫn là hi vọng. Lững thững dọc đường Tự Do, tôi tạt vào nhà sách Xuân Thu. Giờ này Dung có lớp, chắc đang ngồi trong giảng đường ghi cours. Loanh quanh trong nhà sách, tôi mua cuốn *Le petit Prince*, khổ nhỏ in rất đẹp. Đọc lại Ông Hoàng Nhỏ cũng đủ giết thì giờ cho đến khi Dung ra.

Kẹp mấy tờ báo và cuốn truyện, tôi đi về phía Givral. Những con ngựa gỗ sơn màu trắng đỏ giăng ngang đường, vòng rào kẽm gai nhằng nhịt. Tôi gật đầu chào người cảnh sát dã chiến, chỉ về phía trước. Anh ta nhìn tôi, lẳng lặng nép sang bên nhường lối. Đoàn biểu tình rất đông đang đứng dưới trụ sở Hạ Nghị Viện la hét. Cảnh sát dã chiến cúi đầu khiên mây dàn ngang đối diện đám biểu tình với cả chục biểu ngữ. Phong trào chống tham nhũng của linh mục Trần Hữu Thanh. Mấy ngày nay ở Sài Gòn đọc báo, ngày nào cũng thấy tin về biểu tình đả to ngang với tin chiến sự. Báo bị tịch thu liên miên. Nhìn những người đi biểu tình, lòng tôi chùng xuống chán nản và không muốn giống như mấy người ngoại quốc đang ngồi trong tiệm Givral máy lạnh uống bia nhìn ra ngoài. Tôi tự thấy chương nghĩ đến cảnh một ông lính ngồi trong tiệm xem dân chúng biểu tình nên bỏ đi một nước và nhớ đến lời bố tôi từ mấy năm về trước

– Chắc tình hình còn lộn xộn lâu.

Bố tôi – Đỗ Lệnh Thông – hay ngày xưa ngày xưa là ông Tú Thông vì ông học trường Bưởi và đỗ Tú Tài, vốn là người ít nói, hiền lành nhưng rất nghiêm khắc với con cái. Lịch sử Việt Nam vào những năm 1940 đầy những biến động lớn, lôi kéo cả một dân tộc vào những đau thương khốn cùng. Mỗi cá nhân mỗi gia đình lại có những chuyện để kể cho con cháu. Chuyện của bố tôi cho thấy mỗi người không bao giờ làm chủ được số phận của mình.

Theo lời mẹ thì bố tôi học giỏi, đỗ Tú Tài hồi đó là một thành đạt. Mẹ tôi con nhà giàu, có cửa hàng lớn ở Hà Nội và đồn điền trồng cà phê nuôi cả mấy trăm con bò sữa trên mạn ngược gần núi Ba Vì. Bà kể và đối với lũ con chúng tôi thì Việt Trì Yên Bái Thái Nguyên là những địa danh xa vời, ngay cả những ý niệm về đồn điền cũng được nhìn với đầy vẻ lãng mạn. Gia đình mẹ chỉ có hai chị em gái. Người em gái của mẹ, dì tôi lấy ông Hà Bình Trung. Suốt thời gian sau này gia đình ở Mỹ, tôi sống và coi chú dì như bố mẹ. Ông bà cũng coi tôi như con ruột vậy. Bố tôi có một ông anh. Ông Đỗ Lệnh Tích. Theo lời kể thì bố tôi và bác Tích tham gia phong trào sinh viên thanh niên yêu nước. Trong một buổi họp thì bị hiến binh Nhật vây kín tóm gọn cả ổ, chỉ mình bác tôi thoát. Ông đi một lèo không bao giờ trở về nhà. Sau này ông trở thành Cộng Sản, lên tới chức Bộ Trưởng Giao Thông Vận Tải của Hà Nội. Bố tôi thì bị bắt và bị giam vào đồn Hiến Binh Kempetai cho đến ngày Nhật đầu hàng Đồng Minh mới được thả ra. Bố tôi thỉnh thoảng trầm ngâm nói với lũ con:

– Nếu bố không bị hiến binh Nhật bắt hôm đó, rồi chắc cũng giống bác Tích, trở thành cán bộ

Cộng Sản cao cấp.

Mẹ tôi thì nhìn dưới nhãn quan khác:

– Hay có khi chết mất xác vì bom Pháp.

Lũ con cũng đồng ý:

– Có khi chết vì bom Mỹ , B52

Bố tôi nghiêm mặt nói:

– Các con có biết tại sao bố đổi chữ lót nhà mình không? Gia đình từ xưa tên con trai bao giờ cũng lót bằng chữ Lệnh. Hồi đó bố cũng bác Tích tham gia phong trào thanh niên nhưng không hề theo Cộng Sản. Bố thấy họ tàn ác quá, sát hại biết bao nhiêu đảng viên của các đảng quốc gia. Hễ không theo ông Hồ và Cộng Sản là họ coi như kẻ thù và bố thấy họ thù người quốc gia hơn cả Pháp nữa. Bởi vậy, khi vào Nam được biết bác Tích đi theo kháng chiến và là đảng viên Cộng Sản, bố quyết định đổi Lệnh thành Lịnh. Khi ra tòa hoà giải làm thế vì khai sinh bố đổi hết. Bố là Đỗ Lịnh Thông, thằng Dũng là Đỗ Lịnh Dũng. Lịnh tiếng Nam cũng như Lệnh tiếng Bắc nên bố nghĩ ông nội ở dưới ấy chắc không buồn. Có khi ông nội còn gật gù đồng ý nữa là đằng khác.

Tôi hiểu quyết định của bố như một thái độ quyết liệt không muốn dây mơ rễ má gì với phe bên kia, dù là anh mình, dù là ruột thịt. E rằng ông bác của tôi cũng chẳng muốn dây dưa gì với gia đình tôi nữa. Như vậy trên giấy tờ, tôi là Đỗ Lịnh Dũng, nhưng tên cúng cơm của tôi là Đỗ Lệnh Dũng. Trong thâm tâm tôi thích được gọi là Đỗ Lệnh Dũng hơn.

Gia đình hai bên cạnh rất kỹ nên bố tôi không thể đi làm cách mạng được, đành quay sang học chữ Nho và Anh Văn. Sách vở tiếng Anh hồi đó hiếm hoi lắm. Trong khi mò mẫm ông gặp được một người Mỹ là phó Lãnh sự Donnell. Ông Mỹ muốn học tiếng Việt. Ông Việt muốn học tiếng Mỹ. Họ trở thành bạn. Nói về ông Donnell, bố tôi bảo :

– Hồi đó ở Hà Nội có chục người Mỹ là cùng. Dám là CIA hay OSS gì đó nhưng ông ta rất tốt, dễ chịu và vui tính.

Ông Mỹ tốt ấy đã tìm cho bố tôi một cái học bổng đi Mỹ vào năm 1952. Đa số trí thức hồi đó đều được đào tạo theo văn hóa Pháp, hiếm người thông thạo tiếng Anh. Về lại Việt Nam, bố tôi trở thành chủ sự Phòng Thông Tin Báo Chí Hoa Kỳ đầu tiên tại Hà Nội. Khi cuộc chiến tranh Việt Pháp đã đi đến giai đoạn cuối với Điện Biên Phủ và Hiệp Định Genève, bố tôi được điều động vào Sài Gòn. Ông đem tôi đi theo, cả nhà vẫn ở lại Hà Nội.

Tôi còn nhớ hai bố con được Tòa Đại Sứ mượn cho một phòng rộng mênh mông tại khách sạn Continental. Bố tôi đi làm còn tôi thì hết lên lại xuống cái cầu thang máy, một văn minh tiến bộ

vượt bậc đối với một đứa trẻ mười tuổi đầu như tôi. Và tôi vẫn còn nhớ những buổi sáng chủ nhật hai bố con ngồi ăn sáng với dao nĩa, bánh mì, trứng ốp la, bơ và mứt dâu trong cái vườn nội thất của khách sạn với những ông bồi nói tiếng Tây như sấm.

Sau Hiệp Định Genève, cả nhà tôi kéo vào Sài Gòn. Chúng tôi sống xa hẳn Hà Nội từ đó. Tôi choáng ngợp với Sài Gòn ngay từ ngày đầu, tôi quên hẳn Hồ Tây, hồ Hoàn Kiếm và những rặng sấu mọc dọc các phố Hà Nội. Sài Gòn rộng hơn, bát ngát hơn, ồn ào hơn và nhất là có sirô đá nhận, năm cốc một ly, không có tiền thối lại thì a-lê, xé đôi đồng giấy bạc cũng được.

Cuộc sống trôi êm đềm như mặt hồ. Bố tôi đi làm, mẹ tôi lo cơm nước. Lũ con khá đông, chín đứa năm trai bốn gái, tíu tíu suốt ngày. Tôi không nhớ trong khoảng trong khoảng thời gian nào, bố tôi chuyển sang làm việc cho Asia Foundation. Ông phải đi liên miên ra Trung, xuống đồng bằng, lên Cao Nguyên để thị sát các công trình viện trợ nhân đạo.

Có một dạo rất nhiều tài tử minh tinh đến nhà tôi trong đó đáng nhớ nhất là tài tử Lê Quỳnh và minh tinh Khánh Ngọc cùng các ông Đỗ Bá Thế, Vĩnh Noãn. Bố tôi đã đóng góp rất nhiều về việc viết đối thoại và phân cảnh cho phim “Chúng Tôi Muốn Sống”. Khi anh em ông Diệm bị bắn chết vào năm 1963, một hôm bố tôi nói với cả nhà:

– Tình hình chắc không ổn. Chắc lộn xộn lâu, xáo trộn lớn. Có khi mình phải đi.

Trên tôi là bà chị Đỗ Thị Như Mai. Tôi là con trai trưởng. Lũ em nhỏ nhất là Đỗ Lệnh Kiên. Cả lũ chín đứa chẳng đứa nào chịu để ý đến lời bố tôi nói cho đến khoảng vài tháng sau. Mẹ tôi biết trước nên chẳng có lấy gì làm ngạc nhiên lắm, nhưng chúng tôi đều nhẩy cõn lên trước lời tuyên bố của bố tôi:

– Nhà mình sẽ đi Mỹ

– Mình bố hay cả nhà

– Cả nhà.

Đó là năm 1964. Sài Gòn như một cái chảo dầu sôi sùng sục hết đảo chánh thì chỉnh lý. Sinh viên học sinh biểu tình tứ tung. Bố tôi theo dõi những biến chuyển chính trị, còn tụi tôi ngày ngày vẫn cắp sách đến trường hí hửng chờ ngày đi Mỹ. Bố sẽ được làm ngay tại Washington DC, tại Bộ Ngoại Giao Mỹ và tụi tôi tới tấp tìm đọc về White House, về Washington Monument và bàn tán loạn cào cào.

Một buổi tối đang ăn cơm, bố tôi chậm rãi bảo:

– Chắc thằng Dũng không đi được. Nó thuộc “tài nguyên Quốc Gia”, không đi được..

Thực tế là tôi đã 18 tuổi, đến tuổi cầm súng. Tôi xù xuống như bong bóng hết hơi. Mẹ tôi thì làm

dữ. Nhưng rồi không có gì thay đổi được bố tôi. Ông nhất định không xin xỏ gì để cho tôi đi. Trước áp lực của mẹ hoặc đi cả nhà hoặc ở lại, bố tôi nói:

– Tôi không thể mở miệng xin xỏ gì được với Bộ Quốc Phòng. Tôi cũng không thể nhờ người Mỹ can thiệp. Người ta cũng có con đi lính, tại sao con mình đòi đặc ân? Người Mỹ sẽ coi tôi ra sao nếu tôi mở miệng nhờ vả. Con cái họ cũng sang tận đây đánh nhau, tôi lại xin họ giúp cho thằng Dũng trốn đi Mỹ được sao?

Bố tôi vậy đó. Chuyện đi hay ở bỗng khựng lại vì tôi. Vấn đề được khai thông nhờ bà dì. Nguyên chú Hà Bình Trung đã mẫn giao kèo mang cả nhà về lại Việt Nam. Ông là phụ tá giảng viên tại Fort Benning, nơi người Mỹ huấn luyện sĩ quan Việt Nam đánh giặc theo kiểu Mỹ. Bà dì Đàm Thị Hiếu khuyên mẹ nên đi và bà kể lại về nước Mỹ, về những cơ hội học hành cho lũ nhỏ và nhất là đồng ý lo lắng chăm sóc “cho thằng Dũng”.

Vào năm 1964 tôi mất gia đình ruột thịt bố mẹ nhưng tôi tìm được một gia đình khác ấm cúng không kém, Gia đình chú dì và một lũ em sáu đứa, nhỏ nhất là Tâm và lớn nhất là Hà Chính Quyền. Cũng chính từ gia đình này tôi quen Dung.

Vậy đó, Tài Nguyên Quốc Gia nay đã trở thành Trung Úy khói lửa đầy người. Vậy đó, bố tôi không muốn tôi trốn lính đi Mỹ nhưng nay tôi sắp đi sang đó để thăm ông. Không phải chỉ thăm mà có lẽ sẽ ở luôn với ông không chừng. Cho đến mãi về sau này tôi vẫn không hiểu khi Phó Lãnh Sự Mỹ nói rằng họ sẽ liên lạc với Chính Phủ Việt Nam là liên lạc thế nào? E rằng họ sẽ chẳng liên lạc quá gì. Họ chỉ việc bỏ tôi lên xe bus, chờ thẳng tôi ra sân bay Tân Sơn Nhất, đẩy tôi lên phi cơ quân sự thế là xong. Cách gì đối với tôi cũng được, miễn là tôi được đi, được rời xa súng đạn.

Bỏ đám biểu tình, lang thang một hồi tôi trở về nhà, nằm khểnh vừa đọc sách vừa nghe nhạc chờ Dung. Đang lơ mơ trong tiếng hát Thái Thanh, thì Dung tung cửa ào vào. Ánh nắng phía Tây chói chang ủa theo nàng làm sáng rực căn phòng khách. Như một con chim sẻ, nàng hất đôi guốc ra khỏi chân, tung tăng chạy xà tới tôi. Chúng tôi hôn nhau tới tấp.

Sau khi đã lấy lại hơi thở, Dung nép vào ngực tôi chờ đợi.

– Hai tuần nữa anh đi.

– Thật không? Sao lẹ dữ vậy?

– Mỹ mà. Cái gì cũng nhanh như chớp.

– Vậy còn đám cưới...

– Anh đã suy nghĩ kỹ. Em là con gái xin du học không khó khăn, nhất là có bố mẹ bên đó bảo

lãnh. Em lại học giỏi, đại học Mỹ thế nào cũng nhận. Anh sang đó trước, em sẽ đi sau.

Dung im lặng trước viễn ảnh chúng tôi phải xa nhau và cái đám cưới dự trù vào Giáng Sinh này có thể không thành.

Tôi nói:

– Nếu muốn, tụi mình nói chú dì và ba má làm đám cưới tuần tới.

– Giỡn hoài. Cưới xin đâu có thể ào ào như vậy, ba má không chịu đâu.

Tôi kéo nàng đứng dậy:

– Chuyện đâu còn có đó, để thưa với ba má sau, bây giờ đi chơi. Ra Continental uống cà phê.

Nhìn tôi vẫn mặc đồ lính nàng nhăn mũi:

– Thay đồ đi anh. Cái áo lính ghê thấy mồ.

– Anh mặc đồ lính cho khỏi rắc rối. Cỡ này cảnh sát đầy đường, xét giấy tùm lum mắt công. Mặc đồ lính để mai mốt đỡ nhớ. Giã từ vũ khí.

– Adieu aux armes.

Lựa một cái bàn gần bụi cây, nơi có nước chảy róc rách, tôi gọi cho Dung một ly cà phê Liègeois còn tôi chơi một ly Baby. Cà phê Liègeois là thứ có kem tôi chúa ghét nhưng lại là món tử của Dung. Baby là một ly Johnny đổ pha với soda trong cái ly bé bằng nửa ly thường, không ghi trong thực đơn nhưng anh bồi cũng hiểu tôi muốn gì.

So với hồi xưa lúc tôi còn bé, bề ngoài nơi đây không thay đổi gì. Nhưng với tôi mọi sự khác hẳn. Ông Tây Bà Đầm nhàn nhã ngồi đọc Journal d'Extrême Orient uống cà phê, trà đen trên đĩa bánh ngọt bé tí tẹo nay đâu mất. Thay vào đó là những ông Mỹ to đĩnh dàng, uống bia cầm cả chai tu hoặc những ông nhà báo linh kính máy chụp máy quay. Họ ồn ào hơn người Pháp. Máy ông bồi bàn ăn mặc đồng phục màu trắng nay cũng xỏ toàn tiếng Anh, không còn Monsieur Madame như ngày xưa khi tôi lần đầu tiên mới đến Sài Gòn lúc mới 10 tuổi. Gần hai mươi năm nước chảy qua cầu, chiến tranh mỗi lúc một khốc liệt, chữ thời thượng là "leo thang" và bây giờ là "Việt Nam Hóa".

Từ góc vườn nhìn ra, pho tượng TQLC đen sì đồ sộ đang ở thế lao tới. Những vòng rào, vòng kẽm gai vẫn còn đó nhưng đã được thu gọn lại. Có thể ngày mai lại được giăng ra để chặn biểu tình.

Mọi sự rối tung beng. Tôi nhớ một ông bạn của chú Trung đã lắc đầu nhìn thấy pho tượng. Ông bảo pho tượng không cân, lại ở thế xung phong chữa súng, lưỡi lê vào ngay cửa Quốc Hội, e là

điểm không lành. Một vị khác thì nói Công Trường Hồ Con Rùa được xây theo dạng cái đỉnh đóng xuống là do lệnh của Tổng Thống Thiệu. Nghe lời bàn của thầy phong thủy rằng đuôi của con rồng nằm ở đó e nó quấy đi mất nên Tổng Thống sai kiến trúc sư vẽ kiểu xây Công Trường Tự Do nhưng kỳ thật nó là cái đỉnh đóng cho rồng không quấy. Từ lúc nghe lời bàn, lần nào đi qua đó tôi cũng nhìn thấy cái đỉnh đóng cao nghệu tùm tùm cười. Chú tôi thì bảo rằng khi cái thể nước nghiêng ngửa, những điểm gở hay xảy ra. Gở hay không tôi cũng sắp rời khỏi nơi đây.

Hai đứa thủ thủ đủ thứ chuyện, nhất là chuyện Dung có thể xin du học Mỹ hay không? Hồi năm trước Dung đỗ Bac II Mention Très Bien được học bổng đi Pháp nhưng vì tình yêu Dung đã ở lại với tôi bất chấp sự giận dữ của gia đình. Tôi ngồi xoay xoay ly rượu nhỏ, ngắm khuôn mặt sáng, nghịch ngợm và mái tóc đen xõa ngang vai nhớ đến lần đầu chúng tôi hôn nhau.

Thật ra tôi xúc động ngay từ ngay lần đầu tiên nhìn thấy nàng. Khi sống với gia đình chú di, tôi vẫn kèm mấy đứa em lúc đó đang học Marie Curie. Một hôm Mỹ Châu nói có đứa bạn học chung muốn hỏi bài vở. Tôi vốn chiều Mỹ Châu nên gật đầu ằm ừ. Hôm sau cô bé đến trong jupe trắng. Tôi như chết sững trước hình ảnh thiên thần. Hồn nhiên vô tư và rất bạo dạn, từ Dung tỏa ra niềm thánh thiện thanh khiết làm tôi choáng váng. Tôi đủ chứng chạc để đóng vai ông anh kèm bài nhưng trong thâm tâm tôi biết chắc rằng Dung đã thuộc về tôi, Dung sẽ là của tôi.

Suốt hai năm, không một lời tán tỉnh, nhưng tôi biết Dung đã nhìn tôi khác. Vào mùa hè sau mùa thi Tú Tài một, Di Chú Trung cho cả nhà đi Vũng Tàu chơi và Dung cũng được mời.

Bãi sau Vũng Tàu cát trắng phau. Cả nhà nô đùa, bơi lội và chiều chiều ngồi ăn cơm canh chua cá dứa, thịt kho tộ ở những quán lộ thiên dọc theo bờ biển. Chiến tranh vẫn khốc liệt ở khắp mọi nơi, nhưng riêng ở đây, không ai lý đến nó. Cái ám ảnh duy nhất là một vài anh lính Mỹ ô dề cặp kè với mấy người đàn bà Việt Nam son phấn loè loẹt. Hoặc là cảnh một hai người ăn mày què cụt đi xin tiền. Nhưng tiếng sóng biển át đi những hình ảnh gợi nhớ đến súng đạn. Quên được lúc nào quý lúc đó.

Tại tôi tình trong nhưng đã nhưng hai đứa vẫn còn giữ ý tứ, giữ khoảng cách. Đây là lần đầu tôi thấy Dung thật sự là một thiếu nữ. Bộ đồ tắm làm nổi bật thân hình cân đối và nắng Vũng Tàu làm da nàng hồng lên. Tôi nhớ rõ tối hôm đó trời không trăng nhưng trong và nhiều sao. Cả nhà tản đi xuống bãi dạo dọc theo bờ biển. Cố ý hay vô tình tôi và Dung tách riêng ra hướng về phía Ô Quấn. Nàng vừa đi vừa đá những đợt sóng xô dạt vào bờ làm nước bắn tung toé. Đang đi nàng chạy, tôi đuổi theo, nhưng vẫn cố không vượt. Được một quãng, Dung ngừng lại thở.

– Mệt hả?

– Mệt thấy mồ.

Tôi đi song song, nắm lấy tay Dung. Nàng để yên. Đây là lần đầu tiên hai đứa nắm tay nhau. Một

cảm giác êm ái nhẹ nhàng lan ra khắp người. Tôi nói:

– Mình tới mấy hòn đá ngồi nhìn biển.

Dung siết nhẹ tay tôi không nói năng gì. Tôi ngửi thấy mùi thơm của hơi thở. Tôi nghe thấy cả tiếng tim mình hay tiếng tim Dung đang đập. Đá ở bãi Ô Quán nhiều và lớn. Hai đứa mò mẫm, tôi đưa tay cho Dung nắm, kéo nàng lên.

Sóng biển rì rào đập vào đá, bọt tung trắng xóa. Đêm thẫm màu ngoài xa. Khi tôi hôn nàng, mới đầu Dung như muốn đẩy tôi ra nhưng ngay sau đó, tay nàng vòng qua cổ tôi. Hai đứa hôn nhau như thể đã chờ đợi từ kiếp nào. Môi Dung nóng bỏng, được vị mặn của biển. Tôi lùa tay trong tóc nàng. Dung từ từ ngả người trên tảng đá, hai tay xõa ra, ngực phập phồng trong chiếc áo pull xanh màu lá chuối. Tôi chống tay cúi xuống. Mặt nàng lung linh trong đêm, như thật, như mơ, như từ cõi xa xăm nào hiện về, tôi nhẹ nhàng và rồi chúng tôi quấn lấy nhau.

Bỗng như thoát khỏi cơn mê, Dung đẩy tôi ra đứng dậy, nàng nhảy bước một ra khỏi tảng đá, rồi vừa đi vừa chạy về phía khách sạn. Suốt hai ngày cuối của kỳ nghỉ hè, Dung tránh tôi, cố ngồi riêng ra và luôn né không nhìn thẳng vào tôi. Mãi sau này nàng mới nói là sợ mọi người biết.

Nhưng rồi mọi người đều biết. Làm sao có thể giấu được tình yêu? Lũ em như Ngọc Diệp, Mỹ Châu thì ủng hộ hết mình, sẵn sàng nói dối để bao che cho Dung đi chơi với tôi. Đời tôi như mở hội. Tôi thấy ai cũng đáng yêu. Tôi thấy cuộc đời đẹp quá. Rồi chú di cũng biết. Rồi ba má Dung cũng biết.

Trở ngại xuất hiện khi Dung đỗ tú tài. Nàng được học bổng đi Pháp. trong hoàn cảnh hỗn loạn của chiến tranh, được đi du học là một vinh dự lớn và cũng là một lối thoát lớn. Bố mẹ Dung hãnh diện tương lai sáng lạn của con gái. Tôi còn nhớ khi Dung dùng dằng trước áp lực của gia đình, đẩy nàng tới chọn lựa giữa tôi và nước Pháp đầy quyến rũ. Tối hôm đó, tôi nói với Dung:

– Đây là quyết định lớn nhất trong đời em. Điều duy nhất anh có thể nói là nếu em đi Pháp, chắc chắn là chúng ta sẽ xa nhau vĩnh viễn.

– Anh bắt em chọn anh hoặc tương lai của em.

– Không. Hai đứa mình hoặc có cùng tương lai hoặc không. Ngay khi nhìn thấy em lần đầu hồi đó, anh đã tự nhủ sẽ cùng em chia sẻ cuộc đời. Đến bây giờ anh vẫn tâm nguyện như vậy.

Dung yên lặng không nói năng gì. Nàng cầm tay tôi mơn man, ngả đầu dựa vào vai tôi. Nàng nhỏ nhẹ:

– Em yêu anh. Đời em là của anh.

Nàng đứng dậy kéo cái áo pull khỏi đầu. Tôi hiểu nàng muốn dâng hiến, muốn nói rõ với tôi là

không có gì có thể chia lìa hai đứa.

– Anh yêu em.

Chúng tôi ôm nhau quấn quít. Chúng tôi bất chấp mọi sự. Chúng tôi chỉ biết có nhau. Chúng tôi làm tình lần đầu như mọi sự diễn ra tự nhiên như đã trao cho nhau tất cả từ lâu, từ lúc gặp nhau lần đầu.

Khi tôi viết thư xin phép bố mẹ làm đám cưới thì bà cụ không chấp nhận. Lý do là Dung “tây” quá, tự nhiên quá, “đằm” quá e sẽ không là một người con dâu hiền, một người vợ đằm. Tôi thì chết sống trước thái độ của mẹ. Tôi viết thư nói sẽ chiều mẹ, xa Dung và để có thể quên, tôi sẽ xin chuyển qua Biệt Kịch Dù để dán thân vào lửa đạn ngũ hầu lấp đi nỗi buồn. Đòn thẩu cày của tôi thành công vì mẹ gửi một chiếc nhẫn đính hôn cho con dâu tương lai.

Đời đẹp quá. Vài ngày nữa tôi sẽ có mặt ở Mỹ, ở Hoa Thịnh Đốn. Chậm lắm là vài tháng sau, Dung sẽ qua sum họp. Tôi nói với Dung:

– Ngày mai anh sẽ về Đồng Xoài từ giã anh em đồng đội.

– Em đi với anh. Thiếu Tá Khoái dễ thương, em cũng muốn chào ông lần cuối. Em muốn xem tiền đồn heo hút của anh ra sao.

– Đâu được. Đi đứng bây giờ khó khăn, lỡ có gì làm sao anh lo cho em được. Chỗ lính tráng súng đạn đâu phải chỗ em coi. Trông bộ dạng đằm của em mà xuống đó chắc cả Đồng xoài đổ ra ngấm. Không được đâu.

– Vậy để em gửi ít đồ cho mấy ông lính bạn anh.

– Giã từ vũ khí thì cũng nên chơi đẹp với người ở lại.

Rời khỏi Continental, tụi tôi lang thang trên Catinat và sau đó rẽ vào ngõ Asam. Tôi nghiệm ra một điều. Văn hóa văn hiến không chỉ là sách vở từ chương, không hẳn là những gì có tính cách nhất thời. Nó phải được truyền lại từ đời này sang đời khác. Người Pháp đã đô hộ Việt Nam cả trăm năm, tôi và Dung học trường Pháp, thuộc sử Pháp, thơ Tây nhưng chúng tôi là người Việt, suy nghĩ và hành xử như bất cứ người Việt Nam nào. Phải chăng là nhờ bún riêu, nhờ bánh tôm, bún ốc ở ngõ Asam? Cái suy nghĩ dấm dớ đó khiến tôi chơi hết một mẹt bún chả. Rau muống chẻ sao mà giòn thế. Miếng chả nướng sao mà thơm thế. Nước mắm sao mà mặn mòi thế. Dung thì chỉ bún ốc với nước mắm gừng. Thấy tôi ăn lấy ăn để, Dung cười:

– Sang Mỹ đâu có chỗ nào bán bún ốc ,bún chả .

– Em phải học nấu mấy món Việt Nam kéo sang đây thèm chết luôn.

– Ăn xong đi xinê không?

– Ăn xong xuống bà Thái Chi.

Bà Thái Chi là bà bán cà phê ở góc đường Hiền Vương và Nguyễn Phi Khanh. Quán cà phê của bà không có bảng hiệu và bé tí teo với vài chục cái ghế đầu. Đặc biệt quán không có nhạc và nếu kỳ kèo thì bà chủ có thể chiên cho khách một hai trứng ốp la nhưng chịu khó đem theo bánh mì.

Dung hiểu ý tôi. Viễn ảnh xa hắt Sài Gòn khiến tôi muốn lần cuối đi tới những chỗ thân tình để níu kéo kỷ niệm. Dung và tôi vẫn hay ngồi cả buổi ở quán và bà Thái Chi biết tên tuổi tôi và cả nhà riêng nữa vì Dung cũng ở đường Hiền Vương.

Bà Thái Chi lanh chanh nhỏ nhẹ và ít nói nhưng cà phê của bà ngon nhất xứ. Thấy tôi sà vào, bà nửa cau có nửa vui mừng:

– Đi đâu mà trễ thế. Uống lè lẹ cho tôi đóng cửa.

– Hà, đến uống cà phê của chị lần cuối. Tụi này đi xa.

– Cả cô Dung hay có mình chú?

– Em đi trước. Dung đi sau.

– Dọn đi đâu vậy? Thời buổi này chỉ có ở Sài Gòn là hơn cả.

– Dọn đi Mỹ

– Mỹ? Nó cho đi rồi à?

Bà Thái Chi cũng loáng thoáng biết chuyện của tôi. Tối đó bà khép cửa không tiếp khách và thân chinh ngồi uống cà phê với tôi và Dung đến khá khuya. Khi chia tay bà bảo:

– Lúc nào rảnh viết thư tả cà phê Mỹ cho chị.

Hôm sau cùng với một ba lô toàn đồ ăn, tôi leo lên phi cơ của đồn điền Đất Đỏ. Tôi sẽ nói lời ân tình với anh em đồng đội trước khi đi Mỹ. Đã được trui rèn nên gần suốt mười năm trong cái sống cái chết tôi hiểu thế nào là tình bằng hữu, là tình lính tráng. Nó không bao giờ được đề cập đến bằng những ngôn ngữ đầy vẻ tuyên truyền nhưng nó hiện thực trong cuộc đời của những chia sẻ ngọt bùi vào những lúc gian nan nhất.

Điều mà tôi không bao giờ nghĩ tới là tôi sắp xa Dung, xa Sài Gòn, giã từ anh em đồng đội thật, nhưng không phải là đi Mỹ mà để đi Bắc. Những địa danh Lào Cai Yên Bái ngày xưa nghe mẹ kể, rất nhanh không còn là những địa danh mơ hồ đầy vẻ lãng mạn của đồn điền cà phê, của đàn bò sữa. Bởi tôi đến đó trong tư thế của một tù binh



CHƯƠNG 3



Cuộc Tổng Tấn Công Mậu Thân thay đổi toàn bộ cục diện cuộc chiến Việt Nam và đẩy đời tôi vào một hướng khác. Lúc đó tôi đang học luật năm thứ ba, dù chiến tranh mỗi lúc một khốc liệt, nhưng đó là chuyện xảy ra đâu đó ngoài Trung, trên Cao Nguyên hay dưới đồng bằng Cửu Long. Trường Luật ở góc đường Duy Tân cây dài bóng mát vẫn êm đềm trôi với Dạ Vũ Tất Niên và các “Ban PhaMi” được tổ chức liên tu bất tận ngay từ lễ Giáng Sinh.

Thật ra thì cũng còn có các sinh hoạt mang màu sắc khác đầy đấu tranh và chính trị, nhất là trong các cuộc bầu cử Ban Đại Diện Sinh Viên. Thỉnh thoảng tôi cũng vớ được tờ truyền đơn. Thường thì tôi chỉ liếc mắt đọc sơ. Cuộc đời còn có cái đáng để ý hơn ba cái vụ Cải Thiện Chế Độ Lao Tù, Chuồng Cọp hay những cuộc biểu tình phản chiến ở tận Đông Kinh, hoặc đại học Kent, Berkley. Với tôi đời là Dung, là những tháng dung dăng dung dẻ ở Catinat.

Tối Giao Thừa ngồi đánh xì dách với lũ em đến quá Giao Thừa. Dì nấu một nồi bún thang tuyệt vời. Tiếng pháo Giao Thừa từ phía ngoài vọng vào khiến bà bảo: “Chỉ phí tiền. Giặc giã thế này có gì vui mà nêu với pháo”. Dù trước đó có một thoáng dư luận đồn đại “Tết này sẽ ăn bánh chưng chấm máu” nhưng chẳng ai để tâm. Lời đồn lúc nào chẳng có và lúc nào cũng là chuyện kinh hoàng. Thiên hạ vẫn tíu tít lo bánh mứt, đi chợ mua hoa đào Đà Lạt, sang hơn nữa mua hoa đào Hồng Kông, đi lựa mai, đi kén những bó glaiêul thật đỏ cho nó hên.

Dân miền Nam ăn bánh chưng chấm máu thật.

Tiếng pháo Giao Thừa không chỉ là M16 và AK47. Cuộc Tổng Tấn Công Mậu Thân của Hà Nội cứ theo sử sách tôi đọc là một sai lầm của ông Hồ Chí Minh. Sai lầm của ông Hồ thì nhiều nhưng lần này nó ảnh hưởng trực tiếp tới tôi. Tổng động viên. Tôi nhận được giấy đi trình diện để vào Thủ Đức.

Tôi còn nhớ gì chẳng? Lũ sinh viên chúng tôi lúc đó vẫn tìm cách để tóc như hippy, như những anh chàng phản chiến no war but love. Tám poster tôi treo ở đầu giường là ảnh hai người nam nữ ôm nhau, chân xõa ra trong một cái vòng tròn, biểu tượng cho phong trào chống chiến tranh.

Bỗng nhiên chúng tôi được phát quân trang quân dụng, nhét đầy một cái sắc nhà binh lớn – sắc-ma-ranh – và cũng lũ lượt chúng tôi ngồi trên những chiếc ghế đầu để cắt tóc. Đứng ra là để hót trọc. Cái tông đơ cùn nhai không đứt khiến đầu chúng tôi lờm chờm như bờ cào. Các ông Huỳnh Trường lúc nào cũng hét, hò luôn mồm “Huỳnh Trường, Đàn Em” lôi lũ tôi ra chạy chào Vũ Đình

Trường. Cả đời sinh viên dù có bơi lội và khá khỏe, tôi vẫn không quên cảnh vừa ôm cái sắc đủ thứ quân trang lĩnh kính, vừa chạy trong cái sân trường Thủ Đức có tên nhà binh là Vũ Đình Trường. Có lúc tôi đánh rơi, cái sắc tung ra khiến quần áo nhà binh vãi tùm lum. Ông Huỳnh Trường Alpha cúi xuống sĩ vả hò hét inh ỏi, bắt tôi hít đất.

Tôi chỉ nhớ có thể, bởi đầu óc của tôi chưa giúp tôi hội nhập vào đời sống quân trường. Hề lĩnh được là tôi lĩnh. Những buổi tập bắn, tập di hành, học ngoài bãi là những lúc tôi ngủ gà ngủ gật. Tôi còn nhớ một vị Đại Úy Huấn Luyện Viên môn tác xạ đã mắng chúng tôi không biết lợi dụng cơ hội này để trau dồi “nghề nghiệp”. Ông ta bảo để huấn luyện một sĩ quan, chính phủ phải tốn hơn một triệu đồng! Điều mà ông quên không nói là chúng tôi bị đi lính, không phải đi lính tình nguyện, lính nhà nghề, chọn binh nghiệp như một lối thoát, như một đường thẳng tiến.

Có lẽ vì nhu cầu chiến trường, tôi nhớ khóa tôi tốt nghiệp toàn bộ không ai đi Trung Sĩ. Nhưng cũng thi cử đằng hoàng và vì vậy có thứ tự ra trường. Những người đậu cao, hoặc cao lớn khỏe mạnh đẹp trai được nhận vào những đơn vị ưu tú của quân đội như Biệt Kích, Dù, Thủy Quân Lục Chiến, hoặc có quyền chọn những đơn vị phè, gần Sài Gòn. Tôi đậu thấp và khi bắt thăm thì giấy đề sư đoàn 23 đồn trú ở Ban Mê Thuột. Trời đất như sụp đổ. Từ Ban Mê Thuột về Sài Gòn làm sao được? Làm sao gặp Dung? Tôi hỏi người này người kia xem có ai muốn chuyển hoán chẳng? Đâu cũng được, đơn vị nào cũng xong miễn sao gần Sài Gòn. Một ông có gia đình ở Ban Mê Thuột bằng lòng hoán chuyển. Ông ta đậu cũng thấp cỡ tôi và bố được tiểu Khu Phước Long. Âu cũng là cái duyên, cuộc đời lính tráng của tôi và đất Phước Long trở nên mật thiết chỉ vì tôi nghĩ Phước Long ít ra cũng gần Sài Gòn hơn Ban Mê Thuột. Tỉnh Trưởng Phước Long, Trung Tá Huy bắt phải lên cho ông xem mặt. Ông là một sĩ quan liêm khiết, yêu quân đội và đầy khả năng. Khi trình diện ông, Trung Tá Huy nhìn tôi rồi bảo:

– Những gì Chuẩn Úy học được ở Thủ Đức chỉ là căn bản. Quân đội là một trường học mệnh mông, Chuẩn Úy phải mở to mắt ra mà nhìn. Những người như Chuẩn Úy chỉ là những người lính bắt đắc dĩ nhưng khi đất nước cần thì chúng ta phải chấp nhận. Luật lệ ở tiểu khu do tôi chỉ huy không có vụ phè, vụ con ông cháu cha. Ra trường về đây Chuẩn Úy có sáu tháng thực tập, ba tháng ở Trung Tâm Hành Quân và ba tháng ở đơn vị tác chiến. Sáu tháng sau Chuẩn Úy trở lại đây trình diện tôi để nhận nhiệm sở chính thức.

Tôi không bao giờ quên vị Trung Tá khả kính này và những lời ôn tồn của ông. Tôi được cử xuống học nghề lính thứ thiệt ở Trung Tâm Hành Quân với Đại Úy Lê Tấn Vây. Cái kiến thức sơ đẳng của Trường Bộ Binh Thủ Đức không ăn nhập gì với thực tế chiến trường. Tôi phải học cách đọc lệnh hành quân, học liên lạc truyền tin, học nhìn phóng đồ, chấm tọa độ, học về tiếp liệu. Đại Úy Vây là một sĩ quan hết lòng tận tụy chỉ dạy. Tôi vẫn nghĩ nếu tất cả như Trung tá Huy và Đại Úy Vây, có lẽ miền Nam còn đứng vững. Được cái tôi thích nghi với hoàn cảnh rất mau và cũng do tính tò mò, ưa học hỏi, tôi đã có một cái nhìn khác về quân đội, về lính tráng. Ít ra là chiến tranh

không phải là chuyện cà đởn mà là chính mạng sống của con người.

Ba tháng ở TTHQ lúc nào tôi cũng y phục chỉnh tề và khi nhận được sự vụ lệnh thực tập giai đoạn hai với một tiểu đoàn Biệt Động Quân tăng phái, tôi vẫn mừng cũ, trong suy nghĩ đã là sĩ quan thì lúc nào cũng phải gương mẫu.

Ngay sau ngày trình diện vị tiểu đoàn trưởng, sáng hôm sau tôi ba lô súng đạn tham dự một cuộc hành quân tảo thanh. Lệnh rõ ràng là phải chuẩn bị cho sáu ngày nên tôi ra phi trường với một ba lô căng phồng nặng trĩu gồm trang bị như xẻng đào hố cá nhân, gạo sấy, bi đồng nước, mũ sắt bọc lưới ngụy trang và nhất là quần áo chỉnh tề, ủi hồ nếp phẳng lì.

Khi trèo lên xe jeep để ra ngoài bãi đáp chia toán trực thăng bốc, người tài xế nhìn tôi tùm tùm cười nhưng không nói gì. Đến khi nhìn thấy những người lính biệt động quân nằm ngòai la liệt bên cạnh những chiếc trực thăng, tôi ngưng chín cả người. Họ quần áo tối tả, mũ sắt tróc sơn loang lổ, đôi khi còn đen sì vì có lẽ còn được dùng để nấu nướng. Trông họ phong sương, vết tích chiến trận còn hiện rõ nơi đôi giày vệt gót, bản thủ nheo nhếch, nơi những chiếc ba lô sờn rách và nhất là những gương mặt đen đúa, khắc khổ. Họ nhìn ông Chuẩn Úy hộp, giày lác bóng, mũ sắt mới lảnh trong kho và cả cái giày ATB trông cũng rất điệu với khẩu Colt xệ xuống và ai nấy đều cười.

Nhưng rất nhanh tôi thích nghi với hoàn cảnh. Lần đầu đi hành quân tôi chỉ đem theo có một bi đồng nước và lúc đổ nước vào gạo sấy thì mát gần nửa bình. Mới hơn nửa ngày di hành, tôi không còn một giọt nước, khát khô cổ nhưng không đủ can đảm xin ai. Ông thượng sĩ già hình như đã nhiều kinh nghiệm với cảnh lính mới tò te, đã đưa cho tôi một bi đồng đầy nước và dặn:

– Chuẩn Úy đừng lo đói. Cái khát mới đáng sợ.

Đại Úy Khoái lúc đó là Đại Đội Trưởng sau cuộc hành quân vỗ vai tôi:

– Sĩ quan đi hành quân không cần đem xẻng theo.

Ngay lúc đó tôi nghĩ có lẽ đã là sĩ quan thì không có quyền trốn tránh trong cái hố cá nhân mà phải hiên ngang đứng trên mặt đất. Sau này tôi không còn ngây thơ như vậy nữa.

Biệt Động Quân là một trong những binh chủng thiện chiến, nhưng như lời của Đại Úy Khoái “chuyên môn làm con nuôi, con ghê”. Khác với Dù và TQLC, đa số các tiểu đoàn Biệt Động Quân là những đơn vị tăng phái, có nghĩa là chịu sự điều động của địa phương. Trong hoàn cảnh đó, BĐQ thường là đơn vị chịu nhiều lửa đạn nhất, nơi nào căng, chốn nào hiểm là địa phương gọi tới các đơn vị tăng phái mà BĐQ luôn luôn đứng hàng đầu. Do đó chỉ ba tháng, tôi đã trở thành một người lính thứ thiệt, lính trận mạc, hành quân không ngơi nghỉ, đụng trận liên miên, đã nghe súng địch, đã thấy kẻ chết người bị thương. Tôi thực sự đối mặt với chiến tranh. Tôi không còn là ông Chuẩn Úy mặt búng ra sữa, quần áo hồ ủi thẳng nếp nữa. Có một lần thiếu quần, tôi chơi

luôn cái quần Jean đi hành quân. Sĩ quan Tiểu Đoàn Trưởng gọi tôi lên gặt gù:

– Cậu chơi ngon hơn cả tôi. Vừa ngo ngoe ra trường mà dám mặc cả quần Jean đi hành quân, may là cậu ở BĐQ tại tôi. Nhưng từ nay nhớ mặc đồ lính cho nó tử tế, lần này tôi tha.

Sau kinh nghiệm đó, tôi chỉ mặc Jean khi đi chơi phố hay về Sài Gòn. Suốt ba tháng lặn lội với BĐQ chắc tôi phải khác lắm vì kỳ phép đầu tiên, Dung nhìn tôi nheo mắt:

– Anh gầy quá, mà lại đen nữa.

Khi ôm tôi, nàng giữ tôi rất lâu trong vòng tay rồi nhẹ nhàng bảo:

– Người anh khét quá.

– Ê, đừng chê lính chứ. Anh tắm xà phòng Camay đang hoàng.

– Không phải hôi mà khét.

Tôi im lặng. Từ một cậu sinh viên công tử không để ý gì ngoài chuyện học hành, tình ái; bỗng chỉ chưa quá một năm, tôi thay đổi đến nỗi người vợ tương lai nghĩ thấy cái thay đổi đó, cái đổi từ trong da trong thịt, trong hơi thở. Tôi rùng mình. Tôi có còn là tôi chăng?

Suốt đời lính, tôi nghĩ đến cung cách đối xử của Trung Tá Huy đối với các tân sĩ quan. Nếu tôi bon chen về được Tổng Tham Mưu hoặc Bộ Quốc Phòng, chắc chắn tôi sẽ không khét và cũng có thể tôi nhìn quân đội dưới một nhãn quan khác. Nhưng tôi không có duyên làm việc dưới trướng Trung Tá Huy. Ngay ngày rời tiểu đoàn BĐQ về lại tiểu khu, biến cố xảy ra. Đặc công Việt Cộng không hiểu bằng cách nào đã vào tận giữa tỉnh đội đột kích tư dinh Trung Tá Tỉnh Trưởng. Đêm xảy ra trận đột kích, ông không ở nhà mà lo họp hành quân nên có đến sáu, bảy nghĩa quân thiệt mạng trong vụ này. Bộ Quốc Phòng cử đoàn thanh tra xuống điều tra sự việc. Trung Tá Huy nhận hoàn toàn trách nhiệm, không hề đem đàn em ra làm bung xung. Ông tuyên bố:

– Có gì mà điều tra. Việt cộng muốn hạ tôi nên mới đem một toán đặc công đông như vậy đánh vào chỗ tôi ở. Tội nó chết gấp đôi chưa đủ trả lời hay sao mà phải điều tra.

Ngay ngày hôm sau có lệnh Trung Tá Nguyễn Dương Huy về trình diện Bộ Tổng Tham Mưu và ông mất ghế Tỉnh Trưởng. Tôi còn nhớ Đại Úy Vây ngậm ngùi nói với tôi:

– Trung Tá Huy là người giỏi, tư cách, chính nhờ ông mà Phước Long càng ngày càng vững. Nhưng giỏi và tư cách chưa đủ. Chú mày mới vào lính nhưng từ từ sẽ hiểu.

Đại Úy Vây giữ tôi lại làm việc với ông ở trung tâm Hành Quân. Chỉ sau vài ngày tôi ngựa chân ngựa tay, nhớ những ngày ở với Biệt Động Quân. Nay tôi lại quần áo tenue ngon lành, giày bóng láng sáng sủa họp thuyết trình hành quân. Đứng trên bục, tay cầm cây gậy sắt gỡ ra từ máy

truyền tin tôi trình bày cho cỡ gần hơn hai chục sĩ quan cao cấp trong tiểu khu về tình hình lãnh thổ trong ngày.

Mới đầu chưa quen tôi còn phải mò mẫm, sửa soạn đâu ra đấy, từ vị trí của các đơn vị ta cho đến khả năng tấn công của địch, từ những tin tức tình báo phối hợp cho đến khả năng yểm trợ của quân đoàn.... Nhưng rồi khi đã nắm vững, cuộc thuyết trình mỗi sáng trở nên nhàm chán. Đâu được khoảng ba tháng, tôi được vị tỉnh trưởng kế nhiệm gọi lên trình diện Đại Tá Lưu Yểm bảo tôi:

– Cậu lên đây làm sĩ quan tùy viên cho tôi. Ông Trung nhắc, tôi mới nhớ là đã gặp cậu ở nhà ông Trung nhiều lần. Lên đây với tôi may ra đời cậu mới khá.

Đại Tá Yểm vẫn hay ghé nhà chú Hà Bình Trung, thỉnh thoảng vẫn xoa vài tủy mật chược. Tôi gặp ông đều đều nhưng vẫn giữ lễ và không hề nhắc đến chuyện này. Khi nghe Đại Tá Yểm muốn tôi về làm tùy viên, lòng tôi chết đuối nhưng không thể từ chối. Khi về gặp lại chú, tôi nhăn nhó vì tưởng ông gởi gắm tôi, nhưng chú bảo:

– Đâu có gởi gắm gì. Thấy ông về làm tỉnh trưởng thì vui miệng nhắc đến Dũng vậy thôi. Đi lính để đánh giặc gửi gắm để làm gì.

Gửi hay không, bỗng tôi trở thành cái bóng của Đại Tá Tỉnh Trưởng, đi đâu cũng ôm kè kè một cái samsonite tiền. Tiền ở đâu mà nhiều thế? Thường trong samsonite tiền được sắp sẵn thành ba cọc, 25.000, 50.000 và 10.000 tùy viên và tùy phái khác nhau chỉ một chữ nhưng trên một bình diện nào đó chẳng khác gì nhau. Tôi trở thành đầu sai lo những việc hết sức linh kinh từ những chuyện như lo sắp xếp tiệc tùng khoản đãi, khách cỡ nào thì đặt đồ ăn ở đâu, rượu, cà phê, thuốc lá như thế nào.

Đôi khi cần biểu xén một nhân vật nào đó, tôi phải lo “nghiên cứu đối tượng” để xem món cần đưa là gì. Có lần tôi phải lo xoay xở để tìm được một con nai bao tử đem ngâm rượu thuốc làm quà cho một ông tướng trên quân đoàn vì nghe đâu ông hơi yếu. Tôi phải sắp xếp lộ trình cho Đại Tá, gọi phi cơ, lo xe đưa đón và chi tiền. Chỉ độ hai tuần là tôi đã hiểu là phải chi ra sao. Nếu là phi cơ trực thăng thì sau chuyến bay tôi móc cọc lớn nhất ra để phi hành đoàn cà phê cà pháo. Nếu vừa xuống phi trường để họp với quân đoàn mà có cả một công voa quân cảnh, súng ống võ trang đầy người hú còi dẫn đường, tôi móc cọc thứ nhì. Nếu chỉ là những giao tế lẳng nhăng tôi móc cọc thứ ba. Nghệ thuật của chi tiền là nhả nhận, kín đáo và luôn luôn phải nhấn mạnh rõ đây là chút gọi là để anh em lai rai của Đại Tá gửi.

Đại Tá Yểm đi tới đâu cũng được gọi là Thẩm Quyền, là Đại Bàng và thân mật hơn “Ông Thầy” luôn tiền hô hậu ủng sao cho đẹp vì biết thế nào cũng có tí đỉnh.

Tôi nhăn nhó nhưng không biết giải thích với ai. Cái chức tùy viên thom thế còn muốn gì nữa?

Nhiều người cầu cạnh, nhờ vả tôi. Những vụ như vậy đẩy tôi vào khó xử. Một ông ba Tàu có con đi lính đến nhờ tôi xin cho cậu công tử về làm việc ở dinh ông Tỉnh, đưa tôi một bó tiền. Một ông khác muốn mở trại cưa cũng đến nạp nhờ tôi nói với Đại Tá một tiếng. Tôi được về Sài Gòn đều đều nhưng không có thì giờ với Dung. Gặp độ giữa một hai tiếng các cuộc họp của Đại Tá Yểm, tôi lại tất tưởi chạy vào Quân Vụ Thị Trấn hay ra phi trường Tân Sơn Nhất. Dung rất tinh, hỏi:

– Bộ anh không thích Đại tá Yểm sao?

–Ồ Không. Đại Tá Yểm rộng rãi tiền bạc và rất dễ chịu. Nhưng cái chức tùy viên chẳng ra ngô ra khoai gì, đúng ra là tùy phái cao cấp.

Dung im lặng ngẫm nghĩ:

– Em thấy dạo này đánh nhau dữ quá. Anh ở đó với Đại Tá Yểm yên thân hơn. Em không muốn làm người yêu của tử sĩ.

Đây cũng là điều lạ, chỉ đi lính bắt đắc dĩ, tôi không bao giờ nghĩ chính mình sẽ chết dù xung quanh mình chết chóc xảy ra hàng ngày. Khi làm ở TTHQ, mạng người là những con số. Ta tám binh sĩ hi sinh, sáu bị thương, địch để lại bốn xác, và nhiều vết máu. Tối qua địch pháo hai hỏa tiễn 122 ly vào vùng lân cận Quận Bó Đức khiến sáu người dân thiệt mạng. Ngôn từ chết chóc cũng được phân biệt rõ, ta thì hi sinh, địch thì bỏ xác, và thường dân thì thiệt mạng. Ngay cả khi hành quân với Đại Đội của Đại Úy Khoái, tôi cũng thấy chết chóc dưới nhiều hình dạng khác nhau. Nhưng có lẽ quan niệm chiến tranh , giặc giã thì phải có thương vong, chết chóc khiến tôi chấp nhận cái chết như lý đương nhiên. Nhưng nếu như chính tôi chết thì sao? Tại sao tôi không nghĩ đến?

Tôi ngậy người trước lời nói của Dung rồi giả là:

– Yên trí, ông thầy tử vi nói anh sống đến 80 tuổi lận. Chết khó lắm Dung ơi.

– Em sợ.

– Anh cũng sợ. Nhưng lính tráng tụi anh nói với nhau “Trời kêu ai nấy dạ”. Trời quên tên anh lâu rồi.

Bản tính tôi ghét cái gì nhàm chán và những thúc buộc của chức tùy viên khiến tôi tìm mọi cách thoát ra. Khi thấy đại đội Quyết Tử cần một sĩ quan, tôi đăng ngay. Đại Tá Yểm khi thấy đơn của tôi, nhìn tôi ngạc nhiên:

– Bộ cậu chê tôi à? Cậu có điên không? Muốn tiến thân hay muốn tìm chỗ tắm tởm? Rồi tôi ăn nói với ông Trung ra làm sao?

Tôi nhũn nhận giải thích rằng:

– Chú Trung sẽ không trách Đại Tá và bản tính ham vui nên tôi muốn ra đơn vị tác chiến.

Tôi kỳ kèo nhiều lần nhiều đến nỗi Đại Tá Yểm bức mình ký cho tôi về Đại Đội Quyết tử, về với Đại Úy Dương Thắng Cảnh, một sĩ quan đẹp trai nhất nước hơn cả tài tử ciné.

Khi ở tù ngoài Bắc, tôi vẫn hay thủ thỉ với thẩm phán già nằm cạnh. Ông đưa ra nhận xét là quân đội VNCH được tổ chức rườm rà quá, nhiều binh chủng khác nhau với các bộ chỉ huy khác nhau và trang bị quân phục cũng khác nhau. Chính vì thế không có được sự phối hợp toàn diện, và nguy hiểm hơn nữa là nạn kiêu binh. Tôi không đủ kiến thức để tranh luận với quan điểm của người tù già đáng tuổi bố tôi nhưng thâm tâm tôi vẫn thấy điều này chưa chắc đúng. Chữ của chúng tôi hồi đó là mẫu cờ sắc áo. Vả lại mỗi binh chủng khi được thành lập có những nhiệm vụ riêng biệt như nghĩa quân, địa phương quân lo giữ gìn lãnh thổ. Dù, thủy quân lục chiến là những đơn vị tổng trừ bị có khả năng di động cao. Khi vị thẩm phán bảo quân đội Cộng Sản hoạt động hữu hiệu vì tất cả bộ đội, quần cút ngựa dèp râu, trên dưới như nhau không phân biệt nhưng khi tôi bảo Cộng Sản cũng có pháo binh, có thiết giáp, có phòng không, du kích, đặc công thì ông thẩm phán im không trả lời.

Đại đội Quyết Tử được thành lập như một đơn vị độc lập, một loại trừ bị của tiểu khu, cần đâu đánh đó. Tôi không rõ ý kiến thành lập đại đội này có phải là của Đại Tá Yểm không nhưng khi tôi xin nhập đơn vị này thì ông cứ âm ừ mãi mới chịu chuẩn phê. Rời khỏi dinh Tỉnh Trưởng, bỏ lại đằng sau chức tùy viên, lần này tôi mới thực sự dấn thân vào chiến trường với tất cả phũ phàng của chiến tranh, của súng đạn, của sống cùng chết.

Cảm nhận đầu tiên thoải mái vô cùng tận. Đại Úy Cảnh cao lớn như Tây, vai ngang ngực nở, đáng đi hiên ngang lại có râu quai nón. Ông còn nổi tiếng hơn nữa ở Phước Long vì người vợ, ca sĩ Thanh Tuyền. Tôi vốn không để ý gì tới ca sĩ, nhạc sĩ tài tử trình diễn vì trong mắt tôi không ai hơn được Dung, nhưng lần đầu tiên gặp người ca sĩ khả ái này, tôi bị chinh phục hoàn toàn. Tóc xõa dài, thân hình thanh tú, lần nào đi thăm chồng, Thanh Tuyền cũng hát cho tôi nghe những bài tình ca của lính.

Đại đội Quyết Tử không chỉ nổi danh vì Ông Đại Úy đẹp trai có vợ là ca sĩ lừng danh. Đại Úy Cảnh là một sĩ quan rất dễ thân cận nhưng khi cần kỷ luật nghiêm minh, lính là lính, sĩ quan là sĩ quan trên dưới đâu ra đấy. Chúng tôi được võ trang tới tận răng, cần gì cũng có, từ súng đạn cho đến trang bị, quân dụng khác. Một là Đại Tá Yểm rất hãnh diện với đơn vị này. Hai là mấy ông cố vấn Mỹ tận lòng lo lắng, xin gì được nấy toàn là thứ hảo hạng.

Đổi lại đơn vị hành quân liên chi hồ điệp, khi thì tảo thanh lúc phục kích, khi thì giải tỏa. Tôi nhớ ông Chuẩn Úy Sao, một trung đội trưởng lì nhất với trên hai mươi lính, Ông là người Miên, nói tiếng Việt sõi nhưng giọng vẫn còn lơ lớ. Ông là Hạ Sĩ Quan nhưng thăng lon dần trở thành Chuẩn Úy. Chuẩn Úy Sao là người bản địa, cả đời chưa ra khỏi Phước Long. Chỗ nào ông cũng biết.

Địa hình địa vật như trong lòng bàn tay. Chính nhờ ông mà đơn vị tránh được một vụ phục kích của địch, và thắng lớn.

Nguyên là đại đội được lệnh hành quân tảo thanh một vùng gần đồi Bù Gia Mập. Kế hoạch hành quân được soạn thảo kỹ lưỡng nhưng khi nhảy xuống trục thẳng, Chuẩn Úy Sao cho hay không thể di hành theo hướng dự trù vì lộ trình sẽ đi qua một nơi hai bên là đồi dễ bị phục kích. Ông đề nghị đi vòng, vất vả hơn vì băng qua một cái trảng bùn lầy khá lớn. Đại Úy Cảnh hỏi đi hỏi lại từng chi tiết và đối chiếu với bản đồ hành quân và cuối cùng theo lời khuyên của Chuẩn Úy Sao. Quả nhiên khi chúng tôi bọc hậu phía sau dãy đồi thì đụng lớn với địch, quân số cỡ tiểu đoàn.

Càng ngày Đại Đội Quyết tử càng nổi không chỉ vì ông đại đội trưởng đẹp trai và người vợ ca sĩ mà chính là những chiến công. Tôi không đếm xuể số huy chương được tưởng thưởng nhưng Đại Tá Yểm thì hãnh diện và cưng đơn vị này vô cùng. Tôi cũng càng ngày càng dày dạn gió sương, trở thành một người lính nhà nghề lúc nào không biết. Tôi hay chửi thề hơn xưa và uống rượu nhiều, rượu gì cũng được. Tôi khoái câu thơ của ông thi sĩ Nguyễn Đức Sơn:

Ta vốn hiền khô, ta là lính cậu
Đi hành quân rượu đế cũng mang theo.

Tôi không nghiện rượu và tất nhiên không lạm dụng đến nỗi bắt người lính tà lợt đem rượu cho mình nhưng mỗi lần về hậu cứ, không lần nào là không say mềm. Tôi không để ý nhưng Dung thì nhận ra. Một lần về phép, đi chơi, Dung bảo:

– Em để ý thấy anh uống rượu nhiều hơn xưa. Lại hút thuốc liên miên. Anh nóng tính, hay cau có.

– Anh vẫn vậy, đâu có say sưa bao giờ.

– Anh uống tới sáu chai 33.

– Bia để giải khát đâu phải rượu đế.

– Anh cộc cằn, chửi thề nữa.

Sau lần đó, tôi cố giữ, không nhậu bĩ tử nhưng cái tật chửi thề – cái ngôn ngữ lính tráng – đã quá lạm sâu. Tôi tránh nói về chiến trường, trận mạc chết chóc với Dung. Tôi chỉ kể về Phước Long, về đời sống tỉnh lẻ, về dân tình. Đây cũng là một khía cạnh nữa của chiến tranh. Tôi vẫn cứ nghĩ nếu tôi tiếp tục đèn sách, ra luật sư, làm Maître ở tòa chắc cả đời sẽ không biết thác Mơ ở đâu, thác Đức Mẹ ở đâu.

Trong rừng già phía Tây Bắc Phước Long, giữa lúc đang đi di hành tôi nghe nước đổ. Thác Mơ và thác Đức Mẹ hiện ra như giữa cơn mơ. Không cao lắm và sát nhau, từ con sông Drang như

vấp vào những tảng đá, ngập ngừng rồi đổ xuống tung bọt trắng xóa. Chuẩn Úy Sao bảo Tổng Thống Diệm có đến đây, thấy cảnh trí nên thơ nên đặt tên là thác Mơ và cho dựng một tượng Đức Mẹ. Tôi chỉ nhớ thời học trung học êm đềm, tôi vẫn thấy hình ảnh của Ông Diệm như một ông quan nghiêm nghị, như một ông cha cố không biết đùa và hẳn là ông Tổng Thống đó không có óc lãng mạn. Nhưng khi nhìn thấy thác Mơ, tôi đã gạt gù một mình tán thưởng cái nhìn của ông Diệm. Tôi mò mẫm khi nghe nói Tổng Thống có ý định biến chỗ này thành một nơi du lịch và đã cho dựng móng xây cất nhà cửa. Tôi chỉ tìm được mấy cái ghế đá nay đã bị cây leo, cây dại trùm kín. Ngồi trên ghế đá giữa rừng già trong một buổi chiều dịu nắng, nhìn hai dòng thác liên miên tung bọt, tôi quên hẳn mình đang võ trang tới tận rừng và cái chết có thể xảy ra bất cứ lúc nào.

Tôi nhớ rõ hai cái thác vì trong đợt hành quân tảo thanh lần đó không chạm địch, quân ta không hề thiệt hại gì trừ tôi. Khi tôi lui cui tìm cách trèo lên tượng Đức Mẹ thì bị vấp phải mìn muối. Theo cách nói của Hà Nội thì đây là cuộc chiến toàn diện. Tôi vẫn hiểu nôm na rằng Cộng Sản chủ trương cái gì có lợi cho họ là họ làm, không có vấn đề nhân quyền, đạo đức gì cả. Từ cái nhìn có tính cách căn bản đó, cuộc chiến đang diễn ra dưới đủ mọi hình thái, từ hàng rào điện tử Mac Namara, phi cơ, thiết giáp, phóng lựu, bom bi, B52 cho tới bàn chông, mìn muối. Chỉ cần một tí C4 trộn với đinh gỉ, miếng chai, dây kẽm gai và một kíp nổ là có mìn, và gài đâu cũng dễ nguy trang. Vết thương nơi chân trái tôi cũng chẳng đáng gì, người y tá rửa cồn và băng bó. Tôi còn nhớ khi đang băng vết thương một người lính quân y đưa cho tôi một ống tre lớn nói:

– Thiếu Úy uống cái này đỡ lắm.

Đang khát tôi ực một hơi hết. Đó là nước đọng trong những ruột cây tre cây nứa, nhất là sau những trận mưa, nó dịu dàng, ngọt ngào hương vị của cỏ cây núi rừng.

Khi về tới hậu cứ tôi hơi sốt và sau đó khó thở. Thời buổi chiến tranh, bác sĩ đến chín mươi phần trăm là bác sĩ nhà binh và ở cái tỉnh lẻ như Phước Long các vị quân y sĩ luôn luôn vừa chữa bệnh vừa cho lính vừa mở thêm phòng mạch ngoài. Người bạn cùng phòng chở tôi đến phòng mạch của ông Thiếu Tá Đích và khi vừa nhìn thấy, nghe tim mạch xong, ông hỏi hỏi đưa tôi đi ngay nhà thương. Vào đến bệnh viện Phước Long, tôi không còn thở được nữa và tay chân giật liên hồi, nên tôi được chuyển ngay vào phòng cấp cứu để tiếp dưỡng khí và nước biển, rồi yêu cầu chuyển gấp về Cộng Hòa. Tôi không thở được, mồm há hốc, ngáp từng tí không khí một. Khi hay tin chính Đại Úy Vây chạy đến và yêu cầu tải thương khẩn. Nhưng trời vẫn vũ, mưa to gió lớn không những ở Phước Long mà cả ở Biên Hòa. Không cách gì phi cơ lên được trong thời tiết đó. Những sĩ quan bạn bè tới tấp chạy tới. Tuy không thở nổi, mồm miệng rãi nhót chảy ra nhưng tôi rất tỉnh. Các bác sĩ cho hay tôi bị phong đòn gánh, Tétanos, nơi đây không đủ phương tiện và thuốc men. Bệnh viện tỉnh chỉ có hai bình dưỡng khí được hàn dính cứng vào giường sắt, bình kia cũng đang phải tiếp cho bệnh nhân khác. Đại Úy Vây chợt nhớ tới viên Thiếu Tá Mỹ, cố vấn của

TOC. Ông điện thoại yêu cầu. Vị Thiếu Tá này sốt sáng nhưng cũng được trả lời rằng thời tiết này không có cách gì cất cánh. Ông Thiếu Tá Mỹ này vẫn không chịu thua, liền mời một bác sĩ Mỹ. Người y sĩ này sau vài phút đo tim mạch, quay sang nói ngay trường hợp này cần phải tải thương gấp. Đại Úy Vây trình bày lý do thời tiết và yêu cầu giúp cho. Ông bác sĩ này lên máy và xác nhận nếu sĩ quan này không được tải thương thì không thể nào cứu được. Lực lượng Mỹ ở Biên Hòa trả lời thời tiết này rất xấu. Trực thăng Hoa Kỳ chỉ cất cánh cho trường hợp một quân nhân Hoa Kỳ bị nguy kịch. Đại Úy Vây nghĩ còn nước còn tát, nên ông gọi điện thoại trực tiếp cho Đại tá Yểm. Ngay sau đó Đại tá Yểm đã liên lạc với Đại tá Smith, cố vấn của ông ta, và nói rõ là Thiếu Úy Đỗ Lệnh Dũng là một sĩ quan rất ưu tú rất quan trọng cho tỉnh Phước Long và yêu cầu can thiệp tải thương. Đại tá Smith đích thân liên lạc với Biên Hòa, yêu cầu một chuyến tải thương đặc biệt khẩn cấp và coi đây như một trường hợp đối với một sĩ quan Hoa Kỳ. Đời tôi may mắn nhiều lần, nhất là đối với tử thần.

Không đầy mười lăm phút sau, chuyến tải thương đặc biệt đã ở trên vùng và xin bắn trái sáng để xác định hướng vì trời mưa tầm tã và tối đen như mực. Trong nhà thương mọi người tìm cách đưa tôi ra sân bay nhưng cái bình dưỡng khí to tướng hàn dính vào chiếc giường sắt làm sao di chuyển. Mấy ông bác sĩ nhìn nhau, gỡ tôi ra chắc chỉ năm phút là tôi tím ngắt, là tôi chết vì nghẹt thở, máu không có oxy. Đúng lúc đó, bác sĩ Mẫn liên lạc với cố vấn Mỹ, y sĩ Đại Úy Martin, xem có cách gì xoay được một bình dưỡng khí cầm tay chăng? Ông Martin lái xe cấp tốc về bên MACV và trở lại với một bình dưỡng khí. Ông ta cho biết bên đó cũng chỉ có hai bình mà thôi. Khi trực thăng đảo trên cao, trái sáng bắn rầm trời, để đến nỗi sau này bạn bè vẫn bảo, chưa bao giờ thấy một sĩ quan cấp Úy được săn sóc như vậy.

Khi trực thăng tải thương rời khỏi Sông Bé được một lúc lâu, tôi cảm thấy không thở được, thì ra trực thăng bị lạc hướng khi thời tiết mưa quá lớn. Bình dưỡng khí đã hết oxy vì thời gian bay lâu quá. Lúc đó tôi cảm tưởng như đang lặn ở dưới nước, hết dưỡng khí phải trồi lên, thì có ai dìu tôi xuống, nên tôi vùng vẫy dấy dựa dẫm dội. Hai người y tá Medic Mỹ đi theo chuyến tải thương hình như hiểu được trường hợp, tìm cách tiếp dưỡng khí cho tôi bằng phương pháp hô hấp trực tiếp bằng miệng cho đến khi trực thăng đáp xuống một căn cứ Mỹ ở Biên Hòa để lấy thêm bình dưỡng khí khác hầu có thể bay tiếp tục đến bệnh viện dã chiến Mỹ ở Biên Hòa. Tôi nằm ở bệnh viện Hoa Kỳ tại Biên Hòa gần nửa tháng.

Có những điều không bao giờ giải thích được với những người ngoại quốc. Tôi nhất định xin được chuyển giao về bệnh viện Cộng Hòa hay cho về nhà. Viên bác sĩ cho hay nơi này có đủ phương tiện y tế tối tân, và tôi được đối xử ngang với một sĩ quan Mỹ, tại sao muốn về? Tại vì thèm cơm quá, thèm phở quá. Uống mãi nước cam, nước táo nó xót ruột làm sao ấy. Ăn sáng mãi với cereal ngọt lờ lợ chẳng ra ngô ra khoai gì sất. Tôi thấy người không đói nhưng cứ lâng lâng, ngầy ngật thèm cơm thèm rau. Nếu được rau muống non chấm nước mắm chanh nữa thì tuyệt. Nhưng rồi gần nửa tháng họ mới cho tôi xuất viện. Câu đầu tiên Dung nói với tôi:

– Em sợ muốn chết. Trông anh xanh quá.

Tôi chỉ biết cười:

– Mìn muỗi như muỗi đốt, ăn thua gì. Tại vì trùng phong đòn gánh.

– Phong đòn gánh là gì vậy?

– Tétanos.

– Em sợ. Lỡ anh có gì.

– Anh cao số , đừng lo.

Ông thầy chấm số tử vi cho tôi báo với mẹ tôi rằng tôi cao số , và ông nói lung tung những gì là “giáp long, giáp phượng, giáp tả, giáp hữu” rồi “tuần triệt, thân cư di” gì đó tôi chẳng hiểu. Nhưng tôi nhớ ông ta đã vỗ đầu tôi, lúc tôi đâu bảy tám tuổi:

– Số cậu này buồn cười lắm, cứ tưởng được lại mất, có khi thấy mất lại được. Nhưng cái lạ là lúc nào cũng thoát.

Mẹ tôi vẫn hay nhắc lời ông thầy tử vi và đến gần cuối đời tôi ngẫm hay người ta có số thật.

Đó không phải là lần đầu tôi bị thương. Cuộc chiến hiện diễn ra dưới đủ mọi dạng trong đó có dạng xôi đậu. Tôi vẫn cười khi tự hỏi quốc gia là xôi hay là đậu? Và dân là gì trong cái thế xôi đậu đó. Diễn hình là ấp Phước Lộc.

Phước Lộc nằm ở phía tây bắc Phước Long là một loạt các xã, các ấp bắt đầu bằng chữ Phước , Phước Bình , Phước Vĩnh , Phước Quả, Phước Lộc. Tình trạng ở Phước Lộc là nửa xôi nửa đậu, Đêm Cộng ngày Quốc. Ban ngày sinh hoạt bình thường như bất cứ ấp nào, trụ sở ấp treo cờ vàng ba sọc đỏ, các em học sinh tiểu học sáng hát quốc ca “Này công dân ơi , đứng lên đáp lời sông núi...” Nhà nào cũng sơn cờ quốc gia ở trước cửa. Nhưng khi trời sập tối thì các viên chức chính phủ, kể cả những chức dân cử như các ông hội đồng xã ấp lũ lượt chần mền lên ngủ ở đồn. Đồn nằm trên một ngọn đồi thấp, do đại đội địa phương quân 334 trấn giữ. Đại đội 334 sau này đổi tên thành đại đội 333 vì theo Đại Tá Tỉnh Trưởng Lưu Yểm thì 334 là số bù, số xui. Tôi đã có dịp nằm với ông Thái ở đồn và đến đêm, từ đồi nhìn xuống, ấp Phước Lộc cũng lóm đóm đèn lửa. Nhưng lời thiếu úy Thái, có đêm Việt cộng về đốt đuốc sáng rực, họp dân lại để học tập về tội ác Mỹ ngụy.

Chuyện xảy ra khi cả hơn một tiểu đoàn địch khơi khơi về ấp chiếm, đuổi hết dân. Tin tình báo và nhất là theo lời dân thì rất đông bộ đội cộng sản, nói toàn tiếng Bắc. Phối kiểm tới, phối kiểm lui, Đại Tá Yểm mở cuộc hành quân lớn, phối hợp Việt Mỹ. Đây chỉ là cách nói, thực ra là quân đội Mỹ sẽ hành quân và quân đội Việt Nam chỉ là lực lượng án ngữ. Đại đội của tụi tôi được lệnh

tham dự. Khi nhảy trực thăng xuống, Đại Úy Cảnh cho dàn quân ngay ở trên ngọn đồi của đại đội số bù 334. Chưa kịp bố trí thì cả một bầu trời vùn vủ phi cơ trực thăng và đủ thứ phi cơ quan sát bay vòng vòng. Tôi ước lượng cỡ trên một tiểu đoàn TQLC Mỹ được đổ xuống trong ba đợt bao quanh ấp Phước Lộc. Cái ấp nhỏ bé đó vẫn im lìm như đang ngủ yên không một động tĩnh. Mỹ khai hỏa trước, bằng súng phóng lựu, bắn lựu đạn cay mù mịt từng chập một. Hơi cay dữ dội gió tạt đến tận chỗ chúng tôi trấn trên đồi. TQLC Mỹ mặt nạ, súng đủ loại ào lên. Ấp trống không, chỉ thấy gà vịt chạy tứ tung kêu oang oác. không một bóng dáng địch, không một chú du kích hay như tin tình báo, lính chính qui Bắc Việt. Chiến lợi phẩm duy nhất là lá cờ Mặt Trận Giải Phóng treo ở trụ sở ấp.

Dân chúng được đưa trở về nhà với lời bảo đảm của chính phủ và quân đội rằng bất cứ lúc nào quân đội đồng minh cũng sẵn sàng có mặt. Hai tuần lễ sau, dân lại bị xua khỏi ấp. Đại Tá Yểm họp và nói với Đại Úy Cảnh:

– Tụi nó chơi trò hú tìm, mục đích là gây náo loạn, tạo thế bất an cho dân. Đại đội 334 của ông Thiếu Úy Thái yếu quá. Đại Úy lo dùm tôi vụ này, không thể mở hành quân lớn nữa. Kỳ vừa rồi mất mặt với tụi Mỹ quá.

Đại Úy Dương Thắng Cảnh trông tướng tá có vẻ công tử nhưng lại là một sĩ quan vô cùng cẩn thận. Ông dặn dò mọi người:

– Không thể khinh địch được. Cuộc hành quân lần trước khác, lần này khác. Có ai đọc Tam Quốc chưa? Khổng Minh đã xài kế không thành. Tôi yêu cầu tất cả sĩ quan và binh sĩ chuẩn bị vì có thể sẽ chạm lớn. Chúng ta quen chiến trận trong rừng núi nay phải đối phó với một trận địa khác, ngay giữa ấp với nhà cửa, và rất nhiều hầm trú ẩn.

Đại Úy Cảnh chọn hướng Đông để tiến thẳng vào ấp và liên lạc yêu cầu đại đội địa phương 334 dàn ngoài ấp dọc dọc phía Tây chặn đường rút của địch. Đại Đội dàn cánh cung tiến vào. Tôi giữ phía trái, Chuẩn Úy Sao giữ phía mặt và chính giữa do Đại đội trưởng chỉ huy. Đến ven ấp, mọi sự bình yên như tờ. Đại Úy Cảnh gọi tôi.

– C1 tiến trước ở giữa. Zulu chặn dọc đám cây, SS áp dọc rào nứa.

Từ đội hình cánh cung, đại đội chuyển thành đội hình tam giác, mũi nhọn đi đầu. Cánh của Đại Úy Cảnh lọt vào ấp yên lành. Tôi đem trung đội bọc theo rặng cây tiến tới. Những căn nhà lợp tôn, lợp lá thấp lè tè im đến độ đáng ngờ. Tôi ra lệnh tiến chậm, bò leo thang đi từ căn này tới căn khác. Một sinh hoạt sống duy nhất là một con chó cụp đuôi vừa đi vừa chạy giữa hai lớp nhà lợp xộp. Viên Hạ Sĩ truyền tin chỉ tay. Tôi nhìn về phía căn nhà gạch hai tầng, thấy biển đề Trường Tiểu Học Phước Lộc và thấy lá cờ mặt trận phát phơ nhẹ trong gió. Tôi vẫy tay ra hiệu và khi một người lính đẩy chiếc cổng trường toan tiến vào sân trường thì súng nổ nhiều loạt khiến người lính

liệt đi. Tôi nghe nhiều tiếng hò hét văng lên từ các cửa sổ.

Cùng lúc đó, từ phía sau súng cũng nổ rền trời. Cánh của Đại Úy Cảnh chạm nặng. Những người lính của Đại Đội Quyết Tử đều là tình nguyện và rất nhiều kinh nghiệm. Họ sử dụng M79 rất là thần sầu, chỉ ít phút sau địch im. Sam Graves sau nhiều cuộc đụng độ đã tỏ ra bình tĩnh và chín chắn ra nhiều. Ông cố vắn nằm sát sau mô đất cùng tôi quan sát. Tôi trườn lại phía sau gốc cây để nhìn bao quát hơn thế trận. Đúng lúc đó cột cờ trúng đạn B40 ngã đổ, lá cờ mặt trận trải dài trước mặt. Tôi nhòe dậy, vừa cúi vừa chạy và vừa đúng lúc giật lá cờ nhét vào trong ngực thì tôi trúng đạn. Tôi lăn tròn trên đất và nghe tiếng súng nổ liên hồi. Sam Graves và người hạ sĩ truyền tin xả súng từng chập bắn chập. Người Hạ Sĩ truyền tin lôi tôi vào được phía sau những mô đất có cỏ cao che lấp. Tôi nghe anh ta nói như thét vào PRC:

– Thiếu Úy bị rồi. Thiếu úy bị rồi.

Không hiểu động lực nào đã khiến tôi vô cùng tỉnh táo, giật lấy ống nghe:

– Zulu đây. Bị nhẹ, không sao.

Tôi chỉ sợ Đại Úy Cảnh quá để tâm tới cánh quân của tôi, lo tiếp vận yểm trợ rồi bị phục kích. Giữa lúc đó một người lính nói với tôi:

– Để em qua lấy lại khẩu M79.

Khẩu M79 của tôi nằm chơ vơ giữa sân trường. Tôi vội bảo:

– Đừng có ngu. Tụi nó chốt trong các căn nhà phía trước.

Chỉ đến khi đó tôi mới thấy tay trái tê dại rũ xuống. Tôi cũng không biết đích xác đạn trúng chỗ nào trên cánh tay. Viên y tá bò lại gần, xé nguyên một cuộn băng, băng chằng chịt từ khuỷu tay trở xuống trùm hết cả bàn tay. Anh ta giải thích:

– Cứt băng lại đã để lỡ có gãy xương thì còn có thể nối lại được.

Máu ra ướt đầm băng trắng. Tiếng nổ rền của AK cùng mùi thuốc súng làm tôi tỉnh táo trở lại và quyết định cho trung đội phòng thủ theo thế cánh cung để tự bảo vệ. Phía bên trái tôi, cánh quân của ông Cảnh cũng đang chạm nặng. Trong máy tôi nghe Đại Úy Cảnh ra lệnh chậm rãi và bình tĩnh cho cánh quân của ông tiến chiếm lại Vườn Mít.

– Zulu đây Charlie nghe rõ trả lời.

– Nghe ba mai.

– 72 (Đại Tá Yểm) đang bay trên vùng hỏi thăm cậu. Nhận được trả lời.

Anh truyền tin định nghiêng máy cho tôi nghe thì ngay lúc đó một quả B40 nổ sát tôi làm anh lính truyền tin bị thương và máy bị vỡ tan. Kể từ lúc đó tôi hoàn toàn mất liên lạc với đơn vị bạn.

Đại đội 334 có nhiệm vụ chốt tại ngã ba Thác Mơ để bảo vệ đường rút cho chúng tôi cũng bị bao vây và tấn công dữ dội. Chưa đầy nửa tiếng sau, đại đội 334 bị mất liên lạc. Thế là đại đội của Đại Úy Cảnh bị khóa đít, không tiến và cũng không lui được. Định hy vọng sẽ khóa sổ đại đội Quyết Tử nhưng họ nhằm vì chúng tôi cũng như họ, lợi dụng những hầm trú ẩn của dân chúng làm tuyến tự vệ cho nên những đợt tấn công của họ đều bị đánh bật ra. Đại đội Quyết Tử được trang bị nhiều M72 nên hỏa lực rất mạnh. Hơn nữa, gần một tiếng đồng hồ trôi qua đã đủ cho trực thăng vũ trang của Hoa Kỳ lên vùng, loại trực thăng Cobra được trang bị 48 quả đạn hỏa tiễn ngăn chặn dễ dàng những đợt tấn công liều lĩnh của địch. Một tiếng đồng hồ ấy cũng đủ thời gian cho tiểu đoàn 340 trừ bị tại Phước Quả tiến đánh vào sườn địch.

Trận đánh diễn ra chưa đầy một tiếng. Địch thiệt hại nặng, để lại nhiều súng AK và B40 sau đó khi rút lại bị tiểu đoàn 340 Đại úy Phan truy kích. Riêng trung đội của tôi đã thiệt mất sáu binh sĩ và hầu hết đều bị thương.

Đêm hôm đó đại đội của chúng tôi rút về đồn Phước Lộc cùng với đại đội 334. Tiểu đoàn 340 ở lại đóng quân tại ấp Phước Lộc. Sau đó tôi được biết tiểu đoàn 340 phối hợp với một tiểu đoàn của sư đoàn 5 mở cuộc hành quân lớn truy kích địch. Kết quả thu lượm hơn 100 súng đủ loại, xác địch đếm được tại chỗ 60 chưa kể một số đã được kéo đi trong đêm. Về phía chúng tôi thì đại đội 334 còn lại hơn hai trung đội do trung sĩ Nhất Tuệ, người có cấp bậc cao nhất còn lại chỉ huy, đại đội Quyết Tử 16 hy sinh. Đại Úy Cảnh bị thương có lẽ không nặng lắm, đã từ chối không cho tải thương và ở lại đơn vị. Phần tôi thì đêm đó, đã được bốc về tỉnh.

Khi được trực thăng tải thương đưa về bệnh viện Phước Long, tôi chỉ chăm chăm xin về Cộng Hòa. Về Cộng Hòa có nghĩa là về Sài Gòn, về với Dung. Nhưng viên Đại Úy bác sĩ vừa nhìn thấy bảo:

– Thiếu Úy bị nhẹ, đâu cần về Cộng Hòa.

Tôi năn nỉ một hồi đến nỗi ông ta phát cáu:

– Còn nhiều người bị nặng hơn Thiếu Úy.

Tôi chán nản nằm dài trên chiếc băng ca phòng đợi. Nhưng khi xé băng, xem xét vết thương. Vị Đại Úy Quân Y chỉch cho tôi một mũi thuốc gì đó và bảo:

– Cho Thiếu Úy này về Cộng Hòa.

Đến đây thì tôi sợ tái người:

– Có gãy xương không bác sĩ? Liệu có phải cưa tay không?

Có lẽ bị nhiều thương binh cần chăm sóc quá, ông ta nhìn tôi, vổ vổ vào chiếc băng ca rồi đi lo cho người khác. Tôi sợ đến lạnh người. Hình ảnh của một người tay cụt không phải là hình ảnh đẹp, nhất là đi bên cạnh Dung. Thoáng từ đầu, câu hát vọng về:

Em lạnh lùng dạo phố mùa xuân

Bên người yêu tật nguyên chai đá.



Tổng y viện Cộng Hòa như một cái chợ thương binh. Băng ca nằm ngang dọc, thương binh người thì băng đầu, kẻ thì băng chân. Có người thì im lìm ngheo đầu như đã chết. Kẻ thì rên rỉ. Tôi nằm dài, chỉ thấy bãi hoải, người rũ ra vì mệt mỏi, hoặc vì mất máu. Cái mũi thuốc ở Phước Long có lẽ là morphine, nay đã tan. Hết cựa mình là tay trái đau nhói chịu không thấu nhưng cái đau không thấm gì với ý nghĩ bị cưa tay. Tôi được đưa vào phòng chụp quang tuyến và khoảng một tiếng sau thì vào phòng mổ. Vị bác sĩ có lẽ là một ngày mổ ít nhất vài ba ca, nhìn tôi hỏi:

– Thiếu Úy bị ở đâu?

– Ở Phước Long.

– Không tôi hỏi bị bắn trúng ở chỗ nào trên tay có biết không?

– Không, chỉ biết bị ở tay.

Ông ta cầm tấm phim quang tuyến đen ngòm xoay tới xoay lui, rồi gật gật.

– Ở cổ tay.

– Liệu có phải cưa?

– Cưa thì được giải ngũ. Sống cụt còn hơn chết lành. Sợ không?

Đây là lần đầu tiên có người hỏi tôi câu này. Sợ không? Tôi vẫn nghĩ con sâu cái kiến còn muốn sống hưởng hờ là con người. Tôi đâu muốn bắn người khác chết? Tôi không rõ là người lính Bắc Việt ở bên kia có muốn bắn người không? Tôi giương mắt nhìn, và người bác sĩ đồng đội đã luống tuổi cười:

– Yên trí, để tôi đánh thuốc mê, giải phẫu cho Thiếu Úy. Tỉnh dậy thấy mất một cánh tay là được giải ngũ, tàn phế 100%.

Tàn phế 100% là câu cuối cùng tôi nghe khi lên bàn mổ, và mũi thuốc mê làm tôi lịm đi không biết gì nữa. Tôi đột nhiên tỉnh dậy, ngơ ngác không biết mình đang ở đâu, chỉ thấy cảm giác bị

trói buộc. Tôi ngược nhìn. Cánh tay trái của tôi bằng kín được buộc thẳng dọc theo một cái cọc sắt. Tôi định thần và cố thử xem có co duỗi được mấy ngón tay chẳng. Hoàn toàn vô vọng, không một cảm giác gì ngoài sự tê cứng. Tôi còn bàn tay trái chẳng?

Khi vị bác sĩ cúi xuống nhìn tôi cười, tôi sợ thất thần. Sống cụt hơn chết lành.

– Thiếu Úy may mắn lắm. Đạn trúng cổ tay nhưng lại trúng ngay vào chiếc đồng hồ nên xương không bị vỡ vụn. Yên trí không bị cụt tay đâu nhưng mà lại sắp phải ra mặt trận, không được giải ngũ.

Khi tôi còn phải treo cánh tay trái thì một chuyên viên quang tuyến dẫn theo một vị cố vấn người Mỹ ôm theo một xấp hình x-ray đến. Ông ta hỏi bằng giọng rất nghiêm chỉnh:

– Khi Thiếu Úy bị bắn, Thiếu Úy có biết trúng phải thứ đạn gì, hay có biết Việt Cộng sử dụng loại súng gì không?

Tôi nhìn ông ta ngạc nhiên. Trông bộ dạng rõ là lính văn phòng, chưa bao giờ ra trận. Tôi không biết đồng đội của tôi nhìn thấy vũ khí của địch dùng để bắn trúng mình bao giờ chưa và lại còn biết cả loại đạn gì. Tôi trả lời:

– Đạn nổ rền trời, nhưng tôi nghe như tiếng AK. AK nổ nghe không thanh như M16.-

– Tại sao trong phim chụp lại có mảnh đạn răng cưa. Chúng tôi là chuyên viên vũ khí cũng chưa hiểu tại sao. Có thể Việt Cộng được viện trợ loại vũ khí tối tân gì chẳng?

– À, tôi nghe ông bác sĩ giải phẫu của tôi bảo tôi không bị vỡ cườm tay nhờ đạn trúng cái đồng hồ.

Hai chuyên viên Việt Mỹ bàn tán, gật gù rồi bỏ đi. Tôi chợt nhớ đến những bài báo ngoại quốc viết về những loại vũ khí tối tân lần đầu tiên được sử dụng ở Việt nam như hỏa tiễn SAM tầm nhiệt, như hỏa tiễn TOW và nhiều thứ linh kinh khác nữa. Đất nước đang trở thành bài thí nghiệm của các phát minh mới trong ngành vũ khí học của cả hai phe Tự Do lẫn Cộng Sản. Những ý nghĩ viễn vông này không ám ảnh tôi lâu vì ngày ngày Dung đều có mặt ở nhà thương Cộng Hòa. Khi được chuyển từ khu cấp cứu sang khu dưỡng thương của sĩ quan, quang cảnh đổi hẳn. Tổng Y Viện Cộng Hòa được xây cất từ khi nào không rõ nhưng rất tình tứ với những dãy nhà gạch có mái hiên rộng, thoáng và phía giữa hai dãy nhà là các hàng cây to tỏa tàn mát rượi. Hể chiều Dung tới là hai đứa ra ngồi ở mấy chiếc ghế bên gốc cây sơn vôi trắng toát thủ thủ đủ thứ chuyện. Tôi được nghỉ gần ba tháng ở Sài Gòn và có lẽ đây là tuần trăng mật của tụi tôi. Dung bắt tôi ăn rất nhiều thịt bò để lại sức nhiều đến nỗi khi về đến Phước Long tôi vẫn còn ớn.

Trở Lại Phước Long, mọi sự xem ra chẳng có gì thay đổi, vẫn là một cuộc sống bấp bênh tạm bợ trong chiến tranh. Mỗi buổi sáng các quán xá trong thị xã đầy lính tráng, đủ loại màu cờ sắc áo,

đủ loại binh chủng và ngay cả ở quán phở Tàu Bay đông đúc thỉnh thoảng cũng có cả mấy ông cố vấn Mỹ lóng ngóng cầm đũa vớt những cọng bánh phở trơn trượt. Guồng máy vẫn cứ quay dù có tôi hay không, bởi chỉ hai ngày sau, tôi lại mũ sắt áo giáp lội rừng lội suối. Đơn vị của tôi được cung chiều, hễ về được đến hậu cứ là kể như phè và nhất là quân trang quân dụng không bao giờ thiếu. Hễ cần cái gì, Đại Tá Lưu Yểm cung cấp liền và nếu phía Việt khó quá thì có Đại Úy Sam Graves lo. Để bù lại những ân sủng đó, tụi tôi bị xài tối đa. Chữ xài là ngôn ngữ của lính và đôi khi tôi đã rùng mình khi nghĩ rằng cả đại đội hơn trăm con người được coi như một đồ vật, một dụng cụ để xài. Tôi vẫn hay suy nghĩ lắm cảm như vậy đến nỗi Đại Úy Cảnh trong một bữa nhậu đã cười ngất, gọi tôi là Ông Đồ Tây. Hỏi tại sao là ông Đồ Tây thì Đại Úy Đại Đội Trưởng bảo tôi học trường Tây mà suy nghĩ lắm cảm như Ông Đồ.

Đại đội biệt lập, chịu sự chỉ huy trực tiếp từ Đại Tá Yểm và TOC. Chúng tôi hành quân giải tỏa, hành quân lục soát, hành quân phối hợp, hành quân truy kích...Chỗ nào cần, chỗ nào gay, có mặt tụi tôi. Thương vong khá lớn nhưng luôn luôn được bổ sung nên quân số không bao giờ được thiếu hụt, khác hẳn những đơn vị khác.

Bản doanh của tiểu khu Phước Long nằm sát chân núi Bà Rá, ngọn núi cao nhất trong vùng. Đi đâu trong tỉnh, ngược lên cũng có thể nhìn thấy đỉnh núi và nếu hôm nào trời quang mây tạnh còn có thể loáng thoáng thấy dạng của công sự chiến đấu và những cột ăng ten và cột thu phát sóng truyền tin. Tôi liên lạc đều đều với Bà Rá khi hành quân và ngày này qua ngày khác tôi biết tên một số những người lính truyền tin, trong đó có ông Thiếu Úy Mai ra trường Thủ Đức sau tôi một khóa. Mai kém tôi một tuổi nhưng đã tốt nghiệp Văn Khoa, Cử Nhân Triết Đông. Lần nào từ núi bò xuống Mai cũng kiêu tôi cà phê cà pháo và đến tối thì mò vào ngủ trong hậu cứ của đại đội. Tôi thích Mai vì từ Mai tôi học được khá nhiều về nền văn hóa Đông Phương. Mai bảo rằng khi Việt Nam đã là một quốc gia có tổ chức, có hệ thống, có vua quan hành chính, có sử thì Nhật Bản vẫn còn là một bộ lạc, là sứ quân. Mai kể về cuốn sử của ông Lê Văn Hưu, một bộ sử đồ sộ được viết ra khi Nhật chưa có chữ viết. Mai nói rằng cuốn An Nam Chí Lược của Lê Tắc nay được giữ trong Khố Toàn Thư của Tàu. Cái ước mơ của Mai trở thành học giả Hán Nôm chuyên về sử. Nhưng tôi nhớ nhất là có lần Mai hỏi tôi:

– Ông có biết vụ ly thân đầu tiên của Việt Nam, và có thể là của thế giới xảy ra vào thời kỳ nào không?

Trời đất, làm sao tôi biết chuyện ly kỳ này. Mai cười bảo:

– Đó là vụ ly thân giữa Lạc Long Quân và Âu Cơ. Chính vì bố mẹ xa nhau nên con cái không còn nhận ra nhau, đánh nhau lung tung.

Và Mai gõ tay trên bàn vừa hát “Giặc từ Bắc vô đây, bàn tay nhuộm máu anh em...”Tôi thích Mai vì lối nói chuyện hóm hỉnh có duyên. Có lần Mai nói với tôi cái vốn chữ Hán chữ Nôm của anh đã

giúp anh rất nhiều trong việc giải mã truyền tin. Tôi không hiểu điều này có đúng chẳng nhưng Mai gật gù bảo:

– Ít nhất thì Đại Học Văn Khoa cũng dạy tôi được chút ít để ứng dụng trong chiến tranh.

Khoảng hơn một tuần trước Thiếu Úy Mai hạ san mang theo một người Hạ Sĩ truyền tin trở về bảo tôi:

– Đây là Hạ Sĩ Ngọc, em út tôi đang học chữ Hán.

Sống ở trên núi buồn quá, ông Mai vợ được người hạ sĩ ham học, bèn đem chữ Hán ra dạy. Thầy trò ông có vẻ tương đắc và tôi thấy rõ lòng kính trọng của hạ sĩ Ngọc với ông thầy Thiếu Úy.

Chính nhờ nói chuyện nhiều, tôi hiểu căn cứ tiếp vận truyền tin Bà Rá được người Mỹ trang bị rất nhiều dụng cụ truyền tin hiện đại, có cái máy giá trị cả triệu Mỹ kim. Thiếu Úy Mai cho biết đài tiếp vận có thể liên lạc với đệ thất Hạm Đội của Hoa Kỳ và đặc biệt hơn nữa, căn cứ này còn có nhiệm vụ tìm bắt những liên lạc vô tuyến của địch. Tôi nghe lỗ tai này chạy qua lỗ tai khác nhưng hiểu rằng Bà Rá là một căn cứ quan trọng. Không ai nghĩ rằng Bà Rá sẽ bị tấn công. Thứ nhất nó tuy nằm trên núi nhưng vẫn là trong vòng đai của Tiểu Khu. Thứ nhì Bà Rá địa thế hiểm trở, phía bên kia là sườn đá tai mèo không có cách gì để bày binh bố trận. Căn cứ ngoài lực lượng của truyền tin còn có hơn một đại đội nghĩa quân bảo vệ.

Nhưng tối hôm đó, núi Bà Rá nổ tung. Phước Long dấu sao vẫn là tĩnh lặng, khoảng chín giờ tối ít ai ra đường, và dăm ba cái đèn điện lù mù không đủ tạo cho Phước Long một sinh hoạt ồn ào trong đêm. Đêm đó gần như mọi người trong tỉnh đều đổ ra đường nhìn lên đỉnh núi. Những tiếng nổ long trời lở đất làm sáng một vùng trời. Khi tôi và Đại Úy Cảnh tới trung tâm hành quân thì Đại Tá Yểm và rất nhiều cấp chỉ huy đã có mặt.

Tôi thấy chính ông đang nói bên máy:

– Em phải giữ vững tinh thần, cho thẩm quyền biết chuyện gì xảy ra.

– Tụi nó đông lắm ở trên đánh lựu đạn và bộc phá. Thẩm quyền cứu em.

– Hiện giờ ra sao?

– Hầm em bị sập, em kẹt trong này một mình. Em không biết bên ngoài ra sao. Tối om không thấy gì hết. Thẩm quyền cứu em. Chắc em chết.

– Can đảm lên. Thẩm quyền thăng em lên Trung Sĩ Nhất. Những người khác ra sao?

– Em bị sập hầm, không biết.

Tôi nghe và nhận ra tiếng Hạ Sĩ Ngọc, học trò chữ Hán của ông Mai, nên ra hiệu. Đại Tá Yểm

gật đầu để tôi lên máy.

– Ngọc, đây Thiếu Úy Dũng, nhớ không. Thiếu Úy Mai...

– Em không biết Thiếu Úy Mai ở đâu. Hầm em bị sập, tôi không nhìn thấy gì. Em sợ. Thiếu Úy cứu em với.

Đại Úy Cảnh muốn hành quân trực thăng ngay lập tức nhưng phải đến sáng hôm sau đại đội của tôi mới nhảy xuống lưng chừng núi. Tiếng nổ đã im từ nửa đêm qua. Khi tiến lên được đến đỉnh, một cảnh tang thương bày ra trước mắt chúng tôi. Những hàng rào có lẽ bị bộc phá quần queo thành từng nhúm. Một vài nơi còn có khói ngùn lên thành từng dải. Xác chết la liệt khắp nơi, đủ dạng đủ kiểu. Đau lòng nhất là ngay ở sân cò khoảng hơn hai chục xác bị bắn, hai tay vẫn bị trói giật cánh khuỷu ra sau lưng. Có lẽ họ bị bắt, bị trói và sau đó Việt Cộng xả súng bắn. Không có thương binh. Tôi mò mẫm tìm được Mai ghẹo đầu cạnh chiếc cột lớn, máu đã khô. Anh chết chân không đi giày, khẩu Colt vẫn còn ở trong bao gấn ở giày ATB chưa kịp rút ra. Phải đến quá trưa binh sĩ mới bới và lôi được Hạ Sĩ – nay là Trung Sĩ Nhất Trần Văn Ngọc – ra khỏi căn hầm bị sập.

Đặc công Việt Cộng đã bò từ phía sông Drang dưới chân núi, leo lên sườn đá dốc ngược, đánh bất ngờ khiến toàn thể căn cứ Bà Rá bị hủy. Tôi chưa thấy Đại Úy Cảnh khóc bao giờ cho đến hôm đó. Ông đứng ở mỏm đá cao nhất nhìn cảnh tương của Bà Rá, hai khoé mắt đầm lệ. Ông không nói một câu gì, không chửi thề như mọi khi, không hò hét lính tráng như vẫn hò hét khi ra trận. Ông đứng đó chết trân. Tôi cũng thấy nước mắt mình ứa ra khi quì xuống vuốt mắt cho Mai, cho người đồng đội với giấc mơ Hán Nôm.



CHƯƠNG 4



Những thùng quà của gia đình vẫn gửi từ Mỹ cho tôi đa số là quần áo và đôi khi là thuốc là. Ông Thiếu Úy Mai bảo tôi rằng Lucky quán ở Mỹ, nhất là ở Virginia, bao giờ cũng đậm đà hơn, thơm hơn. Tôi không chú ý gì đến sự cách biệt đó, Lucky trong hộp Ration C cũng chẳng khác thứ ghi sản xuất ở Richmond, Virginia. Bởi thế thỉnh thoảng hể có Lucky Mỹ thứ thiệt tôi lại đem chia với ông Mai.

Những thùng quà gửi về đột nhiên có những thứ vô lý phản ánh một cái nhìn khác về chiến tranh. Khi Đại Úy Graves đưa thùng quà gửi qua APO, San Francisco, mở ra tôi thấy có thuốc trị hôi

nách, thuốc xoa trừ muỗi, thuốc chống sốt rét, có dao cạo râu kiểu Mỹ xài một lần rồi vứt đi bằng nhựa, có nước hoa xoa sau khi cạo râu, và đặc biệt có một cái lưới trùm đầu để khi ngủ không bị muỗi đốt cùng một lô đồ lót rất dày, may kiểu người nhái, mặc vào độ năm phút ngứa ngáy, mồ hôi ra như tắm.

Ông Sam hí hửng cho hay má ông đã cố vấn bố mẹ tôi mua những của lạ này.

Chiến cuộc mỗi lúc một một khốc liệt và quân số Mỹ tham chiến ở Việt Nam cũng mỗi lúc một gia tăng, theo báo chí thì lên đến nửa triệu lính. Khẩu hiệu của Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị là: “Hậu phương vững mạnh ủng hộ tiền tuyến anh hùng”. Hậu phương có vững hay không chưa rõ nhưng hậu phương nay tràn ngập đồ Mỹ. Đi lang thang ở Saigon, hoặc ngay tại Phước Long, tôi có thể mua bất cứ thứ linh kinh gì trong thùng quà bố mẹ tôi được cố vấn mua gửi cho tôi. Nhu cầu để ra nhu cầu, và khi nhu cầu lính Mỹ qua Việt Nam gia tăng thì thầy giáo dạy tiếng Việt ở Mỹ đâm ra có giá. Bởi vậy, mẹ tôi và mấy đứa em trở thành cô giáo ở Fort Bragg và học trò phần lớn là binh sĩ Lực Lượng Đặc Biệt. Theo thư của mấy đứa em thì những khóa tiếng Việt rất chớp nhoáng, nội dung là dạy những câu chào hỏi thông thường và một số câu cần trong những trường hợp nguy khốn như “Tôi đói quá” hoặc là “Có đơn vị Mỹ gần đây không?”

Mẹ tôi hẳn cũng sốt ruột vì cậu con trai trưởng đang cầm súng và ám ảnh bởi những hình ảnh chiến tranh được chiếu liên tu bất tận trên tivi Mỹ. Khi ông Sam viết thư chắc có kể về tôi nên hai gia đình bắt liên lạc với nhau. Trong thư, mẹ tôi bảo bắt chước bố mẹ ông Sam mua các thứ đặc Mỹ này gửi về vì “Mẹ biết con cần những thứ này hơn cả. Mấy gia đình có con đi lính ở đây đều gửi cho con cái họ vì ở Việt Nam không có”.

Hà, nếu bố mẹ tôi biết có thể ra ngay chợ Phước Long để mua thì ông bà sẽ nghĩ sao?

Đấy là chuyện cố vấn nhau ở bên Mỹ. Chuyện cố vấn nhau ở Việt Nam cũng có những điều phải suy nghĩ. Bản thân tôi chỉ là sĩ quan cấp thấp trong quân đội nên không rõ ở cấp cao hơn, quân đội Việt Nam được cố vấn những gì. Có thể về chiến lược, chiến thuật hành quân phối hợp nhiều đơn vị lớn cỡ sư đoàn với thiết giáp, phi cơ, pháo binh yểm trợ như cuộc hành quân Lam Sơn 719 chẳng hạn. Một ông bạn cùng khóa có mặt trên con đường 9 dẫn vào Tchepone Nam Lào thoát chết trở về kể cho tôi nghe rằng cuộc hành quân vĩ đại này do tướng Lãm chỉ huy không đạt được thành quả như dự trù. Ở nhà chú tôi, khi châu rìa mặt chược, tôi nghe các vị lớn tuổi bảo người Mỹ đã sai lầm khi cố vấn cho Quân Đội VNCH tung ra cuộc hành quân này.

Nhưng đó là chuyện trên cao, chuyện của các vị tướng lãnh. Chuyện của tôi là chuyện ông cố vấn đơn vị. Khi tôi về với Đại Úy Cảnh, ông cố vấn Mỹ của tụi tôi là một ông Đại Úy to lớn, năng nổ và nhậu rất giỏi, nhưng tôi chưa có dịp cụng ly thì ông mãn nhiệm kỳ về Mỹ. Thay thế là một ông Đại Úy khá đẹp trai, cao lòng không. Đại Úy Cảnh bảo tôi:

– Thằng cha cổ vấn mới này có vẻ được, không đến nỗi cổ cày vai bừa như thằng cũ.

Ngôn ngữ phần nào phản ánh cái nhìn sự việc. Tôi chưa thấy sĩ quan Việt Nam nào – và cả ngay binh sĩ – gọi cổ vấn Mỹ là ông, trừ những trường hợp long trọng hoặc trước công chúng.

Các ông Mỹ có mặt ở những đơn vị nhỏ như đại đội của tôi cổ vấn để làm gì? Thú thật là họ không cổ vấn cái quái gì mà chỉ đóng vai liên lạc, truyền tin, xin tiếp liệu, yêu cầu tải thương, xin phi cơ Mỹ yểm trợ.

Sam Graves là lính trừ bị, lính tài tử. Quê nhà ông ta ở tiểu bang Indiana, tôi mò bản đồ thì thấy nó ở đâu đó giữa nước Mỹ và không có một điều gì để thiên hạ phải nhớ như kiểu nhắc San Francisco thì nghĩ đến Golden Gate hay New York là tượng Nữ Thần Tự Do. Tôi tự nhủ Indiana chắc cũng như Phước Long vậy thôi. Nhưng ngay ngày đầu tiên gặp, tôi đã có cảm tình với ông cổ vấn Mỹ này. Có thể là đồng điệu tương lân. Trước hết, trông Sam Graves không gọi về của GI, lúc nào cũng có cái dáng tự tin đến ngông nghênh của những người lính Mỹ to đĩnh dàng. Dáng Sam cao thon đầy nghệ sĩ tính và nhất là ít nói. Tôi rất sợ những ông lính Mỹ nhan nhản ở TOC, ở Trung Tâm Hành Quân. Họ nói nhiều quá và đôi khi họ chẳng hiểu họ nói gì cả. Cái uy lực của họ là uy lực của ông anh chi tiền và đôi khi họ chi tiền – dưới đủ dạng như quân trang quân dụng hoặc phi pháo yểm trợ hoặc ngay cả những đồ PX – một cách vô lý, bừa bãi.

Ông Đại Úy Lê Tấn Vạy có lần tâm sự với tôi:

– Mẹ kiếp mấy thằng cha Mỹ đếch cần gì đến suy nghĩ của thiên hạ, tụi nó chỉ muốn ai cũng làm việc y chang như chúng nó. Mỗi nước có một lề lối sinh hoạt khác, nó lại muốn đem lề lối của nó chụp lên đầu thiên hạ ai mà chịu nổi.

Tôi không đủ tuổi tác để bàn loại chuyện này nhưng thâm tâm thì phải gật gù đồng ý. Từ những thành kiến đó, tôi hay nhìn cổ vấn Mỹ dưới một nhãn quan khá chủ quan cho đến khi gặp Đại Úy Sam Graves.

Ông Mỹ này khác, không đem ba cái đồ PX ra như một lợi khí để làm thân, để tìm gái. Ông ta tò mò hỏi đủ thứ về xã hội Việt Nam, về lịch sử. Vui nhất là ông nói tiếng Pháp khá sõi đủ để khi nào bí quá, không đủ chữ Ấng Lê, tôi xỏ tiếng Tây với ông. Riêng ông rất muốn thực tập mớ tiếng Tây, mà theo ông, ông đã học từ trung học và sau đó đeo đuổi thêm ở đại học với cái ước mơ sẽ trở thành một phóng viên đài phát thanh. Giao tình trở nên đậm đà hơn, khi Sam viết thư về gia đình ông ta liên lạc với bố mẹ tôi để rồi qua họ, bố mẹ gửi thư, quà cáp tới tôi rất nhanh nhờ APO – Quân Bưu Chính – của Mỹ.

Đây cũng là điều đáng để ý. Thư từ, quà cáp của gia đình binh sĩ Mỹ gửi sang Việt nam chưa đầy một tuần lễ. Cái khẩu hiệu “Hậu phương vững mạnh ủng hộ tiền tuyến anh hùng” rất đúng trong vụ thư từ này, nhưng là hậu phương của Mỹ, không phải là của Việt Nam. Vì tôi đã thấy những lá

thư của gia đình binh lính Việt Nam gửi từ Cần Thơ lên Phước Long mất cả tháng chưa tới. Nhưng cũng chả nên so sánh vì so với Mỹ chỉ có thua, trừ vụ thịt gà. Sam Graves rất khoái thịt gà Việt Nam, bảo thơm và ngon hơn thịt gà Mỹ và cũng đã biết ăn gà luộc với lá chanh. Đơn vị tôi là nhiệm sở thứ ba của Sam. Trước đó ông theo một tiểu đoàn của Sư Đoàn 5 Bộ Binh, rồi là cố vấn cho một ông quận trưởng. Ông đã xin được làm cố vấn cho một đơn vị tác chiến thứ thiệt và vì vậy ông đến với Quyết Tử. Sam bảo tôi rằng cho dù là lính bất đắc dĩ, ông ta muốn là một người lính đúng nghĩa, cầm súng chiến đấu trực diện với chiến tranh và cố gắng để hiểu thế nào là chiến tranh ở chỗ tận cùng nhất.

Chúng tôi không nói về chính trị, không bàn về ý nghĩa cuộc chiến. Hai đứa đều đồng ý mỗi cá nhân muốn hiểu chiến tranh thì cách tốt nhất là sống với nó và chỉ khi trực diện với cái chết, mọi điều sẽ được giải đáp. Tôi và Sam bỗng trở thành cặp bài trùng khác hẳn những sĩ quan Việt Mỹ quanh tôi. Tôi đã ngồi hàng giờ nghe ông ta kể về cảnh thơ mộng của Indiana, cổ hiểu môn football, baseball mà vẫn mù tịt. Ngược lại, ông cũng ghệt mặt nghe tôi kể về Dung, về mối tình thiêng liêng của tôi và không bao giờ thông cảm được với trò đá bóng.

Nhưng trên hết, Sam Graves là một người tận tụy với công việc và sòng phẳng với mọi người. Cùng toán của ông có hai người hạ sĩ Mỹ chuyên về truyền tin và tiếp liệu. Tôi quan sát và thấy ông đối xử với hai người lính dưới quyền khác hẳn so với sĩ quan và lính Việt Nam. Ông tôn trọng họ và chia sẻ với họ trong mọi tình huống, nhất là khi làm việc.

Đại Úy Cảnh cũng có cảm tình với Sam và dặn dò tôi lo cho ông cố vấn đang hoang, đừng để có chuyện đáng tiếc xảy ra.

Chuyện đáng tiếc vẫn xảy ra như thường và chỉ một chút nữa thì Sam Graves đã trở thành “cố Đại Úy”. Tôi đã lên lon, trở thành Trung Úy lúc nào không biết. Khi Đại Úy Cảnh đi phép, tôi trở thành quyền đại đội trưởng Quyết Tử và bỗng nhiên với hơn hai mươi tuổi đầu, tôi trở thành người có trách nhiệm về cả trăm sinh mạng của binh sĩ và rộng hơn nữa là sinh mạng của nhiều người khác trong đó có cả những người dân và luôn cả binh lính Cộng Sản. Có lần chúng tôi bắt được hai tù binh từ Bắc xâm nhập. Họ trẻ quá, hiền quá như những cậu học trò trung học. Tôi có thể làm tình làm tội họ, hoặc nữa là bắn họ. Tôi đã rùng mình trong suy nghĩ rằng mình có quyền định đoạt cái chết của người khác

Lần đó vì vắng mặt Đại Úy Cảnh, tôi phải dẫn đại đội đi giải tỏa cho một tiền đồn xa. Tôi cho đổ quân cách cỡ hơn hai cây số vì tin tức cho biết địch bố trí nhiều súng phòng không. Trực thăng bay chậm là một mục tiêu dễ ăn phòng không nhất. Khu vực Bù Gia Mập nổi tiếng dữ và địa thế hóc hiểm, nhiều rừng và đồi. Tôi chia quân thành hai cánh tiến theo đội hình chữ V ngược. Vừa vượt qua hai ngọn đồi trọc thì chạm địch. Thú thật, tôi không rõ có phải bị phục kích hay tình cờ chúng tôi phát giác ra có địch. Nếu phục kích, địch sẽ không chọn địa thế bất lợi như vậy vì chúng

tôi tuy di quân ở triển đồi trống trải nhưng lại ở trên cao. Địch rải dọc phía đông cỏ tranh phía dưới, dù được cỏ che lấp nhưng nhiều chướng ngại vật đủ to và vững để che chở. Cách nào đi nữa thì súng đã nổ khi mũi nhọn vừa xuống tới chân đồi. Tôi lặn người nằm xuống quan sát. Tôi giữa cánh mặt, ông Thiếu Úy Ngọc và Chuẩn Úy Sao giữ cánh trái. Địch bố trí theo hình cánh cung và hỏa lực khá mạnh, tôi ước lượng quân số hai bên ngang ngửa. Lính Quyết Tử rất quen những trận đụng độ kiểu này, dàn trận rất nhanh. Tôi gọi ông Ngọc qua PRC được biết bên đó có vẻ nặng hơn.

Đúng lúc đó viên hạ sĩ truyền tin hét lớn:

– Trung Úy, Trung Úy!

Và lính quỳnh đưa tay chỉ. Tôi chết điếng vì sợ. Sam Graves nổi bật giữa trận địa, vì cao lênh khênh lại thêm khẩu M14 dài trên tay rất dễ nhận ra là một tên Mỹ xâm lược, là cố vấn ác ôn.

Trận mạc đã dạy tôi nhiều thứ, trong đó có một mục tiêu ưu tiên của địch là nhắm vào truyền tin, nhắm vào sĩ quan chỉ huy và nhất là nhắm vào cố vấn Mỹ. Phá được truyền tin là cắt đứt liên lạc. Hạ được chỉ huy là rối mắt đầu. Bởi vậy trong những cuộc đụng như đang diễn ra, mọi quan sát có thể trong tầm nhìn, hỏa lực địch thường tập trung vào truyền tin và sĩ quan. Đó là lý do tại sao lon của sĩ quan khi hành quân thường đeo băng chỉ đen và ăng ten luôn luôn là loại ăng ten lá lúa rất ngắn. Nhưng những mục tiêu đó là hạng bét so với cố vấn Mỹ. Hạ được một cố vấn Mỹ là một đòn chí tử giáng xuống bọn xâm lược. Vỡ được một cố vấn Mỹ thì chiến công còn lớn hơn, vì có thể dùng để đổi chác ở bàn hội nghị. Đó có thể là lý do Đại Úy Cảnh luôn luôn bắt ba ông cố vấn Mỹ đi sát với Đại đội trưởng và dặn dò tôi “đừng để chuyện gì đáng tiếc xảy ra”.

Chuyện đáng tiếc xảy ra vì hỏa lực địch đổi hướng tập trung hết vào giữa, nơi ông Đại Úy cố vấn nay nằm bẹp dí dưới đất. Từ bên này quan sát, tôi thấy cạnh ông còn một người lính Quyết Tử. Đạn cày quanh họ, tôi nhìn thấy những viên sỏi tung lên. Chết là cái chắc vì tôi không thấy họ động đậy gì nữa.

Tôi quyết định chớp nhoáng, gọi PRC yêu cầu Thiếu Úy Ngọc giữ vững tuyến, gia tăng hỏa lực. Tôi ra hiệu và Trung sĩ Hải hiểu ý, vẫy tay. Hơn một nửa trung đội ào lên, lợi dụng địch chuyển hướng, xông tới. Đạn nổ ròn. Tôi vẫy tay và khoảng hơn nửa trung đội còn lại vừa trườn trên đất vừa bắn xối xả.

Địch phải quay lại bảo vệ sườn phía trái và thiếu úy Ngọc dẫn cánh quân của ông lặn dần lên. Khi tôi bò được tới chỗ Sam thì địch có lẽ bị tổn thất nặng đang vừa bắn vừa rút.

– Dammed it, stupid American!

Đại Úy cố vấn Sam Graves nghệt ra trước câu chửi thề của tôi, lắc lắc gờ tay chỉ người lính Quyết Tử bị thương máu me đầy mình.

Hỡi ơi, khi thấy anh ta bị trúng đạn chới với, Sam không suy nghĩ gì, đã phóng lên toan dìu anh ta lùi lại.

Điều ngạc nhiên nhất trong trận này là phía ta không bị thiệt hại gì ngoài người lính duy nhất bị thương trong khi địch để lại hai xác và khá nhiều vết máu.

Tôi tiếp tục chửi thề, giận dữ trong khi Sam không hiểu tại sao. Cho đến khi tiếng súng ngưng hẳn, báo cáo với hậu cứ xong xuôi, ông đến cạnh tôi hỏi nhỏ nhẹ:

– Nếu có một người lính bị thương, anh có lên cứu họ không?

– Tôi khác, ông khác. Ông là cố vấn Mỹ, không có ông ai xin phi pháo yểm trợ tụi tôi. Ông đến đây để cố vấn, không phải để làm anh hùng. Mà ông chết thì tôi cũng bỏ mẹ.

– Chúng ta đang cầm súng ở mặt trận...

– Tôi lập lại, ông là cố vấn, là tiếp tế, là phi pháo. Tôi là Việt Nam, tôi là đứa bắn súng, là đứa bóp cò.

Bỗng đâu một nỗi buồn vô cớ dâng lên trong lòng tôi. Tôi nhớ đến những tấm hình nước Mỹ thanh bình mà bố mẹ và các em gửi cho tôi. Tôi nghĩ cảnh êm đềm ở Indiana mà Sam vẫn kể cho tôi nghe. Tôi thấy trước mặt tôi là cảnh bố mẹ Sam đang tưới cỏ trước nhà họ, một căn nhà gỗ màu trắng. Tôi rùng mình khi nghĩ đến người vợ của ông lính Mỹ này ra sân bay đón xác chồng. Người lính Mỹ này ăn nhập gì đến tôi, đến chúng tôi và cái cuộc chiến này. Cái trái ngược hiện ra ngay giữa cảnh êm ấm thanh bình của những tấm hình và cảnh tượng nheo nhếch, chết chóc ngay tại đây, ngay tại núi đồi Bù Gia Mập.

Tôi vỗ vai Sam nhỏ nhẹ:

– Tôi xin lỗi đã nặng lời với ông. Tôi cảm ơn lòng hào hiệp của ông đã cố gắng cứu một người lính Việt Nam. Nhưng như một người bạn, tôi xin nhắc đây là cuộc chiến của chúng tôi, không phải của ông.

Khó mà tưởng tượng được hai ông sĩ quan Việt Mỹ đối chát với nhau như vậy giữa trận mạc. Nhưng sau đó, Sam Graves đã cẩn thận hơn, luôn luôn đi sát với bộ chỉ huy và thường làm gì cũng hỏi ý chúng tôi trước. Đại Úy Cảnh rất tinh, nhìn ra ngay và khen tôi:

– Chú mày giỏi, dạy dỗ sao mà ông cố vấn đâm ra khá hẳn đi.

Chuyện xảy ra là như vậy và tôi cũng đã trình bày sự việc với nhân viên Tòa Đại Sứ Mỹ rằng chuyện cứu viên sĩ quan Mỹ không có gì ghê gớm vì đó là bổn phận của tôi, và hơn nữa chính vì mạng sống của tôi và binh sĩ dưới quyền. Nhưng với Sam thì khác. Sau lần cãi lộn chửi thề, ông thân với tôi hơn, đi hành quân lúc nào cũng đi sát tôi và chính ông đã bắn che cho tôi trong trận Phước Lộc khi tôi bị thương ở cổ tay. Điều đáng để ý nhất có lẽ là Sam Graves trầm ngâm hẳn đi. Tôi thấy có những lần đi hành quân, khi nghỉ, Sam ngồi một mình tư lự, ngó vào khoảng không như muốn tìm gì đó. Tôi luôn tôn trọng những giây phút như vậy, lòng thầm mong Sam Graves khám phá được ý nghĩa của những gì đang xảy ra ở quanh ông, ở một nơi xa lạ như cái xứ Việt Nam khốn khổ này.

Tôi nằm ở Cộng Hòa độ một tuần sau trận Phước Lộc thì Sam ghé thăm với một thùng cam Sunkist vàng ươm. Sam Graves báo tin ông đã mãn nhiệm kỳ, sẽ về Mỹ trong vài ngày tới. Chúng tôi ngồi nói chuyện khá lâu, tôi chúc ông mọi điều may mắn và Sam lại nói với tôi vụ tôi cứu ông. Tôi cười ngất:

– Đến giờ này mà ông vẫn chả hiểu gì cả. Dẫu thế nào ngoài việc chúng ta cảm sung, tôi nghĩ chúng ta còn là bằng hữu. Chuyện tôi cứu ông không nên thổi phồng lên khiến tôi ngượng.

Tôi lấy lá cờ giặt được ở Phước Lộc đưa cho Sam:

– Rời khỏi đây, ông sẽ sống một cuộc đời êm ả hơn ở xứ của ông. Đây là lá cờ khiến tôi suýt chết và ông cũng có mặt ở đó bắn che cho tôi. Máu trên lá cờ là máu tôi. Nhớ nhau ông nhìn nó và nghĩ đến Việt nam là đủ.

Tôi không muốn tưởng tượng được là Sam Graves đã tìm đủ mọi cách đưa tôi sang Mỹ. Ông ta đã viết thư đi khắp các cơ quan, liên lạc với dân biểu nghị sĩ Mỹ để yêu cầu cho phép tôi sang Hoa Kỳ thăm gia đình.

Đó là lý do tại sao tôi được tòa đại sứ Mỹ triệu lên tới hai lần. Nhưng phải đợi tới gần hai mươi năm sau, cũng chính nhờ Sam Graves, tôi lại lên – lần này là văn phòng ODP – để làm giấy tờ.

Quá tam ba bận, cuối cùng tôi cũng được đi và gặp lại Sam Graves ở phi trường Dulles, Virginia.



CHƯƠNG 5



Đúng như định lệ của quân đội, sau hơn hai năm tôi được lên lon trung úy. Hình như chiến tranh

cũng được lên lon theo tôi. Nửa triệu lính Mỹ nay đang có mặt ở Việt Nam và nếu tính người ra người vào, vì mỗi Tour of Duty một năm, thì số người Mỹ đến Việt Nam e có lẽ lên đến nhiều triệu người. Trong một lần tán gẫu, ông Thiếu Úy Mai hỏi tôi:

– Ông có biết tiếng Mỹ đầu tiên được Việt hóa là tiếng gì không? Chắc chắn là ông biết !

Tôi chờ người ra rồi buột miệng:

– Ô kê Sa-lem

– Tâm bậy, và nó không được Việt hóa. “Oản Tù Tì”, nhớ không? “One, Two Three”.

Tại tôi cùng cười những bông đầu ngay trong quân đội, rất nhiều tiếng Mỹ đã được sử dụng một cách tự nhiên chẳng ai thắc mắc. TOC là Tactical Operation center, Trung Tâm Hành Quân. Cần một “lift” tức là cần trực thăng đến bốc. LZ là “Landing Zone”. Ration Clà đồ hộp mang ra chiến trường. Field Jacket là cái áo lạnh của lính mặc ấm không thể tả được. Plastic không phải là thứ nhựa để chế bao ni lông mà là chất nổ. Nhất là đồ PX và Pink Dollar, những thứ gợi đến một cuộc sống khác, một xã hội khác ở xa tít mù tắp, nơi được thiên hạ coi là thiên đường hạ giới. Chỉ có điều không hiểu tại sao những người đang sống yên lành như vậy lại hùng hục rủ nhau sang cõi địa ngục này. Nhan nhân lính Mỹ mặc áo da thêu câu “when I die I will go to heaven because I’ve been living in Vietnam”

Cố vấn Mỹ đôi khi xuống tới cấp đại đội. Kề kề lúc nào bên Đại Tá Yểm cũng là một ông Đại Tá Mỹ. Khi thuyết trình hành quân cả tá cố vấn Hoa Kỳ và các ông thông dịch viên hiện diện. Càng ngày quân đội Việt Nam càng phụ thuộc vào hệ thống yểm trợ của Hoa Kỳ từ viên đạn đến đôi tất nhà binh màu cứt ngựa rất dày.

Trong bối cảnh đó, một hôm vị Đại Úy trưởng phòng Ba Tiểu Khu yêu cầu tôi trình diện. Ông bảo:

– Trung Úy được biệt phái. Coi bộ Đại Tá Yểm không vui vì vụ này.

Tôi hỏi được biệt phái đi đâu thì ông lắc đầu:

– Trung Úy có gốc lớn, chắc biết biệt phái đi đâu rồi mà. Thôi cứ lên gặp ông thầy rồi xuống đây tôi làm thủ tục.

Đại Tá Yểm ngồi sau chiếc bàn giấy lớn nhìn tôi từ đầu tới cuối rồi chậm rãi nói:

– Bên Lữ Đoàn Kỵ Binh Không Vận Hoa Kỳ xin đích danh yêu cầu biệt phái Trung Úy. Đây là sự vụ lệnh.

Ông không nói gì thêm, chỉ nhìn tôi lắc cái đầu và đưa tôi tờ giấy. Ông không biết rằng sự việc xảy ra bất ngờ ngay cả đối với tôi, vì quả tình tôi không hiểu tại sao một đơn vị lớn như vậy lại xin

tôi biệt phái sang, mà lại xin đích danh? Có thể Đại Tá Yểm nghĩ tôi bon chen, vận động. Ông khách sáo gọi tôi là Trung Úy đúng theo cấp bậc thay vì vẫn gọi tôi là “Cậu” hay đôi khi thân mật hơn là “Chú mày”. Tôi thì mù mờ chẳng hiểu gì nhưng nghĩ rằng như vậy là về được Biên Hòa, về gần Sài Gòn hơn và nhất là gần Dung.

Trở về hậu cứ của đại đội, tôi vẫn lơ mơ chưa rõ đầu đuôi. Một tên Trung Úy vô danh tiểu tốt như tôi đâu đáng để một đơn vị lớn như Không Kỳ Hoa Kỳ để ý đến để yêu cầu biệt phái đích danh tôi? Bạn bè xúm lại hỏi thăm. Đại Úy Vây ghé và nghe tôi nói tôi chẳng hiểu mô tê gì vụ này. Người đại úy đàn anh đoán có lẽ là ông chú Hà Bình Trung, lúc đó đang làm ở Phủ Tổng Thống nhúng tay vào chẳng? Tôi lắc đầu không tin vì đã có lần tôi nhắn nhủ với ông về những chuyện như thế này. Tại sao là chuyên sau, mọi người xúm lại đả tôi, đủ thứ bia rượu, đồ nhậu tới nỗi tôi say mềm không còn biết trời đất gì nữa.

Mấy ngày sau sau đó tôi cũng chưa rõ sẽ phải tới đâu để trình sự vụ lệnh thì được tin là sẽ có trực thăng tới đón tôi. Đây lại là một bất ngờ khác. Trực thăng đến đón một mình Trung Úy Dũng thì quả là vinh hạnh, ngạc nhiên hơn nữa tên phi công lại là thằng Thành cùng học một lớp từ hồi còn bé. Nó cũng ngạc nhiên không kém và toác miệng chửi thề:

– Mẹ kiếp, ông là ông nội tôi rồi còn gì. Tôi bay “phi vụ đặc biệt” tưởng là nhân vật lớn nào, ai dè lại là ông.

– Ha, Trung Úy Đỗ Lệnh Dũng của mày không đáng là nhân vật lớn hay sao?

Hai đứa cùng cười ngất và khi hạ cánh xuống, tôi thấy một rừng trực thăng đậu như ruồi trên bãi đáp của First Calvary Divison. Chưa ra khỏi phi cơ, tôi hiểu ngay Trung Úy Đỗ Lệnh Dũng lại được ưu ái đến thế.

Thiếu Tá Mc Donnell đứng tươi cười đón tôi trong bộ biệt kích rằn ri. Tôi nhớ đến cô em gái Quế Hương và mối tình Việt Mỹ dang dở.

Mẹ và hai đứa em tôi vẫn tiếp tục dạy tiếng Việt ở Fort Bragg hể tiện khi những ông lính học trò sang Việt Nam, gia đình tôi lại gửi khi thì thư từ hình ảnh, lúc thì tí quà. Một trong những ông lính học trò này là Thiếu Tá Mike McDonnell. Khi ông đến Việt Nam ghé nhà để đưa thư từ đúng vào lúc tôi đang về Sài Gòn. Chú Trung vui vẻ hẹn ông lại ăn tối và trong câu chuyện tôi nhờ ông chép lại lời bài Quốc Ca Mỹ vì nghe hoài mà không rõ nghĩa.

Thiếu Tá Mỹ cao to, đẹp trai, đầu húi ngắn, cử chỉ lanh lẹn và cũng bấp bẹ được vài câu tiếng Việt nên bữa cơm diễn ra ồn ào vui vẻ với chả giò, và tùm lum đồ ăn Việt Nam. Mike chinh phục tình cảm của mọi người dễ dàng vì cái gì ông ta cũng chơi tuốt, kể cả ớt hiểm và cà cuống. Sau này Mike cho tôi hay ông ta được huấn luyện để thích nghi với mọi hoàn cảnh sống, chuyện ớt hiểm hay cà cuống nhằm nhò gì. Ông ta từng ăn thịt rắn, thịt cóc trong những kỳ huấn luyện mưu

sinh vì đã là quân nhân Lực Lượng Đặc Biệt thì phải chấp nhận mọi thứ.

Ông đưa tôi lời bài hát Quốc Ca Mỹ và trước sự yêu cầu nồng nhiệt, ông đã cất cao giọng.

Cái không khí vui vẻ trong bữa ăn khiến Mike bạo dạn hơn và yêu cầu tôi hát Quốc Ca Việt Nam. Tôi chờ người, nhìn lũ em cầu cứu. Tụi nó đã không giúp, còn cổ vũ vô bắt tôi hát. Tất nhiên tôi đã chào cờ nhiều lần, nhất là từ khi đi lính thì gần như mỗi ngày. Tôi chào cờ và lẩm nhẩm hát theo đám đông nhưng tôi biết chắc là không thuộc. Tôi nhớ lại hồi ở thủ đức có ông Thiếu Úy Định học ở Fort Benning về. Hồi đó tụi sinh viên sĩ quan chúng tôi đã đặt cho ông cái biệt hiệu “Nhất Định Nhì Quang” bởi ông đem toàn bộ cung cách đối xử ở quân trường Mỹ áp dụng trên đầu chúng tôi. Và ông Định bắt chúng tôi hát những bài hùng ca, vừa hát vừa ôm súng chạy mờ người. Tôi còn nhớ những bài như: “Mờ trong bóng chiều một đoàn quân thấp thoáng...” hay “Đường trường xa ta quyết đi cho đến cùng...”.

Nhưng, tôi chưa được ai dạy hát Quốc ca cả. Mỗi buổi sáng chào cờ tôi cũng hát nhưng đúng là hát theo. Thế bài Quốc Ca của mình tên gì vậy?

Rồi giữa phòng ăn của gia đình, trước mặt cô chú và lũ em cùng một ông lính Mỹ, tôi trình trọng: “Này công dân ơi, đứng lên đáp lời sông núi. Đồng lòng cùng đi...” Tôi hát không hết vì tôi không thuộc hết, có những đoạn chỉ ậm ừ cho qua.

Mọi người cùng vỗ tay inh ỏi và khi đã bắt đầu cà phê, ông Mỹ rút bóp ra tìm cái carte visit đưa tôi. Một tấm hình nhỏ rơi ra – Hình Quế Hương, em gái tôi. Ông Thiếu Tá Mỹ ngượng chín người nhưng cuối cùng ai cũng biết mối tình của em gái tôi không thành vì mẹ không muốn con lấy chồng ngoại quốc. Ông ta không tâm sự nhiều và Quế Hương thì không kể gì cho tôi nghe trong những lá thư viết về từ Mỹ. Trong suốt gần một tháng chờ đợi nhận nhiệm sở, Mike hay ghé chú Trung, vừa để học hỏi thêm về đời sống, về chiến tranh, về người Việt Nam, và nhất là cố thực tập dăm ba câu tiếng Việt.

Chính ông em rể huyệt này đã tìm cách lôi tôi sang làm việc với người Mỹ, với Lữ Đoàn Một Không Kỵ Hoa Kỳ – nơi mà ông được biệt phái sang phụ trách toán các “Toán Mầu”.

Kiểm lại cho mãi đến sau này tôi cũng không biết chắc vị trí đóng quân của Lữ Đoàn Một Không Kỵ vì tôi đến và đi tôi đều ngồi trực thăng. Nó nằm đâu đó ở gần phi trường Biên Hòa. Tôi được cung cấp một căn phòng khá lịch sự có giường đệm, có tivi, có một cái tủ lạnh nhỏ, có người dọn phòng, dọn giường, không khác gì tiêu chuẩn của sĩ quan Mỹ. Giữa lúc bom đạn từng bùng, chết chóc diễn ra ở khắp mọi nơi, tôi sau những phi vụ hành quân, trở về căn phòng lịch sự, và có cái cảm tưởng mình đang ở trong một khách sạn. Cái cảm tưởng đó khiến tôi lạc lõng, khiến tôi nghĩ mình đang ăn nhờ ở đậu, nó tạm bợ và không thật. Tôi ăn uống như họ, sống như họ, và giải trí như họ. Đồ ăn thì thừa mứa ở cafeteria, muốn ăn bao nhiêu cũng có nhưng toàn những thứ khó

nuốt như khoai tán, như rau brocoli nấu như, như rau bắp cải thái nhỏ trộn với nước chua chua nhòn nhòn. Thường thì tôi chỉ lấy một miếng gà, hay một cục thịt bò và ăn với rau sà lát tươi. Tối nào cũng có ciné, toàn phim mới chưa chiếu ở ngoài rạp Sài Gòn, hoặc không bao giờ được chiếu. Đây là mục tôi khoái nhất và cũng tại đây tôi được coi một số phim cao bồi ngày xưa như High Noon, như OK Coral, và nhất là những phim của Charlie Chaplin. Bên trong căn cứ Mỹ và bên ngoài hàng rào kẽm gai là hai thế giới khác biệt. Bên trong thì thừa mưa, bên ngoài thì có những em bé, cụ già đi lượm từng cái bao ny lông gom đem bán cho Ba Tàu Chợ Lớn. Tôi hiện đang ở phía trong với tất cả những tiện nghi xa lạ chính với tôi. Điều chính là nay tôi đánh nhau với Việt Cộng theo lối Mỹ, hay chính xác hơn, quan sát người Mỹ đánh bởi tôi không trực diện cầm súng và chỉ là một ông lính Việt Nam đóng vai trò bảo kê. Nhiệm vụ của tôi chỉ là “clear” chiến trường.

Trước hết, trực thăng ở đâu mà ra nhiều thế, đậu nhan nhản như ruồi. Kỵ binh hiểu nôm na là lính kỵ mã, cưỡi ngựa đánh trận. Quân đội các nước trên thế giới đâu còn xài ngựa như thời Quang Trung Đại Đế hay Nã Phá Luân nữa. Cuộc chiến lớn nhất hồi đầu thế kỷ Đệ Nhất Thế Chiến đã không có lính cưỡi ngựa bắn súng như các phim cao bồi. Calvary, Kỵ binh, vẫn được duy trì có lẽ vì truyền thống và rất nhiều sĩ quan, binh sĩ của Lữ Đoàn Một Không Kỵ vẫn đội chiếc mũ rộng vành trông giống mũ của hướng đạo sinh con cháu của BP, chỉ khác cái phù hiệu thêu hai thanh kiếm bắt chéo nhau, tiêu biểu cho tinh thần mã thượng.

Không cưỡi ngựa thì cưỡi trực thăng. Nhiệm vụ của tôi là ngồi trên chiếc UH1B còn được gọi à CNC- Command and control – cùng với một sĩ quan LLDB, một sĩ quan của First Calvary Division và một chuyên viên truyền tin. Tôi ngồi đó để khi nào cần liên lạc với phía Việt Nam và yêu cầu “clear” để các Toán Mầu hành sự. Tôi dịch hắc chữ Color Teams và chỉ có Lữ Đoàn Một là có Toán Mầu. Khi người Mỹ tham chiến, nhiều hình thái tổ chức được phát minh để đối phó với cuộc chiến vốn không được tuyên chiến và phi hình thái này. Không chữ nào đúng hơn là cuộc chiến toàn diện, vì vừa đánh bằng B52, bằng Phantom, Skyhawk, bằng T54, hỏa tiễn Sam, lại vừa đánh bằng bàn chông, Plastic nhồi trong sườn xe đạp. Gạo cũng được coi là vũ khí chiến thuật. Color Teams là một điển hình song song với những đơn vị có tên Mỹ như là Mike Force, tên Việt như Dân Sự Chiến Đấu, những đơn vị hoạt động độc lập và do người Mỹ huấn luyện, trả lương và chỉ huy. Toán Mầu thuộc hoạt động ở vùng ba chiến thuật, chủ yếu là ở cuối rừng trường sơn nơi đồi núi trùng điệp và rừng già phủ lấp.

Các cuộc hành quân của Toán Mầu rất chớp nhoáng, thường khởi sự vào sáng tinh mơ và kết thúc vào sẩm tối. Tôi ngồi cạnh viên chỉ huy trên chiếc CNC với tám bản đồ khoanh khoanh xanh đỏ. Phía dưới cùng là một chiếc phi cơ trực thăng nhỏ còn được gọi là “Loach”, bé xíu và trong suốt vì phi cơ đa số bằng Plastic, bay ở giữa các phi cơ Cobra, được trang bị bốn mươi tám hỏa tiễn TOW chống chiến xa hoặc đại liên tám nòng. Trong số phi cơ bay ở giữa có một chiếc chở độ sáu đến tám người lính được huấn luyện đặc biệt để nhảy xuống nếu cần.

Trước hết tôi chỉ là một sĩ quan Việt Nam biệt phái, có lẽ để chứng tỏ có sự phối hợp giữa hai quân đội Việt Mỹ. Tôi chỉ là một thứ “căn bản pháp lý” để lỡ có chuyện gì trục trặc xảy ra người Mỹ có thể trưng bày bằng cứ đây là cuộc hành quân phối hợp và được sự đồng ý của phía Việt Nam. Với tư cách bù nhìn, tôi không rõ tin tức tình báo từ đâu tới, tại sao lại chọn mục tiêu này mà không phải mục tiêu khác, và nhất định là không bao giờ được tham dự những dự trù hay quyết định của các cuộc hành quân “cóc nhảy” này.

Tôi gọi nó là “cóc nhảy” vì có khi khoảng gần chục chiếc trực thăng đang bay bỗng một chiếc sà xuống thật thấp rồi lại vọt lên cao. Khi vừa lên cao thì một chiếc khác lại sà xuống, lại vọt lên, như cảnh các con cóc nhảy lên, nhảy xuống. Chỉ cần một viên đạn từ dưới bắn lên là cả một phi đội xúm lại quần nát địa điểm tình nghi.

Chiếc “Loach” gồm một phi công và một xạ thủ đại liên. Người xạ thủ này áo giáp, mũ sắt ngồi thông hai chân ra khỏi phi cơ, dán mình vào tấm bửng sắt che nòng khẩu súng đại liên. Loach bay thấp gần như sát ngọn cây, hoặc nếu địa thế quang đãng thì chỉ là mặt đất. Nhiệm vụ của nó là quan sát, tìm dấu vết địch. Ngay khi phát hiện những dấu hiệu khả nghi, Viên phi công báo lên chiếc tàu chỉ huy và vào lúc đó là nhiệm vụ của tôi. Vị sĩ quan Mỹ cùng tôi chấm tọa độ. Tôi lập tức liên lạc với Trung Tâm Hành Quân Việt Nam để xem nơi đó có đơn vị bạn nào không, có dân cư gì không, có phải là vùng oanh kích tự do không, và xin “Clear”. Cái chữ “Clear” này không được dịch sang tiếng Việt và ngay khi tôi nghe đầu máy trả lời “Clear” tôi gạt đầu, ký vào một tờ giấy. Đúng lúc đó là Cobra hành sự. Diễn tả có vẻ rắc rối, có vẻ như mất thời giờ, nhưng mọi sự diễn ra không quá một phút vì tôi luôn ở trên máy và cả một lực lượng phi cơ trực thăng võ trang hùng hậu chỉ chờ tôi gạt đầu.

Trong suốt cuộc đời lính tráng, lúc nào tôi cũng bị ám ảnh về Toán Mầu và cách đánh trận của người Mỹ. Những cuộc hành quân đầy tổn phí và quá cơ giới đó có kết quả gì chẳng? Chúng tôi bắn được khá nhiều xe Motova, đôi khi bắt được tù binh nữa.

Hiện diện trong số binh sĩ của Toán Mầu là một số những dân Mercenaries, lính đánh thuê. Khó mà tìm được những chữ khác để mô tả những người lính này. Họ không có quân số và không dính dáng gì đến tổ chức của quân đội của Việt Nam. Hơn phân nửa những người này là người này là người Miên, người Stieng và dù là người Việt, người kinh, người thiểu số, tất cả đều có một khuôn mặt lầm lì, ít nói. Họ sống biệt lập trong một khu riêng và tôi cũng chỉ ghé nơi họ có một hai lần. Đó là những căn lều vải khá rộng và đôi ba căn nhà tiền chế với hàng loạt những chiếc giường vải nhà binh.

Nhiệm vụ của những người lính này là cứu phi công và phá hủy máy bay hoặc bắt tù binh. Bắt tù binh? Quả vậy, đôi khi anh Khổng Lồ cũng chụp được chú bé David. Một lần khi đang bay quan sát dọc theo con đường mòn thì viên phi công lái chiếc Loach cho hay đã phát giác ra một căn

hầm chữ A ở ven một rừng cây leo um tùm. Chiếc Loach đảo qua đảo lại sát mặt đất. Không thấy phản ứng gì mặc dù viên phi công cho hay anh ta thấy rõ ràng có người trong hầm. Quyết định chớp nhoáng được hình thành. Sáu người lính trên chiếc UH 1B nhảy xuống, ào tới, và lòi ra được một chú với khẩu AK47 cùng đồ tể nhuyển có võng dù, một cái bị quần áo và một túi lương khô.

Ngay khi đáp xuống căn cứ, tôi phải thông dịch cuộc hỏi cung chớp nhoáng. Người tù binh trông cỡ độ hơn hai mươi tuổi, mặt ngơ ngác nói năng ú ớ. Ngồi gần anh ta, tôi ngửi thấy mùi xú uế, chột hiểu ra và ra hiệu cho mấy người Mỹ lui ra. Tôi lòi anh ta ra một góc, đưa cho một lô giấy và một cái quần bảo thay đi. Sợ quá, anh ta đã bình ra quần.

Tôi hỏi anh ta sợ gì, bộ sợ Ngụy mổ bụng moi gan ăn chắc? Sợ quận Mỹ xẻo tai? Khi đã hoàn hồn anh ta thú thực là liên lạc viên đang đi công tác. Đây là lần đầu anh ta trông thấy Mỹ, thấy nhiều phi cơ trực thăng Mỹ và nhất là gần đến nổi tiếng phi cơ anh hồn phi phách tán, đờ người ra không phản ứng gì được, sợ đến nổi bình ra quần.

Những người lính đặc biệt đi theo Toán Mầu được trang bị nhiều dụng cụ linh kinh trong đó có một tấm lưới khá rộng đan bằng sợi dây dù. Một lần chiếc phi cơ tiền thám bay sát đất bị trúng đạn. Chiếc phi cơ trực thăng bé tí tẹo sa xuống đất. Viên phi công và xạ thủ đại liên nhảy thoát ra ngoài. Khi vừa thấy chiếc Loach loạng quạng, bốn chiếc Cobra quần quanh bắn như mưa bắc. Đại liên, TOW bắn nát một khoảng quanh hai người lính Mỹ. Chiếc UH1B nhào xuống và như chớp những người lính đặc biệt quăng lưới. Tôi không hiểu bằng cách nào mà chưa đầy một giây họ đã kéo được cả hai người lính Mỹ to lớn lên khỏi mặt đất và lòi họ lên trong khi trực thăng vẫn đang bay và súng đạn nổ rầm rầm.

Những chiếc Cobra đảo vòng, tới tấp xả súng. Một loạt hỏa tiễn TOW nhắm vào chiếc phi cơ trong suốt và nó sụm đi như một cục plastic. Người Mỹ không muốn chiếc phi cơ này lọt vào tay Việt Cộng. Ngồi trên cao tôi không rõ đạn bắn ở dưới đất cỡ nào nhưng tôi tin rằng không một ai còn sống nổi. Bởi chỉ độ mười phút sau, hai chiếc Phantom tới và tiếp đó là hai chiếc nữa. Bom nổ từng loạt, cây cối nghiêng ngả. Tổng cộng là tám đợt đánh bom. Các khoảng rừng ở dưới nay trông nhăm nhở với những hố bom khá rộng. E rằng nếu có con thỏ, chắc cũng chết thui.

Cái đáng nói nhất là phương tiện của người Mỹ và tinh thần trách nhiệm của họ. Khi tôi mới gạt đầu chưa kịp ký thì những chiếc Cobra đã hành sự. Hỏa tiễn TOW trông nhỏ cỡ B40, những dài hơn và phụt ra những tên lửa. Đại liên nhiều nòng bắn ra nhưng một con rồng phun nước. Khi tôi hỏi tại sao phi cơ Phantom, Skyhawk có thể đáp ứng nhanh như vậy thì viên sĩ quan Mỹ cho hay đó là những phi cơ ứng trực. Hoặc là nó đang bay trên không phận gần đó. Nếu không, nó đâu có đậu dưới đất, nhưng là ở ngay đầu phi đạo, phi công ngồi sẵn trên đó bất cứ lúc nào cần là cất cánh lên liền. Liệu quân đội Việt Nam có đủ phương tiện như vậy chăng?

Có một lần hành quân tôi không bao giờ quên được. Khi chiếc Loach bay là sát đất, bị trúng đạn. Ba chiếc UH1B sà xuống cũng lãnh phòng không rót theo. Từ trên CNC viên sĩ quan Mỹ phản ứng rất nhanh, tất cả phi cơ còn lại bốc lên cao tránh né. Tôi không ước lượng nổi đơn vị địch dưới đất cỡ nào nhưng rõ ràng là đại đơn vị và phòng không khá dày. Ba chiếc UH1B còn lại xả hết hỏa lực và sau đó rời khỏi chiến trường, chỉ còn lại chiếc CNC của tụi tôi bay cao tít mù tắp. Chỉ một lúc sau Skyhawk và Phantom bay tới. Từng cặp hai chiếc một chúí xuống đánh bom.

Tôi thấy rõ hai chiếc phản lực này không xuống thấp nên thắc mắc. Viên Thiếu Tá Mỹ ngồi cạnh gục gặc cái đầu nói để chờ xem. Suốt gần nửa tiếng phản lực chỉ đánh lai rai và bỗng nhiên viên sĩ quan ra lệnh CNC rời khỏi chiến trường. Tôi đưa mắt ngạc nhiên nhìn. Ông ta lắc đầu:

– B52.

Lúc đó vào khoảng quá trưa. Tụi tôi trở về Landing Zone đổ xăng và ăn trưa sau đó được lệnh bay trở lại. Khi tôi nhìn xuống tất cả cháy rụi, không một cây nào đứng thẳng, và cả một khu rừng trông như một vệt xám lớn giữa rừng núi xanh rì. Tiếng lúc đó là “trải thảm”. B52 bay ở độ cao cả vài ngàn thước thả không biết cơ man nào bom xuống mục tiêu. Một lần hành quân tôi chỉ nằm cách chỗ B52 giội bom cỡ ba cây số nên hiểu thế nào là trải thảm. Bom nổ từng chập như sấm rền đến độ dù cách mục tiêu đến ba cây số tôi vẫn thấy trời đất rung rinh.

Lần đó một cuộc hành quân truy kích được thực hiện chớp nhoáng và tôi đọc được trong báo cáo rằng địch để lại nhiều xác chết đếm không xuể cùng với nhiều vũ khí trong đó có bốn khẩu phòng không. Lúc đọc báo cáo tôi băn khoăn tự hỏi làm sao có thể đếm xác được? Tôi e không có cái gì còn sót lại sau những trận mưa bom B52.

Cũng phải công nhận tinh thần trách nhiệm của họ nữa. Đối với tôi, tôi thấy người Mỹ ngớ ngẩn, ngây thơ và không hiểu cuộc chiến và rất vô lý khi đem áp dụng cung cách hành xử của họ áp đặt lên phía Việt Nam. Nhưng khi làm việc họ làm tới nơi tới chốn. Khi leo lên phi cơ, mỗi người Mỹ đem theo một cái sandwich. Họ bay như vậy từ tảng sáng cho tới sẩm tối. Khi cần đáp xuống tiếp tế nhiên liệu xong là bay tiếp, không có vụ lè phè đi ăn mì, ăn hủ tít ở quán chị Ba chị Tư.

Trung bình một tuần tôi phải bay ba đến bốn lần từ sáng đến chiều. Ngồi trên chiếc trực thăng lơ lửng giữa trời nhìn xuống rừng núi trùng điệp, đôi khi tôi thấy mọi sự vô lý cùng cực.

Cái ông sĩ quan Mỹ to dềnh dàng ngồi cạnh tôi tại sao từ đâu vác xác tới đây, ôm theo súng đạn. Cái ông du kích, bộ đội tại sao lại dếp râu, gạo sống vượt Trường Sơn ôm AK, B40 bắn loạn lên? Tại sao những người như tôi phải ắc ê, phải áo giáp mũ sắt mờ người đi hành quân tới ngày sáng đêm? Cho đến giờ này sau bao năm tại ngũ, chết chóc đối với tôi vẫn là cái gì khó hiểu bởi toàn là những cái chết tức tưởi, không biện minh giải thích được?

Phía dưới tôi, trên đất nước này, bom rơi đạn nổ khắp nơi, từ trên cao nhìn xuống, những hố bom

to như những chiếc ao nhỏ, hoặc trũng xuống sâu hoắm, hoặc đọng nước tù lên rêu xanh ngắt. Thật chẳng khác gì những khuôn mặt rỗ hoa.



CHƯƠNG 6



Trong một cơn bốc đồng, có thể vì chán nản trước mọi sự, có thể chỉ vì cái nhìn khinh rẻ của ông Trung Tá Minh, tôi đã trải qua một đêm đầy kinh hoàng.

Cuộc đời có những đẩy đưa bất ngờ. Tôi không bao giờ nghĩ tôi sẽ gặp lại ông Trung Tá Minh ở Bồ Đức. Chính ông Trung Tá này đã ký giấy báo cáo tôi đào ngũ. Bởi vậy khi cầm sự vụ lệnh đi nhậm chức Đặc Trách Nhân Dân Tự Vệ Quận Bồ Đức, tôi không có một ý niệm gì, coi như mọi sự muốn ra sao thì ra và bật ngựa khi thấy ông Quận Trưởng lại là người hai tháng trước đây ký giấy báo cáo tôi bỏ nhiệm sở, đào ngũ.

Ông Minh nhìn tôi cười khẩy:

– A, Trung Úy Đỗ Lệnh Dũng. Mình lại gặp nhau. Thôi được, ông liên lạc với Thiếu Úy Tám lo chỗ ăn chỗ ở rồi tính sau.

Không hiểu sao tôi nổi cơn khùng:

– Tôi hiểu là chức vụ của tôi sẽ phải ở dưới ấp nhiều hơn. Trung Tá có thể cho tôi đi thẳng xuống ấp ngay được không.

Trung Tá Minh ngạc nhiên, ngẩng đầu nhìn tôi khá lâu như muốn đánh giá và rồi chậm rãi:

– À, nếu Trung Úy Đỗ Lệnh Dũng muốn bắt tay vào việc ngay thì được chứ. Để tôi sai tài xế chở Trung Úy xuống ấp liền.

Lúc đó cũng đã khoảng hơn bốn giờ chiều và khi người tài xế bỏ tôi xuống ngã tư đường đất đỏ, trời cũng bắt đầu sập tối. Tôi hỏi người tài xế:

– Trụ sở ấp ở đâu ?

– Làm gì có trụ sở ấp, Trung Úy.

Lại thêm một bất ngờ. Quả thật tôi chỉ muốn nhảy lên chiếc xe jeep quay trở lại Quận đường. Ít ra thì ở đó còn có chút đỉnh văn minh. Nhưng nghĩ đến cái giọng khinh khinh của ông Quận, tôi

vấy tay bảo:

– Thôi chú cứ về đi, mặc tôi.

Trung Úy Đỗ Lệnh Dũng vai đeo ba lô, tay thủ khẩu M16 đứng chờ vợ giữa ngã tư Ấp Mới với cái sự vụ lệnh Đặc Trách Nhân Dân Tự Vệ không biết phải đi đâu tìm ai trong cái ấp toàn là người Thượng Stieng này. Trót đâm lao thì phải theo lao, tôi lững thững đi về phía căn nhà có vẻ khang trang nhất. Té ra là một cửa hàng chạp phô bày linh kinh đủ thứ tạp nham. Mùi cá khô sực lên. Dăm ba gói thuốc Quân Tiếp Vụ xếp bên một thùng thuốc rê. Vài hũ kẹo, và nhiều thứ tôi không biết là gì nữa. Quán vắng tanh y như cảnh ngoài đường vậy. Tôi lên tiếng:

– A lô, có ai không?

Từ phía sau bếp tối om, một người đàn bà trung niên ló ra. Người thiếu phụ có vẻ ngạc nhiên khi thấy tôi áo giáp mũ sắt ba lô nặng trĩu, một hình ảnh lạ lẫm trong cái bối cảnh này. Phải định thần một lúc bà ta mới hỏi:

– Trung Úy tìm ai?

Bà ta không có hỏi tôi có cần mua bán gì không. Tôi chậm rãi:

– Bà có biết ông Trưởng Ấp hay mấy ông hội đồng ở đâu không? Ấp này có lính tráng hay nhân dân tự vệ gì không?

– Biết chứ, nhưng giờ này làm sao tìm được họ. Còn mấy ông nhân dân tự vệ hả lúc nào họ mua rượu thì mới thấy.

Bỗng nhiên, bà hỏi tôi một câu bất ngờ:

– Trung Úy có đói không?, Trung Úy ngủ ở đâu tối nay?

Một nỗi buồn tràn ngập tôi. Trung Úy Dũng trận mạc đầy người, huy chương Việt Mỹ cả vóc, dân chơi thứ thiệt nay đang đứng trong xó tối và đang bị một người phụ nữ, có lẽ là bà vợ của một người lính tử trận, nhìn bằng con mắt ái ngại. Tôi quay nhìn ra phía cửa. Trời gần như tối hẳn. Tôi thấy bụng cồn lên vì đói:

– Bà có biết có quán nào bán cái gì ăn không?

Bà ta cười:

– Xó rừng này toàn là người Stieng, làm gì có quán xá. Chỉ có vài gia đình Việt Nam ở hẻm đây. Thôi, Trung Úy đói để tôi nấu mì gói vậy.

– Nếu có mì gói thì hay quá.

Bà ta chỉ cái bàn khập khiễng ra hiệu và đi khuất vào phía sau bếp. Tôi ngồi đó chông chơ, cây M16 gác ngang đùi, đầu óc trống rỗng.

Khi người đàn bà – sau này tôi thân với bà Hoa lắm – bưng ra một tô mì nóng đặt trước mặt tôi và nhỏ nhẹ:

– Tôi ở một mình, Trung Úy ở đây không tiện. Để tôi qua nhà thím Sáu tính toán xem sao.

Tôi nhìn bà ta ngạc nhiên. Tôi chưa hề xin được trọ ở đây nhưng có lẽ linh tính phụ nữ cho bà ta thấy tôi đang ở đường cùng ngõ bí. Không đợi tôi trả lời, bà ta đi ra đóng hết cửa lại và lách mình vào đêm tối. Đói quá tôi lừa vài bữa là hết tô mì, bưng cả cái tô lên húp nước. Tứ bề im phăng phắc không một tiếng động. Một niềm sợ hãi bùng lên trong tôi. Nếu người đàn bà này là Việt Cộng nằm vùng dăm lăm, một người đàn bà goá ở một mình nơi đây... Dăm lăm, có thể dọn mì để cắm chân tôi... Lấy cớ sang thím Sáu để đi báo du kích...

Tôi quan sát và chộp khẩu M16 lủi vào một góc nhà nơi có một lô bao vừa gạo vừa cá khô, mặng khô chất chồng khá cao. Ít nhất thì cũng có chương ngại vật cản và nếu tụi nó vào thì một mạng phải đổi vài mạng. Tôi vừa thu người thì có tiếng đập cửa rầm rầm. Tim tôi đập liên hồi. Tôi bật chốt an toàn sẵn sàng. Phía bên ngoài có tiếng lè nhè:

– Có tiền mà. Không mua chịu đâu. Mở cửa đi.

Tôi cố định thần. Giọng nói lơ lơ rõ là của một người Stieng. Khi tiếng đập cửa ầm ỹ hơn thì có tiếng bà Hoa quát:

– Làm gì giờ này còn đòi rượu

– Có tiền mà. Có tiền mà

Cửa mở bà Hoa đi vào cùng với một người Stieng. Bà nhìn trong cái tù mù của ngọn đèn dầu chắc không thấy tôi, gọi lớn:

– Trung Úy, Trung Úy.

– Tôi đây

Thở phào, tôi từ từ đứng dậy, cũng may trời tối nên dù tôi có đỏ mặt chắc bà ta cũng không nhận ra.

– Thím Sáu nói nếu cần Trung Úy có thể ở bên đó nhưng không được rộng rãi lắm.

Người đàn ông đi mua rượu vai khoác khẩu carbine khiến tôi ngạc nhiên hỏi:

– Người này sao có súng?

Ông ta từ lúc thấy một ông Trung Úy mũ sắt áo giáp xuất hiện thì im hẳn, đứng nép vào một bên.

– Tui là Nhân Dân Tự Vệ.

Tự đầu tự đâu, phong thái của tui trở về, nói như quát:

– Nhân dân tự vệ đang giờ gác, sao đi mua rượu?

– Ông Hai, lạnh quá mà Ông Hai.

Đầu tui tính toán rất nhanh. Thế này là được, là có phe ta, là có canh gác. Tui hỏi:

– Trưởng Ấp ở đâu

– Tui không biết. Nó ngủ ở đâu có ai biết. Phải tìm Ông Hai ời.

Tôi thấy khó mà ngủ ở nhà cái thím Sáu nào đó và hẳn là không thể ngồi đây đến sáng. Tôi nhìn đồng hồ, mới khoảng 7 giờ tối. Tôi quyết định, đòi trả tiền tô mì nhưng bà Hoa nhất định không lấy và trong cung cách bà có vẻ ngạc nhiên về phản ứng của tôi. Tôi bảo người lính Nhân Dân Tự Vệ:

– Anh dẫn tôi đi kiếm Trưởng Ấp.

Trời tối như thui khá lạnh và hình như sương đã xuống. Người lính Nhân Dân Tự Vệ áo bỏ ngoài quần, chân đi dép Nhật xem ra khá dễ bảo. Cái ấp nhỏ tí này chưa bao giờ lại có một ông Hai lưng lửng tối trời còn đi tìm Trưởng Ấp. Anh ta dẫn tôi đi từ căn nhà sàn này đến căn nhà sàn khác, hỏi lung tung nhưng tông tích ông Trưởng Ấp mịt mù không thấy.

Cuối cùng, tôi hỏi anh ta:

– Tối nay anh gác ở đâu?

– Ông Hai, gác cho vui, gác ở đâu cũng vậy!

– Có ai gác chung không?

– Có chứ. Có chứ. Gác một mình buồn lắm.

Khi anh tôi dẫn tôi đến nơi gọi là vọng gác thì một ông Nhân Dân Tự Vệ khác cũng đã say mèm đang ngủ đông dựa trên võng. Khi lay được anh ta dậy, anh ta như ở trên trời rớt xuống và khi nhìn thấy một Trung Úy Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà thì anh ta ú ớ nói không ra tiếng. Tôi quan sát địa thế và ra lệnh:

– Tôi sẽ nằm ở đây. Anh này nằm ở đây. Anh kia nằm chỗ kia. Thay phiên nhau gác mỗi người hai tiếng.

Tôi phải nói rất chậm, và rành mạch lập đi lập lại nhiều lần họ mới hiểu. Tôi cũng biết rõ không thể tin tưởng ở họ nhưng yên bụng hơn vì dù sao tôi cũng có thêm hai cây carbine và nhất là với yếu tố bất ngờ, có du kích chắc tụi nó cũng không thể ngờ tôi đang có mặt ở bìa rừng như thế này để đối phó.

Tối hôm đó dù đã chia phiên cẩn thận nhưng chính là chỉ có ông Hai Dũng thức gác còn hai ông Nhân Dân Tự Vệ thì gật gù vừa gác độ mười phút là bắt đầu ngáy.

Tôi ngồi đó bó gối nhìn vào bóng đêm để nhớ những ngày xưa. Gọi là ngày xưa nhưng chỉ mới mấy tháng trước tôi còn ngủ trên giường nệm trắng giữa căn cứ của Lữ Đoàn Một Kỵ Binh Không Vận Hoa Kỳ với một rừng trúc thẳng đay ngoài bãi cho đến khi cuộc Việt Hoá Chiến Tranh Việt Nam đi vào giai đoạn chót.

Tôi nhớ bỗng nhiên không còn những cuộc hành quân cóc nhảy nữa và trong số vài sĩ quan Việt Nam được biệt phái làm việc với Toán Mầu, tôi là người duy nhất được giữ lại để giúp Lữ Đoàn Kỵ Binh Hoa Kỳ để giải quyết số lính “đánh thuê”. Họ được trả lương khá hậu và được trả về đời sống dân sự. Một người lính trong đám khá trẻ nhưng gương mặt gân guốc đen đui nói với tôi sau khi cầm một bó tiền của người Mỹ trao cho:

– Thấy mẹ rồi Trung Úy ời. Em đăng vào Biệt Kích Mỹ vì đằng nào cũng đánh giặc nhưng đánh giặc với người Mỹ lương cao hơn, sướng hơn, cái gì cũng có. Nay em về chắc lại phải đi quân dịch, lại phải xuống Quang Trung

Tôi nhìn người lính trẻ không biết phải an ủi anh ta cách nào. Họ đăng vào những đơn vị do Mỹ thành lập. Tuy lương cao nhưng vẫn không có quân số, không có quân bạ, thẻ bài. Đối với Quốc Gia Việt Nam họ vẫn là dân sự – có nghĩa là nếu đi loạng quạng ngoài đường sẽ bị quân cảnh xét giấy, họ sẽ bị liệt vào thành phần trốn quân dịch, và chắc chắn họ sẽ bị hốt lên xe cây đưa xuống Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung. Cái bi thảm hơn nữa là những người lính có thể bài không bao giờ ưa những người đi lính cho Mỹ vì họ lãnh lương thấp hơn nhiều và đời sống cũng cơ cực hơn nhiều.

Toán Mầu được giải tán trong bối cảnh xuống thang chiến tranh và nỗ lực của Hoa Kỳ cố rút chân ra khỏi vùng lầy Việt Nam. Tôi không để ý gì lắm đến chính trị nhưng cũng lờ mờ hiểu rằng người Mỹ đã tìm đủ mọi cách để có mặt ở đây. Xa xôi nhất có lẽ nó bắt đầu từ thời Tổng Thống Kennedy với chương trình Tân Biên Cương. Ngay từ những năm sau hiệp định Genève 1954, CIA đã nhảy xuống giúp người Mèo – người Hmong như tiếng gọi chính thức sau này – để đối phó với Lào Cộng. Đến bây giờ nhiều người Việt Nam vẫn nghĩ rằng Tổng Thống Ngô Đình Diệm và ông em Cố Vấn Ngô Đình Nhu đã bị giết chỉ vì chống đối việc Mỹ đổ quân vào Việt Nam. Hẳn là lịch sử sau này sẽ có câu trả lời xác đáng hơn. Nhưng khi đã lậm sâu vào chiến tranh Việt Nam, quân đội Mỹ lại bị buộc tay buộc chân vì chính trị của quốc gia họ.

Suốt cuộc đời tôi, tôi không bao giờ nghĩ người Mỹ như là một bọn “xâm lược” hay thực dân, để quốc như để quốc Pháp lo chiếm thuộc địa. Thế giới bây giờ không chấp nhận thuộc địa nữa. Nhưng tôi vẫn thấy cái gì không ổn trong việc người Mỹ xắn tay áo đảm đương cuộc chiến và nhất là buộc miền Nam Việt Nam phải đối phó với cuộc chiến theo quan điểm Hoa Kỳ.

Những suy nghĩ cá nhân này vẫn không có cách gì cản trở được guồng máy đang quay. Khi những tin tức về hoà đàm Paris, về Quân Sự Bốn Bên, về Trao Đổi Tù Binh tới tấp tràn ngập trên mặt báo chí thì những người lính như tôi vẫn phải hành quân, vẫn phải cầm súng canh gác. Khi người Mỹ đổ quân vào Việt Nam, báo chí có chữ mới “leo thang”. Khi người Mỹ rút ra khỏi Việt Nam thì có chữ “Việt Nam Hoá Chiến Tranh”

Đang tham dự những cuộc hành quân với vũ khí hiện đại nhất, nay tôi lại bó gối trong một bìa rừng với hai ông lính Nhân Dân Tự Vệ và hai khẩu carbine cà tàng. Những đêm dù lạnh rồi cũng qua đi, và như một con rối không tự điều khiển được mình, tôi lao vào một cuộc sống khác bán khai nhưng ở một khía cạnh nào đó ghi đậm tình người khiến dù ngắn ngủi, khi nào nghĩ lại tôi cũng mỉm cười sung sướng.

Trước hết là cái tên Ấp Mới. Có lẽ trên toàn lãnh thổ Việt Nam có hàng trăm ấp có tên là Ấp Mới! Khái niệm quy dân lập ấp có từ lâu trong lịch sử Nam Tiến của người Việt và đến thời ông Diệm ông Nhu nó trở thành quốc sách Ấp Chiến Lược. Mục tiêu lớn nhất của quốc sách này là chính sách đả đầu, lọc du kích và nằm vùng khỏi dân chúng, quy dân sống thành làng, thành ấp để dễ kiểm soát. Tôi không đủ trình độ để phán xét đúng sai và cũng không có dữ kiện tài liệu thống kê để biết kết quả của quốc sách Ấp Chiến Lược. Hình ảnh sâu đậm nhất nơi tôi là cảnh Tổng Thống Diệm đứng bên một hàng rào ấp được dựng bằng tre vót nhọn trong một cuốn phim thời sự. Thời tôi còn nhỏ mỗi lần đi xem chiếu bóng còn phải đứng lên chào cờ và suy tôn Tổng Thống, sau đó rạp còn chiếu một cuốn phim thời sự đen trắng của bộ thông tin trước khi chiếu tuồng chính. Tôi đã nhìn thấy cái hàng rào Ấp Chiến Lược trong hoàn cảnh đó.

Danh xưng Ấp Chiến Lược sau này không được dùng nữa có lẽ vì nó gợi nhớ đến thời Đế Nhất Cộng Hoà, đến ông Nhu ông Diệm. Nhưng trên thực tế rất nhiều vùng, nhất là những vùng dân cư quá tản mát, chính quyền vẫn tìm cách qui tụ họ lại. Ấp Mới của Quận Bồ Đức hẻo lánh là một thí dụ điển hình. Đa số 90% cư dân trong ấp là người Thượng Stieng. Họ nói tiếng Việt không sôi nổi và sau này tôi còn khám phá ngôn ngữ Stieng khá gần với tiếng Miên, có thể vì vùng này sát với biên giới Miên chăng.

Dân Stieng vẫn sống theo tập tục và bản năng cổ cưu. Họ ở trong những căn nhà sàn, và khi chui vào đó mùi khói nồng nặc. Họ vẫn ủ giữa nhà một đồng lửa âm ỉ khói bốc đầy đặc để xua muỗi và sưởi. Cái mùi đặc biệt này nó thấm sâu vào da thịt, vào hơi thở của họ đến nỗi bất cứ người Stieng nào cũng có mùi khen khét. Tôi chui rúc ở trong đó không lâu nhưng chính Dung đã

bảo: “Sao anh khét thế. Anh sắp thành người Thương đến nơi!”

Quả tình nếu tôi sống ở đó lâu hơn nữa có khi tôi trở thành người Stieng thật cũng nên. Tôi yêu cái hồn nhiên mộc mạc của họ. Tôi yêu đầu óc giản dị, bản tính hiền hoà của họ.

Trong suốt hơn bốn tháng sống ở đó tôi chưa bao giờ chứng kiến họ đánh nhau, cãi nhau. Mọi tranh chấp đều được giải quyết rất nhanh và hoà hoãn. Khoảng một tuần sau khi trấn nhậm, tôi đã gom lại đầy đủ các ông chức sắc trong ấp. Họ ngạc nhiên khi tôi giao công việc cho họ vì từ trước tới nay ông Trưởng Ấp hoàn toàn là một chức vụ hão, chẳng ăn nhậu quái gì đến đời sống của ông ta.

Khi tôi tập hợp đám Nhân Dân Tự Vệ để kiểm kê thì đa số có súng nhưng đạn được thì coi như không. Trên nguyên tắc mỗi ông Nhân Dân Tự Vệ được trang bị một khẩu carbine, thứ vũ khí phé thải của quân đội và khoảng gần 200 viên đạn. Những người lính bắt đầc dĩ này thấy rằng sẵn bắn bằng cung tên cổ lỗ quá không kiến hiệu bằng súng carbine. Do đó súng đạn là để đi săn nai, đi bắn chim, không phải để tự vệ, để chống Cộng.

Một phần vì buồn quá chẳng có gì để làm, phần vì tôi cũng rét, lỡ ấp bị tấn công mà các ông Nhân Dân Tự Vệ không có đạn, hoặc tệ hại hơn nữa trốn mất tiêu thì bản mạng của tôi cũng khó giữ nên tôi ra công huân luyện cho họ.

Tôi liên lạc với đồn nghĩa quân và với Quận xin được một số đạn. Tôi cũng bỏ tiền túi ra mua thêm một số. Trong cái chợ lều tều họp hai ngày một lần ở ngã tư ấp, trong số hàng hoá trao đổi có đạn carbine. Có thể là của các ông lính nghĩa quân đem bán chẳng, tôi không rõ nhưng quả là mua bao nhiêu cũng có!

Tôi kiểm tra súng đạn tới đầ và bắt họ học một số các thế bắn, tập đi đều bước, chỉ cho họ cách canh gác, đổi phiên. Làm được những việc này không phải dễ. Họ như cóc bỏ đũa, và lập luận rất ngây thơ, cho rằng cần gì phải tập nữa, họ biết bắn rồi mà. Nhìn những người Thương Stieng ngu ngơ tập cả buổi vẫn không thuộc những động tác cơ bản nhất, bỗng đầ tôi nhớ đến bộ phim bảy người võ sĩ của Nhật. Những người dân Stieng hiền lành có khác gì những người dân làng ở cái xó xỉnh nào đó của nước Nhật xa xưa? Và tôi thấy mình đang là một võ sĩ, một Samurai đang hành hiệp trượng nghĩa. Cái so sánh kỳ quặc này có phần xoa dịu tôi, có phần giảm đi cái ý tưởng bị đầy ải. Tôi nhớ rõ cái suy sụp nơi tôi khi được trả về cho tiểu khu Phước Long vào giai đoạn cuối của cuộc rút quân của Hoa Kỳ. Sự suy sụp nơi tôi chỉ là phản ảnh sự suy sụp toàn diện của một xã hội đã quá mệt mỏi vì chiến tranh. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu xem ra không đủ khả năng để đương đầ với áp lực từ mọi phía. Các phong trào đòi tự do dân chủ, các cuộc biểu tình phản chiến núp dưới những danh xưng kỳ quặc như Phong Trào Cải Thiện Chế Độ Lao Tù, các tiếng nói gào thét đòi diệt trừ tham nhũng, tất cả ào ào tấn công chính quyền. Phía người Mỹ thì tìm đủ mọi cách để ra đi êm thấm, ép cho bằng được các phe Việt Nam ngồi lại ở Paris. Dư luận

ở Hoa Kỳ mỗi ngày một gay gắt hơn và cả thế giới có vẻ như bị chế độ Hà Nội che mắt, ủng hộ họ ra mặt.

Tôi trở lại tiểu khu Phước Long không có một nhiệm vụ dứt khoát nào, ra rồi lại vào Trung Tâm Hành Quân. Tôi như thú phé thải, nhất là dưới con mắt của một số sĩ quan nơi đây. Tôi đã bon chen để được biệt phái sang Không Kỳ Hoa Kỳ. Tôi có gốc lớn chẳng ai dám động đến. Sau hơn hai tháng vất vả vất vưởng, trong một lần về Sài Gòn, tôi ở lì luôn. Cả tháng trời tôi nằm khểnh ở nhà chú Trung hay sang nhà Dung. Tôi không ra phố. Tôi cũng không đọc báo hay nghe radio nữa. Đầu óc trống rỗng, tôi thấy mình suy sụp xuống đến tận cùng. Một hôm chú Trung về nghiêm mặt bảo tôi: “Dừng phải về đơn vị ngay. Họ vừa điện thoại cho chú hay là đã có giấy báo cáo Dừng đào ngũ.” Hình như chú Trung coi trọng tôi nên không hỏi han lý do tại sao tôi ở lì ở nhà. Đối với ông đó là chuyện riêng của tôi và tôi phải tự thu xếp. Thu xếp kiểu gì cũng được nhưng không thể đào ngũ. Dung cũng thấy rõ tôi thay đổi, gắng hỏi nhiều lần mà tôi không cách nào giải thích với người hôn thê về những suy nghĩ của mình.

Tôi từ Sài Gòn lết trở lại Phước Long. Giấy báo cáo đào ngũ đã ký. Trung Tá Minh là người ký nhưng chưa chuyển. Tôi lại dật dờ ở Phước Long cho đến một hôm thấy yết bảng cần một sĩ quan lo Nhân Dân Tự Vệ ở Quận Bô Đức, tôi thân nhiên ghi tên với tâm trạng “đi khuất vào một xó lại hay”. Đó là lý do tại sao tôi đóng vai hiệp sĩ – đúng ra là hiệp sĩ mù – nơi cái áp hẻo lánh này.

Thế là tôi thành ông Hai nhưng ông Hai biết thân biết phận. Tôi không đeo lon lá. Tôi không ngủ đâu hai lần. Không ai biết tối tôi sẽ ngủ đâu. Tôi cố sống như một người Stieng chính hiệu vì biết chắc nếu có sự cố nào, tôi chỉ còn trông nhờ vào họ. Trong cái nỗ lực đó, tôi chiếm được cảm tình của mọi người và đặc biệt nhất một bà mẹ có con gái rất xinh. Tên thật của nàng là Ychun nhưng tôi đặt tên nàng là Gái. Tôi coi bà cụ như một người thân thích và coi Gái như em. Người Stieng vẫn canh tác theo kiểu du canh. Họ ra ngoài rừng đốt một khoảnh. Đợi sau độ hai ba cơn mưa, họ bắt đầu trồng bắp. Người chồng đi trước cầm một cái sào nhỏ vót nhọn đâm xuống đất, người vợ đi sau bỏ một hai hạt bắp vào lỗ rồi lấp đất. Làm gì có luống. Làm gì có vụ xới đất bón phân. Họ cứ khơi khơi như vậy đợi. Vậy mà bắp cũng nảy mầm, cũng đơm bông kết trái, tất nhiên là không đều hạt nhưng vẫn là bắp, vẫn có thể luộc có thể nướng và ăn thì ngọt lịm.

Tôi đã đóng vai trò người đàn ông cầm cái sào chọc xuống đất và Gái cũng lom khom theo tôi bỏ hạt bắp. Tôi nghĩ giá mà không có súng đạn, không có chiến tranh, tôi đưa Dung về Ấp Mới sống đời sống của người Stieng có lẽ cũng vui.

Cái nghĩ viễn vông đó hẳn là không tưởng và một hôm tôi nghe xì xào trong đám dân Stieng. Điều tra mãi rồi tôi cũng tìm ra sự việc. Một người Stieng khi đi săn đã thấy Việt Cộng chôn súng đạn. Tôi hỏi kỹ chỉ được biết đạn to lắm và nhiều lắm.

Suy nghĩ kỹ, tôi liên lạc với Quận xin mở cuộc hành quân nhưng không được vì tình hình không thích hợp. Đó là cách nói văn vẻ, sự thực thì quân số của Quận bị kẹt tứ phía. Tôi điều đình mãi cuối cùng mới xin được một trung đội nghĩa quân để yểm trợ.

Lâu lắm kể từ ngày rời đại đội Quyết Tử nay tôi mới lại lui thui soạn thảo dự trù và điều khiển một cuộc “hành quân” Tôi gom được gần ba chục ông Nhân Dân Tự Vệ, kiểm tra súng ống tử tế. Tôi có được một trung đội Nghĩa Quân do một ông Trung Sĩ cầm đầu, quân số 21 người. Tôi có được một máy PRC25, một xa xỉ phẩm đối với tôi.

Cứ theo lời nói của người đàn ông thì Việt Cộng chôn súng đạn cách ấp sáu cây số về phía Đông Bắc. Tôi xuất quân từ tờ mờ sáng.

Nhìn cung cách của các ông Stieng và trông bộ dạng léch thếch của đám Nghĩa Quân tôi rừng mình thấy tôi liều lĩnh quá đáng. Nếu đụng thì chắc chắn là lãnh đủ, nhất là qua lời khai của người đàn ông thì hầm chôn vũ khí này phải quan trọng, vì có nhiều súng đạn lớn.

Trót thì phải trót, tôi cũng chia lực lượng thành ba toán và yêu cầu ông trung Sĩ đi đoạn hậu. Sau khoảng ba tiếng lội rừng, người đàn ông bảo hầm ở quanh đây. Ông ta nhớ là có nhìn thấy cái cây – và ông ta chỉ một cây rừng có trái như trái măng cụt. Loanh quanh một hồi không biết hầm với hố ở đâu, tôi nghĩ là người đàn ông này nhớ lộn chỗ. Tôi cho dừng quân nghỉ ngơi. Và bỗng đâu từ rừng các bà vợ của các ông Nhân Dân Tự Vệ túa ra. Họ lẽ mề đem thức ăn trưa cho chồng! Tôi phát hoảng. Làm sao họ đi theo mà tôi không biết!

Họ tíu tít cười nó chỉ trở y như một cuộc đi cắm trại ngoài trời. Tôi không biết nói năng gì và cũng đành ngồi dựa gốc cây nhâm nhi mớ cơm bọc theo. Đúng lúc đó có tiếng ý ới! Vô tình một người vợ đã đạp trúng một mảng cỏ trượt chân và lộ ra nắp hầm.

Tôi không bao giờ ngờ mọi sự lại diễn ra như vậy. Chiến lợi phẩm mới là điều đáng nói. Tội tôi lòi lên được gần một trăm quả đạn súng cối 81 và 82 ly. Đây có thể là hầm đạn được tồn trữ để pháo vào Quận Bồ Đức. Tôi biết ngay phải làm gì, lên máy PRC báo về Quận về “thành quả rực rỡ” của cuộc hành quân không tiền khoáng hậu này. Điều ngạc nhiên hơn nữa là chỉ mười phút sau chính Trung Tá Quận trưởng Trần Đình Minh lên máy nói chuyện với tôi.

Chúng tôi lẽ mề khuân vác chiến lợi phẩm về ấp và khi về đến nơi đã thấy Trung Tá Minh đứng đợi sẵn.

Hai ngày hôm sau một buổi lễ ăn mừng chiến thắng được tổ chức ngay tại ấp với sự chủ toạ của đích thân ông Quận trưởng. Tất cả Nhân Dân Tự Vệ đều được tuyên dương công trạng và gắn huy chương hân hoi. Đang lúc mọi người hứng khởi thì từ tim tôi nhói lên niềm sợ hãi vô bờ khi nhớ đến ấp Dak Sun. Cái tiếng khóc u ơ không hẳn thành tiếng từ sâu thẳm trong trí nhớ nay vang lên rõ mồn một.

Giống như Ấp Mới, Dak Sun là một ấp qui tụ người Thượng ở sát biên giới Miên, chỉ có điều vị trí ấp nằm ngay trục lộ chuyển quân của bộ đội Bắc Việt. Vị trí chiến thuật của ấp khiến Tiểu khu Phước Long cho tăng cường hẳn hai trung đội đóng chốt ngay sát ấp. Những người Thượng ở đây tuy ban ngày đi vào rừng tìm măng, săn thú hay làm rẫy nhưng tối đến họ ở trong ấp có hàng rào và canh phòng khá cẩn mật. Chính từ tin tức của những người dân Dak Sun về những cuộc di quân của bộ đội Bắc Việt đã khiến có lẽ cả một trung đoàn Cộng Sản bị B52, không một mạng sống sót.

Để nhỏ cái chốt Dak Sun và có thể để trả thù và đồng thời muốn đóng lên một lời dọa dẫm với những người Thượng, bộ đội Bắc Việt đã tung một cuộc tấn công dữ dội. Hai tiểu đoàn chính qui tấn công ấp, đề bẹp đám dăm chục nghĩa quân trong đồn và san bằng Dak Sun. Chũr san bằng chưa đủ để diễn cảnh tượng của cái ấp nhỏ bé này. Khi tôi và Đại Úy Cảnh nhảy xuống ấp vào quãng tờ mờ sáng, ấp không còn một căn nhà. Tất cả bị đốt cháy rụi. Bộ đội Bắc Việt đã dùng súng phun lửa xịt vào các căn hầm trú ẩn của thường dân trong ấp, quăng lựu đạn xuống. Ấp trở thành lò quay, mùi thịt nướng – mùi tử khí bốc lên lợm giọng. Tôi nhớ mãi cảnh một người đàn bà đầu tóc rũ rượi, ôm đứa con đã chết, u ơ khóc không thành tiếng bên xác người chồng bị cháy thành than chỉ còn một cái đùi nứt nẻ. Tiếng khóc, không hẳn thành tiếng, âm thanh như đứt từng đoạn xoáy vào người nghe trong cái thê lương của chiến địa, của mùi chết chóc, của mùi súng đạn. Tôi đã phải quay mặt đi trước người thiếu phụ thân mình lắc lư như người lên đồng, miệng thì kêu lên những âm hưởng làm người nghe lạnh xương sống.

Tôi không chia sẻ được niềm lo sợ này với ai nên lẳng lẳng lo tự bố trí. Tôi dặn đi dặn lại những người dân ở đây nếu có chuyện gì họ phải đối phó như thế nào. Tôi lôi cả đám Nhân Dân Tự Vệ buộc họ phải tản hẩn ra tứ phía quanh ấp mỗi đêm, và bố trí khá xa.

Công việc sắp đặt không dễ dàng vì ngôn ngữ. Tôi phải nói rất giản dị và gần như nói với từng gia đình trong ấp. Họ nghe tai này lọt sang tai khác bởi họ không thấy cái viễn ảnh tôi thấy. Suốt hơn nửa tháng hể ngủ là tôi lại thấy Ấp Mới trở thành lò thiêu.

Trung Tá Minh không có “khách sáo” với tôi như lúc đầu. Khi xuống chủ tọa lễ ăn mừng chiến thắng, sau khi gắn huy chương cho những anh hùng Ấp Mới, ông thân mật vỗ vai tôi bảo:

– Moa không ngờ Toa làm được cú này. Cái ấp trông khác hẳn so với ngày xưa.

Khi tôi bày tỏ nỗi lo sợ Việt Cộng trả thù, đưa đơn vị lớn tận diệt Ấp Mới, ông Quận gật gù:

– Toa cần cái gì cứ nói. Moa sẽ gởi cho một cái PRC để liên lạc.

Ông giữ lời cho tôi một người lính truyền tin và một cái PRC cà ri cũng đủ để tôi thêm vững bụng. Điều đáng quý hơn nữa là ông Trung Tá còn bảo:

– Toa ở ấp hơn ba tháng rồi, thôi để Moa ký giấy cho Toa về Sài Gòn vài bữa.

Cuộc đời tôi lại đổi một lần nữa vì cái giấy phép. Khi đang chờ trực thăng ở Phước Long, tôi gặp Đại Úy – nay là Thiếu Tá Đặng Vũ Khoái. Ông cười ngất khi thấy tôi đầu tóc để chấm vai, râu ria không cạo, và hỏi:

– Sao mà như người rừng vậy? Giờ cậu ở đâu?

– Đúng là người rừng rồi ông thầy ơi. Tôi coi cái ấp ở Bồ Đức.

– Chỗ ông Trung Tá Minh mới về phải không? Sao lại chui vào cái chỗ tối tăm thế?

Nếu tôi có thể trả lời được câu hỏi này thì dễ chịu biết chừng nào? Một tên Trung Úy như tôi thì làm gì có quyền tự định đoạt vận mệnh của mình trong chiến tranh? Tôi cười nói:

– Ông thầy, trên xĩa đâu mình đi đó, đâu có quyền chọn lựa.

– Hay cậu về với tôi. Đồng Xoài ít ra cũng còn có tí ánh sáng văn minh.

Không ngờ Thiếu Tá Khoái giữ lời thật. Ông đã điện thoại thẳng cho Trung Tá Minh để điều đình và sau đó xin với tiểu khu để tôi về Đôn Luân coi ban Ba .

Khi trở lại Bồ Đức, ông Quận gật gù bảo tôi, giọng đầy thân mật:

– Bên Đôn Luân xin Toa. Chính ông Khoái đã gọi cho Moa. Moa biết Toa là người có khả năng, bỏ đi cũng tiếc nhưng ông Khoái nằng nặc đòi Toa cho bằng được

Từ giã Gái và bà mẹ, từ giã Ấp Mới và những người Stieng hiền lành một mạc sau hơn bốn tháng chung sống, tôi lại khăn gói quả mướp đi trấn nhậm ở một chỗ khác trong tiểu khu Phước Long.

Cái tình của tôi với Ấp Mới không phải chấm dứt khi tôi rời đó. Khoảng bốn tháng sau, khi tôi đang lo ban Ba Đồng Soài thì người hạ sĩ dưới quyền cho hay có hai phụ nữ Stieng muốn gặp Ông Hai Dũng.

Gái và bà mẹ đứng ở sân chờ tôi với một gùi đầy bắp, những trái bắp đã già, được cột lại từng chùm. Hai mẹ con gái đã lặn lội đi bộ băng rừng để đem mấy trái bắp đến tận Đôn Luân.

– Bắp của ông Hai trồng phải đem trả cho ông Hai.

Tôi lặng người cảm động trước cái suy nghĩ đơn sơ nhưng đầy tình nghĩa này. Cả chi khu Đồng Xoài đã vô cùng ngạc nhiên khi thấy tôi long trọng dẫn hai mẹ con người Stieng đi ăn hủ tíu và sau đó mua tùm lum tà la đồ chất đầy cái gùi để họ đem về Ấp Mới làm quà.

Tôi tiễn mẹ con Gái về lại núi rừng của họ, lòng chùng xuống, nghĩ giá mà mọi người cùng đối xử với nhau như hai mẹ con Gái, Chắc tôi không phải cầm súng đánh nhau với ai cả.



CHƯƠNG 7



Tôi tỉnh dậy bắt đầu từ quai hàm dưới. Cái đau rất nhẹ, nhẹ nhẹ như lay động hệ thần kinh có lẽ đã tê liệt của tôi. Đầu óc lơ mơ tôi chỉ thấy niềm đau từ từ, từ từ lấn dần và đầu óc tôi cũng một lúc tỉnh hơn để ý thức rõ tôi đang ở đâu. Cái lạnh thấm vào tận xương tủy khiến tôi ngồi dậy, chống tay lên nền đất.

Cái hố con voi vậy mà khá khô ráo và được che bằng một cái liếp lá từ lúc nào tôi cũng không rõ. Nổi đau, niềm tuyệt vọng cơ thể đã rời sau hơn nửa tháng dầm mình trong cuộc rút chạy đã khiến tôi vật ra ngay từ tối qua không còn biết gì xảy ra ở chung quanh. Cái liếp chắc chắn không cốt để ngăn tôi trốn khỏi cái hố nông quên quệt này. Vậy thì chỉ để che sương và có thể che mưa chẳng? Cũng còn có thể che gió, chống lạnh. Một người lính Bắc Việt nào đó chắc đi qua trông thấy tình trạng thê thảm của tôi, đã động mỗi thương tâm, đẩy cái liếp lên miệng hố chẳng? Lay trời là như vậy. Ít ra thì còn có cái tình người vắng vất đâu đó giữa súng và đạn.

Tôi tỉnh hẳn, miệng quai ra và nước dãi ứa đầy mồm. Một vị nhòn nhòn mồm mồm. Chắc máu từ chiếc răng hàm bị gãy vẫn còn âm ỉ ứa ra. Trời bên trên đang rạng sáng, tôi nghe tiếng người lao xao vọng vào. Tôi đi trận nhiều nên biết rõ sinh hoạt của chỗ đóng quân gần như sinh động 24/24. Có thể giờ này là giờ lính Bắc Việt đang lo bữa sáng, lo nấu trà – biết đâu chả là tí cà phê? Tôi lắc lắc cái đầu xua hình ảnh ly cà phê nóng giữa rừng, cái xa xỉ phẩm ngay cả đối với sĩ quan VNCH như tôi trong lúc hành quân.

Toàn thân tôi rã rời, lạnh cóng. Họ sẽ đối xử với tôi ra sao? Hẳn là họ không bắn tôi để phí thêm một viên đạn. Liệu họ có tra tấn? Liệu họ có nhồi tôi, hành hạ tôi? Tôi chợt nhớ trên túi áo trên còn có lá thư bỏ trong phong bì của Tòa Đại Sứ Mỹ. Khi bị bắt tôi đã móc mọi thứ ra giao cho người “chính trị viên” từ bản đồ đến tiền bạc. Có gì móc nấy nhưng không hiểu sao cái phong bì vẫn còn trong túi áo tôi? Nếu không thì làm sao phi tang? Tôi thoáng tính xé vụn rồi nhai nuốt hết cái thư nhưng lại thôi. Răng tôi đau quá, không biết có đủ sức để nhai và nuốt hết cả tờ giấy dày khổ 8×11 và cái phong bì không? Dựa lưng vào vách hố những ý nghĩ vớ vẩn liên tục, những hình ảnh thoáng hiện lên rồi mất tăm trong tâm khảm. Dung đang làm gì giờ này? Liệu bố mẹ và các em tôi có biết tôi đang trong cảnh bi đát này chẳng? Thiếu Tá Khoái có thoát chẳng? Lơ mơ, tê dại, cánh liếp phía trên được kéo đi và có tiếng gọi:

– Anh kia.

Tôi ngó lên. Một người lính Bắc Việt nhìn tôi, lặp lại:

– Anh kia.

Tôi cố chống tay đứng dậy, dựa lưng vào vách, người như muốn đổ xuống. Hai bàn chân tôi buốt nhói lên tận tim. Quả thật tôi không biết phải nói năng ra sao, chỉ giương mắt nhìn. Người lính ngấm nghĩ thế nào, cúi xuống đưa tay cho tôi nắm và gần như lôi tôi khỏi cái hố. Anh ta bảo:

– Theo tôi.

Anh ta dẫn tôi vào một cái lều và bảo:

– Chờ đấy.

Mãi đến sau này tôi mới quen được với cách nói cộc lốc, thiếu chủ từ này. Tôi im lặng ngồi xuống, chưa rõ chuyện gì sẽ xảy ra. Một người lính khác mang cho tôi một bát cơm và một bát canh nóng. Ôi quả là một biệt đãi. Tôi chẳng biết canh gì, chỉ thấy lỏng lỏng tí rau. Cơ thể người ta có những phản ứng kỳ lạ. Vừa trông thấy bát cơm màu nâu nâu vàng vàng và chén canh rau, tôi cồn lên vì đói.

Nhớ rằng dù thế nào đi nữa, tôi cũng là sĩ quan và đang ở trước những người lính phía bên kia, tôi chậm rãi, từ tốn ăn một cách nhỏ nhẹ. Người lính Bắc Việt đứng ở một góc quan sát và không nói gì. Khi thấy cơm canh đã hết, anh ta thu dọn đem đi. Tôi hỏi:

– Tôi muốn làm vệ sinh.

– Làm cái gì?

– Thưa tôi muốn đi cầu.

– Đi đâu? Giờ này mà muốn đi đâu?

Tôi hiểu ngay cái bất đồng ngôn ngữ, bèn nói thẳng:

– Tôi muốn đi ỉa đi đái !

Người lính trẻ bỗng dịu mặt lại, nhìn tôi và bảo:

– Từ nay muốn gì thì phải báo cáo rõ ràng. Đi ỉa đi đái thì nói đi ỉa đi đái, sao lại bảo làm vệ sinh?

Kể từ đó “báo cáo” trở thành câu đầu môi chót lưỡi của tôi – và sau này là của bạn đồng tù – khi cần nói với người phía bên kia...

Khoảng hai tiếng sau, người chính trị viên ôm một xấp giấy tờ bước vào:

– Chúng ta bắt đầu làm việc.

Lần này tôi hiểu làm việc là hỏi cung. Bộ dạng người chính trị viên thật ra tôi không biết ông ta

giữ chức vụ gì và quân hàm ra sao vì họ đều giống nhau, quần áo bèo nhèo không lon lá, chân đi dép râu và khuôn mặt xanh xao. Tôi biết ông ta quan trọng vì ngang hông có khẩu súng 9 ly và lớn tuổi hơn những người bộ đội. Cái ngạc nhiên nhất nữa là cái bút, cái bút mà tôi đã nhìn thấy từ lúc còn bé, cái bút Stylo. Tôi còn nhớ bố tôi có một cây, khi xoay thì ngòi bút nhô lên, cái ống mực phía dưới kẻ sọc ca rô mờ mờ có thể nhìn thấy phần mực ở phía trong. Ngay 1950 ở Hà Nội hồi đó bút máy Stylo là một biểu tượng sang cả, đi đôi với xe đạp nhôm và giày da hai màu cùng với cái cà vạt nhỏ tí là những món thời thượng.

Ông ta trịnh trọng xoay cái bút ra, mắt nhìn tôi quan sát. Cuộc hỏi cung rất ngắn và sau chừng nửa tiếng, ông ta đưa cho tôi một xấp giấy:

– Anh viết lại lý lịch và những đơn vị Ngụy. Càng nhiều chi tiết càng tốt và phải rõ ràng.

Ông ta ngừng lại, nhìn tôi, không hiểu sao lại hỏi một câu không ăn nhập gì đến chuyện làm việc:

– Anh muốn gì không?

Tôi muốn gì bây giờ? Tôi muốn về Sài Gòn. Tôi muốn có Dung bên cạnh. Tôi muốn gặp lại bố mẹ và các em. Tôi nhìn ông:

– Tôi muốn được tắm một cái.

Câu trả lời bất ngờ không chỉ với ông ta và cả với tôi. Tự nhiên toàn thân tôi ngứa ngáy và chính tôi cũng nghĩ thấy mùi hôi hám bốc ra từ thân thể. Lần cuối cùng tôi tắm rửa thay quần áo có lẽ từ cả nửa tháng trước. Tóc tôi dài bết từng mảng ở sau gáy. Râu tôi tua tủa. Ông chính trị viên cười:

– Anh khai lý lịch cẩn thận rồi tôi cho anh ra sông tắm.

Tập giấy kẻ ca rô khá dày. tôi ngây người ra nhìn, tay mân mê cái bút. Hà, thế là trò chơi dụ khị, ra cái giọng tử tế để khai thác. Suốt bao nhiêu năm lính tôi không được quân đội dạy dỗ gì về vụ khai lý lịch cho địch trong trường hợp bị bắt. Nhớ lại những lần tôi ở thế thượng phong hỏi cung mấy ông lính Bắc, mấy ông du kích. Thường điều tôi muốn biết ngay lập tức là đơn vị, là liệu có thể có những cuộc tấn công dự trù, quân số địch... Nhưng Đồng Xoài tan nát, còn gì để họ khai thác?

Độ hai tiếng đồng hồ sau, người chính trị viên trở lại. Coi vậy mà tôi cũng bơi ra được gần ba trang giấy. Ông ta cầm lên lật qua lật lại, đọc rất nhanh.

– Thôi được, tôi cho người dẫn anh ra sông tắm, rồi mình sẽ làm việc tiếp.

Sông không rộng lắm, nước chảy chậm và khá trong. Người lính trông hiền lành nhìn tôi và hát hăm:

– Xuống chỗ ấy mà tắm.

Tôi nhìn quanh lính Bắc Việt đi đi lại lại, gọi nhau í ới. Bạt, lều giăng kín cả một khu rừng. Tặc lưỡi tôi từ từ cởi áo, và sau một lúc ngập ngừng, cởi luôn quần. Sông không sâu, chỉ độ ngang đùi, lòng sông chỗ này lại có đá nên dễ chịu vô cùng. Tôi tính hỏi người lính xin xà bông nhưng thấy đời hỏi như vậy có vẻ Ngụy quá, tiểu tư sản quá. Và lại trông bộ dạng anh ta, chắc cả vài tháng nay anh ta cũng chưa rờ đến cục xà bông. Tôi rũ cái áo trước, và vò rất kỹ cái túi áo bên trên. Cái thư nát bầy, nhưng tôi vẫn cẩn thận, sau một hồi, lén lút lôi từng mảnh nhỏ ra vo lại để trôi theo dòng nước.

Tôi kỳ cọ, tôi chìm đầu xuống nước. Tôi thấy mình như được lột xác. Cái cảm giác nhẹ nhàng như xua đuổi cái tương lai u ám ở trước mặt. Tôi ngụp lặn khá lâu đến nỗi người lính canh sốt ruột:

– Anh kia tắm mau còn đi lên.

Chân tôi vẫn đau nhói, nhất là nay ngâm lâu dưới nước. Hàm dưới có vẻ bị tấy lên. Tôi lẳng lặng cố vắt thật khô bộ đồ trần dày cui và xỏ tay vào. Khó khăn lắm tôi mới mới mặc lại được bộ quần áo còn sưng nước.

Người lính nhìn tôi, không nói năng gì, lẳng lặng vẫy tay ra hiệu. Anh ta dẫn tôi trở lại lều, chỉ tay vào chiếc ghế tre, rồi bỏ ra ngoài.

Người chính trị viên kéo ghế ngồi xuống trước mặt tôi. Hắn trông tôi không giống con giáp nào, người vẫn ướt sũng, nước từ tóc và râu vẫn tí tách nhỏ xuống thành vũng. Tôi luôn nhớ dù sao tôi cũng là sĩ quan VNCH, nên sửa ngay bộ dạng ngay ngắn và nhìn thẳng vào người đối diện. Một quá khứ mù mờ nào đó hiện ra rất nhanh. Tôi nhớ Hà Nội và bố tôi. Tôi nhớ bạn bè của ông ta. Người chính trị viên này có cây bút Stylo từ bao giờ? Làm sao ông ta có thể sài một cây bút lâu như vậy?

Lần làm việc này diễn ra ngoài dự tưởng của tôi. Trước hết ông ta cho tôi uống trà – tất nhiên là trà tươi – có lẽ được hái từ một cây trà nào đó lạc lõng giữa rừng. Nước trà rất nóng nhưng chất đến độ tê lưỡi. Ông ta chỉ hỏi tôi về Đồng Xoài. Mọi thứ, nhất là dân tình. Ông hỏi tôi về sinh hoạt hàng ngày, về ông phó quận hành chánh hành hạ dân như thế nào, về trưởng ty cảnh sát... Tôi nói rất rõ với ông ta rằng tôi không để ý đến chuyện Thiếu tá Khoái có tham nhũng hay không – và tôi tin rằng không. Tôi bảo Thiếu Tá Khoái xứng đáng là cấp chỉ huy của tôi thì ông ta chỉ gật gù.

Trong suốt đời tù, đây là lần làm việc dễ chịu nhất, và mãi đến sau này tôi mới hiểu. Quân Đội Nhân Dân và Công An Nhân Dân là hai guồng máy làm việc khác hẳn nhau. Đó là mãi về sau này, nhưng ngay hiện tại, người chính trị viên tỏ ra lịch sự, nhỏ nhẹ và ăn nói chững chạc. Cuộc hỏi cung kéo dài đến lúc gần sẩm tối. Khi đứng dậy, ông ta bỗng quay ra phía sau hỏi:

– Anh nào còn thuốc lá không?

Một người lính đưa đưa cho ông ta bao thuốc lá nhàu nát. Ông ta rút hai điếu đưa tôi, và trả lại bao thuốc cho người lính:

– Tôi không hút thuốc. Đây là thuốc Điện Biên của miền Bắc chúng tôi. Ngon lắm.

Để hai điếu thuốc lên bàn, ông ta ôm xấp hồ sơ bỏ đi. Hai điếu thuốc quấn queo, sợi thuốc xộc xệch. Điếu thuốc cuối cùng, điếu lucky không đầu lọc, tôi đã rít đến hơi cuối cùng trên ngọn đồi ở gần chợ Đồng Xoài. Hơn nửa tháng, không lúc nào tôi nghĩ đến thuốc lá vì thật không còn đầu óc nào để nghĩ đến. Cái cơ thể mỗi ngày hơn một gói thuốc của tôi, cái cơ thể lúc trước không có thuốc thì bòn chòn, ngứa ngáy, cơ thể đó tại sao lại không đòi thuốc trong những ngày qua?

Tôi nhìn hai điếu Điện Biên lòng dửng dưng. Người lính đứng đó hỏi:

– Hút không?

Tôi ngược lên nhìn. Anh ta cầm cái bật lửa, cái bật lửa nhỏ bằng nhôm trắng rất thông dụng ở ngoài Bắc ngày xưa. Mỗi lúc miền Bắc lại kéo tôi xa Sài Gòn và trở lại quá khứ thời thơ ấu hơn. Nổi tính tình nghịch, tôi chìa tay:

– Anh cho tôi mượn cái hộp quẹt.

– Cái gì?

– Anh cho tôi mượn cái bật lửa.

Nó mỏng tanh, bánh xe quẹt đá cũng nhỏ tí so với bật lửa Ronson. Tôi ngẩn ngía và bật thử. Lần đầu không được. Lần thứ hai cũng không được. Người lính bỗng cười, nói:

– Chắc hết xăng.

Anh ta rút bỏ cái nắp ở cuối bật lửa và đưa lên mồm thổi phì phì. Sau đó rất nhanh anh ta bật và lửa toé ra bắt vào cái bắc nhỏ như hạt đậu. Tôi cười và cầm điếu thuốc lên.

Hơi thuốc Điện Biên đầu đời, tôi nuốt trọn khói. Nicotin tan mau khiến khiến cả người tôi ngây ngây. Tôi rít hết điếu thuốc và ngời thừ ra đó đầu óc lơ mơ trống rỗng.

Cuộc hỏi cung và cung cách đối xử của bộ đội Bắc Việt ngay tại chiến trường xem ra không đến nỗi nào, chỉ có điều tôi chưa nhận ra rằng đây mới chỉ là phần mào đầu, phần dẫn nhập cho một đoạn đời khổ nhục mà tôi sẽ chia sẻ với hàng trăm ngàn đồng đội khác trong những năm về sau.



Suốt ngày hôm sau không ai làm việc với tôi nữa và khi vừa ăn sáng xong, một người lính Bắc

Việt nói:

– Anh kia theo tôi.

Ra đến bờ sông tôi thấy Chuẩn Úy Kiệt đứng ở đó cùng với hai người bộ đội. Ông Kiệt thâm trầm không khác gì tôi và cũng chân không giày. Trong hai người lính, một có lẽ là cán bộ, còn một trẻ măng có lẽ là bảo vệ viên. Họ khoác AK và ba lô.

– Số phận các anh trong tay nhân dân. Nếu có tội nhân dân sẽ bắt các anh đền tội. Bây giờ các anh đi theo tôi.

Đó là lời duy nhất của viên cán bộ nói với tôi và ông Kiệt. Thật là những lời đe dọa bí hiểm. Đền tội? Nhân dân? Nếu bảo phải đền tội thì bắn cái đùng là xong. Nhân dân là ai? Ở đâu ra nhân dân trong cái xó rừng thăm thẳm này. Biết hỏi cũng không được trả lời, chúng tôi chỉ biết lặng lẽ đi.

Ba ngày trời chúng tôi bị áp giải bằng rừng. Chân tôi đỏ như hòn gạch nung. Mỗi bước đi là một cực hình. Cái đau lán át mọi sự. Tôi không thấy đói thấy khát, chỉ thấy buốt lên tận óc. Tôi đã bắt chước Kiệt xé hai tay áo quấn quanh bàn chân nhưng chỉ được nửa buổi và mảnh vải sòn mỏng, rách tả tơi. Rồi tụi tôi xin cắt hai ống quần. Tôi chỉ muốn khuyu xuống nhưng vẫn cố gồng. Ông Kiệt rũ ra vừa đi vừa lết. Buổi tối họ trói chúng tôi lại và cho dựa vào gốc cây lớn ngủ. Tôi vẫn cố quan sát và khi nhận ra rừng cao su thì tôi biết đang trở lại chốn cũ.

Tôi bước vào con lộ đất xuyên quận lỵ Đôn Luân vào quãng giữa trưa. Ánh nắng vẫn chói chang. Nhà cửa chung quanh mang vết tích bom đạn tả tơi. Tôi nhìn cờ vàng ba sọc đỏ sơn trước cửa những căn nhà vẫn còn tươi roi rói. Tôi nhớ vụ “Sơn Cờ Xí Đất” này lắm. Khi hội nghị Ba lê còn đang họp có lời xì sầm rằng Miền Nam có thể được chia thành từng khu vực – một hình thức da beo – chỗ nào Mặt trận Giải Phóng kiểm soát thì sẽ là của mặt trận, chỗ nào của VNCH thì VNCH giữ. Ào ào nơi đâu cũng được lệnh phải sơn trước cửa nhà.

Hỏi đó ông Thượng Sĩ già ở phòng tài chính đã phát biểu:

– Cứ như là vụ Phật với Ma Vương tranh đất vậy.

Tôi không hiểu thì ông ta giải thích quê ông ta ngoài Bắc và có tục lệ gần tết đem rắc vôi ở xung quanh nhà để Ma Vương Quỷ Sứ biết chỗ đó là đất Phật không được vào. Tôi đã bật cười vì cách ví von đó. Tôi không tin rắc vôi thì Ma Vương Quỷ Sứ sợ chạy và tôi cũng không nghĩ vụ Sơn Cờ Xí Đất này là một điều hay. Cộng Sản đâu có cần cấm cờ sơn cờ gì đâu. Họ xài AK và T54 nhanh hơn nhiều và bây giờ nhà nào cũng cấm hai lá cờ Mặt Trận và cờ Đỏ Sao Vàng. Mỗi nhà lúc này có tới ba cờ. Người Cộng Sản có lẽ còn nhiều việc quá nên chưa hạ lệnh bôi bỏ cờ vàng ba sọc đỏ. Người dân thì có lẽ cũng chưa nỡ xóa đi chẳng. Trong khi đang nghĩ vớ vẩn như vậy

thì tôi nghe có tiếng:

– Thầy Dũng, thầy Dũng.

Tôi ngó về phía có tiếng gọi. Một nhóm năm bảy bé gái đang đứng ở hiên nhà khuất tới tôi không nhận ra là những em nào nhưng chắc đó là mấy em học sinh của trường trung học Đôn Luân. Đầu tóc tôi dài như Tarzan, râu thì tua tủa, và hăn là mặt mày trông phải hốc hác. Tôi nay áo cộc không còn hai ống tay, quần thì đã cắt chỉ còn ngang đầu gối, chân quần vãi. Tôi chắc chắn không còn giống thầy Dũng của các em ngày xưa, nhưng các em vẫn nhìn ra thầy. Một niềm vui tự đáy lòng dâng lên. Các em quen tôi, biết tôi như một ông thầy, không phải một ông lính.

Tôi cười nhìn các em. Một đôi dép Nhật được quăng ra phía trước tôi. Tôi dừng lại ngần ngừ thì có tiếng quát khể nhưng gần: “Anh kia” và người cán bộ lẩn tới nhặt đôi dép ném trả về phía vệ đường. Tôi quay hăn đầu lại gật gật tỏ ý cảm ơn các em học trò, chân vẫn tiếp tục lê sau khi bị người cán bộ đẩy chúi về phía trước.

Hai đứa tôi được dẫn đi về phía ngã ba gần quán hủ tếu của ông Ba Tàu. Rải rác là những khẩu hiệu mà sau này đi đâu tôi cũng gặp “Chủ nghĩa Mac-lênin bách chiến bách thắng” - “Không có gì quý hơn độc lập tự do” – “sự nghiệp Bác Hồ sống mãi trong quần chúng”. Những người dân Đồng Xoài trông thấy hai đứa tôi, nhìn rồi quay mặt đi. Tôi thấy họ trông cũng ngơ ngác, dật dờ. Cái không khí của Đồng Xoài cách đây chưa đầy một tháng đã biến mất. Thay vào đó là những di động không lời, mọi sự như một phim ciné câm. Cuộc đời thay xem ra không dễ dàng.

Người cán bộ dẫn tôi vào một căn nhà trống và bảo chờ. Tôi cũng chẳng hiểu chờ gì. Hai ba ngày qua tôi và ông Kiệt đã được thưởng thức lương khô bộ đội. Đó là phong bánh có lẽ là đậu xanh. Ăn nó cũng vui vui nhưng sau đó uống nước như điên và no lâu không thể tả được. Ông Kiệt nói cái thứ lương khô này có trộn thêm nhiều thứ vitamin, vì là bột ép, khi vào bao tử nở ra nên no lâu.

Hai đứa tôi ngồi bó gối trong căn nhà trống trơn, có lẽ thuộc gia đình một người lính chi khu. Ông Kiệt hỏi tôi:

– Tụi nó dẫn mình về Đồng Xoài làm gì vậy?

– Ông nội tôi cũng không biết. Dám đem mình ra xử bắn cho dân chúng coi chơi.

Câu nói bông lơn của tôi làm chính tôi cũng rùng mình. Nghĩ đến hình ảnh bị trói giết cánh khủy vào chiếc cọc chờ phát súng ân huệ làm tôi sở ngáy, gai ốc nổi đầy mình. Tôi chưa bao giờ thấy tận mắt nhưng chỉ được nhìn trên màn ảnh và đó là những cảnh không đẹp tí nào, nhất là khi từ tội nghèo đầu gục sang một bên, mồm rỉ máu.

Khi trời vừa sập tối thì ngoài đường vọng vào những tiếng người ồn ào, tiếng chân bước. Loáng

thoáng lọt vào trong căn nhà là ánh đuốc và đôi khi loé lên ánh đèn pin. Hình ảnh tên tử tội gục xuống lại hiện ra trong đầu tôi.

Cửa mở, người cán bộ bước vào.

– Hai anh này đứng lên đi theo tôi.

Bước ra đường tôi nhìn về phía chợ. Khu đó sáng trưng và rất đông người. Tôi nhủ thầm những giây phút cuối của cuộc đời Trung Úy Đỗ Lệnh Dũng đang điểm.

Khi được dẫn vào căn nhà khác gần chợ, tôi thấy ít ra không chỉ có tôi và ông Kiệt. Lố nhố phía trong cỡ hơn mười người nữa trông bộ dạng chẳng khác gì tôi. Định thần tôi nhìn thấy một sĩ quan khác, Chuẩn Úy Nguyễn Văn Đức. Nhiều khuôn mặt quen thuộc khác của chi khu nhưng tôi không nhớ tên. Họ đều nhận ra chúng tôi ngay lập tức vì tôi nghe tiếng xì xào “Trung Úy Dũng”.

Một cán bộ Bắc Việt lên tiếng:

– Các anh là ngụy quân. Các anh đã quen bóc lột ức hiếp đồng bào, hiếp dân, đốt nhà. Hôm nay là ngày các anh sẽ phải trả lời trước nhân dân về những tội ác tày trời đó.

Không một ai trong chúng tôi lên tiếng. Quả đúng chúng tôi là quân nhân VNCH – là Ngụy Quân theo cách gọi của người cán bộ Cộng Sản – nhưng còn những tội ác tày trời? Trả lời nhân dân?

Khi chúng tôi bị lôi ra khỏi căn nhà, tiếng loa vang rè rè vọng ra từ phía chợ. Bóng người lố nhố khá đông từ ánh đuốc chập chùng. Tôi quan sát lượng định. Tôi có cấp bậc cao nhất trong đám tù binh, vậy tôi là đầu sỏ, có nghĩa là tôi bị bắn trước tiên. Hình ảnh của Trung Úy Đỗ Lệnh Dũng ngoẹo đầu miệng ứa máu xem ra không đẹp tí nào. Nhất là với đầu râu rối mù, quần áo tả tơi.

Trong căn nhà trống rộng lộp tộp vẫn làm nơi họp chợ trước kia, ba chiếc đèn manchon tuy sáng rực nhưng cũng không đủ chiếu rọi khoảng trống khá lớn. Quanh đó là những bó đuốc không hiểu được đốt bằng thứ gì nhưng tỏa khói dày đặc. Một chiếc bàn dài phủ khăn đỏ tôi nhìn đâu thấy bốn năm người ngồi, trong đó có hai người mặc quần áo bộ đội, còn ba người kia mặc đồ thường dân. Đằng sau là một tấm vải lớn làm phong có hình ông Hồ Chí Minh dưới lá cờ đỏ sao vàng và khẩu hiệu khá lớn “Không có gì quý hơn độc lập tự do” với chữ nhỏ ở dưới viết “lời Hồ Chủ Tịch”.

Đám đông tụ tập phía trước có lẽ đến vài ba trăm người đứng lố nhố trong cái tranh tối tranh sáng của ánh đuốc lập loè. Tôi rùng mình nhớ đến bố tôi và cuốn phim CHÚNG TÔI MUỐN SỐNG.

Tòa Án Nhân Dân! Lời nói úp mở của chính trị viên thẩm vấn tôi nay đã rõ nghĩa. Có thể ông ta thấy trước số phận của tôi nên không truy lý lịch kỹ lưỡng và cuộc hỏi cung cũng đầy vẻ thân thiện, lại còn cho hút thuốc lá Điện Biên của miền Bắc. Tôi rùng mình nhớ đến những câu chuyện

được nghe hồi nhỏ khi đồng bào miền Bắc lũ lượt di cư vào Nam năm 1954. Tôi cũng đã xem phim Chúng Tôi Muốn Sống. Nhưng suốt từ bao năm qua cái hình ảnh đó đã tan biến trong trí não tôi và tôi cũng nghĩ Tòa Án Nhân Dân chỉ có trong thời kỳ cải cách ruộng đất, chứ miền Bắc chắc không có tòa án nhân dân nữa.

Tại tôi bị xếp ngồi ở một góc ngay phía dưới chiếc bàn phủ khăn và kẻ bị gọi tên đầu tiên không phải là đầu sở Đỗ Lệnh Dũng mà là một trung sĩ. Tôi nhớ tên anh ta không những chỉ vì bản án tròng vào cổ mà là cái tên nữa. Trung Sĩ Trần Văn Tùng, một cái tên rất miền Nam. Anh ta làm phát ngân viên cho một đơn vị trong chi khu. Đồng Xoài có một quán hủ tếu và hai ba quán nhỏ khác chuyên bán đồ nhậu, cùng đâu vài ba cửa hàng tạp hóa trong đó tiệm Phúc Đường của một gia đình người Tàu là lớn nhất. Những người lính khi hết tiền thường nhậu ghi sổ hay mua chịu. Trung sĩ Trần Văn Tùng đã ăn cánh với các ông chủ quán, chủ cửa tiệm này để trừ thẳng tiền thiếu vào lương cuối tháng. Tôi cũng đã thấy một đôi lần những bà vợ lính la hét chửi bới viên trung sĩ này nhưng ông ta chìa ra biên nhận ăn chịu mua thiếu có chữ ký làm bằng.

Khi Trung sĩ Trần Văn Tùng lúi thúi bước ra trước khoảng trống thì tiếng la ó nổi lên. Trên bàn “quan tòa” một người mặc sắc phục bộ đội nói giọng bắc cầm cái loa- cái loa pin có lẽ tịch thu được từ ty sở nào đó của Đôn Luân – lớn tiếng nói:

– Như tôi đã nói vừa rồi, từ nay đồng bào không còn sợ gì nữa. Đảng và nhà nước ta sẽ dẫn tổ quốc ta trên con đường chiến thắng vinh quang. Đế quốc Mỹ đang tháo chạy. Ngụy quân đang tan hàng rã ngũ trước các mũi tấn công dồn dập của quân đội Nhân Dân anh hùng. Ngày giải phóng toàn bộ miền Nam không còn xa nữa. Bọn Thiệu Kỳ sẽ phải đền tội trước nhân dân. Đồng bào hãy mạnh dạn tố cáo những tên ác ôn từng hút máu mủ của đồng bào, những tên ngụy quân từng mổ bụng lấy gan người, những tên ngụy quân xẻo tai người đeo thành vòng trên cổ. Những tên ngụy quân ngụy quyền đã cướp bóc từ miếng cơm manh áo của đồng bào. Đồng bào hãy mạnh dạn tiếp tay chính quyền giải phóng để vạch mặt chỉ tên bọn chúng.

Ông ta nói khá dài, trong khi ở phía dưới những người bộ đội đeo AK đi đi lại lại hỏi thúc mọi người lên tố giác tội ác, vạch mặt chỉ tên ngụy quân ngụy quyền.

Một người đàn bà trung niên tiến ra nói:

– Thừa cách mạng, tên này tháng nào cũng ăn chặn tiền lương của chồng tôi.

Có tiếng đập bàn:

– Trần Văn Tùng đã nhận tội chưa?

Trung sĩ Tùng lí nhí nói:

– Chồng bà ta mua thiếu chịu, yêu cầu tôi trừ vào lương, lúc nào cũng có biên nhận.

– Ngoan cổ. Trong đồng bào đây, ai từng bị tên Tùng trừ lương mạnh dạn giơ tay lên. Mà thấy không? Mà ăn chặn tiền lương của biết bao nhiêu người. Mà nhìn xem có biết bao nhiêu cánh tay giơ lên. Đồng bào có đồng ý phải dành cho tên trung sĩ ngụy Trần Văn Tùng một bản án đích đáng để làm gương không?

– Đồng ý. Đồng ý.

Ông cán bộ ngồi xuống quay sang nói với ba bốn ông đang ngồi cạnh rồi đứng dậy đồng dục:

– Chiếu theo nguyện vọng của toàn thể đồng bào huyện Đôn Luân, chiếu theo nghị quyết của tòa án nhân dân huyện Đôn Luân:

– Xét rằng tên Trung sĩ Trần Văn Tùng đã âm mưu toa rập với bọn gian thương bóc lột hút máu mủ đồng bào.

– Xét rằng tên Trung sĩ ngụy Trần Văn Tùng đã sống trên xương máu của đồng bào,

– Nay tuyên án tử hình.

Bản án tử hình làm tôi rùng mình, một cảm giác lạnh buốt chạy dọc xương sống. Một viên Trung sĩ chỉ vì thu góp tiền mua chịu ăn thiếu mà bị tử hình thì tôi lãnh án cỡ nào? Khi hai người bộ đội lôi xềnh xệch trung sĩ Trần Văn Tùng vào phía sân khấu thì tôi nghe tiếng nói lớn:

– Điều tên Trung Úy Đỗ Lệnh Dũng ra.

Tôi chưa kịp đứng thì hai người có lẽ là du kích mỗi người chop lấy một bên vai đẩy tôi chúi ra phía trước. Tôi nghe tiếng ào ào từ phía dân chúng. Họ vẫn chưa hết bàng hoàng về cái án tử hình “Trời đất có dzậy mà tử hình” “Mạng người chứ bộ...” “Tui nói là cách mạng dữ lắm mà, nghiêm lắm mà...”

Viên cán bộ đập tay xuống bàn và phía sau đám đông một tràng AK nổ ròn như muốn thị uy khiến mọi người không dám bàn tán nữa. Tôi đứng đối diện với các “quan tòa”. Ánh đèn măng sông khiến mặt họ tái nhợt. Không hiểu động lực gì – Có thể là từ suy nghĩ cảm chắc cái chết trong tay – Tôi bình tĩnh lạ lùng, tâm hồn thư thả và thậm nhủ dầu sao tôi cũng là sĩ quan, là cấp chỉ huy không thể để kẻ thù uy hiếp ! Mãi về sau này kiểm điểm lại về thái độ “tiểu tư sản” đó, tôi vẫn tự cười mình. Nhưng lúc đó là như vậy. Viên cán bộ nói tràng giang đại hải những gì là “đầu sỏ ngụy quân” là “tay đã nhúng vào máu” là “tay sai của đế quốc Mỹ”. Nhưng khi dân chúng được yêu cầu lên tố khổ thì mọi người yên lặng. Những gì xảy ra cho trung sĩ Trần Văn Tùng vẫn còn làm cho người dân Đồng Xoài bàng hoàng. Người đàn bà lên tố khổ hẳn không bao giờ biết đến bạo lực cách mạng. Chỉ vì tức giận ông chồng ăn nhậu ghi sổ, bà ta đã khiến một người lãnh án tử hình, một chuyện không thể xảy ra dưới thời Ngụy, dưới chế độ cũ. Viên chánh án vẫn lớn tiếng kêu gọi và tôi nghe loáng thoáng ở phía sau là lời hối thúc của du kích, bộ đội, động viên tinh thần

dân chúng.

Một người đàn ông bước ra. Tôi không biết đã gặp ông ta ở đâu, chỉ nhớ mãi mãi. Ông ta khúm núm nói:

– Ông Trung Úy này không hại đồng bào. Ông ta dạy học và lo lắng cho học trò nhiều lắm.

Từ trong đám đông mấy em nhỏ có lẽ là học trò tôi la lên:

– “Thầy Dũng tử tế lắm,” “Thầy Dũng phát sách bút cho tụi em”.

Những tiếng thầy Dũng làm tôi xúc động đến tận tâm can và tôi chợt nhớ người đàn ông đứng trước mặt là phụ huynh của cô học trò có lần máu mếu không được đi học vì phải ở nhà giúp cày cấy. Tôi đã phải nhờ một nghĩa quân đến giúp gia đình này để em có thể đến trường. Tôi đứng đó yên lặng nhìn người đàn ông can đảm và thấy lòng mình ấm lại.

Viên cán bộ đứng day sau cái bàn phủ khăn giờ hai tay ra hiệu cho mọi người im lặng. Anh ta nói:

– Cách mạng luôn công bằng. Nhân dân luôn sáng suốt. Xét rằng tên trung úy ngụy Đỗ Lệnh Dũng tuy đã làm đường lạc lối nhưng còn có thể giáo dục để hắn trở lại với hàng ngũ nhân dân, tôi đề nghị đưa tên này đi học tập cải tạo để có thể trở thành một con người tốt.

Màn bi hài kịch Tòa Án Nhân Dân là như vậy. Trần Văn Tùng bị xử chưa quá mười phút. Đỗ Lệnh Dũng cũng chỉ độ mười lăm phút là cùng. Sau này trong trại tù, tôi kể lại câu chuyện khó tin này với vị thẩm phán già và ông cụ gặt gù:

– Ông may mà thoát chết chứ nếu họ sửa soạn kỹ hơn, có bài bản hơn, e rằng xương ông đã mục từ lâu rồi. Nếu đúng là phiên tòa Nhân Dân như trong phong trào đấu tố 1954, họ sửa soạn kỹ lắm, từ cáo trạng, từ người lên đấu tố để được học tập kỹ càng. Phiên tòa có lớp lang và có khi kéo dài cả tuần lễ. Nghe ông tả thì không khí đấu tranh trong phiên tòa hời hợt quá. Một là họ vội vàng trong việc thị oai, biểu diễn với dân chúng. Họ chỉ mới chiếm Đồng Xoài chưa đầy một tháng. Hai là mấy anh ngồi bàn chánh án không phải là công an thứ thiệt, công an chuyên ngành mà là mấy ông lính, ông bộ đội. Ba nữa là dân Đồng Xoài chưa quên chế độ cũ của Miền Nam...

Tôi không rõ lời bình giải của người bạn tù già có đúng chẳng nhưng đối với tôi phiên tòa đúng là một màn kịch dở. Cái màn kịch dở này đã khiến trung sĩ Trần Văn Tùng trở thành vật hy sinh tế thần, và tôi được hứa sẽ cho đi học tập để được giáo dục thành người tốt.

Tôi bị lôi ra khỏi đám đông và người du kích dẫn tôi trở về ngôi nhà trống bảo ngồi đó chờ. Chờ quái gì đây? Chỗ đó khá xa với chợ, tôi chỉ nghe tiếng ồn ào vọng lại. Khoảng một giờ sau tôi thấy họ dẫn Chuẩn úy Kiệt vào. Nhìn thấy ông Kiệt tôi thật mừng, hỏi khê

- Nó xử ông làm sao?
 - Nó bảo gửi tôi đi học tập.
 - Gửi đi học tập gì, ở đâu?
 - Ông nội ai dám hỏi. Mẹ kiếp, đến đâu thì đến.
 - Ông Đức bị gì?
 - Ông ta bị giao cho công an xử lý!
 - Tức là đi tù à, bị giam à?
 - Đâu biết
 - Có ai bị tử hình chẳng?
 - Chỉ mới có ông Trung sĩ Tùng. Sau này có ai bị nữa không thì không biết.
- Và ông Kiệt hỏi lại tôi câu hỏi tôi đã hỏi ông:
- Học tập cải tạo là cái gì vậy?

Đây là lần đầu tiên chúng tôi nghe đến danh từ Học Tập Cải Tạo. Nhưng tôi và ông Kiệt không được cái hân hạnh đi học tập cải tạo ngay mà phải chờ đến một năm sau. Chỉ có điều tôi không bao giờ nghĩ là tôi đã học tập trên một thập niên mà vẫn không trở thành người tốt của chế độ như lòng kỳ vọng của các chánh án trong phiên Toà Án Nhân Dân gần gũi ở chợ Đồng Xoài.



CHƯƠNG 8



Ông Chuẩn úy Kiệt và tôi bị tách ra ngay buổi tối hôm đó. Họ dẫn ông ta đi đâu? Tôi chờ vợ trong căn nhà, lúc nào cũng có du kích ôm AK đứng ở cửa. Phải đến mãi sau này tôi mới nghiệm ra rằng khoảng hơn một tuần lễ bị nhốt ở Đồng Xoài là thời kỳ “hạnh phúc” nhất trong hơn một thập niên tù tội của tôi trong cả chục trại tù khác nhau từ Bắc chí Nam.

Khi thì lương khô, lúc thì cơm nóng, tôi được ăn mỗi ngày hai bữa và nhất là không ai hành hạ hoặc hỏi han gì. Ngay cái chuyện được ăn cơm gạo trắng cũng đáng suy nghĩ. Có thể Đồng Xoài chỉ mới lọt trong tay họ chưa đầy một tháng nên thóc gạo còn đủ để nuôi thêm cả thứ tù tôi như

tôi chẳng? Câu nói đầu lưỡi của dân chúng miền Bắc là ” hạt gạo cắn làm đôi “. Nửa là để ăn còn nửa là để tiếp tế cho chiến trường miền Nam. Nhưng hình như đôi khi một hạt gạo cũng không có mà cắn!

Thú thật đầu óc tôi trống rỗng không suy nghĩ được gì. Kỹ thuật đối phó với tù binh là không cho biết đương sự biết cái gì xảy ra vào ngày mai. Những người du kích, bộ đội và ngay cả chính trị viên không bao giờ nói năng gì với tôi cả. Một đôi lần tôi hỏi bao giờ cũng được câu trả lời y như nhau “chờ cấp trên quyết định”. Tôi nghĩ chính họ cũng không biết tôi sẽ được “điều” đi đâu chẳng?

Hai bàn chân tôi đã dệu xuống, không còn bị sưng đỏ nữa. Và quai hàm cũng không còn hành hạ tôi như mấy hôm đầu. Từ trong căn nhà đóng cửa im ỉm, những tiếng động của sinh hoạt hàng ngày từ ngoài đường vẫn vọng vào. Có người dân Đồng Xoài nào biết cái căn nhà bên vệ đường rất bình thường này trở thành nhà giam?

Một buổi sáng rất sớm, trời còn mù mờ, một người bộ đội bước vào bảo: “anh sửa soạn đi”. Tôi có gì để sửa soạn. Vậy mà cũng phải mất mười phút sau tôi mới xong. Tôi đã vớ được một cái mùng cũ mềm ngả màu nâu và rách tả tơi. Tôi xé nó ra và quấn vào chân. Người lính bên kia đứng đó nhìn tôi chờ đợi không nói nửa lời. Đi được đâu độ bốn năm căn nhà, tôi thấy Chuẩn úy Kiệt đứng với một người mặc bộ đồ màu cứt ngựa. Đây là lần chót tôi rời khỏi Chi khu Đồng Xoài và sẽ không bao giờ trở về nơi đó nữa để thấy lại đất đỏ, cây cao su, những căn nhà lụp xụp và nhất là những khuôn mặt câm nín của người dân, những người chưa đủ thấm chính sách của Đảng và Bác để xấu hổ đứng lên buộc tội ác cho Ngụy quân như tôi và ông Kiệt.

Có những điều có thể hiểu được nhưng có những điều trái khoáy đến không ngờ. Áp tải hai sĩ quan Ngụy là hai người bộ đội, sau này tôi mới rõ một là bảo vệ viên và một là cán bộ. Bộ đội và cán bộ khác nhau ra sao về cấp bậc tôi không rõ nhưng cán bộ là người chỉ huy, là người quyết định. Chúng tôi lằm lũi đi trong sương sớm hướng về rừng, không ai nói với ai câu nào, người cán bộ đi trước, hai đứa tôi ở giữa và người lính đi sau. Đến cỡ độ khoảng bốn năm giờ chiều chúng tôi tới một buôn Thượng. Hai đứa tôi bị trói dưới gầm một căn nhà sàn . Người bảo vệ viên còn rất trẻ có lẽ cũng mệt phờ sau một ngày lội bộ ôm súng dựa vào một cây cột gần đó. Tên anh ta là Cam, nhìn tụi tôi và bỗng hỏi một câu làm tụi tôi ngớ ra:

– Sao các anh nhiều tiền vậy?

– Tụi tôi đâu có tiền, bao nhiêu nộp cho Cách Mạng hết rồi.

Anh ta vỗ vỗ vào cái ba lô cười:

– Tư trang của các anh ở đây chứ ở đâu.

Cái mà Cam bảo là tư trang sau này tôi mới rõ là tất cả các vật dụng cá nhân như đồng hồ, dây chuyền vàng, tiền bạc tôi móc ra đưa cho chính trị viên khi bị bắt. Lúc đó họ có lẽ khai ra và bắt tôi ký nhận. Ký nhận thì ký nhận nhưng tôi không bao giờ nghĩ là nay những thứ đó lại nằm ở trong cái ba lô chỉ cách tôi có vài sải tay. Ông Kiệt thông minh hơn tôi nhiều và hỏi ngay:

– Thế tụi tôi xài tiền đó có được không?

Anh ta ngần ngừ rồi bảo:

– Để em trình.

Đây là lần đầu tiên “hai phe” nói chuyện cởi mở với nhau và phe thắng lại xưng “em” nữa. Tôi nghĩ đó là phản ứng tự nhiên vì người lính canh giữ chúng tôi còn trẻ quá, đúng như sau này Cam thú thật mới có mười chín tuổi vào bộ đội được hai năm.

Khi Cam quay trở lại, khuôn mặt có vẻ tươi tỉnh hẳn:

– Cấp trên đồng ý nhưng các anh phải ký nhận.

Ông Kiệt nhanh như cắt:

– Tôi thấy ở đầu buôn có cái tiệm bán đồ anh mua cho tụi tôi được không? Có được quyền mua thuốc lá không?

– Hay để em dẫn các anh ra chỗ đó muốn mua gì thì mua, nhưng phải có giới hạn.

Khoản tiền của tôi và ông Kiệt khá lớn gần 40.000 đồng – lương tháng mới lãnh chưa kịp tiêu – và giấy 500 màu xanh tươi còn mới tinh. Tiệm bán hàng ở buôn Thượng này lèo tèo đến nỗi muốn mua cả tiệm chắc chỉ độ dăm bảy ngàn.

Tụi tôi mua được hũ kẹo linh kinh đủ thứ, sáu gói thuốc Ruby quân tiếp vụ đáng đã mồi meo. Khi trở lại chỗ giam nhà sàn, tôi bàn và ông Kiệt đồng ý ngay. Tôi phân mọi thứ ra làm hai phần và nói với Cam:

– Đây là phần anh và cán bộ, tụi tôi chỉ xin giữ một nửa.

Cam ngần ngừ bảo:

– Để em hỏi.

Khi quay trở lại, anh ta nói:

– Cấp trên không nhận.

– Vậy anh cứ giữ lấy chỗ đã chia cho tụi tôi vui.

Quả là không chỉ chúng tôi vui mà từ sau vụ phân chia sông phẳng này, Cam có vẻ cởi mở hơn. Tôi cũng chú ý quan sát và thấy rõ “cấp trên” không nhận phần chia thắng từ tụi tôi nhưng có lẽ đã được Cam đưa cho một cách kín đáo hơn. Suốt khoảng mười ngày gần gũi, mỗi khi đến chỗ nghỉ đêm, Cam trối chúng tôi lại, nhưng ngồi sát để nói chuyện. Đúng ra là hỏi chuyện. Chuyện Ngụy. Chuyện Sài Gòn. Chuyện ăn uống, tất cả chuyện gì có thể cho người lính trẻ tuổi một cái nhìn mù mờ về đời sống, sinh hoạt của phần đất anh ta đang hăm hở giải phóng. Từ Cam, chúng tôi lần đầu tiên được nghe chữ “Tem Phiếu” “Quốc Doanh” “Quản Lý Chặt” và dù Cam cố gắng giảng giải hai đũa tôi vẫn cứ ngó ra, không tưởng tượng được dân miền Bắc Chủ Nghĩa Xã Hội sống ra sao. Ngược lại Cam cũng nửa tin nửa ngờ về cái chuyện dân Sài Gòn nhà nào cũng có truyền hình, muốn mua gạo trắng, gạo thơm thì cứ ra tiệm gạo mà mua, mua bao nhiêu cũng có. Cam lắc lắc cái đầu khi được biết người dân miền Nam muốn ở đâu thì ở không cần trình với Công An và khi nghe nói về con gái Sài Gòn thì cười tỏ mở. Cam đã yêu cầu tôi cho xem chiếc đồng hồ “hai cửa sổ”- và tôi ngó người ra cho đến khi được giải thích. Cam tối nào cũng lôi cái đồng hồ có dạ quang ra mân mê ngắm nghía. Khi tôi bảo tôi sẵn sàng biếu anh ta cái đồng hồ đeo tay đó thì anh ta nhìn tôi tròn mắt ngạc nhiên. Sau này tôi vẫn tiếc không thể cho Cam, Nhất là khi chiếc đồng hồ Seiko đó bỗng biến hình thành một cái đồng hồ quái quỷ gì đó của nước Xã Hội Chủ Nghĩa anh em. Nhưng đó là chuyện sau.

Tôi đã thì thầm với ông Kiệt mưu chiêu hồi Cam, nhờ anh ta dắt đường trốn nhưng suy đi tính lại, chúng tôi thấy giải pháp đó không tưởng. Thứ nhất liệu Cam có dám đào ngũ theo tụi tôi? Nếu Cam đồng ý, liệu anh lính Bắc Việt non choẹt đó có thông thạo địa hình địa vật để thoát? Nhưng cái đáng sợ nhất là chân của tụi tôi. Sau mấy ngày lội bộ trong rừng, chân chúng tôi như chân người khác lết không nổi. Mỗi bước là một cực hình cho đến nỗi có lần ông Kiệt ì ra không đi nữa khiến cả bọn phải ngủ lại giữa rừng.

Tôi thấy rõ người cán bộ thành thạo đường đi và biết phải đi bao lâu trong ngày thì có chỗ có thể cho nghỉ ngơi. Có hôm tụi tôi bị đánh thức từ bốn giờ sáng để lên đường nhưng có khi tới gần trưa mới khởi hành. Lần nào cũng vậy cỡ mặt trời vừa lặn là đến đúng ngay chỗ có thể ngủ lại, lúc là buôn Thượng, khi thì là một trạm liên lạc, khi thì là mộ cái “láng “. Đây là tiếng gọi của những người vượt Trường Sơn, chỉ một chỗ dừng chân có lều, có nhà tranh và có giường tre để ngả lưng, có nguồn nước để nấu nướng. Tóm lại mọi lộ trình đã được lượng ước trước.

Hai đũa tôi đã trải qua hai ngày trong hoảng loạn khi nghỉ ngơi ở một cái láng mà tôi gọi là Láng Điện. Nó đã ám ảnh tôi và có thể còn tiếp tục ám ảnh tôi suốt đời.

Khẩu hiệu của binh sĩ Bắc Việt là “Nhỏ một trồng hai“. Nhỏ là nhỏ khoai nhỏ sắn. Khi nhỏ một bụi sắn, một dây khoai lên, lính Bắc Việt được lệnh trồng lại hai bụi để cho toán quân đến sau có cái mà ăn ! láng đa số chỉ trồng khoai và sắn, hoặc thêm một ít rau..

Khi tới Láng Diên, tụi tôi được Láng Trường “Chào Mừng” bằng một tràng AK chỉ thiên ròn rã, và một bài diễn văn:

– Địt mẹ mấy thằng Ngụy, Ông thì bắn chết cả nhà mày.

Sau câu chửi Láng Trường quay ngang súng chĩa vào tụi tôi như sắp sửa bóp cò. Hai người áp tải tù nhìn không can thiệp, lẳng lặng bỏ đi lo cơm nước. Chính ông Láng Trường thân chinh lôi tụi tôi lại chỗ gốc cây ở một gò đất cao và trống trải, trói tụi tôi vào đó, mồm thì lải nhải chửi. Trước khi bỏ tụi tôi lại ông Láng Trường còn lớn tiếng:

– Tụi mày mà rục rịch ông cho mỗi thằng một viên. Ông ở đây chín năm rồi không về Bắc chỉ vì tụi Ngụy nhà chúng mày

Lúc đó trời đã chạng vạng và tôi giật bắn người khi thấy có hai người lính mặc đồ và đeo phù hiệu sư đoàn 5 đang lui cui làm việc trong ruộng sắn. Họ đi botte de saut!

Khi Cam mang cơm cho tụi tôi, anh ta ngồi xuống bên cạnh nhỏ nhẹ:

– Hai anh đừng sợ. Thằng cha này được tuyên dương là anh hùng Trường Sơn vì thế là sẽ giữ lán cho đến ngày miền Nam giải phóng, mới về lại Bắc. Nó một mình giữ cái lán này chín năm trời, bộ đội qua đây đều biết nó. Rau và khoai sắn chỗ này lúc nào cũng nhiều, chắc nhờ đất tốt cũng có, nhờ nó chăm sóc cũng có. Có điều nó ở một mình lâu quá hóa rồ rồi.

Tôi hỏi:

– Sao có lính Ngụy ở đây?

– À, đó là hàng binh được cải tạo ít lâu rồi cho về.

Hàng binh? Như vậy họ khác với tù binh như tụi tôi. Hôm sau tôi được nói chuyện với họ – có lẽ có sự đồng ý của cấp trên ! Họ cho hay họ là lính, nhưng là lao công chiến trường. Đây là thành phần đặc biệt trong cơ cấu tổ chức của quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Những người này là đào binh bị bắt, là những người nhất định trốn tránh nghĩa vụ quân sự nhiều lần bị bắt. Họ bị tòa án xử phải làm Lao Công Chiến Trường, đi theo những những đơn vị hành quân để phục vụ việc vật, nhất là để khuân vác.

Họ cho hay là đã ra hàng và được liệt vào thành phần giác ngộ. Họ được cải tạo độ ba tháng và sau đó thả trở về với gia đình. Khi thấy tôi tỏ vẻ nghi ngờ, một người bảo tôi:

– Em nói thật với Trung úy, em không muốn cầm súng giết người. Em không theo Việt Cộng nhưng em cũng không thích đi lính Cộng Hòa. Em chỉ muốn yên thân làm ăn. Em đã bị đi lao động lần này là lần thứ hai. Lần trước em ra hàng, phải ở trong rừng học tập ba tháng, xong mấy anh ấy dẫn em về tới tận Gò Vấp, đưa cho em 2000 đồng bảo đi xe ôm về nhà. Lần này ra hàng,

em lao động ở đây hơn hai tháng, chắc sắp được về rồi.

Tôi hỏi:

– Các đơn vị qua đây có đông không?

– Em không được phép nói .

Tôi thấy rõ ngay là họ đã được sửa soạn trước nên không hỏi han gì thêm. Nhưng ông Láng Trưởng thì luôn luôn coi tụi tôi như món hàng để giải trí để phát tiết chín năm ẩn ức.

Nửa đêm đang ngủ tụi tôi choàng dậy vì đạn AK nổ đíếc tai. Ông Láng Trưởng cời trần trùng trục ôm súng chĩa vào hai đứa tôi chửi đủ thứ tục tằn và cuối cùng hét:

– Ông thì cho mỗi đứa một viên là xong đời nhà chúng mày. Vì chúng mày mà ông ở cái xó này chín năm chưa gần đàn bà. Ngủ chúng mày chỉ có đoàng một cái giống như ông giết con gà con chó vậy.

Tôi dựa vào gốc cây giương mắt nhìn ông ta trong ánh trăng và có cảm tưởng mình đang nhìn một con quỷ sắp lên cơn thêm máu. Tôi nghĩ “Nếu nó bắn thì kể như xong”.

Hai ngày trời bị trói ở cái gốc cây trên gò đất có lẽ ông Láng Trưởng phí với tụi tôi hơn một chục băng đạn AK và chi ra không biết cơ man nào ngôn ngữ đặc sệt của một người miền Bắc thất học, cái ngôn ngữ chanh chua đầu đường xó chợ tôi chưa được nghe.

Ông Kiệt nói với tôi:

– Chín năm chắc tôi cũng điên như nó.

– Nhưng nó là anh hùng Trường Sơn. Khi rời khỏi lán , tiếng AK và tiếng chửi vẫn đuổi theo tụi tôi một quãng khá xa. Không hiểu ông Láng Trưởng Anh Hùng Trường Sơn đó có thủ dâm không? Tôi mỉm cười về ý nghĩ này và dấm lấm vì trông ông ta béo nục nịch mà da thì xanh bủng, dấm là vụn đỏ hàng ngày.

Khi đi được một quãng khá xa, Cam nói với tụi tôi:

– Mình kẹt ở lán hai ngày vì vấn đề an ninh, các anh phải nhanh lên cho kịp thời gian.

Tôi cũng chẳng biết kịp thời gian để đến đâu và làm gì nên cũng chẳng hỏi lại. Bỏ lại đằng sau ông trưởng Láng Điên, tụi tôi lại được áp tải bằng rừng bằng suối cho đến một hôm bỗng thấy đang đi trên đường quốc lộ tráng nhựa hẵn hoi. Quốc lộ 1 thì phải vì tôi nhìn thấy một tấm bảng chỉ đường đã bị bắn bể nát nhưng vẫn còn nhận ra chữ Nam Vang và mũi tên chỉ hướng. Bộ tụi tôi được áp tải sang Miên, sang Cam-bốt?

Thỉnh thoảng dọc đường chúng tôi gặp một hai người dân. Họ tò mò thoáng nhìn hoặc cúi xuống hoặc quay mặt đi. Tôi thầm nghĩ chắc trông tôi và ông Kiệt thế thảm, không giống con giáp nào, đến nỗi những người dân cũng không muốn thấy chăng? Hay là họ không muốn nhìn cảnh sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa tả tơi hoa lá trong tay bộ đội Bắc Việt?

Chúng tôi không phải ngủ bờ ngủ bụi trong hai ba ngày. Tối đến chúng tôi ở nhà dân. Càng đi, tôi càng nghiệm ra, càng ngày dân chúng không còn tò mò, có lẽ đối với họ, chuyện tù binh chả có gì đáng để ý nữa.

Một lần ở trong căn nhà dân, chúng tôi được nghe chuyện tù binh Mỹ. Có thể những người trong nhà cố ý nói chuyện to để tụi tôi nghe thấy. Họ kể với nhau du kích mới bắt được ba biệt kích Mỹ. Ba người này “đầu tóc râu ria lông lá trông như con vượn” vì đã sống ở dưới hầm tối mấy tháng. Họ được người Stieng che chở, giấu ở hầm nhưng cuối cùng cũng bị lộ. Nghe nói họ có mấy truyền tin nhưng bị hư không cách gì sửa được. Tôi nhớ mãi câu nói của người đàn bà:

– Trông hai ông này còn đỡ chứ ba người Mỹ trông phát sợ. Y như mấy con vượn đầu tóc bù xù!

Chính tại căn nhà này tụi tôi chia tay với Cam. Anh ta rớm nước mắt bảo:

– Thôi, đến đây là hết nhiệm vụ của em. Hai anh yên tâm không sao đâu.

Ngẫm nghĩ thế nào Cam lục ba lô lấy ra một cái quần xà lơ đưa cho tôi:

– Em biếu anh cái này.

Tôi không khách sáo gạt đầu cảm ơn. Cảm tình nảy nở giữa Cam và chúng tôi có thể do những buổi tối ngồi tỉ tê và ông Kiệt là người tinh ý phát giác tất cả những điều tụi tôi mô tả miền Nam đã được Cam tường trình đầy đủ với cấp trên, bởi suốt dọc đường người cán bộ gần như không trực tiếp nói năng gì với tụi tôi và hình như anh ta lờ đi cho Cam “liên hệ”.

Người áp tải mới của tụi tôi nói giọng miền Nam đặc và hơi láu táu. Anh ta bảo:

– Các anh phải đi nhanh lên mới kịp trước khi tối.

Tôi không bao giờ nghĩ là tối hôm đó tôi lại được gặp đông đảo bạn đồng ngũ, các chiến hữu của tôi cũng từ tối hôm đó, tôi chính thức sống một cuộc sống của một tù binh chiến tranh.



– Tù mới. Tù mới.

– Ê, đơn vị nào vậy?

– Ê, bị bắt ở đâu?

Cả chục người nhao nhao khi hai đứa tôi bước chân vào căn nhà tranh tối tranh sáng. Chũ đúng là cái lán . Đó là những căn lán được dựng sơ sài, mái lợp bằng lá trổng quân. Như lời thuật lại thì lá trổng quân bền, không cháy. Lá to khoảng hơn bàn tay được kết thành từng liếp lợp mái. Tôi không biết tại sao cái lá này có tên Trổng Quân thơ mộng như vậy và cũng không biết có thật là lá đốt không cháy chẳng. lán được che bốn phía bằng phen tre hoặc có khi là các tấm liếp lá trổng quân rất đơn sơ và trổng trải. Trong các lán có hai dãy giường lát tre khá thấp giống như chõng tre tôi đã thấy hồi còn nhỏ ở vùng quê Bắc Việt.

Buổi tối đầu tiên, tôi và chuẩn úy Kiệt đã kể lại đầy đủ chi tiết về cuộc đời quân ngũ và trường hợp bị bắt cho anh em. Khi tôi hỏi có ai trong trại từng ở chi khu Đồng Xoài không thì không thấy. Tôi thầm nhủ ít nhất thì Thiếu Tá Khoái và Trung Úy Hùng đã thoát – hoặc đã chết. Tôi được nhường một chỗ trên cái giường phen tre và đêm đó tôi ngủ thẳng giấc. Phải chăng vì tôi đang ở giữa anh em đồng đội của tôi.

Tuần lễ sau đó là tuần lễ làm việc. Ba ngày đầu người hỏi cung tôi là người miền Bắc, đến hôm thứ tư thì có diễn tiến mới. Người hỏi cung là một người miền Nam và trong suốt một buổi, ông ta rất cởi mở, toàn nói chuyện Saigon, y như hai người cùng quê gặp nhau. Thấy tôi có vẻ dè dặt, ông ta cười:

– Anh cứ gọi tôi là Thầy Hai cũng được. Tôi là giám thị trường Văn Học ở đường Phan Thanh Giản. Anh có biết giáo sư Trần Bích Lan không? Ông Lan làm thơ bút hiệu là Nguyên Sa.

Và ông thầy Hai nhip gõ, hát nho nhỏ:

Nắng Sài Gòn anh đi mà anh chột mát
Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông
Tôi vẫn yêu màu áo ấy vô cùng

rồi hỏi tôi:

– Anh có thích bài Áo Lụa Hà Đông không? Tôi thuộc nhiều thơ Nguyên Sa lắm, thích nhất là câu: “Sáng nay Nga buồn như con chó ốm, như con mèo ngủ gật trên tay anh”

Khó mà tưởng tượng được ở giữa trại tù Lộc Ninh lại được nghe Áo Lụa Hà Đông.

Tôi cười:

– Tôi dốt, biết rất ít về văn chương Việt Nam nhưng có nghe danh giáo sư Lan và biết ông ta làm thơ hay lắm.

– Tôi làm giám thị gặp ông Lan hoài. Trông ông không có vẻ thi sĩ mà sao làm thơ hay quá trời.

Câu chuyện – đúng ra là cuộc hỏi cung – kéo dài suốt buổi. Chúng tôi nói về tiệm phở, tiệm hủ

tíu nào ngon, rạp ciné nào ngồi dễ chịu nhất, trường tư nào dạy giỏi và đứng đắn. Ông Thầy Hai cười rất tươi, cho hay:

– Tôi thuộc cục R chỉ công tác ít lâu rồi trở lại Sài Gòn. Anh yên tâm, người Cộng Sản không tàn ác như chính quyền Saigon tuyên truyền đâu.

Tôi nhận thấy ra rằng ông Thầy Hai này không gọi tôi là ngục quân, không gọi Việt Nam Cộng Hòa là ngục quyền và tôi cũng biết ông Thầy Hai như vậy là dân nằm vung, có lẽ được cấy từ lâu lắm.

Trước khi rời khỏi bàn hỏi cung, ông ta bảo:

– Anh chờ tôi một chút.

Sau đó, ông ta trở lại đưa cho tôi một đôi dép râu, chính đôi dép này đã cùng tôi trải gần chục năm hoạn nạn trong tù. Khi trở lại lắng mọi người xúm lại và ai cũng ngạc nhiên khi nghe tôi kể về ông Thầy Hai!

Ba ngày sau đó, ông Thầy Hai liên tục “làm việc” và những điều ông ta hỏi làm tôi suy nghĩ rất nhiều. Ông ta không hỏi han đề cập gì tới Phước Long, nơi tôi rành rẽ nhất mà hỏi về trường Bộ Binh Thủ Đức, hỏi trường có bao nhiêu trạm gác, ngoài sinh viên sĩ quan thì lực lượng hữu cơ bảo vệ quân số cỡ nào. Ông ta hỏi về Biên Hòa, về Bình Dương và về Tổng Tham Mưu. Khi tôi nói tôi không biết gì về Tổng Tham Mưu thì ông ta cố gắng, chẳng hạn bạn bè có ai nói về Tổng Tham Mưu chẳng? Suốt ba ngày trời những câu hỏi tới tấp như vậy được đưa ra đến nỗi anh em tù binh khi bàn tán đều nghĩ đối phương đang cố khai thác tin tức để bao vây hoặc tấn công Saigon.

Sau này nghĩ lại, tôi thấy chúng tôi quả là ngây thơ vì có rất nhiều anh em bàn phải làm sao thông báo tin tức này về cho phe ta để phòng! Hình như ai cũng nghĩ đến chuyện trốn trại nhưng không ai thực hiện cả. Mọi sự xem ra rất lỏng lẻo vì trại không có rào kiên cố nhưng xung quanh toàn là bộ đội. Lắng tuy không có cửa nhưng buổi tối chúng tôi được lệnh không được bước ra ngoài hè nếu có việc cần kíp thì phải hô to, chẳng hạn như:

– Báo cáo Giải Phóng tôi muốn đi cầu.

Lúc nào cũng vậy, có tiếng AK lách cách cùng tiếng đáp: “Ra đi”. Sau đó là một người lính võ trang áp tải đương sự đi ra phía cầu tiêu. Chúng tôi biết đây là tỉnh Lộc Ninh nhưng không rõ đích xác vị trí của trại tù. Một khía cạnh tâm lý nữa là có thể có trao đổi tù binh. Sau hiệp định Paris, báo chí đã đăng tải về các vụ trao đổi này và chúng tôi đều biết địa điểm trao đổi là Lộc Ninh. Anh em xầm xì bàn tán tại tôi được tập trung ở đây có thể là tiện cho việc trao đổi tù binh chẳng? Một sĩ quan cấp Đại Úy – tôi quên tên ông ta – đã từng ở Côn Sơn cho hay hiện Việt Nam Cộng

Hòa còn giam giữ cả chục ngàn cán binh Cộng Sản và nếu một đổi mười phe ta vẫn có dư!

Khoảng một tuần sau, họ dẫn vào một tù binh và tôi bật ngửa khi nhìn thấy ông Chuẩn Úy Vân, người giữ một trung đội địa phương quân lo bảo vệ quận đường hồi đó ở Đồng Xoài. Vân nhìn thấy tôi và ông Kiệt cũng ngỡ ngàng không kém – “Tôi tưởng hai ông thoát”. Vân cho hay anh bị bắt ngay tại chợ khi bắn hết đạn. Anh được bắt giam cả tháng rồi bị dẫn về đây. Tôi hỏi thăm về Thiếu Tá Khoái và các sĩ quan khác thì Vân lắc đầu:

– Tôi bị giam một mình trong căn nhà không biết gì về ông quận và các sĩ quan khác. Lạ Trời họ thoát được.

Tôi cũng chỉ còn biết lạ Trời như ông Vân thôi. Tù binh chúng tôi được đối xử tử tế, ăn uống tất nhiên kham khổ nhưng không khác lắm so với bộ đội Cộng Sản. Trại có một lều nhỏ được gọi là bệnh xá nhưng thuốc men tất nhiên là không có và người phụ trách xem ra cũng rất lơ mờ về y khoa. Một người tù bị thương ở chân, vết thương làm mủ khi lên bệnh xá thì được đưa cho một bát muối để rửa và hai cuộn băng.

Hôm sau anh ta xin thêm băng thì bị mắng xối xả. Anh ta không hề được dặn trước là khi thay băng thì phải đem giặt cẩn thận để xài lại và theo tiêu chuẩn, mỗi người chỉ được phát hai cuộn mà thôi!

Cái đáng để ý nhất là cách xưng hô. Chúng tôi được lệnh gọi tất cả bộ đội là “Anh Giải Phóng”. Không lẽ đến giờ phút này của cuộc chiến họ vẫn muốn chúng tôi tin đây là cuộc nổi dậy của dân chúng miền Nam chống lại chính quyền miền Nam và Hà Nội không liên hệ gì đến những chuyện xảy ra ở miền Nam? Muốn hiểu sao thì hiểu, chúng tôi khi nói chuyện với họ bao giờ cũng bắt đầu bằng câu “Báo cáo Anh Giải Phóng” dù người đối diện già hay trẻ, Nam hay Bắc. Suốt gần hai tháng ở trại tù binh, có một lần báo động làm anh em chúng tôi mừng húm. Đang tự nhiên, chúng tôi bị lừa vào trong nhà, cấm ồn ào, cấm cả hút thuốc và có lệnh rõ ràng hễ ra khỏi lán là bị bắn. Cuộc báo động kéo dài suốt buổi chiều cho đến hết đêm nhưng sáng hôm sau lại sinh hoạt bình thường. Mỗi người một giả thuyết, chúng tôi bàn loạn cào cào và có lẽ chẳng lời bàn nào đúng cả!

Một hôm chúng tôi được lệnh đi chặt tre. Xung quanh nơi đây nhiều rừng tre, loại tre già đốt dài và lớn. Lệnh rõ ràng là chặt tre từng đốt, phải giữ hai mắt ở đầu. Không anh em nào hiểu tại sao. Vài hôm sau, mấy người khỏe mạnh nhất được gọi ra trước một đồng các cuộn dây xích. Dù loại, có cuộn thì mảnh và mắt rất nhỏ, có cuộn khá lớn mắt xích to và nặng. Họ được lệnh chặt các cuộn dây ra thành từng đoạn dài cỡ một sải tay. Anh em lại bàn tán um xùm trong đó tôi còn nhớ có anh bảo:

– Đây chắc là để làm mìn muối xử dụng khi tấn công Saigon!

Một lần nữa chúng tôi lại thấy rõ sự ngây thơ của mình, vì chúng tôi không bao giờ nghĩ được công dụng đích xác của các ống tre và sợi xích. Đó chính là những vật dụng để cho bản thân chúng tôi xử dụng trên con đường Trường Sơn ngút ngàn.

Tổng cộng số tù binh ở bốn lán xấp xỉ hai trăm, đều là sĩ quan cấp úy. Đa số chúng tôi thuộc Quân Đoàn Ba trú đóng ở các tỉnh Biên Hòa, Bình Dương, Tây Ninh, Phước Long, Bình Long... tức là những tỉnh ở phía Tây Saigon. Chúng tôi bàn tán đủ kiểu về số phận của mình. Những viễn ảnh vô cùng hoang tưởng cũng đã được vẽ ra như Biệt Kích Dù có thể nhảy xuống cứu. Có người còn bàn đến chuyện chúng tôi có thể chết vì không lực Việt Nam Cộng Hòa sẽ dội bom ngay xuống trại tù. Giữa hai viễn ảnh cực đoan đó là niềm hy vọng trao đổi tù Binh.

Tôi ở trại hơn một tháng thì chuyện chặt tre thành đốt giữa hai mắt xảy ra. Các đốt tre được xếp thành đống ở giữa sân cùng những đoạn giây xích sắt đã được chặt ra thành từng khúc. Một buổi sáng khoảng mười giờ, hai chiếc xe tải lớn ị ạch chạy vào khu đất trống ở sát trại. Chúng tôi được lệnh tập trung và mỗi người được phát một cái ruột tượng bằng vải khá dày, không hiểu để làm gì. Lính Bắc Việt đứng thành dãy, súng AK, mũ tai bèo, dép râu trông tẻ chĩnh hảnh so với mọi hôm. Tù binh được lệnh hai hàng xếp thành một dãy dài từ từ đi về phía hai chiếc xe tải.

Hai chiếc xe tải chở gạo bà con ơi. Những người lính đứng trên xe tỏ ra rất thạo việc. Họ dùng một cái phễu rất lớn, gạo được trút vào các ruột tượng, không một chút nào vương vãi ra đất. Từng người chúng tôi tiến đến, căng miệng cái túi vải dài thông lòng đó ra hứng gạo. Gạo trắng tinh, thơm phức, có lẽ còn ngon hơn thứ bán ở các cửa hàng gạo Saigon. Tôi nghe một người lính Bắc Việt nói với một anh lính Bắc Việt khác "Tiên sư chúng nó. Gạo này ngoài Bắc khối mà có". Phải đến vài tháng sau, khi đã thực sự sống trong cái nôi của xã hội chủ nghĩa miền Bắc tôi mới thực sự hiểu được câu chửi thề bằng quơ này.

Tôi ước lượng mỗi cái ruột tượng đầy gạo này nặng khoảng mười lăm ký. Việc phát gạo kéo dài khoảng hai tiếng thì xong. Chúng tôi lại được lệnh sắp hàng lần lượt trở về lán với cái ruột tượng đầy gạo choàng qua vai. Anh em xì xào bàn tán lờ mờ hiểu chắc sắp có chuyện xảy ra.

Sau đó chúng tôi được phát mỗi người một đôi dép râu, một tấm ni lông mỗi chiều độ hai mét, một bộ quần áo, một cái bát sắt và một đôi đũa. "Kiểm kê" đầy đủ xong lại có lệnh sắp hàng hai tiến ra sân. Lần này mỗi người tù lãnh một đốt tre do chính chúng tôi chặt từ mấy hôm trước, chỉ có một đầu ở một ống tre đã được dùi một lỗ và được nút lại bằng một cái nút gỗ. Mỗi người được phát một khúc dây gai khá dài. Một cán bộ hướng dẫn chúng tôi cột ống tre để có thể đeo vào người ra sao. Sau đó, chúng tôi được lệnh ra suối lấy đầy nước vào ống tre. Đến đây thì không còn ai nghĩ đến công dụng kỳ kỳ của các đốt tre. Nó chỉ giản dị là cái ống đựng nước thay cho cái bi đồng nhôm của lính Cộng Hòa. Vậy thôi!

Chúng tôi hôm đó được ăn cơm sớm và thức ăn hình như đậm đà, sổi lửa hơn mọi khi vì có thêm

món canh có lông bông tí thịt heo. Phải công bằng mà nói suốt những ngày tù ở Lộc Ninh chúng tôi không bị đói, cơm gạo lúc nào cũng no đủ. Ngoài mấy ngày đầu bị thẩm vấn, chúng tôi không hề bị đánh đập ngược đãi và nhất là không bị chửi rủa, bị lên lớp và bị học tập chính trị. Nội quy của trại khá sơ sài, chỉ có một điều duy nhất là không nên tìm cách trốn trại. Tôi vẫn nghĩ người Cộng Sản ngay lúc đó cũng chưa quyết định nổi số phận của chúng tôi và chuyện trao đổi tù binh vẫn có thể xảy ra hoặc là có thể sẽ phải trình diện chúng tôi với Hồng Thập Tự Quốc Tế chẳng hạn. Tôi có cảm tưởng chúng tôi được đãi ngộ cỡ đó chẳng qua vì đây là chỗ chuyển tiếp và nhất là chúng tôi vẫn chịu sự cai quản của quân đội Bắc Việt, chứ không phải là công an nhân dân như sau này. Chính tai tôi đã nghe những người lính Bắc Việt than với nhau rằng “tù ngục sướng quá!”

Xế chiều khi cơm nước xong, một cán bộ vào lán :

– Để động viên tinh thần các anh, các anh sẽ được chuyển trại, đường đi xa phải chuẩn bị tinh thần, phải tôn trọng kỷ luật. Chính ra các anh là tội phạm chiến tranh nhưng do lượng khoan hồng của các mạng, các anh đã được đối xử theo đúng quy chế tù binh Han-sin-ki. Nhưng cách mạng sẽ không nương tay cho những thành phần ngoan cố, ương ngạnh bất tuân kỷ luật. Hình phạt dành cho những thành phần này là không thể nhân nhượng.

Ông cán bộ này ăn nói khá lưu loát, nói ngắn gọn để rồi ông ta khuyên tụi tôi:

Các anh nên mặc hết quần áo vào người đi vì có thể sẽ lạnh lắm.

Lời khuyên này chỉ đúng có một nửa. Nửa còn lại mà ông ta không nói ra là dọc đường chúng tôi không thể thay quần được!

Sau khi mặc bộ quần áo bộ đội trông lên bộ đồ ngục tui tả hoa lá, mọi người được lệnh cuốn ruột tượng vòng qua vai, cột hai đầu vãi lại, đeo ống nứa, tẩm vãi ni lông gập thành dải quấn ngang bụng. Lúng túng một hồi cũng xong, kể cả cái chuyện làm quen với đôi dép râu. Tôi bỗng nhận ra tôi là người được biệt đãi nhất vì đã được ông giám thị Thầy Hai nằm vùng tặng đôi dép quí hóa này từ ngày mới ra nhập trại hơn tháng trước đây!

Kỹ thuật đối phó với tù của người Cộng Sản rất giản dị, sơ khai – chữ của ông Thẩm phán già là “primitif” – nhưng rất hữu hiệu và rất đáng sợ. Tù được lệnh trang bị đầy đủ, không bỏ lại gì trong lán và lũ lượt tập trung ở sân thành ba nhóm. Giữa sân là các khúc xích sắt được chính tù cắt ra từ trước và hai chiếc sọt lớn. Một người một trong mỗi nhóm được chỉ ra giữa sân, như vậy là ba người một toán. Họ xích chân từng người và sau đó ba đoạn xích được khóa liền lại với nhau. Tôi không còn được tì tề với ông Kiệt nữa mà bị khóa chùm với ông Đại Úy Bình và Thiếu Úy Quyền, một bị bắt ở Bình Dương, một bị ở Bình Long. Đại Úy Bình vẫn to con tốt tướng dù đã ăn cơm tù ba tháng trong khi Thiếu Úy Quyền cao nhòng khảng khiu. Nhưng bộ dạng bên ngoài đó

không phản ánh sức chịu đựng của con người.

Cái đáng sợ đầu tiên của sự giản dị là dây xích và ống khóa. Những thứ này có thể mua từ nhiều chỗ khác nhau của Ba Tàu đầu đó trong Chợ Lớn, có khóa Yale trông vô cùng chắc chắn, có khóa nội hóa trông rất mạnh mẽ, anh nào xui thì dây xích vừa to vừa nặng lết kéo ì ạch.

Khóa xong, họ cột bốn chiếc chìa khóa thành một chùm giao cho một người cán bộ giữ. Cứ như vậy từng chùm ba một, chúng tôi được lệnh chờ, và chẳng ai hiểu chờ gì cho đến khi nghe tiếng động cơ nổ. Một đoàn công voa hơn chục chiếc xuất hiện, mui vải kín mít.

Ông Quyền nói nhỏ với tôi:

– Chắc trên xe có tù nữa chứ bọn mình cần đểch gì đến cả chục xe.

Ông lại sai bét. Lũ chúng tôi chỉ được nhồi nhét trên ba xe, chỉ đủ chỗ đứng, còn những xe kia không có tù nào cả mà chở gạo.

Khi đã nhồi tù lên, xe được phủ vải dày kín mít và chỉ chừng vài phút sau chúng tôi như ngộp thở. Tám vải bố dày xem ra cũng trải qua nhiều trận mưa nên rách tả tơi, nhiều chỗ bị thủng nhưng không khí vẫn không lọt vào đủ cho tụi tôi thở. Sau này khi gặp tù cải tạo được nghe có một số được chở ra Bắc bằng tàu thủy và bị nhét dưới hầm tàu ngộp đến nỗi nhiều anh em bỏ mạng. Đối với người chiến thắng, sinh mạng của kẻ thua e không to hơn con sâu con kiến. Vả lại cuộc chiến đã khiến vài triệu người chết, thêm dăm ba tên ngụy nữa thì đã sao?

Cỡ nửa đêm, xe lăn bánh. Trời trong và qua những lỗ thủng, tôi thấy trăng lưỡi liềm. Quá độ nửa giờ lắc lư chắc vì băng đường rừng, bỗng chúng tôi thấy đang chạy trên quốc lộ. Một ông tù nói khá lớn cả xe cùng nghe:

– Trăng lưỡi liềm mặt lồm quay về Bắc vậy là mình đang đi về hướng Tây. Tụi nó chở mình sang Campuchia.

Vốn thiên văn học của ông bạn này không rõ đến cỡ nào nhưng không ai phản bác. Tôi cũng nghĩ nếu từ Lộc Ninh và đi trên đường nhựa thì chắc chắn đi sang Miên. Lắc lư hồi lâu, rồi chúng tôi cũng thu xếp để người này dựa vào người kia, mặc cho bánh xe đưa đẩy.

Trời hừng sáng, đoàn xe lại bắt đầu lắc, sóc dữ dội và chúng tôi hiểu quân ta lại vào rừng. Khi trời sáng hẳn, xe ngừng lại. Khi lên xe đã khó, lúc xuống xe còn khó hơn vì chúng tôi bị xích từng chùm ba người một. Tôi và ông Bình còn đang lóng ngóng thì ông Quyền đã nhảy tọt xuống làm hai đứa tôi nhủi theo ngã cong queo dưới đất. Tôi chợt nhận ra rằng số phận của tôi nay cột chặt với hai ông bạn này. Chúng tôi được lừa vào một khu rừng thưa. Đoàn công voa chui vào khoảng đất ở gần đó. Bộ đội Bắc Việt nhanh chóng lo ngụy trang đoàn xe bằng những cành cây nhỏ đầy lá. Ông Quyền có vẻ hay nói lại đưa ra lời bàn tán làm tôi cũng sờ sợ:

– Nếu phi cơ phe mình chơi bom giờ này chắc tôi với hai ông cũng tiêu theo.

Chẳng bao giờ có phi cơ phe mình léo hánh đến đây có lẽ vì còn bận đánh bom ở cả chục mặt trận khác chẳng? Vả lại phe mình còn đủ phi cơ để chơi được chẳng?

Tù được phát lương khô. Một cán bộ đồng dặc:

– Cắm đèn lửa, nấu nướng. Các anh mà để lộ mục tiêu là chúng tôi bắn.

Ngắn gọn rõ ràng và chúng tôi đều là lính trận nên hiểu rõ tiêu lệnh. Cả ngày hôm đó chúng tôi lại bó gối nằm trong rừng nhằm nhi lương khô. Ba đứa tôi dუმ lại dưới một gốc cây, bắt đầu cùng “khai lý lịch” để hiểu nhau hơn.

Thiếu Úy Nguyễn Bá Quyền trẻ nhất trong cụm, tốt nghiệp võ bị Đà Lạt, đời binh nghiệp chưa qua hai năm. Anh xung phong vào Biệt Động Quân chỉ vì “nhà tôi đủ thứ lính. Ông anh đi Bộ Binh, ông anh thứ nhì lái Trực Thăng, ông anh con nhà bác thì Nhảy Dù nên tôi chọn Biệt Động Quân cho nó khác”. Quyền bị bắt ở chân núi Tổng Lê Chân. Anh bùi ngùi nói:

– Tui bị bỏ rơi, ông ơi. Không phi pháo yểm trợ, và bị tụi nó chơi biễn người. Ít nhất thì cũng một chọi năm bảy, hỏa lực tụi nó lai lẩn mình nữa mới đau.

Cả trung đội của anh gần như chết và bị thương. Những người còn lại không ai còn lại một viên đạn.

Đại Úy Lương Văn Bình tiểu đoàn phó một tiểu đoàn Địa Phương Quân. Ông nguyên là lính Thiết Giáp lái xe tăng nhưng tính ngay thẳng không chịu bán xăng nên bị đì ghê quá bèn xin đổi và được chuyển qua coi địa phương quân ở Bình Dương. Cánh quân của ông bị phục kích và bình sĩ rối loạn. Ông Bình bị bắt khi cố thoát cùng hai người lính khác. Đại Úy Bình nhỏ nhẹ ít nói và sau này đã là gánh nặng cho cả hai đứa tụi tôi vốn nhỏ con hơn ông. Tôi còn nhớ khi được chặt cùm ở Yên Bái, ông rớm nước mắt, nắm tay hai đứa tôi nói:

– Trong tình anh em chiến hữu, tôi không cảm ơn hai ông nhưng nếu còn sống trở về, tôi sẽ kể lại cho vợ con tôi nghe những gì xảy ra để con cháu tôi hiểu thế nào là tình đồng đội. Không có hai ông chắc tôi bỏ xác giữa rừng rồi.

Lúc đó Quyền vẫn bông đùa:

– Ấy, Đại Úy sống thì em khiêng được chứ Đại Úy bỏ xác giữa rừng thì hai đứa em chắc suốt đời phải canh mồ đại úy.

Và Quyền cười cười chỉ mấy đoạn dây xích đã cột chặt quãng đời của chúng tôi trên “đường dây Ông Cụt”.

Khi nghe tôi khai về cuộc đời lính tráng, hai người đồng ngũ gật gù thông cảm. Đại Úy Bình bảo:

– Tụi mình thế cả, lúc nào cũng quân tử Tàu thối hoắc. Nếu tôi chịu đem xăng nhà binh bán vừa có tiền vừa yên thân, có khi còn lên lon nữa. Ông không chuẩn đi Mỹ ngay nên mới ở đây. Tụi mình đúng là Ngụy.

Chúng tôi bàn đi bàn lại vẫn không đoán nổi được đưa đi đâu, nhưng giả thiết được đưa qua giấu đâu đó trên đất Miên có vẻ đúng hơn cả.

Sẩm tối, chúng tôi lại được lừa lên xe Molotova. Xe chạy rất chậm, toàn đi đường mòn, có những lúc xe nghiêng muốn đổ. Mỗi lần như vậy đám tù người này đè lên người kia, í a í ới. Quá nửa đêm xe ngừng cho đám tù xuống để “thư giãn tinh thần”. Chữ nghĩa của miền Bắc rất lạ tai đối với chúng tôi, và ông Quyền là người phiên dịch ngay cụm từ này sang ngôn ngữ ngụy. “Tụi nó cho mình xả xú bấp”.

Xin ghi lại một chuyện cười ra nước mắt. Trên xe tôi có một ông bệnh kiết lỵ. Sau một hồi, anh em đã phải dàn xếp, giúp anh ta tụt quần xuống và cứ tồng ngồng ngồi ghé cặp mông ra xe để muốn “xả” lúc nào thì xả. Phân và nước tiểu theo gió tạt vào xe đánh hết người này đến người khác.

Mới đầu anh em còn xì nẹt nhưng chỉ một hồi sau anh bạn kiết lỵ cũng phải phì cười vì những lời bông đùa diều cọt của anh em. Chửi bới om xòm, diều đủ kiểu nhưng quả không ai giận dù phân và nước tiểu của anh ta bắn cả vào quần áo mặt mũi người đứng gần.

Đoàn xe không bật đèn đang ị ạch lẫn bánh trên con đường rừng khúc khuỷu thì dừng lại. Lính Bắc Việt leo lên xe chúng tôi cuốn chiếc mui vải lên. Đằng trước là một con sông lớn, trong cảnh mù mờ của rừng đêm, khó nhìn thấy bờ bên kia. Bộ họ muốn chúng tôi bơi qua sông à? Lính Bắc Việt nhảy xuống đi tới đi lui và một người đứng ở còng xe phía trước nói to cho đám tù nghe:

– Các anh phải cẩn thận, đừng chen lấn xô đẩy, hễ anh nào ngã xuống không ai vớt được đâu.

Từng chiếc một xe chậm chậm bò xuống sông. Hai người lính đi bộ cầm hai bó đuốc giơ cao dẫn đường. Một con đường đã được xây ngầm dưới mặt nước. Trước đây tôi vẫn băn khoăn không hiểu bằng cách nào Hà Nội có thể tung vào chiến trường miền Nam những vũ khí hạng nặng như xe tăng, đại pháo. Từ vĩ tuyến 17 vào đến Củ Chi chẳng hạn phải cỡ hơn ngàn cây số. Di chuyển một khẩu 122 ly, một cỗ 130 ly đâu phải dễ như một khẩu AK 47? Khi chen chúc lúc nhúc trên chiếc Motolova cà khập cà khiễng đến giữa sông, đám tù chúng tôi đều ngao ngán lắc đầu. Phi cơ Mỹ, phi cơ Việt Nam Cộng Hòa với những dụng cụ điện tử tối tân cũng khó phát hiện được cái cầu ngầm này.

Khi sang đến bên kia sông, cả một đoàn dài xe cộ đang chờ. Họ đi ngược đường với tụi tôi, vậy

có nghĩa là họ đang chuyển quân vào Nam. Tôi đếm đoàn xe hơn hai chục chiếc bọc vải kín mít và đáng sợ nhất là một đầu chiếc hỏa tiễn Sam. Thú thật tôi chưa bao giờ nhìn thấy mà chỉ đọc báo về loại vũ khí này của Nga, thấy nói nó trang bị bộ phận tầm nhiệt và có thể bắn lên cao cả ba cây số. Rất nhiều phi cơ đã bị Sam hạ. Chiếc hỏa tiễn Sam dài lòng thòng được tháo làm hai đoạn đang chờ vượt sông và biết đâu nó sẽ được bắn lên đâu đó ở tận đồng bằng sông Cửu Long. Ý nghĩ đó làm tôi rùng mình quên đi cả cái lạnh của núi rừng.

Quãng xế trưa xe dừng lại. Họ lừa tù binh vào một bãi cỏ khá rộng. Trời trong xanh không vẩn mây và nắng chói chang. Lũ chúng tôi vẫn còn ngây ngất ngây ngật vì bị nhồi xóc suốt đêm. Khi đang còn lao xao thì có lệnh tập hợp “hàng ngũ chỉnh tề” để nghe nội qui đường đi. Một cán bộ đứng trên một khúc gỗ cao lớn tiếng:

– Kể từ giờ phút này, các anh sẽ được hân hạnh đặt chân trên con đường nổi danh mang tên Bác. Đây là lúc các anh phải dẫn thân. Các anh phải đi trong hàng ngũ, anh nào toan rẽ ngang rẽ dọc sẽ bị trừng phạt, sẽ bị xử tử. Tôi nói rõ không có khoan nhượng. Mọi sai lệch, toan tính, bất tuân kỷ luật đều không được tha thứ...

Ông ta nói rất dài nhưng đối với chúng tôi thì cái tin chúng tôi được “dẫn thân trên con đường mang tên Bác” chỉ có nghĩa là chúng tôi sắp đi ngược đường mòn Hồ Chí Minh để ra Bắc. Thoáng từ đâu tôi nghe tiếng nói nho nhỏ trong đám tù – Xương Trắng Trường Sơn và Đường Đi Không Đến. Ông Xuân Vũ đi từ Bắc vào để viết hai cuốn ký sự vượt Trường Sơn nổi tiếng này.

Tôi và gần hai trăm anh em khác nay ngược Bắc, chỉ khác nhà văn là chúng tôi là tù và bị xích chùm ba. Liệu đường đi có đến chăng?



CHƯƠNG 9



Việt Nam Hậu 75

Lịch sử Việt Nam từng ghi lại những cuộc trả thù của kẻ thắng. Nguyễn Phúc Ánh khi lên ngôi đã đào mả Nguyễn Huệ, lấy xương sọ kẻ thù làm bô đi tiểu. Trước đó, Trần Thủ Độ chôn sống tôn thất nhà Lý theo chính sách nhỏ cỏ nhỏ cả rễ. Đó là đòn thù giữa một cá nhân với một cá nhân hoặc dòng họ này với dòng họ kia. Cuộc trả thù của người Cộng Sản đối với miền Nam tinh vi hơn, lâu dài hơn, thâm độc hơn, rộng lớn hơn và hậu quả có lẽ kéo dài nhiều thế hệ.

Người dân miền Nam đã thờ phào vì “hòa bình lập lại” và dấu sao thì “tắm máu” không hề xảy ra

như một số đồng văn lo sợ. Nhưng tuần trăng mật giữa chế độ mới và người dân của phía bại trận không kéo dài.

Người Cộng Sản đã có nhiều kinh nghiệm từ cuộc tiếp thu miền Bắc sau năm 1954 và kinh nghiệm của Trung Cộng, Nga Xô để đối phó với dân miền Nam.

Khởi đầu là đánh tư sản mại bản. Sau khi gom hết tài sản của người dân, biện pháp đổi tiền liên tiếp được tung ra để chắc chắn không còn ai giấu giếm gì được nữa. Quốc sách Kinh Tế Mới không có mục tiêu kinh tế mà chỉ đơn thuần là biện pháp hành chánh buộc người dân miền Nam, nhất là thị dân, phải bỏ nhà, bỏ cửa dán thân vào vùng đất hoang vu, cần cỗi.

Những biện pháp trên mới chỉ là mào đầu cho một kế hoạch rộng lớn hơn nhằm củng cố chế độ, đề phòng mọi chống đối có thể xảy ra bất chấp hậu quả đối với đại khối dân tộc. Bằng cách lấp lửng, người Cộng Sản đã lợi dụng lòng ngây thơ của quần chúng miền Nam, êm thấm lừa cả triệu người vào tù.

Ngày 3-5-1975, Ủy Ban Quân Quản thành phố Sài Gòn ra thông cáo buộc tất cả những ai còn giữ vũ khí phải đem nộp tại trụ sở công an. Lai rai sau đó là những thông cáo đầy vẻ khoan hồng.

Ngày 10-6-1975, Chính Phủ Lâm Thời thông cáo lệnh tất cả quân cán chính miền Nam ở những cấp bậc thấp – về phía quân đội là binh sĩ và hạ sĩ quan, phía chính quyền là những nhân viên thường dưới ngạch chủ sự, đốc sự phải đi học tập ba ngày.

Tuy hoang mang trước chế độ mới, tuy điều đúng vì chính sách đánh tư sản, thúc đẩy đi kinh tế mới, hoặc đi nghĩa vụ quân sự, thanh niên xung phong đối với những người trẻ tuổi, người dân miền Nam vẫn chưa được nghe đến danh từ cải tạo.

Ngày 20-6-1975, chính Tướng Trần Văn Trà ký một thông cáo yêu cầu tất cả sĩ quan quân đội miền Nam, tất cả đảng viên các đảng phái chính trị, tất cả các công chức cao cấp chủ sự trở lên của chính quyền miền Nam phải trình diện để đi học tập. Họ được yêu cầu mang theo giấy bút, mũm mền, thực phẩm, quần áo và tiền bạc đủ dùng trong mười ngày. Mọi người đều hiểu các thành phần trên sẽ phải học đường lối chính sách của chế độ mới trong mười ngày giống như những binh sĩ đã học tập ba ngày rồi được trở về lo cuộc sống mới trong một nước Việt Nam Thống Nhất.

Toàn bộ dân chúng miền Nam đã hiểu lầm và mười ngày đã kéo dài có khi hơn mười năm.

Đã có biết bao nhiêu người tự mình ôm chần chieu, mũm mền dán thân vào tù?

Theo con số chính thức của chế độ cầm quyền được công bố trên tờ Sài Gòn Giải Phóng, riêng tại Sài Gòn là 167,000 bao gồm sĩ quan các cấp, cảnh sát, chiêu hồi, viên chức chính phủ, đảng viên đảng phái chính trị. Các tổ chức như Ân xá Quốc tế và Aurora Foundation chỉ dựa vào những

còn số chính thức do chế độ công bố, ước tính tổng cộng hơn 300,000 người đã bị giam cầm trên toàn thể lãnh thổ miền Nam. Nhưng theo những ước tính khác quan khác, con số lớn hơn nhiều – khoảng trên 1,000,000 người.

Tỉnh Phú Khánh chỉ có 300,000 dân cư, nhưng có đến 12 trại tù giam giữ trên 50,000 người. Ngay sát Sài Gòn, tỉnh Đồng Nai có 12 trại gồm Trảng Táo, Xuyên Mộc, Xuân Lộc, Trảng Bom, Suối Máu, Phước Lễ, Long Thành, Long Giao, Hồ Nai, Gia Ray, Biên Hòa, Bà Rịa chỉ riêng trại Suối Máu có trên 6000 tù nhân.

Tù nhân được đưa vào những vùng đất hoang vu cằn cỗi, tự họ phải xây dựng lấy nhà tù trong những điều kiện khắc nghiệt nhất. Họ bị lao động khổ sai, bị đày đọa tới tận cùng về thể xác cũng như tinh thần. Chế độ mới tìm đủ cách để trấn áp, triệt tiêu mọi mầm mống chống đối có thể xảy ra. Người Cộng sản nhìn đâu cũng thấy kẻ thù và đối với họ toàn bộ dân chúng miền Nam là kẻ thù, là ngụy dân, là tay sai CIA, là kẻ tiếp tay cho đế quốc Mỹ trong cuộc chiến vừa qua.

Khác với miền Bắc, Cộng Sản dồn mọi nỗ lực vào chiến tranh, miền Nam từ sau năm 1954 đã xây dựng được một hạ tầng cơ sở tương đối vững chắc về kinh tế, giáo dục... Các chuyên viên ngành nghề đều được đào tạo nghiêm chỉnh, theo tiêu chuẩn cao. Khi lâm vào tình trạng kiệt quệ, Hà Nội đã mời Thủ Tướng Lý Quang Diệu sang để cố vấn vào năm 1979.

Ông Lý Quang Diệu từng đưa Tân Gia Ba từ một tiểu quốc lên thành một thế lực ở Đông nam Á. Câu trả lời của ông đối với Hà Nội là cả một ngớ ngàng – “Các ông không phải học đâu xa, học ngay miền Nam.”

Điều mà cựu Thủ Tướng Lý Quang Diệu quên mất là chỉ ba năm dưới chế độ mới, miền Nam không còn là miền Nam như ông vẫn biết. Tất cả chất xám hoặc đang bị tù không có ngày ra, hoặc đã vượt biên. Hạ tầng cơ sở kinh tế bị hủy hoại toàn bộ vì chính sách đánh tư bản mại bản và kinh tế kiểu xã hội chủ nghĩa. Thủ Tướng Lý Quang Diệu cũng không hiểu được dù cùng là người Việt, người Cộng Sản đã nhìn người dân miền Nam như kẻ thù và không bao giờ lại có thể tin dùng kẻ thù. Từ Bắc chí Nam, trại tù mọc lên như nấm, nhìn vào bản đồ lấm chấm như da beo khiến danh từ Bamboo Gulag đã được dùng để so sánh với quần đảo ngục tù ở Nga dưới thời Stalin.

Khi cả triệu quân cán chính miền Nam bị tù, gia đình họ bị đọa đầy, bị ruồng rẫy, bị đẩy ra khỏi mọi sinh hoạt xã hội. Người vợ nay phải đảm đương trách vụ chủ gia đình, nhưng lại không dễ kiếm được việc để sinh sống, con cái vì lý lịch hoặc phải đi nghĩa vụ, đi thanh niên xung phong, hoặc dật dờ ngoài đường phố vì chế độ không cho những đứa trẻ này cơ hội học hành nữa. Dù học giỏi đến đâu, nhưng với lý lịch xấu, con em ngụy quân, ngụy quyền không bao giờ lọt vào đại học.

Cuộc chiến đã khiến dân tộc Việt Nam chịu mọi tang thương và sau cuộc chiến tang thương vẫn tiếp diễn ở mức độ kinh hoàng hơn. Chính sách của Cộng Sản khiến hàng triệu người bỏ nước ra đi, hàng trăm ngàn người chết vì hải tặc, vì giông bão giữa biển khơi. Hơn nữa, chính sách trả thù đã xé dân tộc thành hai- một là người Cộng Sản hai là người dân, một là Bắc hai là Nam, một là đảng viên cán bộ nhà nước, hai là người dân thường; một là quan chức tham nhũng từ thượng tầng cơ sở trở xuống, giàu sụ và phía kia người dân đói rách.

Người Cộng Sản đã thắng trong ý đồ xâm chiếm miền Nam, đã tự hào là mũi xung kích của xã hội chủ nghĩa, đã hoàn thành nhiệm vụ quốc tế. Người Cộng Sản đã hãnh diện đánh lại ba thế lực ghê gớm nhất: phát xít Nhật, thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Một thành tích quên không nói đến là Cộng Sản đã thành công trong nỗ lực phá hủy văn hóa, chia rẽ dân tộc, biến Việt Nam thành quốc gia tụt hậu chậm tiến nhất thế giới, và chỉ một thời gian ngắn, đưa cả miền Nam vào các trại tù dựng lên khắp nước. Trong số tù nhân có trung úy Đỗ Lệnh Dũng, trưởng ban 3 chi khu Đôn Luân, kẻ đã lệnh đênh khắp các trại tù từ Bắc chí Nam suốt gần mười năm trời.



Đã có bao nhiêu người bỏ mạng trên con đường mang tên ông Hồ Chí Minh? Câu hỏi này không có câu trả lời giống như câu hỏi đã có bao nhiêu người chết trong chiến tranh do ông Hồ khởi xướng. Hà Nội chỉ nói đến vinh quang, đến thành tích và giấu biệt những thống kê không cần thiết. Tiêu chuẩn “đi ba đến một” đôi khi không đạt đến vì bom đạn, vì bệnh tật. Những thanh thiếu niên miền Bắc không bao giờ được biết những gì chờ đợi họ trên đường đi Nam ngoài những hình ảnh hào hùng thần thánh. Khi đi từ đèo Mụ Già ở đầu cực Bắc bắt đầu cuộc trường chinh mỗi người được phát một ký đường Cuba, một lọ kí ninh, một ít lương khô và được hứa hẹn đi đến trạm là có đủ mọi thứ cần dùng. Họ không bao giờ hình dung nổi cái hung hiểm của núi rừng, của muỗi, của sốt rét, của đói khát. Đây là chuyện của phía bên kia. Phía bên này, hai trăm con người bị xích từng chùm ba một, cũng không bao giờ tưởng tượng được những gì đang chờ đợi họ trong những ngày tháng tới.

Gọi đó là Đường Mòn Hồ Chí Minh, gọi là đường Dây Ông Cụt, gọi là Đường Trường Sơn nhưng sự thực đây là một hệ thống giao thông chằng chịt như mắt lưới bắt đầu từ Đèo Mụ Già Thanh Hóa ăn dọc theo rặng Trường Sơn, lúc thì băng sông, băng rừng già qua đất Lào, đất Miên, lúc phải lội núi ngút ngàn. Theo ước tính tổng cộng hệ thống giao thông này kể cả các nhánh và phụ lưu dài trên 5000 cây số. Có đoạn đường rộng như quốc lộ xe có thể tránh nhau, có đoạn hiểm hóc chỉ một người men theo được, một bên là vách núi dựng đứng một bên là vực sâu ngút ngàn.

Thiếu Úy Nguyễn Bá Quyền xuất thân từ Võ Bị Đà Lạt được đào luyện chu đáo hơn cái thứ lính bị động viên, thứ lính trừ bị như tôi nên có một kiến thức rộng và vững chắc về cuộc chiến. trong khi chờ ở khu rừng thưa để sửa soạn lên đường ông đã tỉ tê kể về con đường sắp tới cho tôi

nghe. Nó hiện hữu từ cuộc chiến tranh Việt Pháp. Ông Quyền hỏi tôi có biết bài thơ Tây Tiến không? Tất nhiên là không. Ông lẩm nhẩm đọc: “Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm. Heo hút cồn mây súng ngửi trời. Ngàn thước lên cao nghìn thước xuống...” Đọc xong ông bảo tiểu đoàn Tây Tiến sở dĩ cạo trọc đầu không phải là để “nêu quyết tâm” mà chẳng qua đa số bị sốt rét rụng hết tóc nên ông Quang Dũng mới viết “Tây tiến đoàn quân không mọc tóc “. Đến đây thì tôi biết biết một chút vì có nghe bài Đôi Mắt Người Sơn Tây và lần nào nghe Thái Thanh hát bài này tôi cũng có cái cảm giác tê tê lạnh lạnh. Ông Thiếu Úy Quyền cười cười bảo “Khi ông Quang Dũng viết: Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy. Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi. Chẳng qua là để mô tả bộ đội anh hùng vượt Trường Sơn sang Lào chết như sung rụng.”

Tôi nói:

– Thơ ông Quang Dũng hay thật. Thế sau này có bài thơ nào về đường mòn nữa không?

– Theo chỗ tôi biết thì không. Bài Tây Tiến được sáng tác từ đầu cuộc chiến tranh Việt Pháp, lúc đó tinh thần kháng chiến hùng hực và Cộng Sản chưa lộ diện một trăm phần trăm. Nghe nói sau này ông Quang Dũng bị phê là tiểu tư sản, là ủy mị và đội lên đầu cả chục thứ tội khác vì bài thơ Tây Tiến. Bây giờ là khẩu hiệu, là về làm gì có thơ. Thơ muốn hay phải có tự do ông ơi.

Đó là bài học vỡ lòng của tôi về con đường mòn nổi tiếng này. Ông Quyền bảo khi quyết định mở cuộc xâm lăng Miền Nam, Hà Nội có hai việc phải làm cho bằng được. Một là lập ra Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, hai là mở lại đường xâm nhập. Vào tháng 5 năm 1959. Hà Nội tung toán tiên thám đầu tiên lần mò tìm cách nối lại con đường mòn đã hiện hữu từ cuộc chiến tranh Việt Pháp. Chính vì vậy nó còn có tên con Đường 559. Mặt Trận Giải Phóng ra đời vào khoảng hơn một năm sau đó. Đại Úy Bình vốn ít nói đã hỏi câu hỏi mà hai đứa tôi chẳng biết phải trả lời thế nào:

– Đi bộ đường rừng đường núi từ đây ra Bắc mà xích thề này thì làm sao đi và bao giờ mới tới?

Tôi nhớ rất rõ sáng hôm đó chúng tôi bị khua dậy khi trời còn tối, chưa nhìn rõ mặt nhau. Cái lạnh ẩm đạm của rừng vẫn trĩu nặng như lời tôi xuống, như muốn xúi tôi nằm lì ra đó. Nhưng lính và cán bộ Bắc Việt vừa hối thúc vừa luôn mồm nói: “Nhanh lên không có không kịp”. Đây là câu nói chúng tôi sẽ nghe dài dài trên lộ trình đường vắng.

Sợi dây xích khóa chúng tôi lại thành từng chùm ba khiến mọi di động trở thành khó khăn. Từng người một, chúng tôi chia nhau ra ôm chỗ cái khóa ở giữa để nâng ba sợi xích lên mới có thể nhích lên được. Nói thì giản dị như vậy nhưng thực tế cho thấy không dễ dàng. Tôi xung phong đầu tiên nhưng chỉ độ nửa tiếng sau là cánh tay như muốn rụng xuống. Rồi đến ông Quyền, ông Bình nhưng cũng không hơn gì tôi.

Nhiều giải pháp đã được áp dụng trong đó hữu hiệu nhất là tìm cách đeo cái khóa lên bằng một

sợi dây choàng qua vai. Nhưng giây ở đâu ra bây giờ? Ông Quyền xoắn cái tấm ni lông lại luôn xuống phía dưới chỗ khóa, sau đó buộc vòng qua cổ. Cái xích sắt thòng lọng buộc cuộc đời chúng tôi lại một cách rất hiện thực. Ba đứa tôi không rời nhau quá ba thước. Khi ăn, khi ngủ, khi đi, khi đứng. Lúc ôm lúc đau và cả lúc đi cầu ! Đừng nghĩ đến lì mặc cho sợi xích kéo lê trên mặt đất. Thứ nhất là đi rất khó khăn. Thứ nhì là nếu sợi xích vướng vào đá, vướng vào gốc cây thì có khi cả ba người ngã chổng gọng. Đây là trong thời tiết lý tưởng, khô ráo. Nếu lại bị mưa dầm, lỡ bước vào quãng bùn lầy thì chỉ có nước khóc. Tóm lại cái óc sáng tạo của người Cộng Sản quả đã đạt tới mức tận cùng. với cảnh xích chùm ba, lũ tù chúng tôi không một ai nghĩ tới chuyện trốn.

Vì bị xích chùm như nô lệ thời trung cổ, chúng tôi không thể đi nhanh được. Hệ thống “xa lộ” chẳng chịt này đã được bố trí rất hợp lý. Chúng tôi nghiệm ra rằng cứ đi đúng một ngày đường là thế nào cũng đến trạm hoặc một nơi có thể nghỉ ngơi, có nguồn nước để nấu nướng. Mãi đến khi vượt hết đường mòn tôi mới rõ là trên con đường có cả một đội ngũ giao liên phục vụ và nói theo ngôn ngữ văn minh mà chúng tôi đang làm quen, họ là “chuyên ngành”. Mỗi người giao liên chỉ biết rõ khúc đường mình phụ trách từ trạm này đến trạm khác, biết rõ từ gốc cây đến hòn đá, biết rõ là nếu trời mưa thì nên đi kiểu nào, trời nắng ráo thì đi kiểu nào. Tôi đã có lần nói chuyện với một người giao liên trong dịp khi khuôn gạo ở hầm. Điều anh ta thuật lại làm tôi rùng mình. Trông không thể đoán tuổi nhưng sau một lúc anh ta xưng “em” thì tôi biết anh ta còn trẻ lắm – mới có hai mươi bốn. Bằng xung phong vào bộ đội giải phóng lúc mười tám tuổi nhưng trên con đường sinh Bắc tử Nam. Bằng không chết mà chỉ bị ốm, bị sốt rét, kiết lỵ và có thể cả chục thứ bệnh khác. Không hiểu sao và nhờ đâu, Bằng vẫn sống và khỏe trở lại nhưng đã lậm quá sâu trên đường dây không thể trở về Bắc được. Khi nằm dưỡng bệnh ở trạm, Bằng đã trở thành giao liên và ở lì đó suốt sáu năm, ngày ngày lo dẫn đường từ trạm này chuyển sang trạm kế, đi đi về về suốt từ lúc khỏi bệnh tới giờ này. Ngồi bên bờ suối, Bằng bảo:

– Các anh là đoàn tù lớn nhất từ trước tới nay qua trạm này. Trước cũng có nhưng chỉ độ ba bốn anh. Tương đối chừng hơn một năm an ninh nhiều hơn chứ trước đây...

Bằng ngồi trên tảng đá thông chân xuống dòng suối nhìn tụi tôi tòng ngồng tắm rửa. Được tháo xích để đi khuôn vác và sau đó được tắm rửa là một hạnh phúc vô bờ. Nhưng khi nhìn Bằng tôi thấy một nỗi buồn vô cớ tràn đầy. Người thanh niên Hà Nội hai mươi bốn tuổi đó tóc trắng như bông, khuôn mặt gầy guộc đã dấn thân vì những lý tưởng được tô vẽ hào nhoáng để rồi trở thành giao liên, suốt sáu năm trường chỉ biết có mỗi khúc đường rừng heo hút giữa Trường Sơn. Bằng đắm chiêu nhìn mấy đứa tôi bỗng thờ dài:

– Thà như các anh, đời cũng còn có lúc được sung sướng, ăn ngon mặc đẹp, gần bố mẹ anh em...

Tôi hỏi:

– Anh nói bây giờ an ninh?

– Chứ gì nữa. Mấy năm trước căng lắm. Bom Mỹ thả bom ngày đêm, lại còn pháo từ Đệ Thất Hạm Đội. Nhiều lúc đang đi thì nổ sập trời, chết như rạ. B52 bay cao tít mù tất có nghe có thấy gì đâu mà lo nấp lo trốn. Các anh có biết bom tinh khôn không?

Ông Quyền buột miệng:

– Hàng rào McNamara. Smart Bomb.

– Anh nói gì?

– Không thể bây giờ an ninh hơn nhiều?

– Từ ngày có hiệp định Paris và tụi Mỹ lo rút chạy, không có B52, phi pháo gì nữa.

Đây có lẽ là lần duy nhất tôi được nói chuyện cởi mở với một người đích thực của Trường Sơn, phải nói là rất cởi mở, nhất là so với ông Láng Trưởng đồn khu vực trước đây. Nội qui của tù binh rất nhiều điều trong đó cấm liên hệ với bộ đội. Ngược lại chắc họ cũng bị nghiêm cấm, không được “linh tinh” với chúng tôi. Tù binh đi ở giữa, chia ra độ vài chòm lại có vài bộ đội đi xen kẽ vào. Dẫn đầu phía trước có lẽ là bộ chỉ huy bộ phận áp giải, đoàn hậu phía sau là bộ phận bảo vệ. Chúng tôi không rõ quân số của hai toán này nhưng xem ra khá hùng hậu, có thể lấn quân số tù. Phía bộ chỉ huy hầu như không bao giờ tiếp xúc với tù và những người lính bảo vệ thì chỉ là kẻ bàng quang kháo nhau “đi xem tù” vào những lúc nghỉ ở trạm. Thông thường, tù được tập trung biệt lập cách chỗ đóng quân của lính Bắc Việt một quãng và lúc nào chúng tôi cũng ở những bãi trống chắc để dễ bề kiểm soát. Thỉnh thoảng vào những buổi chiều khi trời còn sáng, tù nằm ngòai la liệt trên bãi đất, bãi cỏ thì bộ đội Bắc Việt ngồi chồm hóm phía xa chung quanh chỉ trở. Ông Quyền bảo tôi: “Ha, tụi mình giống như khỉ trong sở thú đang làm trò cho bọn ngòm xem.” Và những lúc như vậy Quyền lại gân cổ lên hát vọng cổ: “Em hai ôi, anh có tội tình chi mà phải đọa... đây...” Không ngờ một sĩ quan trẻ tốt nghiệp Võ Bị Đà Lạt mà lại thuộc và hát vọng cổ hay như vậy. Những người lính ngồi chồm hóm phía ngoài đôi khi nổi hứng quăng thuốc lá cho tụi tôi và có lần một người xông xáo vào giữa đám tù vừa đi vừa chìa bao thuốc quăn queo mời. Anh ta nghênh ngang vừa đi vừa nói: “Sợ đéo gì. Kỷ luật thì kỷ luật, ông đéo sợ.” Tại sao anh ta dám đưa thuốc lá cho từng người và nghênh ngang thách đố là chuyện khó hiểu.

Gần gũi với tù nhất là toán đi chen ở giữa. Dần dà tụi tôi hiểu đây là lính Bắc Việt được hồi hương về Bắc, có thể vì bị thương, có thể vì chiến trận lâu ngày, có thể vì có gốc lớn. Đây là thành phần tò mò nhất, luôn miệng hỏi chúng tôi về đủ thứ linh tinh. Tôi nhớ có một anh bộ đội tên Nguyễn Minh Hồ khi biết tôi sinh ở Hà Nội than thở: “Quê tôi một làng cách Hà Nội hai mươi cây số mà chưa bao giờ biết Hà Nội ra sao. Đi thẳng một lèo từ làng vào đánh ở Nam độ bảy năm nay mới được phục viên. Bị thương bốn lần, lần nào cũng tưởng chết đến nơi kỳ này về thế nào tôi cũng

lên Hà Nội chơi một lần.”

Tôi nghiệm ra rằng chỉ những người lính Bắc trẻ tuổi mới tìm cách “gần gũi” với tù và hỏi những câu hỏi đôi khi rất ngây thơ. Một tháng Mỹ nó phát bao nhiêu lương? Nghe nói Sài Gòn toàn là điếm phải không? Lính Ngụy thích ăn gan người, hễ bắt được Việt Cộng là mổ ăn gan tươi phải không? Lính Ngụy đi hành quân toàn lưng gái để hiếp?

Từ khi bị bắt thỉnh thoảng tôi vẫn để ý thấy có những người lính Bắc đeo tòng teng một miếng sắt mỏng ở giữa lưng quần. Chỉ đến bây giờ tôi mới rõ công dụng của nó là để nhét trở lại dây cao su của đôi sandal làm bằng lớp ô tô. Đôi sandal có cái tên là dép râu vì những phần thừa của những sợi dây cao su khi được nhét xuyên qua phần đế lòi ra như những sợi râu. Dép râu rất khó đi, chỉ cần đạp lên một vũng lầy, nhấc lên có khi tuột phăng mất một hai sợi. Đạp phải một cục đá nhỏ, trật chân là nó cũng tuột. Anh nào vợ phải đôi dép có cái đế dày gấp nhiều rắc rối nhất vì khó nhét sợi dây trở lại. Tù binh chúng tôi vốn quen đi giày. Khi phải đối phó với những đôi dép nổi tiếng này nên di chuyển rất chậm.

Bây giờ đang là mùa mưa. Những cơn mưa ở Trường Sơn thật muôn hình muôn vẻ. Trời đang mưa xối xả, mưa như trút, hạt mưa rất to. Nhưng chỉ độ mười mười lăm phút là tạnh hẳn. Đôi khi trời như một cơn bão tới tấp xối xả, kéo dài hàng giờ, khi là những cơn mưa rải rác cả ngày trời. Nhưng không có chuyện nghỉ tránh mưa, mà chúng tôi vẫn phải làm lì bì bõm tiến tới! Lạnh, ướt, chúng tôi chỉ có một miếng ni lông để quấn vào người. Nước mưa thấm áo quần, nước từ đầu từ cổ dòng dòng xuống. Chúng tôi lạnh run lạnh cóng.

Thiên nhiên không phân biệt đâu là tù, đâu là cán bộ. Ngụy hay bộ đội thì cũng ướt, cũng lạnh như nhau. Trên con đường thiên lý đó chúng tôi đã gặp nhiều đơn vị Cộng Sản đi ngược đường. Trông họ cũng thảm thương chẳng khác gì tù, chỉ thiếu có cái xích. Trông những toán quân Cộng Sản lũ lượt và ngang nhiên di chuyển không lén lút, không sợ sệt đó, tôi nhớ đến lời của giao liên Bằng: “Bây giờ an ninh hơn nhiều”

Khi người Mỹ tung quân ồ ạt vào Việt Nam, mục tiêu quân sự hàng đầu là phải tìm cách chặn đứng con đường chuyển quân và tiếp liệu của Hà Nội. Toán Mầu tôi từng phục vụ và những đơn vị Biệt Kích Việt cũng như Mỹ, những toán biên phòng được trang bị hùng hậu cũng chỉ cố chặn những con đường xâm nhập này. Nhưng có lẽ được cả thế giới chú ý biết đến là hàng rào điện từ McNamara. Đây là kiểu đánh của Hoa Kỳ. Họ thả xuống dọc theo con đường mòn những vũ khí. Khí cụ điện tử mà cứ theo báo chí tôi được đọc thì hết sức khoa học và tinh vi. Chẳng hạn phi cơ Mỹ thả xuống những trái bom, có gắn thêm những bộ phận “nghe ngóng” hoặc “tầm nhiệt”. Bom thả xuống đó nằm im phục kích. Hễ có một toán người đi gần, dụng cụ điện tử sẽ phát hiện, trái bom nổ tung. Hoặc nữa các dụng cụ điện tử này sẽ báo lên B52 đang ứng trực trên trời hay các chiến hạm đang chờ ngoài khơi. Khi đọc những bài báo trên tờ Stripes and Stars của

quân đội Mỹ về những loại này tôi vẫn có cái cảm tưởng như đọc truyện khoa học giả tưởng. Tôi còn nhớ có một bài mô tả lại cảnh phi cơ Mỹ đánh cầu Hàm Rồng. Cây cầu này nằm giữa hai vách núi hẹp nên rất khó oanh tạc, chưa kể đến phòng không có lợi thế phòng thủ vì vách núi cheo leo. Sau nhiều lần Mỹ đã phải xài tới bom Tinh Khôn mới hạ được cầu Hàm Rồng.

Lê từng bước gập ghềnh trên con đường khét tiếng này, ký ức khiến tôi càng tò mò quan sát. Ít nhất là hai lần trên đường tôi thấy rừng bị sạt, đen thui cả một khoảng lớn. Có thể vì lâu ngày nên cái cảnh cây cối ngã nghiêng không còn nữa mà chỉ còn một vạt rừng lớn đen thui. B52 trải thảm chăng? Bộ đội Bắc Việt luôn mồm cảnh cáo chúng tôi phải đi trong hàng, trên đường đã chỉ định vì loạng quạng là có thể chết vì bom mìn của đế quốc Mỹ bỏ lại.

Một lần khác tôi thấy một chiếc võng đan bằng sợi dây dù đứt nát chỉ còn toong teng một khúc phất phơ trước gió. Khi chú ý kỹ thì thấy có một chiếc xương đầu lâu và cái xương khác trắng hếu ở dưới đất gần đó. Tôi “báo cáo” với người áp tải thì một người bảo: “Các anh thấy chưa vì nguy quyền Sài gòn ngoan cố, vì đế quốc Mỹ ương ngạnh biết bao nhiêu xương máu đã bị phí phạm. “Nhưng mấy hôm sau một anh lính Bắc tử tử cho hay chuyện bị bỏ rơi, bị lạc trên đường xâm nhập là chuyện thường. Bị bỏ rơi vì ốm, bị thương thường là chỉ có chết dập chết vùi ở giữa rừng núi. Bị lạc hoặc đôi khi mệt quá ngủ quên cũng chỉ có nước chết. Anh lính này nói cho tôi hay khi vừa đặt chân lên đường mòn, họ đã bị cảnh giác về chuyện này vì” không ai có thể lo cho ai được”. Đói rét bệnh tật, yếu đuối, lo cho mình chưa xong, còn lo cho ai?

Khi nghe như vậy tôi và hai ông tù nhìn nhau. Chắc chắn tụi tôi không thể chết cô đơn trên đường mòn vì nay chúng tôi đang bị cột dính lại với nhau.

Suốt cuộc hành trình ba đưa tôi có cái may là được tháo xích ra một lần. Mỗi khi dừng chân, lính canh tù lại gọi độ bốn năm nhóm ra, mở khóa cho họ để đi tập dượt. Họ sẽ phải lo cơm nước, lo khuôn vác ... Tôi nói là may vì chính ra ba người khác được chỉ định nhưng người lính giữ khóa tìm mãi vẫn không thấy chìa khóa đúng để mở xích. Loay hoay một hồi không xong, anh ta cúi bèn chỉ ba đưa tụi tôi đang ngồi bên cạnh đó. Hẳn nhiên là cuộc đời tù tội của cả đám mới chỉ bắt đầu, còn mới quá, còn tươi quá. Thứ nữa chúng tôi luôn nhắc nhở nhau rằng dầu sao thì chúng tôi cũng là sĩ quan của quân đội Miền Nam. Một điểm nữa không ai nói ra nhưng nó bằng bạc trong cái nhìn, cách xử sự của lính canh và tù. Chúng tôi thấy rõ cái cách biệt giữa chúng tôi và những người lính Bắc về đủ mọi phương diện. Tuổi tác cũng có. Kiến thức cũng có. Ngồi rì rả, ông Quyền vẫn bực bội vì sao mình thua còn ông Bình thì lắc đầu tội nghiệp cho bộ đội, cho những người trẻ tuổi miền Bắc bị ném không thương tiếc vào cuộc chiến. Ngược lại lính Bắc Việt lúc nào cũng nhìn chúng tôi bằng cặp mắt e dè, và hề hề sinh ra là họ tìm cách thân cận với chúng tôi. Tò mò chăng? Tôi chỉ nghĩ họ cố tìm hiểu để so sánh cuộc sống hai miền Nam Bắc. Thế thôi.

Chính vì những điểm trên, tù chúng tôi khá kỷ luật, không kèn cựa mà còn lo lắng, bảo vệ nhau.

Khi ba người bạn bị xích không mở được, họ nhìn tui tôi cười: “Ê bon chen được gì nhớ chia nhe.” Ông Quyền vui tính “yên tâm ông thầy”.

Lần đó chúng tôi nghỉ ở trạm lớn. Ba đưa tui tôi được lệnh đi theo một người lính độ khoảng một trăm thước thì họ bịt mắt chúng tôi lại rồi mới dẫn đi tiếp. Mò mẫm leo dốc một khoảng thì chúng tôi được dắt đi xuống một cầu thang. Khi được mở khăn bịt mắt ra, tui tôi thấy đang ở trong một căn hầm tranh tối tranh sáng tù mù. Hầm có nhiều ngách hàng ngang dãy dọc là kệ gỗ lớn chất những bao gạo. Tui tôi hiểu ngay đây là hầm chứa lương thực nhưng không ngờ nó lại lớn đến như vậy. Cái bắt ngờ nữa là thịt, thịt heo muối từng nửa con khá lớn được bọc trong một lớp vải thưa treo toòng teng cả một gian hầm lớn. Khi khiêng vác được nửa con heo ra khỏi hầm, tôi thấy một lô chữ tàu màu phẩm xanh hắc nhiên là thịt heo muối Trung Quốc. Chỉ đến giai đoạn này của cuộc chiến, khi mà người Mỹ đã rút hẳn chân ra và con đường mòn chuyển quân an toàn hơn, quân đội Bắc Việt mới có thể thiết lập những trạm với hầm lương thực đồ sộ cỡ này hay những nơi như thế đã có từ lâu? Tôi thì thăm với hai ông bạn tù. Đại Úy Bình bảo vẫn cứ theo kiểu xây cất thì có lẽ hầm đã được xây cất từ lâu và được tu bổ nhiều lần. Tôi nhớ là đã vất vả lắm ba đưa tôi mới khênh được bốn bao gạo và hai thót thịt heo muối lên đến mặt đất vì hầm khá sâu. Điều tức cười là đến thì bịt mắt nhưng khi lúc lên khỏi hầm vì phải khuân vác nên họ đành để chúng tôi thành “người trần mắt thịt”. Tôi nhìn thấy phía trước có mấy căn nhà thì hiểu bộ phận áp giải tù binh sinh hoạt ở đó. Mãi cho đến về sau khi đã trải mùi tù tôi mới thăm hai chữ sinh hoạt nhưng lúc đó ngay giữa Trường Sơn ngút ngàn, mỗi khi dừng lại, bộ đội Bắc đều phải sinh hoạt. Những lúc đó số lính canh ít hẳn và đôi khi từ chỗ ngồi, chúng tôi có thể thấy lính Bắc ngồi thành từng cụm, thành từng nhóm họp hành. Ông Bình bảo tôi: “Tụi nó kiểm thảo rút ưu khuyết điểm liên miên, chẳng bù với quân đội mình...” Ông bỏ dở câu nói và chúng tôi hiểu rất rõ ông muốn nói gì.

Trước đây trong quân đội VNCH, chúng tôi ít học tập nhưng nay thì chúng tôi trở thành tổ tam tam, ba người một, Chia sẻ nhau từng giờ từng phút. Chúng tôi nói với nhau trên đường đi, lúc nghỉ, lúc sáng sớm dậy, lúc đêm khuya. Ông Đại Úy Bình trông to con hẳn so với hai đưa tôi nhưng lại là người gục đầu tiên. Đâu cỡ một tuần trên con đường hung hiểm này, buổi tối sau khi ăn xong, ông Bình kêu “khó chịu quá, như muốn ói” nửa đêm ông ngồi dậy nôn thốc nôn tháo, gập người xuống ói. Tôi và ông Quyền mỗi đưa một bên ôm chặt ông, cố giúp ông. Mỗi khi ông ói xong, tui tôi hai đưa lại dìu ông lê đến một chỗ khác vì mùi ói xông lên rất khó chịu. Sau đó ông gần như ngất đi và đến tảng sáng thì ông bắt đầu bị sốt rét.

Người ông run bần bật như lò xo. Ông co rúm lại thở không ra. Tôi và ông Quyền lấy hai tấm ni lông của mình quấn thêm vào nhưng ông vẫn run, co rúm. Ông Quyền bảo tôi: “Tôi và ông thay phiên nhau ôm ông ấy.” Tôi chưa biết đến sốt rét nên rất ngạc nhiên khi thấy cơ thể ông Bình nóng ran trong khi ông vẫn run như cây sậy. Người ông vã mồ hôi như tắm. Ông Quyền hô hoán và một người lính Bắc Việt cầm đèn pin rọi xuống. Anh ta nhìn chưa đầy một phút đã kết luận:

“Ồi có gì đâu. Sốt rét í mà “. Anh ta quày quả bỏ đi và một hồi quay lại đưa cho tụi tôi một gói:

– Ký ninh đấy. Ai mà chả bị sốt rét, bị ngã nước. thường thôi, vài hôm là khỏi ngay ấy mà.

Đối với lính Bắc thì thường thôi nhưng đối với lính Ngụy thì không có gì là bình thường cả, nhất là chân lại bị xích. Buổi sáng, tôi cố ép ông Bình ăn hết bát cơm. Ông rũ ra như tàu lá ướn, đứng lên là lão đảo. Nhưng chúng tôi vẫn phải lên đường để vượt một đoạn đường tôi nhớ đời vì trước khi khởi hành tù được tập hợp lại để nghe huấn thị.

– Từ đây đến trạm kế, đường dốc hơi nhiều. lệnh trên rất rõ ràng. Các anh phải tuyệt đối kỷ luật, phải rất cẩn thận đừng để ngã, không ai cứu được đâu...

Để tăng thêm sự chú ý của tù, lính Bắc Việt chặt chúng tôi thành từng toán nhỏ cỡ độ mười mười lăm người một, mỗi toán đều có “bảo vệ” đi kèm. Chỉ đâu đó vào quãng gần trưa, chúng tôi bắt đầu tiến vào một vùng thưa cây, và cây không cao vì địa thế toàn đá. Chúng tôi bắt đầu leo dốc, mới đầu là những dốc xoai xoải nhưng đã rất khó đi vì đá rậm lổm chổm, hễ trật chân là có thể bị xước, bị cắt chảy máu. Càng lúc càng lên cao tới một đoạn chúng tôi bắt đầu đi men theo sườn núi. Lối đi có quãng rất hẹp, gần như chỉ có thể đi men, vừa đi vừa bám vào vách núi đá. Tôi thấy rõ những vết đục lam nham ăn sâu vào sườn núi, có lẽ đã được phá bằng xà beng. Những thanh thiếu niên miền Bắc khi tới đoạn này, chắc đã phải vừa đi vừa phá núi bằng xà beng. Hình ảnh của họ thoáng trong trí tưởng tượng làm tôi rùng mình. Một bên núi dựng ngược, một bên là vực thẳm, nhìn xuống chỉ thấy ngút ngàn phía dưới sương mù lẫn khuất nơi đọt cây. May mà trời không ráo, nếu tới khúc này mà đổ mưa thì hẳn có người chết. Chúng tôi có lúc gần như bò vì dốc ngược quá, chân lại bị xích. Mặt mũi ai cũng phờ ra, ông Bình thì thờ phì phò, mặt đỏ gay. Vừa đi nhau, ông Quyền vừa luôn mồm đùa cợt. Hai đứa tôi đều hiểu chỉ cần một chút lơ là, yếu đuối là chúng tôi có thể chết, và chết chùng. Giữa lúc đang cố leo bổng ông Quyền hỏi:

– Ông thầy có đọc Hán Sở Tranh Hùng không?

Đại Úy Bình nhăn nhó

– Lại giờ tích tàu ra nữa.

– Ấy, có ông Lý Bạch làm bài Thục Đạo Nam để tôi đọc cho hai ông nghe.

Và ông đọc thật. Tôi không rõ tích Lưu Bang, Hạng Võ cũng không thuộc lấy một câu thơ Đường nhưng nghe ông Quyền đọc thơ trong cảnh này bỗng thấy thấm vô cùng. Lời thơ trúc trắc trúc trắc nghe như vừa đi vừa vấp, vừa trèo vừa thở, câu thì ngắn câu thì dài. Về sau này tôi bắt ông Quyền chép và giảng bài Thục Đạo Nam và tôi đã cố học mãi mà vẫn không sao thuộc hết, cứ thuộc rồi lại quên. Nhưng lúc đó cái giọng đọc của ông và bài thơ khúc khuỷu đó đã giúp ba đứa tôi rất nhiều.

Y! Hu! Hi! Nguy hồ cao tai!
Thục địa chí nan, nan ư, hướng thanh thiên
Tam tùng cập Ngự Phù
Khai quốc mang nhiên!

...

Thượng, hữu lục long, hồi nhật chi cao tiêu
Hạ, hữu xung ba nghịch chiết chi hồi xuyên

Hoàng hạc chi phi thượng bất đắc quá
Viên nhiều dực độ sâu phan viên

...

Kỳ hiểm dã nhạc thử
Ta nghĩ viễn đạo chi nhân
Hồ vi hồ lai tai

Đường hiểm trở là như thế, thương thay những kẻ đi đường xa, sao lại léo hánh đến nơi đây.

Con đường đất Thục có thật ghê gớm hơn cảnh chúng tôi đang trải qua chăng? kẻ đi đường xa của ông Lý Bạch chắc cô đơn lữ thứ, không hề bị xích bằng lời tói sất như tụi tôi. Liệu sau cuộc chiến có ông thi sĩ nào nhỏ nước mắt cho những kẻ lao đao trên đường Trường Sơn chăng? Đúng là suy nghĩ dăm dớ như kiểu suy nghĩ này vẫn hay loé trong đầu tôi vào những lúc cùng túng nhất. Nghĩ lại cũng buồn cười.

Lên đã vậy, đến lúc xuống còn gay go hơn nhiều. Một cụm tù đã té, ba người ôm chùm nhau lăn lông lốc xuống dốc đá. Hai người tù bị sây xát khắp người. Người thứ ba bị gãy một chân. Họ vẫn không được mở khóa tháo xích. Tôi đã rom róm nước mắt nhìn cái cảnh hai người đồng đội dìu người bị què lê từng bước chậm trên con đường sỏi đá, những sợi xích quán vào nhau nghe leng keng theo từng bước đi chập choạng.

Giữa lúc đó Đại Úy Bình lên cơn sốt rét. Người ông nóng bừng nhưng ông vẫn run như cây sậy, hai hàm răng đánh vào nhau lập cập. Sợ ông cắn vào lưỡi, tôi xé một miếng vải cuộn lại bắt ông ngậm chặt giữa hai hàm. Mặt ông đỏ gay, mồ hôi tuôn ra, cả người nhũn xuống mềm oặt.

Tôi một bên, ông Quyền một bên, hai đứa vừa khiêng vừa dìu ông đi. Ông Quyền đã lớn tiếng báo cáo nhưng tới lui một hồi, một người có lẽ là cán bộ đến nhìn chúng tôi rồi nói với giọng rất nghiêm trang:

– Các anh phải phấn đấu, không có chuyện cả đoàn phải ngừng lại vì một anh bị sốt. Nếu các anh không quyết tâm, tôi để ba anh ở lại đi sau.

Đây không phải là lời hăm dọa suông. Chúng tôi đã nghe chính những người lính Bắc còn bị bỏ rơi hướng hồ tù ngục. Ông Quyền lâu lâu lại pha trò, lâu lâu lại vỗ vỗ vào vai người huynh trưởng thiết giáp như muốn tăng thêm sức cho người ốm. Mỗi lần như vậy, Đại úy Bình lại gật gật cái đầu. cuối cùng cơn sốt rét dịu dần, nhưng ông Bình thì lả đi. Sức khỏe của tôi – và nhất là ông Quyền – không hiểu từ đâu ra nhưng rất cuộc chúng tôi cùng lôi được ông Bình đến trạm nghỉ.

Buổi tối đó tù xôn xao bàn tán. Không phải chỉ có mình ông Bình mà có thêm hai người khác cũng sốt rét, vài người khác bị kiết lỵ và người tù què nữa. Khi cơm nước xong, chúng tôi lại được nghe những lời huấn thị rất rõ ràng của một viên cán bộ

– Đói ăn rau, đau khắc phục. Các anh phải phấn đấu để cùng đi đến nơi an toàn. Các anh phải tự lo cho nhau.

Viên cán bộ nói dài, nói dai và dùng rất nhiều từ đao to búa lớn, chữ Hán Việt nhưng rất cuộc cái thông điệp rất rõ ràng. Hễ không đi thì bị bỏ lại giữa rừng. Không đi thì chỉ có chết. Tuy nhiên có hai trường hợp được giải quyết. Họ đồng ý tháo xích cho người bị què để người tù này có thể chống gậy đi một mình. Họ đồng ý để chúng tôi làm cáng khiêng một người bị kiết lỵ vì sức đã quá kiệt. Anh em mượn một cái dao để gọt làm được một cây nạng cho anh bạn bị què và cái cáng để khiêng anh bạn bị kiết lỵ. Trông anh như một que củi, chỉ còn da bọc xương, hai mắt sâu hoắm trên gương mặt gầy guộc. Tóc anh – như đa số tù – dài phủ gáy, râu ria lồm chồm. Anh đi đứng không vững, hễ đứng lên là lao đảo chắc vì trong người đã hết nước. Người anh xông lên mùi xú uế, quần áo thì bê bết khô cứng. bạn tù đã lấy nhiều tấm ni lông cột chằng cột đụp cuối cùng cũng có được chiếc cáng. Vì tù bị xích chùm nên khi khiêng anh có đến mười hai người, ba người một đầu cáng. Một đám người quần áo tả tơi, đầu tóc rũ rượi bù xù xúm lại khênh một người bệnh làm một hình ảnh khó xóa nhòa trong trí nhớ. Hai hôm sau thì anh kiệt hẳn, đứt hơi vào quãng giữa trưa. Đoàn tù xôn xao khựng lại nhưng chỉ lát sau là có lệnh đi tiếp, đến trạm mới được “giải quyết”. Khi đến chỗ nghỉ, chúng tôi xin mượn xềng để đào thì bị từ chối và được nói rằng chính họ sẽ giải quyết. Hai người lính Bắc Việt đã khênh xác anh đi để chôn với lời giải thích: “Chúng tôi sẽ chôn và đánh dấu ngôi mộ để sau này khi hòa bình lập lại cách mạng sẽ thông báo cho gia đình người chết.” Anh em ngơ ngác nhìn nhau đầy nghi ngờ nhưng nói năng gì bây giờ. Rất nhanh chỉ một lúc sau hai người lính Bắc đã đem trả mấy miếng ni lông làm cáng khiến ông Quyền thì thào: “Tụi nó quăng xác vào rừng cho điều tha quạ mổ rồi, hơi đâu mà đào hố cho một xác.” Sau biến cố đó mọi người ít nói hẳn đi. Vào buổi tối Đại Úy Bình sau cơn sốt quặn người đã nói với tụi tôi bằng một giọng rất bình tĩnh:

– Tôi chắc không sống sót được để đi đến đất Bắc. Tôi biết tôi không chịu đựng được lâu nữa. Nếu tôi có mệnh hệ nào, và nếu các ông còn sống trở về, nhớ nhắn với vợ con tôi là tôi không hối hận gì, không xấu hổ gì vì đã cầm súng chiến đấu.

Thiếu úy Quyền nghe lời trời trần trở nên nghiêm trang hơn:

– Tôi và Trung Úy Dũng sẽ không bao giờ bỏ rơi Đại Úy. Nếu phải một mình công hai ông đi Bắc tôi cũng công. Nếu cần thì ba đứa chôn chung một hố.

Không ai nói gì thêm. Có nói cũng bằng thừa. Trời cuối năm đen thẫm. Ba đứa nằm ngửa nhìn bầu trời thăm thẳm không một vì sao, nghĩ đến cái hố vùi nông ở đâu đó giữa Trường Sơn với giải xích vẫn còn lòi trên ngôi mộ tập thể.

Chúng tôi không hề thiếu ăn. Hình như họ đã tính trước nên khi nào không có trạm nghỉ có gạo có cơm thì sáng hôm sau khởi hành chúng tôi được phát lương khô. So với Ration C Mỹ hoặc gạo sảy của VNCH, Lương khô của Trung Quốc gọn hơn nhiều, đáng nhớ nhất có lẽ là thịt heo chà bông và đậu xanh đóng thành bánh. Thịt chà bông – hoặc như người Bắc gọi là ruốc – của Trung Quốc ngọt lừ, đôi khi hơi ẩm và quá vụn. Bánh đậu xanh được đóng nén lại thành từng thỏi cứng có lẽ vì có trộn thêm vitamin nên mùi lạ nhưng ăn vào rồi uống nước no cả buổi. Đòi hỏi gì nữa. Thân phận tù nhưng chúng tôi vẫn được chia khẩu phần giống như bộ đội anh hùng của Xã Hội Chủ Nghĩa Miền Bắc. Chỉ đến sau này khi thực sự sống đời tù, khi đã thực sự chui vào xã hội đó, tôi mới hiểu rằng riêng về phương diện ăn uống, chúng tôi được biệt đãi trên đường Trường Sơn. Hay như Đại Úy Bình nhận xét họ phải cho tù ăn no, ăn đủ may ra mới đủ sức lê tới đích.

Nhưng muỗi mòng và vắt thì lại là một chuyện khác. Khi thắc mắc tại sao mới đi có hơn một tuần mà đã bị sốt rét. Đại Úy Bình ngẫm nghĩ rồi thở dài: “Muỗi mòng nó đốt tôi từ hơn ba tháng chứ đâu phải mới đâu”. Muỗi Trường Sơn có con to hai chân sau rất dài. Với cái vốn vạn vật học hồi trung học, tôi biết đó là Anophene chuyên chở vi trùng sốt rét Plasmodium, nhưng con muỗi này đốt không đau như những con muỗi khác – chẳng biết tên là con gì – đốt đau hơn nhiều. Có con muỗi bé tí nhưng đốt nhói cả người và để lại nốt đỏ đôi khi to bằng hạt đậu. Có con nữa giống như con ruồi nhưng nhỏ hơn cũng đáng sợ. Rồi con vắt. Con này đen thui dài cỡ nửa cây tăm có thể búng người tung lên. Mới đầu tù còn la oai oái nhưng rồi ai nấy đều thây kệ vì không có cách gì đối phó cả. Nhìn cánh tay lúc nào cũng mẩn đỏ, tôi nhớ những lọ thuốc xoa chống muỗi của bố mẹ gởi cho. Liệu ông cụ bà cụ có biết tôi đang lê cùm vượt núi? Dung nữa. Giờ này Dung đang làm gì? Những người thân yêu của tôi yên trí tôi đã bỏ mạng trong trận Đồng Xoài.

Suốt dọc đường tôi không có đầu óc nào để nghĩ ngợi. Thế xác tôi đã rời. Tinh thần còn lại là để đối phó với những gì đang xảy ra. Cái sợi xích sắt oan nghiệt khiến chúng tôi không có lấy một phút riêng tư. Khi Đại Úy Bình thấy một người cùng đơn vị ở sư đoàn 5, ông muốn đến hỏi han thì cả hai đứa tôi cũng phải ôm xích đi theo và ngồi chầu rìa nghe hai ông bạn cũ hỏi thăm í ới xem ai còn ai mất. Rút kinh nghiệm, chúng tôi đồng ý là ráng cùng tiểu tiện và đại tiện một lúc và lo việc quan trọng này vào lúc trời còn sáng. Sở dĩ như vậy vì có lần nửa đêm tôi quặn bụng quá đành lôi hai ông bạn đi ra một chỗ khuất. Có lẽ vì mệt mỏi, và buồn ngủ, ba đứa tôi kéo lê sợi

xích và nó vướng vào một bãi của ông bạn tù nào đó vừa phóng uế từ trước. Suốt đêm đó mùi phân xộc lên thật khó chịu.

Sốt rét chỉ lên từng cơn và thường là cách nhật. Đại Úy Bình sa sút thấy rõ, mắt vàng hắc và hai má xẹp xuống nhưng ông không hề than thở nửa lời. Chúng tôi cứ thế vừa lê vừa bước nhưng rõ ràng chúng tôi di chuyển quá chậm so với dự trù của cán bộ. Họ hỏi, họ thúc, họ không chửi tội tôi. Phải chăng có một cái gì đó giữa những người lính với nhau – cho dù lính ở hai chiến tuyến đối nghịch – khiến họ còn giữ lời ăn tiếng nói với chúng tôi chăng? Cứ thế chúng tôi lê bước kéo xiềng trên đường rừng núi có lẽ cả tháng trời. Lúc đầu chúng tôi ở Miên, sau đó chúng tôi đến Lào. Ngó lên là trời, ngoảnh sang bên là rừng già, là sườn núi, chúng tôi chỉ còn biết cúi đầu đi tới. Cái đám sĩ quan này đâu còn bản đồ, còn PRC, còn địa bàn gì nữa để mà định vị, tọa độ như trước đây. Nhưng ít nhất có hai lần đoàn tù được hạ trại ở gần bản của người Lào. Một lần chúng tôi thấy bộ đội Bắc Việt hí hửng kháo với nhau rằng họ được ăn cơm nếp, khiến Đại Úy Bình chép miệng:

– Giá mà có cơm nếp chấm muối vừng thì có khi khỏi cả sốt rét.

Tôi nhớ một hôm đám cai tù có vẻ nhện nhíp hẳn lên, và tù cũng lao xao vì tin sắp rời khỏi đường mòn. Quả nhiên sau một buổi sáng gần như toàn đi đường xuống dốc, quang cảnh dần dần xem ra có khác. Rừng thưa hẳn đi và không khí thoáng hơn và thơm hơn, dịu hơn. Đến quá trưa đâu đó vào quãng hai giờ, chúng tôi nhìn thấy đang ở trên quốc lộ số 1. Không nhìn thấy nhưng chúng tôi biết phía tay mặt là biển vì cạnh quốc lộ có rất nhiều rặng phi lao và đụn cát. Đại Úy Bình quay sang hỏi ông Quyền:

– Ông binh thư lâu thông có biết Dây Phố Buồn Hiu không?

Ông Quyền cười:

– Ông thầy ơi, vụ đó xảy ra từ xưa rồi, chiến tranh Việt Pháp lận. Bây giờ là Đại Lộ Kinh Hoàng. Cả chục ngàn người chết trong vụ rút lui khỏi Quảng Trị vào mùa hè đỏ lửa, ông thầy nhớ không?

Gió từ Lào thổi xuống mang cái lạnh núi rừng đuổi theo tội tôi. Những cây phi lao như nghiêng về phía biển rung rinh. Quốc lộ không một bóng người. Thỉnh thoảng chúng tôi còn thấy một chiếc T54 cháy rụi nằm nghiêng bên lộ... Trong cái âm vang của quá khứ còn tươi rói của cuộc chiến, vắng đâu đây như có lời thơ của Bà Đoàn Thị Điểm: Hồn tử sĩ gió ù ù thổi – Mặt chinh phu trắng rồi rồi soi. Nay đang là xế chiều, mặt trời đã bị những rặng núi che khuất và những kẻ chinh phu như đám tù Ngụy chúng tôi thì đang thất thủ trên con đường nhựa lổ chỗ bom đạn.

Tối hôm đó chúng tôi được dồn vào một khoảng trống khá rộng dưới một quả đồi. Trời tối rất mau và không trăng nhưng từ phía xa nghe như có tiếng sóng biển vọng về. Lâu lắm cho tới tối nay tôi mới ngủ một lèo mà không bật dậy nửa đêm vì muỗi mòng Trường Sơn.



Chúng tôi bị khua dậy đầu cỡ hai ba giờ sáng. Trời lạnh vô cùng và những cơn gió như luồn vào trong da thịt, thấu đến tận xương tủy. Trời còn tối nhưng chúng tôi vẫn phải mò mẫm để lên đường. Quốc lộ 1 vẫn còn nguyên tuy thỉnh thoảng mặt đường bị cày lên có lẽ vì xe tăng thiết giáp hoặc lổm xuống vì bom đạn. Phía bên ngoài toàn là đụn cát và phi lao nhưng phía trái bắt đầu có ruộng ngập nước. Mùa gặt hình như đã qua vì chỉ thấy những gốc rạ bị cắt còn nhô lên.

Lầm lũi như những con ma trôi, đoàn tù di chuyển chậm chạp trên quốc lộ cho đến lúc rạng sáng hẳn, khi vài tia nắng loé lên từ phía đông thì sự sống mới xuất hiện. Tiếng động cơ quen thuộc nghe rõ dần và đó là một chiếc xe lam ba bánh. Xe đầy người, có hai người gần như đánh đu ở phía sau. Những người nông dân này đi đâu? Hẳn chỉ ít lâu trước đây họ là Ngụy dân nhưng trong cảnh tranh tối tranh sáng này, họ nhìn và nghĩ gì về những người lính chúng tôi? Ông Quyền thì thào hát nhỏ: “Cờ bay, cờ bay trên thành phố thân yêu. Vừa chiếm lại đêm qua bằng máu... Ta ôm nhau mắt lệ ghen ngào, quỳ hôn đất thân yêu...”

Thành phố Quảng Trị thân yêu hẳn nằm đâu đó gần đây nhưng dân thì không thấy. Họ đâu rồi? vào quãng trưa trời bắt đầu mưa nhỏ hạt, loại mưa phùn. Những hạt nước li ti như bụi động vào quần áo, vào râu tóc và dần dần thấm vào da vào thịt khiến ai nấy lạnh run.

Tôi và ông Quyền lo đỡ Đại Úy Bình lết đệt ở phía sau đoàn người thì nghe ở phía trước lao xao:

– Bến Hải. Bến Hải.

Đại Úy Bình lúc nào cũng nhỏ nhẹ, nói:

– Vậy là mình sắp đặt chân lên đất Bắc.

Suốt đời tôi, tôi chỉ có quanh quẩn ở vùng 3 chiến thuật và nơi xa Sài Gòn nhất mà tôi từng đặt chân tới là Đà Lạt và Nha Trang. Những địa danh như Đà Nẵng, Huế, nay xa hơn Tam Kỳ Quảng Trị là những ý niệm mù mờ, những hình ảnh của phim thời sự, của báo chí, của những người dân lễ mễ chạy loạn. Hiệp định Genève 1954 đã chặt Việt Nam làm hai khúc ở vĩ tuyến 17 và đẩy tôi xa Hà nội từ tấm bé. Tôi chỉ biết Bến Hải qua một bài hát được nghe hoài hủ trên radio: “Đây Bến Hải là nơi chia cách đôi... Những ai lạc hướng mau quay về đây...”.

Hồi mới lớn tôi nghe đã có nhiều người vượt tuyến bằng cách bơi qua sông Bến Hải. Nhưng không hiểu vì sao lòng tôi rộn hẳn lên, cùng với hai ông Quyền và Bình bước có vẻ nhanh hơn. Bầu trời trong cơn mưa phùn mờ mờ ảo ảo tạo một không khí như có như không, như mơ như thật. Ông Quyền reo lên:

– Cái cột cờ kia!

Chúng tôi vẫn còn đang ở phía Nam của vĩ tuyến Ngày Xưa – ngày xưa của thời tổng thống Ngô Đình Diệm có một vùng được gọi là Phi Quân Sự ở ngay vĩ tuyến 17 được ghi trong hiệp định Genève. Chúng tôi không được đánh nhau bằng súng đạn bằng xe tăng đại pháo thì chúng tôi đánh nhau bằng mồm. hai bên bờ của sông Bến Hải, mỗi bên bắt loa và thi nhau phát thanh. Mỗi bên cố dựng cột cờ cao hơn bên kia. Không rõ cái cột cờ ông Quyền chỉ trở có phải là cột cờ còn lại từ xưa từ xưa chăng? Bom đạn suốt bao nhiêu năm liệu có đứng vững đến giờ này chăng?

Cột cờ khá cao và lá cờ đỏ sao vàng rủ xuống ẩm đậm trong cơn mưa trông thật buồn. Khi bước chân lên chiếc cầu sắt nay đã long lở, đã được hàn gắn đôi chút bằng bằng những tấm bưng sắt có lỗ, loại thấy nhan nhản ở các phi trường quân sự lòng tôi băng khuâng. Cái tên nghe thật hiền, nghe như muốn gọi lên lòng yêu thương đó là chứng tích của bao nhiêu đổ vỡ. Đang đi trên cầu, Đại Úy Bình nhỏ nhẹ:

– Các ông đang đi trên lịch sử. Nhớ để mai mốt nếu còn sống về kể cho con cháu nghe.

Chỉ có điều đáng tiếc là ông Đại Úy Thiết Giáp đã không có dịp thực hiện cái mơ ước nhỏ nhoi đó.

Tôi đứng giữa cầu ngoảnh lại nhìn về phía Nam. Giã từ nửa mảnh giang sơn đã ấp ủ tôi, nuôi nấng tôi. Giã từ Dung bởi trong đáy lòng tôi, tôi biết kiếp này khó gặp lại nhau. Tôi thấy nước mắt mình tự nhiên trào ra và trong cái cảnh mưa phùn gió bắc này, hai người bạn có chú ý thì cũng chẳng thể thấy đâu là nước mắt, đâu là nước mưa. Hay trời cũng đang khóc cùng tôi.

Đi qua khỏi cầu Hiền Lương, chúng tôi nhìn rõ cái cột cờ của phía Bắc. Nó cao hơn thật và lá cờ lớn hơn nhiều nhưng cũng như lá cờ phía Nam, nó đang rủ xuống thành dải trong cơn mưa phùn.

Quang cảnh điều hiu hắt lạnh của đất Bắc khiến đoàn tù như chùng xuống. Nỗi hờn hờ được đặt chân lên phần đất đã bị cắt lìa của quê hương chỉ thoáng lên trong chốc lát và sau đó là tò mò quan sát. Đường đi vốn tráng nhựa nhưng nay đã lở lói, nhiều khúc bị sạt đi, không thấy đá xanh lót và lớp nhựa đã long đi đâu mất.

Một đoàn xe công voa nhà binh chở đầy lính đi ngược về phía Nam. Vài người bộ đội nhô ra khỏi xe. Dăm ba tiếng Ê, A vang lên cùng với vài cánh tay đưa ra vẫy vẫy. Chiến trường miền Nam đang cần thêm các tay súng. Nhưng làm tôi sửng sờ nhất là hình ảnh của ba người dân Xã Hội Chủ Nghĩa Miền Bắc chúng tôi gặp lần đầu. Hai người đẩy một người kéo, họ đẩy một chiếc xe – mà sau này tôi mới biết là xe cải tiến – chất đầy những bó củi. Họ mặc áo toí lá, nón đội sụp xuống và chân đi đất. Họ cong người trong cơn mưa đẩy chiếc xe khiến tôi như bị lôi trở về quá khứ của bao nhiêu năm về trước. Tôi nhắm mắt lại nhớ đến bố tôi ngồi với lũ con kể chuyện miền Bắc dưới thời Pháp thuộc. Tôi là đứa lớn nhất trong nhà và có loáng thoáng trong đầu những kỷ niệm của Hà Nội và cũng đã đủ lớn để hiểu bố chỉ muốn những đứa con hiểu cảnh đọa đầy của

người dân khi sống dưới ách đô hộ của người Pháp. Một cách gián tiếp bố tôi cố nuôi dưỡng tình thần yêu nước trong cái đầu óc non nớt của lũ chúng tôi. Những hình ảnh của bố cố vẽ ra nay đang sờ sờ trước mắt tôi. Nó hiện thực đến quận lòng và tôi nhớ đến chiếc xe lam ba bánh ở phía bên kia bờ Nam. Bao lâu nữa thì những người dân miền Nam sẽ biết đến xe cải tiến?

Đêm đầu tiên trên đất Bắc, chúng tôi được dẫn vào một căn nhà khá lớn ở ven một ngôi làng nhưng không hề thấy một người dân nào cả. Tôi nghĩ là họ cố tình không để cho dân nhìn thấy chúng tôi chẳng. Một phần khác nữa trời vẫn cứ mưa rả rích không ngớt hạt, lũ tù loi ngoi lóp ngóp, quần áo ướt sũng ngồi chịu trận cho đến sáng thì có xe tới. Tôi đếm tổng cộng tám nhưng chúng tôi chỉ được dành cho có ba chiếc. So với lúc đầu thì xem ra rộng rãi chán, có lẽ vì chúng tôi đã quen với xiềng xích và cũng có thể do bớt đồ đạc linh kinh hay cũng có thể vì chúng tôi đã gầy đi chẳng?

Xe dù chạy trên quốc lộ nhưng khá chậm vì nhiều ổ gà và đôi chỗ khi gặp sông phải đi phà. Cầu đã sập bị bom Mỹ đánh sập từ lâu. Suốt dọc đường chúng tôi gặp toàn xe nhà binh chờ lính đi ngược chiều và không hề thấy một chiếc xe dân sự nào, kiểu xe đồ của miền Nam. Lắc lư suốt cho đến gần nửa đêm đoàn xe rẽ vào thị trấn Vinh, từ được đi xe lửa. Họ tránh không để chúng tôi lên xe ngay tại ga mà lừa tù vào ba toa ở một chỗ trống khá vắng vẻ. Trong đêm, những toa xe thẫm mầu lù lù đầy đe dọa và khi đã ở trong toa mùi khai nồng nặc. Toa xe hẹp vì đường ray vẫn là loại 80 centimètre hồi tiền chiến nhưng có ghế hẳn hoi, dù là ghế gỗ. Từ ngồi thoải mái không phải chen chúc như khi di chuyển bằng xe Molotova

Chạy được độ nửa tiếng thì đậu lại ở Vinh. Toa chờ tù nằm ở cuối đoàn tàu như từ cửa sổ chúng tôi thấy cảnh chen lấn xô đẩy của đám đông lố nhố với quang gánh, hòm xiềng. Đa số đều đội mũ hay đội nón và tiếng gọi, tiếng chửi vang lên rõ mồn một. Đón khách ở Vinh độ hơn một giờ sau, tàu lại lăn bánh.

Ngoài kia trời bắt đầu hửng nắng. Những tia nắng từ phía đông soi nghiêng xuyên qua cửa kính mờ đục. Tôi nhìn bạn bè tôi ủ rũ, hốc hác sau hơn hai ngày bị nhồi xóc, ai nấy bơ phờ, ngủ gà ngủ gật, chẳng còn hơi sức nào để mà quan sát đất Bắc hay bàn tán gì nữa. Xe lửa thỉnh thoảng lại hú còi và mỗi lần như vậy tôi để ý thấy xe đi qua xóm làng hay thị trấn gì đó. Nhà cửa đa số lợp tranh, lợp lá và đôi khi lợp tôn nhưng thấp lẹch xẹp.

Đây là xe tốc hành vì chúng tôi chỉ thấy ngưng một lần ở Hải Phòng. Cũng như ở Vinh, bộ đội đứng chặn ở ba toa cuối không để dân chúng đến gần. Có ai trong đám dân lao xao ở ga biết ba toa cuối chở toàn lính Ngụy?

Khi tàu sắp chuyển bánh, một viên cán bộ xuất hiện:

– Chúng tôi đã cố tránh không để các anh lộ diện vì e ngại phản ứng của dân chúng. Các anh là

những tội đồ, các anh đã phản bội tổ quốc, các anh là tay sai của đế quốc...

Anh ta nói thao thao nhưng gọn lại nếu dân đất Xã Hội Chủ Nghĩa nhìn thấy là chúng tôi lãnh đủ. Viên cán bộ không nói trắng ra nhưng có thể dân chúng sẽ xông vào đánh đập, ném đá và có thể xé xác lính Ngụy. Lòng căm thù của quần chúng đối với lính Ngụy khiến Đảng phải tìm cách bố trí cho họ không nhìn thấy chúng tôi. Nhưng như lời viên cán bộ, chúng tôi sẽ phải chuyển xe ở Hà Nội và dân chúng Hà Nội đã biết đang tụ tập, mít tinh ở ga Hàng Cỏ chờ đợi. Từ nhìn nhau không nói năng gì, nhưng tận đáy lòng, niềm lo sợ khiến ai nấy dăm chiêu. Hình ảnh của phi công Mỹ bị trói giết cánh khuỷu, bị dẫn đi diễu giữa phố phường Hà Nội làm tôi lạnh gáy. Viên cán bộ hạ lời cuối:

– Các anh liệu thân hồn...

Thừa nhỏ tôi ở Hà Nội nhưng chưa bao giờ đến ga Hàng Cỏ vì bố mẹ tôi bảo chỗ đó toàn du côn du kê, toàn là thứ trèo me trèo sấu, du thủ du thực. Đám con nít tụi tôi đều xanh lè mắt khi nhắc đến du côn Hàng Cỏ. Do đó tôi không biết ga này có khác xưa không. Khi tàu đậu lại, cả một rừng người tụ tập. Rất nhiều lính áo vàng nón cối dép râu đeo AK mà mãi đến sau này tôi mới biết đó không phải là lính mà là công an. Họ đứng thành hai ba lớp chặn ngang đám đông lố nhố. Rất nhiều biểu ngữ hoan hô đã đảo và điều làm tôi ngạc nhiên là hình ông Hồ, rất nhiều, được trưng lên trong đám đông. Ít nhất tôi cũng đã đủ lớn để nhìn thấy trong các cuộc biểu tình nhưng dù dưới thời Vua Bảo Đại, thời Ngô Tổng Thống và sau này các ông Thiệu – Kỳ – chưa bao giờ tôi thấy hình ảnh của họ được xuất hiện như hình ông Hồ Chí Minh. Tôi huých ông Quyền:

– Nó bảo cuộc mít tinh tự phát, dân chúng đến tự ý “dàn chào” tụi mình...

Ông Quyền tùm tùm cười:

– Ôi ông ơi, nói gì kệ nó. Ông ráng lấy tay mà che đầu. Đá xanh trúng là bể gáo.

Rồi cũng đến lúc phải đương đầu với thực trạng. Từ được dẫn xuống để đổi toa. Những tiếng hò hét được điều khiển bởi hai cái loa vang lên vang rền. Dăm ba viên đá ném về phía tụi tôi nhưng có lẽ vì xa quá nên không trúng. Tôi căng mắt nhìn người dân Hà Nội. Đa số đều mặc áo xám tro. Mấy em nhỏ co ro vì lạnh ngồi xôm ở hàng đầu chỉ tỏ cười nói. Tôi nhìn lại anh em đồng đội. Họ như người rừng, rữ rượi tả tơi xơ xác – hoặc như lời diễu cợt của ông Quyền “Trông chúng mình không giống con giáp nào”. Những người đứng phía dưới đường kia nhìn tụi tôi dăm nghĩ là những đứa kỳ dị hình dị dạng này đúng là hình ảnh tiêu biểu của quân đội Việt Nam Cộng Hòa – Của Ngụy quân, những tên lính chuyên moi gan người ăn sống và cắt tai Việt Cộng xâu thành chuối đeo ở cổ. Họ có thể nghĩ như vậy lắm chứ. Công cuộc chuyển tàu ở ga Hàng Cỏ nếu làm nhanh gọn có lẽ chỉ kéo dài độ một giờ nhưng đã được tính toán để trở thành dềnh dàng hơn, để dân Hà Nội có dịp nhìn kỹ hơn lũ Ngụy ác ôn tụi tôi. Nói gì thì nói, chúng tôi không ai bị trúng đá

xanh hoặc bị con nít dùng súng cao su bắn cả. Họ chỉ trỏ cười nói nhiều hơn “lòng căm thù” như lời đe dọa của viên cán bộ không thấy lộ ra.

Rời Hà nội, chúng tôi xuống xe lửa ở trạm cuối Việt Trì và ở đó may quá dân chúng không tự phát đi tới ga chào đón chúng tôi. Đoàn tù được đưa về một nơi tôi thấy đề biển màu vàng chữ đỏ “Hợp tác xã Quyết Tiến 1”. Đó là một dãy nhà khá rộng, trống lộng, chông chơ hai cái bàn gỗ dài và một lô ghế cũ kỹ đôi cái đã long đĩnh. Không có nhân viên nào của Hợp tác xã xuất hiện. Nhưng sáng hôm sau trước khi được chất lên xe để đi tiếp thì có chừng hai ba chục người đứng bên lề đường ngó, nhìn tù chỉ trỏ. Tôi nhớ mãi là khi vừa lên xa sắp sửa chạy thì có một người tót tuổi chạy tới, vừa đi vừa nói oang oang:

– Có anh nào ở tiểu đoàn 9 Dù không?

Anh ta xộc xộc chạy tới bám vào xe hỏi đi hỏi lại:

– Có anh nào ở tiểu đoàn 9 Dù không?

Khi biết không có 9 Dù, anh ta toe toét:

– Máy bố khiếp lắm, đánh giỏi lắm. Hễ gặp ai ở tiểu đoàn 9 Dù cho thằng này gửi lời hỏi thăm. Máy bố bắn khiếp.

Một người lính áp tải đến can thiệp thì anh ta văng tục liền:

– Địt mẹ, làm đéo gì thế. Ông mày đi B đánh nhau với Dù thừa sống thiếu chết, chưa sợ thằng nào đâu!

Không hiểu sao tôi vẫn nhớ người bộ đội phục viên đó và câu chuyện bao nhiêu năm trên bao nhiêu thăng trầm của cuộc đời. Có thể vì cái giọng oang oang hoặc cũng có thể yếu tố bất ngờ của câu chuyện chăng?

Ì, ạch, lúc nghiêng lúc ngả rồi chúng tôi cũng tới nơi họ muốn chúng tôi tới. Lúc đó vào quãng xế trưa nhưng cuộc đời tù tội của tôi mới chỉ ở cửa trại.

Họ bắt đầu mở khóa tháo xiềng cho tù và công việc chính ra để dành bỗng trở nên vô cùng linh kinh. Như đã mô tả, khóa được thu mua từ nhiều nguồn khác nhau, cái lớn cái nhỏ, cái mỏng cái dày, không cái nào giống cái nào. Những cái khóa đó sau một thời gian mưa gió dãi dầu nay đã có cái gỉ sét, có cái lỗ khóa tắc tịt vì bùn đất. Ngay cả khi tìm đúng cái chìa thì mở được khóa cũng khá gay go. Đôi khi có chùm tù phải tự loay hoay để cố tìm cho đúng cái chìa định mệnh. Kết quả là có sáu chùm không mở khóa được.

Phải đến hai ngày sau trại mới triệu được một ông thợ rèn đến chặt mấy sợi xích oan nghiệt để giải phóng cho họ.

Tù được sắp thành hàng ngang đối diện với một dãy bàn trên đó từng chồng quần áo màu đỏ. Từng người một tiến tới và được lệnh cởi hết quần áo. Trần truồng, tồng ngồng tù trút bỏ lớp nhung y cũ kỹ sương gió của miền Nam, của núi rừng để tròng vào người bộ quần áo màu đỏ. Ông Đại Úy thiết giáp Bình nay không còn dây mơ rễ má gì với ông Thiếu Úy Quyền và Trung Úy Dũng nhưng vẫn đứng sát tụi tôi nhỏ nhẹ:

– Chính ra tụi nó phải xịt DDT mới đúng sách vở.

Chỉ có điều chúng tôi không biết là thân phận tù binh trong Đệ Nhị Thế Chiến mà chúng tôi thỉnh thoảng được thấy trên màn ảnh Ciné không thể so với tù binh dưới Xã Hội Chủ Nghĩa được. Mục tiêu lớn nhất của vụ vứt bỏ quần áo không phải là sợ sốt chấy rận, không phải vì vấn đề vệ sinh. Những cái đó ăn thua quá gì. Vấn đề chủ yếu là an ninh, là không để bất cứ tù nhân nào có dịp giấu giếm bất cứ thứ gì trước khi nhập trại. Tôi nhớ đến lượt tôi trong bộ quần áo thừa lọt lòng mẹ đưa tay ra thì có tiếng hô hai tiếng:

– Đố Lệnh Dũng H6347.

Đó là số tù của tôi. Tôi lầm nhấm “số bù” và ngạc nhiên với chính tôi. Hối ơi trong cảnh này sao tôi lại nghĩ như vậy hay linh tính cho thấy cuộc đời tù tội của tôi đã xui ngay từ ngoài cửa trại tù với con số bù 6347 và cái chữ H có thể đọc là Hốc Hác, là Hồng, là Hết ?

Dấu sao thì xem ra nay tôi cũng giàu có hơn khi nằm trong cái hố giữa chiến khu D vì tôi đã được hữu sản hóa với hai bộ quần áo màu đỏ có in số ở sau lưng, một manh chiếu cói và một cái chăn. Với cái gia tài đồ sộ đó tôi bước vào một cuộc đời khác.

Thế là tôi đã đổi xác thêm một lần nữa. Lần trước tôi đã trút bỏ bộ quần áo thư sinh để tròng vào người bộ đồ trận ba lô mũ sắt, để từ anh sinh viên Luật mơ mộng thành người lính dầu sương dãi gió trong mười năm chinh chiến. Nay một lần nữa tôi lại tròng vào người bộ quần áo có chữ ở sau lưng để bước vào một quãng đời khác dài không kém. Cuộc đời tù tội.



CHƯƠNG 10



Ông ngồi trên chiếc ghế đẩu, chung quanh la liệt những nẹp nứa và ở góc phòng một lô rổ đã đan xong, nhưng chưa có cạp. Ánh nắng quá vàng lọt chiếu qua khung cửa tạo thành một vệt trên nền đất. Ông ngồi yên, ngược nhìn tôi đang ở thế chào kính, mỉm cười độ lượng.

– Anh không cần giữ quân phong quân kỷ nữa. Bây giờ chúng ta cùng là tù binh cả. Nội qui trại nói rõ mọi người đều gọi nhau bằng anh, không có chuyện cấp trưởng, không có chuyện Lữ Đoàn Trưởng, Sư Đoàn Trưởng, tá tiết gì nữa. Anh ngồi xuống đi.

Đại Tá Nguyễn Văn Thọ, Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù là tù binh cao cấp nhất đã bị bắt khi ông bị thương ở chân và bộ chỉ huy của Lữ Đoàn bị tràn ngập ở Nam Lào trong cuộc hành quân Lam Sơn 719. Tôi lúng túng không biết nói năng gì với một vị sĩ quan của binh chủng tinh nhuệ nhất miền Nam. Ông và toàn bộ chỉ huy trong đó có Trung Tá Trần Văn Bé, Trưởng Phòng Nhì Sư Đoàn Dù đã bị vây khốn vì quân số chênh lệch giữa ta và địch, vì không có đủ tiếp tế đạn dược, tải thương. Tôi đã nghe bạn bè ca ngợi ông và tuy dù chưa một lần diện kiến, tôi luôn hình dung ông đội mũ đỏ có cánh dù, quần áo màu huyết dụ cầm cây can chỉ huy đứng trước hàng quân. Nhưng nay ông ngồi đó trong căn lều lá nền đất ngồi đan rổ. Ông đang nghĩ gì? Thấy tôi vẫn đứng đó, tay vẫn còn ở thế chào, ông lắc đầu:

– Cám ơn anh. Trung Úy Đỗ Lệnh Dũng phải không? Anh em mới tới cho biết là Đồng Xoài đã mất, Bồ Đức cũng mất, e rằng Phước Long cũng nguy đến nơi. Cái vận nước nó thế, biết làm sao hơn. Anh ngồi xuống nói chuyện miền Nam cho tôi nghe đi.

Lòng tôi nhũn xuống. Ông vừa nói vừa tiếp tục bẻ những cây nan nửa cong xuống, lồng vào nhau. Chiếc rổ ông đang đan đã hơi có dạng cong. Khuôn mặt ông bình thản một cách lạ lùng. Mọi thứ từ con người ông là một cam chịu nhưng không khuất phục. Ông nói năng từ tốn, không hề ngưng tay đan lát như thể cả cuộc đời còn lại của ông chỉ để đan kết những mảnh lát, những nẹp nửa. Tôi ngồi xuống chiếc ghế con cạnh ông thông thả kể tất cả những gì xảy ra ở Đồng Xoài. Ông chăm chú nghe, và cuối cùng thở dài:

– Tôi đã nhiều đêm khóc một mình. Tôi thương những người lính như người nghĩa quân cổ chạy ra để rồi chết bên lá cờ ở Đồng Xoài. Nhảy dù có nhiều anh hùng lắm, nhất là những người lính bình thường, lương không đủ nuôi vợ con. Nhưng cái vận nước nó thế biết làm sao hơn.

Tôi nói:

– Thưa Đại Tá, cuộc hành quân 719...

Ông ngẩng đầu nhìn tôi, đôi mày nhíu lại khiến tôi khựng, không nói năng thêm được. Nhưng ông lấy lại cái dáng yên nghĩ của một thiền sư, vững vàng ngay lập tức. Lưng ông vẫn thẳng và cái áo tù sọc đỏ như hơi chật khiến vai ông như rộng hơn ra. Cái dĩ vãng 719 Hạ Lào chỉ thoáng qua trong xúc động cùng cực nhưng rồi ông chậm rãi:

– Trung Úy Dũng, từ nay mình gọi nhau bằng anh em, được không? Không phải vì nội qui của trại. Cũng không phải vì là tù mà phải bỏ cái cấp bậc quân đội của mình sang một bên. Không phải như vậy. Anh còn trẻ, trông anh khỏe mạnh, người doi doi như anh chắc sẽ vượt qua mọi

gian truân của tù tội. Tôi có điều này để nói với anh như một người lính nói với một người lính. Chúng ta đã không hổ thẹn với việc làm của chúng ta, dù ai nói gì thì nói.

Lam Sơn 719 được tung ra với hai mục tiêu. Mục tiêu đầu là phá vỡ hệ thống tiếp liệu của địch mà trọng tâm là ở vùng Tchéphone, Hạ Lào, tìm cách kiểm soát con lộ số 9 để chặn đường tiếp tế của địch từ Bắc. Tất cả những anh em Dù, anh em Sư đoàn 1, anh em Thiết Giáp Pháo Binh, anh em bên Không Quân, tôi nói về tất cả những anh em mình đã tham dự 791 Hạ Lào hồi đó đều biết chắc giai đoạn đầu của cuộc hành quân đã đạt được mục tiêu của nó. Khó mà đưa ra tổn thất chính xác của địch nhưng tôi cam đoan một đổi mười là ít. Nhìn những kho xăng địch cháy, những kho lương thực bị phá hủy, và nhất là nhìn cảnh bộ đội Bắc Việt chết sắp lớp, tôi có thể xác định mục tiêu đầu của ta đã đạt.

– Thừa Đại... – Vâng, thưa anh, nhưng...

Ông giơ tay chặn ngang, ngắt lời tôi:

– Tôi ở trong hầm chỉ huy. Hai chiến xa địch sập hầm bít hết lối và tôi đã gọi pháo bắn chụp lên đầu tụi tôi. Hồi đó tôi cứ thắc mắc tại sao các cấp chỉ huy địch lại phí phạm sinh mạng thuộc cấp đến như vậy. Có một hai sĩ quan khi khai thác tù binh tại mặt trận bảo họ được uống cường lực hay an thần gì đó của Trung Cộng. Tôi không tin hẳn chuyện này. Nhưng trong suốt những ngày tù đầy ngời đạn rỏ rã, tôi vẫn không hiểu tại sao họ phí phạm sinh mạng binh lính đến thế? Thế nào rồi anh cũng có dịp ra ngoài để thấy hậu phương miền Bắc không còn thanh niên nữa. Họ đem nướng không thương tiếc. Chỉ tội cho dân mình, Bắc cũng như Nam. Tôi hiểu các thắc mắc của anh. Tôi không trả lời được tại sao Lam Sơn 719 đã không được đẩy tới trong giai đoạn hai là chiếm giữ các cứ địa 604 và 611 trên đường xâm nhập của địch. Hồi 1970 mình đã phá tan hệ thống tiếp liệu của địch ở Miền. Nếu chúng ta tiến hành đúng, chiếm giữ 604 và 611 trong vòng ba tháng nữa mùa khô thì địch sẽ không còn cách gì tiếp tế cho chiến trường miền Nam. Tôi không trả lời anh được vì tôi bị cầm tù từ hồi đó. Anh ở miền Nam chắc anh có đọc báo hay nghe tin tức, anh có biết tại sao không?

Tôi lắc đầu trầm ngâm. Hẳn là Đại Tá Thọ cũng không chờ một lời giải thích nơi một viên sĩ quan hạng bét như tôi. Nhưng cái thắc mắc của ông hẳn đã dày vò ông nhiều hơn là cảnh tù đầy mà ông đang gánh chịu. Mong rằng sau này những nhà quân sử sẽ trả lời được cho người tù đã coi ngày bị bắt là ngày giỗ của mình.

Ông là sĩ quan cao cấp nhất và được ở riêng một căn lều lá, không phải lao động nặng nhọc nhưng cũng phải chịu chế độ khoán. Đây là một chính sách hẳn đòi được rút tĩa kinh nghiệm của các trại tù Nga Xô, Trung Cộng. Nó đẩy người tù đến tận chân tường, không có cách gì cựa cựa nổi. Tôi không rõ một ngày Đại Tá Thọ phải nộp mấy cái rổ nhưng trông đồng tre, nửa chất đồng ở một góc nhà, tôi biết là ông đã phải lao động cật lực để đạt chỉ tiêu. Cuối cuộc trình diện, ông

trầm ngâm rồi bảo tôi:

– Cảm ơn anh vẫn còn nghĩ đến tình đồng đội để đến thăm tôi – Ông không dùng chữ trình diện
– Điều duy nhất tôi mong mỗi ở tất cả các anh em là phải thương yêu đùm bọc nhau, cố giữ lấy tinh thần của một người lính quốc gia. Chỉ có thế, anh em mình mới chứng minh được mình khác họ. Và chỉ có thế mới mình giải được những điều anh em mình đeo đuổi là đúng. Anh cho tôi gửi lời thăm tất cả anh em mới tới và bảo họ không cần tới thăm tôi nữa. Anh nói dùm với anh em là tôi luôn cầu Trời Phật để mọi người mạnh khỏe.

Mở đầu cuộc đời tù tội của tôi không bắt đầu với Đại Tá Thọ vì đến hai ngày sau do sự dàn xếp của một anh em Dù tôi mới có dịp gặp ông. Vâng, tôi đã khởi đầu kể về đời tù với một sĩ quan huynh trưởng vì đối với tôi, trước sau ông vẫn là một vị chỉ huy trong quân đội miền Nam mà tôi hằng kính trọng.

Cái sợi xích oan nghiệt buộc ba đứa chúng tôi nay đã được tháo ra, nhưng chân phải tôi đã thâm tím thành một vòng nơi cổ chân. Tình đồng đội thể hiện ngay khi một ông “cựu tù” đưa cho tôi một ít muối bảo:

– Bóp cho nó tan máu bầm, coi chừng sâu quảng, có khi phải cưa chân.

Suốt gần một tháng sau ngày nhập trại tù Yên Bái, chúng tôi được học tập liên miên. Họ chia chúng tôi ra thành từng tổ tam tam – ba người một – và độ ba bốn tổ thành một đội. Ba người sinh hoạt chung. Nghe thì chả có gì để bàn nhưng trên thực tế, họ muốn chúng tôi kiểm soát lẫn nhau, báo cáo lẫn nhau. Càng ở tù lâu tôi càng thấy kỹ thuật “cai trị” tù của Cộng Sản đã lên mức tinh vi cực độ có lẽ nhờ rút tỉa kinh nghiệm của các nước Cộng Sản đàn anh. Họ chia để trị, họ khai thác những yếu đuối thể chất cũng như tinh thần để đàn áp tù. Họ đẩy tù vào chân tường, tìm đủ mọi phương thức để bẻ gãy sức đề kháng của tù nhân, quên đi những giá trị căn bản của con người. Họ muốn tù trở thành con vật hai chân, không còn suy nghĩ và chỉ là một công cụ lao động sản xuất.

Mở đầu là những cuộc nhồi sọ liên tu bất tận. Họ bắt chúng tôi học lý thuyết Mác-Lê, tư tưởng Mao, chủ nghĩa Mác xít Lê Nin Nít bách chiến bách thắng. Họ nói đến ông Hồ như một ông thánh toàn diện toàn mỹ, một cứu tinh của dân tộc Việt Nam. Họ giảng cho chúng tôi nghe về lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam và những thành quả rực rỡ như đã thắng cả ba thế lực lớn nhất hoàn vũ, Thực Dân Pháp, Phát Xít Nhật và nay là Đế Quốc Mỹ.

Đám tù vượt Trường Sơn mới đầu còn tò mò nghe và càng nghe càng thấy khó lọt lỗ tai. Nhưng càng ở tù lâu tôi càng thấy những buổi sinh hoạt học tập ở thời điểm này là thời điểm vàng son nhất vì chúng tôi chưa phải lao động, chưa phải khoán đào đất, đục đá, vác nứa, chặt tre hoặc những việc lao động cực nhọc khác.

Chúng tôi được tập trung ở hội trường một ngày hai lần để học tập và buổi tối thì sinh hoạt nhóm, sinh hoạt tổ. Trong những buổi như vậy một cán bộ nói: – nói dai nói nhiều – và chúng tôi chỉ biết nghe. Họ nói tràng giang đại hải, chữ nghĩa kêu lổp cổp nhưng toàn là những bài học thuộc lòng được lập đi lập lại đến nhàm chán và khô khốc. Những bài giảng được giảng để mà giảng, nói để mà nói, không cần người học người nghe có hiểu và có chấp nhận hay không. Do đó tên cán bộ Cộng Sản thao thao bất tuyệt về thành quả rực rỡ của Đảng và Bác Hồ thì ở dưới chúng tôi ngủ gà ngủ gật và đôi khi còn xầm xì to nhỏ.

Đó là về tinh thần. Về thực tế đời sống, lũ tù mới bị dội ngay ngày hôm sau khi bắt đầu chế độ ăn uống của trại. Khi di chuyển từ Nam ra Bắc tù được ăn uống tuy kham khổ nhưng không đến nỗi nào, có nghĩa là chúng tôi vẫn có cơm trắng đủ no và còn thêm tí thức ăn. Nhưng ngay khi lần đầu lãnh cơm của trại, không ai ăn được một miếng. Thật ra không phải là cơm mà là mì sợi, không hiểu mì được chế bằng loại bột gì, màu nâu đen và nát bét, có mùi hôi mốc. Cộng vào đó là một tí canh rau lông bống. Tất nhiên là canh chay không cá thịt. Bài học đầu tiên của cuộc sống tù đầy thật đau đớn. Phần ăn bỏ lại của tù mới đã được tù cũ chiếu cố tận lực. Một vị tù cũ thân nhiên bảo tôi:

– Có mì, có cái ăn là quý rồi. Mai mốt các anh sẽ thấy những thứ các anh nuốt không trôi đó chính là cao lương mỹ vị. Người dân ở ngoài, người dân của xã hội chủ nghĩa đôi khi không có cả những thứ các anh vừa chê.

Tôi nghe mà chỉ bán tín bán nghi. Có thể vì tôi chỉ mới rời khỏi đời sống của miền Nam chưa quá hai tháng chẳng? Nhưng rồi thực tế vẫn là thực tế. Khi được sai đi chặt tre ở xa trại, chúng tôi được “gửi ” ở nhà dân và nhìn mâm cơm của họ, tôi chợt thấy mức chênh lệch đến rợn người giữa cuộc sống miền Nam và miền Bắc.

Ông Bình ở cùng lán và cùng tổ với tôi đã dạy tôi bài học vỡ lòng về cái nhìn của Đảng Cộng Sản đối với miếng ăn. Ông bảo:

– Đối với Cộng Sản, gạo là vũ khí chiến lược. Vũ khí này không chỉ để đương đầu với địch mà chính là để “đánh nhau” với dân chúng. Họ kiểm soát bao tử của dân bởi đói thì phải quy lụy, phải nghe lời. Đói thì dễ kiểm soát.

Một người như Đại Úy Bình cương trực tiết độ và lúc nào cũng chừng mực nhưng chính ông đã là nạn nhân của “vũ khí chiến lược”. Ông đã xẹp đi đến quá nửa người vì sốt rét trên đường Trường Sơn. Đến trại ông vẫn khật khà khật khưỡng, người vẫn như đi không vững. Bỗng như phép lạ, khoảng hai tháng sau, ông hồi sức lại, hồi sức một cách quá vội vàng. Những bữa cơm tù đầu ông chỉ nhắm nháp cố nuốt nhưng bao giờ cũng còn dư đầy bột sang cho tôi. Một hôm ông ăn hết sạch bát mì bát cháo trộn với gạo đã gần như mục, và cười bảo tôi:

– Vẫn còn ăn được nữa. Chưa no.

Tôi cũng chỉ biết cười

– Ráng ăn cho lại sức

Lũ tù mới nay đã trở thành tù cũ, nghĩa là đã phải lao động cật lực. Mỗi sáng tù được chia thành từng đội sắp hàng đi chặt tre. Tre ở xung quanh trại đã bị đốn từ lâu nên chúng tôi đã phải lợi cở gần ba cây số mới tới chỗ. Rừng tre lâu đời chẳng chặt, cành nọ quấn, giằng lấy cành kia. Tre cao nghều nghệu, cao vút và gốc rất to. Chặt tre nguy hiểm vì lơ mơ có thể chết như bỡn. Theo lời kể thì đã có dăm ba tù nhân chết không kịp ngáp vì tre. Khi chặt một nhát cắt sâu được nửa thân thì do sức kéo từ trên ngọn, thân tre bật ngược búng lên như một lưỡi đao. Lơ mơ trúng có thể đứt ruột chết tại chỗ. Một người tù bị tre quật vào cánh tay đã phải cưa vì xương dập nát như không cách gì nối lại được. Họ khoán mỗi tù nhân phải chặt mỗi ngày một số tre nhất định. Nếu chỉ chặt và lôi xuống róc cành rồi bỏ đó thì mỗi ngày cỡ ba mươi cây. Nhưng đôi khi chặt xuống, tù phải cong lưng vác tre về nộp. Đem được một cây tre về đến trại không phải nhàn nhả gì. Đôi khi nó quá dài, hai đầu cứ nhip lên nhip xuống, lơ mơ ngã chúi xuống như chơi. Lao động nhưng ăn uống quá kham khổ, quá đói, lũ tù mới chúng tôi rạc thấy rõ, và rất nhanh. Ai nấy róc hằn người. Đói triền miên. Lúc nào cũng thấy đói. Rất nhanh chúng tôi được trao kinh nghiệm “bồi dưỡng linh tinh”, có nghĩa là phải tìm thêm cái ăn, tìm ở đâu thì tìm, tìm cách nào thì tùy. Một đợt măng bé tí tẹo chưa kịp nhú lên đã bị cắt. Vô được một con nhái, con ếch ương là có thêm chất thịt. Trên con đường đi lao động mắt chúng tôi láo liên và nhất là khi bảo vệ lơ là thì nhiệm vụ chính không còn là chặt tre nữa mà là kiểm xem có cái gì có thể nhai được không.

Đại Úy Bình kể từ khi hồi sức đã chăm chỉ linh tinh hơn hẳn anh em. Khi tôi tìm được thì ông đã sùi bọt mép, miệng cứng và mắt trợn trừng. Đại Úy Bình đã chết bên bờ suối, trong tay còn cầm một ít nắm màu nâu. Trong khi được huấn luyện ở trường bộ binh Thủ Đức, tôi đã được dạy rằng có nhiều loại nấm rất độc, ăn vào có thể chết ngay và thường những loại nấm này có mùi thơm và vị rất ngon. Không bao giờ tôi có thể nghĩ có ngày nhìn thấy một đồng đội đã chia ngọt sẻ bùi, một vị huynh trưởng đáng kính như ông lại có kết thúc oái oăm và bất ngờ như vậy. Đại Úy Bình nằm đó trong bộ áo tù sọc đỏ, hai chân vẫn còn trong con suối cạn, người thì lật ngửa, hai tay co quắp. Tôi chợt nhớ đến những lần ông thần nhiên nói đến cái chết ở núi rừng Trường Sơn và hôm đầu khi đến trại tù Yên Bái. Tôi nghe để mà nghe nhưng không bao giờ nghĩ ra được cái kết thúc vô lý đến như vậy xảy ra cho một người vốn tin vào cuộc đời như ông.

Tôi nhắc ông Quyền và phải đến mấy ngày sau tôi và ông Quyền mới tìm được dịp cùng nhau đặt bó hoa đại trên nấm mộ đất bên rìa trại tù, nơi Đại Úy thiết giáp Lương Văn Bình được vùi xuống vôi vàng.



Tôi không có cách gì để nhớ hết tên các trại tù tôi đã trải qua. Mọi thứ dưới chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa đều được coi là bí mật quốc gia. Các trại tù đều mang bí số lúc thì C, lúc thì T, Z. Như T42 chẳng hạn. Nhưng cứ như sự hiểu biết của tôi thì trại tù binh Yên Bái là nơi duy nhất giam giữ sĩ quan của miền Nam bị bắt giữ ở mặt trận.

Nhưng một hôm chủ nhật vì thiếu tiếp liệu, chúng tôi được điều động để đi lấy thực phẩm. Sáu người tù được giao cho hai chiếc xe cải tiến và khi chúng tôi đến chỗ để lấy lương thực cách trại khoảng hai cây số thì quả là một bất ngờ. Ngay khi vừa lọt vào trong hàng rào thì có tiếng hô hoán:

– Đơn vị nào? Cấp bậc? Lâu chưa...

Giọng nói hoàn toàn miền Nam khiến sáu đứa tụi tôi sửng sốt. Phe mình. Từ trong các căn nhà mọi người đổ tủa ra hỏi tít tít. Ngay khi biết tông tích tụi tôi, cách xưng hô khác hẳn. Họ gọi chúng tôi bằng “Ông Thầy”.

Đây là trại giam giữ tù cấp Hạ Sĩ Quan của miền Nam. Quan sát rất nhanh, tôi thấy họ được đối xử khác hẳn với chúng tôi. Họ không ở trong những cái lán chứa cả trăm người mà ở trong những căn nhà lá nhỏ nhỏ, có lẽ độ mười mười lăm người một, và họ có một tí đất để trồng rau. Những người lính ở đây không bao giờ biết được cách họ chưa đầy hai cây số lại có một trại giam sĩ quan. Bởi vậy, trại bỗng như một cái chợ vỡ, mọi người tủa ra bao vây lấy sáu đứa tụi tôi. Họ hỏi tới tấp không kịp trả lời. Trông họ khác hẳn tụi tôi. Họ không mặc đồ tù mà là quần áo giống như lính Bắc Việt. Bỗng một người hô:

– Có cái gì đem cho mấy Ông Thầy đi, bà con ơi.

Tôi nghĩ dằng dấp bề rạc trong bộ đồ tù với chữ số ở phía sau lưng đủ tố cáo cảnh sống của chúng tôi. Chỉ trong vòng vài phút sau đó, đồ tụi tôi tấp quăng lên hai chiếc xe cải tiến, cảm động nhất là có cả mấy cái áo trấn thủ được kết lại từ những mảnh chăn và mấy cái mũ cũng được khâu vá từ những mảnh vụn. Rất nhiều rau và có cả mấy cây mía. Một người chạy ra dúi vào tay tôi một cái lon sắt – không rõ anh ta gò lấy hay tự nó đã như vậy – và bảo tôi:

– Ông Thầy, cái này xài đỡ lắm.

Cái lon sắt ân tình đó khá dày dặn lớn hơn lon sữa đặc một chút, đã là vật tùy thân của tôi trong suốt mười năm lao đao. Quả thật là “đỡ lắm” vì nó vừa là lon uống nước, vừa là cái để đựng đồ ăn, để đun nấu, pha trà. Nó đeo đẳng tôi như chính cái tình đồng đội không bao giờ phai nhạt giữa những người lính với nhau. Trong số chiến lợi phẩm, tôi nhớ có khá nhiều thuốc lá. Mấy người bảo vệ đi theo hình như cũng ngó lơ cho tụi tôi để “thoải mái” với những anh em Hạ Sĩ Quan. Có người cho hay họ bị bắt từ năm 1968 – tức tết Mậu Thân – tôi nhẩm tính. Bảy năm. Họ hỏi những câu hỏi như: “Tình hình Sài Gòn ra sao?” “Ông Thầy có biết tiểu đoàn TQLC Trâu Điền

không?” “Liệu mình có thắng không?” “Chính phủ mình có biết số phận của tù nhân không?”... Hơn một trăm con người bu chung quanh tụi tôi với cả nghìn câu hỏi không có câu trả lời. Nhưng cái tình của họ đối với chúng tôi có lẽ là niềm an ủi lớn nhất, nó không chỉ là tình đồng đội mà còn chan chứa tình người. Khi về, chúng tôi chia chiến lợi phẩm cho cả trại. Tôi ngồi nhai một khúc mía. Nước mía ngọt lịm, thấm vào từng đường gân sớ thịt và tôi có cảm tưởng như mình đang hồi sinh.



Trại tù Yên Bái khi chúng tôi tới thì đã có khoảng hai trăm anh em bị bắt từ trước. Họ ở trong ba cái lán và cũng chính họ dựng sẵn chỗ cho chúng tôi. Những anh em này đã giúp chúng tôi rất nhiều để đương đầu với những nhọc nhằn của đời tù. Câu khuyên đầu tiên là cố giữ sức khoẻ để chờ ngày về. Ngày về diệu vợi và xem ra không tưởng đối với tôi, nhưng khi nghe họ thuật lại, tôi cũng bán tín bán nghi. Một số anh em cho hay khoảng hơn một năm về trước họ đã được thả một lần. Họ được tập trung lại học tập hai ngày với một cái tin sốt dẻo rằng họ sẽ được đưa trở lại miền Nam để trao đổi tù binh. Họ được phát hai bộ đồ công nhân màu xanh, cùng với những xa xỉ phẩm như thuốc đánh răng, bàn chải, khăn lông, xà bông, và hách nhất là một cái ba lô mà theo lời họ thì rất đẹp, có quai da hẵn hoi và thấy đề là sản xuất tại Tiệp Khắc. Khi lãnh những thứ đó, ai nấy đều mừng và trong cái nỗi mừng tủi sẽ được về miền Nam đó, anh em vẫn kháo với nhau rằng Bắc Việt dẫu sao cũng còn cố muốn chúng tôi đổi đải với tù binh đúng theo qui ước quốc tế. Ít nhất thì cũng có kem đánh răng hẵn hoi. Những người tù xúng xính trong bộ quần áo công nhân đó được đưa đi một vòng Hà Nội bằng xe Molotova và sau đó chở đi về Nam. Nhưng khi đến Vĩnh Linh họ được giữ lại không đi tiếp. Cho đến cỡ một tuần sau, họ được thông báo một cái tin rất khó tin:

– Chính quyền miền Nam không nhận các anh.

Theo lời của viên cán bộ thì miền Nam đã không thừa nhận là đã đánh sang Lào, là Quân Đội Miền Nam không bao giờ vượt biên giới qua quốc gia lân cận và do đó không hề có chuyện Cộng Sản Bắc Việt bắt được sĩ quan VNCH ở Lào. Chính quyền miền Nam hoàn toàn phủ nhận lời cáo buộc của Cộng Sản Hà Nội về những tố cáo không bằng chứng này. Kết quả là họ được chở trả lại trại và tất cả các đồ tế nhuyễn trong đó có cái ba lô Tiệp Khắc đều phải nộp vào kho.

Xin ghi lại đây sự kiện trên và mong mỗi anh em nào ở trại Yên Bái còn sống đâu đó, Việt Nam hay bất cứ nơi nào trên thế giới, nếu có dịp xin lên tiếng xác minh.



Đời sống tù là một đời sống biệt lập. Chúng tôi không hề được biết chuyện gì đang xảy ra ở bên ngoài. Sáng ra sắp hàng từng đội đi lao động khổ sai, về đến trại thân thể rã rời, và ít nhất thì một

tuần ba bốn buổi tối phải sinh hoạt học tập. Chúng tôi sống như những đơn vị lao động không được suy nghĩ. Chúng tôi sống với một bức tường im lặng phủ lên đầu vì không được biết ngoài trại này cuộc sống diễn tiến ra sao. Dật dờ, không biết số phận ra sao có lẽ là nỗi đau khổ lớn nhất. Hơn cả ngay cái việc bị hành hạ lao động khổ sai.

Cho đến một hôm bỗng cán bộ cho chúng tôi nghe đài – chữ của ngoài Bắc gọi tắt Đài Phát Thanh. Tiếng của các xưởng ngôn viên đài phát thanh Hà Nội được tiếp vận lên tận đây có cái cung bậc cao, the thé như muốn xoáy vào tai người nghe. Những tin tức loan tải làm mọi người choáng váng và không ai tin đó là sự thật. Đài Hà Nội loan tin quân đội giải phóng đã chiếm được Ban Mê Thuột, đã lấy được Phước Long làm thủ đô của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Hôm sau đi lao động về, một tấm bản đồ lớn được dựng trước cửa trại. Trên đó là những lá cờ đỏ sao vàng được cắm để đánh dấu những vùng đã được giải phóng. Trên đài phát thanh, Hà Nội luôn luôn nói một điều quân đội giải phóng, hai điều quân đội giải phóng nhưng trên tấm bản đồ họ không cắm cờ của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam mà là cờ đỏ sao vàng. Trước những tin tức tới tấp rằng vùng này đã được giải phóng, vùng kia đã được giải phóng, chúng tôi vẫn cười khẩy, không một ai tin. Tôi nhớ một ông bạn đồng tù đã kể lại vụ Tết Mậu Thân. Theo lời ông thì khi dốc toàn lực để Tổng Tấn Công Nổi Dậy vào năm 1968, ngay tại Hà Nội, Ông Hồ Chí Minh cũng cho dựng một tấm bản đồ lớn, và chính ông cũng có lần ra tận đó chiêm ngưỡng thành tích của quân đội giải phóng. Ngay mấy ngày đầu cờ nhỏ cũng được cắm và còn cẩn thận, sơn màu đỏ những vùng đã được giải phóng, khởi đầu là vùng Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng. Nhưng chỉ độ mười ngày sau thì tấm bản đồ chỉ rõ từng bước tiến của quân đội giải phóng bị dẹp mất tiêu. Ông bạn kết luận:

– Bỏ cũ soạn lại, chắc nó sắp dẹp đến nơi.

Đôi ba người còn bàn rằng đây là một đòn chí tử, một sai lầm lớn về chiến thuật của Hà Nội. Họ đã dốc toàn lực vào cuộc tiến công này và trực diện đánh theo chiến tranh qui ước chứ không còn là du kích chiến nữa. Và như vậy e rằng họ sẽ lãnh đủ vì hỏa lực của Cộng Sản không thể so được với bom đạn của Mỹ. Mậu Thân cho thấy tất cả những đơn vị, cán bộ nằm vùng bị lộ diện, bị tiêu diệt và lần này thì chính quân chính qui Bắc Việt cũng sẽ lãnh đòn.

Bản kiểu gì cũng được, nhưng càng ngày bản đồ ở trước trại càng thấy nhiều cờ đỏ ở phía Nam. Sau Đà Nẵng, Đà Lạt. Vùng Ba Chiến Thuật chỉ còn có Biên Hòa chưa thấy cắm cờ. Đài Phát Thanh Hà Nội phát toàn nhạc quân hành, và tin tức thì liên miên thuật lại những bước tiến vũ bão của quân đội giải phóng và những thảm bại của Ngụy quân.

Mọi sự diễn ra như chuyện không có thật, chuyện giả tưởng và chúng tôi nhất định không tin. Bộ quân lực Việt Nam Cộng Hòa là đồ bỏ chắc? Chúng tôi đã từng đối mặt với đối phương giữa những lần lừa đạn. Chúng tôi biết rõ tinh thần của những người lính, dù là Nghĩa quân, Địa

Phương quân hay những binh chủng nổi tiếng như TQLC, Dù, Biệt Động Quân. Dẫu có đem chém, những người tù binh ở trại Yên Bái vẫn không tin những tin tức của đài Hà Nội. Cuộc chiến đã có những lúc lên cao độ nhưng quân lực VNCH chưa bao giờ nhượng bộ. Tết Mậu Thân, chỉ những đơn vị chủ lực như Dù mới có carbine còn đa số là Thompson vậy mà dù bị tấn công bất ngờ, chúng tôi đã đẩy lui cả một đạo quân Bắc Việt với AK 47, với B40, B41 và hỏa tiễn 122 ly. Mùa hè đổ lửa ở Huế, ở Quảng Trị, ở Cao Nguyên. An Lộc nhỏ bé đã đứng vững dù quân số chênh lệch một chọi bảy tám và hỏa lực của địch đã được vận động tới mức tối đa. Ngay một cái quận lỵ bé tí của tôi, quận Đôn Luân, với một số quân ít ỏi và hỗn tạp đã chống trả với công trường 7 trong gần nửa tháng. Bộ quân lực VNCH là đồ dờm chắc?

Chúng tôi ngày ngày vẫn phải đi lao động, kẻ chặt tre, người cày ruộng, đưa đào đất, đục đá nhưng tối về là tùm năm tùm ba vừa nghe đài vừa điếu cọt.

Tôi nhớ mãi vào ngày 30/4/1975 khi về đến trại thì đài oang oang loan tin xe tăng quân giải phóng đã húc sập cổng Dinh Độc Lập và Tổng Thống Dương Văn Minh đã đầu hàng và miền Nam đã hoàn toàn giải phóng.

Quan chức cán bộ cho hay ngày mai chúng tôi không phải lao động, được nghỉ để ăn mừng ngày tổ quốc thống nhất và đặc biệt sẽ là mổ một con trâu để liên hoan.

Thế này là thế nào? Ông Quyền vừa nhai miếng thịt trâu nửa sống nửa chín bảo tôi:

– Ông Thầy có tin không? Tướng Patton cũng không thể đánh nhanh được như vậy. Cái ông Võ Nguyên Giáp thắng ở Điện Biên Phủ vì Mỹ từ chối không xài B 57 đánh bom giúp Pháp và ông Giáp có cả một đồng cỏ vắn Tàu và vũ khí chở xuống từ Bắc Kinh, Mạc Tư Khoa. Nhưng đó là trận đánh công đồn, thật ra cũng không có gì ghê gớm lắm. Tôi không tin Tướng Giáp đủ bản lĩnh để trong hơn một tháng đánh tan quân đội mình. E có cái gì khúc mắc !

Một ông bạn khác hỏi tôi:

– Lúc ông bị bắt ai làm Tổng Thống ?

– Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu.

– Còn ông Dương Văn Minh?

– Đại tướng Dương Văn Minh đã hồi hưu từ lâu, đâu có giữ chức vụ gì.

– Thế tại sao lại có chuyện tổng thống Dương Văn Minh đầu hàng? Tôi nhớ độ nửa tháng trước tụi nó vẫn ra rả Thiệu Kỳ Khiêm cơ mà!

Thái độ của tù binh không có gì lọt qua mắt cán bộ nhưng có lẽ chính họ cũng choáng váng trước những sự việc xảy ra. Họ không hề có biện pháp trấn áp gì, vẫn lo liên hoan cười nói và luôn

mồm câu: “đất nước thống nhất – hòa bình lập lại” hoặc “chúng ta đánh bại ba đế quốc Nhật Pháp Mỹ...” Không khí của kẻ thắng được thể hiện không chỉ nơi những người lính canh tù mà khi đi ra ngoài lao động chúng tôi thấy cờ xí và biểu ngữ giăng khắp nơi.

Vài hôm sau ngày 30/4, chúng tôi được đọc báo! Một chồng báo Nhân Dân cũ cả tuần được phân phát tứ tung, trên trang nhất là tám hình xe tăng Cộng Sản ủi sập cổng dinh Độc Lập. Lời nói không có sức thuyết phục như hình ảnh. Tôi nhìn đi nhìn lại tám hình trên tờ báo. Báo của Hà Nội lúc đó vẫn còn in typo và giấy rất xấu. Đang chăm chú nhìn cái cổng Dinh Độc Lập bị xệ một bên và cái họng súng 100 ly trên pháo tháp của chiếc xe tăng, tôi nghe tiếng một ông bạn tù:

– Mẹ kiếp. Nó vào đến Dinh Độc Lập thật.

– Ghép hình mấy hồi. Tôi chơi ảnh từ thừa bé, cỡ này ăn thua gì. Nếu muốn tôi cũng có thể dùng kỹ thuật phòng tối cho cụ Diệm đi duyệt binh ở ngay Hà Nội.

Tôi không ngờ cái câu phát biểu này lại được anh em tù loan truyền rất nhanh. Trong cái sững sờ của sự việc, trong nỗi tuyệt vọng đến tận cùng, một vật bèo trên mặt nước có thể trở thành cả một cái bè hoặc hơn nữa. Người này rủ tai người kia:

– Thăng Dũng là photographer thứ thiệt. Nó tinh lắm nhìn ngay được vụ ghép hình.

Sáng hôm sau tôi không phải làm lao động và quăng mười giờ sáng hai viên cai tù súng ống hẳn hoi tiến vào phòng. Đây cũng là thói quen rất đặc biệt của những người Cộng Sản. Bất cứ khi nào đi vào phòng tù cũng võ trang cẩn thận và luôn luôn đi hai ba người dù họ biết chắc trong phòng chỉ có một ông tù ốm đói. Tôi bị dẫn lên văn phòng trưởng trại để làm việc.

Khi tôi vừa bước vào đến cửa thì đã có tiếng đập bàn, quát tháo:

– Tại sao anh bôi nhọ chế độ? Tại sao anh ngoan cố, tung tin đồn xuyên tạc láo lếu?

Thấy tôi ngây mặt nhìn, ông trưởng trại – tôi không bao giờ biết ông ta cấp bậc gì và tên thật ra sao, bởi lúc nào cũng chỉ biết ông ta là anh Sáu – đập bàn quát tiếp:

– Ngoan cố. Đến giờ phút này anh vẫn còn ngoan cố không tin vào chế độ. Mỹ đã cút chạy anh còn vọng tưởng gì? Thăng Dương Văn Minh đã đầu hàng quân giải phóng. Ngụy quân Ngụy quyền các anh lúc nào cũng cứng đầu ương ngạnh ngoan cố không chịu giác ngộ. Đến giờ này anh còn suy tưởng gì?

– Thừa cán bộ...

– Anh còn cãi nữa à? Anh bảo là báo Nhân Dân ghép hình là thế nào?

Ngay khi bị giữ lại ở phòng, tôi biết ngay lý do và đã suy nghĩ cách trả lời:

– Tôi đâu có nói báo của nhà nước ghép hình. Tôi có nói là ông phóng viên chụp vội quá nên hình không rõ nét. Vả lại tấm hình in cũng mờ quá.

– Ngoan cố! Ngoan cố!

Và ông trưởng trại bỗng cười sảng sặc, chỉ vào mặt tôi:

– Sự thật sờ sờ mà anh vẫn còn mơ ngủ...

Sự thật sờ sờ ông trưởng trại tù hất vào mặt tôi phải chờ đến gần một tháng sau mới đúng là sự thật không chối cãi được. Tôi nhớ chúng tôi sáng ra không phải đi khổ sai mà được lừa vào phòng lớn của trại vì có Trung Ương xuống. Nếu quen thuộc với nếp sống ở miền Nam thì sẽ bức mình vì ở Xã Hội Chủ Nghĩa Miền Bắc không có gì minh bạch cả, cái gì cũng úp úp mở mở. Nhưng nếu hiểu rằng nhà cầm quyền chủ trương chỉ cho người dân biết những gì họ muốn người dân biết thì sẽ hiểu cái ngôn ngữ như Trung Ương ở trên. Những thằng tù như tụi tôi chỉ được biết “Trung Ương” mà không hề được giới thiệu đó là nhân vật cỡ nào, chức vụ gì và ngay cả đến tên tuổi cũng không, dù chỉ là bí danh đây “màu đỏ, màu hồng” như Nguyễn Chiến Thắng, Trần Gia Tăng !

Nhưng Trung Ương có khác thật vì ông ta đến với một phái đoàn tới năm người và trông cái cung cách đón tiếp trọng vọng và đầy vẻ khúm núm của ông Sáu trưởng trại và mấy ông cán bộ, tụi tù đều hiểu ông ta phải quan trọng lắm. Điều khác nữa nổi bật hẳn là ông Trung Ương và mấy người tùy tùng đều mặc áo sơ mi trắng dài tay. Dù áo không ủi và bỏ ngoài quần nhưng có lẽ đây là lần đầu tiên trên cái nôi của Xã Hội Chủ Nghĩa, chúng tôi được mát mắt vì từ trước đến nay chỉ thấy hoặc là áo sọc tù đồ, hoặc là quần áo màu xám xịt, màu nâu u tối của lính, của cán bộ và của dân chúng.

Tôi đã nhớ rất kỹ cái vụ này không hẳn chỉ là cái bề ngoài mát mắt mà chính những gì Trung Ương nói với tù binh chúng tôi.

Đó là một người trung niên, da trắng và ăn nói khác hẳn ngay từ câu mở đầu:

– Tôi được Trung Ương cử xuống để tường trình với anh em rằng hòa bình đã lập lại, đất nước nay đã thống nhất và ngày sum họp với gia đình của anh em không còn xa nữa.

Tôi nhìn sang bạn tù bên cạnh. Ông bạn tù nhìn tôi. Ơ! Thế bây giờ chúng ta là anh em với Trung Ương rồi. Từ trước tới ngày hôm nay, nếu không phải là những mỹ từ đầy thóa mạ, lịch sự lắm họ gọi chúng tôi là “các anh”. Nay là anh em cùng một cha một mẹ Việt Nam thì còn gì bằng, và điều này cũng chưa mừng bằng lời hứa là chúng tôi sắp được về sum họp với gia đình. Riêng cá nhân tôi, “sắp” có nghĩa là gần một thập niên.

Sau lời mào đầu đầy tình cảm, Trung Ương đi thẳng vào vấn đề:

– Hiện anh em còn bán tín bán nghi, không tin rằng dân tộc chúng ta đã đánh tan, đuổi toàn bộ bọn Mỹ cút khỏi Việt Nam. Tên đại sứ Mỹ đã phải cuốn cờ rút chạy bằng phi cơ trực thăng. Tổng thống Dương Văn Minh của miền Nam đã ký giấy đầu hàng vô điều kiện...

Hội trường không một tiếng động.

Lũ tù ngồi xồm thành từng hàng ngũ chong tai nghe như muốn nuốt lấy từng lời của Trung Ương. Ở bên cạnh chiếc bàn trải khăn đỏ có một cái giá. Sau lời chào đầu đầy vẻ anh em đó là màn tường trình Đại Thắng Mùa Xuân. Cứ theo lời Trung Ương thì có tới hai ý kiến để tấn công miền Nam vào mùa xuân 1975. Một là của tướng Trần Văn Trà muốn tấn công dọc đường mở các trận đánh ở phía Tây Bắc Sài Gòn nhằm vào các tỉnh Tây Ninh, Bình Long và Phước Long để làm áp lực với Sài Gòn và để đo lường phản ứng của Mỹ. Ý kiến thứ hai của tướng Võ Nguyên Giáp dùng trận địa chiến đánh thẳng từ Quảng Trị xuống và tấn công vùng Ban Mê Thuột, Pleiku, Komtum ở Cao Nguyên Trung Phần vì các địa bàn này gần với hậu cứ, dễ tiếp liệu từ ngoài Bắc vào.

Trung Ương đồng ý:

– Đồng chí Lê Duẩn và Bộ Chính Trị vô cùng sáng suốt nên đã chấp nhận cả hai ý kiến là chính đáng. Quân đội nhân dân anh hùng bắt đầu bằng mục tiêu Phước Long, mở đầu bằng các trận công đồn chung quanh tỉnh lỵ này...

Tim tôi nhói lên. Tôi không bao giờ tưởng tượng được cái quận lỵ nhỏ tí teo của Phước Long lại trở thành con chốt thí đầu tiên trong cả một chiến dịch lớn nhằm xóa Việt Nam Cộng Hòa. Tôi ngồi chết dí trong hội trường của trại tù, tai lùng bùng, mắt như mờ đi. Những hình ảnh bi hùng của Đồng Xoài hiện ra như một cuốn phim quay chậm. Những người Nghĩa Quân, những người lính Thám Báo... Thiếu tá Quận Trưởng, ông Khoát, sống hay chết? tôi nhớ đến cảnh người lính trúng đạn 100 ly của T54, người và áo giáp tung ra như những tràng bông đỏ. Ở góc kia, tôi vẫn thấy ông Chuẩn úy Kiệt và Chuẩn úy Văn.

Tiếng của Trung Ương vẫn rõ ràng và âm vang:

– Trận Phước Long cho thấy Bộ Chính Trị của ta sáng suốt. Bọn Mỹ đã không dám can thiệp. Mỹ đã bỏ rơi bọn đàn em, bọn bù nhìn tay sai Thiệu Kỳ Khiêm. Nhưng Bộ Chính Trị luôn luôn dự trù những bất ngờ có thể xảy ra. Hạm đội 7 của Mỹ vẫn còn lảng vảng ngoài biển Nam Hải. Bọn chúng còn những cứ điểm quân sự lợi hại ở Thái Lan, ở Phi Luật Tân, ở Guam. Bộ Chính Trị của ta dự trù có thể Mỹ lại điên cuồng nhảy trở vào Việt Nam và có thể bọn chúng sẽ huy động 600,000 lính từ những nơi trên bất thần trở cò. Bộ Chính Trị do đó đã huy động toàn thể lực lượng vũ trang nhân dân, cả phụ nữ lẫn thiếu nhi. Bốn triệu tay súng đã sẵn sàng để đương đầu nếu Mỹ vẫn tiếp tục mưu đồ, ôm mộng đế quốc...

Ông Trung Ương cầm cái gậy chỉ vào những tấm carton trên giấy trắng vẽ xanh vẽ đỏ, mũi tên ngang mũi tên dọc. Trận Ban Mê Thuột, Ngụy quân đã thua như thế nào. Cuộc tiến chiếm Pleiku diễn tiến ra sao... Và cuối cùng là xe tăng T54 ủi sập cổng dinh Độc Lập, Tổng thống Dương Văn Minh đã phải đầu hàng.

Phải nhận rằng ông Trung Ương này có khả năng thuyết trình vì rõ ràng tù nhân với quá khứ bom đạn đã ngồi im thin thít nghe và không thể bàn tán gì được trước sự thật sò sò trước mắt. Miền Nam không còn nữa. Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa không còn nữa.

Cuối cùng, ông Trung Ương cười tươi như hoa, đồng đặc:

– Trước cái vui lớn của tổ quốc, tôi cũng xin báo một tin vui nhỏ dành riêng cho anh em. Anh em sẽ được viết thư về thăm gia đình. Tôi hứa sẽ đích thân đưa những lá thư của anh em vào tận Miền Nam và sau đó theo dõi để thư được đưa đến từng gia đình. Anh em sẽ có thư trả lời ngay trong ít ngày sắp tới.

Nói tới đây ông Trung Ương quay sang bên cạnh:

– Anh Sáu phát cho anh em giấy bút, phong bì và chỉ dẫn anh em viết cho mau. Sáng mai gom, góp lại rồi chuyển cho tôi.

Như vậy là tù chúng tôi được báo hai tin vui một lúc. Không biết có anh em nào vui cái niềm vui lớn của Trung Ương là đã đuổi được Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào không nhưng tin vui nho nhỏ là được liên lạc về gia đình xem ra có vẻ lớn hơn.

Chúng tôi được phát một phong bì có chữ Par Avion và một tờ giấy pelure màu trắng nhờ nhờ rất mỏng. Ấy, không phải cứ phăng phăng mà viết. Phải học tập cho thông suốt trước. Anh Sáu trưởng trại đích thân đứng ra hướng dẫn nội dung thư.

Thứ nhất không được tiết lộ vị trí trại.

Thứ nhì phải nêu rõ quyết tâm học tập và đề cao chính sách khoan hồng của đảng và nhà nước.

Nội dung thư chỉ để cho gia đình thấy rõ mọi tù nhân đều khỏe mạnh, được đối xử tử tế và đang cố gắng để thông suốt đường lối cách mạng. Những ai đã đi tù, tù kiểu gì cũng vẫn là tù, tù binh, tù cải tạo, tù vượt biên, tù phục quốc hay cả tù hình sự đều đã có kinh nghiệm khi được viết thư lần đầu về nhà. Mở đầu là cảm ơn đảng, cảm ơn nhà nước và cuối cùng là nêu quyết tâm học tập. Đoạn giữa là chuyện riêng. Mặc dầu đã dặn dò kỹ, nhưng trước khi dứt lời anh Sáu còn cần thận nhắc mọi người đừng dán thư lại.

Tôi bó gối ngồi suy nghĩ. Viết thư cho ai bây giờ? Chú Hà Bình Trung là sĩ quan cao cấp e rằng cũng đang ở trại tù nào đó. Liệu gia đình Dung có còn ở chỗ cũ không? Liệu gia đình ông bà nhạc

tương lai có bị liệt vào tư sản mại bản không? Kể từ hôm trại tù được nghe đài, cái loa phóng thanh the the suốt ngày và qua đó những tin tức về chiến dịch đánh tư sản mại bản đã khiến tôi lo lắng rất nhiều vì gia đình Dung có cửa tiệm chuyên về máy lạnh rất lớn. Cuối cùng tôi lựa bà bác chị của bố tôi. Bác tôi Đỗ Thị Mùi đã già rồi chắc không có vấn đề gì. Tôi viết rất ngắn gọn, nhờ Bác cho gia đình tôi hay tôi vẫn còn sống và khoẻ mạnh, nhờ thông báo cho gia đình Dung biết tin tức của tôi.

Lá thư của tôi trót lọt dễ dàng nhưng có những bạn tù khác phải viết lại thư, trong đó buồn cười nhất là một người đã bị gọi lên mắng mỏ vì nhắc nhà gửi áo len. Bộ đảng và nhà nước không cho anh ăn mặc ấm áp hay sao?

Trung Ương giữ đúng lời hứa và có lẽ đây là lần duy nhất xảy ra trong cuộc đời tù tội của tôi. Khoảng hơn một tuần sau chúng tôi nhận được hồi âm của gia đình. Bao thư của miền Nam trắng tinh và dày dặn không thấy dán tem, có lẽ được chuyển theo dạng đặc biệt. Thư tôi nhận được do chú Trung viết. Không rõ ông có được học tập trước hay không nhưng cũng mở đầu bằng giọng hỏi hời phẩn khởi đầy những từ ngữ mới mẻ ca tụng Đảng và Nhà Nước và đoạn kết ông cũng khuyên bảo tôi cố gắng học tập để trở thành người tốt. Ông cho hay cả nhà bình yên nhưng Dung và gia đình đã đi xa.

Trại có cái không khí khác hẳn khi mọi người được thư nhà. Nỗi niềm tâm sự được trải ra với nhau trước những tin tức mới đến. Nhiều người được báo là gia đình đã đi kinh tế mới. Người khác thì vợ con không còn ở chỗ cũ và úp úp mở mở để hiểu đã di tản sang Guam, sang Mỹ.

Tôi bó gối ngồi một mình trong đêm. Như vậy là chú Trung còn ở Sài Gòn nhưng Dung đã cùng gia đình di tản. Ngay hôm bị vớt vào cái hố ở chiến khu Dương Minh Châu tôi đã nghĩ mọi sự kể như xong, tôi sẽ không bao giờ gặp lại nàng nữa. Nhưng không thể tự dối mình bởi cái hy vọng mong manh sẽ có ngày tái ngộ với nàng vẫn vương vấn trong suy nghĩ của tôi ngay cả lúc lê cùm trên đường Trường Sơn. Nhưng hôm nay giữa đêm trong núi rừng Việt Bắc tôi thật sự hiểu là không còn hi vọng gì nữa. Gió lạnh đầu xuân lùa qua những bức liếp lá như xoáy vào cái tê buốt của cuộc đời. Tôi bật người dũi xuống nằm sấp trên chiếc sạp tù lịm đi.



Sinh hoạt của trại tù binh bên ngoài vẫn như vậy, sáng ra lao động khổ sai cho đến xẩm tối thì bị lừa về trại, cơm nước xong là học tập, là kiểm thảo. Nhưng tận cùng ở phía trong, mọi sự khác hẳn kể từ ngày nhận được thư nhà. Cái vui nhỏ của Trung Ương chỉ tác động đến từng cá nhân. Mỗi người mỗi cảnh chẳng ai giống ai, cũng chẳng ai an ủi ai được ai. Có người từ cả gia đình đã đi xa – ai ở đây cũng hiểu là đã đi Guam, đi Mỹ. Có người bắn khoản vợ đại con thơ, đòi đòi làm sao sống? Nhưng trùm lên đó vẫn là cái “sốc” lớn. Tại sao lại thua? Tại sao lại thua kỳ cục như vậy?

Chúng tôi bàn tán, đưa từ giả thuyết này đến giả thuyết khác, ngẫm lại toàn là những chuyện không tưởng. Trong khi đó cái phấn khởi, nỗi vui mừng của quân giáo, của binh lính và đôi khi chúng tôi thấy ở cả nơi người dân hiện rõ ra.

Khoảng một tháng sau 30/4, chúng tôi được xem phim quay những chiến tích của quân đội nhân dân và ảnh dân chúng miền Nam chào đón đoàn quân giải phóng ở đại lộ Thống Nhất. Anh em từ nơi đây toàn là sĩ quan, có những người cũng đã từng nện gót trên đại lộ Thống Nhất dẫn đơn vị diễu hành trong ngày lễ lớn như Lễ Quốc Khánh, Ngày Quân Lực, nhưng khi nhìn lính Bắc Việt mặt mũi non choẹt, quần áo thốc thếch, dép râu, mũ tai bèo ôm AK 47 ngơ ngác ngồi trên những chiếc Molotova, mọi người như đau quặn lên. Chúng tôi vừa thất trận và khi nhìn người chiến thắng, không ai tin đó là kẻ thắng.

Tôi nhớ vụ chiếu phim này vì một chuyện khác nữa. Vài người tù được gọi lên trước để dọn dẹp hội trường. Trong khi các anh em lo quét, lo sắp xếp để cho quang, tôi lui hui cùng một ông khác dọn dẹp bàn thờ. Không thể dùng chữ gì khác vì đó quả là bàn thờ với bức tượng bán thân ông Hồ Chí Minh bằng thạch cao trắng và cạnh đó lúc nào cũng có hoa. Khi tôi vừa ôm bức tượng toan rời đi chỗ khác thì có tiếng quát:

– Anh kia ! Để bức tượng Bác xuống.

Tôi ngơ ngác chưa hiểu thì một viên cán bộ hàm hàm xấn tới:

– Ai cho phép anh đụng đến tượng Bác? Ngươi anh mà được sờ đến tượng Bác à? Bộ anh định làm ô uế Bác à?

Anh ta gặng ở tiếng “à” đầy thịnh nộ và đỡ tượng ông Hồ từ tay tôi, nhẹ nhàng trang trọng bê đi như đang ôm một cái gì linh thiêng.

Nhìn anh ta lòng tôi chùng xuống. Nếu gia đình không vào Nam chắc chắn tôi sẽ lớn lên và trưởng thành trong Xã Hội Chủ Nghĩa miền Bắc và rồi có lẽ tôi cũng giống như anh ta và bao nhiêu thanh niên khác được giáo dục để rồi sùng tín ông Hồ như tín đồ tin vào đáng cứu rỗi.

Nhìn trở lại hơn chín năm trôi dạt từ trại tù này sang trại tù khác, ký ức bỗng hiện ra một người Mỹ. Khi tụi tôi đang cong người đẩy một chiếc xe cải tiến chất đầy đá ong thì có tiếng lơ lớ:

– Ê, ê, mấy anh kia.

Ba đưa tôi ngưng lại. Phía đầu dốc con đường đất bùn lầy là một người Mỹ mắt xanh. Anh ta cũng đi dép râu và quần áo cũng đen xỉn như bất cứ ai. chiếc xe jeep nhà binh rõ ràng là chiến lợi phẩm từ miền Nam, sa hồ nằm nghiêng bên lộ. Trong khi tôi còn đang ngạc nhiên thì ông bạn tù thâm niên hơn tôi chửi thề:

– Đù má thẳng phản bội.

Và anh ta sấn sổ bước tới cái xe jeep tay thủ cây gậy gỗ. Tôi và ông bạn kia lén nhín chạy theo. Người Mỹ lùi vào phía bên kia chiếc xe dơ tay chỉ:

– Tên gì? Tên gì? Tôi báo cáo cán bộ.

– Đù má mày. Tao đánh thấy mẹ mày.

Người Mỹ bỏ chạy. Người bạn tù quay sang phía hai đứa tôi:

– Thằng khốn nạn. Nó là tù binh Mỹ nhưng hèn mạt, lạy lục tụi nó xin tha. Nó lấy tên Việt là Nguyễn Việt Nam được phong cho cái chức là chuyên viên gì đó, chuyên lo sửa cái máy điện ở thị xã. Nó đến trại mấy lần nói chuyện, toàn là giọng hèn hạ chịu không thấu. Hồi trước nó cũng đạp xe thấy mẹ, chắc mới được cấp xe jeep.

Tôi đứng bên bờ đường đất nhìn người Mỹ cao lênh khênh vẫn còn nắm đấm cung tay dọa dẫm tụi tôi. Không hiểu anh ta có trở về Mỹ hay thật sự muốn ở lại Xã Hội Chủ Nghĩa với cái tên mới Nguyễn Việt Nam.

Cái gì rồi cũng phải trải qua. Chuyện miền Nam tan hàng, miền Nam rã ngũ, Tổng thống Dương Văn Minh và thái độ của Hoa Kỳ mới đầu còn là đề tài sôi nổi nhưng rồi câu hỏi lớn hiện ra rất đối thực tế. Hòa bình lập lại rồi tại sao còn giam giữ tù binh? Chúng tôi vẫn sống đời khổ sai nhưng câu hỏi không qua mắt được ban quản giáo. Lời giải thích rất giản dị. Còn nhiều vấn đề nên tạm giữ các anh, Đảng và Nhà Nước đâu có muốn tốn cơm nuôi các anh, phí sức người sức của chăm lo cho các anh. Nhưng đất nước vừa thống nhất, còn nhiều phức tạp trước mắt.

Đến gần cuối năm, chúng tôi được một tin mừng: "các anh sửa soạn đoàn tụ với gia đình trong ngày rất gần đây" Trong khi chờ đợi, chúng tôi sẽ không phải đi lao động. Khoảng ba bốn ngày sau khi được nghỉ lấy sức thì ông Sáu trưởng trại họp tù lại:

– Đề án lớn là giúp các anh về lại với gia đình càng sớm càng hay. Nhưng hiện công tác đòi hỏi phải động viên tới các anh, cần sự đóng góp của các anh. Xong sớm các anh về sớm...

Thế này thì còn gì bằng. Làm sớm nghỉ sớm. Mấy trăm anh tù được huy động phát quang một khu rừng thưa. Chúng tôi chặt cây, dựng những căn nhà sơ sài và đặc biệt là làm hàng rào khá chắc chắn. Cái không khí thoải mái hẳn đi. Mấy anh lính đi bảo vệ cũng không cần hồi thúc gì, kiếm chỗ mát ngồi hút thuốc lào. Quang cảnh gợi nhớ đến thời sinh viên của tôi sau thời ông Diệm bị giết. Lúc đó tôi đang học Luật và cô bạn Nguyễn Thị Bình Minh có lần rủ tôi đi trại hè sinh viên. Chị Minh có người chồng chưa cưới là thi sĩ. Lần duy nhất trong đời tôi dự trại hè, đi xuống đâu đó ở Vĩnh Long để đào giếng, làm vệ sinh, cắt tóc cho các em bé... Sở dĩ tôi nhớ chị Bình Minh và anh Trần Đại chỉ vì một câu thơ. Khi đang lo đào đất và xây một nhà vệ sinh công cộng,

anh Trần Đại ứng khẩu đọc bốn câu thơ mà mỗi lần nhớ đến tôi lại tủm tỉm cười:

Tôi đi xây cầu tiêu
Cho người dân đến ị
Tôi đi sơn cuộc đời
Mong một ngày mai mới.

Cái cảnh tôi đang dự phảng phất như một trại hè. Cái khác biệt duy nhất mà chúng tôi nhận ra rất nhanh cho chúng tôi đang đi dựng trại tù. Không phải là một trại mà liên miên hết trại này qua trại khác. Nhu cầu rất rõ. Càng làm nhanh càng tốt. Và càng rào cao càng chắc chắn là đạt yêu cầu. Thật là giản dị. Tù xây nhà cho tù, tù tự nuôi tù và nếu cần tù sẽ đóng góp sức người sức của để cùng phục vụ chung. Ngay khi đó chúng tôi không ai đặt câu hỏi là tre nứa, đá ong chúng tôi đôi khi phải đổi cả mạng sống, được chở đi đâu, bán cho ai và lợi tức thu nhập ai hưởng?

Liên miên trong mấy tháng, chúng tôi bị điều đi dựng trại cho đến một hôm tù chịu không thấu thì tin mừng đến. khoảng độ mười người được gọi lên khung làm việc. Sau đó họ trở về với một bộ quần áo khác – quần áo dân – để về sum họp với gia đình. Tại sao chỉ có mười người? Ông Sáu trại trưởng đã họp mọi người lại làm lễ “phóng thích” và nhân tiện trấn an:

– Các anh không bao giờ thấu triệt được những khó khăn mà Đảng và Nhà Nước phải đối phó. Bọn tàn dư của chế độ cũ vẫn chưa chịu nằm yên. Bọn đế quốc vẫn lăm le. Kẻ thù trong, kẻ thù ngoài vẫn muốn đẩy dân vào vòng nô lệ. Tuy nhiên Đảng và nhà nước lúc nào cũng nghĩ đến các anh, ngay khi tình hình an ninh địa phương cho phép, các anh sẽ về với gia đình.

Tù lại lo đi xây trại hăng hái hơn bởi quả là ở cuối đường hầm có ánh sáng le lói. Đã có người về đấy thôi. Và sau đợt đầu có có vài ba đợt nữa, mỗi đợt thường không quá mười người. Thường thì thấy tù mỗi một quá, căng thẳng quá là lại có một đợt phóng thích. Nó như cái bó cỏ trước mũi con ngựa. Lâu lâu người xà ích lại hạ bó cỏ cho con ngựa giật vài cọng để cổ rướn lên kéo xe.

Bao giờ cũng là một lời hứa mơ hồ. “khi nào tình hình an ninh địa phương cho phép các anh sẽ về.” Hoặc “địa phương chưa có điều kiện để tiếp đón các anh “.

Cứ thế chúng tôi di chuyển từ địa điểm này qua địa điểm khác lo xây dựng những cái nền cho nhà tù với hàng rào, những căn lán sơ sạ và những hệ thống nhà cầu lộ thiên. Chỉ là căn bản bởi chúng tôi không có nhiều thì giờ. Mãi đến sau này tìm hiểu tôi mới biết cả triệu người tù cải tạo ở miền Nam đang được dự trù để đưa ra Bắc. Và điều không ngờ là những trại tù đó lại để dành cho chính tôi và một số tù binh khác khi “chuyển diện” từ tù binh thành tù cải tạo.

Khi thuộc diện tù binh, chúng tôi chịu sự quản chế của quân đội miền Bắc. Dù từng đối mặt với nhau trên chiến tuyến nhưng cách gì nữa lính vẫn là lính. Khi chuyển sang tù cải tạo, chúng tôi chịu sự quản lý của Công An Nhân Dân.

So với chế độ tù cải tạo thì tù binh là thiên đường.



CHƯƠNG 11



Những người được chế độ gọi một cách rất văn vẻ là Học Viên Học Tập Cải Tạo với hàm ý rằng họ không phải là tù, nhưng trên thực tế từ người dân cho ngay cả đến cán bộ đều gọi họ là tù. Tù Cải Tạo. Chữ nghĩa dù có đẹp đến đâu cũng không thể đánh lặn con đen bởi cảnh sống thực tế cho thấy họ đang ở tù mà không hề được xử và nhất là không có tội danh. Đảng và Nhà Nước thì luôn luôn biện minh rằng đây là chính sách khoan hồng nhất. Cải tạo ít lâu trở thành người tốt thì về. Chỉ có điều thế nào là người tốt thì hoàn toàn do quyết định của Đảng, của Trung Ương, của Nhà Nước hay đôi khi chỉ là của ông cán bộ dấm dớ nào đó.

Tù binh chúng tôi sau những ngày tháng miệt mài đi xây trại cho đến khi coi như xong, đã đến lúc được tập trung lại. Lần cuối đó cỡ ba chục người được thả về, số còn lại “đáng lẽ cũng đã về nhưng vì tình hình địa phương chưa cho phép. Đảng và Nhà Nước có để các anh về ngay bây giờ thì khi về đến địa phương các anh sẽ bơ vơ, không có hộ khẩu là có thể nguy đến tính mạng vì phản ứng của dân chúng. Các anh biết các anh vẫn là tội phạm chiến tranh.”

Trời đất ơi, dân miền Nam căm thù chúng tôi đến vậy sao? Nếu là tội phạm chiến tranh thì sao không lập phiên tòa xử ?

Ông Sáu trại trưởng bảo vì đó là Đảng và Nhà Nước khoan hồng và từ nay không còn tù binh nữa và ông Sáu và những người bộ đội canh tù nay hết nhiệm vụ. Không phải là tù binh nữa, chúng tôi được cải tội danh và trở thành Học Viên Học Tập Cải Tạo đặt dưới quyền quản lý của Bộ Nội Vụ, của Công An Nhân Dân. Như vậy cuộc đời tù tội của tôi từ nay sẽ rẽ sang một ngã khác, cái đoạn đường tăm tối nhất mà tôi sẽ phải trải qua.

Đầu tiên, vì không còn trại giữ tù binh nữa nên chúng tôi được phân tán mỏng thành từng nhóm độ hai ba chục người. Mỗi toán đến một trại. Tôi nhắm tính chỉ riêng số trại tù mới do tù binh khởi lập đã trên một chục, chưa kể đến những trại đã có sẵn. Hẳn nhiên là con số tù phải lớn lắm.

Những anh em tù cải tạo được lũ lượt chuyển ra Bắc sum họp với tụi tôi. Ngay lần hội ngộ đầu tiên đã có rất nhiều khác biệt. Những người tù cải tạo vẫn còn đượm nét “thư sinh”. Họ được nhà nước hứa đưa đi học tập mười ngày rồi sẽ trở về với gia đình vợ con. Sáu bảy tháng sau họ bị lừa xuống tàu, vào trong các toa xe lửa chở một lều ra Bắc. Đã có những người chết ngộp trong

các khoang tàu. Đã có người bỏ xác trong các toa xe. Họ bỗng bị vút vào trong các trại tù với những căn lán sơ sệch sơ sịa, nền đất ẩm ướt.

Nước sông công tù. Nước sông vốn từ trên núi chảy tự xuống hoặc từ nương rãnh đổ ra. Chẳng ai mất tiền để mua và hơn nữa biết bao giờ mới hết, mới cạn. Công tù cũng y chang. Họ bị đẩy vào cảnh tự dựng, tự xây lấy nhà tù để tự nhốt. Vào những năm 1976, 1977 Việt Nam lâm vào cảnh suy kiệt kinh tế. Người dân còn phải ăn độn khoai, độn bobo, ăn mì luộc viện trợ thay cơm. Dân đã vậy, tù còn khổ gấp vạn lần. Miếng ăn trở thành vô cùng vĩ đại và cái đói ám ảnh mỗi một con người. Tôi đã chạm mặt tử thần chỉ vì miếng ăn. Một lần cả đội tôi được lệnh đi đào đá ong ở khá xa. Mặc dù ăn đói, chúng tôi vẫn phải lo đào chặt những viên đá ong cho đủ tiêu chuẩn. Hôm đó khi trở về một làng gần, chúng tôi được gửi ở nhà dân. Bà cụ già đầy lòng nhân đã ái ngại nhìn chúng tôi:

– Sắn mới rở ở nương về, các ông cứ ăn thoải mái.

Sắn mới nhỏ tươi rói, nướng thơm lừng và ăn ngọt lịm. Tôi ăn lấy ăn để, ăn không kịp nhai, mỗi miếng sắn vừa dẻo vừa bùi như quện với nhau thi đua trôi vào bao tử. Vừa ăn xong là tôi vật ra ngủ thẳng cẳng không biết trời biết đất gì nữa. Nhưng chỉ đến nửa đêm, tôi choàng tỉnh, người nóng bừng bừng. Tôi bắt đầu nôn. Nôn thốc nôn tháo, nôn tới mặt xanh mặt vàng. Tôi nằm không yên, ngồi không được, cả người nóng như cục than. Anh em đồng đội xúm vào và may mắn gia đình bà cụ là dân địa phương biết ngay tôi bị say sắn. Mãi sau này tôi tìm hỏi được biết trong sắn có những hóa chất gì đó nhất là sắn tươi, rất độc, nếu ăn nhiều quá lại không hợp có thể chết như chơi. Người con bà cụ cho tôi uống một hơi ba bốn bát nước nấu với một ít lá cây gì đó tôi cũng chẳng hiểu. Đầu óc tôi lơ mơ như say như tỉnh, tứ phía quay cuồng. Bát nước đầu chưa xuống đến dạ dày lại ói ra. Người nhà nông vẫn ép. Tôi bát thứ ba thứ tư gì đó, anh ta vỗ vỗ vào lưng tôi:

– Không sao đâu. Không chết được đâu. Lá này chuyên trị say sắn tài lắm.

Và thật là nhân đức. Anh ta ngồi cạnh tôi kiên nhẫn bắt tôi uống thứ nước lá gia truyền, ói lại uống, cho đến gần sáng, tôi là người đi, nằm xoải ra trên nền đất.

Tôi bị liệt giường liệt chiếu gần một tháng, lúc gượng dậy soi gương thấy mình là một người khác.

Đó là đối với tôi, một thanh niên đang độ cường tráng và đã trải qua hơn một năm quen cảnh tù đầy. Nhưng đối với tù cải tạo từ Nam ra, đối phó với cái đói cái rét khó khăn hơn nhiều. Tập thể tù cải tạo khác hẳn tù binh. Tương đối tù binh vốn là sĩ quan nên khá đồng dạng và có thể vì chúng tôi bị bắt tại trận trong lúc cuộc chiến chưa thật tình ngã ngũ nên niềm kiêu hãnh vẫn được duy trì. Tù binh đã bảo bọc nhau, đoàn kết và giữ phẩm cách để ngay chính những người cai tù cũng có phần e dè kính nể. Nhưng tập thể Quân Cán Chính miền Nam bị dồn đi học tập lại khác.

Có vẻ như trại tù là phản ánh của một xã hội miền Nam thu hẹp lại. Khó mà tưởng tượng được một ông thứ trưởng, một ông dân biểu, một vị đốc phủ sứ cả đời nhưng lụa nay bỗng đói, bỗng khát và bỗng bị khổ sai. Người Cộng Sản có biệt tài tha hóa con người, đẩy mọi cá nhân vào tận cùng của đáy vực khổ đau, sử dụng miếng ăn như một vũ khí để bẻ gãy mọi đề kháng. Tôi đã chứng kiến cảnh những tai to mặt lớn cãi nhau vì bát cơm này đầy hơn bát cơm kia, cảnh tổ cáo nhau, làm ăng ten để bớt khổ bớt đói.

Tôi nhớ mãi ông thẩm phán già, ông Nguyễn Văn Thông. Ông vốn là sĩ quan Quân Pháp đã về hưu nhưng đại dốt đi trình diện học tập vì tưởng “đi cho xong, cho nó nhẹ người.” Ông bị gán cho đủ thứ tội và phải đi Bắc vì thuộc thành phần ác ôn. Trầm tĩnh, ít nói, chịu đựng nhưng từ ông là một cái gì nhân ái, tình người luôn tỏa ra. Ông bảo với tôi:

– Môn võ trong tù là ít ăn ít nói. Càng ít nói càng tốt. Càng ít ăn còn tốt hơn nữa. Và nhất là muốn trở về thì đừng làm anh hùng.

Tôi không bao giờ muốn làm anh hùng. Tôi vốn là đứa ít nói nhưng cái ăn không lúc nào không ám ảnh tôi. Bản tính tôi khảnh, nhưng từ xưa lại hay ăn vặt, lúc đi lính, ngay cả khi hành quân, lúc nào ba lô cũng có ô mai, kẹo để buồn mồm thì nhai. Có những đêm trời lạnh như cắt, gió núi lùa vào như những mũi gai, tôi sực tỉnh để thấy mình vừa mơ đang nhai kẹo lạc.

Tôi gọi ông Thông là Bác vì trọng nề tư cách và trọng nề tuổi tác. Tôi và ông Thông đã bị gọi lên làm việc một buổi vì chuyện này.

Viên quản giáo vừa thấy tôi và ông Thông là đập bàn:

– Hai anh đã học thông suốt nội qui trại chưa?

– Chúng tôi lúc nào cũng chấp hành nội qui của trại.

– Lão. Các anh lão. Các anh vẫn còn duy trì tác phong Ngụy. Vẫn đặc sệt đầu óc quan lại.

Tôi và ông Thông lúng túng chờ đòn tiếp:

– Các anh biết nội qui trại yêu cầu mọi người phải cư xử bình đẳng. Anh Dũng, anh gọi anh kia là gì?

Tôi chột dạ nhìn người quản giáo tóc bù xù và mặt thì đen quắt lại, giả lả:

– Ông Thông là bạn với gia đình từ lâu tôi vẫn gọi là bác nên quen miệng.

– Lão. Cả nước chỉ có bác là Bác Hồ. Anh định dụng tâm gì vậy? Anh định bôi nhọ chế độ hay sao? Nội qui nói rõ phải xưng hô là anh, không có cái kiểu rơm ông này bà nọ, không có cái thói quan liêu chú cháu gì nữa.

Tôi và ông Thông đã phải viết tờ kiểm điểm tới bốn tới liền. Lần đó ông Thông thì thằm trong đêm:

– Họ thế cả. Họ muốn phạt ngang phạt dọc để chặt bằng mọi thứ, cây già cây non, cỏ thụ hay giây leo, cứ phạt cho ngang nhau là khu rừng trở thành đẹp để lý tưởng và ta có một xã hội chủ nghĩa lý tưởng.

Cái so sánh của bác Thông làm tôi tủm tỉm cười trong đêm, nhưng quả là khó cho tôi khi phải gọi ông là anh. Đối với tôi đó là một sự bất kính, và là một bằng hoại của nếp sống của dân tộc.



Lịch sử sau này chắc chắn phải đưa ra những lý do khiến miền Nam sụp đổ. Những lý do tất phải nhiều nhưng có những lý do phải là người đương thời, những kẻ trực tiếp can dự, sống trong cuộc chiến mới cảm nhận được. Với cá nhân tôi, tôi vẫn nghĩ là quân dân miền Nam diều cọt, thiếu nghiêm chỉnh và thờ ơ. Tôi nhớ mãi khoảng một thời gian sau khi bị động viên, lúc còn đang ngu ngơ ở tiểu khu Phước Long, Trong một lần về phép được hầu chuyện với các vị thức giả ngồi xoa mặt chược ở nhà chú Trung. Tôi không nhớ ai vì tới sáu vị – phải đánh tới gió xối – nhưng dù xoa, mọi người vẫn bàn chuyện nước. Vừa xoa vừa nói chuyện chính trị, thời cuộc, càng hào hứng. Một vị đã phát biểu:

– Cái thế tất yếu là miền Nam sẽ thắng vì chúng ta vừa đánh vừa dưỡng. Hà Nội dốc toàn lực, nay hết đáng sợ không còn sức để kéo dài. Quý vị thấy bộ đội Bắc Việt bị bắt trong trận Mậu Thân mặt mũi non choẹt, có khi mới 16, 17 tuổi. Phải sử dụng đến con nít, tôi e miền Bắc kiệt quệ, hết nhân lực rồi.

Cái quan điểm rất lãng mạn và đầy lạc quan đó đôi khi còn được phản ánh nơi cung cách ăn nói. Phản chiến thế giới um sùm về vụ chuồng cọp và cán bộ nằm vùng đã giết giây để có được “Ủy Ban Cải Thiện Chế Độ Lao Tù”. Chuồng cọp bỗng trở thành biểu tượng cho miền Nam với tất cả xấu xa được gán ghép.

Thế Chuồng Cọp có đáng sợ như Kiên Giam không? Đối với lính tráng miền Nam, Chuồng Cọp chẳng qua chỉ là một sự ví von, diều cọt. Đơn vị nào ở hậu cứ cũng đều có Chuồng Cọp để phạt những binh sĩ ba gai, ba đồ, thiếu kỷ luật. Đi phép mười ngày nhưng một tháng sau mới lò dò về trình diện thì phải ngồi chuồng cọp. Say rượu đánh nhau thì phải ngồi chuồng cọp. Đó là một khoảng đất trống rộng độ năm sáu mét vuông, được vây bằng giây thép gai. Kẻ bị phạt ngồi trong đó nhưng đa số đều chấp nhận trong cái suy nghĩ của mình – làm bậy nên cấp chỉ huy phạt. Họ vẫn được ăn uống tử tế và ngay cả những nhu cầu vệ sinh tối thiểu cũng vẫn được hưởng. Nhưng bỗng nhiên mấy ông nhà báo, mấy ông quay phim ngoại quốc thổi phồng lên, khiến cả thế giới nói đến Chuồng Cọp và vẽ vời rằng Chuồng Cọp là một hình thái đầy ải tù binh, hành hạ cán binh Cộng Sản bị giam giữ ở Côn Sơn, ở Phú Quốc, một biểu tượng đầy tàn ác, thiếu văn

minh, không có dân chủ, độc tài quân phiệt của miền Nam. Người ngoại quốc nhìn thấy cái Chuồng Cọp với một kẻ ngồi thu lu trong đó hẳn phải rùng mình. Nhưng họ có bao giờ được biết rằng ngồi Chuồng Cọp đôi khi lại là lúc phê nhất. Nhưng nội nghe cái tên Chuồng Cọp đã rợn tóc gáy. Hỡi ơi, thế giới không nói đến Kiên Giam. Phải chăng Kiên Giam – chữ của Cộng Sản Trung Quốc – nghe nó nghiêm chỉnh hơn cái ví von Chuồng Cọp của binh sĩ miền Nam? Và khi cả triệu quân cán chính miền Nam bị đầy đọa, tại sao báo chí thế giới không ghé mắt vào xem Kiên Giam? Đã có bao nhiêu tù chết trong những lò Kiên Giam?

Suy nghĩ trên có lý do của nó. Tôi đã bị Kiên Giam và nếu không nhờ có sức thì e đã đi tù suốt.

Mọi sự bắt đầu từ kỹ thuật khai thác sức lao động của tù. Tù nhân được lao động theo chế độ khoán, làm xong là nghỉ. Một ngày chặt 50 cây tre, đủ tiêu chuẩn thì đạt, và những người cai tù, những bảo vệ lúc nào cũng rêu rao: “Các anh cố làm nhanh nghỉ sớm.” Nhưng đến tối về học tập kiểm thảo thì tiêu chuẩn lại được đưa ra thảo luận. Tại sao anh A làm có nửa buổi là xong mà những người khác cố tình bê trễ để đến tận chiều tối chưa rồi? Ý kiến lên ý kiến xuống để cuối cùng phải nâng cao tiêu chuẩn, mỗi ngày thay vì 50 nay nâng lên 60 cây tre. Tù được khuyến khích để tự mình đẩy mình vào cái thòng lọng xiết cổ.

Toán tôi lúc đó cỡ gần năm chục nhân mạng trong đó có độ mười anh em tù binh, còn lại là tù cải tạo từ miền Nam ra. Chúng tôi được điều đi nhổ mạ, khoán mỗi người mười mét vuông. Đứng ngoài nhìn vào nhà nông làm sao dễ thế nhưng khi chính mình phải cong lưng giữa đồng mới thấy công việc không dễ, không nhẹ nhàng gì cả. Nhổ một nắm mạ phải rũ hết đất bùn ở rễ, sau đó gom lại thành từng bó lớn. Lá mạ tuy non nhưng rất sắc cứa vào bàn tay đôi khi rớm máu. Cái đáng sợ nhất là ruộng mạ non thường là hơi sấp sấp nước, chân lúc nào cũng phải ngập dưới bùn và để nhổ mạ, luôn phải ở thế cúi lom khom.

Mười mét vuông không phải nhỏ, và nếu được lúa, mạ rất dày. Lưng tôi như còng đi, gập xuống và mỗi lần đứng thẳng dậy phải rất từ từ vì bắp thịt và xương sống như dẫn ra, như co lại mỗi như. Chúng tôi đã rỉ tai với nhau để ì à ì ạch, làm thật chậm để mong ngày mai bớt tiêu chuẩn. Nhưng một ông bạn tù to lớn làm rất nhanh, vèo một cái đến tầm trưa là xong. Người bảo vệ cho anh ta nghỉ để linh tinh. Cái chữ linh tinh đúng là linh tinh vì anh ta có dịp đi bồi dưỡng lễ. Anh ta mò mẫm đi tìm con cua, con ốc, kiếm thêm tí rau tăng khẩu phần. Cả đội vẫn lui cui nhổ mạ và đã có tiếng xì xào. Trên đường về anh bạn tù nhơn nhơn bảo anh ta đói quá, to con lớn xác nên cần ăn nhiều. Ô kìa ai chẳng đói? Sống trong trại tù – nhất là tù Bắc trong những năm 78, 79 – không đói thì chỉ có là thánh. Mười sáu ký lô tiêu chuẩn giấy tờ nhưng thực tế bị ăn đầu ăn đuôi e còn được mười hai ký. Chữ thực phẩm cũng mù mờ, có thể là gạo nhưng đa phần là bột mì, đôi khi là sắn. Lao động khổ sai và học tập liên miên, tù trông như những bộ xương biết đi. Đâu phải chỉ có mình anh đói?

Cuộc kiểm thảo tối đó sôi nổi và anh chàng to khỏe ăn nhiều được tuyên dương và để noi gương anh hùng của anh ta, tiêu chuẩn nhỏ mạ tăng lên mười lăm mét vuông. Hôm sau người hùng làm còn hăng hơn nữa trong khi cả đội lệt bệt hẳn so với hôm đầu. Hai tù binh – Trung úy Ngọc và Thiếu úy Lâm – cùng nhóm với tôi từ ngày đầu khi trại tù binh giải tán – đăm lì, nhất định không chịu lao động nữa, ngồi trên bờ ruộng. Ngay khi về đến trại, họ bị tách riêng ra và bị kiên giam ngay lập tức vì có “lập trường ngoan cố”.

Trước đây tù binh được giữ riêng nhưng kể từ khi tù cải tạo được chuyển ra Bắc, các trại tù đều có thường phạm. Những người tù thường phạm được giam ở những căn lán chen lẫn với tù cải tạo, đôi khi có những bức tường thấp ngăn ra. Nội qui trại nào cũng cấm đoán những liên hệ giữa hai loại tù nhưng trên thực tế, tù thường phạm là một nguồn cung cấp cho tù cải tạo. Cái gì cũng có thể mua bán đổi chác được hết. Một điều lạ là đa số tù thường phạm còn rất trẻ. Họ đều mang những án tích nghe đến rợn người, từ trộm cắp, hiếp dâm cho đến cướp của giết người. Họ như những con thú hoang sống bất cần đời, tù ngục đối với họ trở thành nhà. Chính những người bị Xã Hội Chủ Nghĩa ruồng bỏ lại là những người đầy nhân tính, đầy óc giang hồ chi nghĩa, sẵn sàng sống chết vì bạn bè, vì những điều mà họ cho là phải, là đúng. Họ cũng là những người tò mò muốn tìm hiểu về miền Nam, về những cảnh sống mà như Sáu Sẹo nói với tôi:

– Em tin là anh kể chuyện thật. Nhưng như vậy thì tại em bị lừa, lừa từ lúc mới để ra cho đến khi lớn, bị lừa cho đến già. Cả đời bị lừa, cả nước bị lừa.

Không hiểu vì sao Sáu Sẹo lại thân với tôi. Bắt đầu Sáu làm thân trước, thấy tôi ngồi một mình thơ thẩn, Sáu đến chào và đưa thuốc mời. Sau này Sáu bảo trông tôi giống người anh bị chết ở Lào. Tí tê dữ thứ. Tôi kể chuyện miền Nam. Sáu Sẹo kể chuyện miền Bắc. Bố của Sáu là liệt sĩ, là bộ đội được điều đi Nam và tử trận. Sáu có một bà mẹ mù lòa và một cô em:

– Ở đâu bây giờ chả biết. Nó lấy chồng mạn ngược, không liên lạc thư từ gì nữa. Chắc sợ rắc rối lý lịch.

Sáu có bí danh Sáu Sẹo vì bị thương trong một trận hỗn chiến với công an. Viên đạn xuyên qua mặt trở từ má phải sang má trái. Sáu bảo:

– Nhích lên nhích xuống một li là ông cụ làm em chết thẳng cẳng. Vậy mà không gãy răng. Thằng bác sĩ bảo may mà viên đạn xuyên qua không chạm vào răng, vào hàm, không thì cũng đi đứt.

Không chết nhưng hai bên má Sáu lõm xuống thành hai vết sẹo và giọng nói cũng hơi ngọng đi. Sáu Sẹo học hết lớp bảy thì bắt đầu sống bờ sống bụi và án tích chồng chất vì đủ thứ tội cho đến khi chém chết một viên công an thì bị chung thân. “Em chết trong tù không sao nhưng cứ thương mẹ em.” Bất cần đời, sẵn sàng ăn thua đủ, Sáu sẹo trở thành trùm của một đám tù lau nhau.

– Chúng em phải dựa vào nhau mà sống. Mơ là chúng nó đè lên đầu.

Ông Thông thấy tôi kể chuyện bảo:

– Những hình ảnh như vậy thấy nhan nhản trước mắt. Ông cứ nhìn mấy anh em tù hình sự thì thấy ngay. Nhưng họ khác mình khác, không đồng thì không hòa được. Tôi nghĩ là ông nên đề phòng nên lờ lơi tránh xa xa một tí.

Người già và có kinh nghiệm sống lúc nào chẳng dè dặt.

Khi hai người bạn tôi bị kiên giam, cả đám tù binh như xui xuống và đội thì ít lao xao hẳn đi. Tôi đã chứng kiến những người bị kiên giam lúc thả ra, có người đi không được chỉ bò, có người thần trí lẫn lộn cả tháng sau vẫn còn ngu ngơ. Cái đáng sợ hơn nữa là hai ông Ngọc và Lâm bị giam mà không có thời án, không rõ bị đến bao giờ.

Khoảng ba bốn ngày sau tôi xoay sở được mấy chục viên vitamin C. Tôi nghĩ đây là cách hay nhất để giúp hai ông Ngọc và Lâm. Nhưng làm sao để chuyển cho họ?

Dãy xà lim kiên giam được xây ở rìa trại, cách li với tù bằng một hàng tường thấp nhưng phía trên có rào kẽm gai. Dò hỏi lân la tôi được biết là họ ở xà lim số 6 và số 7.

Chủ nhật đó, tôi đánh tiếng Sáu Sẹo tới ngay. Nghe xong, Sáu bảo:

– Được, để em lo vụ này cho, anh yên tâm. Quăng vào cái gói tí xíu này để mà. Tường cái gì to lớn mới sợ.

Đêm hôm đó Sáu Sẹo vượt tường vào. Xà lim số 6, số 7 trống không không có ai. Sau này tôi mới rõ buổi chiều không hiểu vì lý do gì hai ông Lâm và Ngọc bị đổi sang xà lim số 1 và số 8. Sáu Sẹo đâm lao thì phải theo lao, thò miệng qua lỗ thông hơi hỏi từng phòng và cuối cùng thì cũng vút hai gói vitamin vào đúng chỗ đúng người.

Nhưng không hiểu sao, hôm sau đàn em của Sáu Sẹo báo cho hay Sáu bị gọi lên làm việc cả ngày đến tối cũng chả thấy về. Tôi vừa lo vừa sợ, lòng như lửa đốt. Quả nhiên ngay sau đó tôi được lệnh không phải ra ngoài lao động và khi lên làm việc, tôi bị dội ngay một loạt những lời quát tháo. Tôi suy nghĩ kỹ, nhất định phải cứu Sáu Sẹo. Cách hay nhất là chối phăng để trì hoãn. Làm việc – tức hỏi cung – cả buổi, tôi vẫn khẳng khái chối coi như không biết chuyện gì xảy ra. Nhưng đến lúc được trả về, vừa đứng dậy, viên công an cười khẩy:

– Từ sáng đến giờ anh vẫn không nhận chủ mưu phá rào liên lạc với tù bị kỷ luật kiên giam. Tôi cho anh về suy nghĩ nhưng thằng Sáu Sẹo nó khai hết cả rồi.

Tôi chết lặng. Từ đầu tôi không nói và công an cũng không nhắc đến tên Sáu cho đến lúc này. Tôi thất thểu ra về, phía sau còn vẳng tiếng cười gằn của viên công an

Cách hay nhất là làm cho mọi chuyện nhẹ đi. Hôm sau tôi nhận, tôi khai giản dị:

– Tôi không làm điều gì quá đáng. Chỉ gửi cho mấy anh vài viên vitamin C.

– Vitamin ở đâu ra?

– Cán bộ cũng rõ, xin anh em mỗi người một viên.

– Anh đừng có láo. Tôi đồ anh xin được nửa viên. Ngỡ anh ai mà cho?

Tôi mắc đủ thứ tội. Liên hệ trái phép với tù thường phạm. Mua bán trái phép ngược nội qui, âm mưu thông đồng với tù thường phạm để phá vỡ kỷ luật trại. Liên lạc trái phép với tù bị kiên giam. Tự tập, toa rạp lập bè đảng để chống phá trại. Tôi thú thật cũng không còn minh mẫn để nhớ hết tội danh. Tối hôm đó, một đàn em của Sáu liên lạc với tôi:

– Anh khai tên Sáu Sẹo rồi phải không? Anh bị tụi Công An nó lừa rồi. Sáu Sẹo bị đánh thừa sống thiếu chết nhưng cần răng không khai. Nhưng công an chìa cho coi lời khai của anh và nó bị điệu đi rồi.

Tôi phát hoảng:

– Điệu đi đâu?

– Có trời mà biết. Tụi em thấy chúng nó lôi thằng Sáu Sẹo xềnh xệch ra khỏi trại, e bị dần mềm xương, dầm gậy chân rồi.

– Liệu có bắn không?

– Cần gì bắn tốn đạn. Chúng nó kiên giam ở trại khác ít lâu sau thì cũng chết.

Tối hôm đó tôi chập chờn trong giấc ngủ ma quái và sáng hôm sau vừa bước vào phòng làm việc, viên công an nhìn tôi tủm tỉm cười nhẹ nhàng:

– Anh lo lắng cho hai anh Ngọc Lâm. Để chúng tổ lượng khoan hồng, hai anh ấy được tha về đội. Nhưng trại không thể không duy trì kỷ luật với những đứa ngoan cố như thằng Sáu Sẹo. Nó cứng đầu ra cái điều hảo hán giang hồ, từ nay nó không gặp lại anh nữa đâu.

Nói xong viên công an nheo mắt nhìn tôi từ đầu đến chân. Tôi chợt thấy trước mặt tôi không phải là khuôn mặt của một con người. Nó méo mó dị dạng không ra hình thù gì nữa. Cái khuôn mặt có cái mồm rộng hoác và hàm răng nhô ra thụt vào đó hất vào mặt tôi lời kết án chung thẩm:

– Anh cũng giống thằng Sáu. Tội anh còn to hơn vì anh chủ mưu. Anh bị phạt kiên giam hai tháng để suy nghĩ và cải hối.

Ngay lập tức hai viên công an từ phía sau có AK kề tôi đi. Trước khi đập tôi vào căn xà lim tối om, họ lục soát, moi hết của tôi mọi thứ vắt đi, cả đôi dép râu cũng bị lột. Trời cuối tháng mười một ta

bên ngoài lạnh cắt nhưng chưa thấm gì so với phía trong xà lim, bởi cảm nhận đầu tiên khi cánh cửa sập lại đối với tôi là cái lạnh buốt cả từ ngoài vào lẫn trong tâm can ra. Tôi ngồi bệt xuống sân xi măng tê tái.

Độ mười mười lăm phút sau khi cánh cửa sập lại, tôi nghe tiếng thét từ phòng bên trái:

– Tên gì?

– Dũng.

– Tù gì?

– Tù binh.

– A ! Bao lâu?

– Biệt giam hai tháng

– Ăn thua mẹ gì.

Sau đó là im lặng.

Tôi lớn tiếng hỏi lại theo đúng ngôn ngữ của ông bạn bên kia:

– Tên gì?

– Đồng.

– Tù gì?

– Thường phạm.

– Bao lâu?

– Không thời hạn. Ở đây bốn tháng rồi.

Cuộc nói chuyện ngắn ngủi và phải hét rất to mới nghe rõ vì dãy biệt giam được xây bằng xi măng khá dày. Căn phòng bề ngang độ một thước rưỡi, bề sau khoảng hơn hai thước. Cái khe thông hơi khá cao rộng cỡ nửa gang tay được xây xéo để ánh sáng hắt lên phía trên. Đó là nguồn ánh sáng duy nhất vì phía trước là tấm cửa gỗ dày và cửa sổ có xong sắt cũng kín mít. Tôi đưa tay sờ. Tường lát nháp sần sùi, những cục xi măng nhô ra như những chiếc gai. Mùi xú uế xông lên nồng nực. Tôi rùng mình trước cái viễn ảnh sẽ ở trong cái địa ngục này hai tháng.

Bên tai tôi vẳng tiếng ông Thông: “Muốn sống sót trở về thì đừng làm anh hùng”. Liệu cái hành động gửi mấy viên thuốc vitamin C vào cho bạn bè có phải là hành động anh hùng không? Nếu tôi không thoát nỗi căn hầm tối này, thì đó có phải là cái chết anh hùng không? Liệu trường hợp

tương tự xảy ra vào ngày mai, ngày mốt, tôi có lại gửi thuốc cho bạn bè không?

Tôi không suy nghĩ gì được nhiều vì có tiếng lách cách mở cửa sổ chấn song. Một bát lưng cơm được chuồn vào. Người đưa cơm chẳng nói chẳng rằng, bỏ đi. Từ sáng tới giờ tôi chưa ăn gì nhưng không thấy đói, dạ dày chắc co thắt lại, không tiết chất chua để đòi hỏi. Tôi đã có dịp nhìn những người tù ra khỏi phòng kiên giam. Có người đi không nổi chỉ còn bò lê. Có người ngơ ngơ ngác ngác như mất hồn. Tôi để bát cơm trên nền xi măng ngắm nghía. Cái bát sắt dày dặn có lẽ được sản xuất ở Trung Quốc, nhiều chỗ sơn đã long trơ cái cốt sắt phía trong. Tặc lưỡi, tôi bốc từng nhúm những hạt cơm màu vàng ệch bỏ vào miệng nhai kỹ. Đừng để quy. Đừng chết. Không thể thua được.

Tôi không biết đó là bữa cơm duy nhất trong ngày. Tù biệt giam ở trại này chỉ có một lưng bát cơm một ngày. Tôi nói ở trại này vì mỗi trại có cách đối xử khác nhau, tùy nơi. Sau này tôi được nghe có trại hề kiên giam là bị xiềng ngời, ngời giống kiểu đóng gông thời Pháp, có nơi bị khóa hai chân, có nơi khóa cả chân lẫn tay, có nơi một ngày được ăn tới hai lần. Một ông bạn tù còn kể rằng có những tù được nuôi bằng cơm trộn muối, lượng muối nhiều hơn cơm để cho mau chết. Riêng ở đây là một bát một ngày.

Tôi quyết định phải tự duy trì sức khỏe và bắt đầu ngay lập tức. Tôi đi vòng quanh đếm. Nếu đi bước ngắn là hai mươi hai bước, đi sải chân bước dài thì chỉ mười bước. Tôi đi không biết bao lâu, cảm cúí đi, đầu óc trống rỗng. Tôi chợt khám phá cái dụng tâm của bức tường xi măng xù xì gai góc. Tôi không thể ngồi dựa lưng vào bức tường được. Tôi mệt quá ngồi bệt xuống sàn lát nháp, ôm đầu gối gục đầu trong thế ngủ ngời.

Trời tối từ lúc nào tôi cũng không rõ. Tôi sợ tỉnh vì lạnh quá. Gió lùa qua khe thông hơi như rít lên trong đêm âm u. Chung quanh tôi là bóng tối dày đặc, là cái im lặng đến rợn người. Tôi mò mẫm đến góc phòng cầm cái ca nước lên nhấp một chút. Nước lạnh điếng. Nhất định không để cái buồn chán xâm nhập, tôi bèn vừa đi quanh vừa hát. Câu đầu tiên buộc ra khỏi miệng là “này công dân ơi, quốc gia đến ngày giải phóng...”. Mới đến đó tôi khựng lại. Phải chăng là phản xạ tự nhiên? Phải chăng là tự tiềm thức? Tại sao lại là bài hát tôi đã từng lúng búng trong miệng bao nhiêu năm trời không thuộc hết bài đó lại bật ra vào lúc này. Tôi lắc đầu xua đuổi những hình ảnh tới tấp trở về trong ký ức. Tôi hát một lèo hết bài quốc ca, hát đầy đủ và hát đi hát lại cả chục lần. Cái lạnh rừng núi vẫn không giảm. Tôi hét:

– Tên gì?

Và tự trả lời:

– Tên Dũng. Đỗ Lệnh Dũng. Trung úy Đỗ Lệnh Dũng, số quân 66-168-330

Loay hoay mãi một phờ, tôi lại ôm gối ngủ ngời cho đến khi có tiếng mở cửa. Ba người đứng đó,

một tù và hai cai tù. Người tù xách vào một xô nước. Chắc nhận ra tôi là ma mới, anh ta nói rất nhanh;

– Một tuần một lần vào thứ sáu. Nước để vệ sinh. Mười lăm phút thôi.

Anh ta nói chưa dứt thì đã có tiếng quát:

– Không được nói chuyện với tù kỷ luật.

Cánh cửa sập lại rất nhanh. Từ lúc vào đây tôi đi tiểu hai lần nơi cái lỗ cống thông ra ngoài. Tôi nhìn xô nước lung lung, nhắm tính và quyết định. Gia tài duy nhất của tôi là một cái bát sắt và một cái lon sắt đựng nước uống. Tôi lấy đầy nước vào đó, cẩn thận để ở đầu phòng phía trước. Sau đó là vực tay lấy nước rửa mặt. Nước lạnh buốt nhưng tôi rửa đi rửa lại, cúi xuống vốc từng vốc lên đầu lên cổ. Tôi cố gắng để nước không văng ra ngoài. Xong tôi thọc từng chân vào ngâm, rửa. Phải nói lại là nước lạnh vô cùng nhưng tôi cảm thấy như mình hảnh khoẻ ra, mình là một người khác. Cuối cùng tôi đổ nước ra sàn, dùng chân di đẩy nước ra chỗ cống.

Tiểu thuyết viết về tù tôi đọc khá nhiều từ những cuốn phải đọc khi đi học như Le Conte de Monte Cristo cho đến những cuốn tả cảnh tù của dân Do Thái và cả cuốn sau cùng Le Papillon. Hời ơi làm gì có con rệp để làm bạn. Làm gì có cảnh bót com ra nuôi con chuột. Óc tưởng tượng của nhà văn quả là phong phú. Tôi chỉ đối diện với tôi và bóng tối. Cái ông tù hình sự bên cạnh sau mẩu đối thoại chớp nhoáng đã không hề lên tiếng tiếp.

Nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại. Nhưng với tù biệt giam thì một ngày dài hơn cả thiên thu. Tôi xoay trở, bày đủ thứ trò cho hết ngày. Tôi tập võ. Tất cả các thứ võ đều là tự chế, múa loạn đả quyền, nhớ ông Lý Tiểu Long, ông La Liệt và múa theo các ông ấy. Tôi hát không chỉ là quốc ca mà còn những bài học của ông Thiếu úy Định trong quân trường Thủ Đức. Tôi quay sang niệm Phật. Câu danh ngôn của Mao Chủ Tịch: “Tôn giáo là thuốc phiện”. Tôi rất cần thuốc phiện vào lúc này. Nhưng dù gia đình theo đạo Phật, có bàn thờ Phật ở nhà nhưng tôi không biết tí ti gì về Phật Giáo cả. Cả đời tôi, tôi đi chùa không đến một chục lần và cũng không bao giờ đọc xuôi một bài kinh, bài chú trong các khóa lễ. Nhưng tôi đang cần thuốc phiện. Tôi cần một niềm tin nào đó, tôi chân thành quỳ xuống, trang trọng chấp tay và khấn Nam Mô Bổn Sư Thích Cà Mâu Ni Phật. Nam Mô A Di Đà Phật. Nam Mô Quan Thế Âm Bồ Tát. Đó là tất cả vốn liếng tôn giáo của tôi. Tôi không rõ Phật Tổ, Phật A Di Đà và Phật Quan Âm có nghe tôi niệm tên các vị không nhưng tự đáy trong lòng tôi thấy một niềm tin thành tín và từ đó một cảm nhận đầy yên ổn. Nhưng cũng kể từ đó cho đến nay, tối tối tôi vẫn chấp tay niệm ba vị Phật một cách chân thành.

Hai ngày trôi qua và giữa đêm thứ ba thì tôi nghe tiếng thét tiếng gào vọng ra từ phòng ông bạn thường phạm. Có lúc thì quát tháo. Có lúc thì gầm gừ nhưng âm thanh nghe tắc nghẹn, tức tưởi không thành tiếng. Tôi vươn người rướn cổ qua khe thông hơi:

– Tỉnh đi. Tỉnh đi. Đừng có sợ.

Ông bạn đang lên cơn điên? Ông bạn đang mơ gặp cơn ác mộng? Tôi không biết và chính tôi, tôi ngạc nhiên vì lời nói của mình. Đừng có sợ. Hay tôi đang nói với chính tôi.

Ăn uống, ngủ nghỉ, tiểu tiện, đại tiện, thế giới của tôi lúc nào cũng là ánh sáng lờ mờ hắt vào trên trần từ khe thông hơi hoặc tối âm u trong đêm. Mỗi ngày một bát lưng cơm, một ca nước. Đến một ngày đầu óc tôi mụ đi, người như muốn quy xuống. Có những lúc tôi lịm đi, vật ra trên sàn nhưng rất nhanh cái lạnh đẩy tôi bật dậy. Những quyết tâm lúc đầu như tập tành, đi bộ, hát hò, mỗi lúc một trở nên thừa thớt. Tôi đuối dần. Tôi gục xuống là mơ thấy Dung, là mơ đến bố mẹ, các em. Hết lịm đi là thấy Sài Gòn, thấy Phước Long. Có lần tôi nhổm cả người để nhảy khỏi giao thông hào ở chi khu Đôn Luân vì mơ thấy cả chục chiến binh Cộng Sản cầm lưỡi lê xối xả đâm. Râu tôi đâm tua tủa, râu mép dài che cả mồm miệng. Tóc tôi phủ gáy. Tôi ngửi thấy mùi xú uế ngay từ người tôi tỏa ra. Tôi đứng lên nhưng hai đầu gối run lập cập như muốn khuỵu xuống. Tôi mất hẳn ý niệm về thời gian.

Tôi nhớ mãi buổi sáng hôm đó, chắc chắn là ngày thứ sáu. Khi cái xô nước được để lại, tôi không còn sức để ngóc đầu lên. Tôi co quắp dưới sàn ngược nhìn. Khi trở lại để lấy cái xô, người tù xách nước nhìn tôi và quay sang nói với viên cai tù:

– Chắc chết rồi.

Viên cai tù bước vào, bên vai vẫn xệ khẩu AK. Gã cúi xuống nhìn. Tôi ngược lên nhìn lại. Gã đá vào chân tôi rồi cầm cả xô nước tưới lên đầu lên cổ tôi rồi quảy quả bỏ ra, xập cửa lại, không nói một lời.

Nước lạnh đâm người làm tôi tỉnh hẳn. Niềm tủi hổ, nỗi nhọc nhằn và tôi uất lên như nghẹn giọng. Tôi chồm dậy thù người. Không lẽ tôi chết như một con chó hoang?

Tôi cởi hết quần áo ra vắt cho ráo nước. Tôi di cho nước trên sàn chảy vào đồng phân tự ở góc phòng. Một sức mạnh từ đâu kéo về, tôi gượng được và bắt đầu men theo tường đi từng bước. Tôi cố gắng không chết như một con chó. Tôi tự nắn và thấy xương tôi nhô ra, nhưng không thể chết như thế này. Từ từ, từng chút một tôi lại tập, lại hát, lại niệm Phật. Tôi nhai từng hột – đúng là từng hột – để có việc làm cả ngày. Đúng khoảng một tuần sau, khi xô nước được mang tới, viên cai ngục bảo:

– Rửa cho sạch sàn nhà rồi đi ra.

Tôi ngó người chưa hiểu, thì gã quát:

– Mà muốn ở luôn trong này à? Mau lên. Thối quá. Thối quá.

Tôi mãi hạn biệt giam, thất thểu đi khỏi cái địa ngục mà chỉ chút nữa tôi đã bỏ mạng trong đó. Buổi tối khi mọi người lao động về, ông Thông đỡ tôi dậy, nghiêng bát cháo cho tôi húp, giọng thì thào:

– Lạy trời, ông chưa đến nỗi nào. Tuần trước tụi nó xì xào ông sắp chết ở trong đó.

– Cũng chỉ sắp chết chứ chưa chết.

Và tôi nhắc lại câu của ông từng nói nhiều lần:

– Thì vẫn phải nhớ muốn sống sót đừng làm anh hùng. Và có lẽ phải nói muốn sống sót thì phải làm sao để đừng gục ngã.

Đói triền miên. Đói tả tơi. Đói đến nỗi đầu óc chỉ nghĩ đến cái ăn, đêm đang ngủ bỗng bật người dậy vì mơ đang ăn chè xôi nước của bà già vẫn quang gánh bán rong với tiếng rao lanh lảnh xa... Ai... xôi.. nước. Nhà nước – với đại diện là những ông quản giáo, những ông bảo vệ – luôn luôn sử dụng miếng ăn như một thứ vũ khí trấn áp tù. Cắt khẩu phần là hình phạt phổ thông nhất. Dù đang ở trong tù nhưng qua những lần đi lao động, qua những gì tù thường phạm kẻ, lũ tù chúng tôi từ Miền Nam vẫn không ý thức rõ ràng về cái đói cái khổ, nghèo nàn của Xã Hội Chủ nghĩa. Trong đám tù thường phạm có rất nhiều em nhỏ đã phạm tội đại hình chỉ vì đói quá đâm liều. Khi đói – phải nói rõ là đói đến tận cùng – không ai có thể chia xẻ cho ai. Đã biết bao nhiêu cảnh đau lòng xảy ra khi chia cơm để rồi có một toán chế ra cái cân bằng tre để cân từng bát cơm cho đều. Toán tôi bốn người đều là tù binh nên tương đối nhường nhịn nhau và cái óc tếu, cái tinh thần lãng mạn khiến chúng tôi bày trò chơi hụi.

Vào những năm 1977 – 1978, kinh tế suy sụp đến đáy đen, mỗi sáng trước khi đi khổ sai, tù được phát mỗi người một nắm bột luộc to cỡ nắm tay. Có lần tôi ngớ ngẩn hỏi: “Sao không nướng có phải là ngon hơn không?” thì một ông bạn tù trợn mắt mắng:

– Ông là tù hay là cách mạng? Mẹ kiếp nướng thì phải có lò, tốn củi, phải trộn bột, phải có bột nổi. Luộc vừa nhanh, vừa gọn, ăn lại no lâu.”

Một hôm một ông ngón nhanh quá, xơi hết cục bột luộc và thèm thuồng nhìn cục của tôi đề nghị:

– Ông cho tôi ăn cục này đi. Ngày mai tôi nhịn, ông ăn phần tôi.

Tôi nhịn ông ăn. Ông nhịn tôi ăn. Hai ông bạn kia thấy cái trò hay cũng bắt chước. Độ một tuần sau thì chế độ hụi thay đổi vì không ai nhịn được. Mỗi người cầu một phần tư cục bột để nhường cho một ông ăn cho đã, và ít ra ba phần tư còn lại cũng đủ cầm cự cho đến gần trưa.



Nhà nước có chủ trương rõ rệt là tù nuôi tù và nếu tốt hơn nữa thì gia đình tù nuôi tù. Nuôi quan

trọng hơn thăm. Nhưng cái gì cũng phải được quản lý chặt. Mười ký. Sau đó mười lăm ký. Những người vợ, người mẹ, vất vả chen lán để mua được vé tàu từ Nam ra Bắc, rồi phải lặn lội đường rừng đường đất để tiếp tế được cho người tù ít thực phẩm, quả thật là “của mười ký công nghìn vàng”, cái nghìn vàng có lẽ cũng không đủ so với cái vất vả, lo sợ và cái tình của những người đàn bà Việt Nam. Trong giai đoạn đen tối nhất của 77- 78, Đôi khi các ông quản giáo áp dụng đúng đắn quy luật của trại, và đã có rất nhiều gia đình phải đem thực phẩm nuôi tù trở về vì quá qui định.

Tôi biết thân biết phận, không chờ đợi ai thăm nuôi. Tôi biết chắc chú Hà Bình Trung đang gặp khó khăn với chế độ vì quá khứ của ông. Tôi không mong gì nơi bà bác già nua sống cô đơn ở Sài Gòn. Tôi không nghĩ là ông bác cách mạng Đỗ Lệnh Tích lại dòm ngó đến thằng cháu Ngụy quân. Tiến trình cách mạng của ông không thể bị hoan ó vì một chuyện dăm dớ như vậy. Còn gia đình tôi, bố mẹ và các em tôi? Sự việc xảy ra đến chính tôi cũng không dám mơ tới. Tôi được gọi lên văn phòng và ông quản giáo nhìn tôi:

– Anh có quà của Hồng Thập Tự Quốc Tế. Bố anh gửi từ Mỹ.

Tôi lặng người vì mừng rỡ nhưng vẫn giữ thái độ cảnh giác, trả lời vô thưởng vô phạt.

– Vâng, gia đình tôi hiện cư ngụ tại Mỹ.

– Đây là giấy báo. Thùng quà còn ở phi trường Nội Bài, Gia Lâm.

Ông quản giáo chìa cho tôi một mẫu giấy màu nâu in chữ đen. Tôi áp ứng:

– Làm sao tôi lãnh được. Chắc chắn phải nhờ cán bộ giúp – Và tôi đánh dứ một đòn – Không bao giờ tôi quên ơn cán bộ.

Chúng mình rõ nhau quá . Lãnh dùm thì phải có đi có lại. Ông quản giáo tủm tỉm cười:

– Tôi có thể ký giấy nhờ lãnh thùng quà nhưng ai đem nó từ Hà Nội về đây cho anh?

– Trăm sự lại cũng nhờ cán bộ. Tôi là học viên cải tạo...

Tôi thấy mình sáng suốt quá, không nói tù mà là học viên.

Ông quản giáo cân nhắc:

– Đảng và Nhà Nước không bao giờ ngăn chặn tình cảm gia đình và tôi thông cảm cho anh nên đã điều nghiên. Muốn chờ thùng quà về thì tốn khoảng 50 đồng.

Trời đất ơi, tôi lấy đâu ra 50 đồng? Tôi nhìn ông quản giáo suy nghĩ:

– Tôi làm gì có tiền? Nội qui trại...

– Tôi biết anh không có tiền trong túi nhưng tôi đã đọc hồ sơ lý lịch anh rồi. Khi anh bị bắt có một số tiền Ngụy. Đảng và nhà nước không bao giờ tham lam, tiền đó trại vẫn giữ với cái đồng hồ của anh.

Có đem dao kề cổ tôi, tôi cũng không tin những gì ông quản giáo vừa nói. Sao trông ông ta đáng yêu đến thế. Tôi nói:

– Tất cả nhờ cán bộ thu xếp dùm.

-Anh ký vào giấy này, ủy quyền cho tụi tôi lãnh quà. Mọi chi phí tính vào khoản tiền trại còn giữ của anh, nếu thiếu thì có khi phải bán cả cái đồng hồ đi.

Tôi ký. Tôi nhắm mắt ký và nếu bán cái đồng hồ không đủ thì bán luôn tôi cũng được. Ông Thông già có lần bảo tôi rằng trên một cách nhìn nào đó, người Cộng Sản vô cùng đồng bóng. Vụ tiền và cái đồng hồ có lẽ là một thí dụ điển hình. Nhưng đối với tôi thì đây là lần duy nhất trong gần một thập niên tù tội, người Cộng Sản cũng có những quy luật chơi được.

Có lẽ ông quản giáo cũng sốt ruột về thùng quà không kém gì tôi, chỉ ba ngày sau tôi được gọi lên văn phòng. Thùng quà bằng giấy các tông tuy có hơi méo mó xộc xệch có lẽ vì vận lý trường trình nhưng rõ ràng là nguyên vẹn, chưa bị xé, bị cắt bị đục khoét. Những mảnh tape dán chẳng chặt và tôi còn thấy tên tôi với chức vụ nữa, một mĩa mai khô hài đến khó chịu:

Trung Úy Đỗ Lệnh Dũng

Trại Z23D

– Anh ký vào đây. Đây là phí khoản tiền phi trường, tiền thuê người mang về Hà Nội, tiền trả công cho người tái thùng đồ về đây...

Tôi ký ngay, và vừa xong thì ông quản giáo trưởng trại yêu cầu tôi khai thùng để kiểm soát với sự chứng kiến của hai người cán bộ.

Một mùi thơm ngào ngạt tỏa ra, mùi xà bông Dove không lẫn vào đâu được. Tôi lôi từng thứ bày ra bàn. Vi phạm quy luật là chiếc cắt móng tay to tướng và một lô dao cạo râu. Tôi thầm nghĩ bố mẹ tôi đâu có biết tôi lao động đến cùn cả móng tay. Xà bông, kẹo cao su, áo lót, quần lót, hai hộp kẹo sô-cô-la. Lớn kỉnh càng nhất là hai cái quần jean Lee xanh đậm. Tôi nhìn đồng quà và liếc mắt. Những con mắt khác cũng đang hau háu nhìn. Một chiếc quần bò bằng vải thàng lương công nhân, nhất là quần bó chính hiệu của Mỹ. Tôi biết chắc mình không có quyền hưởng trọn mà phải có đi có lại.

Tôi nuốt nước bọt, rồi ngập ngừng:

– Tôi xin cảm ơn cán bộ và toàn ban quản giáo đã có ý giúp tôi nhận thùng quà. Đây không phải là đút lót và đền ơn vì cán bộ quản giáo không bao giờ hành xử sai sót như vậy. Nhưng đây là tấm lòng thành của tôi.

Tôi cầm một chiếc quần jean để về phía ông trưởng trại một hộp sô-cô-la về một ông nhân chứng, một phong ba cục xà bông dove và một cái áo thun cổ lọ về phía ông nhân chứng thứ nhì.

Có tiếng tăng hắng:

– Anh sống ở trại hẳn rõ nội qui. Quần áo mặc lót thì được...

Mẹ kiếp, nó muốn vỏ luôn chiếc quần bò thứ nhì chắc? Tôi phản ứng nhanh:

– Xin cán bộ thông cảm. Đêm ở đây lạnh lắm, có đêm tôi rét run cầm cập.

Tôi chỉ mặc chiếc quần bò khi đi ngủ, vả lại để nhớ đến bố mẹ tôi nữa. Mấy chục năm rồi bố mẹ con cái chưa nhìn thấy mặt nhau.

Tôi không hiểu những lời tôi nói có đánh động đến lương tri của ba ông cán bộ chẳng nhưng cuối cùng ông trưởng trại lên tiếng:

– Về vụ phí khoản, số tiền anh gửi không đủ nên trại với sự đồng ý của anh đã bán cái đồng hồ. Anh có khiếu nại gì không?

– Không. Tôi không khiếu nại.

– Vậy thì anh ký vào đây.

Tôi ký ngay. Thế là họ nuốt trọn cái đồng hồ và tôi được phép khuôn đóng quà về phòng. Căn phòng mênh mông vắng lặng vì mọi người còn đang lao động. Việc đầu tiên là tôi mở hộp sô-cô-la. Kẹo bên trong có lẽ đã chu du quá lâu nên chảy ra đóng cục nhưng sao vẫn ngon thế. Tôi làm một lèo hết gần nửa hộp xong mới dở đến thư bố mẹ. Thư đề ngày 30-7-1975 tức chỉ ba tháng sau khi miền Nam sụp đổ và bố mẹ cho hay nhận được thư từ Sài Gòn nên biết tôi còn sống và đã lập tức gửi quà qua Hồng Thập Tự. Thùng quà đến được tay tôi sau hơn một năm rưỡi!

Tôi gấp số áo quần và chiếc jean cẩn thận dúi vào tay nải, và suy nghĩ về cách xử trí đóng quà. Có tất cả chín cục xà bông Dove, tôi đã đút mất ba còn sáu. Xài hay bán? Tôi cầm cục xà bông lên hít. Mùi thơm như đánh thức cả một dĩ vãng chắc chắn có ngày trở lại. Tụi em tôi khá thông minh, không gửi cho tôi thuốc lá bao mà cho một túi lớn thuốc pipe và có cả cái tẩu hút bằng lõi ngô – thứ tẩu vàng vàng nhẹ hều ngày xưa đầy rẫy ở các khu chợ đồ Mỹ và hồi còn sống với kỵ binh Mỹ, tôi nhớ giá một cái đầu cỡ hai đô la. Thuốc pipe đựng trong bao ni lông lớn thấy cân lượng một lb và tôi nhớ như vậy là khoảng nửa ký.

Khi quân ta đi lao động về, mọi người xúm lại quanh tôi hít hà ngửi ngửi. Tôi nghe một ông bạn phát biểu:

– Khi nào ông bóc cục xà bông, cho tôi cái giấy gói.

Tôi ngạc nhiên:

– Để làm gì vậy?

– Để lót ở đầu giường, ngửi mùi ngày xưa cho đỡ nhớ.

Tất cả cùng cười. Tôi đẩy nguyên cả ba phong kẹo cao su ra mời:

– Anh em mỗi người một cục. Mong có đủ cho mọi người.

Bố mẹ chắc không bao giờ nghĩ rằng những chiếc áo thun, khăn mặt gửi cho tôi lại biến thành đường thành kẹo, thành nhiều thứ linh tinh khác – miễn là có thể nhai được nuốt được. Trong cái hệ thống nhà tù chẳng chịt, nhan nhản của người Cộng Sản, những người tù không những phải tự nuôi – và đóng góp sức lao động của mình để tạo ra sản phẩm, một hình thức lao động không lương – những người tù còn xoay sở đủ cách để làm thăng hoa cuộc sống tù. Rất nhanh, và thú thật tôi cũng không rõ làm sao họ đánh hơi nhanh như thế, tôi được những người tù thường phạm tiếp xúc để gạ gẫm. Tôi hy sinh cái khăn phụ la ngay lập tức vì trông nó chường quá. Chiếc khăn màu sặc sỡ kẻ ca rô xanh đỏ dẹt không dày lắm đó đã nuôi tôi và mấy ông bạn tù cố tri cả tuần. Tối nào chúng tôi cũng nấu chè! Luật lệ vô cùng rõ ràng là cấm đèn lửa nhưng rồi lịch kịch chúng tôi cũng nấu được nước đường và sau đó là bỏ một hai củ khoai lang hay tí sắn và xì xụp với nhau. Những món quà từ Mỹ cứ thế ra đi và cuối cùng, món đáng giá nhất, chiếc quần bò, cũng lên đường để đổi lấy trụ sinh.

Năm 1979 xảy ra cuộc chiến giữa “răng” và “môi”. Nước Cộng Sản anh em Trung Quốc tấn công qua biên giới! Đám tù Ngụy xôn xao giở tai nhau và từ đó là những âm mưu trốn trại để vượt biên sang Tàu. Cái ý tưởng trốn tại vãn làng vắng trong đầu mỗi người tù, và trong câu chuyện thì thảo, ai cũng có lần bàn đến chuyện này. Quả tình mà nói, muốn vượt ngục không khó. Khi đi lao động, cứ lừng lững dợt là xong nhưng thoát được lại là chuyện đội đá vá trời!

Không phải tự nhiên mà cứ độ một vài tháng lại có vụ đổi phòng, chuyển trại. Để tù ở một nơi lâu quá dễ nảy sinh ra âm mưu. Tội nó có thể kết bè kết nhóm, nghiên cứu đường đi lối lại, địa hình địa vật. Sau đó là muối. Chưa bao giờ tù nhìn thấy một hạt muối. Muối được bỏ vào một cái ang lớn, đổ nước quậy cho tan rồi mới múc cho mỗi đội một hai bát chia nhau. Đó là những biện pháp giản dị nhưng vô cùng hữu hiệu. Nhưng đối với Ngụy thì có trốn lên trời vì hệ thống an ninh, công an chẳng chịt trong dân chúng và chưa có người dân Bắc nào lại mở rộng vòng tay chứa chấp hay giúp đỡ Ngụy vượt ngục. Dây vào vụ này dám bị tru di tam tộc, lý lịch đen xì, con cháu ba đời

còn liên lụy.

Trong khoảng thời gian có cuộc chiến tranh Tàu Việt 1979, tôi đã chứng kiến hai vụ vượt ngục và tham dự vào một âm mưu may mà bất thành!

Vụ đầu tiên gây xôn xao nhất. Ba sĩ quan VNCH trốn trại. Báo động tùm lum, và ngạc nhiên nữa là thấy bộ đội có chó Béc-dê đi lùng. Hai ngày trôi qua, ai nấy dù đi lao động hay thì thăm trong đêm ở trại, đều trông ngóng và cầu nguyện. Bọn cai tù mặt lạnh lì, lúc nào cũng như sắp sửa bắn tui tôi và luôn mồm dọa dẫm – “mấy thằng vượt ngục không thoát đâu. Rồi các anh sẽ thấy.” Chúng tôi thấy thật. Vào một buổi chiều ngày thứ ba, ba cái xác được quăng còng queo ngay trước cổng trại, máu đã khô trộn với đất cát trông rợn người. Đáng buồn nhất là những xác này được bêu ở đó tới hai ngày sau, ruồi bu, kiến đậu và biết đâu ban đêm chả có chuột nữa, cho đến khi mùi xú uế bốc lên mới được tù thường phạm dọn đi.

Vụ thứ nhì thể thảm hơn nữa. Cuộc vượt thoát lần này không có bè đảng. Một ông Trung úy phi công thoát được bốn ngày thì bị lôi trở lại trại. Anh bị đánh gãy xương vai, bị kéo xềnh xệch về và quăng ở giữa sân trại để thị uy. Cho đến giờ này tôi vẫn không hiểu tại sao anh sống sót trước những đòn hội chợ và sau đó là màn biệt giam. Anh thoát và nhắm hướng Bắc với cái ý niệm giản dị là biên giới ở phía Bắc. Đến ngày thứ ba thì đói quá, anh mò mẫm vào làng ăn trộm khoai sắn, và lạc đường bị dân tóm cổ giao cho công an.

Vào khoảng thời gian này tôi có quen với một ông đại úy phi công lái F-5.. Ông Hưng to con, ăn nói chững chạc và hơi nhỏ dẻ hướng đạo có bằng Rừng. Tổng cộng năm người trong đó có hai ông Biệt Động Quân và một ông nữa thuộc Chiến Tranh Chính Trị. Năm đứa toan tính bắt đầu tìm cách dẫu thực phẩm. Mỗi ngày một nhúm cơm được cấu ra để khô. Ông Hưng kiên nhẫn tới tới khi thì cầm cục nén, lúc chỉ là một thanh tre nhỏ đốt dưới một cái lon sữa bò, cô nước muối lại. Ông bạn tù nhỏ nhất ở Chiến Tranh Chính Trị, ông Quang, đã mò mẫm và tìm ra được một chỗ có thể bò ra khỏi trại vào ban đêm. Khoảng ba tháng sau thì số gạo khô cũng kha khá được dẫu ở nhiều chỗ khác nhau, số muối cũng đã cô đặc được hơn nửa lon sữa bò và chúng tôi quyết định đào thoát.

Trong những cuộc họp thì thảo to nhỏ, tôi đã khẳng định với anh em rằng tôi đủ sức chịu đựng gian nan và cam đoan sẽ không gây phiền lụy gì cho mọi người. Anh em cũng đã thoả thuận, nếu bất khả kháng thì cố, ai thoát được thì cứ thoát, đừng bận tâm đến người khác. Đây là âm mưu chín phần chết, một phần sống và mọi người đều phải tự hiểu, không có quyền chờ đợi gì. Đúng còn một tuần vào cuối tháng khi trăng không tỏ là ngày khởi hành thì ông Hưng lăn ra ốm. Tôi không rõ ông bị bệnh gì nhưng ôm đầu vật vã lẫn lộn. Tiền bán cái quần bò tôi mang hết ra mua trụ sinh – toàn những chai trụ sinh của Tàu đã quá hạn cả năm trời, có chai bột trụ sinh đóng thành cục lắc cả mười phút mới tan. Nhưng trụ sinh cũng chẳng ăn thua gì. Đúng lúc đó có vụ

chuyển trại và tôi cùng hai ông trong nhóm phải rời.

Tôi không rõ số phận của người Đại úy Không Quân Cựu Hướng Đạo Sinh ra sao. Lạy trời ông tai qua nạn khỏi. Và tôi cũng không rõ nếu kế hoạch vượt ngục được thực hiện, liệu chúng tôi có đưa nào đến được biên giới Việt Hoa chăng? Hay cũng như những anh em khác, xác được bày ra ở cổng trại để thị uy?



Kể từ khi được thăm nuôi, tù Ngụy đón nhận cùng lúc những gói quà và đôi khi đi kèm theo đó là những tin đau lòng. Có ông chờ mãi mới được báo có thăm nuôi, hí hửng tưởng được gặp vợ ai ngờ đó chỉ là bà chị ruột, vợ con đi vượt biên Mỹ. Ông khác thì vợ đi lấy chồng. Còn ông nữa thì cả nhà bị đi kinh tế mới, đưa con gái lẽ mề đem vào cho bố tí mắm kho quẹt và ít đậu phộng rang. Tôi biết thân biết phận không chờ không đợi gì. Lần duy nhất nhận quà qua Hồng Thập Tự Quốc Tế, từ đó cho đến khi rời đất Bắc tôi làm con bà Phước.

Kinh nghiệm tù cho tôi vài điều khôn ngoan. Hễ có thể thì xưng phong ngay lập tức và cái gì cũng sẵn sàng nhận nhưng phải là việc tứ đại công khai. Sở dĩ như vậy vì làm việc lẻ – có nghĩa là cá nhân trực tiếp kín đáo với quản giáo chỉ có nghĩa là làm ăng ten, báo cáo anh em.

Ngoài ra, xưng phong thường là những công việc cực nhọc hơn nhưng bù lại thế nào cũng có chút tự do và nhất là có dịp nhìn ngó nhiều hơn. Chẳng để làm gì nhưng cũng thú hơn cái trò lao động tập thể. Khi ông quản giáo bảo có ai biết nghề mộc thì tôi giơ tay ngay cho dù chưa bao giờ cầm đến cái búa, nhưng tự tin mình có con mắt và khéo tay. Bốn người được tách ra để làm công tác đặc biệt về mộc gì đó. Chúng tôi vẫn quần áo tù được chõ thẳng ra thị xã Yên Bái, một điều bất ngờ. Bất ngờ hơn nữa là người đàn bà đón chúng tôi là một phụ nữ trông tươi tắn dù đã trọng tuổi. Bà ăn nói đơn đả, có phần phúc hậu và gọi chúng tôi là các ông. Câu đầu tiên là câu nói mà chúng tôi không bao giờ chờ đợi:

– Các ông vào đây ăn đã. Tôi làm cơm rồi, biết các ông đói lắm.

Hỡi ơi, tôi cũng biết tôi đói bà ơi. Cơm thơm tắp, có một nồi canh rau ngót nấu với tôm khô, một đĩa dưa chua, và – lạy Chúa – có thịt gà luộc rắc lá chanh. Bốn tên tù ăn không ngượng, ăn hết bát này đến bát khác và khi ăn xong thì không đưa nào đứng dậy nổi. Người vợ ông quản giáo hét ra lửa chỉ đứng nhìn tằm tằm cười. Bốn đứa phải sửa cái nhà ngang bị sập một bên mái vì quá cũ kỹ. Tôi không có nghề nhưng may quá ba ông kia là thứ thiệt. Khoảng gần chiều thiếu đình, ông quản giáo lấy xe đạp kèm tôi ra phố chợ. Quen thói miền Nam, tôi phốc lên phía sau ngồi dạng hai bên. Vừa đi được một quãng, thiên hạ ai cũng nhìn và cười khiến ông quản giáo phanh lại ngó ra phía sau và nổi giận quát khế:

– Anh ngồi kiểu gì thiếu văn minh thế. Ngồi lại đi.

Lúc đầu tôi hơi ngỡ ngàng nhưng hiểu ngay. Nếp sống văn minh là phải ngồi hai chân để về một bên.

Tôi cứ nhớ câu chuyện này mãi không phải vì đã học được nếp sống văn minh của miền Bắc mà là thái độ của người đàn bà vợ ông cai tù. Phải chăng bà đã tự ý dọn cơm có thịt gà cho bốn thằng tù Ngụy chỉ vì họ sẽ sửa nhà cho gia đình bà hay vì lòng thương cảm của một người đàn bà Việt Nam trước những kiếp sống tù đầy ? Tôi vẫn nghĩ điều sau đúng hơn.

Trong cái đáy địa ngục tù đầy, có những điều cần nhớ và có những điều quên đi càng nhanh càng tốt. Tôi đã cố để quên đi những cái cần quên và có thể nhờ đó tôi còn sống sót đến ngày nay.

Năm 1982, vào lúc vừa chớm xuân, tôi được lệnh chuyển trại. Vốn quá quen với những vụ này tôi thân nhiên tóm mấy cái áo cuộn lại, thủ theo những đồ tùy thân như cái ca, cái bát, đôi đũa để sẵn sàng ra đi.

Đến khi leo lên xe thì có tiếng xì xào và lúc được dồn lên toa xe lửa thì tôi mới biết được chuyển về Nam. Bảy năm trên đất Bắc, lăn lộn hết trại tù này đến trại tù khác, nay tôi lại leo lên xe lửa để trở về nơi tôi đã gục ngã.



CHƯƠNG 12



Tôi đến đất Bắc trong cơn mưa phùn lạnh gần bảy năm về trước, bảy năm của tù đầy nhục nhã, bảy năm của cái buồn nhiều hơn vui, bảy năm của cố gắng sống còn.

Tôi sắp rời đất Bắc để trở lại nơi đã ấp ủ nuôi dưỡng tôi và trong cái niềm vui hồi đó, ông trời có lẽ cũng thông cảm nên nắng đẹp, không nóng quá như những ngày hè vừa qua.

Hình như dân Bắc, nhất là ở ga Yên Bái này, mọi người đã quen nhìn lũ tù cải tạo miền Nam gầy guộc, co rúm, nheo nhếch. Đã biết bao nhiêu đám tù tới và đi? Chẳng ai đếm và cũng chẳng ai buồn lý tới. Cơm áo hàng ngày, cuộc sống không bao giờ nghĩ tới tương lai, người dân Xã Hội Chủ Nghĩa chẳng ai có thời giờ cho lũ tù cải tạo.

Đứng ở sân ga chưa tới mười phút, tôi cố giương mắt lên nhìn lần cuối. Những người dân cũng vẫn trông không khác gì so với những ngày đất nước chưa thống nhất, trừ mấy chiếc Honda, Suzuki. Vẫn gồng vác gánh và những phụ nữ già nua trùm khăn mỏ quạ ngồi bên những chiếc

thúng bán xôi, bán bánh kẹo trông ử rữ như cuộc đời phía trước.

Những ông bạn tù – đợt này về hơn một trăm mạng – đều là những thứ “Ác ôn, ngoan cố, lý lịch hắc ám”. Nếu không thì đã được xuất trại từ lâu mới phải. Tiếng súng đã ngưng từ hơn bảy năm rồi mà! Trong cái suy nghĩ đó tôi quay sang hỏi ông đứng cạnh:

– Binh chủng nào mà giờ này vẫn còn dính với tội tôi?

– Đâu có lính tráng gì. Công chức. Chủ sự

– Sao bóc nhiều lịch thế?

– Dân vận. Họ bảo tôi ác ôn, là bọn phun nọc độc vào quần chúng, là chiến tranh tâm lý xách động quần chúng, là tay sai CIA

– Lắm tội thế hẳn nào.

Cả hai cùng cười, nhưng là cái cười méo xệch, trông quả không giống con giáp nào.

May quá, khi xe lửa ngưng ở Hà Nội, chúng tôi không bị dân chào, ném đá như lần trước. Ga Hàng Cỏ đông, ồn ào như chợ vỡ, người ta chen nhau, huých nhau để leo lên con tàu Thống Nhất xuôi Nam. Cho dù tù được nhốt ở toa cuối nhưng tiếng chửi, tiếng la hét inh ỏi vẫn vọng vào qua cửa sổ đóng kín.

Vào khoảng nửa đêm gần sáng, ông bạn tù dân vận huých tôi:

– Người thấy không?

Mùi biển. Gió từ ngoài đem vào cái mùi tanh ngọt của rong rêu, của cá, của nước mặn.

– Chắc bắt đầu qua khỏi Vinh, Thanh Hóa. Vậy mình sắp về đến nơi.

Tôi bật cười trong đêm. Về đến nơi! Có về đến nơi thì vẫn thân phận tù không án, ngày về đến nơi thật vẫn tít mù tắp không biết đến bao giờ. Đây có lẽ là con tàu tốc hành nên ngừng rất ít, đâu bốn năm chặng gì đó và tất nhiên không có chuyện chúng tôi được xuống ga đi lại cho dân gần dân cốt. Gần đến trạm là bộ đội, công an kéo sập hết cửa sổ lại. Toa cuối nên lắc dữ và lũ tù cũng chỉ còn biết ngồi chịu trận lắc lư theo tàu.

Khi tàu ngừng sau hơn một ngày một đêm, chúng tôi được lệnh. Vừa đặt chân xuống lại miền Nam, chúng tôi nghe tiếng bà con gọi nhau:

– Cải tạo. Tù cải tạo.

Chỉ một loáng, những người dân Bình Tuy có mặt ở sân ga ồ lại phía chúng tôi. Công an áo vàng, trật tự viên và bộ đội chặn lại, họ xua. Một chiếc bánh lá được ném sang và sau đó là tới tấp đủ

thứ. Những em bé quần đùi áo xốc xếch đặt cả cái thúng xuống và vung tay ném bất cứ thứ gì trong đó về phía tụi tôi. Bọn công an hò hét ngăn cản, lừa chúng tôi vào một góc, nhưng anh em tù ai nấy đều chop, vồ được. Người thì trái bắp luộc, kẻ thì bánh ít, quả ổi, quả chuối hay một nắm xôi đậu.

Có cái gì dâng lên trong tôi.

Thế ra lòng người miền Nam vẫn ở với chúng tôi. Thế ra sau bảy năm cái tình vẫn còn nguyên đó, cái tình của những người dân buôn thúng bán bưng, của những em bé bán dạo. Tôi nheo mắt nhìn nắm xôi đậu đen gói trong lá chuối. Miếng xôi đã vỡ, văng xuống đất một nửa. Miếng xôi xộc xếch, màu xôi hơi tím tím bao lấy những hạt đỗ đen thẫm. Tôi cẩn thận nắm nó lại, bỏ vào túi.

Những chiếc xe GMC màu ô-liu nay đã cũ kỹ, chiến lợi phẩm của cuộc Đại Thắng Mùa Xuân, chơ sẵn và rất nhanh chúng tôi bị lừa lên. Các ông bạn tù vừa đi vừa ngoái lại coi đám đông cỡ hơn một trăm người dân vẫn đứng tụ trên sân ga. Họ vẫn đứng đó nhìn theo chúng tôi và biết đâu không có một em nhỏ đang ngóng cổ xem bố mình có mặt trong đám tù chẳng?



Trại tù nào dưới chế độ thì cũng thế. Nhưng xem ra sau hơn bảy năm học tập, hết đợt này đến đợt khác, trại tù này trông có vẻ khang trang ngăn nắp. Khởi thủy đây có thể là rừng hoang, đất cứng như đá, đồng khô cỏ cháy nhưng để đổi lấy những dãy nhà tù ngang dọc, những căn nhà quản giáo, những hàng rào, vọng gác, bao nhiêu tù đã gục ngã. Họ trả giá bằng chính xương máu của mình để có được chỗ tự giam và giam bằng hữu đồng đội.

Khi chúng tôi xuống xe thì trại tù vắng vì tù còn đi lao động bên ngoài. Cái nắng của miền Nam khác cái nắng mạn ngược miền Bắc. Nó có vẻ nóng nhưng không gắt, mặt trời rạng rỡ nhưng không oi, người không lúc nào cũng rịn mồ hôi. Ít ra thì dù vẫn là tù, nay chúng tôi đang ở miền Nam và cái vụ thăm nuôi có vẻ sẽ dễ dàng hơn.

Tôi đã chuyển trại cả chục lần nên hiểu chuyện gì sẽ xảy ra. Đối với anh em cùng cảnh là màn hỏi thăm tới tấp. Ai đã được thả, ai đã chết, kẻ nào còn lê lét trong những địa danh như Hoàng Liên Sơn, Thái Nguyên, Việt Bắc. Với tụi tôi là một vài ngày thích ứng. Không phải lao động nhưng lại cong người khai lý lịch.

Ai đã đi tù Cộng Sản đều biết cái màn khai lý lịch. Đã có ai khai dưới mười lần chẳng? Tôi không chắc nhưng cá nhân tôi thì không đếm xuể. Tù cũng đã rút kinh nghiệm và bảo nhau. Càng viết dài càng tốt, nhưng càng khai ít càng tốt. Đây là cả một nghệ thuật. Bản lý lịch viết vồn vện có hai ba trang thế nào cũng phải khai lại. Nhưng viết dài mà lại khai tứ tung ngũ hoành, dây mơ, rễ má là thế nào cũng được làm việc tiếp. Trước sau tôi không bao giờ nêu tên ông bác Đỗ Lệnh Tích của tôi trong lý lịch. Đây là quyết định của tôi ngay từ lúc đầu khi bị khai thác ở mặt trận.

Trước hết tôi không nghĩ ông bác tôi muốn nhòm ngó gì đến thằng cháu Ngụy và nếu có muốn ông cũng không dại gì hy sinh sự nghiệp cách mạng, không thể để lý lịch có tí vết. Về phần tôi, tôi không muốn bị phiền hà. Với gia đình, tôi không thể dấu nên khai là đã đi Mỹ nhưng cố không ghi rõ thời gian, nhưng khi nhận được thùng quà từ Mỹ thì tôi phải khai rõ hơn. Từ đó, mỗi lần khai lý lịch, câu hỏi: “Bố anh đi Mỹ từ năm 1964 làm gì? Có phải là CIA không?” Người Cộng Sản nhìn đâu cũng ra CIA và luôn luôn đem con ngáo ộp CIA ra chụp lên đầu bất cứ ai. Trong một lần “làm việc” tôi đã thẳng thắn nói lại với ông quản giáo chấp cung rằng muốn làm việc cho CIA cũng không dễ gì đâu. CIA trả lương cao lắm. Nhưng ông ta cười khẩy mắng tôi như tát nước vào mặt tôi vì bệnh vực CIA. Điều mà mãi sau này cho đến đầu trước hôm mãn tù tôi mới biết rằng chính tôi đã bị kết tội có dính líu đến CIA, rằng gia đình bố mẹ anh chị em tôi đã có những liên hệ nguy hiểm với Mỹ và có thể CIA đã tìm đủ mọi cách cứu tôi. Chuyện gì xảy ra ở bên Mỹ quả là tôi mù tịt vì tôi không hề nhận được thư từ của bố mẹ tôi và sau này tôi cũng mới biết là thư của ông cố vấn Mỹ cùng nhiều thư từ khác của cơ quan công quyền Hoa Kỳ để vận động cho tôi.

Ít nhất thì khi về đến miền Nam tôi cũng lại có cái vui là gặp lại ông già Thông. Ông vẫn chưa được thả mặc dù đã sống một cuộc đời tù gương mẫu – Gương mẫu theo kiểu nghĩa không phiền hà, luôn luôn ẩn trong đám đông không bao giờ đối đầu trực diện với cai tù. Tập hợp, ông ngồi ở gần cuối. Đi đâu khi phải di chuyển, ngay cả khi phải đi lao động, ông cũng đi ở giữa. Có gì ăn nấy và khi có thăm nuôi thì đem ra chia hết cho mọi người. Ông không có tài sản riêng. Vâng, trong tù vẫn có thể tư hữu. Cái điều cày chẳng hạn. Một cái vòng tiện ra từ vỏ đạn được khắc tí mĩ để làm quà cho vợ khi về. Một cái áo ấm gia đình gửi cho. Linh kinh nhiều thứ lắm nhưng ông Thông thì chủ trương vô sản. Nhưng những điều khôn ngoan đó vẫn không giúp ông ra tù sớm.

Nói đến tư hữu phải công nhận tù miền Nam giàu hơn tù miền Bắc rất nhiều. Chế độ đã khoan hồng hơn lúc mới chiến thắng, đã cho phép thân nhân gia đình thăm nuôi thả giàn, càng thăm nuôi nhiều càng tốt. Có rất nhiều ông tù ăn riêng vì họ được thăm nuôi thừa bữa, bữa ăn nào cũng có cao lương mỹ vị như thịt heo kho khô, ruốc chà bông và đôi khi có cả Lạp xưởng nữa. Vàng vắt đâu đó cái xã hội của miền Nam lại đang tái diễn trong tù. Tất nhiên là các ông quản giáo không bao giờ bỏ lỡ cơ hội để chắm mứt.

Trong cái bối cảnh đó, đời tù của tôi lại vấp ngã ngay trong ngày lao động đầu tiên. Khi chia đội, anh em trong số vài ông cựu tù binh nhất định bầu tôi làm đội trưởng. Buổi sáng đầu tiên trước khi cuộc xềng ra khỏi trại, tôi phải tập hợp mọi người để bá cáo. Viên quản giáo nhìn đám tù mới tới tận mặt khó đăm đăm và ngay khi tôi vừa báo cáo nhân số xong thì ông ta gằn giọng:

– Anh báo cáo với cán bộ, tại sao anh lại đội mũ. Yêu cầu anh bỏ mũ ra bá cáo.

Tôi sững người nhưng tuân hành ngay. Báo cáo xong. Ông lại quát to hơn:

– Không phải chỉ có mình anh. Tất cả đội viên đều phải bỏ mũ. Bỏ hết mũ ra báo cáo lại.

Tôi quay lại yêu cầu anh em tuân hành và bá cáo lần nữa.

Hôm sau tôi bảo anh em. Không ai đem theo mũ. Khi tôi báo cáo xong, viên quản giáo cười gần:

– Trời nắng tại sao các anh không đội mũ. Anh Dũng. Tại sao anh không cho anh em đội viên đội mũ. Anh định âm mưu chống đối gì đây. Tôi muốn anh lên chỗ tôi giặt cho tôi mấy cái chăn ngay lập tức.

Bỗng nhiên tôi ở thế chẳng đứng được. Tôi nhớ đến ông Thông và cố nghĩ xem nếu ông ở vị thế này thì sẽ đối phó ra sao. Tôi không suy nghĩ được lâu vì viên quản giáo nói từng tiếng như gần:

– Anh Dũng, anh nghe rõ không? Anh lên phòng tôi lấy mấy cái chăn giặt ngay.

– Thưa cán bộ, tôi sẵn sàng chấp hành nội qui của trại, không làm điều gì sai trái. Nhưng xin cán bộ thông cảm. Tôi không từ chối những công tác nặng nhọc nhưng cái vụ giặt chăn...

– Được. Anh không phải nói nhiều. Các anh có ai muốn giặt chăn cho tôi không?

Không khí căng thẳng tốt độ và một cánh tay giơ lên. Tôi không biết đây là một hành động cứu anh em hay là một bon chen cố ý. Lạy trời đây là một nghĩa cử. Viên quản giáo vẫy người đó ra tuyên bố ngắn gọn:

– Anh không phải giặt chăn. Từ nay anh là đội trưởng. Anh dẫn đội viên đi. Còn anh Dũng anh đứng đó chờ lệnh.

Đời tù không án nên hình phạt không có đoạn kết không có gì ngạc nhiên. Tôi bị phơi nắng đến cỡ gần hai giờ thì bị xỉu nằm lả ra giữa sân. Người tôi khô kiệt, da tôi như bỏng và đầu óc tôi toàn những đốm tối và đốm sáng loé lên từng chớp.

Khi anh em đi lao động về tôi vẫn nằm đó cho đến lúc viên quản giáo khệnh khạng ra lệnh lôi tôi vào. Tôi bị sốt nóng, bị bỏng da nằm lì bì cả tuần lễ.



Cuộc đụng độ của tôi ngay khi vừa tới trại với ông quản giáo đã gây tiếng dội ngay lập tức. Quản giáo Hùng nổi tiếng và có bí danh Hắc Ám với rất nhiều thủ thuật. Viên quản giáo này theo sát tù cải tạo, không hề nương tay, lúc nào cũng đôn đốc tù làm việc cật lực. Bộ mặt lạnh như tiền, sẵn sàng trở mặt, đang ngọt nhạt bỗng quát tháo, không có gì xảy ra trong phòng qua mắt được ông ta. Một ông tù cải tạo đã phải lắc đầu “Nó như con ma xó, động một tí là có chuyện liền”. Anh em xì xào về hệ thống ăng-ten của viên quản giáo này tinh vi đến độ không biết nên nghi ngờ ai nữa. Mọi người thấy tôi gân xì-mốc, mặt đối tay đôi với Hùng Hắc Ám trước đám đông đều lo lắng cho số phận tôi. Đến ông Thông tuy không ở cùng phòng cũng bò sang dặn dò phải cẩn thận, e rằng Hùng Hắc Ám sẽ còn dở nhiều thủ đoạn nữa. Trời đất, tôi là một thằng tù, đối phó với tôi thì quá

dễ. Ông Hùng nếu muốn cứ vu cho tôi bất cứ tội danh nào chẳng được, và muốn hành hạ tôi kiểu gì chẳng xong.

Bảng đi cỡ nửa tháng, vào một buổi chiều khi vừa ăn xong, tôi được gọi lên làm việc. Từ sau hôm bị phơi nắng đến phát sốt, da phỏng tôi lẳng lặng không hé một lời về chuyện xảy ra, ai hỏi chỉ cười và bảo:

– Cán bộ quản giáo có lý của ông ta. Tôi cố giữ tư cách của tôi. Thế thôi, và chuyện qua rồi đừng để ý hơn.

Tôi chăm chỉ thi hành bốn phận tù, lao động như mọi người và tỉnh bơ không nói năng oán trách gì. Phải chăng kinh nghiệm và sự khôn ngoan của ông Thông đã thấm vào tôi?

Khi tôi bước vào, quản giáo Hùng Hắc Ám đang ngồi ở ghế xa lông gỗ, có lẽ là thành tích của mấy ông tù giỏi nghề mộc. Bộ ghế gọn gàng xinh xắn. Thấy tôi, quản giáo Hùng không nhúc nhích chỉ cái ghế đối diện:

– A, anh Dũng. Ngồi xuống đi.

Thế này là thế nào? Tôi lập tức thủ thế:

– Thưa cán bộ, tôi được gọi lên để làm việc.

Câu nói vô thường vô phạt nhưng rõ ràng. Tôi chờ đợi màn hỏi cung, màn viết tờ kiểm điểm hoặc có thể cả màn ăn đòn hội chợ. Quản giáo Hùng vẫn nhỏ nhẹ:

– Ngồi xuống làm một cốc trà đá. Thuốc ba số còn mấy liều, làm một liều đi.

Tôi tiến thối lưỡng nan, tôi lẳng lặng ngồi xuống nhận ly trà và liều thuốc ngoại. Đâu cỡ nửa liều thì ông quản giáo vào đề.

– Tại sao anh không giặt chăn cho tôi?

– Thưa cán bộ, tôi đã nói ngay từ hôm đó. Quả thật tôi không thể làm các việc cán bộ nhờ được. Có thể thôi, e giải thích thế nào cũng không xong...nhưng tôi chỉ muốn là tôi xin cán bộ thông cảm.

– Anh có biết họ gọi tôi là Hùng Hắc Ám không?

– Tôi có nghe. Tôi chỉ nghĩ mỗi người đều có bốn phận phải chu toàn. Cán bộ lo tròn bốn phận là đúng, còn nếu vì thế mà có biệt danh Hắc ám thì đã sao.

Ông quản giáo phá ra cười ha hả, và ông ta làm tôi sững người.

– Tôi thích anh. Tôi đã để ý xem thái độ của anh sau hôm đó. Tôi đã đọc kỹ lý lịch của anh. Tôi e

sẽ còn ở lại trại lâu vì những liên hệ của anh và gia đình anh. Tôi khuyên anh điều này. Đôi khi mình muốn là mình cũng không được. Gió chiều nào mình che chiều nấy thì mới dễ sống. Ở trại hay ngay cả ở bên ngoài cũng vậy.

Khi trở về phòng tôi vẫn không tin những gì xảy ra, và nhất là những lời khuyên quý hóa của ông Hùng. Tôi ở tù sáu, bảy năm, chưa có ông cai tù nào nào lại ngọt nhạt như vậy với tôi, lại còn cho hút thuốc ba số. Ông Thông lại càng lo hơn bảo tôi phải coi chừng, nhưng quả không có chuyện gì xảy ra cho tôi. Cái liên hệ quán giáo – tù cái tạo tưởng đã cho qua đến cỡ hai tháng sau tôi lại được gọi lên.

Lần này tôi không biết ông ta sẽ dở vớ gì nữa. Trông ông ta tươi tỉnh, tôi cũng đỡ lo.

– Ngồi xuống, ngồi xuống. Tôi có chuyện nói.

Tất nhiên là ngồi và im lặng.

– Tôi không trực tiếp coi phòng nữa nên gọi anh lên. Ngày mai tôi sẽ làm việc ở ban an ninh trại. Trước khi tôi đi tôi hỏi anh xem anh muốn gì tôi giúp.

Tôi ngồi ngây mặt ra, cầm ly trà, không biết nói sao cho đúng. Giúp gì mới được chứ ? Giúp tốt nhất là thả tôi ra, trả tôi về với xã hội bên ngoài. Ông Hùng hỏi:

– Anh muốn làm thư viện không? Anh muốn làm ở ban ẩm thực không?

Đây cũng là một chi tiết khó tin đối với những người dân bên ngoài vòng rào. Hầu như nhà tù nào cũng có một nơi được gọi là thư viện. Sách vở đương nhiên là sách tuyên truyền và sách mùi chủ nghĩa. Coi thư viện thì nhàn quá, không phải đi lao động. Tôi hỏi một câu thật vô lý:

– Thế thư viện thiếu người sao cán bộ?

Ông Hùng cười khằng khặc:

– Sao lại thiếu được. Biết bao nhiêu người xung phong, xung phong đủ kiểu nữa là khác. Nếu anh muốn thì tôi cho cái anh đang coi thư viện xuống lao động lại. Dễ thôi.

Đầu óc tôi làm việc rất nhanh. Ông bạn tù đang coi thư viện chắc đã đút lót khăm. Tôi chợt loé lên ý nghĩ và nói ngay:

– Tôi thấy hình như ở trạm y tế cần người. Tôi có một chút kinh nghiệm về y khoa. Nếu được, tôi xin lên đó có ích lợi hơn.

Đã đòi thì đòi cho đáng. Làm ý tá có nghĩa là ở riêng, không phải ở chung trong phòng giam tập thể. Còn cái vụ y khoa thì nhằm nhò gì. Cái trạm y tế cũng như cái thư viện. Chẳng qua là trang sức vậy thôi, thuốc thang đâu, dụng cụ y khoa đâu mà phí phạm để lo cho tù.

Ông quản giáo tử tế:

– Được, dễ thôi. Để tôi bảo các đồng chí. Tôi sẽ không còn trực tiếp coi cải tạo viên nữa nên anh cũng nên cẩn thận.

Tôi nhớ đến lá số tử vi của tôi. Hay người ta thực sự có số? Bởi khi ông Hùng quản giáo Hắc Ám lên làm phó trại đặc trách an ninh, vài ngày sau, tôi được điều lên làm việc ở trại y tế thật.

Bỗng dưng tôi trở thành tù quý phái. Không có danh tù nào đúng hơn chữ quý phái. Trại tù Hàm Tân hình như là một trong những trại tù lớn nhất ở miền Nam. Quá trình xây dựng trại này nay đã khiến nơi này đôi chỗ có hoa có lá và cái trạm y tế khá khang trang. Cùng làm việc ở trạm là một ông tù cải tạo có vẻ biết tiêm chích còn khá trẻ. Ông Bương gọi tôi là anh xưng em. Hai đứa chia nhau một cái phòng có hai chiếc giường một làm bằng gỗ và trời đất, có mùng che muỗi nữa. Bệnh xá có tám cái giường, luôn luôn có bệnh nhân. Dù thứ bệnh từ phù thủng cho đến những thứ bệnh tôi chẳng biết là bệnh gì nữa. Thuốc nhiều nhất là ký ninh và một ít aspirin. Nhưng nhiều ông tù được thăm nuôi có những thuốc quý như trụ sinh ngoại chẳng hạn. Lúc này đa số thuốc là từ bên Châu Âu gửi về có lẽ vì liên hệ với Mỹ còn khó khăn.

Ông Bương trọng tôi vì tôi đọc được lời chỉ dẫn bằng tiếng ngoại quốc và giảng cho ông cách dùng. Tôi mới đầu còn nhát nhưng rồi cũng có thể chích thịt, chích gân được. Dụng cụ y khoa duy nhất chỉ có cái ống nghe và một lô kim chích đã cùn. Tôi phải mài lại kim trên miếng đá rất mịn. Một hôm tôi đang ngủ thì có bệnh nhân khẩn cấp. Anh em khênh lên một người tù, bụng đã chướng lên. Họ cho hay ông ta ngầy ngật mấy ngày, chính trạm đã ký cho ông ta ở nhà không phải lao động. Tối hôm đó ông đã vật vã và người từ bên cạnh hô hoán lên vì thấy ông cứ trợn mắt và bụng to quá.

Ông Bương và tôi nhìn nhau. Chỉ có nước đem ra bệnh viện tỉnh thì mới mong có cơ cứu được. Mấy ông tù bảo nhau:

– Cổ chướng. Sưng gan cổ chướng.

Tôi nghĩ thầm chắc là Hepatitis tới lúc phát, giai đoạn cuối. Bụng bệnh nhân cứng ngắc, hai mắt vàng ươm. Tôi hỏi ông Bương:

– Có cách gì đưa lên bệnh viện tỉnh ngay không?

– Phải xin phép và chỉ còn cách khênh lên, đi đường bộ.

Tôi nói với viên cai tù áp tải:

– Xin phép cán bộ cho bệnh nhân lên tỉnh, ở đây không đủ thuốc men.

– Nguy ngập lắm, e không lên tỉnh thì khó qua.

– Để mai tính.

– Xin cán bộ thông cảm. Tụi tôi sẵn sàng khiêng bệnh nhân đi bộ. Còn nước còn tát.

– Phải xin phép ban an ninh.

– Xin cán bộ giúp, tôi sẵn sàng đi lên gặp an ninh.

Ngần ngừ một lát, có lẽ trông cảnh người bệnh và ánh mắt cầu khẩn của lũ tù, viên cai tù bảo:

– Được, tôi và anh lên ban an ninh, nhưng tôi bảo trước không được đầu mà mong.

May quá, ông phó trại an ninh đang có mặt, thấy tôi, ông Hùng chấp thuận liền, và vỗ vai tôi:

– Phải không anh Dũng. Tôi cho phép đi vì anh, đừng để có chuyện gì xảy ra. Xa lắm đó. Để tôi bảo một người đi theo các anh.

Lúc đó đã khoảng chín giờ tối. Chúng tôi biết từ đây ra bệnh viện rất xa nhưng thì thảo bàn tán, hy vọng ra ngoài trại có thể quá giang xe của dân. Sáu anh em đều xung phong và chúng tôi thay phiên nhau cáng người bệnh trên chiếc băng ca cũ kỹ.

Đi áp tải là một bộ đội còn trẻ măng. Anh này xem ra dễ chịu, lảng lảng đi cách chúng tôi mấy bước chân. Bình thường, một lũ tù sáu đứa phải có ít nhất hai bảo vệ đi kèm, nhất là tối tăm thế này. Nhưng có lẽ ai cũng xúc động trước cái chết chẳng? Cái chết đến thật. Khoảng mười hai giờ đêm khi đang đi thì bệnh nhân co giật dữ dội trên băng ca, gào lên những âm thanh rùng rợn. Tôi đã cột bệnh nhân khá kỹ, lòng ao ước giá có moóc phin thì đỡ biết mấy.

Bệnh nhân dẫy dụa dữ quá, tụi tôi đành hạ cáng xuống bên quốc lộ. Giữa đêm trăng sáng, trên con đường nhựa, sáu người tù đứng quanh chiếc băng ca thúc thủ. Khi bệnh nhân ngoẹo đầu sang một bên, dẫy dụa rồi bất động, tụi tôi chỉ còn biết nhìn nhau. Một ông bạn tù đưa tay lên làm dấu thánh giá. Tôi thấy hai ba người chấp tay niệm Phật. Tôi quì xuống vuốt mắt cho ông bạn tù giữa đêm trăng, lòng trống rỗng và đầu óc thì như ở đâu đâu.

Cả bọn không ai nói gì, đứng đó, bóng đổ nghiêng bên mặt đường cho đến khi bảo vệ viên lên tiếng:

– Đã bảo mà. Cứ để chết ở trại có phải đỡ mệt không?

Mọi người quay lại nhìn anh ta. Khuôn mặt trẻ bụ bẫm hơn dưới trăng. Tôi thờ dãi nói với mọi người:

– Nghĩa tử là nghĩa tận. Tụi mình cố hết sức rồi. Đành quay về vậy.



Bức thư ngắn chưa đầy một trang giấy nhưng đã làm tôi ngẩn ngơ suốt cả ngày. Thư của Lê Hiếu Trung mở đầu,:

“Tao tưởng mày tiêu ở Đồng Xoài rồi, đến lúc tao gặp Bác Chuyên mới biết mày còn sống nên nguệch vài hàng. Tao báo mày tin vui trước; Tao đã có vợ và một đứa con – con gái xinh giống mẹ. Tin buồn – hay cũng là tin vui vì nhờ thế tao không phải đi cải tạo; tao cụt mẹ nó một giò, làm anh hùng độc cước. Bị ở Phú Giáo sau Đồng Xoài đầu hai tuần lễ...”

Lê Hiếu Trung cao to, cao hơn tôi cả một cái đầu, là một tay nhu đạo hạng cừ. Tôi không nhớ Trung có mấy đẳng, nhưng có một đạo làm huấn luyện viên lò nhu đạo của Thầy Thích Tâm Giác. Cả đời tôi cái gì cũng dở dang. Tôi cùng học nhu đạo với Trung với ông Watanabe nhưng ít tháng thì bỏ cuộc khi bị dập xương chân trong khi Trung vẫn miệt mài theo đuổi nhu đạo.

Vào Thủ Đức, hai đứa gặp lại và trở nên thân thích. Tôi nhớ tôi nằm giường trên, phía dưới là ông Bùi Dương Liêm, và bên cạnh phía trên là Lê Hiếu Trung. Trung đi Thiết Giáp và cũng chính pháo đội Trung ở Phú Giáo đã yểm trợ cho Đồng Xoài vào những lúc cuối.

Bức thư ngắn ngủi nhưng tôi đọc đi đọc lại. Mọi sự như mới hôm qua thì phải. Tôi thừ ra, mừng tượng đến một trung úy Lê Hiếu Trung cao to nay tập tễnh với chiếc nạng gỗ. Nó phi lý đến cùng cực, không cách gì có thể chấp nhận được. Tối đó tôi ngồi viết một lá thư:

Trung ơi,

Tao chưa chết, xem ra chết cũng khó lắm. Mừng được tin mày nhưng tao xin phép viết thư này cho một người khác. Cho vợ mày.

Thưa Chị,

Tôi là Đỗ Lệnh Dũng, biết Trung từ lúc còn chưa học hết trung học, tức cũng đã gần hai chục năm. Hai đứa cùng vào Thủ Đức và Trung là một trong những người cuối cùng liên lạc với tôi trước khi bị bắt. Nay Trung lại là đứa bạn đầu tiên liên lạc với tôi. Cái giao tình giữa tôi và Trung khiến tôi có thư này tới chị.

Thưa Chị,

Đã bảy năm qua tôi học tập hết trại này tới trại khác, trải thiên ma bách chiết, nhìn thấy những người đàn ông nhếch nhác dưới đủ dạng. Tôi đã chứng kiến chết chóc nhiều, đã đào huyệt chôn cũng nhiều. Nhưng đối với tôi, đó là chuyện không tránh được của người đàn ông. Nhưng còn những người mẹ, người vợ thì sao ? Nhận được thư Trung, đọc xong đầu tôi văng câu hát – Anh trở về bại tướng cụt chân, bên người yêu tật nguyền chai đá – Trung đã trở về và tôi mừng tượng trong đám cưới chú rể Lê Hiếu Trung đứng chào hai họ với cái nạng gỗ. Cái vết tích cạnh đó có một cô dâu tươi cười, hồn nhiên. Cái chân của Trung có thể văng đi đâu đó trong cảnh súng đạn

ì ằm ở Phú Giáo nhưng nay hẳn Trung không còn lý đến cái phần mất mát đó vì bù lại, Trung có chị bên cạnh. Tình yêu của chị dành cho Trung chính là tình yêu của chị dành cho tất cả chúng tôi, những đứa bị đầy đọa vì cuộc chiến dù muốn hay không. Nhưng người đàn bà Việt Nam đã chịu quá nhiều cay đắng, có phần hơn cả chúng tôi. Hồi xưa chúng tôi cũng được xưng tụng. Bên này hay bên kia. Chúng tôi là anh hùng bởi lúc nào cũng cần có anh hùng.

Đằng sau cái huy chương là những giọt nước mắt của mẹ, của chị, của em gái và nhất là của những người vợ. Lúc ở Bắc, tôi đã từng xúc động đến ứa nước mắt khi thấy những người phụ nữ vượt rừng vượt suối vào thăm nuôi. Trông những đàn bà, những người vợ, người mẹ hy sinh, vượt qua hết để chỉ được nói với người đàn ông vài lời, tôi đã tự nhủ thầm rằng tôi may mắn. Mẹ tôi, các em tôi và nhất là người vợ sắp cưới đã ở xa tít mù tắp nên không phải chịu những cảnh éo le đó. Tôi có quá ích kỷ để nghĩ rằng thôi thì thà như tôi, đóng vai con bà phước, không thăm nuôi lại đỡ hơn.

Tôi viết thư này tới thay vì Trung bởi tôi nghĩ chúng tôi có món nợ ân tình với tất cả những người đàn bà mà chị là tiêu biểu. Tôi vẫn nghĩ rằng thiên hạ bất công khi không ai nói, không ai lý tới những đau khổ của người phụ nữ Việt Nam. Đối với tôi những người như chị dám cùng Trung xây dựng cuộc đời là một hình ảnh tuyệt vời. Tôi tin chị rất đẹp vì Trung viết con gái xinh giống mẹ. Xin chị hãy nuôi dưỡng cái tình yêu với Trung và với tôi, tôi xin đón nhận chị như người vợ của một người bạn, hay hơn nữa một người lính, một người lính bại trận.

Cuối thư, xin chị cho gửi lời chúc tới Trung và cháu gái, mong bình an cho cả nhà.

Kính thư

Tôi đã gửi bức thư theo dạng thư chui, nghĩa là nhờ những người thăm nuôi chuyển. Mỗi tháng tù được viết một lá thư về cho gia đình nhưng đó là những lá thư vô thưởng vô phạt vì thế nào cũng bị bóc ra đọc trước, bị công an kiểm duyệt.

Bức thư chui bỗng trở thành công khai. Trung liên lạc đều với tôi và lần nào cũng có câu dặn dò: “Mày phải viết thư dài một tí cho tao và Hà đọc.” Điều mà tôi không biết là chị Hà đã đem tất cả những bức thư của tôi với chị và Trung vào sờ cho mấy cô bạn cùng xem.

Sau này Trung kể lại rằng lá thư đầu tiên, có một người con gái mượn và đọc đi đọc lại. Sờ của chị Hà nhiều phụ nữ vì là Công Ty Hướng Dẫn Du Lịch đóng đô ở ngay khách sạn Majestic trên bến Bạch Đằng. Các cô đều khá ngoại ngữ hoặc Anh hoặc Pháp để có thể hướng dẫn và đôi khi thuyết trình với du khách. Thật ra thư tôi viết chỉ là những chuyện nhỏ nhặt. Tôi kể về cái chết của Hoàn và nhờ Trung tìm xem Trung úy Lễ ở đâu nhấn tin dùm. Tôi viết về cái chết bên bờ suối của Đại úy Bình và sau đó chính qua Trung tôi được biết vợ con ông đã vượt biên đi Mỹ. Tôi kể

về những đêm đen thẫm ở mạn ngược miền Bắc. Tóm lại đó là những lời tâm sự vụn nhưng lại là khởi đầu cho một cuộc tình giữa một tên tù cải tạo và một cô gái tên Nguyễn Thị Song Thu.



Cái chức y tá của ông Bường cũng là một thứ không có cá thì lấy cua, một kiểu bắt cóc bỏ dĩa. Trước đây trại này có cơ man nào là bác sĩ, dược sĩ cũng như các chuyên viên thượng thặng của miền Nam về đủ mọi lãnh vực. Khi chiếm được miền Nam, điều đầu tiên là một sự lừa đảo trắng trợn. Chính quyền mới lúc đó là Ủy Ban Quân Quản, trên danh nghĩa là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, đã nhờ yêu cầu tất cả quân cán chính quyền miền Nam đi trình diện học tập về chính sách và đường lối mới của tân chế độ. Họ được khuyến cáo đem theo đồ tùy thân gọn nhẹ và thực phẩm đủ ăn trong khoảng mười ngày. Cái lắt léo lớn nhất là ở đó. Bản tính ngây thơ, mặc cảm thua trận và nhất là suy nghĩ nay đã hết bắn giết, đi mười ngày rồi về làm lại cuộc đời thì đáng gì. Trong cái sôi động của cuộc chiến vừa dứt, có những người tuy không thuộc thành phần phải trình diện học tập nhưng cũng xung phong đi để cho nó xong, nó nhẹ người. Ông Thẩm Phán yêu quý của tôi là một thí dụ điển hình. Mười ngày đó trở thành mười năm là thường. Miền Nam bỗng trở nên một xã hội rộng tuyền bởi tất cả khả năng của miền Bắc không đủ cung ứng với những nhu cầu cấp thiết nhất của đời sống mà y tế có lẽ là hàng đầu.

Ngày xưa khi còn lẩn lộn ở Phước Long, đôi khi cùng ông Thiệu úy mai tì tề, có lần ông bảo tôi:

– Có lẽ miền Bắc họ nghiêm trang hơn mình trong việc giáo dục. Tôi ở trên núi đủ mấy mớ lúc rảnh vẫn nghe đài của miền Bắc. Họ cho hay số học sinh tốt nghiệp trung học cao lắm, lại còn gửi rất nhiều người sang Ba Lan, Tiệp Khắc, Nga Xô nhất là Đông Đức để huấn luyện kỹ thuật. Có lần nghe thống kê thấy cả hàng trăm ngàn người. Số phó tiến sĩ và tiến sĩ e vượt hẳn với bậc hậu cử nhân của mình. Mấy trường của ta như Kỹ sư Phú Thọ mỗi năm đào tạo chắc cỡ một trăm ông là cùng.

Thường sau mỗi lần nói về miền Bắc chúng tôi vẫn cứ băn khoăn là tại sao tù binh bắt được đều một loạt như nhau, chữ nghĩa ít ỏi đã đành, cách suy nghĩ thì rập khuôn và cái nhìn thì ngây ngô ngớ ngẩn.

Phải đến lúc thực sự va chạm vào thực tế mới biết rõ tuyên truyền thống kê và sự thực khác hẳn. Miền Bắc đã rút chương trình trung học còn mười năm – họ gọi là Hệ Mười Năm – tức trình độ của một học sinh học xong trung học của miền Bắc tương đương với lớp đệ tam đệ tứ của miền Nam và từ đó suy ra bậc cử nhân tương đương với tú tài, và xa hơn nữa tiến sĩ có lẽ là cử nhân. Đó là so sánh trên lý thuyết. Thực tế còn thâm hơn vì học sinh được tuyển theo lý lịch không phải dựa vào khả năng. Trong cái bối cảnh đó thành phần giảng huấn còn hạ cấp xuống thấp đến nỗi không thể tưởng tượng được. Một điều mà không người dân nào sống ngoài Xã Hội Chủ Nghĩa có thể tưởng tượng được là chế độ bỏ tù. Một quan chức chế độ leo dần lên lên bậc

thang quyền lực bỗng một hôm thấy mình cần có thêm mảnh bằng để có thể ngai cao hơn nữa và nhất là có thể tự dối mình và dối người về khả năng học vấn. Quan chức bèn ghi tên vào lớp học bổ túc ban đêm và chẳng bao lâu sau ông ta có thể có bằng phó tiến sĩ. Đây là thỏa hiệp giữa những người có quyền lực, một cách nâng đỡ hợp pháp và đôi khi đến trắng trợn của bè phái.

Nhưng nói năng nói cuội gì cũng được, nhất là khi có khẩu súng và quyền lực trong tay, nhưng khi đụng đến công việc chuyên môn thì khác. Những ông bác sĩ của miền Bắc nếu cứ tính học trình thì tốt nghiệp trung học vào cỡ 16 tuổi, học bác sĩ bốn năm thì mới 20 tuổi và vì nhu cầu chiến tranh được tung ra phục vụ ngay lập tức. Khi bị bại trận, cả một xã hội miền Nam vẫn còn nguyên đó và dù chủ quan đến thế nào, người thắng cũng không thể phủ nhận được hệ thống y tế khá tiến bộ của miền Nam. Những người bác sĩ giải phóng đã ú ớ trước hiện trạng và do đó họ bắt buộc phải tái sử dụng chuyên viên y tế được đào tạo theo đúng tiêu chuẩn ngành nghề của miền Nam. Phải nói rằng giới y khoa tương đối được thả ra sớm nhất – Câu chuyện về sau – tới 85% bác sĩ được đào tạo ở miền Nam đã vượt biên và nay đang hành nghề ở ngoại quốc. Trong bối cảnh đó ông Bường trở thành y tá trưởng và tôi do hoàn cảnh đưa đẩy trở thành phụ tá mặc dầu cả đời chưa cầm đến cây kim chích. Nhưng nhằm nhò gì ba cái chuyện lẻ tẻ. Sinh mạng của tù bất quá thì cũng như con sâu cái kiến và để giải quyết đã có khẩu hiệu “đói ăn rau, đau khắc phục”

Nhiệm vụ chính của chúng tôi là ký giấy chứng nhận tù được nghỉ không phải đi lao động. Ấy không phải cứ ký loạn, ký bừa bãi mà có tiêu chuẩn. Mỗi đội không quá hai người một ngày, nếu không là rầy rà to. Ông Bường và tôi đã nhiều lần hứng chịu những xỉ vả cả từ hai phía – anh em tù và quần giáo.

Thật khó mà không ký khi thấy một ông bạn gầy guộc rên khừ khừ nhưng lại còn những ông khác tẻ hơn lét không nổi, phù thũng, tim yếu lúc nào cũng run lẩy bẩy, mặt xanh mướt.

Ông Hùng, nay là phó ban an ninh đã có lần cảnh cáo:

– Anh Dũng, anh phải cứng rắn hơn. Chỉ tiêu lao động đã được lên đề án và các kế hoạch phải được thanh toán trước thời hạn. Anh không nghiêm trang thi hành qui luật trại thì lấy ai đi lao động.

Phải nói thật, ông Hùng bao giờ cũng nhỏ nhẹ với cá nhân tôi. Một lần tôi ngồi nói chuyện với một vị Đại úy Tuyên úy Phật Giáo hỏi ông một câu ngớ ngẩn:

– Đạo Phật nói mỗi người có một cái nghiệp phải trả. Thế tại sao cùng một lúc cả triệu người cùng phải trả một cái nghiệp như nhau. Nghiệp Tù?

Vị sư ôn tồn bảo:

– Người ta có cái nghiệp riêng gọi là biệt nghiệp nhưng tất cả chúng sinh còn phải trả cái nghiệp chung là cộng nghiệp, cái duyên lớn liên kết giữa những biệt nghiệp của mỗi chúng ta.

Câu chuyện triết lý lúc nào cũng gây thêm những thắc mắc kế tiếp nhưng đã có lúc tôi tự hỏi phải chăng giữa tôi và ông Hùng có cái cộng nghiệp gì chăng? Tôi đã từng chút một tìm hiểu cái trái khoáy của hai số phận con người. Nếu miền Nam thắng và tôi là cai tù và ông Hùng là tù thì sao?

Ông Hùng dáng người bình thường, cao mảnh khảnh, da nâu và đặc biệt rất hiếm là không hút thuốc dù trong người lúc nào cũng có một bao ba số còn độ năm ba điếu. Ông cười khà khà giải thích:

– Cả nhà tôi không ai hút thuốc. Bố tôi nghiêm lắm. Nhưng có bao thuốc chìa ra, lại là thuốc ngoại, câu chuyện dễ lọt hơn.

Trò tiểu xảo này là trò vật đối với một tay như ông Hùng, bởi chỉ mới ngoài ba mươi ông ta đã vượt hết những thử thách để trở thành con người cộng sản mặc dù quá khứ và lý lịch gia đình của ông không được trong sáng lắm. Ông nội Nguyễn Trí Thăng gốc nho học dính dáng đến phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục và có liên hệ với Đề Thám. Ông bố là con út trong nhà xoay sang học Pháp văn đỗ đúp-lôm đi dạy học nhưng lại cũng không bỏ được nghiệp nhà, hoạt động cho Việt Nam Quốc Dân Đảng. Theo lời ông Hùng kể lại là gia đình ông đã có lúc là nơi gặp gỡ của các lãnh tụ VNQDD như Ký Con, Cô Giang và có khi cả đảng trưởng Nguyễn Thái Học. Cuộc khởi nghĩa thất bại và ông bố may thoát, vẫn lo việc dạy học, có lúc làm hiệu trưởng một trường tiểu học ở Thái Bình. Gia đình ông đông con, bốn bà chị gái và hai người anh trai. Năm 1945, ông Hùng đang học tiểu học thì Hà Nội sơ tán, ông theo ông anh cả lớn hơn ông gần 20 tuổi chạy lên Việt Bắc. Một sớm một chiều cậu bé Nguyễn Trí Hùng trở thành thiếu nhi cháu yêu của bác Hồ rồi trở thành đoàn viên Thanh Niên và sau đó là đảng viên.

Thỉnh thoảng tối tối ông Hùng hay tạt qua bệnh xá ngồi uống trà với tôi, loại trà đặc quánh và đắng chát uống vào mắt cứ cứng đờ không cách gì ngủ được. Mới đầu tôi rất ý tứ nghe nhiều hơn nói. Đâu đó sâu thẳm trong đáy lòng, ông Hùng cũng cần tâm sự và trong cái cộng nghiệp của vị tuyên úy, biết đâu tôi và ông Hùng lại chẳng tự kiếp nào vướng vào cái nhân duyên nào đó, để ông phải tỉ tê.

Không bao giờ nói thẳng ra nhưng ông Hùng vẫn nghĩ cái quá khứ Đông Kinh Nghĩa Thục và VNQDD đã khiến ông không ngoi lên được trong cái thang Xã Hội Chủ Nghĩa.

– Cùng lứa tuổi với tôi khối đưa làm thủ trưởng cơ quan hái ra bạc, nhất là từ ngày hoà bình lập lại.

Có điều khi ông nói về quá khứ gia đình, giọng ông đầy những hoài niệm của một quá vãng hết sức thơ mộng.

– Ông nội tôi nghe nói nghiêm lắm, khi nào tiếp ai, dù là một người nhà quê cũng phải ăn mặc chỉnh tề. Khi cả nhà ngồi ăn, ai cũng phải chờ ông gấp xong thì mọi người mới dám bưng bát lên. Các anh chị tôi đi đâu về cũng phải “Thưa Thầy con về.” Bố tôi cũng vậy, ít nói với con cái nhưng khi ngồi với các đồng chí VNQDD thì sôi nổi, nói hết giờ này đến giờ khác. Tôi chịu ảnh hưởng của ông anh. Ông lên Việt Bắc đến năm 1953 thì bị ốm nặng qua đời, nhưng lúc nào khi đủ vắng vẻ và đúng lúc ông cũng chỉ bảo tôi có một câu chắc cả đời tôi không bao giờ quên “Em phải giữ nếp nhà.”

Cái nếp nhà nó thế nào thì ông không nói ra.

Nhiều lúc ngẫm nghĩ tôi thấy thằng tù là tôi và ông cai tù Hùng giống y như nhau và thật ra chưa chắc ai hạnh phúc hơn ai. Cái khoảng cách tù và cai tù vẫn còn đấy nhưng rồi ông cũng đã hiểu những gì tôi đã trải qua. Một lần ông Hùng bảo:

– Đôi khi tôi thấy tôi là hai người khác nhau.

Tôi đủ tế nhị để không hỏi tiếp bởi cái suy nghĩ rằng nếu bố tôi không đi Nam thì tôi có khác gì bất cứ ông cán bộ Cộng Sản đang hành hạ tôi chẳng?

Một hôm ông Hùng tươi cười cầm theo một gói kẹo Chà Lam, một thứ bánh làm bằng bột nếp trộn gừng tôi đã từng được ăn hồi bé trước năm 1954 và một gói trà móc câu. Vừa uống và mới nhai được nửa miếng Chà Lam, ông ta hỏi tôi một câu làm tôi giật nảy người:

– Cô Thu xinh đấy chứ. Được cái gốc người Nam và lý lịch không tỳ vết gì. Tôi có dịp ghé Bà Quẹo tuần rồi, tiện thể đi ngang xem cái nhà. Rộng ra phết. Mừng cho anh.

Thế này là thế nào? Câu chuyện của tôi và Thu làm gì để đến nỗi ông Phó trại an ninh phải thân chinh đi xem nhà xem cửa, lật hồ sơ lý lịch để điều tra. Những bức thư của hai đứa tôi có điều gì sai lập trường, có điều gì chống chế độ chẳng?

Tôi sợ toát mồ hôi, miếng kẹo Chà Lam vốn vừa dai vừa dẻo như nghen trong họng. Tôi cảm chừng:

– Cô Thu cũng chỉ thư từ cho vui vậy thôi, có gì đâu thưa cán bộ.

Ông Hùng cười:

– Sự cảm thông giữa hai tâm hồn là điều đáng kể.

Ông ta lập lại nguyên văn một câu trong lá thư tôi viết cho Thu. Cái khôn ngoan của những năm tù đã khiến tôi phản ứng trung dung:

– Vâng. Tâm hồn đẹp thì mọi sự đều đẹp.

– Cô Thu đẹp lắm. Ước gì vợ tôi cũng được như cô ấy.

Tôi chưa thấy ông cán bộ phó ban an ninh nói về vợ và con nên không dám hỏi gì thêm, lắng lắng nhót một cục Chà Lam nhâm nhi tiếp.

Lời hỏi thăm bằng quơ của ông quản giáo Hùng bỗng như một đám mây đen kịt lơ lửng đe dọa sẽ trở thành cơn giông bão xóa tan mối tình mới chớm nở của tôi và người con gái chưa hề biết mặt.

Mọi sự khởi đầu một cách rất tự nhiên. Song Thu hay hỏi và lần nào đọc thư tôi viết cho Trung do bà vợ đem vào sờ, thái độ cũng có vẻ tự lự khác thường và điều đó không qua khỏi cặp mắt của chị Hà. Một hôm chị hỏi Trung:

– Con Thu có vẻ để ý đến anh Dũng. Em tính hỏi nó có muốn thư từ đi lại với anh ấy không. Anh Dũng cô đơn ở trong đó, có người thư đi thư lại cho vui.

Tất nhiên là Trung ủng hộ hết mình. Sau khi được chị Hà ước hỏi, Song Thu đã suy nghĩ, và mượn toàn bộ thư của tôi về đọc lại. Những bức thư của tôi cho gia đình Trung chỉ là những lời tâm sự vụn vặt, những giải tỏa của suy nghĩ sau bao thăng trầm của cuộc đời. Đôi khi khá vụn vặt nữa là đăng khác như thư tôi viết cho Trung để hỏi thăm quán bà Thái Chi còn không, ngộ Asam có đổi gì chẳng, hay tiệm Ngân Đình dạo này ra sao. Hình như nó phản ánh cái hoài niệm nào đó về Dung. Sau này Thu nói với tôi:

– Nếu anh viết những chuyện to lớn, chuyện lý tưởng thì em đã không cầm bút. Đọc thư anh có cái ngậm ngùi làm em xúc động. Sau bao nhiêu năm tù đây nay viết thư chỉ để hỏi cái bà bán cà phê sống hay chết, nước mía và thịt bò khô Viễn Đông còn không thì lạ thiệt. Em mò đi tới chỗ bà Chi và ngồi uống một ly đá chanh để thỏa tính tò mò. Chính ở trong cái quán buồn cười đó em quyết định viết thư để xem anh chàng Dũng này ra sao.

Lá thư đầu vô thường vô phạt.

Anh Dũng,

So tuổi tác xin phép được gọi anh là anh. Em được chị Hà cho đọc ké thư ngay từ lá đầu anh viết riêng cho chị Hà. Mấy tuần trước chị Hà có nghĩ ý để em liên lạc với anh và còn nói rằng anh rất mong ở bên ngoài còn có người quan tâm đến những kẻ như anh. Qua thư anh và nhất là qua những lời của anh chị Trung Hà, em nghĩ là em có thể hiểu một phần nào những khổ đau mà anh và những người như anh đã gánh chịu. Như một chia sẻ với những gì đã xảy đến với các anh, anh cho phép thỉnh thoảng em sẽ viết thư để mong anh có thêm một chút niềm vui rằng các anh không hề bị quên lãng.

Xã hội bây giờ đi đâu, làm gì cũng phải khai lý lịch. Bắt chước thói quen mới đó, em xin khai như

sau: Nguyễn thị Song Thu, sinh ngày 17-7 -1954 tại Hóc Môn. Học lực Đại Học Văn Khoa ban Sinh ngữ. Bố mẹ hoạt động trong ngành giáo dục. Đây chỉ là sơ yếu lý lịch, nếu anh Dũng muốn tìm hiểu thêm thì chắc phải chờ thư sau. Mong anh vui và nhất là được khỏe mạnh.

Song Thu

Họa hoằn trong tù khi được chuyển về đây tôi cũng có thư nhưng tất cả đều rất vắn tắt có tính cách thông tin. Thư của bố mẹ, có lẽ do cảnh giác, bao giờ cũng là lời rất đúng chính sách của nhà nước. Tôi được biết mọi người đều khỏe mạnh và Dung đã đi ở riêng cùng đưa em trai. Máy đưa nhỏ em tôi con chú Trung cũng đã sang được Mỹ hiện sống ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Tôi không thấy gia đình tôi nhắc nhở gì đến Dung và từ ở góc rừng này tôi hiểu, không cần ai nói trắng ra. Dung còn trẻ quá và cả một tương lai rục rĩ ở trước mặt. Tôi có quyền gì để bắt Dung chờ đợi, và nhất là chờ đợi cho đến bao giờ? Ngay chính bản thân tôi, tôi còn chưa biết đến thừa nghiệp lai nào mới ra khỏi tù và ngay cả có được tha thì đất Mỹ cũng xa vời quá.

Bởi vậy, khi Trung vào thăm và tủm tỉm cười đưa bức thư bảo: “Tao lo cho mày rồi. Thu nó dễ thương lắm” thì tôi ngỡ ngàng cho đến lúc Trung giải thích rõ hơn. Trung bảo:

– Tao không nói cho mày biết trước. Ngạc nhiên bao giờ cũng thú hơn.

Ngạc nhiên là cái chắc. Ngạc nhiên hơn nữa là lời lẽ trong thư. Tôi đọc đi đọc lại cả chục lần, gần như muốn thuộc lòng. Một niềm vui băng quơ nhưng nhẹ nhàng dâng lên trong tôi. Tôi không có một ảo tưởng gì trong viễn ảnh có một liên lạc sâu xa bền vững mà chỉ là cái vui đầy lãng mạn của thừa học trò. Nhưng qua thư mỗi lúc tôi có cảm giác Thu hiểu tôi và thông cảm với tôi và hơn nữa có thể chia sẻ những suy nghĩ về cuộc đời. Trong những lần cùng ông quản giáo Hùng trò chuyện, ông ta đã chép miệng than dùm tôi: “Lý lịch của anh căng lắm, nhất là vì gia đình anh có liên lạc mật thiết với Mỹ”. Cái ẩn ý đằng sau là tôi còn học tập dài dài. Tôi minh định rõ điều này nhiều lần trong thư với Thu nói thẳng rằng ngày ra tù của tôi còn xa lắm, có khi cả đời vẫn phải học tập.

Quy chế tù cho phép mỗi tháng thăm nuôi một lần và khi thì bà bác lọ mọ đem quà xuống lúc thì bà chị. Về vật chất tôi dễ chịu vì bố mẹ ở Mỹ chắc xót thương cậu con trưởng nên gửi quà về khá bộn. Tôi chắc bố mẹ và các em không bao giờ có thể tưởng tượng được khi đọc lá thư của tôi. Tôi xin nhà gửi cho ít nước hoa và son phấn. Trời đất ơi, trong tù mà đòi những thứ kỳ cục này mà làm gì. Khoảng hai tháng sau bà chị tôi đi thăm nuôi hỏi:

– Chị đem nước hoa xuống đây cho chú này. Nhưng để làm gì vậy?

Tôi mỉm cười như tự nói với mình. Để tặng Thu chứ để đưa cho cán bộ gái chắc. Thư đi thư lại, chúng tôi càng ngày càng như gần nhau hơn và tôi muốn dành cho nàng một ngạc nhiên. Tôi cầm lọ Fleur de Rocaille lên hít. Mùi thơm như gần như xa, như quện lấy hơi thở và nhất là nó

như làm cái không khí của lều thăm nuôi tù trong lành hẳn ra. tôi nhỏ nhẹ nói với bà chị:

– Tháng tới chị khỏi xuống thăm em. Mấy người bạn cũ muốn thăm nuôi em hộ bác và chị. Đường xa vất vả...

– Chú không được nói thế. Ai lại nhờ người lạ bao giờ. Cả nhà có chú là thiệt thòi nhất. Cô cậu ở bên Mỹ cũng lo lắng không những cho chú mà còn cho bác và chị nữa...

– Em biết nhưng đây là bạn cũ, cùng đi lính cùng đơn vị, thân lắm.

Bà chị nhìn tôi hồi bắt ngờ:

– Thế ra nước hoa để cho ông bạn hả?

Fleur de Rocaille là nước hoa dành cho đàn bà và chắc hẳn bà chị tôi biết như vậy. Tôi chỉ cười bởi Trung cho hay sẽ cùng Thu xuống đây vào kỳ thăm nuôi tới. Đời sống tù là những bế tắc triền miên và từ đó những người tù luôn chia sẻ với nhau những niềm vui nỗi buồn dù nhỏ dù lớn. dăm ba ông tù thân với tôi đã từng được tôi cho đọc ké thư đều hí hửng và hồi hộp khi được biết Song Thu sẽ đến trại. Tối tối nhưng hôm vô công rồi nghề chúng tôi hút thuốc Lào vặt và bàn tán đủ kiểu. Ông này bảo cô Thu làm ở sở Hướng Dẫn Du Lịch thì phải đẹp lắm mới được tuyển. Ông khác bảo chắc gì. Chỉ cần lý lịch trong sáng, giỏi ngoại ngữ là được. Cô Song Thu tốt nghiệp Văn Khoa chắc giỏi tiếng Anh. Mỗi người vẽ cô Thu một khác và chính tôi, tôi cũng không mừng tưởng người con gái có giọng văn lôi cuốn, có những đam mê tương tự như tôi, đã cùng tôi tâm tình trong suốt năm tháng qua là người cao hay thấp, mập hay gầy. Nhưng tôi thấy rõ là hai đứa có cùng luồng sóng, những sở thích đồng điệu và tâm hồn như sinh ra để hòa với nhau. Gần bốn mươi và đang ở tù, tôi đột nhiên trở thành cậu con trai mới lớn, đi đứng thần thờ, đầu óc lơ mơ chờ cái hẹn đầu đời với người khác phái. Tôi như một người khác, nhìn cái gì chung quanh thấy nó cũng đẹp hơn mọi ngày kể cả những chiếc cốc, cái mai đựng cụ khổ sai của tù hàng ngày. Tôi lẩm bẩm câu được câu chăng bài thơ phổ nhạc của Đinh Hùng: “Chưa gặp em tôi đã nghĩ rằng. Có nàng thiếu nữ đẹp như trăng. Mắt xanh là bóng dừa hoang dại. Âu yếm nhìn tôi không nói năng...”

Buổi tối trước ngày được thăm nuôi, sáu ông bạn tù xúm quanh tôi bàn tán đủ điều và xem ra họ còn hí hửng hơn cả tôi. Ông bạn Văn Chi vốn là ký giả trước năm 1975 bao giờ cũng cười đùa, gõ vào chiếc diều cầy nhuộm làm nhịp và hát. Bài hát – hoặc là bài thơ – gần như tóm cuộc đời tôi nên tôi đã chép lại và thuộc lòng:

Dững tù hề Dững Tù

Thơ trao đã nghìn lá

Chữ chữ như trào ra

Ngày mai đi gặp mặt
Biết có nhìn cho ra.

Dững tù hề Dững tù
Thân trai vương tù tội
Trải trăm đắng nghìn cay
Xích Trường Sơn một giải
Lạnh Yên Bái nghìn ngày
Còng lưng trên sỏi đá
Quấn mình với tre gai.

Dững tù hề Dững tù
Nhớ Đồng Xoài khói lửa
Đạn tứ phía như mưa
Đúng trong hầm tử thủ
Không nghĩ đến sống thừa

Dững tù hề Dững tù
kéo tàn quân rừng thưa
Vừa băng rừng vừa bắn
Đến cùng vẫn chưa thua
Hổ đất lạnh chân không
Nằm co thân chiến bại
Tan nát mộng hải hồ
Trong lòng chiến khu Đ.

Dững tù hề Dững Tù
Người yêu coi như chết
Gia đình kể như tiêu
Bặt tăm trong khói lửa
Có anh hùng cũng xiêu
Có hào kiệt cũng gục
Huống hồ mi gầy guộc
Sức vóc có là bao
Sao giờ này vẫn vững
Sao giờ này lại yêu

Dững tù hề Dững Tù
Ngày mai ra thăm nuôi

Ngày mai đi gặp mặt

Liệu mi có ngày mai

Dừng tù hề Dững Tù

Song Thu hề Song Thu.

Bài từ ứng khẩu đã khiến anh em cười bò lăn bò càng như những câu cuối làm tôi quặn lại. Cái điệp khúc “Ngày mai ôi ngày mai” nó vừa chua xót vừa mỉa mai trong cuộc tình vừa chớm nở giữa Dững tù và Song Thu. Liệu mi có ngày mai?



Khi tan hàng để về ngủ, ông Văn Chi nhìn tôi lắc đầu:

– Trông cụ ăn mặc thế này, mất tiếng tù cải tạo. Để tôi cho cụ mượn cái áo cho tử tế kéo cô Thu cô ấy cười cho.

Văn Chi lúc nào cũng vậy, xoay sở nhanh như cắt. Anh đưa cho tôi một chiếc áo ka-ki trông rất được, loại áo ka-ki giống như áo sĩ quan VNCH, có cầu vai và túi áo có nắp. Như một cậu học trò mới lớn, tôi cẩn thận gấp chiếc áo và để ở dưới gối làm bằng bao cát với hy vọng trông nó thẳng thớm hơn.

Dậy rất sớm vào sáng hôm sau, tôi sửa soạn cho cuộc diện kiến đầu tiên. Đến lúc này tôi mới lo, liệu trông tôi có còn như xưa chăng? Tôi biết miệng mình hơi mom mém vì bị đánh bằng báng súng gây mất mấy cái răng. Tôi biết mình gầy guộc bởi những năm tháng tù đầy, ăn uống thiếu thốn. Tôi biết đầu tóc tôi không còn xanh như xưa bởi lâu lâu nhìn gương đã thấy có sợi bạc. Liệu tôi đi đứng có thẳng lưng hay đã hơi khònh khònh. Những câu hỏi tự giờ nào tới giờ không bao giờ tự hỏi, nay bỗng ào đến khiến tôi chợt có ý nghĩ mình đã già rồi. Chỉ người già mới tự tra vấn mình kiểu đó. Tôi hít một hơi thật dài, làm vài động tác co duỗi rồi tặc lưỡi: Tới đâu thì tới, nếu người con gái đó chê mình thì có điều gì là lạ. Trông chờ gì một thằng tù, lại là loại tù không biết đến bao giờ mới có ngày ra.

Nhưng rồi khi nghe thấy mình được gọi có thăm nuôi, tim tôi nhảy thành thịch. Từ trại ra lều thăm nuôi để có cả gần một cây số. Tôi nửa muốn chạy ào ra cho nhanh, nửa thì lại muốn đi thật chậm. Được đâu hai phần đường, tôi gặp một ông khấp khểnh và nhận ra ông tù bị trật mắt cá khi lao động lên xin nghỉ hôm trước. Chân ông sưng và tím ngắt, ông chống một cái gậy tre cà thọt từng bước một. Tôi bảo:

– Để tôi dìu anh, sao không xoay lấy cái nạng?

– Mẹ kiếp, ở tù chứ ở nhà thương đâu mà đòi có nạng?

Tôi cười và đỡ anh cùng đi.

– Ai thăm nuôi vậy? Vợ con hả?

– Vợ con vượt biên lâu rồi. Có bà chị lâu lâu mới thăm nuôi được, nè đúng lúc chân căng thế này.

Khi hai đứa đến gần lều, tôi thấy lũ lượt những người thân nhân tù đứng ở hàng rào ngó ra chờ đợi. Đảo mắt tôi thấy Trung ngay, và cạnh Trung là một người phụ nữ to béo mặc áo bà ba. Người đàn bà dán mắt vào tôi cười. Tim tôi rụng rời. Song Thu của những lá thư đắm ướt của tôi. Song Thu của Sở Du Lịch của Đại Học Văn Khoa, người con gái mà tôi mơ tưởng đứng phía sau hàng rào kẽm nhìn tôi cười tỏ mớ. Tôi nhú mày quan sát kỹ hơn. Nàng to có lẽ gấp rưỡi tôi. Trung cùng với nàng đưa tay vẫy gọi rồi rít và cả hai cùng tiến ra phía cổng đón tôi. Tôi vẫn dìu ông bạn tù chậm chạp bởi tôi không muốn đi nhanh, bởi đầu óc tôi tràn trề thất vọng. Vừa gặp, Trung chộp vai tôi lắc lắc:

– Trông mày vẫn như xưa.

Nàng của tôi, Song Thu yêu dấu của tôi cũng đơn đả tới và thay vì chào tôi, nàng đỡ lấy ông bạn tù:

– Chân em sao vậy?

Tôi đỡ người và đẩy ông bạn tù sang người đàn bà to lớn, quay sang:

– Mày cũng vậy, y chang ngày xưa.

– Thiếu mất một cẳng

Tôi nhìn chiếc ống quần thông giữa hai chiếc nạng lòng chừng đi. Nếu phải chọn gần mười cuốn lịch với hai chiếc nạng, nên chọn cái nào?

Tôi vỗ vỗ vào chiếc nạng nay đã lên màu gụ bảo Trung:

– Ít nhất thì cũng khỏi phải đi tù mút mùa.

– Thu xấu hổ, cô nàng ngồi ở cái góc kia kìa.

Có lẽ vì mừng gặp lại Trung, có lẽ vì mừng vì người đàn bà to béo không phải là nàng, tôi băng đi không nhớ là mình ra để gặp Song Thu cho đến lúc Trung nhắc. Tôi nhìn theo hướng chỉ. Nàng ngồi khấp nép trên chiếc băng gỗ, giữa những người thân nhân tù, hơi nghiêng đầu về phía tôi, gương mặt sáng rực, miệng nửa như cười nửa như không. Tim tôi rộn rã. Trung thì liến thoắng:

– Vợ chồng tao chọn làm sao mà trật được. Thu hiền, thông minh và dễ thương, tụi tao coi như

em. Tao bốc mày dữ lắm, mày làm sao cho ngon cho tao coi.

Thu đứng lên chào tôi. Dáng nàng mảnh khảnh, miệng chúm chím, quanh nàng như có hào quang tỏa ra. Tôi có cảm tưởng nàng cũng đang run như tôi. Thu nhỏ nhẹ:

– Thưa anh, em theo anh Trung xuống thăm anh.

Thú thật tôi chỉ nhớ lời Thu và không hề biết mình đã trả lời như thế nào. Luật lệ thăm nuôi buộc tù và thân nhân không được ngồi nói chuyện riêng tư, mà phải được quản giáo giám thị. Trong lều thăm nuôi có những chiếc bàn gỗ dài, hai đầu bàn là hai viên quản giáo, tù và thân nhân ngồi đối diện nhau nói chuyện. Hình như chỉ có Trung nói, Song Thu chỉ mỉm cười im lặng. Nhưng tôi thấy rõ nàng nhìn tôi với ánh mắt quan hoài, và lửng lơ đâu đó giữa hai chúng tôi là một cái gì lung linh nhẹ nhàng đầy những hứa hẹn. Mãi sau này tôi mới hỏi Thu: “Sao hôm gặp nhau đầu tiên em chỉ cười?” – “Biết nói gì nữa. Bộ đi thăm anh chưa đủ sao?”

Khi sắp hết giờ, tôi móc túi áo lôi lọ Fleur de Rocaille đưa cho Thu:

– Trời đất. Anh ở tù sao có cái này?

– Bí mật. Mong là Thu cũng thích mùi rocaille.

Nàng nheo mắt nhìn, hỏi tôi:

– Hoa Rocaille là hoa gì vậy anh?

Tôi hát nho nhỏ:

– Ôi ngát hương thời gian mùi Thạch Thảo...Nước hoa của mẹ anh vẫn xức ngày xưa. Mẹ gửi để anh tặng Thu.

Nàng im lặng rồi từ tốn đưa hộp nước hoa lên ngang mặt:

– Thơm quá. Cảm ơn anh. Nếu anh có viết thư nói Thu cảm ơn mẹ.

Khi ấy quản giáo dồn đám tù hết giờ thăm nuôi ra khỏi lều, tôi đi ra nhưng đi giật lùi. Thu đứng đó bên hàng rào giữa đám thân nhân tù chen chúc. Tôi chỉ thấy có nàng, còn những khuôn mặt khác nhoè nhoẹt hẳn đi.

Từ đó Thu là người thăm nuôi tôi thay bà bác. Cũng từ đó tôi nhìn cuộc đời khác hẳn. Trước đây tôi không lý đến mọi sự, mặc cho sự đời đưa đẩy đến đâu thì đến. Không thể nói tôi không mong ra khỏi tù nhưng tôi không chờ không đợi không thắc mắc. Qua những lời kể, những tin tức thì có vẻ như ở ngoài hàng rào tù cũng không lấy gì làm sung sướng lắm, tự do lắm. Một ông tù về tội phục quốc đã có lần nói với tôi: “Đây là nhà tù nhỏ, ngoài kia là nhà tù lớn.” Tôi tứ cố vô thân ra ngoài liệu sẽ ra sao?

Bởi vậy tôi bắt cần cho đến khi Song Thu xuất hiện. Lần thăm nuôi kế đó, một mình Thu lặn lội xuống khá sớm. Chúng tôi nói chuyện với nhau, toàn những chuyện trời ơi đất hỡi. Tay Thu để trên bàn. Nước da trắng muốt nổi bật trên bàn gỗ mốc thối. Những ngón tay búp măng thon thả đều đặn. Tôi nhìn đắm đắm. Một thèm muốn như trào lên. Thu như linh cảm điều gì, hỏi:

– Anh có sao không?

Tôi nhìn vào mắt nàng như đi tìm sự cứu rỗi. Nhẹ nhàng tôi đưa tay qua bàn, úp bàn tay tôi sát tay Thu:

– Em có trông thấy nó lệch lạc không?

Bàn tay tôi đen xạm, những sợi gân nổi lên xù xì. Thu nhìn đắm đắm và lẳng lặng úp tay nàng lên tay tôi. Thu bóp nhẹ nhẹ, miệng cười:

– Em lấy tay em che đi thì hết lệch lạc.

Chúng tôi ngồi như vậy khá lâu, tay Thu úp lên tay tôi. Cả hai không nói năng gì. Một niềm hạnh phúc tươi mát lan khắp người, tôi như không còn là tôi nữa. Tôi quên hết những đoạ đầy. Tôi coi thường những đau khổ đã trải. Từ bàn tay mát rượi của Thu tôi thấy mình đã thực sự hồi sinh, đang ngoi lên, trôi lên để sống lại.

Tôi nhớ rõ Giáng sinh năm đó, trong thư Thu đã cho tôi hay tôi sẽ có bánh Bûche de Noël do chính nàng làm, nhưng tôi đã không dấu nổi xúc động khi nhìn thấy hộp bánh. Thu cho hay nàng đã không dám rời, khư khư ôm hộp bánh trong lòng vì xô lệch nó sẽ hư, sẽ nát. Tôi nhắm mắt hình dung quãng đường từ Sài Gòn xuống đây với xe đồ chen lán. Chiếc bánh mầu sô cô la xinh xắn trên có viết bằng chữ kem “Một Giáng Sinh Bình An Tới Anh”. Thu cười bảo tôi:

– Làm bánh không cực bằng ôm bánh, nhất là mấy lúc xe đó ôm cua, em chỉ sợ mở ra nó thành mớ bùi nhùi.

Và bỗng nàng xuống giọng thì thầm:

– Em đang nhờ vả, vận động để anh ra. Ông anh con Dượng em hứa sẽ hết sức giúp.

Tôi trầm ngâm. Tù cải tạo là tù không án. Hết không có án thì không có thời hạn nhất định. Tôi nhắm tính. Tám năm và còn nữa. Tôi bảo Thu:

– Lý lịch anh coi bộ rắc rối, nhất là vụ bố anh làm việc với Mỹ.

– Ông anh em bảo nhiều hy vọng lắm. Anh yên tâm.

Bỗng tôi hỏi Thu một câu hỏi mà chính tôi cũng không ngờ:

– Nếu ra tù, em có can đảm làm vợ anh không?

Thật ra chúng tôi chưa hề chính thức tỏ tình với nhau dù cả hai cùng hiểu những gắn bó đã rất sâu, rất đậm. Thu chấp tay kẹp bàn tay tôi trên bàn nhỏ nhẹ:

– Nếu em không có can đảm, em đã không cùng anh Trung xuống thăm anh nửa năm về trước. Nhưng khi nào anh ra khỏi trại sẽ tính.

Tôi không biết ông anh con ông dưỡng của Thu là ai, có thực sự đủ sức lôi tôi ra khỏi cái địa ngục tù đầy này chăng nhưng chừng hơn một tháng sau, ông quản giáo Hùng gọi tôi lên làm việc. Ông ta tươi cười:

– Mừng anh.

Tôi lặng lẽ chờ vì được ông Hùng mừng thì cũng nên cẩn thận.

– Đã có giấy cho anh xuất trại từ nửa tháng nay nhưng không có ai ký giấy bảo đảm nếu không thì anh đã được về từ lâu rồi.

– Thưa cán bộ, thế nay đã có người ký bảo đảm cho tôi rồi sao?

– Rồi. Tôi ký chứ ai nữa bây giờ!

Tôi ngậy người nhìn ông Hùng Hắc Ám. Tôi không tin ở tai tôi. Tôi là gì để ông dám đem sự nghiệp chính trị ra bảo đảm? Cho dù thế nào đi chăng nữa tôi vẫn là một tên tù, một tên Ngụy và ông ta là một đảng viên, là công an, là thành đồng vách sắt của chế độ. Ông Hùng có vẻ đánh hơi thấy, từ tốn nói:

– Anh ra khỏi trại thì nhớ thằng Hùng Hắc Ám này liều mạng ký bảo đảm cho anh, đừng làm gì để liên lụy tới nó.

Tôi nhìn ông ta. Tôi muốn ôm lấy ông quản giáo mà hôn thắm thiết như thiếu nhi quàng khăn đỏ ôm hôn Bác Hồ. Nhưng tôi dừng được.

– Tôi không biết cảm ơn cán bộ cách nào cho phải. Cán bộ yên tâm bởi từ xưa đến nay tôi không dính dáng gì đến chính trị. Vả lại ra khỏi đây tôi lo sống còn chưa xong...

Ông Hùng vẫn cười:

– Anh Dũng ơi, anh lo gì. Gia đình anh ở bên Mỹ mà. Mai mốt anh có sang bên ấy nhớ gửi quà cho tôi.

Chỉ có điều khi tôi kể chuyện này cho Thu, Thu quắc mắt:

– Thằng cha nham nhở. Ông Toàn con ông Dưỡng em ký bảo lãnh, đâu phải thằng cha quản

giáo khổn nạn. Hôm ký xong ông ấy còn dặn em nói anh đừng có chống đối vớ vẩn là chết cả nhà. Thiệt là nham nhở!

Lúc đó nghe Thu nổi sùng tôi chỉ im lặng nhưng thầm nghĩ chơi với mấy công an Cộng sản thiệt khó. Dẫu sao tôi vẫn cảm ơn ông Quản giáo đầy mưu lược này, nhất là khi tôi lại được biết trước hai ngày về vụ phóng thích. Tôi đem hết tài sản ra phân phát cho anh em, từ chiếc lon sắt đựng nước, cái gối làm bằng bao cát, chiếc chăn cũ mềm, cái gì cho ai được là tôi cho.

Buổi sáng hôm đó, tôi lên khung an ninh lãnh giấy tờ ra trại. Người cán bộ nhìn tôi lẳng lặng đưa ra một tờ giấy in không được đặt tiêu chuẩn lắm, giấy thì màu đất xỉn, chữ đôi chỗ ăn không đủ mực, mờ mờ và tờ giấy mười đồng. Cảm lá bùa hộ mệnh tôi đi về phía cổng trại. Người bộ đội đứng canh trông bộ dạng tôi, đứng nhìn. Cứ thế tôi lững thững đi ra khỏi trại tù không ai chặn hỏi. Tôi bước qua chiếc cổng với một cảm giác trống vắng, một cảm giác ghê ghê như thiếu một cái gì. Tôi nhìn trái nhìn phải và chợt nhận ra cái phản ứng sợ sệt của một thằng tù khi đi ra khỏi trại giam mà không có bảo vệ viên, có bộ đội hay công an cầm AK đi kèm. Nó rờn rợn đến nỗi gai ốc bởi tôi không tin ở chuyện đang xảy ra, không tin rằng mình lại có thể ra đi tự do, phơi phới, đi ra như thể đi chợ, đi chơi, đi như chưa bao giờ được đi cả. Tôi thấy mình lắng nghe xem có tiếng động gì sau lưng chẳng? Nếu tụi nó đuổi theo bắt tôi trở lại thì sao? Tôi đi nhẹ gót như thể yên tâm hơn rằng hiện chỉ có mình tôi trên con lộ đất dẫn ra khỏi trại. Rồi tôi chạy. Chạy như ma đuổi, chạy vắt giò lên cổ. Ôm cái bọc xộc xệch trong đó quý giá nhất là cái áo len Thu đan, tôi chạy không ngưng nghỉ. Tim tôi đập thành thịch, mồ hôi nhễ nhại. Tôi chạy cho đến lúc trật chân, văng một chiếc dép râu sang vệ cỏ mới dừng lại. Người tôi hùng hục, mồ hôi túa ra, thở dốc từng hơi. Tôi ngồi phịch xuống lè và khóc. Khóc nức nở, khóc không duyên cớ. Tôi gục mặt ôm đầu, nước mắt và mồ hôi trộn lẫn nhặt nhòa trên mắt, trên mi. Tôi nấc lên từng cơn, người rung lên từng đợt theo tiếng nấc.

Mặt trời đã lên khá cao. Tôi ngồi đó nhìn quanh cảnh chung quanh. Không một bóng người. Tất cả là nỗi trống vắng hiu quạnh. Tôi mò mẫm xỏ lại chiếc dép râu và đứng dậy lững thững đi về phía trước.



Qua một quãng hai bên là ruộng, con đường trải nhựa hiện ra trước mặt. Có cái thềm muốn kỳ lạ dâng lên trong tôi. Tôi quì xuống lè, đưa tay sờ mặt đường. Một cảm giác đầm ấm tràn lên, và tôi biết chắc mình đã ra khỏi tù, đã rời khỏi cái địa ngục khổ sai, của quản giáo, của bảo vệ. Để đi về đâu?

Tôi hoàn toàn mất phương hướng, không biết phải đứng phía nào đón xe, đành đứng đợi. Mặt trời chiếu xiên, tôi nhìn bóng tôi đổ dài trên mặt đường. Cuộc chạy viết đã bây giờ mới thấm. Cơ thể tôi rã rời.

Không biết tôi có vậy không nhưng chiếc xe đó thắng khá gấp phía bên kia đường. Người tài xế thò đầu ra hỏi lớn:

– Tù cải tạo phải không, lên đi.

Anh ta đưa tay vẫy vẫy và tôi chạy ào sang. Chiếc xe chở công kênh đủ thứ trên mui. Một cô gái trông còn trẻ, mở cửa ra, bước xuống chỉ phía trong:

– Chú vào ngồi giữa đi.

– Từ đây về Sài Gòn bao nhiêu cô? Tôi chỉ có mười đồng.

Đó là khoản tiền đường được phát cùng với giấy ra trại. Ông lơ đến cạnh tôi lúc nào không biết, dục:

– Lẹ lên đi chú. Tiền bạc gì, ai tính tiền chú đâu mà lo. Tù mấy năm vậy ?

Tôi nhanh nhẩu trèo lên và chui vào trong, không kịp trả lời anh ta. Vừa êm chỗ, cô gái ngồi bên cạnh quay sang cười và cúi xuống lôi ra một trái quít đưa cho tôi:

– Chú ăn đi cho mát lòng dạ. Ở tù xót ruột chết.

Tôi phì cười, đưa tay nhận trái quít đỏ mỡ màng.

– Lâu quá mới thấy quít.

– Ói, về Sài Gòn lại thấy đủ thứ chú ơi. Chỉ sợ không có tiền.

Mọi người trong xe cùng cười. Xe đang chạy ngon trớn thì người con gái bên cạnh vỗ vào tôi:

– Chút xíu nữa tời trạm kiểm soát, chú cứ ngồi yên không phải xuống. Tù cải tạo ngồi đâu ngồi đó nghe chú. Chú giữ giùm cháu cái này không thôi tụi nó dẫm phải hư hết.

Cô lôi dưới ghế ra một bọc, để yên trên lòng tôi. Chiếc bọc cũng hơi nặng nề. Ít phút sau xe ngừng ở trạm kiểm soát, tất cả khách phải xuống nhưng cô gái lại dặn tôi:

– Chú ngồi yên đó nhớ giữ cho cháu cái bị nghe.

Công an lớ nhỏ ở trạm. Hai người trèo lên ngó ngang ngó dọc, trong khi người lơ xe đang thì thầm to nhỏ gì đó với một người công an ở đầu xe. Tôi nghe anh ta lớn tiếng:

– Thôi, lên xe lẹ đi bà con.

Từ chỗ tôi đón xe cho tới khi về đến xa cảng ở xa lộ Biên Hòa có lẽ có đến bốn trạm kiểm soát. Lần nào cô gái cũng dặn tôi ngồi yên trên xe và chả thấy ai nói năng gì, tôi cứ thế làm theo lời dặn. Khi xuống xe, cô gái toét miệng ra cười:

– Cám ơn chú nhiều. Cháu biểu chú.

Cô đưa cho tôi tờ năm đồng. Tôi khựng lại ngỡ ngàng. Tôi có làm gì đâu mà cô ta cám ơn tôi, lại còn đưa tiền nữa. Cô gái vẫn cười:

– Chú ơi, cái bọc chú giữ giùm cháu là cà phê đấy. Tụi nó thấy chú tù ra trại nên để yên. Cháu chuyên đi cà phê lậu mà chú. Chú cầm tiền này uống cà phê, tiền lời phải chia chác cho sòng phẳng.

Tôi lắc đầu nhất định không cầm. Cô gái vẫn cười vỗ vào cánh tay tôi:

– Ở tại chú mới ở tù ra. Ở Sài Gòn bây giờ có ai chê tiền đâu chú. Giết nhau cũng giết chú ơi.

Tôi nhìn cô, cô còn trẻ quá chắc ngoài độ hai mươi. Mà cô buôn lậu gì kỳ cục, bởi tôi không muốn tưởng được cà phê lại trở thành hàng lậu, hàng quốc cấm. Thấy vẻ mặt ngỡ ngàng của tôi cô gái vẫn cười:

– Chú ơi cái gì cũng quốc doanh. Cái gì nhà nước cũng quản lý hết. Cháu đi bảy ký cà phê mà nhiều khi phải đút lót năm lần mới lọt.

– Tôi mới ở tù ra chẳng hiểu mô tê gì cả.

Cô gái bọc hàng quày quả bỏ đi. Bến xe đông đảo. Tôi đi chậm chậm quan sát, chưa biết làm thế nào để về nhà thì một xe Honda xà tới:

– Bố. Bố lên đi con chờ về. Nhà bố ở đâu?

Cả đời chưa ai gọi tôi bằng bố cả. Tôi nhìn ông xe ôm hỏi:

– Từ đây về ngã tư Công Lý Yên Đỗ bao nhiêu ông?

– Một trăm. Nhưng bố chỉ có mười đồng thôi phải không ? Hỏi tôi ra trại cũng được mười đồng. Bố ơi, bây giờ không còn Công Lý nữa. Đổi thành Nam Kỳ Khởi Nghĩa rồi bố ơi.

Khi tôi móc tiền ra, ông ta cười:

– Cát đi bố ơi, cãi tạo với nhau, ai lấy tiền bố.

Khi ông ta rú ga dọt đi, tôi đứng ở hè phố, lòng băng khuâng về những gì xảy ra khi vừa chạm với xã hội bên ngoài. Tôi đi ngược phía Công Lý và vừa đến cổng nhà thì có tiếng la:

– Anh Dũng. Anh Dũng về.

Quyền từ phía trong chạy ra ôm ngang vai tôi, vừa ôm vừa lắc, vừa la:

– Anh Dũng về. Anh Dũng về.

Tôi như nghen, không nói được nửa lời, mặc cho Quyền vừa ôm vừa đẩy tôi vào. Chú thím Trung cũng chạy ra. Cả nhà vây lấy tôi. Tôi vẫn đứng ôm cái gói ngậy ra không biết phải nói gì với những người thân cho đến khi chú Trung từ tốn:

– Để anh Dũng vào nhà đã.

Tôi nhìn ông. Ông dáng người vốn mảnh khảnh, sau bao năm không gặp vẫn thế, nhẹ nhàng từ tốn. Nhìn ông tôi biết chắc tôi đã về.



Bữa cơm tối quây quần chỉ có năm người – chú thím, vợ chồng Quyền và tôi. Tất cả các em trai gái trong nhà đều đi vượt biên và sống ở Mỹ vài ba năm rồi. Chú Trung cho hay nhà cũng có giấy tờ và có thể sẽ đi Mỹ đoàn tụ bất cứ lúc nào. Khi ăn gần xong ông nhỏ nhẹ:

– Dung có chồng rồi anh biết không?

Tôi đặt đĩa xuống. Cả nhà nhìn tôi chờ đợi. Tôi chậm rãi:

– Bây giờ nghe chú thì cháu biết. Nhưng cháu không ngạc nhiên. Cháu đã tự hỏi cháu nhiều lần trong những đêm tù không ngủ được. Cháu nghĩ đó là giải pháp tốt đẹp nhất cho Dung. Dung còn trẻ và còn cả một tương lai dài ở trước mặt. Dung phải sống, thừa chú!

Bà thím cười tủm tỉm:

– Nhưng cô Thu xinh ghê đấy chứ. Chú thím gặp cô Thu một lần ở nhà bác Chuyên, hôm ấy cô đến nhận đồ để thăm nuôi Dũng. Bao giờ thì dẫn cô Thu về ra mắt thím đây?

Tôi đánh bài lảng:

– Thân cháu sợ cháu chưa lo nổi. Mới ở tù ra thấy như ở cung trăng rớt xuống, ngỡ ngẩn không biết trời biết đất gì. Mọi thứ lạ hẳn so với ngày xưa.

Chú Trung mơ màng:

– Ngày xưa. Ngày xưa...



CHƯƠNG 13



Người tôi bỗng bệnh như mơ như tỉnh. Rõ ràng tôi biết tôi đang mở mắt nhưng đầu óc lơ mơ không biết mình đang ở đâu.

Một nửa tôi muốn choàng dậy, tôi muốn thoát ra cái mơ mộng êm ái, một nửa khác trong tôi ghìm tôi xuống, xúi tôi cứ nằm yên bởi đây chỉ là mộng vui. Tôi lắng nghe xem những tiếng động quen thuộc của những buổi sáng, tiếng người này gọi người kia, tiếng cuộc xềng, tiếng tập hợp báo cáo. Nó cứ chập chờn tiếng có tiếng không. Đầu óc tôi như chối bỏ sự thật. Tất cả chỉ là giấc mơ, phải dậy để ra sân, phải dậy để lao động, quân giáo đang hò hét ngoài kia. Cho tới một lúc tôi tưởng tôi đã tỉnh hẳn. Tôi tự nhủ: “Dừng ơi, mày đang ở nhà, mày đang ngủ trên giường nhà mày một mình.”

Rồi tôi lại ngái ngái, không muốn tỉnh hẳn vì sợ đây không phải là sự thật. Cơ thể trạng thái mềm thoả mái. Những thớ thịt, những sợi gân chùng xuống, dẫn ra lơ lơ mơ. Tôi khể cựa mình. Tôi không nằm trên chiếc chiếu rách mà quả thật tôi đang nằm trên chiếc giường nệm. Tôi đưa tay cấu vào đùi để thực sự tin vào thực tại. A, tôi thấy đau. Tôi không ngủ mơ.

Tôi ngồi dậy vẫn chưa tin hẳn. Tôi bước xuống giường, mò ra cửa, lần xuống nhà dưới. Tôi bật đèn và và ngơ ngác nhìn. Tôi chậm chạp đi từ phòng khách vào nhà bếp rồi lại trở ra.

Tôi ngồi xuống chiếc ghế gỗ ở trong góc phòng đắm đắm nhìn bức tranh sơn mài. Bức tranh của ông Nguyễn Gia Trí vẽ ba cô gái tà áo tung bay. Bức tranh ở đó trên mảng tường này từ xưa từ xưa, từ lúc tôi còn là học trò trung học. Tôi vốn yêu nhiếp ảnh, đã cầm máy từ lâu và nhờ nhiếp ảnh tôi biết đến bố cục, biết đến góc độ ánh sáng, biết đến gam màu. Lần nào nhìn bức tranh tôi cũng như bị nó hút vào, như chính mình đang tung tăng cùng các cô gái trong cái không khí xuân thì.

Đêm nay tôi ngồi nhìn lại bức tranh sau bao năm xa cách. Tôi nhìn vào mảng màu vàng ươm, những khoảng nâu ánh hồng. Những tà áo dài lượn lờ như múa và từ đó tôi nhìn thấy Dung. Tôi ngây người như bị thôi miên. Tôi thấy bố mẹ và các em cười nói. Tôi thấy tôi đang ngồi ở hiên giảng đường Luật đông lúc nhúc lúi húi ghi cours. Tôi thấy cả ông khoa trưởng Vũ Văn Mẫu. Rồi nhòa đi như một cảnh phim câm, Dung lại ở đó đắm đắm nhìn tôi. Tôi mở to mắt. Không phải, không phải. Từ trong đó, từ trong cái long lanh của sơn mài Nguyễn Gia Trí là Thu, là Song Thu:

– Dừng sao vậy? Sao không ngủ, ngồi đây làm gì?

Bà dì đứng ở cửa bếp từ lúc nào, đang nhìn tôi lo lắng. Tiếng bà đầy quan ngại làm tôi sực tỉnh.

– Cháu khát nước, xuống tìm cái gì uống. Khuya rồi, sao dì còn thức.

– Thấy đèn sáng nên dì xuống.

Tôi đứng dậy ôm vai bà:

– Thôi dì cháu mình đi ngủ lại.

Hơn bảy năm lao tù để lại những vết hằn trên tôi. Suốt một tháng, cứ quá nửa đêm là tôi tỉnh và mười lần như một, mỗi ám ảnh mình không thực đang ngủ một mình trong chính căn phòng êm ả vẫn đeo đuổi tôi. Nhiều năm sau, thỉnh thoảng tôi vẫn choàng dậy, ngồi bật lên ngơ ngác định ra tập hợp để ra lao động theo nội qui trại.

Khách sạn Majestic ở bến Bạch Đằng trông vẫn cổ kính như xưa. Tôi còn nhớ hồi bé tí vừa vào Sài Gòn cùng bố, tôi đã có dịp ăn trưa ở đây. Hôm đó bố tôi có hẹn bạn và cho tôi đi theo. Tôi cũng nhớ cái bàn tròn trải khăn trắng kê sát cửa sổ nhìn qua bên đường là sông Sài Gòn. Tôi cẩn thận khóa chiếc xe đạp Trung Quốc hiệu Phượng Hoàng vào cột điện, khóa hai ba lần. Chú Trung biết tính tôi hay lơ đãng, dặn đi dặn lại:

– Bây giờ khác ngày xưa, Dũng nhớ cẩn thận.

Tôi thấy chú Trung hay dùng chữ ngày xưa và bao giờ cũng có tí ngậm ngùi gì trong đó. Tôi vừa ở tù ra, chưa có định kiến gì về đời sống bên ngoài, nhưng cũng hình dung được giá trị của chiếc xe đạp. Hồi trong tù khi nghe tiêu chuẩn đánh giá của người miền Bắc là Đạp Đồng Đai, tôi ngơ ngác cho đến khi được giải thích. Kẻ nào có xe đạp, đồng hồ, và Radio mà người Bắc gọi là Đai, kẻ đó là người có máu mặt. Thang giá trị đó nay chắc đã lan vào miền Nam.

Tôi đứng bên này đường Tự Do nhìn sang. Buổi chiều nắng đã dịu, gió từ sông thổi lên khiến không khí như có đượm hơi ẩm. Nhân viên Hướng dẫn Du lịch từng nhóm líu ríu kéo nhau ra khỏi cửa. Họ ăn mặc khá bảnh bao khác hẳn người dân. Lẩn trong đám, Song Thu nổi lên trong chiếc áo dài màu thiên thanh. Nàng cười nói với mấy cô bạn rồi tách ra đứng bên đường như chờ đợi. Tôi vừa chớm băng qua đường thì Thu nhìn sang. Như một mũi tên, nàng chạy ào qua suýt nữa té ở giữa đường có lẽ vì giày cao gót. Chạy sang vừa tới trước mặt tôi, Thu đứng sững lại như sợ làm người. Về người, gương mặt Thu như có cái e thẹn của người nữ khi bộc lộ tình cảm quá lộ liễu. Tôi bước tới đưa tay ra. Thu cũng đưa tay ra:

– Anh

Hai mắt Thu rưng rưng, một giọt nước từ từ đọng lại lăn xuống khoé mắt. Tôi cười nhẹ nhàng:

– Anh về tối hôm qua.

– Sao không báo trước cho em hay.

– Làm sao báo được. Nhưng bây giờ thì anh đang ở trước mặt Thu.

Đúng lúc đó chiếc xe gắn máy Bridgestone xà đến cạnh hai đứa. Thu nhìn, nói khẽ:

– Tuấn nó đến đón em.

Tuấn nhìn và gật đầu chào tôi:

– Anh Dũng phải không? Em là Tuấn, nghe chị Thu nói nhiều về anh.

– Chào Tuấn. Anh mới về tính rủ Thu đi uống nước.

Tuấn tủm tỉm cười nhanh nhẩu:

– Vậy lát anh đưa chị Thu về nhà nha. Để em về nói với ba má.

Mọi việc xảy ra êm đềm tự nhiên giống như thế mỗi ngày tôi và Thu vẫn gặp nhau, giống như cả nhà Thu đều biết tôi là ai, mày ngang mũi dọc ra sao, nhất là tôi được chấp nhận như người bình thường, một người đứng theo nghĩa con người, không phải một thằng tù, một công cụ sản xuất hay một con vật biết lao động.

Con đường Tự Do – nay có tên Đồng Khởi – vào giờ này vắng tanh. Hai đứa thong dong đi cạnh nhau. Sau những năm tù đầy, đối với tôi, không có gì để phải ngạc nhiên về sự đổi thay của Sài Gòn. Tất cả chung quanh tôi là màu đỏ và màu vàng. Mọi thứ dưới mắt chế độ đều được khoác màu sắc đấu tranh và ý thức hệ. Tôi không nhìn thấy cửa hàng cửa tiệm nào có bảng sơn màu xanh cả. Thây kệ, đối với tôi, nay chỉ có Thu.

– Mình kiếm cái gì uống không?

– Anh ở trong ấy lâu rồi, bây giờ thêm gì?

Ôi thôi, cái gì cũng thêm nhưng có lẽ thêm nhất là tình yêu thương. Tôi giữ ý tưởng đó không nói ra.

– Máy năm rồi chưa được uống bia.

Thế ra cái quán đó vẫn còn, chỉ đổi tên, tất nhiên phải đổi vì nó mang tên đầy phản động Imperial. Quán trông như một nhà quý tộc bị phá sản, nhưng vẫn cố duy trì vẻ quý phái đã tàn phai với tấm thảm đơn bèo nhèo và nhất là tấm hình ông Hồ cầm cần đánh nhịp cho dàn nhạc giao hưởng. Nó kệch cỡm lẻ loi trong cái quán nhỏ. Lâu quá mới lại được uống bia lạnh. Nó thấm vào đến chân tơ kẽ tóc. Tôi cười bảo Thu:

– Hồi xưa còn đi học, lâu lâu xin được tí tiền, anh hay ngồi đây một mình, ra điều mình là dân sang, dân chơi nhưng bao giờ cũng chỉ đủ tiền uống một chai 33.

– Hôm nay anh uống thả cửa. Em bao.

– Sợ một chai là say. Lâu quá không uống bia.

Hai đứa thủ thủ đủ thứ chuyện. Tôi chợt nhận ra chưa bao giờ tôi nói yêu Thu dù ngay trong trại

khi được thăm nuôi, tôi đã ngỏ ý xin cưới nàng.

– *Thu biết anh yêu Thu?*

– *Không ai liều như anh. Đang ở tù mà xin cưới con gái nhà người ta.*

– *Tại vì anh yêu Thu. Khi yêu người ta không sợ.*

Thu bóp nhẹ tay tôi như một kiểu đồng tình êm ái nhẹ nhàng. Chiều ngoài kia đang xuống hẳn, dăm ba ngọn đèn đường nhạt nhòa trong cái chạng vạng của đất trời. Hai đứa thả bộ dọc đường vắng.

– *Anh thèm phở.*

– *Khu này đâu có tiệm phở nào ngon.*

– *Phở bà Đậu còn không?*

Thu cười ngất:

– *Em có biết phở bà Đậu ở đâu đâu.*

Tôi cũng cười ngất:

– *Ngày xưa phở bà Đậu ngon nhất Sài Gòn, sao em không biết.*

– *Mềng ơi, cái gì cũng ngày xưa. Hồi đó em còn bé tí và ở tuốt tận Hóc Môn, biết khi gì.*

– *Vậy mình đi ăn phở bà Đậu. Lạy trời còn phở bà Đậu. Để anh chở Thu đi.*

Trong nỗi thèm phở, tôi liền thoắt kể cho Thu nghe về cái quán phở rất thân thuộc với tôi từ thuở thiếu thời. Bà Đậu hay lắm, lúc nào cũng nướng xương trước khi nấu. Một ông bạn đã học Dược, gật gù bảo bà Đậu có thể đậu thủ khoa trường Dược vì khi nướng xương bà đã phong tỏa khiến nước lèo không bị đục. Xương bò khi nướng hơi chín phía ngoài khiến vẩn protein không thoát ra được. Thu cứ nghiệm coi đúng không, khi Thu luộc thịt vẫn phải vớt bọt vì protein bị chín đóng thành vẩn khiến nước lèo vừa đục, vừa hôi. Bánh phở bà Đậu cũng hết xẩy vừa đủ dai không nhão, có vị ngọt vị thơm của gạo. Tuyệt nhất là thịt chín. Thịt chín trong bát phở của bà Đậu bao giờ cũng vậy, vừa đủ to, đủ dày. Nó không thô tục, không bèo nhèo ăn vừa thơm vừa ngọt. Thu biết không tô phở của bà Đậu lúc nào cũng vậy, mọi sự tương xứng, nước, bánh, thịt, không có gì quá đáng, không có gì thiếu hụt. Với anh, phở bà Đậu là nhất.

Nghe tôi huyên thuyên, Thu cười phì:

– *Đúng là Bắc Kỳ. Nghe anh tả mà bắt thèm. Phở bà Đậu ở đâu?*

Đến đây, tôi chạm vào thực tế của đời sống. Chiếc xe đạp Phượng Hoàng. May quá nó vẫn còn đó. Tôi vừa mở hai ba lần khóa nói với Thu:

– Chở em bằng xe đạp được không?

– Chở em bằng xe bò cũng được. Cả nhà em chỉ còn mỗi cái xe gắn máy, có chuyện gì mới dám đi, còn đi đâu cũng lô ca chân, hay xe lam.

Lọng cọng lúu rúu, tôi mất một hồi mới quen được trò chở nhau trên xe đạp, phương tiện giao thông phổ biến nhất hiện nay. Đường Đồng Khởi cấm xe đạp và xe xích lô, tôi phải đi vòng khá xa nhưng khi quẹo vào cư xá Công Lý thì tiệm bà Đậu vẫn còn đó nhưng đóng cửa. Tôi nhìn cây trứng cá. Nó vẫn còn đó. Tôi nhìn mấy cái bàn gỗ, mấy chiếc ghế, tất cả vẫn còn đó. Tôi chợt nhớ. Phở bà Đậu chỉ bán đến cỡ hai, ba giờ trưa là hết. Thu cười:

– Xui dữ.

Thế đấy. Ngày đầu tiên của chúng tôi nó ngờ nghệch ngớ ngẩn nhưng nó thực, nó tự nhiên không gượng gạo, nó bình thường nhưng đầy tình, chan hòa lòng yêu thương.

Từ Thức khi trở về trần thấy quê hương bản quán mà ông hằng ấp ủ, nhớ nhưng không còn nữa, kẻ thân người thuộc đều đã mất và ông thấy mình không còn lý do gì để vương vấn. Từ Thức bỏ vào núi không còn dấu vết. Ít ra là ông cũng hơn tôi để chọn lựa.

Tôi đã lang thang khắp Sài Gòn Chợ Lớn cả tuần nay. Bộ quần áo của Quyền cho mượn khá rộng nên trông tôi lù lù, giống y hệt như người dân từ các vùng quê đổ về Sài Gòn kiếm ăn.

Xanh xao, gầy guộc, hai mắt lúc nào cũng đỏ đẫm, tôi bước thấp bước cao đi giữa làn sóng người, lòng dửng dưng. Y quan dị tích thì. Đỗ Phủ bảo với chế độ mới, mọi sự đều thay đổi, cả đến quần áo.

Nhưng ông thi sĩ đời Đường này chỉ nói đến quần áo và trang phục của các ông quan, các bậc vương giả, những người đang hưởng bổng lộc của tân Triều. Nay cái đổi thay không chỉ ở thượng tầng mà hiển hiện ngay trong đời sống hàng ngày. Tôi được cô gái buôn lậu cà phê và ông cự tu lái xe ôm thương xót có lẽ vì cái chức “tù cải tạo”. Nay không ai coi tôi là tù nữa. Nay tôi là một người bình thường của xã hội nên được đối xử như một người bình thường.

Tôi nhớ buổi sáng sau khi lột lòng một đĩa xôi đậu đen chấm muối vừng, tôi lang thang và đi qua bùng binh, tôi nhẩn nha đi vào chợ Bến Thành. Hình như tôi chưa bước chân vào cái chợ nổi tiếng này lần nào, thỉnh thoảng lăm thì chỉ ghé thì chỉ ghé hàng trái cây ngay bên vệ đường Lê Thánh Tôn. Trời khá nóng nhưng khi bước vào bên trong, hơi người nồng nực hắt lên. Tôi định kiếm một bộ quần áo và nghĩ mua ở chợ chắc rẻ hơn là vào tiệm. Còn đang lớ ngớ đứng ngó thì bà bán hàng nhìn tôi với ánh mắt đầy miệt thị:

– Mua gì?

Tôi chưa kịp nói năng gì thì một tràng, một dọc âm thanh chua như hắt vào mặt:

– Mới sáng ra chưa mở hàng mà gặp cái của này lại ế sưng cả ngày. Không mua đi chỗ khác. Đúng là cú nhìn nhà bệnh. Phỉ phui. Phỉ phui.

Tôi chết trân. Tôi là con cú đang rình người sắp chết! Tôi lớn lên ở Sài Gòn. Cả tuổi hoa niên của tôi là Sài Gòn. Tôi chưa bao giờ bị rửa xả như hôm nay. Tôi lủi ra, khi đi sang phía nhà ga lúc nhúc người và ngoái đầu nhìn lại cái chợ yêu dấu của Sài Gòn. Tôi nhắm mắt lại để nhớ mấy tấm quảng cáo kem đánh răng Hynos và vỏ xe Michelin màu tươi vui sống động. Mở mắt ra nay là màu vàng, màu đỏ và là khẩu hiệu. Nổi nhất vẫn là câu: “Không có gì quý hơn độc lập tự do” của ông Hồ.

Tôi đi tới những nơi đầy ắp kỷ niệm, đầy những nhớ nhung. Tôi nhớ lại khi ở tù, tôi luôn tự nhủ nếu được trở về thế nào cũng đi tới chỗ này, góc kia của Sài Gòn, nhưng tôi thấy mình lạc lõng bơ vơ. Tôi có cảm giác như đang lưu vong trên quê hương mình và tôi không có cùng suy nghĩ, cùng tiếng nói với đồng bào tôi nữa.

Khi ra đường tôi là một người như trăm vạn người khác nhưng khi trình diện công an phường, tôi lại hiện nguyên hình là một tên lính Ngụy, một tên tù. Trên nguyên tắc, tôi được ra trại nhưng vẫn là tù, đặt dưới sự quản chế của địa phương. Theo ngôn từ trước 75, tôi chỉ được tạm tha chứ không chứ không phải là công dân bình thường. Trước khi tới đồn công an, chú Trung đưa tôi gói thuốc lá Điện Biên.

– Cháu bỏ thuốc lá rồi.

Chú Trung cười nhẹ:

– Dừng cầm bao thuốc này để lên bàn công an. Bây giờ khác xưa. Hễ dính dáng đến cán bộ công an nhà nước là phải chè lá. Nhớ để lên bàn, lúc về làm như mình quên, không phải là dứt lốt.

Tôi ôm tờ giấy ra trại và cái sổ gia đình ngày xưa trên đó có tên tôi, chỉ có điều đã bị gạch bỏ với hàng chữ ghi “mất tích trước năm 1975”.

Hồi ở tù tôi đã được giảng nhiều về Xã Hội Chủ Nghĩa nhưng vẫn lơ mơ cho đến khi thực sự sống trong đó. Chế độ hộ khẩu là cái thòng lọng tròng vào cổ người dân, là cái gọng kềm siết họ lại không cách gì cục cựa được. Nó giúp chế độ kiểm soát chặt chẽ mọi người. Đi đến đâu ngủ qua đêm là phải trình tổ dân phố và đôi chỗ phải trình cả với đồn công an. Không ai dám chứa chấp người lạ. Không có hộ khẩu có nghĩa là mất quyền công dân, có nghĩa là bị loại ra ngoài rìa xã hội. Có hộ khẩu là có lá bùa hộ mệnh, là được phân phối các nhu yếu phẩm từ hạt gạo, hạt đường, bột ngọt cho đến vải vóc. Có hộ khẩu là được quyền mua hàng ở các cửa tiệm quốc

doanh. Tôi thuộc quyền quản lý của công an có nghĩa là tôi vẫn là thành phần bị quản chế, bị theo dõi và hàng ngày phải lên báo cáo với công an phường về sinh hoạt.

Khi đưa tờ giấy ra trại và sổ gia đình, viên công an người Bắc lật đi lật lại rồi bảo:

– Trường hợp này căng lắm.

Tôi định hỏi “căng có đến độ đứt không?” nhưng kìm lại được. Tôi không nói năng gì với, để gói thuốc Điện Biên lên bàn, rồi nhỏ nhẹ:

– Tôi có tên trong sổ gia đình từ trước ngày giải phóng. Trong giấy ra trại cũng đề rõ tôi về địa chỉ này.

– Tôi nói căng lắm vì tên anh đã bị gạch đi.

– Lúc đó gia đình tôi nghĩ là tôi đã chết, đã mất tích.

– Tôi nói căng lắm. Được, anh về ngày mai lên tôi giải quyết.

Không hề có chuyện giải quyết. Tôi như lãnh bản án treo, có lần viên công an đã nói xa nói gần đến chuyện tôi sẽ phải đi kinh tế mới mặc dù vào thời điểm này không ai nói đến kinh tế mới kinh tế cũ như hồi Cộng sản mới chiếm miền Nam.

Bà dì tôi là người nhạy cảm và nhìn thấy ngay lý do. Khi có giấy tờ từ Mỹ bảo lãnh, chú Trung đã ra phường làm giấy tờ sang nhượng căn nhà nhưng không được chấp thuận với nhiều lý do. Ông bà bán nhà, mai một con cái ông bà về đòi lại thì sao? Họ là người thừa kế tài sản, phải có sự đồng ý của họ.

Khi chú Trung viết thư và những đứa em tôi đồng loạt ký tên đồng ý để ông được quyền bán nhà thì công an bảo phải đích thân họ ký với nhà chức trách Việt Nam mới hợp lệ. Bà dì bảo tôi:

– Dững ơi, chúng nó muốn chú dì hiến nhà cho nhà nước mới cho đi Mỹ. Đã có vài trường hợp tương tự rồi. Nó không cho Dững vào hộ khẩu ở nhà này chỉ vì muốn nuốt không căn nhà.

Hàng ngày tôi phải lên phường báo cáo là đi những đâu, gặp ai, nói chuyện gì. Lặp đi lặp lại những lời khai nhàm chán đó cỡ một tuần lễ, viên công an bảo tôi:

– Anh phải tìm việc làm, không thể ỉn bám vào xã hội được.

– Tôi rất muốn được phục vụ nhưng không nơi nào nhận vì mới ở trại cải tạo ra lại không có hộ khẩu.

– Chuyện đó là chuyện riêng của anh, nhà nước không đi kiếm việc làm cho anh được. Nếu không có việc thì anh nên đi kinh tế mới khai khẩn, lao động sản xuất.

Tôi kể lại lời đe dọa này, cả nhà dấy nẩy:

– Dừng đừng nghe lời nó. Không đi đâu hết, Dừng đâu cần chúng nó. Cả tháng chưa được một lạng đường, một hộp sữa, cần gì. Cứ lì ra, đừng có làm đơn đi kinh tế mới. Đi để mà chết à?

Tôi nghe theo, cứ trăn mặt ra, kệ viên công an lúc ngọt lúc sắng dụ tôi làm đơn đi kinh tế mới. Ít nhất họ cũng không thể bắt tôi trở lại trại tù vì không có hộ khẩu.

Thật ra tôi không đến nỗi phải lo miếng ăn nhờ có tiếp tế từ nước ngoài, nên chuyện kiếm việc làm không phải là mối bận tâm của tôi.

Sau bữa cơm gia đình ấm cúng với tiếng cười đùa của mấy đứa em nhỏ, tôi ngồi nói chuyện với ba má Thu. Cả nhà vốn là nhà giáo nên ăn nói từ tốn rành mạch. Ba Thu hỏi tôi rất nhiều về quá khứ học hành, về gia đình. Ông nâng chén trà lên nhấp giọng rồi nhìn tôi dịu dàng:

– Hai bác biết chuyện của Thu và con ngay từ ngày đầu khi Thu đưa những lá thư con viết cho anh bạn. Bác hiểu những khốn đốn con trải qua và hết sức vui khi thấy con còn tin vào tình người. Hai bác đã lớn tuổi, sống qua đủ mọi biến đổi của đất nước. Bây giờ vào lúc cuối đời lại phải nhìn những nghịch cảnh đau thương. Hai bác buồn chán lắm nhưng biết sao.

Tôi ngồi im nghe. Giọng ông đều đều, rõ ràng nhưng đầy ngậm ngùi, không phải chỉ cho ông, cho tôi mà như cho tất cả mọi người. Bà má ngồi cạnh đó nhỏ nhẹ:

– Con đừng ngạc nhiên. Gia đình hai bác cởi mở và con cái bao giờ cũng trình thưa mọi chuyện dù là riêng tư. Khi Thu ngỏ ý đi thăm nuôi con, hai bác đồng ý liền. Ngay cả một lần đi thăm nuôi con về, Thu nó khác hẳn, lúng túng và khi hai mẹ con nói chuyện, Thu cho hay con hỏi nó làm vợ.

Tôi ngồi đó sượng trân nhìn Thu. Nàng cũng hơi đỏ mặt nhưng tủm tỉm cười. Tôi thu hết can đảm nói:

– Hai bác hiểu cho hoàn cảnh của con. Sống trong tù, con không ao ước gì hơn là một mái ấm gia đình, yêu thương và được yêu thương.

– Bác hiểu nhưng Thu là con gái lớn nhất. Cha mẹ nào cũng muốn con hạnh phúc. Lúc đó bác lo sợ vô cùng. Nhưng thôi, bây giờ khác, con cứ lại chơi với gia đình. Chuyện của hai đứa âu cũng là trời định. Các con cứ tìm hiểu nhau ít lâu. Bác nói thật, con đừng buồn. Hai bác lo sợ tuổi tác chênh lệch, biết đâu chỉ là bồng bột. Bởi vậy hai con nên suy nghĩ cho kỹ.

Khi ba má Thu rút vào phía trong, tôi và Thu ra vườn ngồi dưới gốc cây ổi.

– Anh thấy ba má dễ chịu không?

– Không những dễ chịu mà còn dễ thương nữa, chỉ sợ ba má chê anh già, chê anh không xứng với Thu.

– Em đâu thấy anh già.

Tôi xoay người sang ôm Thu. Trong bóng đêm tôi nhìn vào mắt nàng, đôi mắt long lanh, sâu thẳm. Chúng tôi hôn nhau, rồi ngồi đó tay trong tay. Tôi hát bài hát của ngày xưa “May mà có em đời còn dễ thương...”

Tình yêu cho thêm sức sống. Tình yêu giúp người ta vượt mọi sự. Tôi trở nên lạc quan hơn.

Giữa lúc đó tôi nhận được điện tín của gia đình ngắn và gọn: “**ĐỂ VIỆC BẢO LÃNH ĐOÀN TỰ DẪN DẪN KHOAN LẬP GIA ĐÌNH.**” Đây là một ngạc nhiên lớn vì tôi chưa viết thư cho gia đình về chuyện tôi và Thu. Tôi hỏi chú dì thì được biết chưa ai kể chuyện này cho bên Mỹ cả. Ngoài cái điện tín tôi cũng nhận được bản sao giấy tờ đủ loại liên hệ đến chuyện gia đình tôi bảo lãnh, trong đó có cả những giấy của một số cơ quan công quyền Hoa Kỳ. Ông bạn Sam Graves của tôi cũng có thư cho hay đã vận động những cơ quan có thẩm quyền cao nhất để giúp tôi đi Mỹ càng sớm càng tốt.

Cầm cái điện tín trong tay, đọc đi đọc lại, tôi nhớ đến khẩu hiệu Ba Khoan – Khoan yêu Khoan cưới Khoan đẻ. Nhưng đó là khẩu hiệu do Trung ương Đảng đề ra cho cán bộ đảng viên trong thời gian cầm súng.

Từ lúc ra khỏi tù, tôi không tư tưởng gì đến chuyện đi Mỹ bởi đối với tôi chuyện đó trở thành định mệnh. Tôi không tin số tôi có thể xuất ngoại. Lý do hơn nữa có lẽ vì Thu. Tôi đã đưa cho Thu tờ điện tín. Nàng đọc xong, im lặng. Tôi nói với Thu.

– Anh đã xin cưới Thu ngay khi còn là một thằng tù. Nay anh ra khỏi trại, anh lập lại với Thu. Anh muốn cùng Thu lập gia đình.

– Thế còn ba má ở bên Mỹ. Còn chuyện bảo lãnh?

– Ở Việt Nam có Thu. Anh không đi đâu cả.

– Ai cũng muốn đi Mỹ.

– Anh chỉ muốn ở cạnh Thu. Ngày mai anh sẽ xuống thưa ba má, mình làm đám cưới càng sớm càng tốt.

– Lấy em bỏ vụ đi Mỹ à nhe.

– Không những chỉ lấy em mà mình sẽ có cả đàn con. Khỏi đi đâu hết.

– Người ta bảo “cột đèn biết đi cũng vượt biên”, em thấy đâu đâu cũng toàn nói chuyện đi nước

ngoài.

– Anh là cột đèn bị chôn sâu ở đất này. Thu là cái đèn soi sáng suốt đời anh.

– Bắc Kỳ ăn nói trơn tuột.

– Nam Kỳ dễ thương.

Tôi viết một thư dài cho bố mẹ và các em, gửi kèm hình ảnh của Thu và tôi. Một bức điện tín nữa viết: ĐỒNG Ý ĐÁM CƯỚI, CỐ GIỮ ĐỪNG CÓ CON ĐỂ BẢO LÃNH DỄ DÀNG. Tôi đọc xong vò bức điện tín vút vào sọt rác và không nói gì với Thu.

Đúng lúc đó chú di và Quyền em tôi có giấy tờ đi Mỹ. Vụ hộ khẩu của tôi trở nên gay go hơn. Sở nhà đất và công an phường viện đủ lý do tạo sức ép để rồi chú di phải ký giấy hiến nhà cho nhà nước. Bà di tôi cúi kính:

– Chúng nó nhân nghĩa để bà Tú Để, bắt ký giấy hiến nhà mà còn đạo đức giả nói Nhà Nước chỉ giữ hộ, tạm quản lý khi nào ông bà sống ở Mỹ không nổi, về đây Nhà Nước trả lại.

Mất nhà thì tôi ở đâu? Trong cái hệ thống tham nhũng công khai từ trên xuống dưới tôi trở thành khúc xương khó nuốt. Bọn chúng muốn chiếm nhà nhưng trên một khía cạnh nào đó, tôi vẫn là người hợp pháp được quyền trú ngụ ở căn nhà này. Viên công an nói với tôi:

– Anh nên nhớ anh vẫn thuộc quyền quản lý của địa phương.

– Thừa cán bộ tôi biết nhưng trong sổ gia đình từ xưa đến giờ vẫn có tên và giấy ra trại cũng ghi rõ tôi về địa chỉ này.

– Anh thuộc thành phần ăn bám vào xã hội. Tôi đề nghị anh nên đi kinh tế mới.

Tôi im nhưng nhất định lý lợm cho đến hôm cuối thì công an nhượng bộ.

– Thôi được, Nhà Nước đồng ý cho anh ở lại địa phương này. Anh thuộc thành phần quản lý của phường. Tôi cho anh đi kiếm chỗ ở trong phường và đồng ý cho anh nhập hộ khẩu.

Khi ở tù, tôi không chú ý lắm nhưng khi ra ngoài, tôi thấy mình đối diện với một khuôn mặt vô hình, một bóng đen trùm ngợp lúc nào cũng muốn đè tôi xuống, lúc nào cũng sẵn sàng bóp nghẹt tôi. Những từ ngữ Nhân Dân, Tổ Quốc, Nhà Nước, Đảng và Xã Hội Chủ nghĩa luôn luôn trở thành chủ từ để nói với người dân. Không ai biết những thứ đó ở đâu, là ai bởi đó là Tập Thể. Một công an viên dấm dớ có thể nhân danh Chế Độ, nhân danh Nhân Dân để đày đọa đối tượng cần trấn áp hay để moi tiền, sang đoạt tài sản và cả những lúc cần ban ân huệ.

Viên công an đã nhân danh Nhà Nước để cho tôi nhập hộ khẩu ở Sài Gòn. Tôi thu xếp ở nhờ một gia đình người quen. Chính thức tôi không có công ăn việc làm nhưng thực tế tôi xoay sở làm đủ

thứ việc. Tôi lẫn vào giữa đời, đi buôn chợ trời, buôn từ viên thuốc trụ sinh cho tới vài thước vải, dăm hộp sữa. Tôi mua hàng ở đầu đường này bán hàng ở cuối đường kia. Tôi làm môi giới bán đồ cổ, đủ thứ từ choé cổ đời Khang Hi, Càn Long cho đến những cửa “gia bảo” như vòng ngọc, tượng đồng đen. Xin nói rõ tôi chả biết giá trị đích thực của các món đồ nhưng trong xã hội Việt Nam lúc này, giả và thực làm sao phân biệt. Dân, nhất là cán bộ miền Bắc nhiều tiền không thể tả, hẳn là tiền thu nhặt được từ Miền Nam. Cái gì họ cũng mua và cái gì càng nhỏ càng dễ giấu càng quý. Một lần tôi được nhờ bán một viên ngọc Huyền Thiết. Đó là một miếng đá màu đen lớn cỡ hai con tem và dày cỡ nửa bao diêm. Người bán bảo nó là ngọc Huyền Thiết – nôm na là sắt đen – quý và hiếm có một không hai, vốn là của Vua Tự Đức. Ông Vua này bẩm sinh yếu đuối bệnh hoạn, phải đeo ngọc này để kỵ phong kỵ hàn và có đủ sức khoẻ để hưởng tam cung lục viện. Tôi nghe để mà nghe nhưng rung mình khi biết giá 40 cây vàng. Một lượng vàng lúc này là một gia sản. Tôi cũng đi rao tứ phía với các tay chạy hàng. Điều mà tôi không bao giờ tưởng đã xảy đến. Có người mua thật. Qua hai ba trung gian nữa, viên ngọc nghe nói được bán cho bà vợ ông Lê Duẩn với giá 50 lượng vàng. Đó là lần tôi trúng mảnh lớn nhất, huê hồng tới một cây vàng.

Thu thì lắc đầu. Nàng không chấp nhận kiểu làm ăn này nhưng chúng tôi cũng chưa biết phải làm gì hơn.

Ngày ngày tôi đứng chờ Thu tan sở. Hai đứa lang thang đi ăn đủ chỗ. Sài Gòn nay đi hai bước là có chỗ ăn. Lề đường hễ có chỗ trống là có quán. Đủ thứ quán. Tạt vào đâu cũng có thể có một tô bún, một tô cháo. Quán cà phê và quán nhậu còn nhiều nữa. Tôi không hiểu tại sao thiên hạ ăn nhậu dữ vậy. Thu có vẻ hiểu biết hơn:

– Có ai có việc làm tử tế đâu, toàn buôn chợ trời buôn đồ ngoại. Rảnh quá chỉ ăn nhậu tới ngày. Anh không thấy ai cũng uống rượu đế à?

Cuối tuần tôi gần như ở Bà Quẹo suốt ngày. Gia đình Thu coi tôi như rể, như người trong gia đình.

Bốn tháng sau khi ra trại, chúng tôi thành hôn. Tôi đề nghị ông Trung và ông Vận làm phù rể. Mới đầu Thu ngần ngừ nói rằng hai ông bạn tôi đều đã có gia đình và nhất là ông Trung lại chống nạng e kỳ quá, còn ông Vận thì hom hem dễ sợ. Không hom hem sao được sau những gì ông Vận trải qua. Cụu Trung Úy Vận đặc trách truyền tin ở Đồng Xoài đã rớm nước mắt khi hai đứa tôi gặp lại nhau lần đầu và tôi kể rõ về cái chết của Hoàng. Ông Vận bao giờ cũng vậy, ôn tồn cam chịu:

– Bà già moa mất rồi. Đến lúc chết bà vẫn tin thằng Hoàng còn sống. Khi toa và ông Hùng rút đi chừng mười phút sau thì tụi nó tràn vào như kiến. Moa vẫn nằm trên chiếc băng ca, cả người băng bó, máu me tùm lum. Miếng 82 dính đầy người mà sao moa không bị gãy xương bể gáo mới là lạ. Một tên cán bộ nhìn moa và phán “khên cái thằng này đi”. Tên cán bộ nhíu mày không

nói gì và hai người lính cúi xuống mỗi người một đầu khênh moa ra khỏi tiểu khu. Lúc đó tiếng súng vẫn đì đẹt nhưng chẳng ai hỏi han cản trở gì cả. Moa vẫn nhớ ơn hai người lính và liên lạc với họ đều đều. Đó là ông Tám và ông Sang, hai người nghĩa quân. Họ đem moa về nhà rồi chính họ lo lắng chăm sóc cho moa đến tận ngày 30 tháng tư.

Ông Vận không kể nhiều hơn, nhưng tôi thấm tận tâm can. Có lẽ quốc gia và cộng sản chỉ khác nhau duy nhất tình người. Ông Vận bị cải tạo bốn năm nhưng may không phải ra Bắc. Tôi nói với Thu chỉ muốn những người thực sự chia sẻ cuộc đời lính tráng xa xưa nay ở cùng bên tôi trong giờ phút trọng đại của đời tôi.

Cuối cùng nàng đồng ý.

Gia đình tôi nay ở Việt Nam chỉ còn bác Chuyên và bà chị gái góa chồng nên họ nhà trai rất ít người. Đám cưới dù giản dị nhưng vui. Không ai thấy cảnh ông phù rể Trung chống nạng tập tễnh là kỳ dị. Không ai thấy ông Vận hom hem là xấu cả. Bởi mọi người đều biết họ là ai, đều biết ba đưa tôi đã cùng sát cánh vào lúc thập tử nhất sinh trong ngày cuối của Đồng Xoài.

Cô dâu tươi cười. Chú rể thì rõ ràng đang hạnh phúc. Mọi người vui tít tít. Khi lễ gia tiên, tôi nói khẽ với Thu: “Fleur de Racaille” thì nàng cười bảo nhỏ:

– Em đợi đến hôm nay mới xài.

Một cái gì dâng lên trong tôi. Tôi như người khác. Tôi nhìn đâu cũng chỉ có Thu. Tôi đi đâu, làm gì cũng chỉ nghĩ đến vợ.



Tôi đi tới đi lui trước cái tiệm bé tí bày đủ thứ máy. Phải nói ngay gần như tất cả đều là máy cũ nhưng rất tốt. Từ những thứ rẻ tiền như Kodak cho đến loại đắt vô cùng như Leica, hay Hasselblass

Tôi nhớ ngay cái phòng tối đã chiến của bố tôi ở Hà Nội. Bố quây quanh chân bàn thờ gia tiên bằng vải đen để có phòng tối nhưng mỗi lần rửa hình ông cụ còn cẩn thận đóng hết cửa lại cho thật tối, ánh sáng không lọt vào.

Lúc đó, tôi học lớp nhì thì phải, vẫn hay chui vào trong ngòai nhìn ông pha thuốc, nhìn những tấm hình từ từ hiện ra trong cái khay nông đựng nước hóa học màu nhòe nhòe. Tôi đã cảm những tấm ảnh còn ướt sũng đem trải ra nơi một tấm kính để chờ cho khô. Phải chăng bắt đầu từ cái gầm bàn thờ tối om đó, tôi đã được bố tôi nhen nhúm nỗi đam mê nhiếp ảnh. Ông cụ ngay cả sau này vào Sài Gòn vì làm việc cho USIS nên vẫn dính líu đến phim ảnh. Bố đã đóng góp rất nhiều trong các phim Chúng Tôi Muốn Sống và Đất Lành... Cũng như nhiều phim thời sự của VNCH thời ông Diệm vẫn được chiếu trong các rạp chớp bóng trước khi đi vào tường chính.

Vì vậy tôi bắt đầu cầm máy sớm. Khi còn là sinh viên, tôi theo học khóa đào tạo nhiếp ảnh viên tài tử của Hội Nhiếp Ảnh Việt Nam tổ chức ở Hội Việt Mỹ với các bậc thầy như Cao Lĩnh, Nguyễn Ngọc Hạnh, Cao Đàm, Mạnh Đan... Tôi đã tí toáy gửi ảnh tham dự các cuộc thi và ảnh đã được triển lãm cũng như đôi lần được giấy khen, được giải khuyến khích.

Khi ở trong quân ngũ, lúc nào tôi cũng thủ một chiếc máy hình. Hơn mười năm qua tôi không tơ tưởng đến chuyện cầm máy nữa. Nay tôi là công nhân chuyên súc, rửa chai lọ cũ trong một hãng. Đây là một ân huệ lớn của các ông thuộc Sở Nhà Đất và Công An Phường. Họ đã bố trí cho tôi làm công nhân ở đây để có thể êm xuôi vụ bắt chú Trung hiến nhà. Tôi đã trở thành một người gương mẫu của chế độ, có đóng góp lao động và được hộ khẩu hợp pháp để mua nhu yếu phẩm.

Sau đám cưới, và nhất là sau khi được làm việc ở công ty rửa chai lọ, tôi coi như tạm yên. Tôi đi làm để mà đi làm bởi vì lương công nhân có lẽ chỉ vừa đủ để mua gạo cho hai đứa. May là gia đình bên Mỹ vẫn chu cấp đều nên cuộc sống cũng không đến nỗi nào. Tôi có cảm giác hồi phục trở lại. Sau những năm dài cô quạnh trong tù, sau những lao đao của kiếp người, tôi đã đi tìm được bình yên. Tôi được yêu thương, được ông bà nhạc coi tôi như con đẻ, đối xử với tôi như đứa anh cả trong nhà. Lũ em Thu quán lấy tôi và nhất là tối tối tôi vẫn kèm bài vở cho tụi nó.

Thu hiền và dịu dàng. Thu trong sáng lúc nào cũng lo cho tôi. Tôi đang có một mái ấm gia đình.

Khi đứa con đầu biết bò, tôi muốn có hình chụp để gửi cho ông bà nội nó. Ông thợ chụp hình sau một hồi đắn đo, đồng ý đến tận nhà chụp nhưng đòi một khoản tiền lớn làm tôi khựng lại. Ông ta kể tràng giang đại hải rằng thuốc rửa rất đắt, phim khan hiếm. Ông ta cũng ra điều kiện là phải chụp nguyên cả cuộn thì mới bỏ công đến nhà. Tôi nhẩm tính vào thấy nếu tôi có máy thì rẻ hơn nhiều. Bàn đi bàn lại, Thu đồng ý là nên có một chiếc máy chụp hình.

Mấy ngày qua tôi mò mẫm đi tìm một cái máy rẻ rẻ một chút. Thật ra máy ảnh bây giờ không quá đắt có lẽ vì chẳng ai có thì giờ tiền bạc để phí phạm vào nhiếp ảnh. Nó phù phiếm. Nó không thực tế. Những chỗ bán máy hình không còn nhan nhản như trước 1975 và tất cả máy bày bán đều là máy cũ nhưng còn rất tốt, nhất là so với giá ngày xưa thì rất rẻ. Tôi loay hoay. Tôi đắn đo. Mua máy loại bết quá thì không có đủ những căn bản kỹ thuật như độ nhạy độ mở...Cuối cùng tôi cần rằng mua cái Nikon F3 ống kính normal.



Thỉnh thoảng Việt Nam cũng có những cuộc thi nhiếp ảnh. Một hôm vợ tôi về bảo tôi:

– Em vừa phải đi dự một vụ triển lãm nghệ thuật. Máy tấm hình anh chụp đẹp hơn nhiều, sao anh không gửi dự thi.

Tôi cười ngất vì quả thật tôi không có ý định dự thi, đoạt giải. Sinh hoạt xã hội gần như xa lạ với

tôi. Tôi chỉ biết cặm cụi ngày ngày rửa chai lọ, sắp vào những thùng lớn để ngày ngày công ty đem đi phân phối. Đủ thứ chai, thứ lọ được thu hồi bằng nhiều ngã, nhiều ngách, từ những người lượm chai cho đến những chai lọ được đem đổi như chai bia “33” chẳng hạn. Ngày đánh nhau với chai lọ, tôi về vui với gia đình. Tôi cũng gần như không có bạn bè ngoài gia đình Trung. Tôi bỏ nhậu nhẹt vì không còn thích nữa một phần, phần khác là tiền bạc. Chiếc máy hình là trò vui duy nhất và tôi chỉ chụp Thu, chụp con cái và cảnh chung quanh nhà. Tôi rửa hình lấy nên tốn phí chẳng đáng bao nhiêu. Khi nghe Thu khuyến khích tôi cười:

– Ờ để coi. Nhưng giải thưởng bằng tiền mặt mới gửi à nhe.

Hai vợ chồng tôi cùng cười về viễn ảnh kiếm tiền bằng ảnh nghệ thuật.

Vậy mà tôi đoạt giải thật, một lúc tới hai giải. Giải đầu là cuộc thi toàn quốc có trên 1000 ảnh gửi dự.

Bức tôi chụp hai đứa con ngồi cạnh nhau được chấm nhất, ngoài bằng khen và huy chương tôi còn nhận được một triệu đồng. Bức thứ hai cũng chụp hai đứa nhỏ được giải nhất trong cuộc thi nhiếp ảnh vùng Thái Bình Dương. Tôi không dám ký tên Đỗ Lệnh Dũng mà dùng tên con gái. Thiên hạ bắt đầu để ý đến nhiếp ảnh gia Mai Uyên.

Một ký giả của tờ báo Tân Gia Ba đến thăm Việt Nam viết bài và cần có hình ảnh đăng kèm. Ông ta tìm tới tôi nhờ giúp. Tôi không rõ tờ báo đó đã sử dụng bao nhiêu tấm hình, chỉ biết tôi kiếm được một số tiền quá lớn ngoài sức tưởng tượng khi mà lợi tức trung bình của dân Việt chưa tới 300 đô, tôi chỉ tốn chưa đầy 2 đô la vốn liếng và vài ngày làm việc mà kiếm tới 250 đô la thì quả là ghê gớm.

Thành quả đầu tiên trong đời cầm máy khiến tôi chú trọng hơn đến ý nghĩ trở thành một nhiếp ảnh gia nhà nghề.

Tình trạng kinh tế của Việt Nam vào thời điểm những năm cuối thập niên 80 chưa có gì khả quan nếu không nói là tồi tệ. Đâu đó tôi đọc thống kê của các cơ quan như Lương Nông Quốc Tế hay Ngân Hàng Thế Giới thì Việt Nam vẫn bị liệt vào nước nghèo nhất thế giới. Lương cán bộ công nhân là lương chết đói và trong bối cảnh đó thiên hạ tìm những nguồn lợi phụ nhưng đôi khi lại lớn hơn gấp nhiều lần như tham những hối lộ, như buôn lậu.

Hình như cả Sài Gòn nói riêng và miền Nam nói chung thoi thóp được là nhờ những thùng quà và tiền từ ngoại quốc gửi về. Mọi thứ càng ngày càng khan hiếm sau hơn mười năm ngưng tiếng súng. Mọi thứ ngày xưa tìm đâu cũng có nay trở thành quý hiếm. Thuốc và giấy rửa hình là thí dụ. Nó biến mất nhưng chỉ là bề mặt, nếu có móc nối, có tuy-ô thì vẫn tìm ra nhưng rất đắt.

Trong cái mơ mộng trở thành nhiếp ảnh gia nhà nghề, tôi cố trang bị thêm một ống kính 105 mm,

một ống kính Wide-angle và cũng lập được một phòng tối dã chiến tạm dùng đủ. Điều may mắn là các hãng ngoại quốc -trừ Mỹ vì vẫn còn cấm vận – đang mon men nhảy vào khai thác thị trường Việt Nam. Họ vào là để hành sử theo đúng kinh tế thị trường là phải quảng cáo, giới thiệu món hàng trước. Một trong những đòn họ tung ra là bảo trợ các cuộc thi. Đủ mọi hình thái từ thể thao đến hội họa, từ văn chương đến nhiếp ảnh. Tôi dự tất cả những cuộc thi ảnh và như lần nào cũng hoặc chiếm giải hoặc ảnh được trưng bày. Điều may mắn hơn là những báo Tuổi Trẻ, Lao động đều đăng ảnh của Mai Uyên.

Khi Sở Du Lịch đưa ra kế hoạch quảng cáo du lịch, họ cần một nhiếp ảnh và theo như sau này tôi nghe thuật lại thì người phó giám đốc đã nhớ đến tên tôi vì đọc báo Tuổi Trẻ

Khi Sở Du Lịch muốn tuyển nhiếp ảnh gia Mai Uyên, nhưng khi biết rõ tôi là sĩ quan Ngụy bị bắt tại chiến trường, bị tù dài dài và nhất là gia đình bố mẹ anh em đều ở Mỹ thì “coi bộ căng lắm”. Tôi khai có vợ cũng đang làm công nhân viên cho Sở Du Lịch thì mọi sự “bớt căng” đi một chút. Cuối cùng họ đồng ý muốn tôi theo từng kế hoạch, có nghĩa giản dị khi nào cần thì gọi. Tôi cũng thích như vậy hơn vì được rộng rãi, không phải trói buộc với thủ tục hành chính linh kinh, không phải chung đụng hàng ngày với công nhân viên cán bộ nhà nước và nhất là không phải đối phó với những tranh quyền đoạt lợi ở sở.

Khi tôi được biết là sẽ chịu trách nhiệm “bố trí một đội ngũ” nhiếp ảnh gia “có tay nghề cao và vững” để đi chụp thắng cảnh từ Nam ra Bắc, tôi thực sự xúc động bồi hồi dù viễn ảnh phải xa vợ con cả tháng có làm tôi thực sự băn khoăn. Nhưng cái ước mơ tự thừa thiếu thời nay bùng dậy trong tôi. Tôi ước mơ được thấy Hồ Ba Bể, Chùa Tây Phương. Tôi sẵn sàng đánh đổi mọi thứ để được xuống Thới Bình, Cà mau để nhìn những rừng dừa nước, cánh đồng Nọc Nạn, thăm Thất Sơn. Rồi còn Đèo Cả, Đèo Ngang. Rồi còn những cái tên tôi nghe từ thừa lọt lòng như núi Ba Vì, như Cha Pa.

Phải chăng khi tôi quyết định lập gia đình với Thu và vun vén cái tiểu gia đình mà tôi coi như mạng sống của mình, phải chăng khi lờ đi cái viễn ảnh Mỹ, còn có một lý do thầm kín khác ngấm ngấm trong tôi? Tôi yêu đất nước và tôi muốn đặt chân lên mọi nẻo đường Nam Bắc, tôi muốn thực sự nhìn thấy quê hương và đó là một trong những lý do khiến tôi không để ý gì đến vụ bảo lãnh? Tôi tâm sự với Thu điều này. Thu dịu dàng:

– Anh phải nhận đừng để lỡ cơ hội. Đừng lo cho em và các con vì ông ngoại bà ngoại và cậu dì ở trong nhà. Không phải lúc nào anh cũng có dịp đi một vòng Nam Bắc đâu. Nhớ là phải viết Nhật ký để em đọc và đừng mê gái Hà Nội là được.

Kế hoạch của Sở Du Lịch rất rõ ràng. Ảnh do đoàn công tác chụp sẽ được đem triển lãm ở các quốc gia khác trong nỗ lực quảng cáo nét đẹp của Việt Nam để giúp phát triển du lịch.

Tôi đề nghị và được chấp thuận danh sách có các tay nhiếp ảnh hạng nhất của Việt Nam: Cao Đàm, Trà Hoa Nữ, và hai người con của Cao Đàm là những người đang được chú ý như những ngôi sao của thế hệ đang lên.

Tôi đã chìm mình trong sương mù Cha Pa, đã ngăn người nhìn tượng La Hán trong Chùa Tây Phương, đã chua xót nhìn Lăng Khải Định với kiến trúc ngô nghê, đã dầm mình trong Thác Bản Dốc. Núi cao trùng điệp, sông dài mênh mông của đất nước từ Nam ra Bắc khiến tôi thực sự khám phá ra mối liên hệ giữa người và thiên nhiên, giữa một cá nhân và dân tộc.

Chính nhờ cơ hội này mà tôi được nghe và đến tận nơi những địa danh như Cù Mông, Thạch Hãn, Cổ Loa, Đèo Ngang, Đèo Cả... Làm sao tôi kể hết ra được những nỗi xúc động khi đối diện với âm vang dội lại của cả một quá trình lịch sử dân tộc.

Đất nước mình đẹp quá. Lịch sử dân tộc có một bề dày với lịch sử Hán tộc. Dân mình hiền lành thông minh và cần cù.

Tôi không thể nào kể hết được những tình cảm dấy lên trong tôi ở mỗi nơi, từ cái giếng đến đến những cảnh chùa, nơi đâu cũng đều mang chứng tích của lịch sử.

Lớp sóng phé hưng đã phủ lên những danh tích như từ những mảnh vụn của đời sống, của cảnh vật, đâu đó tôi vẫn lờ mờ nhận ra gốc rễ của mình.

Thành Cổ Loa đã không còn nữa nhưng thật khó ngăn nổi những bồi hồi khi cầm trên tay mũi tên bằng sắt nay đã gỉ, lớp hoen ăn sâu vào trong và mũi không còn sắc như xưa. Câu chuyện Thần Kim Qui và chiếc Nỏ Thần chắc chỉ là huyền thoại nhưng chắc chắn đạo quân An Dương Vương đã trang bị cung tên rất hùng hậu mới chống trả được Triệu Đà. Tôi đã tần ngần khi thấy một rổ lớn những mũi tên được thu lượm. Nó là chứng tích của lịch sử. Lòng trong đó là truyện tình đắm nước mắt Trọng Thủy My Châu. Nước trong cái giếng sâu thăm thẳm đó có thật sự rửa sáng những viên ngọc trai chẳng? Tôi ngờ là không nhưng khi đứng nhìn vào lòng giếng, ít ai cảm nổi xúc động.

Rồi còn trụ đồng Mã Viện. Nó tượng trưng cho sức đề kháng của dân Nam trước áp lực Bắc phương. Mã Viện đã là thủ phạm vụ tịch thu trống đồng đem về Tàu nấu chảy đúc tiền và làm trụ đồng để yểm dân Nam. Không còn dấu tích trong cái vụ với lời yểm “Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt” nhưng họa Bắc Phương vẫn còn đó. Thác Bản Dốc đẹp vô cùng, đúng là một địa điểm du lịch đầy hấp dẫn. Tôi đã chụp rất nhiều ảnh nơi đây.

Tôi cũng đã trở lại Hà Nội của thời thơ ấu. Suốt mấy ngày một nỗi buồn day dứt ẩn hiện không lúc nào nguôi. Người dân Hà Nội của 1954 nay đâu mất. Hà Nội vẫn là thủ đô nhưng không còn vẻ thanh lịch ba sáu phố phường của Thăng Long. Nay là những lời nói sỗ sàng, là thái độ sẵn sàng ăn thua đủ, là những sống sượng đến phát lợm giọng. Nhà cửa vẫn tiêu điều dù tiếng súng

đã ngưng trên một chục năm. Những mái ngói thấp lụp sụp xiêu lệch. Những mảng tường long lở và những cánh cửa gỗ mở ra, phía trong tối om. Lòng mong mỏi, nỗi háo hức của tôi khi vượt cầu Long Biên đã nhường cho nỗi ngán ngẩm của thực tế.

Nếp sống Bắc Nam thật khác. Khi tôi chụp hình một bà già ngồi ăn xin ở cổng chùa Thầy, lập tức hai ba viên công an ập đến.

– Anh định bêu xấu xã hội chủ nghĩa hay sao mà chụp ăn mày?

Họ đòi dẫn tôi vào trụ sở công an, đòi tịch thu phim và cả máy hình. Tôi cố giảng giải cho họ cái khía cạnh đẹp khi sự việc được lọc qua ống kính, họ mắng tôi là nguy hiểm. Cùng đi để canh chừng và giám sát tại tôi có viên Phó Giám Đốc Sở Du Lịch và ông này chắc chắn là công an cỡ bự, ông ta xuất trình giấy tờ đủ thứ họ mới tha cho tôi. Khi ở Rạch Giá, tôi chụp cảnh mấy đứa nhỏ gầy guộc xanh xao đang tắm trong một vũng nước thì chẳng ai để ý và viên công an áo vàng còn cười:

– Chụp làm chi mấy đứa nhỏ ở trường?

Đây cũng là một cơ hội lớn cho tôi vì cũng được cầm máy với hai nhiếp ảnh gia đầy tay nghề là Cao Đàm và Trà Hoa Nữ. Từ họ, tôi học được rất nhiều về nhiếp ảnh. Nhưng có lẽ lời khuyên lớn nhất của ông Đàm “Ống kính là vật vô hồn. Mình có để hồn mình vô đó thì mới có tấm ảnh đẹp, mới đem lại sức sống cho ảnh, tránh nhàm chán, lập lại. Muốn thế phải mở to con mắt ra nhìn sao cho tìm được nét riêng do mình tạo ra.”

Toàn bộ tập ảnh được Sở Du Lịch in ra và đem đi triển lãm ở nhiều nơi để giới thiệu du lịch. Tôi thực sự không hiểu là ở những đâu vì đó không phải là điều đáng để ý. Điều đáng quý nhất là tôi đã được đi, được nhìn và cá nhân tôi, tôi cũng đã giữ được một bộ ảnh khá đồ sộ. Tôi bảo Thu khi hai đứa ngồi nhìn ảnh:

– Đây là tài sản quý nhất anh để lại cho em và các con.



“Bây giờ con đã có gia đình, đã có con cái nên con sẽ thông cảm với bố mẹ nhiều hơn. Mẹ vẫn cần nhằn bố từ bao nhiêu năm qua vì đã không nỗ lực vận động xin xỏ để con đi cùng gia đình hồi 1964. Bố cũng đã suy nghĩ rất nhiều và đã có nhiều đêm không ngủ vì câu hỏi đặt ra. Liệu cái quyết định để con lại Việt Nam hồi đó có thuận lý hay chẳng?

Bây giờ sau bao nhiêu năm trôi, cái quyết định vào lúc này không phải là ở bố mẹ nữa mà là của chính con – đúng ra phải nói là của vợ chồng con. Bố chỉ muốn con chiêm nghiệm cái tình phụ tử của con đối với hai đứa cháu nội của bố. Lòng yêu thương của cha mẹ đối với con cái khó có thể đo lường so sánh được. Cái day dứt từ bao năm qua vẫn còn nguyên nơi bố mẹ. Bố chỉ mong

con vì bố mẹ và hơn nữa vì tương lai của hai đứa nhỏ, sớm lo thủ tục để có thể nhập cảnh Hoa Kỳ. Bố mẹ đã làm hết sức. Ông Sam Grave cũng làm hết sức. Theo chỗ bố hiểu, Sở Di Trú Mỹ đã chấp nhận trường hợp của con...”

Ít khi bố tôi viết thư và nếu có thì cũng chỉ vài hàng ngắn. Đây là lần đầu ông cụ viết một lá thư dài “tâm sự” với tôi về chuyện xảy ra từ bao năm trước.

Thú thật ngay sau khi xảy ra vụ vì thuộc tài nguyên quốc gia, ở tuổi động viên, tôi phải ở lại Việt Nam, tôi có cái kính bực dọc nhưng có lẽ vì còn trẻ quá, tôi quên đi rất nhanh. Đời đẹp quá, ở Việt Nam hay Mỹ có khác gì nhau? Tôi có mọi thứ ở đây. Bạn bè, gia đình chú dì, và Dung. Cuộc sống theo đó cuốn tôi theo vận mệnh của miền Nam. Con lốc dử của dân tộc đã đẩy cá nhân tôi vào những vòng xoáy lớn khiến tôi không còn thì giờ ngoái cổ lại mà thương tiếc dĩ vãng hay suy nghĩ về một sự việc để đặt câu hỏi “giá mà thế này, giá mà thế khác”

Sau bao nhiêu biến đổi, nay tôi đã định lại được, đã có một gia đình nhỏ, đời sống vật chất chẳng thể hơn ai nhưng cũng không đến nỗi phải than phiền. Tôi có tình yêu thương tràn trề của người vợ lúc nào cũng cười vui, cũng chiều chuộng. Tôi có một đứa con gái rất xinh, một đứa con trai rất ngoan. Có nên đánh đổi cái an bình này để đi Mỹ, để bắt lại từ đầu?

Ngay khi tôi ra khỏi tù, điện tín của bố mẹ là một thông điệp rõ ràng. Mọi sự xếp sang một bên lo đi Mỹ càng sớm càng tốt. Tiếp theo đó, tôi nhận đủ thứ giấy tờ từ những tờ giấy của nhà băng bảo đảm bố mẹ tôi có đủ tiền lo cho tôi, thư can thiệp của Thượng Nghị Sĩ Mỹ với Sở Di Trú yêu cầu Hoa Kỳ chấp nhận cho tôi được nhập cư, cho đến cả thư của ông Phó Tổng Thống Al Gore. Tôi biết ông bạn Sam Grave vẫn liên tục vận động cho tôi. Trong một thư, ông Sam viết:

“Những gì tôi được biết cho thấy ở Việt Nam hiện vẫn còn rất nhiều khó khăn, Tôi tin rằng Hoa Kỳ sẽ cố gắng giúp cho anh nhiều cơ hội hơn. Anh hãy tìm cách để qua sống ở nước này vì tương lai của anh, của gia đình anh, và nhất là của hai đứa con. Tôi tin rằng nền giáo dục của Hoa Kỳ sẽ giúp rất nhiều trong việc học hành của chúng nó...”

Sau những đợt vượt biên, người dân Việt Nam nay nói đến HO, đến đoàn tụ gia đình. Tin tức từ bên ngoài cho thấy thuyền nhân nay bị xua đuổi, bị từ chối và cũng có rất nhiều tin nói có thể những người đang kẹt lại các trại tị nạn ở Thái Lan, ở Mã Lai, Nam Dương sẽ bị hồi hương. Và lại, vượt biên ngoài chuyện có thể bị bắt, bị tịch thu gia sản, sống bơ vợ cầu bơ cầu bắt, còn nạn hải tặc, nạn bị bão chết cả tàu, cả thuyền. Bây giờ là chuyện HO và đoàn tụ. Thiên hạ bàn tán đủ kiểu, theo dõi tin tức về vụ này và loan truyền về đủ mọi mảnh khoé, mưu mẹo, giấy tờ để có thể thuộc diện HO, diện con lai, diện đoàn tụ. Phải nói đó là cơn sốt của Sài Gòn.

Vợ chồng tôi cũng nói chuyện nhiều về vụ đi Mỹ. Thu rất thẳng thắn bảo nàng sợ đi Mỹ. Bố mẹ anh em Thu đều ở Sài Gòn. Cả đời nàng gắn bó với Sài Gòn. Sang đó nàng sẽ vô cùng cô đơn.

Nhưng Thu bảo tùy tôi, đi đâu nàng cũng đi đó, vợ chồng sống chết có nhau, vui cùng hưởng, hoạn nạn cùng chia.

Tôi vẫn cứ dự dự cho đến một hôm thấy đứa con trai đầu lòng hí hoáy vẽ. Tôi lẳng lặng đến phía sau cu cậu nhìn. Tôi giật bắn người. Con tôi đang vẽ hình ông Hồ Chí Minh. Đứa nhỏ ngoái lại nhìn bố, cười toe.

– Ba. Cô giáo bảo vẽ Bác, đứa nào vẽ đẹp nhất được thưởng kẹo.

Tôi cố dần xuống để con tôi không thấy sự xúc động nơi tôi. Hình ảnh thiếu nhi khăn quàng đỏ “ôm hôn Bác thăm thiết” chợt hiện ra. Nếu con tôi cũng sẽ tôn thờ ông Hồ như nền giáo dục của chế độ cố uốn nắn thì sao? Tôi cố lấy giọng ngọt ngào bảo:

– Con vẽ hình ba đi, ba cho nhiều kẹo hơn cô giáo.

– Con phải vẽ hình bác chứ. Bác yêu nhi đồng lắm. Nhờ Bác mình mới thắng Pháp thắng Mỹ...

Tối hôm đó tôi kể lại cho Thu. Hai vợ chồng ngao ngán nhìn nhau. Hai đứa nhỏ sẽ ra sao nếu được nhồi sọ kiểu này? Quyết định đi Mỹ trở nên dứt khoát hoàn toàn.



Khi tôi ôm hồ sơ vào để phòng vấn, mọi sự xảy ra êm xuôi, trừ một câu hỏi làm tôi suy nghĩ. Người Mỹ phỏng vấn tôi từ đầu vẫn nói chuyện qua một thông dịch viên dù ông ta biết tôi hiểu tiếng Mỹ. Khi xếp đồng giấy tờ linh kinh – mà có lẽ quan trọng nhất là cái giấy ra trại, cái bùa hộ mạng của dân HO – ông ta bỗng nói bằng tiếng Việt rất sõi:

– Trường hợp của anh rõ rệt, lại có nhiều giấy tờ từ Mỹ bảo đảm, tại sao tới giờ anh mới lên gặp chúng tôi. Bộ anh không muốn đi Mỹ à?

– Tôi cũng không biết phải giải thích như thế nào nữa. Nhưng bỏ quê cha đất tổ ra đi thì cũng cần suy nghĩ cho chín.

Người phỏng vấn gật gù như học được một từ Việt Nam lạ tai:

– Suy nghĩ cho chín. Lần đầu tiên tôi nghe tiếng này.

– It's an important decision

– Indeed. It's important decision.

Khi gia đình tôi rời văn phòng ODP, tôi nhớ lại tòa nhà trắng cũ vẫn còn đó nhưng bỏ trống cho vợ khác với hai lần trước tôi đến. Lịch sử đã lật qua trang và đang có tin Mỹ sẽ ứ sập cái bin-đình đồ sộ đó để xây lại. Nhưng đó là phần của Mỹ. Phần của Việt Nam thì sao? Nhất là phần đời của

những người người dân khốn cùng, của những kẻ đã chịu mọi hậu quả của súng đạn. Sau cuộc chiến, chuyện đổi thay nhưng vẫn còn nằm trong chờ đợi.

Tối hôm đó, khi cả nhà đã ngủ yên, tôi lặng lẽ ra ngồi ở gốc cây mận. Chung quanh yên tĩnh lạ thường. Tôi ngửi thấy mùi đất ẩm trộn lẫn trong lá cây đang ả trong vườn. Đất ẩm như đang dâng lên trong cái oi nắng còn lại sau một ngày mệt mỏi. Lòng tôi trống rỗng, như một hiếu vắng. Tôi không suy nghĩ được gì, ngồi đó nhìn vào cái mờ ảo của khu vườn lâu nay vẫn là nơi tôi lui về, trốn chạy trước những ồn ào của cuộc sống. Tôi biết chắc tôi sẽ mất cái khu vườn thương yêu này, nơi bố con tôi hay thông dong, hay cười đùa. Rồi còn lại những trái ổi, trái mận ngọt ngào, trái khế chua dôn dốt. Rộng hơn nữa là Sài Gòn, là Việt Nam. Nhưng tôi có muốn con tôi trở thành đối tượng của Đoàn, của Đảng? Tôi có muốn con tôi tôn thờ thần tượng Hồ Chí Minh? Đối chác nào cũng có giá trị của nó. Tôi ý thức rõ điều đó và bản khoắn tự hỏi rồi mai mốt đây, trong quãng đời còn lại, liệu tôi sẽ giống như bố tôi, loay hoay suy nghĩ, tự dần vật về một quyết định liên quan đến con cái chẳng? Tôi không rõ và câu trả lời chắc chắn sẽ có trong tương lai, không phải của vợ chồng tôi mà có lẽ của hai đứa nhỏ.

Tôi quay vào nhìn con. Hai đứa nhỏ đã thiếp đi và lay trời trong giấc ngủ chúng nó không mơ thấy Bác Hồ.



Suốt hơn ba tháng tôi không như còn là tôi nữa, lúc nào cũng thấp thỏm, lúc nào cũng đứng ngồi không yên. Mọi sinh hoạt cá nhân và gia đình đều quay quanh viễn ảnh sẽ rời khỏi Việt Nam. Tôi thăm hết người này đến người khác và điều đáng để ý nhất là mọi người đều chúc mừng tôi. Tôi không dám nói với ai về suy nghĩ của tôi vì có thể thiên hạ sẽ cho tôi là rờm, là làm bộ, hay hơn nữa là lên mặt đạo đức, yêu nước cái mẽ ngoài. Nhưng tại sao lại phải mừng rỡ khi rời quê hương bản quán, quê cha đất tổ. Cuộc đời tôi gần như gắn chặt với nhưng tang thương, những đen tối nhất trong lịch sử nhưng chính sự gắn bó lại khiến tôi day dứt. Đạo sau này lúc nào rảnh là tôi lại mò mẫm đọc lại lịch sử Việt Nam. Hồi bé tôi không có cơ hội để thực sự hiểu lịch sử dân tộc vì tôi được giáo dục trong một môi trường cách biệt với quảng đại quần chúng. Tôi nhớ và thương ông Mai Văn Khoa vô cùng bởi vì những gì ông nói với tôi về quá trình của dân tộc mình trong những ngày ở Phước Long. Từ đó lòng mong mỏi tìm hiểu đã thôi thúc tôi. Tôi đọc đi đọc lại sách của cụ Trần Trọng Kim. Tôi thủ kỹ cuốn Việt Nam Máu Lửa. Tôi mê ông Đào Duy Anh. Tôi đọc gần như nát cuốn của ông Lê Văn Siêu và Nguyễn Đăng Thục. Điều mà tôi cảm nhận lớn nhất là lòng yêu nơi chôn nhau cắt rốn, là sự gắn bó với làng với nước. Tôi ngẫm nghĩ về bài đọc trong cuốn Quốc Văn Giáo Khoa Thư. Cái ông già đi khắp nơi để rồi cuối cùng về nói với con cháu :

– Quê hương là chốn đẹp hơn cả.

Tôi đã quên hẳn Malraux, Gide hay những tác giả cổ điển như Molière hoặc tân thời sau này như

Sagan. Tôi quay về với Bướm Trắng, với Hồn Bướm Mơ Tiên. Qua Tắt Đèn của Ngô Tất Tố, tôi thương chị Dậu hoặc bất cứ phụ nữ Việt Nam nào mà Chị Dậu là điển hình. Một phần nào tôi hiểu cha tôi hơn qua Nguyễn Tuân, hiểu mẹ tôi qua Cô Mai trong Nửa Chừng Xuân. Tôi cũng yêu thơ của Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng và cả thơ của ông thầy triết học Nguyễn Sa.

Sách vở miền Nam đã bị thiêu hủy, bị đốt từ sau năm 1975 nhưng nhờ lòng yêu quý sách vở của một số đồng nên vẫn còn những cuốn được lưu truyền lên lút. Tôi đang ở trong trạng thái khám phá không những phía ngoài mà cả ở chính trong tôi qua văn học Việt Nam. Tôi tự nhủ tuy muộn nhưng chính từ sự muộn màng đó, tôi chiêm nghiệm được cái quá khứ nhỏ bé của tôi trong cái chúng lờn của dân mình. Đây có lẽ cũng là lý do khiến tôi chần chừ trong việc nộp đơn xin đi Mỹ.

Nhưng rồi cái gì đến phải đến. Chỉ còn ít lâu nữa tôi sẽ rời Việt Nam, một chọn lựa tưởng như dễ dàng nhưng khi xảy ra không khỏi có những day dứt dằn vặt.

Khi leo lên chiếc phi cơ ở Tân Sơn Nhất, tôi dắt Mai Uyên và nói nhỏ với nó:

– Mai một lớn lên con phải nhớ con là người Việt Nam.

Nó ngược mắt nhìn tôi ngạc nhiên. Tôi bỗng thấy câu nói của tôi nửa có tính cách cải lương, nửa đối trá với chính mình nhưng tận cùng là nỗi chua xót ngậm ngùi.



Chuyến bay vất vả, chuyển từ Vọng các tới San Francisco rồi mới bay đi Hoa Thịnh Đốn. Vợ con tôi đỡ đỡ có lẽ vì mệt, vì mất ngủ, vì không quen với đồ ăn trên phi cơ và có thể cũng vì căng thẳng.

Nhưng ở phi trường National Airport là cả một hội ngộ rất lớn. Bố mẹ con cái ôm nhau mừng mừng tủi tủi. Bố tôi già hơn xưa nhưng vẫn tráng kiện. Ông ôm tôi nói nhỏ:

– Cám ơn con đã đem vợ con con qua đây với bố mẹ.

Nghe như một lời tạ lỗi làm tôi sững sờ. Mẹ tôi miệng thì cười tươi nhưng hai mắt đầm lệ, hai tay ôm hai cháu. Máy đưa em tôi quần lầy Thu hỏi thăm. Sam Graves đứng cao vượt lên và khi bắt tay, ông nói với tôi:

– Welcome. Welcome to America.

Tôi biết cái chân tình của Sam đối với tôi. Ông đã xông vào mọi cửa, liên lạc mọi nơi để vận động cho tôi được Hoa Kỳ chấp nhận. Cảm động hơn nữa là ông đã bay lên tận Washington DC để đón tôi. Tình bằng hữu là một nối kết khi đã có thì mỗi ngày một thêm bền chặt.

Khi về đến nhà lại là một đại tiệc. Đồ ăn thức uống ê hê. Người ngạc nhiên nhất có lẽ là Thu vì

đủ thứ mà nàng không ngờ như bún, chả giò, bánh tôm và cả cà cuống nữa. Cuối bữa, tôi thấy Diệp nháy nháy mắt rồi đi ra vườn. Tôi theo cô em gái con chú dì ra. Hai anh em ngồi ở cái ghế gỗ. Diệp hỏi:

– Anh có muốn gặp Dung không? Em chưa dám nói cho Dung biết vụ anh lấy vợ cũng như anh sẽ qua đây.

Tôi trầm ngâm. Quả tình hình bóng Dung đã khuất hẳn trong cái quá khứ dồn dập của đời tôi. Tôi nhìn Diệp, cô bé ngày xưa nay đã lớn, có gia đình trông chừng chặc hẳn ra. Tôi thông thả:

– Anh cảm ơn Diệp, nhưng thôi đừng nói gì nữa. Như vậy có lẽ tốt cho anh, tốt cho Dung. Mỗi đứa đều có gia đình, có đời sống phải lo. Let bygones be bygones

Đêm ở Virginia dịu dàng. Thảm cỏ xanh như thảm hơn trong bóng đêm mờ nhạt. Diệp cầm tay tôi bóp nhẹ:

– Tụi em hiểu anh và khi gặp nhau tụi em tránh không nói đến quá khứ. anh nói cũng phải. Mọi sự bây giờ khác, không như ngày xưa nữa. Em đồng ý với anh sẽ không nói năng gì. Let's bygone be bygone.

Diệp quay sang cười:

– Chị Thu xinh lắm, lại hiền nữa. Mừng anh. Hai bác chắc vui lắm.

– Anh cũng mong hai bác vui và mong Thu được các em thương. Thu không quen ai ở đây cả, chỉ có gia đình mình. Thôi, mình vào với cả nhà đi.

Hai anh em thông thả đi vào nhà. Diệp bảo tôi:

– Virginia dễ thương lắm vì là đất của tình yêu. Virginia is for lovers. Anh với chị Thu đang là “lovers” thế nào cũng yêu nơi đây, nhất là mùa thu.



CHƯƠNG 14



Như tất cả những người HO khác, cuộc sống gia đình tôi là bờ ngổ, là hoang mang. Xã hội Mỹ xa lạ, cái gì cũng phải học, phải mò mẫm. Tôi may mắn chỉ hai tuần lễ sau đã kiếm được việc làm tại tiệm hình CPI trong khu thương xá tập nập tại Tyson Corners nhờ những kiến thức trong phòng tối.

Hai đứa nhỏ thích hợp nhanh, có lẽ vì đầu óc còn trong trắng. Vợ tôi sau nhiều cuộc thảo luận của đại gia đình đã cấp sách trở lại trường. Cái bức xúc của đời sống mới khiến tôi không có thì giờ thừa như ở Việt Nam. Tất cả như một cuộc chạy đua, chung quanh tôi đời sống quay cuồng. Sam Graves theo tôi từng chút, luôn luôn khuyến khích tôi vượt mọi khó khăn, nhưng lần nào nói chuyện, cái nhức nhối Việt Nam vẫn là đề tài chính. Khoảng hơn một năm khi đặt chân đến Mỹ, tôi đi xa lần đầu – xuống tận Indiana để như lời Sam nói, gặp gỡ gia đình anh, bởi những gì anh nói với vợ con về tôi khiến tôi trở thành một ám ảnh “ai cũng muốn gặp Trung úy Dũng”. Sam còn hứa là đến Indiana, anh sẽ dành cho tôi một ngạc nhiên lớn.

Nước Mỹ mệnh mông nhưng một khía cạnh nào đó, tôi không thấy chênh lệch giữa chỗ này chỗ khác. Khi từ Sài Gòn xuống Cà Mau hay ra ngược Thanh Hóa, cảnh trí, thiên nhiên và ngay cả người dân khác biệt nhau rõ rệt như đập vào mắt không chối cãi được. Nhưng tôi không có cái cảm giác đó ở xứ Mỹ. Đâu cũng thế. Hay tại tôi vẫn chỉ là kẻ đứng bên lề, một công dân hạng hai hay ba, một HO lớ ngớ?

Khi bước vào nhà ông cựu cố vấn Mỹ thì tôi thực tình xúc động. Lá cờ mặt trận giải phóng với những vết máu khô được đóng khung treo giữa phòng khách. Đúng là một ngạc nhiên lớn. Sam nói với tôi:

– Lúc chia tay ở bệnh viện Cộng Hòa, anh đưa tôi lá cờ này. Tôi treo nó ngay ở chỗ trang trọng nhất trong nhà và tôi đã kể lại sự tích của nó cho mọi người hay. Hễ nhìn thấy lá cờ là tôi nghĩ ngay đến Việt Nam, đến Phước Long và Phước Lộc...

Tôi ngậy người nhìn lá cờ và lòng bùng trong lỗ tai là tiếng bom, tiếng đạn, trong trí tôi là cảnh người dân gồng gánh chạy loạn, cảnh máu đổ, thịt rơi. Cái quá vãng chiến tranh sau hơn một thập niên vẫn còn nguyên đó, tươi roi rói trong tôi. Tôi còn nhìn thấy nó ngay cả ở Sam và ngay giữa xã hội Mỹ thanh bình.

Những lần lái xe đi làm, những buổi trưa hè êm dịu, tôi thấy những người Mỹ lui cui cắt cỏ, dọn dẹp garage thành thói tự tại. Những bãi cỏ xanh ngắt, những đứa bé hơn hờ cầm vòi xịt nước cười đùa như nắc nẻ làm tôi lại nhớ đến những vô lý của cuộc sống. Những người Mỹ vô tư đó, những gia đình Hoa Kỳ coi thể thao là mối quan tâm hơn cả, bàn chuyện ciné hoặc thời trang hàng ngày, bỗng đâu phải lo lắng, quan tâm đến một người thân ở tận xó xỉnh xa xôi như Việt Nam với cái chết luẩn quẩn trong suy nghĩ. Nếu là tôi thì liệu tôi có phản chiến, có chống đối chiến tranh chăng? Nhất là cuộc chiến đó xa lạ, và có vẻ như không lối thoát? Cái gì đã khiến những thanh niên Mỹ như Sam Graves cầm súng bên tôi ở Việt Nam?

Tất nhiên đã có những danh từ đẹp để tôi từng được nghe nhiều lần để biện minh cho cuộc chiến từ ở cả phía bên này lẫn bên kia. Bên này là Tiền Đồn của Thế Giới Tự Do, bên kia là Mũi Xung Kích. Bên này là tự do khai phóng nhân quyền, bên kia là giải phóng, là tiến tới thế giới đại đồng,

là vô giai cấp. Giữa đó là hai cực quyền lực và đằng sau đó là quyền lợi của phe nhóm. Những suy nghĩ đó bao giờ cũng đưa đến những kết luận chua chát. Chỉ khi vượt ra, ngoảnh lại mới thấy sự phi lý tột cùng của chiến tranh và thương cho dân mình.

Lá cờ Mặt Trận Giải Phóng treo ở phòng khách của ông Đại Tá Sam Graves nay chỉ là dấu tích của một lừa dối. Nó bị xé tan ngay khi Hà Nội đạt được mục tiêu. Nó chỉ là giai đoạn và tôi đã bỏ cả mạng sống mình để chiếm lấy nó, và Sam thì quý nó như một bảo vật. Tôi chưa xót nhìn những vết máu khô có chỗ đã mờ nhưng có những vết còn thắm màu lốm đốm.

Nhưng giữa cảnh đạn bom có những bông hoa đã nở và cái tình bạn của Sam Graves với tôi là bông hoa đẹp nhất trong đời. Mẹ anh, vợ con anh đối đãi với vợ chồng tôi thân thiết, cởi mở và luôn luôn nhắc tôi và Thu “feel at home” – coi nhau như người nhà.

Sam Graves nay đã lên tới chức Đại tá trong Lữ Đoàn Yểm Trợ 88, nhưng Sam không bao giờ cư xử với tôi như một Đại tá. Sam luôn luôn gọi tôi là Trung úy Dũng – bằng tiếng Việt hẳn hoi. Những năm tháng tham chiến ở Việt Nam là niềm hãnh diện lớn của một quân nhân Mỹ và là kho tàng bất tận để kể lại cho người chung quanh. Đủ thứ, từ món ăn cho đến muỗi nhiệt đới, từ các trận đánh cho đến các phong tục lạ lẫm. Sam nhớ rất nhiều và nhớ chính xác những chi tiết mà tôi đã quên mất từ lâu. Sam nhắc đến những đồng đội của tôi như Đại úy Cảnh, như Chuẩn úy Sao. Ủa nhỉ, thế ông Đại úy đẹp trai của tôi với ca sĩ Thanh Tuyền có thoát được không? Còn ông Chuẩn úy Sao người gốc Miên của Phước Long, ông ta sống hay chết, có phải đi học tập không?

Tan tác đã nhiều. Cuộc sống của mỗi chúng tôi đã bị đập vùi, đã bị cuốn trôi theo những dòng chảy khác nhau. Hơn một thập niên sau cuộc chiến, chúng tôi vẫn chưa có dịp nhìn lại nhau, có dịp ôn lại các quá khứ súng đạn và tình chiến hữu, thậm chí còn không biết gì về số phận của nhau. Ngồi trong căn nhà êm ả rộng rãi ở Indiana, tôi quặn lòng nhớ bạn, nhớ đồng đội. Đầu óc tôi lơ mơ, bồng bềnh như trôi dạt trong khoảng ký ức mênh mông.

Hơn một tuần lễ ở Indiana, tôi tưởng tôi có thể cùng Thu trốn được cuộc sống quay cuồng, vội vã, làm việc không ngơi nghỉ của sinh hoạt cơm áo hàng ngày, những câu chuyện với ông cựu cố vấn và những người Mỹ mới quen đẩy tôi ngược về với những cái mà tôi cố né tránh từ lâu. Đến lúc nào thì chiến tranh, bom đạn thôi ám ảnh tôi?

Đời sống gia đình tôi mỗi ngày một ổn định. Thu sau những cố gắng miệt mài đã hoàn tất chương trình bốn năm tại đại học George Mason và kiếm được việc làm trong một công ty tài chánh. Hai đứa nhỏ càng ngày càng lớn cũng đã hoàn tất chương trình trung học. Phần tôi, công việc đã đưa đẩy từ chỗ này đến chỗ khác nhưng vẫn là công việc trong nghề nhiếp ảnh. Đây là điều mà tôi thấy lạ. Tuổi thanh xuân của tôi đã cống hiến cho chiến tranh và khi đến đất Mỹ với hai bàn tay trắng, tôi đối phó với cuộc sống mới không nghề ngỗng hay như kiểu Mỹ vẫn thường bảo: “no skill”. Nỗi đam mê nhiếp ảnh và cái kiến thức tự mò mẫm của một nhiếp ảnh gia tài tử đã giúp tôi

kiếm được miếng cơm manh áo. Kỹ thuật phòng tối của tôi ở Việt nam là kỹ thuật sơ đẳng, cổ lỗ. Tôi đã phải vừa làm vừa học, học nhiều hơn cả làm, học ở sách, ở sở, ở bạn bè. Trong nỗ lực tìm tòi đó, tôi gặp thêm rất nhiều bạn bè cùng sở thích để rồi chúng tôi cùng nhau sinh hoạt hàng tuần. Đi chụp hình cùng nhau vào những ngày nghỉ. Thảo luận với nhau về cách áp dụng computer trong phòng tối. Những sinh hoạt đó đẩy đến quyết định cùng nhau lập Hội Nhiếp Ảnh Việt Nam vùng Hoa Thịnh Đốn. Chúng tôi mở lớp dạy các em nhỏ và cả những người lớn muốn cầm máy. Đây là một niềm vui vì hội hoàn toàn bất vụ lợi, và mọi người hăng say xây dựng một tập hợp nhỏ những người có cùng sở thích, cùng giúp đỡ nhau học hỏi. Đất Mỹ là đất của cơ hội. Câu này đúng với tôi trong cái nghĩa chật hẹp nhất. Tôi đã tìm lại được quân bình trong đời sống như một người bình thường nhất. Hiện nay tôi đã có một căn nhà nhỏ, ngày ngày đi làm, tối về lo kèm hai đứa nhỏ, coi tivi hoặc nhâm nhi lon bia. Một cuộc sống giản dị, bình thường nhưng là mơ ước không với tới trong đời tôi kể từ ngày vào quân trường Thủ Đức cho đến ngày ra khỏi trại tù cải tạo. Xem ra cái hạnh phúc nhỏ nhoi bình thường đó không dễ dàng gì đạt đến. Ít ra thì ở nước Mỹ ngày nay tôi cũng có cái yên tâm rằng hạnh phúc tôi đang có là của tôi, của gia đình tôi và không ai có toan tính hoặc âm mưu gì cướp đoạt nó đi.

Khi ông Sam Graves gọi cho tôi hay rằng ông sẽ về hưu và ngỏ ý mời tôi đến dự lễ “rửa tay gác súng” tôi hoan hỉ nhận lời, nhất là khi ông lại bảo sẽ dành cho tôi một ngạc nhiên lớn. Với Sam, lúc nào cũng vậy, không bao giờ cho biết chuyện gì sẽ xảy ra. Nhưng ông cũng cẩn thận dặn tôi ăn mặc cho nghiêm chỉnh và nên soạn sẵn một bài ngắn ngắn để đọc trong buổi lễ. Hiện ông ta đang giữ chức Đại tá Chỉ Huy Phó Liên Đoàn Yểm Trợ 88 nên hay lên họp ở Ngũ Giác Đài và lần nào cũng vậy, hai đứa đều hẹn nhau đi ăn cơm và hàn huyên. Sam cho hay sau thời quân ngũ, ông sẽ dành hết thì giờ vào nghề phát thanh, nghề radio, một đam mê từ khi còn nhỏ. Ông tỏ ra rất hào hứng khi trút bỏ được bộ quân phục để lao vào cái ước mơ của thời thanh xuân.

Trời tháng hai ở Indiana không lạnh lắm và buổi lễ diễn ra ngay trong doanh trại Liên Đoàn Yểm Trợ 88 thật vô cùng long trọng. Lâu lắm rồi tôi mới có dịp sống lại không khí nhà binh, đắm mình trong những bản quân hành. Các lễ nghi quân cách được cử hành vô cùng long trọng với các quân nhân mặc lễ phục. Tôi không nhớ có bao nhiêu vị tướng có mặt trên lễ đài trong buổi lễ giải ngũ của Đại tá Sam Graves, bởi tôi còn nhầm đi, nhầm lại bài nói chuyện bằng tiếng Anh đã thủ sẵn trong túi áo. Các diễn giả lên tiếng đều là người vai vế từ Đề Đốc, Trung Tướng đến các vị chức sắc. Họ nói về quá trình binh nghiệp của Đại tá Graves, về khả năng lãnh đạo chỉ huy, về thành tích trong quân ngũ, tựu trung đều là những lời ca ngợi vị đại tá về hưu này. Tôi thật sự bất ngờ. Phải thú thật tôi hơi run khi nghĩ mình bước lên bục diễn đàn để nói trước cả ngàn người trong cái không khí nghiêm trang như thế này. Nhưng thật may, không ai mời tôi lên và tôi bảo Thu:

— May quá, họ không bắt anh lên. Chắc ông Sam thấy để một anh Mít nhà quê lên đọc diễn văn trong khung cảnh này không hợp tí nào.”

Thu gục gác bảo tôi:

– May cho anh đó.

Sau lễ nghi quân cách mọi người tựu lại trong những lều lớn bày đủ thứ bánh trái, nước uống. Ai nấy như quen nhau từ lâu, cười nói rộn ràng. Vợ chồng tôi là người ngoại quốc duy nhất lạc vào thế giới này và có lẽ vì là “cửa lạ” ai nấy đều gật đầu chào, nhất là ông Sam thì luôn giới thiệu “Trung úy Dũng” với tất cả nhiệt tình.

Tôi hiểu là buổi tối sẽ có một dạ tiệc nữa, nhưng thực sự cũng thấy việc không phải bước lên diễn đàn như trút được gánh nặng nên hoan hỉ đi dự tiệc. Trước khi đi, bà vợ Sam bảo tôi rằng buổi tối mới vui. Vợ chồng tôi cũng nghĩ vậy vì cho rằng đây là bữa tiệc nhỏ chia tay thân mật đối với một cấp chỉ huy về hưu.

Nhưng bữa tiệc không nhỏ chút nào. Hội trường rộng mênh mông với những chiếc bàn phủ khăn trắng trên bày đĩa, muổng, tách ly, ly bóng lộn và rất nhiều hoa. Những sĩ quan trẻ mặc đại lễ đeo găng tay trắng đứng từ cửa vào tiếp tân. Họ ân cần hỏi tên họ và dẫn từng vị khách vào bàn. Mỗi sĩ quan đều cầm một quyển sổ ghi tên từng vị khách và khi vợ chồng tôi được tiếp, họ lật sổ. Không thấy tên Đỗ Lệnh Dũng. Vợ chồng tôi đứng sượng trân trong khi mẹ và cả gia đình Sam Graves đứng quanh tôi lúng túng không biết chuyện gì xảy ra. Có thể lắm chứ. Đại tá Sam Graves vì quá bận bịu lo tổ chức buổi lễ đã quên bém, không ghi tên vợ chồng bạn Trung úy Đỗ Lệnh Dũng. Những viên sĩ quan tự chạy lăng xăng hỏi han nhau về ông bà khách Mít dấm dờ, còn vợ chồng tôi lóng ngóng không biết xử sự ra sao. Giữa lúc đó, một viên Trung úy tiến tới lịch sự:

– Xin Trung úy và phu nhân theo tôi tới bàn đặc biệt.

Giọng nói của viên sĩ quan đầy vẻ nghiêm trang và hơi có quá phần trọng vọng. Tôi nhẹ cả người dắt Thu đi theo. Khi đến gần tôi đâm hoảng. Hai bàn đặc biệt phủ khăn đỏ nổi bật ngay sát khán đài, đã có dăm ba người đang ngồi. Người Trung úy giơ tay chỉ chỗ bên bàn phía phải. Tất cả khách đều đứng dậy chào đón vợ chồng tôi và ai nấy đều biết tôi là Trung úy Dũng. Tôi lịch sự bắt tay, xưng tên với họ và liếc nhìn. Đa số là Đại tá. Vừa yên chỗ thì có tiếng hô lớn và nhạc quân hành cử lên để tiếp một vị Tướng khác. Các vị Tướng huy chương đầy ngực đều tiến về hai chiếc bàn đỏ, dành cho khách danh dự. Đến giờ này tôi đã hiểu sự ngạc nhiên Sam hứa dành cho tôi. Vợ chồng tôi là một trong số khách danh dự của buổi tiệc.

Suốt đời lính tôi đã trông thấy nhiều vị tướng như các ông Lý Tòng Bá hay cả Đại Tướng Trần Thiện Khiêm. Nhưng chỉ là trông thấy từ xa trong các lễ lạc và thường tôi phải ôm súng đứng nghiêm ngóng cổ mà ngó. Nhưng hôm nay, giữa đất Mỹ, tôi bỗng ngồi ngang hàng với Đề Đốc, với Thiếu Tướng, Trung tướng Mỹ thì quả là một vinh dự lớn. Ngồi ngay sát tôi là Trung tướng

Wayne M. Erch, Chỉ huy Trưởng đơn vị Yểm Trợ 88. Ông ân cần thăm hỏi tôi về Việt Nam, về đời sống hiện nay. Đại Tá Sam Graves là phụ tá cho ông nên chắc ông đã có dịp nghe Sam kể về chiến tranh Việt Nam và mối liên hệ giữa chúng tôi. Ông bảo:

– Tôi được nghe về trận Đồng Xoài và những hành động đầy dũng cảm của người lính Việt Nam.

Hình như ai ở bàn cũng muốn nghe chuyện về tôi, chuyện đi trên con đường mòn Hồ Chí Minh và bỗng nhiên tôi trở thành đề tài của mọi câu chuyện trong bàn. Rồi buổi tiệc cũng bắt đầu với chủ đề tuyên dương những anh hùng Mỹ Quốc.

Khởi đầu là Tướng William Sherman của khóa West Point 1838. Vị tướng này đã lừng danh trong cuộc Nội Chiến Hoa Kỳ, nhưng nơi đây mọi người tụ lại để nhớ đến một đức tính vô cùng tiêu biểu cho một quân nhân nơi ông. Tướng Sherman rời chức vụ quân ngũ và đứng ra lao vào ngành ngân hàng Ông đã đầu tư tổng cộng 130 ngàn Mỹ kim của các bạn đồng đội và như lời vị tướng đã quá vãng này viết cho vợ: “West Point chắc chắn không thể đào tạo được những nhà nông nghiệp, những chuyên viên ngân hàng hay những nhà buôn giỏi.” Ông đã thất bại, khoản đầu tư 130 ngàn ra mây khói. Nhưng ông đã cố gắng hoàn lại cho toàn thể các bạn đồng đội số tiền mà họ gửi gắm ông. Bản tuyên dương được đọc nói rõ chính vì hành vi này ông và gia đình đã khánh tận, nhưng hành vi giữ chữ tín xứng đáng khiến tướng Sherman được vinh danh là Anh Hùng Mỹ Quốc.

Người thứ nhì là trung sĩ Samnel Graves Jr. Trung sĩ Samnel Graves phục vụ trong quân đội thời đệ nhị thế chiến, bị bắt làm tù binh. Khi sắp bị lính Đức Quốc Xã hành hình thì “như một cơ may do lời nguyện cầu Thượng Đế” ông được thả và dẫn đi tới trại tù. Ông sống lây lất khổ cực và khi được quân đội đồng minh cứu thoát, ông sụt 100 pounds. Với lòng tin và lời hứa khi suýt bị bắn, cố Trung sĩ Samnel Graves Jr. khi giải ngũ đã trở thành mục sư và cống hiến trọn đời cho Thượng Đế. Với hành vi này ông được vinh danh là Anh Hùng Mỹ Quốc.

Hai người vừa kể nay đã quá vãng. Hai người nữa đều là cựu chiến binh Mỹ phục vụ tại Việt Nam. Đại tá James Saboc khi phục vụ ở Việt Nam mới chỉ là Trung úy. Trong một cuộc hành quân tại đồng bằng Sông Cửu Long, trung đội của ông có nhiệm vụ phục kích đêm và đụng lớn với một đơn vị Cộng sản quân số trội hẳn với hỏa lực M 79 và rất nhiều AK 47. Cuộc chạm súng trong đêm khiến tám người trong Trung đội bị thương. Nhờ lòng can đảm bình tĩnh, đơn vị do ông chỉ huy đã đẩy lui đơn vị địch. Trung úy James Saboc đã được thưởng Anh Dũng Bội Tinh Ngôi Sao Đồng và nhành Dương Liễu. Chính vì những thành tích tham dự cuộc chiến tại Việt Nam, hôm nay ông được tuyên dương là Anh Hùng Mỹ Quốc.

Kế tiếp là chuyện của Trung Úy Vic Bandini. Ông là phi công trực thăng phục vụ Lực Lượng Đặc Biệt. Trong một phi vụ cứu các toán nhảy ở biên giới Lào, phi cơ của ông trúng phòng không địch những 2 lần, nhưng do bình tĩnh, ông đã cứu được 4 trong 10 binh sĩ nhảy toán và trở về căn cứ

an toàn. Khi vừa đáp xuống hậu cứ, một vị Tướng của Thủy Quân Lục Chiến chờ sẵn với rất nhiều huy chương. Trung úy Vic kể lại:

– Tôi được gắn Ngôi Sao Bạc. Vậy đó, không giấy tờ chính thức, không có gì ghi trong quân bạ. Bởi vì trên thực tế chính phủ Mỹ không bao giờ công khai nhận đã gửi những toán đặc biệt nhảy xuống đất Lào.

Chính vì phi vụ sống chết này, hôm nay Trung úy Vic Bandini được vinh danh là Anh Hùng Nước Mỹ.

Tôi ngồi đó vừa nhâm nhi ly bia, vừa nghe những bản tuyên dương lòng thanh thản cho đến khi một vị sĩ quan trẻ trong ban tiếp tân nói khẽ với tôi:

– Trung úy sửa soạn để lên diễn đàn.

Tôi dờ người ra, sờ vội trong túi. May quá vẫn còn đem theo bài nói chuyện đã thủ sẵn. Nhưng tôi khựng lại khi ông bạn Sam lên tiếng:

– Chúng ta hãy cùng đứng dậy chào đón một vị anh hùng của nước Mỹ, Trung úy Đỗ Lệnh Dũng.

Mọi người nhất loạt vỗ tay và tôi mặt đỏ tía tai, lúng túng đứng dậy cúi chào.

Một sĩ quan lên đọc một bản diễn văn khá dài về trận Đồng Xoài và sau đó là cảnh tôi bị tù đầy.

Tôi nghe, vừa cảm động, vừa ngượng trước những danh từ đầy hoa mỹ. Cuối bản đọc có ghi “Những hành vi vô vị lợi, sẵn sàng đem mang sống của mình ra bảo vệ đất nước Việt Nam, Trung úy Đỗ Lệnh Dũng đã nêu cao truyền thống bất khuất của quân lực Việt Nam Cộng Hòa và cũng là của Quân Đội Hoa Kỳ. Chính vì vậy, nay tuyên dương Trung úy Đỗ Lệnh Dũng là Anh Hùng Mỹ Quốc.”

Giữa những tràng vỗ tay, tôi bước lên diễn đàn. Tôi quá xúc động để nói và nội dung bài viết sẵn xem ra không thích hợp với không khí trong hội trường. Tôi chỉ còn biết lắp bắp:

– Tôi rất xúc động và bao nhiêu điều tôi muốn nói cùng với Đại tá Sam Graves, vị cố vấn cũng là bạn thân của tôi, cũng như những lời đúng ra phải nói cùng các quý vị nay không cần thiết nữa. Trong sự xúc động tận cùng, vợ chồng và các con tôi xin được nói tiếng Cảm ơn đến tất cả mọi ân tình mà cá nhân Sam Graves bạn tôi và toàn thể quý vị dành cho tôi.

Tối hôm đó, khi khép cánh cửa buồng lại, tôi nhìn vào tấm bảng tuyên dương với chữ ký của nhiều vị chức sắc trong quân đội Mỹ, lòng băng khuâng.

Tôi nhìn Thu buột miệng:

– Anh đâu có muốn làm anh hùng.

Vợ tôi cười:

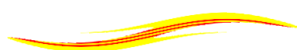
– Thế anh muốn làm gì?

– Anh chỉ muốn làm anh hiền. Anh chỉ muốn một đời sống giản dị, bình thường, không bắn giết, không súng đạn. Ước ao đó từ nhỏ nhưng rồi cả đời anh là trận chiến, là tù đầy, là khổ nhục. Làm anh hùng để làm gì?

Vợ tôi ôm tôi, ghé tai nói rất khẽ.

– Anh là anh hùng của riêng em.

– HẾT –



BẠT



Tác giả xin chân thành tri ân nhân vật chính của câu chuyện: **Đỗ Lệnh Dũng**.

Ông đã kiên nhẫn trong nhiều tháng trời trả lời mọi câu hỏi liên quan đến cuộc đời thăng trầm của ông, đã chia sẻ với tác giả những chi tiết riêng tư thắm kín nhất, kể cả những chi tiết mà ông nói “cố quên để còn nhìn được về phía trước”. Không có sự cộng tác chân thật của ông, tác phẩm chắc chắn khó có thể thành hình.

Mặc dầu được xây dựng trên cuộc đời có thật với những dữ kiện có thật, tác phẩm Đỗ Lệnh Dũng không thể coi là một cuốn tiểu sử hay tự truyện. Đa số tên tuổi trong tác phẩm là những người có thật, nhưng trộn lẫn trong đó vì những lý do tế nhị, có những tên tuổi đã được thay đổi.

Vì tác phẩm dựa trên các biến cố của cuộc chiến mà hậu quả vẫn còn ray rứt trong chúng ta, hẳn là quan điểm của tác giả có thể không đồng thuận với tất cả mọi người. Tác giả nhận hoàn toàn những sai lầm có thể có và những sai lầm đó không hề do lời kể của nhân vật chính.

Tác giả xin cảm ơn chị Giang Hữu Tuyên và anh Uyên Thao, hai người bạn đã kiên nhẫn chịu đựng những thay đổi bất thường của tác giả, khuyến khích thúc dục để tác phẩm sớm hoàn thành.

Một số bạn bè của tác giả đã đọc bản thảo, đóng góp ý kiến, giúp tác giả sửa chữa những sai sót. Xin cảm ơn quý anh Đỗ Đình Duyệt, Hoàng Xuân Trường, Vũ Ánh, Nguyễn Tuyển, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn Đức Quang, Nguyễn Mạnh Tiến về những đóng góp của quý anh.

Hai người trẻ tuổi Nguyễn Kỳ Phong và Phan Lê Dũng đã giúp tìm tài liệu và góp phần đánh máy bản thảo. Xin cảm ơn Phong và Dũng.

Tác phẩm sẽ không bao giờ hình thành nếu thiếu tình yêu thương, lòng bao dung và sự hỗ trợ của Phương Mai cùng các con tôi – Tin, Na, Bé.

Tác Phẩm này trước hết nhằm ghi lại một số hình tượng sống trong một giai đoạn tràn ngập thảm cảnh của người dân Việt Nam và kế tiếp để dành tặng Mai và các con với ước vọng một ngày nào đó cả nhà sẽ có thể về lại quê hương sống như một gia đình Việt Nam bình thường.

Virginia 7/2/2006

LÊ THIỆP

